

gheorghiu

lối thoát
cuối cùng

VNthuquan.net

LÁ BỎI

Table of Contents

Mục lục
Tiểu Sử Tác Giả
Phần Mở Đầu:
Phần Mở Đầu (Tt):
Phần Thứ Nhất – Chương 1 2
Iii Iv V:
Vi Vii Viii:
Ix X Xi Xii:
Xiii Xvi Xv:
Xvi Xvii Xviii Xix:
Xx Xxi Xxii Xxiii
Xxiv Xxv Xxvi:
Xxvii Xxviii:
Cuốn Sách Của Sa Mạc I Ii Iii Iv:
V Vi Vii Viii Ix:
Phần Thứ Nhất - I Ii Iii Iv V
Vi Vii Viii Ix X
Xi Xii:
(Phần Thứ Hai - I Ii Iii
Iv V Vi Vii:
Viii Ix X:
Phần Thứ Ba - I Ii Iii
Phần Thứ Nhất - I Ii Iii Iv
V Vi Vii Viii:
Xi X Xi:
Xii Xiii Xiv Xv:
Phần Thứ Hai- I Ii Iii
Iii Iv:

1 li Iii

Iv V:

Phần Thứ Ba - I li Iii Vi

Cuốn Sách Của Sự Lùi Vào Bóng Đêm:

Cuốn Sách Kết Thúc I li Iii:

Iv V:

Chỉ Còn Một Thế Giới - I li:

Kết:

Mục lục

Tiểu Sử Tác Giả

Phần Mở Đầu:

Phần Mở Đầu (Tt):

Phần Thứ Nhất – Chương 1 & 2

Iii & Iv & V:

Vi & Vii & Viii:

Ix & X & Xi & Xii:

Xiii & Xvi & Xv:

Xvi & Xvii & Xviii & Xix:

Xx & Xxi & Xxii & Xxiii

Xxiv & Xxv & Xxvi:

Xxvii & Xxviii:

Cuốn Sách Của Sa Mạc I & Ii & Iii & Iv:

V & Vi & Vii & Viii & Ix:

Phần Thứ Nhất - I & Ii & Iii & Iv & V

Vi & Vii & Viii & Ix & X

Xi & Xii:

(Phần Thứ Hai - I & Ii & Iii

Iv & V & Vi & Vii:

Viii & Ix & X:

Phần Thứ Ba - I & Ii & Iii

Phần Thứ Nhất - I & Ii & Iii & Iv

V & Vi & Vii & Viii:

Xi & X & Xi:

Xii & Xiii & Xiv & Xv:

Phần Thứ Hai- I & Ii & Iii

Iii & Iv:

1 & Ii & Iii

Iv & V:

Phần Thứ Ba - I & Ii & Iii & Vi

Cuốn Sách Của Sự Lùi Vào Bóng Đêm:

Cuốn Sách Kết Thúc I & Ii & Iii:

Iv & V:

Chỉ Còn Một Thế Giới - I & Ii:

Kết:

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Tiểu Sử Tác Giả

Constant Virgil Gheorghiu sinh ngày 15- 9 - 1916 tại Lỗ Ma Mi, Constant Virgil Gheorghiu nghiên cứu triết học và thần học ở Gucarest và Heidelberg trước khi trở thành ký giả, rồi khâm sứ tại Bộ Ngoại giao Lỗ.

(Gheorghiu tên thật là Constantin Virgil Gheorghiu, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1916 tại Valea Albă, một làng trong cộng đồng Războieni, quận Neamț, xứ Romania. Cha ông là một linh mục Chính thống giáo.)

Chống đối chế độ cộng sản, ông sang Pháp ở vào 1948. Cuốn tiểu thuyết đã làm thế giới tự do biết danh ông là "Giờ Thứ Hai Mười Lăm "; ông lại càng nổi danh hơn nhờ một cuốn khác viết về cuộc tái chiếm đóng xứ Bessarabie. Ông sang Mỹ sống một thời gian, sau đó trở lại Pháp. Ông đã dùng ngòi bút để chống đối mãnh liệt cái thời đại phi nhân của chúng ta hiện nay trong hầu hết các tác phẩm của ông (La Seconde chance, La Cravache, Les Mendiants de miracles ...). Ngày 23- 5 - 1963 V. Gheorghiu được tấn phong linh mục Giáo hội chính thống

Vài lời của nhà xuất bản

Ngòi bút của Virgil Gheorghiu quả thật là chua chát và mỉa mai; bởi vì tác giả chống tất cả những chủ trương phi nhân. Các nhân vật của V. Gheorghiu sau những đày ải lần lượt chết đi dưới những vị kỷ khắc nghiệt được nguy trang rất khéo léo bằng những chủ nghĩa hoa mỹ. Nhưng tất cả phải chết đi để cho ý thức nhân bản trong mỗi con người, mỗi xã hội được sống. Làm sao mà không chua chát và mỉa mai cho được khi mà hơn 20

năm sau, cuộc thế chiến hãi hùng, con người vẫn đang còn bơ vơ, lạc lõng, lo sợ trước những tranh chấp chủ nghĩa, trước những đe dọa đang đẩy họ vào những đường cùn không lối thoát. Và phải chăng V. Gheorghiu cũng đang viết về sự bế tắc của con người đau đớn trên xứ sở Việt Nam thân yêu.

L.B

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Phần Mở Đầu:

người ta không thể sống trần truồng. Có thể là người ta sống nghèo khổ rách rưới nhưng mà không còn một manh áo rách để mặc. Mà không còn gì nữa cả.

Pierre Pillat nhìn bộ quần phục bằng kaki của Boris Bodnar, rồi tiếp tục:

"Sau ba tháng, cảnh binh sẽ lột hết áo quần mà và trả lại cho nhà trường. Mà sẽ không còn gì để mặc nữa. Kể cả chiếc áo sơ mi. Kể cả một đôi giày. Không còn gì nữa. Mà sẽ trần truồng như lũ mọi lùn Papou. Mà sẽ là người trần truồng nhất thế giới. Mà muốn làm gì bây giờ?"

Pierre Pillat nhìn thẳng vào mắt bạn, nhưng Bodnar lại nhìn xuống đất.

"Người ta đã giao cho mà tờ giấy trục xuất chưa?" Pillat hỏi.

Boris Bodnar tiếp tục nhìn xuống đất của sân trường. Hắn bỏ tay vào túi để rút tấm giấy trục xuất. Bộ đồng phục có bốn túi. Nhưng người ta đã cắt hết túi của những học sinh bị trục xuất để làm nhục chúng.

Không tìm thấy túi ở vị trí thông thường, Boris Bodnar thò tay vào túi thứ hai ở ngực. Cũng đã bị cắt mất, và hai túi ở dưới cũng không còn nữa. Hắn đỏ mặt. Thì ra sáng nay, lúc 6 giờ, Boris Bodnar đã mặc bộ áo của những đứa bị trục xuất.

Từ lúc đó, hắn sờ mấy túi áo không biết bao nhiêu lần, như một cái máy. Hai tay hắn sờ các túi áo trên, rồi mấy túi áo dưới, sau cùng buông thõng xuống vô thức, chịu đựng. Những túi áo bị cắt đứt là một trong những nhục nhã đầu tiên của Boris Bodnar. Hắn nhìn một lần nữa vào các túi áo. Không

những bộ quân phục chỉ thiếu túi. Người ta còn cắt cái viền vàng trên cổ áo, các đường viền dọc theo quần. Sáu cái nút áo cũng bị đứt mất. Không còn những chiếc nút mà hẳn phải đánh bóng mỗi chiều - như tất cả mọi học sinh trường võ bị hoàng gia Kichiev - đánh cho đến lúc chúng bóng như vàng. Thay vào đó, chỉ còn những hột nút bằng sắt, nhỏ và đã hoen rỉ. Những khuy áo trở nên quá to so với mấy hột nút sắt đó. Không có những cúc áo vàng, khuy áo thật như những trũng mắt mà người ta đã móc con mắt.

Không cần nhìn Pierre Pillat, Boris Bodnard cố tìm túi quần. Mỗi quần của bộ quân phục đều có bốn túi.

Tất cả đều đã bị cắt mất, Boris Bodnar tức giận thêm. Hẳn có cảm tưởng người ta đã mất vài mảnh thịt của thân thể hẳn chứ không phải của bộ quân phục. Hẳn nhớ đến bốn cái túi bên trong thường để đựng giấy tờ.

"Mày muốn xem văn thư trực xuất của nhà trường giống cái gì hả"

Hẳn hỏi Pillat một cách mỉa mai, xong hẳn đưa cho Pillat một tờ giấy màu vàng gấp làm tư. Đó là mảnh giấy màu lá úa, thứ màu đặc biệt dùng cho những trường hợp trực xuất, tử tức hay bị giam giữ trong bệnh viện.

Pillat đọc:

" Chiếu nội quy của các trường võ bị hoàng gia Lỗ Ma Ni, Boris Bodnar đã bị đuổi khỏi trường và chỉ có quyền mặc quân phục hoàng gia trong ba tháng tiếp theo lệnh trực xuất này. Các viên chức công quyền phải thi hành lệnh này và trả lại quân phục cho trường Kichiev sau thời hạn ba tháng".

Đọc xong, Pillat hỏi Boris:

"Mày làm gì sau ba tháng nữa? Trần truông ư? Mày phải về nhà với ông già bà già mày. Không còn giải pháp nào nữa"

Pillat cầm văn thư xuất bằng tay trái. Tay phải đặt lên vai Boris. Áo Boris không còn cầu vai nữa. Không còn cái cầu vai có viền vàng mới dấu hiệu hoàng gia và con số của Hoàng đế Lỗ mã ni, người đỡ đầu cho trường võ bị. Không có cầu vai cái áo chỉ là một bộ đồ chết. Nói cho đúng, không phải là một bộ quân phục nữa, chỉ còn lại cái xác áo mà thôi. Chiếc áo không có cầu vai đó giống như một người đã bị chặt đầu. Vì thế trong lịch sử quân đội, cắt cầu vai cũng giống như kết án tử hình. Trước khi hành hạ, người ta cắt hết cầu vai trước mặt bạn bè. Cầu vai là cái đầu của một bộ quân phục.

Từ 6 giờ sáng nay Boris không còn mang cầu vai nữa, Pillat có cảm tưởng tay nó đang đặt trên một cái gì đã chết. Ngay cả vải áo cũng đã chết, không phải chỉ vì thiếu cầu vai mà thôi. Những sợi vải áo cũng đã chết. Mảnh vải đó đã bị giết chết trước khi bộ quân phục được giao cho những đứa bị đui. Những bộ quân phục như thế sẽ bị vứt xuống dưới hầm. Nhưng trước đó, người ta đã phải hấp đi để tẩy uế. Cùng với những con vi trùng người ta sẽ giết mất đời sống của tấm vải kaki, sẽ làm nó nhàu nát. Những sợi chỉ sẽ chết trong hơi nước, dưới áp lực của ống hơi và các chất sát trùng, như những tế bào của một sinh vật phải chết dưới từng ấy áp lực. Mỗi năm một lần, các bộ quân phục đó sẽ được gửi đến các xưởng để làm dẻ vụn. Năm nay có tất cả mười bốn bộ được để lại Boris phải mặc trong mười bốn bộ đó. Pillat nói:

"Nếu mày không về nhà bây giờ, mày sẽ lang thang ba tháng. Ông già bà già mày có giận dữ cũng vô ích. Cuối cùng rồi cũng phải nhượng bộ. Hai ông bà cũng không chém đầu mày đâu mà sợ. Họ sẽ cho mày áo quần khác. Trở về nhà đi cho rồi. Không còn giải pháp nào nữa đâu."

Pillat rút tay khỏi vai của Boris. Bộ áo của thằng bạn có đã bắt đầu có mùi tẩy uế, mốc meo và căn cỗi. Pillat tiếp tục:

"Tao đã nói với bạn bè cả rồi. Chúng tao sẽ quyên tiền cho mày ra về". Boris nghiêng răng. Hắn nói:

"Tao không có bạn. Mà học đệ ngũ, mà không còn là bạn tao nữa. Tao bị ở lại, không lên đệ ngũ được. Mà cũng không học lại đệ tứ được nữa. Những đứa ở lại không thể vào trường học. Như thế tao đâu còn bạn bè nữa!

Pillat vẫn nói: "Mày vẫn là bạn tao. Ngay cả khi mày không ở trong lớp. Tội mình đã sống với nhau bốn năm trên cùng ghế nhà trường".

Giọng Boris run run: "Mày đã làm bạn với tao bốn năm rồi. Nhưng bây giờ không còn như thế được nữa. Cũng thường chứ gì."

Sân trường hình vuông, với những bức tường đầy màu xám, đã bắt đầu đông đúc. Năm trăm học sinh vừa mới ra chơi và nhìn vào mười bốn đứa thi rớt trong những bộ quần phục nhọc nhãi. Những đứa bị ở lại không có quyền vào lớp nữa, cũng không được vào phòng ăn hay phòng ngủ.

Chúng phải ở ngoài sân, dựa lưng vào trường, vào các cột sân bóng tròn, sân bóng rổ hay sân quần vợt.

Trong bộ y phục không còn cầu vai, bị cắt hết túi, không còn nút vàng, viền vàng, mười bốn đứa dựa lưng vào các cột, vào các cây dẻ của sân trường và các bức tường cao bằng đá. tất cả cúi gầm xuống đất.

Pillat hỏi: "Mấy giờ mày đi".

Hỏi như thế để tan yên lặng, vì yên lặng tăng thêm khoảng cách giữa hai đứa.

Boris nhún vai. Năm trăm học sinh dạo chơi trong sân trường - Với nút áo vàng, giày bóng loáng - nhìn những đứa bị đuổi mà không dám lại gần. Chúng nhìn trong sợ hãi: Chúng biết những đứa bị đuổi phải bị trình diện như thế để làm gương cho mỗi đầu niên học: rồi chúng sẽ được lính dẫn ra cổng trường, đến nhà ga và vào trung tâm thành phố.

Chúng là thứ cỏ dại người ta cần nhổ đi. Học sinh nhìn chúng bằng đôi mắt, ở đằng xa mà không dám lại gần. Pillat đứng gần Boris. Chung quanh hai đứa là một khoảng trống. Chung quanh mỗi đứa bị trục xuất có một khoảng trống. Chung quanh mỗi đứa bị trục xuất có một vòng trống ác hại. Mấy đứa mang cầu vai hoàng gia sợ những đứa bị đuổi. Không đứa nào dám lại gần. Ngay cả những đứa trước kia rất thân nhau. Người ta đọc được trong cặp mắt chúng những cảm nghĩ tương tự như những người lái xe đến ngã tư thấy một chiếc xe bị nát bẩy với một người bộ hành bị thương hay đã chết.

Vì thế mà chúng dừng dừng. Sợ hãi còn mạnh hơn cả lòng thương hại. Nhìn mấy đứa bị đuổi, chúng tự nguyện là sẽ chăm chỉ trong năm tới; như những người lái xe tự nhủ là sẽ cẩn thận lái xe lúc họ nhìn bên đường một chiếc xe vỡ nát vì húc phải cây cối hay trụ đèn.

Pillat hỏi: "Có gì đã xảy đến cho mày? Tao không hiểu tại sao mày thi rớt?" Yên lặng. cặp mắt của Boris nhợt nhạt với những lông măng hiền lành cùng râu mép dưới mũi.

Boris ngược mắt nhìn trời. Những đám mây đen trôi trôi về phương đông, thật mau thật vĩ đại, đám này cuộn theo đám kia. Về phía Đông chừng hai mươi cây số là sông Dniestr và bên kia sông là Nga xô. Boris nhìn những đám mây đang bay qua trên trường học, trên đầu hẳn và nghĩ rằng trong chốc lát chúng sẽ đến Dniestr, sau đó bay qua Nga xô.

Pillat nói: "Thật tao điên đầu, không thể nào hiểu nổi mày. Không một thằng bạn nào hiểu nổi điều đó. Mày vẫn là đứa giỏi toán nhất lớp. Mày đã giải nổi những bài toán mà không đứa nào làm được. Mày còn nhớ là tụi mình đã phải thi lại kỳ thi đó như một hình phạt cũng chỉ vì mình làm được bài toán và cho cả lớp chép. Nhưng không ngờ rằng chính mày - một thằng đứng đầu về toán, một nhà toán học - trời sinh lại không làm nổi bài thi kỳ này. Nói cho tao nghe đi, thầy giáo bảo là mày đã nộp giấy trắng. Mày đã không viết được một giòng nào cả. Có gì đã xảy ra cho mày, hả?"

Trong giây lát Boris tiếp tục nhìn mây đen bay về phương Đông. Rồi hẳn nhìn những hạt nút vàng trên bộ áo của Pillat; sáu hạt nút phản chiếu bộ mặt nhợt nhạt của hẳn như hẳn đang nhìn vào sáu tấm gương lồi.

Boris hỏi: "Tại sao mà lại hỏi tao như thế? " Hẳn trở nên nghi ngờ.

" Dĩ nhiên như thế - Pillat trả lời - Mỗi chúng tao đều hỏi như thế. Bởi vì có một điều lạ lùng, bất thường nào trong đó chứ"

Hết giờ chơi. Chuông reo inh ỏi. Học sinh liếc nhanh một lần chót những đứa bị trục xuất và hấp tấp vào lớp, để cho đúng giờ, để đừng bao giờ bị trễ để khỏi trở thành những đứa ở lại lớp phải mang những bộ áo quần nhục nhã.

Năm trăm học sinh cùng nghĩ như thế lúc chen lấn nhau vào lớp học. "Để chuyện đó đừng bao giờ xảy đến cho mình ..."

Pillat lại bảo: "Bây giờ đến giờ La Tinh. Tao bỏ học. Mà đi với tao ra sau đồng gỗ, tụi mình nói chuyện yên ổn hơn".

Sân trường vắng vẻ.

"Không". Boris trả lời. (Hai tay bám vào bức tường đá đang dựa lưng)
"Mày thừa biết rằng học sinh trường Trung học Hoàng gia không có quyền nói chuyện với mấy đứa bị trục xuất. Ngay cả lúc đã rời trường mày cũng không được liên lạc - dù chỉ là bằng thư từ - với chúng. Thôi, mà vào học giờ La tinh đi, nếu không người ta sẽ giam mày đấy".

Pillat cầm tay hẳn kéo về cuối sân trường và núp sau đồng gỗ.

Boris nói: " Không có nghĩa lý gì để nói nữa. Tụi mình xa cách nhau mãi rồi. Tụi mình đã là một đôi bạn tốt, thật như vậy; nhưng bây giờ thì hết rồi. mà sẽ là một sĩ quan, mặc đồng phục hoàng gia. Mà sẽ là một kẻ ưu tú

của đất nước, của thành phần các sĩ quan: như người ta thường dạy như thế vào các giờ luân lý.

"Không ai có thể chia cách con đường tội mình cả" Pillat nói như thế và xiết chặt tay Boris. "Tội mình đã là bạn là bạn tốt với nhau và cứ tiếp tục như thế. Cho dù có bị cấm đoán chẳng nữa, tội mình cũng cứ viết thư cho nhau. Không cần ký tên vào dưới bức thư. Tao biết mặt chữ của mày. Mày nhớ viết thư cho tao đều đặn nghe"

Sĩ quan trực quan sát sân trường. Núp sau đồng gỗ hai đứa không thể bị phát giác. Sau khi đã nhìn những đứa bị trục xuất dựa lưng vào tường, vào gốc cây, vào các cột sân thể thao, sĩ quan trực bỏ đi.

Pillat bảo: "Cha mẹ mày giàu có. Họ sẽ gửi mày vào một trường học dân sự. Mày sẽ học nhảy hai lớp trong một năm ... "

Boris đỏ mặt. Trên bộ râu mép, hai lỗ mũi hắt phập phồng.

Hắn giận dữ: "Vào học giờ La Tinh đi và để cho tao yên"

Pillat bảo: "Lấy tư cách bạn bè tao nói chuyện với mày, tại sao mày lại giận dữ cơ chứ "

- Nếu mày tự nhận là bạn tao thì đừng nói về cha mẹ tao và cũng đừng nói chuyện tao nên trở về nhà nữa.

Pillat đặt tay lên vai của Boris, vai áo không còn cầu vai nữa. Nhưng Boris vẫn nhìn mây đen trên trời đang bay về phía Nga Sô.

- Tao không làm gì phiền mày. Boris ạ, tao chỉ khuyên mày nên trở về nhà. Chỉ vậy thôi. Đó là một lời khuyên hợp lý.

- Tao không cần mày khuyên, Boris vừa trả lời vừa nhìn trời. Mày biết là tội mình sẽ không còn bao giờ thấy nhau nữa. Con đường tội mình đã bị

chia cách rồi. Có thể đây là lần cuối cùng tụi mình cùng nhau nói chuyện. Mà mày có biết tại sao tao không thích nghe nói về cha mẹ tao và nhà cửa tao không? Tao sẽ nói cho mày nghe. Có thể là một sự trả thù về phần tao ... Mày biết là tao còn một đứa em?

- Boris run lên. Pillat hỏi:

- Mày còn một đứa em? Sao tao không bao giờ nghe mày nói đến cả. Tụi mình cùng ngồi trên một ghế bốn năm trời ở trường. Tao cứ nghĩ là tụi mình đã không giữ gì bí mật với nhau cả. Riêng tao, ít nhất tao cũng đã nói hết cho mày nghe về mọi chuyện.

Pillat có cảm tưởng bị phản bội. Nó tiếc đã tiếc vào học giờ La Tinh, đã ở lại với thằng bạn cũ của nó ở sân trường, thằng bạn đã nói láo với nó suốt bốn năm trời.

Pillat nhìn sân trường. Nó thích trở vào lớp, và để Boris ở lại một mình. Nhưng không được nữa. Trẻ quá rồi. Nó phải đợi giờ chơi sắp đến.

Pillat hỏi: “Tại sao mày không bao giờ nói là mày còn một đứa em?”, tiếng nói của nó có vẻ chua chát. “Tao có bao giờ giữ bí mật chuyện gì với mày đâu”.

- Thì tao nói với mày bây giờ đây: Tao có một đứa em, tên là Angelo. Chính thảm kịch xảy ra từ đó. Chính vì thế mà tao không thể trở về nhà. Mày hiểu không? Chỉ vì tao có một đứa em!

Boris nhìn vào đôi mắt của Pillat như muốn chọc thủng chúng ra.

“Angelo nhỏ hơn tao ba tuổi” Boris nói tiếp. Nhưng Pillat không còn quan tâm đến những lời nói của thằng bạn cũ nữa. Điều chính yếu là Boris đã giấu nó một điều gì, là Boris đã thiếu thành thật với nó.

“Lúc tao được ba tuổi, có một chuyện xảy ra đã làm thay đổi hết đời tao. Mà mày muốn hiểu tại sao không?”

Pillat nhún vai. Boris tiếp tục:

“Câu chuyện chỉ có vài câu thôi. Nếu mày muốn nghe, mày sẽ hiểu tại sao tao đã giữ bí mật với mày. Hồi đó tao được ba tuổi. Tao đang ở sân chơi. Trước nhà tao có một cái sân với nhiều cây có hoa trắng, tao chỉ có ba tuổi nhưng tao nhớ rõ các chi tiết. tao mặc áo vải sợi màu trắng. mẹ tao bảo tao phải coi chừng đừng làm bẩn áo mới. Sau đó, bà để tao chơi trong sân dưới bóng cây. Angelo lúc đó mới được có mấy tháng. Nó ở trong xe, dưới ánh nắng. Mẹ tao bảo tao coi chừng nó. Không bao giờ tao ở một mình với Angelo. Lúc nào cũng có mẹ tao. Tao chưa hề nhìn kỹ nó bao giờ cả. Lúc bấy giờ, được ở một mình với Angelo, tao đến gần xe và tò mò nhìn nó. Một đứa bé, thật là một cái gì mới mẻ đối với tao, như một món đồ chơi.

Tao nhìn đôi chân nó. Sờ những bàn chân hồng hào. Tao thích thú nghe nó la lên lúc tao bóp mạnh vào chân nó như thể tao ấn mạnh tay vào con búp bê. Rồi tao khám phá ra cái đầu, một cái đầu hồng hào, tròn như một trái bóng. Em tao đang nhắm mắt vì mặt trời chói. Thỉnh thoảng nó mới mở mắt ra và tao thấy rõ nó có đôi mắt thật xanh. Nhưng nó không chịu mở mắt hoàn toàn. Tao lấy tay banh mắt nó ra. Như thế tao mới hài lòng. Chúng thật đẹp, trong sáng và tao thích ngắm chúng lắm. Tất cả những gì mà Angelo có tao thích nhất là cặp mắt. tao thích mở chúng ra bởi vì Angelo cứ nhắm mắt lại thật chặt. Thấy nó không biết gì, tao bỏ nó và đi chơi đến đóng rác gần đấy. Lúc Angelo khóc, tao lại đến gần nó và banh mắt nó ra. Tao đã nhìn thấy một cái đinh trong cát. Và cũng tại tao mở mắt nó bằng ngón tay không được, tao đã dùng cái đinh để mở mắt nó ra mà nhìn. Nó khóc thét lên và vùng vẫy. Rồi thì tao ấn mạnh cái đinh vào mắt của Angelo. Mày hiểu không, tại tao muốn mở mắt mà nó cứ muốn khép lại. Tao lại thích đôi mắt quá, tao muốn ngắm chúng thử xem sao.

“Tiếng thét của Angelo vang dội cả sân. Tao không còn biết chuyện gì xảy ra sau đó. Lúc mẹ tao đến, chiếc xe của Angelo đã đầy máu, áo trắng của tao đã đầy máu, tay tao đầy máu, má của Angelo cũng đầy máu. Với cây đinh tao đã đâm thủng mắt bên phải của Angelo, con mắt mà tao ưa thích ghê gớm. Mẹ tao la lên: Đồ sát nhân. Bây giờ tao vẫn còn nghe rõ: Đồ sát nhân.

Chú thích:

* theo đúng thứ tự các lớp trung học ở Lỗ Ma Ni.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Phần Mở Đầu (Tt):

ẹ tao bất tỉnh, nằm dài trên lối đi. Láng giềng chạy đến; đàn ông, đàn bà, sân nhà đầy cả người. Cha tao, vị mục sư cũng chạy đến; có cả một bác sĩ và ông chủ quán nữ .

“Ký ức tao không còn rõ ràng nữa. Hồi đó tao dính đầy máu. Đó là tất cả gì tao còn nhớ. Đức cha và bác sĩ mang mẹ tao vào nhà. Chỉ còn lại những bộ mặt xa lạ. Một đám đông. Sau đó mẹ tao lại hiện ra. Hai người đàn bà lạ mặt cầm tay mẹ tao. Bà la to lên là phải treo cổ tao bởi tao là một kẻ phạm tội, một quân sát nhân trời sinh”.

Boris nhìn xuống đất.

“Tất cả chỉ có thế. Từ ngày đó, nghĩa là ngày tao được ba tuổi, cuộc đời chấm dứt với tao. Tất cả mọi người, ở nhà, trong làng, tại trường học, ai cũng gọi tao là đứa sát nhân. Đối với tất cả tao là thằng phạm tội.

“Từ ngày đó, bạn bè, thầy giáo, linh mục, hang xóm, cha tao, mẹ tao, lúc nào cũng xem chừng tao, không ngừng. Họ rình từng cử chỉ tao, từng hành động tao, từng lời nói tao, để cố khám phá ra những ý định tội lỗi.

“Nếu vì cô ý tao đụng cùi chỏ vào một đứa bé, nếu tao bắn ná, nếu tao ném một hòn sỏi, nếu cầm một con dao, một cái đinh, một vật bén nhọn, người ta sẽ kết tội tao là có ý định tội lỗi.”

Trên trời, mây đen vẫn bay về phương Đông.

“Angelo lành bệnh, nhưng con mắt phải không còn nữa. Tao đã đâm thủng tròng mắt nó bằng cái đinh. Và con mắt xanh đã hỏng. Vòng mắt trở

nên trống rỗng. Mi mắt sụp hẳn xuống. Đó là một hình phạt khi tao phải luôn luôn nhìn trước mặt ta trong nhà, trước sân – vòng mắt trống rỗng của Angelo. Tao nhìn con mắt trái còn lại của nó, thật xanh, thật đẹp, như một hòn đá quý, nhưng đục nhất. Bởi vì như tao đã nói, tao chưa bao giờ thấy một con mắt xinh và sang như con mắt trái của Angelo ...

“Tao không thể tha thứ cho mình đã dung đình phá hủy mất ánh sáng của con mắt em tao.

“Cũng từ đó, bắt đầu những ngược đãi đối với tao. Cha tao không còn cho tao hưởng gia tài nữa. tao không được ngồi ăn cùng bàn với Angelo và cha mẹ tao; tao phải cùng ăn với tôi tớ trong nhà. Tất cả gia tài đều mang tên Angelo. Tao đã được đối xử công minh như thế trong nhà. Angelo càng lớn lên, dân làng càng ghét tao. Mùa hè năm đó, tao đứng nói chuyện với một cô gái trước nhà. Chỉ nói được hai câu thôi. Nàng hỏi tao: “Anh có thích đôi mắt tôi không?” Tao trả lời có chứ. Tức thì, nàng lấy tay che mắt và bảo tao: “Nếu thích thì đừng chọc thủng mắt tôi”. Và nàng ù té chạy.

“Lúc tao đến trường, bọn trẻ lấy tay che mắt và la lên: “Coi chừng cặp mắt tui bây ơi, Boris sẽ móc mắt đấy”.

- Thôi tha thứ cho tao, Pillat bối rối nói. Đừng nói nữa, tao van mày thứ lỗi cho tao.

- Tại sao lại phải tha lỗi cho mày?

- Tao đã hận mày vì mày đã dấu không cho tao biết là mày có một đứa em. Nhưng bây giờ tao mới biết mày không nói là phải.

Pillat đặt tay lên vai áo không có cầu vai của Boris

“Suốt thời kỳ tao còn trẻ, mẹ tao đã cầu trời cho tao mang bệnh, sốt tinh hồng nhiệt hay đậu lào, hay một bệnh đáng sợ nào đó để tao chết đi. Ai cũng mong tao chết đi. Người ta gửi tao đi kiếm nấm ở trong rừng bắt tao

ném thử với hy vọng tao sẽ ném phải một chất độc và chết đi. Trong làng, trong nhà, trong xã hội, tao là đứa cần được khai trừ.

“Từ năm ba tuổi, tao đã phải tự kiểm điểm mọi cử chỉ, vì một cử chỉ tầm thường nhất có thể bị xem như là một cử chỉ tội lỗi khiến người ta giận dữ. tao sống như thế đó, cô đơn, sợ hãi, bị khinh bĩ.

“Mấy đứa trẻ thường vật tao xuống đất, lục túi xem thử tao có giữ đinh, dao, hay một vật bén nhọn nào không. Bởi vì tất cả cái gì tao có đều nguy hiểm. Và mỗi lần như thế chúng đánh tao. Không bao giờ tao giữ một con dao nhỏ. Tao phải cắt thịt bằng răng trong bữa ăn”.

Pillat nói: “Boris, tao thương hại mày quá, nếu tao biết như thế...”

Nhưng Boris bỗng hỏi: “Mày biết tại sao tao thi trượt không? Nếu mày muốn biết, tao sẽ nói với mày bây giờ. Bởi vì tao không thể học hành gì suốt mùa hè. Tao không có can đảm nói với cha mẹ tao là tao sắp thi toán. Để họ khỏi nghi ngờ tao phải học ban đêm. Nếu không thì đã lắm chuyện xảy ra! Họ đã xem tao như một thằng con nít ngu si. Đêm tối, thức giấc, họ thấy tao ngồi giải toán đỗi số. Họ bèn cho tao một bài học như thế này: “Trời sinh ban đêm là để cho người ta ngủ, những sinh vật bình thường đều ngủ về đêm”. Tức thì tao đốt hết sách vở và không thể nào học nữa. Đó là lý do tao thi rớt và bị đuổi khỏi trường là thế”.

Boris thôi kể lể. Sau một hồi im lặng, hắn nói tiếp:

-Bây giờ mày biết hết chuyện rồi đó, mày còn khuyên tao trở về nhà nữa không?.

Pillat nhìn ra xa, Boris lại nói:

- Gia đình tao chỉ chờ một cơ nhỏ để đuổi tao. Bây giờ họ có rồi đó. Trông thấy tao trong bộ y phục này, với mảnh giấy trục xuất này, họ đủ yếu tố để chứng minh tao là một đứa xuống dốc, một thằng phạm tội. Và họ sẽ

hung dữ hơn nữa. Và lại họ không cho phép tao trở về nhà nữa đâu, cho dù chỉ về trước sân nhà thôi. Trong làng cũng không ai cho tao tạm trú. Như vậy thì còn lý do gì nữa để tao trở về, mày thấy không, không còn lý do gì nữa cả.

Một thứ yên lặng nặng nề tiếp theo? Pillat nhắc ống quần lên một chút, rút một bao thuốc lá dẫu trong giấy ra trao cho Boris, Boris vẩn thuốc, tay run run.

Pillat nói: «Chưa bao giờ tao nghe nói hay đọc được một câu chuyện đau lòng như câu chuyện của mày. Cũng chưa quen biết một ai phải chịu khổ sở như mày. Làm sao mày có đủ nghị lực để dẫu kìn nổi cô đơn đó, Boris. Tao chưa hề đoán được như thế. Không đứa nào bạn bè, thầy giáo đoán được câu chuyện của mày. Một điều duy nhất mà tụi tao biết được là mày bắt đầu gầy đi và bực bội khi hè đến. Tao đã ngạc nhiên là chưa bao giờ mày có một lá thư ở nhà. Mày là đứa duy nhất không có thư; trong bốn năm, không có một lá thư. Có đúng là chưa bao giờ mày nhận thư, phải không Boris nhỉ?

Mắt Boris ươn ướt, hấn không trả lời Pillat. Chỉ nhìn mây bay

Hấn thích nhìn những cuộn mây bay ngang trên đầu hấn. Về phương Đông. Duỗi chân ra hấn châm một điếu thuốc. Bỗng hấn chú ý đến đôi giày đang mang. Đôi giày của những «đứa bị đuổi» cũng không thành đôi nữa:chiếc bên trái to và sẫm hơn.

Pillat hỏi:«Có bao giờ mày tìm nguồn an ủi nơi Chúa trời không? bởi Chúa là một nguồn an ủi lớn lao cho những ai quá đau khổ».

Hai đứa ngồi xuống cát, hút thuốc. Boris yên lặng.

- Mày có bao giờ cố gắng tìm về với Chúa?

- Tao đã cố thử. Trong hoàn cảnh tao, khi mà không thể đến gần bất cứ ai trên trần gian thì dĩ nhiên tao phải tìm đến với Chúa. Khi lần đầu tiên tao

nghe có một kẻ ở bên kia thế giới - ở trên trời - biết tha thứ, tao đã nhảy vào long người với tất cả đam mê.

- Tao tin là không một đứa trẻ nào cầu Chúa với nhiều nhiệt thành như tao. Tao không thể yêu Chúa với một tình yêu nào cao hơn nữa. Bởi tao đang cần một người biết tha thứ. Và người ta thường bảo Chúa tha thứ hết cho mọi người. Tao phải nói chuyện với Ngài luôn luôn, không ngừng, như nói với một người bạn. Tối đến tao cầu nguyện hàng giờ, vừa khóc vừa cầu nguyện.

- Nhưng Chúa có trả lời mày không? Pillat hỏi.

- Có chứ! Nhưng mà cũng trả lời tao như mọi người thôi. Hình như Ngài cũng muốn kéo tao vào một cạm bẫy. Cho nên sau đó tao đã hết sức trốn ngài như tao đã trốn tránh loài người vậy. Chúa đã hiện hữu cạnh tao. Tao nhận được hơi thở của Ngài. Thế mà từ hồi mới sáu tuổi, tao đã chắc chắn là không nên cầu nguyện, nên tao đã tránh xa Ngài và tao phải ở vậy, cô đơn.

- Mày không cầu nguyện nữa từ hồi sáu tuổi?

- Không, Boris bảo hồi sáu tuổi tao đã lánh xa Chúa trời. Chỉ vì một cuộc phiên lưu tâm thường. Một buổi chiều, lúc tao đi học về không thấy cha mẹ tao ở nhà. Họ đã ra phố với Angelo. Không ai ở nhà cả. Mọi cánh cửa đều khóa kín. Tao phải ở một mình ngoài sân như mấy lần trước. Đêm đến tao vừa buồn ngủ vừa đói. Lại phải còn làm bài tập cho ngày hôm sau. Ngỡ là cha mẹ tao không trở về nhà đêm đó, tao cố tìm cách mở cửa để vào nhà. Tao cô đơn trong lạnh lẽo và sợ hãi. Cầm một sợi dây sắt, tao cố mở cửa, nhưng khó quá, tao mới có sáu tuổi thôi. Tao bèn quỳ xuống trước cửa và cầu xin Chúa giúp đỡ cho tao được vào nhà, cho tao đừng ở ngoài trời suốt đêm. Tao phải cầu xin, bởi một mình tao không thể nào mở cửa được.

- Và Chúa đã phù hộ mày?

- Vâng, Chúa đã phù hộ tao. Tao đã hết sức cầu nguyện, đã cầu nguyện bằng nước mắt để Ngài giúp tao mở cửa. Tao có cảm tưởng là Ngài đến bên tao, giúp tao. Trong chốc lát, tao mở được cửa vào nhà. Trời ấm quá. Sung sướng đến độ không cần không cần thắp đèn tao quỳ xuống cảm ơn Ngài. Lần đầu tiên tao chắc chắn là mình không còn cô đơn trên đời. Tao đã có bạn: Chúa trời. Pillat ạ, mày không tưởng tượng nỗi sung sướng của một kẻ tìm thấy bạn trong lúc mọi người đang ghét bỏ mày. Và tao đã có bạn, một người bạn mà tao có thể gọi đến bất cứ lúc nào: tao không còn cô đơn nữa. Tao ở với Chúa, ở như thế rất lâu trước bàn thờ. Không thể xa rời, người bạn đó nữa. Bởi vì đó là báu vật duy nhất của tao khi tao đã không còn ai nữa cả - không cha, không mẹ, không bạn bè – lúc nào cũng thấy toàn kẻ thù khắp nơi, những kẻ chỉ mong tao chết đi...

- Bây giờ đã có một kẻ không gọi tao là thằng phạm tội và sẵn sàng giúp đỡ tao. Kẻ đó là Chúa. Đêm đó tao không có gì ăn cả, nhưng tao vẫn sung sướng, quên ăn, quên bài tập, quên mệt nhọc, quên cô đơn, quên luôn cả những niềm đau đớn của mình. Tao sung sướng quỳ gối trước tượng Chúa, trước người bạn duy nhất của tao, suốt đêm.

- Nhưng lúc đó cha mẹ tao và Angelo trở về, trong những bộ y phục đạo mát. Chắc là họ đã đi ăn ở nhà hàng và đã đi xem chớp bóng.

- Mới bước vào nhà, họ đã vội nổi nóng khi thấy tao quỳ trước bàn thờ. Chưa kịp thắp đèn cha tao đã hỏi to: “Thằng phạm tội đâu rồi”. Sau đó tao không còn biết gì nữa. Cha tao nhào xuống, đập tao bằng đôi giày còn mới tinh của ông; mẹ tao cũng đến tiếp tay. Cha tao lại la lên: “Thằng phạm tội, mày tưởng là tao nuôi mày để bẻ ổ khoá, để chỉ cách cho người ở vào nhà trong lúc tao đi vắng hả?

- Họ đánh đập tao tàn nhẫn, người tao be bét máu. Tao phải bỏ ra ngoài nhà và ngủ trên chiếc ghế dài.

Thân thể tao đầy cả thương tích và máu me. Nghĩ đến đức Chúa trời, bạn tao, tao bảo thầm: “Lạy Chúa, Ngài biết trước tất cả những gì xảy ra cho con như thế này, tại sao Ngài còn giúp con mở cửa làm gì? Hình như tao nghe Ngài trả lời này: “Boris. Con đã cầu xin và Ta đã giúp đỡ con hết lòng”. Nhưng lạy Chúa, Ngài thừa biết những gì con cầu xin là trái phép. Ngài thấy không người con bây giờ bầm tím và đầy cả máu. Ngài thấy họ đánh đập con. Nếu Ngài đừng giúp con mở cửa sẽ không xảy ra như thế này. Sự phù hộ của Ngài không thể là sự giúp đỡ thật lòng của một người bạn tốt được. Ở địa vị Ngài, con sẽ không giúp đỡ cho một ai hoàn thành một điều gì xấu xa” – Ta luôn luôn chấp nhận những gì, con người cầu xin - Chúa trả lời như thế. “Nhưng thưa Ngài, con mới có sáu tuổi, con chưa phân biệt được xấu tốt như thế nào. Tối nay xin Ngài giúp con mở được cửa con tưởng là một điều tốt: Nhưng chuyện đã xảy ra như một điều xấu. Còn với Ngài, Ngài biết rõ đâu là tốt và đâu là xấu.

“Chúa không trả lời tao nữa hay là Ngài trả lời tiếp mà tao không nghe nữa, vì đã quá mệt. Tao đã khóc trong giấc ngủ. Tao không hận Chúa, nhưng tao sợ phải cầu xin một điều gì xấu xa. Từ đó tao không cầu xin gì nữa. Nếu tao cầu nguyện, tao sẽ nói thật giản dị - “Lạy Chúa, con xin Ngài một điều, hãy giúp con điều gì Ngài muốn.”

Ngay cả mùa hè này tao cũng không hề cầu nguyện cho kỳ thi”...

- Mà không xin Ngài cho mà thi đỗ? Pillat hỏi.

- Không, tao đã xin Ngài giúp tao nếu Ngài thấy thi đỗ là một điều tốt. Nhưng ngược lại, nếu tốt hơn nên để tao thi trượt ...

- Thi trượt chắc chắn không thể là một điều tốt được. Mà nói như thế thì quá đáng rồi. Trong trường hợp này, tốt với xấu khác nhau quá xa.

- Panait Istrati đi Pháp và trở thành một văn sĩ lừng danh, cũng nhờ lúc làm bồi cho quán Braïla, ông đã bị chủ nhà đánh đập và tống cổ ra khỏi cửa.

Nếu chủ quán đừng đuổi ông ta ra khỏi nhà thì ban đêm Istrati đã không mặc độc một chiếc sơ mi rời xứ sở và đã không trở thành văn sĩ như bây giờ. Ông ta sẽ tiếp tục làm bồi cho quán Braïla và biết đâu lại chẳng trở thành một chủ quán tầm thường như trăm nghìn người khác. Thế đó, trong mỗi điều xấu biết đâu lại chỉ có điều tốt. Chỉ vì chúng ta không biết đâu là điều tốt đâu là điều xấu mà thôi.

- Mà muốn đi ra ngoại quốc? Pillat hỏi.

Boris ngược mắt nhìn mây bay về phương Đông.

- Làm sao mà biết được điều đó nhỉ! Vâng, tao muốn đi. Cũng không phải tao muốn nữa, mà tự nhiên phải vậy. Bỏ đi là một điều bắt buộc. Không còn giải pháp nào nữa. Tao muốn đi và làm lại cuộc đời. Đi đến một nơi không ai biết tao là Boris Bodnar một thằng đâm thủng mắt đứa em; một nơi không có ai nghi ngờ tao, mà các thiếu nữ mỗi lần gặp tao không còn che mắt la lên: “Anh thấy đôi mắt tôi đẹp chỉ vì anh thích đâm thủng chúng”. Pillat, tao không phải là đứa hung bạo. Tao không hề muốn đâm thủng mắt ai cả. Đó chỉ là một tai nạn ... Tao chỉ là một đứa bé ... Tao không phải là một kẻ phạm tội.

- Mà muốn đi đâu? Pillat hỏi.

- Qua Nga sô, bởi vì Nga gần hơn cả. Chỉ vài giờ đi bộ tao sẽ đến sông Dniestr, sau đó tao bơi qua sông.

Boris yên lặng trong chốc lát rồi tiếp tục: “Nội trong đêm nay, tao sẽ có mặt ở Nga sô. Vì thế tao không cần tiền. Nhưng dù sao tao cũng cảm ơn mà đã cho tao tiền.

Pillat nói: “Mày không biết sự khủng bố đang bao trùm trên đất Nga hay sao? Mỗi mùa đông mày có thấy những người tỵ nạn vượt băng giá trên sông Dniestr cho dù có thể bị giết chết hay sao?”

- Tao biết chứ, nhưng sự khủng khiếp mà tao phải chịu đựng ở đây còn lớn hơn gấp bội. Vì ở đây, chỉ một mình bị khủng bố mà thôi; còn ở Nga sô, nếu thực sự có khủng bố, thì đó là một chuyện tập thể. Thực là một điều lớn lao nếu mình có được bạn đồng hành, ngay cả đồng hành trong sự đau khổ. Sự cô đơn là nỗi đau đớn lớn nhất trần gian. Người ta có thể cùng chung chịu đựng sự khủng bố lớn lao nhất, nhưng cô đơn thì chết được. Với tao, tao không nghĩ là cuộc đời tao ở Nga sô sẽ khổ hơn ở đây. Từ hồi ba tuổi đến giờ, tao chỉ biết có rình mò, nghi ngờ, kết tội nhục nhã và đổ kị Với tất cả điều đó, tao tin ở Nga sô tao sẽ được tự do hơn.

- Tại sao mà mày muốn bỏ quê hương mà đi. Cứ ở đây và đừng về nhà?

Ở Lỗ Ma Ni, tao luôn luôn phải tự nhận là tao bị trục xuất khỏi trường học, tao là một đứa phạm tội đã chọc thủng mắt em. Ở xứ này, cha mẹ tao, láng giềng, bạn bè ai cũng có thể gặp tao cả. Ở xứ này, con mắt Angelo và sự kết án của mọi người theo tao suốt đời. Trái lại ở Nga sô, không ai phải lấy tay che mắt lúc gặp tao đi ngoài đường; đó là lý do chính khiến tao ra đi.

Boris nói tiếp: “Có thể tao bị giết khi vượt qua sông Dniestr, vì biên giới được canh gác rất cẩn thận. Nhưng ý nghĩ chết chóc không làm tao sợ hãi. Tao đã quen với ý nghĩ đó hơn là ý nghĩ được sống. Nhiều lúc tao nghĩ là thà lính gác bắn tao ở biên giới đó cho khoẻ!

- Đừng nói nhảm. Pillat bảo, và vẫn thêm một điều thuốc, vừa nhìn đồng hồ.

“Còn 15 phút nữa mới đến giờ ra chơi” Rồi Pillat bói Boris thêm:

- Nhưng tại sao mà mày đã dấu kín chuyện đó? Nếu mày tâm sự với tao mày sẽ thấy dễ chịu hơn nhiều. Biết đâu tao lại không giúp được gì cho mày. Mày lầm lẫn lớn khi cố tình giữ bí mật chuyện đó, đáng lý nên nói với tao là hơn.

- Nếu tao kể cho mày nghe, biết đâu mày chẳng coi chừng tao để xem thử tao có phải là một “quân sát nhân trời sinh” hay không?

- Dĩ nhiên là không?

Boris nhìn mấy mảnh giấy và ít tiền trong bao thuốc của Pillat. Pillat bảo:

“Tao muốn làm bất cứ điều gì cho mày, bất cứ điều gì mà mày thích”

- Tao không muốn đòi hỏi gì ở mày cả. Mà thật ra tao đòi hỏi gì ở mày bây giờ chứ và hãy tiếp tục nhìn vào bao thuốc lá. Pillat lập lại:

- Tao sẽ làm bất cứ điều gì mà mày muốn.

- Tao thấy mày có một chiếc ảnh trong bao thuốc (Boris đỏ mặt). Chắc là ảnh của một đứa con gái. Mày có thể cho tao hay không nhỉ?

- Tao sẵn sàng cho mày đấy, Pillat nói thế, và rút tấm ảnh ra, chiếc ảnh một nữ sinh loại nhỏ như ảnh căn cước, nhỏ bằng một con tem mà thôi.

- Có phải bà con của mày không? Boris vừa hỏi vừa cầm tấm ảnh, nhìn cô gái trong bộ đồng phục cổ trắng.

Đó là ảnh một thiếu nữ trạc tuổi chúng, đang còn vị thành niên. Pillat trả lời: “Đó là một nữ sinh trường âm nhạc, tên Eddy Thall. Tao cũng chỉ biết có thế mà thôi. Không phải nàg cho tao tấm ảnh, tao tìm thấy nó trong một cuốn sách ở thư viện trường.

Cả hai đứa cùng ngắm vẻ đẹp ngây thơ của Eddy Thall. Pillat bảo:

- Nàg đẹp lắm. Đang theo học khiêu vũ và nghệ thuật diễn xuất.

- Mày yêu nàg lắm hả? Boris hỏi.

- Tao chưa có dịp nói chuyện nhưng tao yêu nàng vô cùng. Tao chỉ thấy nàng đi với bạn bè ngoài phố vào một dịp nghỉ hè.

Người con gái trong ảnh mỉm cười. Pillat nói:

- Tao cho mày đây, mày có thể cầm lấy.

- Không, tao không lấy đâu. Boris trả lời, và đưa trả tấm ảnh cho Pillat. Pillat hỏi: “Mày không thích hay sao?”

- Thích lắm chứ, với lại nàng đẹp lắm, Boris ngập ngừng chốc lát, tao thích đem ảnh này theo lắm. Có nó tao cũng bớt cô độc, ít nhất tao cũng còn một tấm ảnh bên mình.

- Thì mày lấy đi.

Tấm ảnh của Eddy Thall vẫn ở giữa hai đũa, trên cát.

“Tao sẽ bơi qua sông Dniestr. Nếu tao mang theo, nó sẽ hư mất. Rút cục, tao cũng không có nó lúc qua bên kia sông; tao cũng vẫn cô độc. tấm ảnh lại cũng mất đi. Như thế tao mang nó theo là phi lý. Tao từ chối là phải. Tuy nhiên trong thâm tâm tao vẫn thích cô nó bên mình”

Đến giờ ra chơi, Pillat cầm lấy tấm ảnh, bọc lại trong một mảnh giấy dầu và bỏ vào bao thuốc. Pillat nhét bao thuốc vào giày xong, bèn lặn vào đám đông đang tràn ngập sân trường võ bị Hoàng gia Kichiev.

Boris ở lại một mình, cúi gằm xuống đất. Hắn thầm nhủ: “Đến không còn cả một tấm ảnh bên mình. Mình không mang theo tấm ảnh của cô nữ sinh trường âm nhạc đó, nhưng mình sẽ mang tên cô ấy theo. Và với tên nàng trong lòng, mình sẽ bơi qua bên kia sông Dniestr?”

Khi người ta không còn gì nữa cả. Hoàn toàn không còn gì cả, thì chỉ một tên người con gái biết được nhờ một tấm ảnh mà thôi cũng là một điều

đáng kể rồi. Chỉ cái tên thôi. Tên rất đẹp. Thật đẹp. Và boris thắm gọi: 'Eddy Thall' Vừa thắm gọi tên nàng vừa mỉm cười; hẳn lập lại: 'Eddy Thall' ...

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Phần Thứ Nhất – Chương 1 & 2

ddy Thall đặt chiếc dao rọc giấy trên mâm thức ăn sáng. Nàng đọc lại bức thư, rồi quay nhìn người đàn bà mặc áo trắng đang kéo tấm màn phòng ngủ.

- Tinka, vú lại đây xem, vú biết cô này không?

Người vú già cầm lấy tấm ảnh nhỏ bằng con tem. Bà ta đưa ra xa hơn một chút để nhìn cho rõ hơn, ngắm nghía bộ đồng phục đen, cổ trắng. Tinka Neva chồm khóc, bà xúc động dễ dàng và khóc ngay mỗi lúc có người nhắc đến một sự kiện hay một điều gì về quá khứ của bà hay của gia đình họ Thall.

Tinka vừa lau nước mắt vừa bảo: “Đúng là cô Eddy chứ còn ai vào đây nữa!”

- Tôi vừa mới nhận lại được sáng nay đây, Eddy bảo do một người ái mộ tôi gửi trả lại. Tinka, vú tưởng tượng xem, một cậu con trai si tôi từ hồi tôi mới mười lăm tuổi.

Kéo cái gối lên tận vai. Eddy cầm bức thư và nói với người vú già: “Vú nghe anh ấy viết cho tôi như thế này đây:

Thưa cô,

“Cách đây mười lăm năm, khi cô còn là một nữ sinh của trường âm nhạc, cô đã bỏ quên tấm ảnh này trong một cuốn sách ở thư viện. Tôi thấy được và giữ nó đã lâu lắm, đợi cơ hội trả lại cô tận tay. Nhưng cơ hội đó không bao giờ đến hay nói cho đúng, tôi đã không có can đảm tìm đến cô

để trả lại bức ảnh dù tôi đã trông thấy cô nhiều lần ngoài đường, ở ký viện, ở hiệu bánh, ở công viên. Cô có đến Neamtz suốt cả mùa hè. Và tôi đã thấy cô mỗi ngày. Ít lâu sau cô trở thành một nghệ sĩ danh tiếng, rồi tự thành lập một hý viện? Dù đã lớn tôi vẫn thiếu can đảm. Lần này không phải sự e dè của tuổi thành niên làm tôi nhút nhát, mà chính vì danh vọng sang chói của cô. Chiều qua, tôi đã trở về nhà, tìm lại bức ảnh mà tôi mong cô nhận lại với tất cả lòng ngưỡng mộ sâu xa của tôi

Pierre Pillat

Thẩm phán

Tinka đứng nghe cạnh giường. Eddy nói tiếp: Còn một giọng tái bút nữa đây:

Bức ảnh này đã có một người xin, bạn tôi Boris Bodnar, trước khi hắn trốn sang Nga. Hắn bị đuổi khỏi trường võ bị và đã vượt sông Dniestr. Chiếc ảnh này đáng lý đã du lịch sang phương Đông. Tôi lấy làm sung sướng đã giữ lại được để bây giờ trả lại cho cô, dù không phải tôi chỉ yêu một mình nó mà thôi.

Eddy Thall bước xuống giường. Nàng nhìn chiếc đồng hồ treo nhỏ màu xanh da trời. Đã 8 giờ sáng. Thấy Tinka đang khóc, Eddy hỏi:

- Có chi mà nghe bức thư đó vú lại khóc?
- Eddy à, lời lẽ trong thư thật đẹp, đẹp đến nỗi tự nhiên nước mắt tôi trào ra.
- Hồi nhỏ tôi có đẹp không vú nhỉ? Đẹp đến độ người ta phải si mê một bức ảnh?
- Cô Eddy lúc nào mà chẳng đẹp.

Tinka nói thế và đặt mâm xuống. Eddy Thall đọc nốt các bức thư khác, rồi cầm lại bức thư của ông thẩm phán Pierre Pillat. Nàng nghĩ đến cậu học trò đã trốn sang Nga và tiếc rằng Boris Bodnar đã hỏng thi và bị trục xuất khỏi trường học.

Eddy Thall là một nghệ sĩ hữu danh. Cho nên mỗi ngày nàng nhận không biết bao nhiêu là thư từ của những kẻ hâm mộ. Nhưng không lá thư nào làm nàng thích thú bằng lá thư của Pillat.

Bỗng Tinka bước vào phòng ngủ bảo:

- Có hai ông cảnh sát muốn gặp cô đấy.

Giọng Tinka có vẻ thay đổi vì sợ hãi.

- Hãy bảo chờ tôi uống xong cà phê đã.

- Họ gấp lắm, muốn nói chuyện ngay. Tôi đã bảo cô ngủ chưa dậy. Nhưng họ đã vào phòng khách và đang chờ cô đấy.

Eddy cầm lược chải đầu. Nàng bực dọc bước ra phòng khách. Hai người cảnh sát trẻ mang áo mưa đang đứng đấy. Nàng mời họ ngồi xuống, xé một tờ lịch và nhìn họ như lúc nàng đang diễn xuất trên sân khấu.

- Các ông cần điều gì ạ?

Họ vẫn đứng. Eddy hỏi tiếp:

- Tại sao các ông không chịu ngồi xuống?

Nàng vò tấm lịch đề ngày 9 tháng giêng năm 1940 và vứt vào sọt rác.

Một trong hai người cảnh sát lên tiếng:

- Chúng tôi xin phiền bà cho lập một biên bản.

Người thứ hai mở chiếc cặp da trong lúc người kia tiếp tục hỏi:

- Người đàn bà ra mở cửa cho chúng tôi có phải là người giúp việc cho bà không?

Eddy trông hai người đứng đắn như hai học sinh ở nhạc viện và nàng mĩa mai trả lời:

- Người đàn bà ra mở cửa cho hai ông là vú già của tôi đó.

Một người rút một cuốn sổ tay ghi chép trong lúc người kia hỏi:

- Bà ta giúp việc đã bao lâu?

- Khi tôi sinh ra thì bà đã giúp việc cho cha mẹ tôi rồi.

- Cách đây mấy năm, thưa bà?

- Tôi nghĩ chừng bốn mươi năm rồi, nếu mấy ông muốn biết rõ hơn xin cứ hỏi thẳng bà ấy ắt biết ngay.

- Lương tiền như thế nào?

- 5000 lei mỗi tháng bỏ vào trương mục của bà ấy, cùng tất cả mọi thứ bà ấy cần dùng. Nghĩa là bà ấy ở đây cũng như đang ở tại nhà riêng vậy.

Eddy chiêm một điều thuốc. Nàng là chủ nhân một hí viện mang chính tên nàng. Báo chí đã phê bình nàng như một diễn viên xuất sắc nhất. Ảnh nàng trên bích chương được treo khắp nơi. Đài phát thanh nhắc tên nàng nhiều lần trong ngày. Hình nàng người ta đem dán ở khắp các phòng đợi hỏa xa, xe điện ngầm, bến xe đò. Cả đến những đứa trẻ cũng biết tên Eddy Thall. Tất cả những cảnh sát viên mà nàng biết từ trước đến giờ đều muốn xin thủ bút của nàng làm kỷ niệm. Nhưng hai người cảnh sát này không thể. Họ đến đây để lập biên bản.

- Bà làm ơn cho tên vú già?

- Tinka Neva. Còn gì nữa xin các ông nhanh lên cho.

Nàng đứng dậy tắt thuốc lá.

- Chúng tôi muốn biết người vú theo tôn giáo nào?

- Thiên chúa giáo. Eddy trả lời gọn lỏn.

Người cảnh sát thứ hai gập sổ lại và bỏ vào cặp.

“Luật pháp tuyệt đối cấm người có dòng máu Do Thái nuôi người ở có đạo Thiên Chúa. Bà bị buộc phải trả lương cho người vú đủ ba tháng và cho bà ấy thôi việc. Đó là tất cả những gì chúng tôi phải nói với bà.”

Hai người cảnh sát nghiêng mình chào Eddy, cũng nghiêm giọng như khi họ mới đến. Eddy đợi cho đến lúc họ đi về phía cửa lớn, nhưng một người lại nói:

“Mọi vi phạm luật lệ này đều bị phạt sáu tháng tù ở”. Và ông ta hỏi tiếp:

- Chúng tôi có thể lấy cung bà Tinka Neva?

Eddy bậm chuông gọi:

- Tinka, mấy ông này muốn nói chuyện với vú đó.

Xong nàng trở về phòng.

Tinka ở lại một mình với hai người cảnh sát. Bà quan sát cách ăn mặc của họ.

Một người hỏi:

- Bà là Tinka Neva?

Tinka hơi ức:

- Cô tôi đã cho biết tên tôi rồi, hỏi làm gì nữa!
- Bà ấy nói chưa đủ. Bà cần phải khai thêm cho chúng tôi.

Người thứ hai lại rút số tay, và bắt đầu ghi chép.

- Năm nay bà bao nhiêu tuổi. Bà giúp việc cho gia đìnhThall từ bao lâu?
- Lúc tôi mới bước chân vào gia đình này, tôi mới có 18 tuổi. Từ đó đến nay đã được 38 năm rồi.

Tinka hơi run sợ. Chưa bao giờ bà chứng kiến cảnh này trong nhà.

- Bà có bằng lòng cách đối xử của bà chủ không?
- Nếu tôi không bằng lòng, tôi đã không ở suốt đời nơi đây.
- Mặc, chủ bà sẽ trả bà đủ ba tháng lương và cho bà thôi việc. Luật pháp cấm người Do Thái thuê người ở có đạo Thiên chúa.

Hai người cảnh sát gài lại nút áo choàng. Tinka hỏi:

- Tôi không có quyền làm việc để kiếm ăn hay sao?
- Bà có quyền làm việc, nhưng không được làm cho người có dòng máu Do Thái. Tinka cho như thế là bất công nên bà không còn sợ hãi nữa, bà phản đối:

- Chính tôi chọn chủ để làm việc chứ. Tôi là một người giúp việc. Điều quan hệ cho tôi là có một người chủ tốt. Phần còn lại - người chủ là Do Thái hay có đạo Thiên chúa – không quan hệ cho tôi gì cả.

Hai người cảnh sát tiến ra cửa.

- Nếu bà chủ không trả đủ cho bà ba tháng lương trước khi cho bà nghỉ việc, bà cứ việc khiếu nại ở sở cảnh sát.

- Tôi không đi đâu hết, tôi bằng lòng ở lại đây.

Và bà Tinka khóc. “Chỉ có chủ tôi mới có quyền đuổi tôi ra khỏi nhà nếu cô ấy không bằng lòng tôi. Nhưng cô ấy rất mến tôi.” Tinka vừa nói thế vừa khóc, trong khi hai người cảnh sát ra khỏi nhà.

II

Lúc hai người cảnh sát đã đi khỏi. Tinka Neva ngồi khóc. Tấm thân già yếu của bà run rẩy như một cành cây mong manh. Eddy cầm lấy đôi vai Tinka:

- Tinka, vú yên đi nào. Ma quỷ cũng không quá hung dữ như người ta tưởng đâu. Vú cứ ở lại đây. Tôi quen biết lớn, tôi sẽ nhớ người ta can thiệp.

Tinka không thể nói gì hơn nữa. Bà lại lau ghế, lau sạch chỗ nền nhà mà hai cảnh sát vừa đứng, như là bà muốn lau hết tất cả vết tích của họ để lại trong nhà.

Câu chuyện vừa rồi là cả một sự nhục nhã đang xâm chiếm đến tận cùng cơ thể của bà. Bà nghĩ rằng không ai có quyền đuổi bà ra khỏi nhà trừ cô chủ. Và cũng không ai có quyền can thiệp vào việc riêng của bà. Nếu mình có làm điều gì tốt hay xấu thì cũng chỉ có cô chủ là có quyền phán xét mà thôi.

Tinka đã đi khỏi làng từ ngày chưa thành niên. Bà không còn gia đình hay họ hàng gì nữa cả. Nhà của bà chính là nhà của gia đình Thall.

Eddy bỗng trao cho Tinka một gói thư từ:

- Tinka, vú đừng khóc nữa. Vú lại đây và đốt hết mấy bức thư này đi.

Tinka ngần ngại cầm mấy bức thư trong tay. Bất bà đốt thư thật là một điều khổ sở cho bà quá. Tinka là một người nhiều cảm xúc. Đốt thư, nhất là bây giờ, sau vụ hai người cảnh sát vào nhà vừa rồi, thật là một hành động cực nhọc, vượt ngoài sức lực của bà.

Tinka không biết đọc. Suốt đời bà chưa bao giờ nhận một lá thư. Nhưng suốt đời bà mang thư cho chủ nhà cùng với mỗi lần dọn ăn sáng. Mỗi lần như thế bà trông thấy cô chủ vội vã bóc thư. Trong óc của Tinka đã in sâu ý nghĩ thư là những người sống biết nói chuyện. Chúng có thể làm cho ta cười, thích thú hay buồn tẻ. Nếu bức thư không phải là người sống thì nó không thể có cái quyền hạn đó được. Chính vì vậy mà Tinka luôn luôn lau tay sạch sẽ trước khi lục thư trong thùng đặt cạnh cửa. Bà kính trọng những bức thư lắm, nên bây giờ bất bà đốt thư thì chẳng khác gì ép bà đốt những sinh vật, đốt những con chim bồ câu, quay một con thỏ.

Eddy đang lục một số các bức thư khác để đốt. Tinka có cảm tưởng mỗi phong bì trở thành một thứ tội lỗi thêm vào những tội lỗi mà bà đã phạm từ trước.

Eddy bảo:

- Vú đốt hộ những bức thư của Lidia Petrovici. Vú còn nhớ mình gửi cho Lidia kiện hàng cuối cùng ngày nào không? Hình như đã bốn tháng rồi mà sao tôi chưa thấy trả lời. Tôi sợ đã có gì không hay xảy ra. Rất có thể cảnh sát đã tịch thu gói quà. Và họ sẽ trở lại đây điều tra mình. Tốt hơn hết nên đốt các bức thư này đi.

Eddy nghĩ tới người em họ, Lidia Petrovici đang ở tại Quốc gia Nam tư, một quốc gia đang thanh trừng Do thái một cách khốc liệt. Lidia phải sống dưới một tên giả. Nàng là một trong những người Do thái còn sống sót. Gửi những gói quà cho Lidia thật là nguy hiểm quá. Vì vậy Eddy phải đốt những bức thư mà Lidia đã viết để báo tin đã nhận đều đặn thuốc men, sô cô la và quần áo do nàng gửi.

Tinka hỏi: “Xin lỗi cô, cảnh sát đến đây là vì tôi; đáng lý tôi không nên gây cho cô điều phiền phức đó.”

Eddy trả lời: “Có can dự gì đến vú đâu mà vú nhận lỗi. Thôi, vú lo đốt mấy bức thư đó đi cho rồi.”

Chuông ngoài cửa lại reo lên hai lần, người bấm chuông có vẻ dè dặt.

Eddy bảo ngay: “Vú đừng có ra mở cửa với cả đồng thư trên tay nghe”
Rồi giật lấy tập thư trên tay Tinka, Eddy dấu xuống dưới tấm khăn trải giường.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Iii & Iv & V:

ột quân nhân trong bộ quân phục màu xanh nước biển đang tiến vào phòng khách, nơi mà một giờ trước đây hai người cảnh sát đã đến. Tinka nói ngay:

- Chắc là tại tôi nữa đây, cô Eddy, thà tôi chết đi cho rảnh còn hơn gây cho cô bao nhiêu là lo lắng. Hồi sáng đã có hai người cảnh sát đến lập biên bản, bây giờ đến lượt một ông quan tòa quân đội nữa. Eddy, cô tha lỗi cho tôi.

- Tinka, yên đi nào!

Eddy vừa nói thế vừa bước ra phòng khách. Viên sĩ quan – nút áo vàng, cầu vai vàng – nghiêng mình chào Eddy một cách bối rối và e dè. Eddy biết thế vì nàng đã học được ở kịch nghệ cách xét đoán để biết một người nào đang tự chủ hay đang mất tinh thần. Người lạ mặt nói:

- Thưa cô, tôi mạn phép đến thăm cô. Tôi là đại úy thẩm phán Pierre Pillat. Tôi chắc là cô đã nhận được thư tôi rồi?

Trong lúc Eddy tiếp tục nhìn khẩu súng lục và lon cấp bật, Pillat có vẻ muốn thanh minh:

- Tôi chỉ ở trong quân đội tạm thời thôi, vì tôi bị động viên.

- Thư ông làm tôi cảm động. Xin thành thực cảm ơn ông. Eddy nói thế.

Nàng mời Pillat ngồi. Cả hai đều cảm thấy câu chuyện khó khăn như là đang gặp nhau cách đây 15 năm.

- Tôi cần thú nhận với cô một điều, Pillat nói, là tôi nợ cô nhiều lắm. Bởi vì trường võ bị Hoàng gia Kichiev, chúng tôi phải chịu đựng một thứ kỷ luật sắt giống như kỷ luật quân đội ở nước Phổ. Chương trình học lại khó khăn. Không có cách nào trốn ra khỏi trường học được dù chúng tôi cố hết sức. Cho nên chúng tôi chỉ sống bằng mộng mà thôi. Bức ảnh của cô là một dịp để tôi mơ mộng. Mỗi đêm tôi mơ đến cô, như thế thật là đẹp ...

Nói xong Pillat đỏ mặt.

“ Nếu tôi ở ngoại trú thì điều đó có lẽ không xảy ra. Nhưng những đứa trẻ còn vị thành niên bị nhốt trong trại lính thì không thể sống mà không mơ mộng. Bức ảnh đã bị nhàu đi, xin lỗi cô, bởi vì mỗi ngày người ta đều khám túi, khám sách vở. Tôi phải giấu nó trong bao thuốc lá để khỏi bị tịch thu. Đúng là một nguy hiểm thường xuyên nếu cô bị tịch thu khỏi tay tôi ... xin lỗi cô tôi muốn nói đến tấm ảnh của cô cơ!”

Và chàng cười, Eddy nhìn đắm đắm vào cầu vai vàng có số hoàng gia, nhìn vào súng lục, dao găm mà Pillat đang đeo, tượng trưng cho sức mạnh và quyền uy.

“ Cô có biết hồi tôi 15 tuổi tôi mơ gì không? Tôi nguyện sẽ cưới cô làm vợ khi lớn lên và không yêu ai nữa cả. Tôi đã nghĩ lại điều đó đêm qua lúc ở hý viện. Tôi ngưỡng mộ cô hết lòng. Cô thật là phi thường trong vai hoàng hậu Saba. Vâng, phi thường. Xem vở kịch xong tôi bèn trở về kiểm bức ảnh và gửi hoàn lại cho cô.

- Trong thư ông có nói đến một người khác cũng hâm mộ tôi... Anh ấy tên là gì nhỉ, hình như là Boris ...

- Boris Bodnar. Hắn biến mất từ hồi 15 tuổi. Hắn có bảo với tôi là hắn sang Nga. Từ đó tôi không được tin hắn nữa. Tuy nhiên tôi vẫn cố tìm hiểu về hắn. Tôi có viết thư cho em hắn. Đã có một thảm kịch xảy ra giữa hai anh em. Khi còn nhỏ, Boris đã chọc thủng mắt em hắn, nên cha mẹ hắn

không cho hưởng gia tài nữa. Angelo, em hẳn, sau đó đi tu và cũng không biết gì về Boris nữa. Cho đến nay, không còn ai biết tin gì về hẳn nữa.

Lúc đang nói, Pillat cố nhìn vào phòng ngủ qua cánh cửa hé mở.

Eddy có cảm tưởng là chàng đang nhìn những bức thư dưới tấm khăn giường. Nàng lấy làm lo ngại nên nói ngay:

- Tôi còn phải đi tập dượt bây giờ, nếu ông muốn, chúng ta có thể gặp nhau lại vào một dịp khác.

Nàng nhìn đồng hồ. Nhưng Pillat vẫn ngồi yên, chàng đang chú ý đến căn phòng. Nỗi lo ngại của Eddy lớn dần. Nàng đâm ra nghi ngờ, sợ rằng cuộc viếng thăm của viên thẩm phán này có một lý do nghề nghiệp.

Pillat hơi khó chịu:

- Tôi còn vài việc phải nói với cô nữa. Như cô đã biết tôi là một viên chưởng lý cho quân đội. Ở chức vị đó tôi biết được nhiều chuyện lắm.

- Như thế, ông đến đây để lập biên bản? À, thì ra bức thư và tấm ảnh chỉ là một cái cớ. Vậy bây giờ ông có thể bắt đầu lập biên bản đi là vừa.

Nói xong Eddy đứng dậy, giật run người.

Pillat bình tĩnh bảo:

- Không hẳn là một biên bản. Tôi chỉ biết là cô có quen với một người đàn bà tên Lidia Petrovici ở Nam tở.

Eddy tức giận đến tột độ. Nàng muốn quăng một cái gì vào đầu viên sĩ quan nọ đã khéo bịa ra một chuyện tình để vào nhà nàng lập biên bản về Lidia Petrovici.

Pillat vẫn vô tình nói tiếp:

- Cách đây không lâu, ban phản tình báo của chúng tôi đã bắt được một kẻ thù, một tên gián điệp làm công chức ở sở hỏa xa. Người ta đã giao cho tôi trường hợp đó. Trong nhiều thứ bắt được ở biên giới, có một gói quà gửi cho bà Lidia Petrovici, dưới tên bà Debora Paternik. Bị cáo khai là gói quà đó do cô gửi. Gói quà không có gì đáng sợ cả, chỉ gồm thuốc trị lao phổi, sinh tố, sô cô la, cà phê, và một ít áo quần. Và lại đó là gói quà độc nhất toàn đờ không nguy hiểm tịch thu nơi tên gián điệp đó. Tôi đã không viết tên cô trong bản cáo trạng. Tôi mang kiện hàng trả lại cho cô. Tôi chỉ mong giúp cô một việc nhỏ nhặt.

Pillat mở cặp rút kiện hàng đặt lên bàn, trong lúc Eddy thú thật:

- Chính tôi đã gửi gói quà đó. Lidia Petrovici là em họ tôi đang bị bệnh lao. Đúng ra tôi không có quyền gửi quà choc ô ấy, nhưng tôi vẫn giữ bí mật gửi. Đó là lỗi độc nhất mà tôi phạm phải.

- Thừa cô, đó không phải là một tội trạng. Và lại như tôi đã nói từ lúc mới vào đây, là tôi đến đây không phải với tư cách một viên chương lý.

Cả hai cùng yên lặng. Gói quà đựng thuốc ngừa lao, thuốc chống suy nhược và thiếu máu, một ít sinh tố và chiếc áo choàng đang nằm trên bàn giữa Eddy và Pillat. Eddy bảo:

- Ở xứ những người Slaves miền Nam, tất cả người Do thái đều bị đày ải, hay là bị ám sát. Em họ tôi, một người chơi vĩ cầm nổi tiếng trên thế giới, đã thoát được, ít nhất là cho đến bây giờ, và đang sống dưới một tên giả, trong một làng hẻo lánh. Thỉnh thoảng tôi gửi một ít thuốc uống qua trung gian bà Debora Paternik, hiện là người đỡ đầu cho những người bị đàn áp và là vợ của quốc trưởng Nam tư. Pillat bảo:

- Tôi cảm thấy có lỗi với cô nếu gói quà đó không đến nơi được, vì vậy tôi mới xin lỗi bằng cách giới thiệu với cô một người làm ở sở hỏa xa, ông

ta sẽ đem kiện hàng ấy đến cho em cô. Anh ta tên là Daniel Motok. Có lẽ ngày mai tôi sẽ bảo anh ta đến đây.

Pillat đứng dậy chào ra về. Eddy nói vọng theo:

- Ông nhớ trở lại chơi nghe. Chúng ta sẽ nói nhiều hơn về thời thơ ấu. Lần này thì chính tôi muốn thoát khỏi thực tế, ông hiểu không, tâm trạng tôi lúc này cũng giống như hồi ông mơ mộng bằng bức ảnh của tôi. Cho nên ông nhớ trở lại nghe. Nhưng tôi van ông đừng mang quân phục. Tôi rất sung sướng được thấy ông mặc quần áo dân sự; đừng mang quân phục đấy nghe.

IV

- Thưa bà tôi là Daniel Motok, nhân viên hỏa xa, người mà ông Pillat đã giới thiệu trước với bà.

Mang cà vạt xám, đeo găng tay, áo choàng đen, Daniel Motok đứng thẳng người trước mặt Eddy Thall.

Nàng mời ngồi và Motok bảo ngay:

- Ông Pillat có cho tôi hay là bà có một kiện hàng cần gửi?

Gói quà gồm có thuốc men và áo quần cho Lidia Petrovici đã sẵn sàng trên bàn. Motok kín đáo nhìn và kiểm địa chỉ, Eddy bảo:

- Ông chỉ cần giao cho người bồi phòng của bà Milostiva Debora Paternik và dặn “gói quà này của Lidia.” Thế là đủ.

Motok cất kiện hàng vào va li xong đứng dậy và sửa soạn ra về. Eddy dặn thêm:

- Tôi xin ông trao tận tay người bồi phòng tên Ivo Dopplhof. Đó là một ông già tóc đã bạc. Ông có thể nhận ra ông ấy dễ dàng. Vả lại, đó là người

bồi phòng độc nhất ở với bà Debora Paternik, trong bất cứ trường hợp nào, xin ông đừng đưa cho lính gác cổng, ngay cả lúc họ yêu cầu.

Motok gật đầu, tỏ ý sẽ thi hành đúng đắn sứ mạng được giao phó. Eddy nói tiếp:

- Tôi tin là ông Pillat đã cho ông biết mọi chi tiết. Trong gói này chỉ có thuốc men cho một người em họ tôi đang bị bệnh, ngoài ra không có gì khác nữa. Bà Debora Paternik là vợ của Quốc trưởng xứ Nam tư.

- Vâng, thưa bà tôi đã được biết rõ.

Motok vừa trả lời vừa cầm tay lấy va ly. Eddy hỏi:

- Tôi phải trả ông bao nhiêu, thưa ông?

- Dạ thưa không có gì. Trái lại, thật là một vinh dự lớn lao cho tôi được giúp bà một việc nhỏ mọn này.

Nói thế nhưng Motok biết rằng sẽ thất lễ với Eddy nếu mình từ chối hẳn, nên Motok bảo ngay:

- Nhưng bà muốn trả công cho tôi thì tôi xin nhận một giấy mời dự buổi trình diễn võ tuồng Hoàng hậu Saba vào tối thứ sáu. Vào lúc đó tôi sẽ báo tin cho bà hay là món quà đã được trao tận tay hay chưa.

Bỏ vào túi tấm danh thiếp có chữ ký của Eddy Thall để được vào cửa hý viện vào tối thứ sáu sắp đến, Motok bảo:

- Tôi sẽ trở về hồi 7 giờ tối thứ sáu. Thế là còn thừa thì giờ để tôi về nhà, thay áo quần, vì xuất hát 9 giờ mới bắt đầu. Xin cảm ơn bà nhiều lắm.

Motok bước ra cửa. Lúc nào cũng chững chạc. Cách đi đứng, ăn mặc, nói năng của Motok thật giống như một chiếc đồng hồ và thời khắc của các

chuyến xe lửa. Eddy gọi điện thoại cho Pillat báo tin là Motok đã đến và để luôn thể cảm ơn Pillat:

- Đây là lần đầu tiên tôi gửi một gói quà cho Lidia mà không hề sợ hãi vì biết chắc là nó sẽ đến đúng chỗ. Xin cảm ơn ông nhiều lắm.

- Motok là một người đáng tin cậy. Pillat trả lời qua máy điện thoại.

Trong thời gian đó, Motok đứng lại trước cửa, gài lại găng tay. Motok lúc nào cũng đang hoang và không muốn có một bê bối nào trên người.

V

Con chắc là mọi chuyện sẽ yên ổn. Con vừa bị một vài chuyện phiền phức nhưng qua hết rồi.

Eddy Thall đang ngồi, hai chân thu lại trong ghế bành như nàng vẫn làm thế mỗi lúc có chuyện gì vừa ý. Max Reingold đang đứng đối diện với cặp kính viền vàng, áo quần tuyệt hảo, kín đáo, đắt tiền, hết như một ông chủ ngân hàng. Đó là viên quản đốc của hý viện Thall, ông vừa là người cộng tác vừa là bạn thân của thân phụ Eddy Thall.

- Thưa bác, nguyên một điều bác đến thăm con mà không báo trước cũng đủ làm con sung sướng rồi. Nhiều ngày nay con khổ sở quá. Người ta thúc dục con đuổi Tinka. Người ta tịch thu một gói hàng con gửi cho Lidia, vì người đưa thư là một tên gián điệp. Đáng lý con đã bị liên lụy, cảnh sát đã đến đây. Nhưng mọi sự yên ổn hết. Mọi sự lại sắp tiến hành đều đặn như cũ. Bác lại đến đây nữa, bây giờ con sung sướng quá, thật sung sướng ...

Max Reingold ái ngại:

- Con ạ, bác không muốn ở đây lâu, bác còn vài việc phải làm. Bác rất tiếc đã đến đây làm hỏng niềm vui thú của con. Nhưng bác không biết làm sao hơn được; con ạ, người ta buộc mình đóng cửa hý viện.

Eddy đứng bật dậy. Max vẫn tiếp tục:

- Những hý viện Do thái thường phải trả một số thuế phụ. Đó chỉ là chuyện cũ. Trước kia có thể nộp thuế trễ hay nhiều khi được miễn hẳn. Nhưng bây giờ hoàn toàn khác. Bác được lệnh của bộ nội vụ phải trả thuế trong 48 tiếng đồng hồ hai triệu lei hay là phải đóng cửa. Hoặc thế này hoặc thế kia. Bác đành đóng cửa vậy. Vì chúng ta làm gì có nhiều tiền đến thế và cũng không được triển hạn nữa.

Max Reingold đứng dậy và muốn đi:

- Không còn chi để phải bàn cãi nữa cả, nên bác cũng không ở lại đây làm gì. Đã quá rõ ràng lắm rồi. Chiều nay con lại ăn cơm với bác. Rebecca và Esther gửi lời chào con.

Esther là con của Max, Rebecca là vợ. Eddy thương họ lắm, nhưng bây giờ nàng không thể nghĩ đến họ được nữa.

- Còn một giải pháp là phải tiếp tục trình diễn bằng tiếng Do thái. Nhưng khốn nỗi, dù là gốc Do thái diễn viên của mình không hề biết tiếng Do thái. Khán giả cũng thế. Cho nên phải đóng cửa.

Eddy cố giữ Max lại. Max hôn trán nàng và vẫn gọi nàng là Liebes Kind, con thân yêu, như cha nàng từng gọi nàng như thế. Và ông ra về. Đến trước cửa ông còn ngoảnh lại bảo:

- Eddy, có hai người khách muốn gặp con đấy.

Max để cửa mở cho hai người khách vào nhà

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Vi & Vii & Viii:

ai ông là cảnh sát? Eddy hỏi.

Cả hai đều mặc áo mưa và một trong hai có mang một cái cặp da. Eddy chua chát:

- Hai ông còn muốn gì nữa đây? Hay các ông đến để bắt tôi cho bà vú nghỉ việc? Thì hai người khác đã đến vì lý do đó rồi? Để đóng cửa hý viện ư? Hai ông còn biết tin tức gì nữa?

Người không mang cặp da bảo:

- Chúng tôi thuộc ủy ban Do thái. Chúng tôi đến đây về vấn đề quần áo.

Nhìn họ, Eddy không thể đoán họ bao nhiêu tuổi, nhưng trong đôi mắt, trên nét mặt, qua cử chỉ, qua tiếng nói, nàng biết rằng họ đang khổ tâm, nàng biết họ đang cảm thấy nhục nhã và sợ hãi. Người nọ nói tiếp:

- Cô biết rằng mọi công dân gốc Do thái phải tặng cho những công tác từ thiện của chính phủ một số áo quần tùy theo hoàn cảnh vật chất của mình.

Eddy nhận chuông và lúc Tinka đến nàng bảo ngay:

- Vú, mấy ông này muốn lấy áo quần cũ cho ủy ban Do thái.

- Thừa bà, không phải cho ủy ban. Sự thu góp này để dùng vào những công tác của chính phủ. Ủy ban chỉ có phận sự đi nhận mà thôi.

Người thứ hai rút trong cặp ra một cuốn sổ và nói:

- Theo lợi tức khai báo ở sở thuế, bà phải cung cấp ba đôi giày, năm áo sơ mi, bốn áo dài, hai áo choàng ...

- Thôi, lấy hết tất cả cái gì mà các ông muốn cho xong.

Eddy bảo thế và nàng mở tủ áo cho họ, giận đến run người.

- Nếu chính phủ đã ra lệnh cho hai ông lấy áo quần của tôi, xin hai ông cứ việc thi hành, lấy đi. Nếu chừng đó chưa đủ, các ông có thể cởi quần áo tôi đang mặc, lấy tất cả cái gì tôi đang mặc trên người, và để tôi trần truồng.

Nói xong, Eddy vào phòng tắm khóa cửa lại và bắt đầu khóc thầm tức.

Hai người lạ nhìn vào tủ áo, có cả chục chiếc áo dài, những thứ mà Eddy dùng để trình diễn những vai chính. Tinka lên tiếng:

- Tôi đưa cho hai ông vài cái áo quần cũ. Nếu chưa đủ, xin mời hai ông vào đây.

Bà dẫn họ vào nhà bếp, sắp ra dưới chân họ một đống quần áo, giày dép cũ. Hai người chọn lựa xong bỏ vào ba lô và ra về có vẻ hài lòng. Chừng đó đối với họ đã quá đủ.

Eddy xuống nhà bếp. Trên ghế còn hai đôi giày đen giống như cánh hoa. Đó là hai đôi giày của thời nàng còn đi học ở lớp vũ.

- Tạo sao họ để thứ này lại? Eddy hỏi:

- Tôi muốn cho họ đấy, cũng là thứ đáng vứt đi, nhưng họ từ chối và bảo là họ không lấy vì không thể liệt chúng vào loại giày da hay giày vải.

Eddy buồn bã nói:

- Tinka, vù biết là chính phủ đã đóng cửa hý viện của tôi. Mai là ngày trình diễn cuối cùng. Họ lấy áo quần, bắt đuổi người giúp việc, rồi đóng

luôn cửa hý viện. Tôi sắp phải làm gì nữa đây, Tinka? Vú nói cho tôi biết đi, tôi sắp phải làm gì nữa đây, Tinka? Bởi vì vú à, tôi phải làm một cái gì trước khi chính phủ lấy luôn cả cuộc đời của tôi. Chắc chắn một ngày nào đó họ sẽ lấy luôn cả cuộc đời tôi ... Nhưng từ đây đến đó, tôi sẽ phải làm gì?

Tinka vuốt nhẹ đầu Eddy, bà không trả lời gì hơn được cho Eddy lúc này, trong lúc nàng nước nỡ khóc:

- Tinka, vú nói cho tôi nghe đi, tôi sẽ trở thành như thế nào đây?

VII

Chuyến tàu của Daniel Motok đến thủ đô Bucarest hơi trễ. Một giờ trước, đường xe lửa bị thân binh phá hoại. Motok trả giấy tờ cho hành khách toa phòng ngủ và làm biên bản thật nhanh. Đứng trước tấm kính, Motok sửa soạn lại y phục cho đứng đắn, vắt chiếc áo choàng lên vai, xong cầm va li có gói quà của Eddy và đi về hướng biệt thự của bà Debora Petarnik. Thành phố đang chìm trong bóng tối như tất cả các thành phố ở Âu châu vào thời chiến, Motok nhìn đồng hồ và bước nhanh để có thể về trước 9 giờ như đã hứa với Eddy.

“Bà Paternik không mang vương niệm, Motok tự nghĩ, nhưng bà ấy giống một hoàng hậu, bà là đệ nhất phu nhân của quốc gia độc lập của những người Slaves miền nam”. Motok cũng biết mơ mộng như trẻ con, như các thiếu nữ như các thi sĩ vậy. Khi tàu bị đứng lại, Motok, không thể chán nản như những hành khách khác. Y ngồi yên ở ghế và mơ mộng như đang xem màn ảnh hay đang lật những trang sách có hình màu. Tàu có lẽ trễ đến bảy giờ hay phải ở lại ga cũng nên. Thế mà y không chán nản, không cảm thấy cô đơn vì y vẫn sống bằng mộng, nhưng bây giờ y đang mơ tới bà Paternik lúc đi đường, va li trên tay. Y nghĩ đến hình ảnh những hoàng hậu trong các sách sử để có thể dễ tưởng tượng nhiều hơn về

Milostiva Paternik. Y hãnh diện sẽ được vào trong biệt thự của bà hoàng hậu và đưa gói hàng cho người bồi phòng già, tóc bạc.

Nhưng hàng chục tiếng còi báo động bỗng vang lên trong thành phố lôi Motok ra khỏi giấc mơ vừa rồi.

Motok trốn vào bức tường bên đường. Bầu trời hình như đang nổi lửa, lửa bốc lên từ lòng đất cùng một lúc với những tiếng còi báo động và những tiếng gầm của động cơ? Lề đường rung động, bức tường Motok đang dựa cũng rung lên. Năm xe mô tô có đèn pha và còi hụ đang lên dốc sau lưng Motok, đèn pha như đang đốt cháy mắt y, lột trần thân thể y. Y càng bám sát vào tường đá để đỡ thấy trần truồng. Ba chiếc xe hơi theo sau cùng, đèn pha chói sang và còi hụ inh ỏi. Motok tái mặt. Hàng mô tô ở dưới đường tiến lên hình như bay hẳn lên không trung, tiếng còi loảng ra trong mây cùng với những tia sang của ánh đèn pha, Motok run lấy bầy.

Motok quay đầu lại, một người đứng cạnh y nói:

- Tướng Lilan Paternik đấy!

Lính cưỡi mô tô mặc áo choàng bằng da, nón sắt dưới ánh sáng đèn pha trông như những người bằng kim khí, ánh thép hiện cả lên ánh mắt của họ nữa.

Mắt của Motok nhức nhối vì ánh đèn pha. Thái dương y ù lên. Y phải quay mặt vào bóng tối.

- Tướng Milan Paternik bao giờ cũng chỉ đi ban đêm với chừng ba xe hơi và 20 mô tô. Đèn, còi hụ với tốc lực 120 cây số giờ. Ông tướng đó không bao giờ di chuyển khác hơn. Một ngày nào đó ông ta sẽ vỡ mặt; không thể nào đi như thế mà không vỡ mặt được.

Người lạ đứng gần Motok cười héo hắt, và nói tiếp:

- Ông bạn có biết tướng Paternik đi đâu không? Có lẽ ông vừa mới biết trong một góc phố nào đó người ta vừa mới khám phá ra một người Do Thái hay một người theo Chính thống giáo. Nhưng chắc chắn là một tổ cáo láo, vì từ lâu trong xứ này không còn Do Thái và Chính thống giáo nào nữa. Họ bị giết hết rồi. Tuy thế mà «người hùng Paternik» vẫn xuất hiện với đoàn mô tô sát nhân của hắn mỗi hắn biết có một người Do Thái vừa bị tổ cáo. Nhưng chắc chắn hắn sẽ không còn tìm được người Do Thái nào nữa. Thôi chào ông nghe! Milan Paternik sẽ không còn tìm thấy một người Do Thái nào ở đây nữa.

Rồi người đó đi xa, đi sâu vào bóng đêm.

Motok thầm nghĩ: «Eddy Thall bảo với mình là Lidia Petrovici gốc Do Thái. Người này lại bảo không còn ai Do Thái ở đây nữa, sao thế nhỉ?» Motok hấp tấp đi về biệt thự của bà hoàng đầy lòng tốt Debora Paternik.

VIII

Cổng biệt thự của bà Debora Paternik mở rộng, 20 chiếc mô tô tiến vào sân. Tiếng còi hụ ngưng hẳn. Ánh đèn pha vẫn giữ sáng và máy tiếp tục nổ. Những người mang áo choàng da, mặt đánh như thép, vẫn ngồi trên mô tô và sẵn sàng đi.

Milan Paternik xuống xe, bước lên bậc tầng cấp bằng cẩm thạch. Trông hắn trẻ như một tên học trò. Chỉ có huy hiệu cấp tướng, những ngôi sao trên nón và màu vàng trên tay áo phản chiếu ánh đèn là có thể minh chứng hắn không phải là một tên học trò. Hai người cao lớn cũng mang áo choàng bằng da đã đứng sẵn ở cửa vào. Chuông reo không ngừng chẳng khác gì tiếng còi hụ. Cửa mở. Không chần chừ, Milan bước vào. Chẳng thèm để ý đến tên bồi phòng Ivo Doppelhof. Hắn tiến sâu vào thăm khám ở phòng khách. Hai người cảnh sát đứng ở phòng ngoài. Tất cả như là đang bao vây căn biệt thự này.

Milan Paternik nói gần như thét:

- Gọi mẹ tôi ra ngay!

Hắn đang đứng trong phòng khách một mình. Dừng lại trước tấm gương soi lớn, Milan dơ hai tay vuốt đôi má nhợt nhạt, gầy gò của hắn, như má của một bệnh nhân; rồi hắn nhìn kỹ đôi mắt mệt nhọc nhưng tàn nhẫn của hắn, nhìn chiếc áo choàng có cầu vai vàng phản chiếu bộ mặt hắn – như những ánh đèn pha.

Hắn thầm nhủ «Mình mệt quá» Nhưng hắn vẫn hãnh diện về sự mệt mỏi đó và không hề cố gắng kiểm giấc ngủ êm đềm.

Ở phòng bên, bà Debora đã sửa soạn xong. Ivo đang đứng gần cửa. Milostiva hỏi:

- Hắn vẫn nóng nảy như mọi lần?

- Dạ thưa bà, ông ấy vẫn nóng nảy như thường lệ.

Milostiva không muốn nói chuyện với hắn nữa; nhưng có ai trái ý Milan cho được. Hắn rất ít đến thăm mẹ hắn. Mỗi lần thăm viếng thường tế nhị và gay cấn. Milostiva hỏi lại một lần nữa:

- Hắn nóng nảy lắm sao?

- Vâng, rất nóng nảy, thưa bà.

Milan Paternik mới có 26 tuổi, nhưng mọi người biết rõ công trình của hắn, ngay cả một đứa con nít. Hắn đã giết tám trăm ngàn dân Do Thái và người Chính thống giáo.

«Hình phạt lớn lao nhất cho một người mẹ là có một đứa con sát nhân, một đứa con chỉ biết bơi trong máu». Nghĩ như thế, bà Debora đành lau

nước mắt, giọt nước mắt nhỏ như một hạt ngọc. Và bà bước vào phòng khách, người thẳng, mắt nhìn về phía trước, ngay phía Milan đang đứng.

- Milan, tại sao con còn giữ áo choàng.

Milan không hôn tay mẹ như thường lệ. Hắn xoa hai tay, có vẻ rất nóng nảy, và không chịu ngồi xuống.

Milostiva nhìn kỹ bộ mặt tái nhợt, đôi mắt nhọc mệt, đôi vai gầy gò của Milan. Bà không cần biết đến cấp hiệu tướng lĩnh trên vai con bà. Bà chỉ đau lòng nhìn đứa con bà đứng đó, nhọc mệt, xanh xao vì làm việc quá sức. Bà đến gần và nói:

- Đưa tay cho mẹ cầm, Milan, con gầy quá!

Đôi tay già yếu, khô đét của Milostiva cầm lấy hai tay của Milan.

- Tại sao con vẫn mang găng tay?

Hỏi thế và bà dăm dăm nhìn đứa con. Đáng lý bà đã hôn chiếc trán cao của Milan, nhưng bà không còn đủ can đảm. Bà đành xiết chặt đôi tay còn mang găng của con bà như không muốn rời ra nữa. Bà thừa biết là con bà, không còn nghe lời bà nữa, lúc nào hắn cũng ngoan cố, như thời còn trẻ. Milan bảo:

- Mẹ, con khổ quá đi mất.

Vừa xiết chặt tay con, Milostiva vừa bảo:

- Có chuyện gì làm con khổ tâm, con cứ kể cho mẹ nghe. Mẹ sẽ giúp con. Nhìn thẳng vào mắt mẹ đi con, đừng quay nhìn nơi khác, vâng, nhìn mẹ như hồi con còn nhỏ ấy mà.

Trong chốc lát. Milan nhìn thẳng những nét nhăn nheo trên làn da trắng trẻo của bà mẹ, nhưng rồi hắn lại quay nhìn nơi khác, tay vẫn cầm hai tay

bà mẹ.

- Điều con sắp nói với mẹ làm con khổ tâm quá.

- Milan con, không ai hiểu nỗi khổ của con bằng mẹ đâu. Cứ nói đi, Milan, có chuyện gì quan hệ đã xảy ra đến cho con?

Milan bỗng nhiên hỏi mẹ với một giọng nói cứng rắn:

- Thưa mẹ, mẹ biết con là ai không nhỉ?

Nghe hỏi thế, Milostiva nghĩ đến hàng trăm nghìn người vô tội đã bị Milan giết chết. Bà muốn thét lên vì đau khổ, nhưng bà đã tự chủ được, và dịu dàng trả lời:

- Milan, điều gì con đã làm mẹ không cần biết, con vẫn là con của ta và ta vẫn là mẹ của con.

Milan đứng dậy:

- Vâng, thậm kịch là ở chỗ đó mẹ ạ, ở chỗ mẹ là mẹ của con. Vậy con xin mẹ trả lời cho con biết và đừng ngại ngần gì cả. Con là ai? Mẹ là mẹ của con nên con thiết tưởng mẹ biết rõ điều đó hơn ai hết.

Milostiva không trả lời, bà vừa khóc vừa nhìn con. Milan tự trả lời cho hẳn:

- Con sẽ nói cho mẹ nghe con là ai. Con sinh ra cách đây 26 năm ở Budapest, ở một thành phố mà mẹ và cha con đang bị lưu đày. Cả mẹ và cha con đã điều khiển một tổ chức chính trị lấy tên là Zadom, do sở tình báo lập nên. Đáng lý, Zadom phải giải phóng cho dân tộc ta thoát khỏi gông cùm ngoại bang. Nhưng trên thực tế, đó là một tổ chức khủng bố hoạt động trong biển Balkans cho đế quốc Anh. Các chị con và con đều được giáo dục theo tín điều của Zadom. Câu đầu tiên mà con học nói là «Tổ quốc ở trên tất

cả». Cùng với các môn học La tinh, sử địa, mẹ đã dạy con bắn súng, phóng dao, xử dụng súng liên thanh, mẹ đã hãnh diện vì con. Chờ đợi mãi tổ quốc vẫn chưa được giải phóng và cho đến năm 20 tuổi con vẫn chưa hề đặt chân lên quê hương. Đó là niềm khao khát nhất của đời con.

Milostiva tiếp lời:

- Tất cả những kẻ bị lưu đày đều hy vọng một ngày nào đó sẽ trở về với quê hương, đó là một niềm khao khát thiêng liêng. Mẹ đã không hề ân hận khi nuôi con trong tin điều của tự do, của lòng yêu quê hương, của ý thức độc lập quốc gia. Và mẹ vẫn hãnh diện đã giáo dục con trong những tình cảm thiêng liêng đó.

Milan hỏi thêm:

- Mẹ có nhớ chuyến du lịch đầu tiên của chúng ta ở La Mã không nhỉ? Thật con ngạc nhiên vô cùng. Trong tất cả các xứ ở Âu Châu mà gia đình ta đã bước chân đến, chúng ta chỉ biết có nhọc nhằn và khổ sở.

Ở các phòng trong khách sạn, mẹ vừa phải đánh máy những tiểu luận cho báo chí, những biên bản những buổi họp, vừa phải làm bếp, giặt rửa. Đời sống chúng ta ở đâu cũng thế cả, Bá Linh, Ba Lê, Hung gia lợi, Berne, Genève, Sofia, Bucarest, đâu đâu cũng chỉ là những phòng trọ cùng những cuộc họp bí mật. Mẹ phải giặt áo quần, đánh máy, nấu khoai tây. Thế mà bỗng nhiên, chúng ta du lịch sang La Mã. Ở một căn biệt thự rộng rãi, tiêu pha rộng rãi, xe hơi đón rước, lính hộ vệ bên mình. Rồi báo chí, người giúp việc đầy đủ. Mẹ có nhớ những điều đó không nhỉ? Mussolini đã mời Zadom cộng tác với phát xít. Người Anh, chủ nhân ông của mẹ, đã bảo với mẹ rằng đó là một lời mời không nên từ chối. Họ muốn Zadom hợp tác với phát xít để họ lấy tiền của Phát xít mà phụng sự cho quyền lợi của Anh quốc trong biển Balkans.

Milostiva ngắt lời:

- Trên chính trường những cuộc hợp tác giai đoạn như thế rất thường xảy ra. Điều mẹ đã làm không có chi mới lạ cả. Người Anh đã bảo trợ và khuyến khích mẹ trong chiều hướng đó. Tổ chức mẹ đã không làm gì mà không hỏi ý kiến của người Anh. Chúng ta đã đặt hy vọng ở Anh quốc trong cuộc dành lại tự do độc lập cho dân tộc.

- Sau đó mẹ được mời sang Bá Linh?

- Vâng. Và Anh quốc đã khuyên mẹ nhận lời. Đó chỉ là một đường lối do những nhu cầu chính trị hồi đó đẻ ra. Nhưng chỉ là tạm thời mà thôi.

- Vào năm 1940, gia đình chúng ta đang ở Bá Linh. Rồi họ đánh thức chúng ta dậy lúc nửa đêm để báo tin là mộng chúng ta đã đạt được. Giấc mơ của mẹ của cha con và của dân tộc đã thành. Tổ quốc đã được tự do và độc lập. Quốc gia đón tiếp mẹ và cha như hai vị anh hùng. Cha mẹ đã giải phóng cho dân tộc, và con được cử làm giám đốc sở cảnh sát, được phong cấp tướng. Ngay từ lúc đầu, từ lúc đầu mới mới phục hồi độc lập, con đã muốn thực hiện ngay các điểm khác của chương trình Zadom. Dĩ nhiên là mẹ đã biết rõ vì đã bao nhiêu lần mẹ đánh máy các điểm đó của chương trình, nào là độc lập, chủ nghĩa xã hội quốc gia chống chủ nghĩa Bôn sơ vít của Nga và chống Do thái nữa.

Milostiva òa khóc, bà bảo:

- Vài điểm khác của chương trình đã được thêm vào sau này; như là để đổi lấy viện trợ đã cho, Hitler và Mussolini đòi chúng ta phải thảo kế hoạch chống Bôn sơ vít. Người Anh yêu cầu chúng ta chấp nhận lời đòi hỏi đó. Họ nói là các điểm đó, trên thực tế, sẽ không bao giờ được áp dụng, rằng sau khi giúp ta giải phóng quê hương, người Anh sẽ cố giúp chúng ta tạo được một nền tự do dân chủ trong quốc gia chúng ta.

- Thực ra, người Anh vẫn ở lại xứ họ và mẹ đã phục hồi tự do cho dân tộc nhờ viện trợ của Phát xít, như là Luân Đôn đã khuyên mẹ làm như thế.

Và, bây giờ, mẹ đã thấy trong quốc gia nhỏ bé này có cả một chương trình Phát xít. Riêng con, con không biết chương trình nào khác hơn nữa. Con không hề biết là có vài điểm của chương trình cần áp dụng triệt để để còn vài điểm khác thì không. Con tin tưởng ở Zodom. Con không biết cuộc sống nào ngoài Zodom. Con đã quét sạch hết tất cả các thành phần thấp kém trong nước như Tziganes. Chính thống giáo, Do Thái. Ngày mà Himmler bắt tay và khen con về tổ chức chặt chẽ của quốc gia ta, ông ta bảo rằng: «Đức quốc đã không thành công bằng ông trong chiến dịch trừ Do Thái. Quốc gia ông là quốc gia độc lập nhất không còn một người Do Thái nào cả. Vâng, không còn một người Do Thái nào nữa, một quốc gia độc lập không thể dung dưỡng bất cứ người Do Thái nào». Himmler cười, rồi bảo tiếp: Ông còn một người Do Thái trong nước, nhưng người đó, ông không thể giết chết. Mẹ có biết ông ấy ám chỉ ai không?

Milostiva buồn bã trả lời:

- Chính mẹ đây con ạ. Mẹ là người Do Thái duy nhất của quốc gia độc lập này.

- Thế thì, tại sao mẹ lại dấu diếm con điều đó. Bây giờ, sau khi đã loại trừ ra khỏi quốc gia hằng trăm nghìn người Do Thái, sau khi đã làm đổ bao nhiêu máu trong nước, con mới biết mẹ là người Do Thái.

Milan Paternik ngồi phịch xuống ghế và nói tiếp:

- Con không lầm lỗi gì cả. Mẹ đã nuôi con trong sự cuồng tín của đảng. Con đã áp dụng chương trình của đảng từng điểm một với tất cả nhiệt thành. Bây giờ biết điều đó, đời con xem như chấm dứt từ đây.

Và hăn đứng dậy, đã xanh xao mệt mỏi, hăn càng xanh xao mệt mỏi hơn. Hăn đến gần Milostiva Debora:

- Nghề nghiệp con đối với con đồng nghĩa với đời sống và lý tưởng như thế đã kết thúc. Vì thế, con đã đến thăm mẹ đêm nay.

Hắn yên lặng giây lát, trong lúc Milostiva hỏi:

- Tất cả điều đó đều do mẹ phải không con?

Vâng, thưa mẹ do mẹ cả.

Người đàn bà già nua đứng dậy vuốt tóc con, trong khi Milan vừa nói: “hết cả rồi” vừa chỉ cho mẹ hắn một ống thuốc hắn vừa rút trong túi ra.

- Nếu mẹ cho rằng còn một giải pháp khác cho con, con van mẹ nói cho con hay. Nhưng con nghĩ là chỉ có cách tự tử mà thôi. Con không muốn có một cuộc sống nào khác ngoài Zadom, và dĩ nhiên Zadom phải loại trừ con vì con là con của mẹ, con của một người đàn bà Do Thái.

Milostiva vẫn vuốt tóc Milan và nói:

- Thôi, con ráng chờ đến ngày mai. Tình thương của người mẹ sẽ tìm cho con một giải pháp. Con hãy đến đây ngày mai và mẹ con mình sẽ bàn luận với nhau. Mẹ chỉ yêu cầu con một điều là hãy giữ mạng sống cho đến ngày mai. Con hứa với mẹ như thế và mẹ tin ở lời hứa danh dự của con. Bây giờ con vứt ống thuốc đi.

Milan nghe lời vứt ống thuốc độc qua cửa sổ, trong khi Milostiva dặn dò tiếp:

- Con không có lỗi gì cả. Con đã có một đức tin, như mọi người còn trẻ thường như thế. Cha con và mẹ cũng đã có một lòng tin mãnh liệt và đã chiến đấu cho tự do của dân tộc. Dân tộc đã yếu kém lắm, cần phải được giúp đỡ. Nên chúng ta đã xin Anh quốc viện trợ. Thế mà Anh quốc đẩy chúng ta vào bàn tay của Hitler và Mussolini. Chính Anh quốc là thủ phạm. Xin Chúa trừng phạt Anh quốc, Milan, mẹ muốn hôn con một lần cuối.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Ix & X & Xi & Xii:

gười bồi phòng Ivo Doppelhof nghe lóm hết câu chuyện lúc đứng đằng sau cửa. Ivo thầm nhủ:

- Đúng rồi. Milan không hề biết mẹ hắn là Do Thái. Người ta không bao giờ nói với hắn điều đó cả. Mình theo gia đình này trên khắp bước đường lưu lạc, mình biết rõ điều đó lắm. Hắn được nuôi dưỡng trong đường lối đó. Họ đã tin cậy ở Anh quốc, ngỡ rằng một một lúc nào đó Anh quốc sẽ thay đổi chính sách và kế hoạch chống Do Thái sẽ không bao giờ thực hiện cả. Bây giờ kế hoạch đó lại được Milan áp dụng và Anh quốc không hề nói thêm gì nữa cả. Vâng, Anh quốc không bao giờ nói thêm gì cả.

Bên ngoài, đã vang tiếng mô tô, tiếng còi hú, tiếng máy nổ rầm rầm, Milan bỏ đi rồi.

- «Ivo»

Milostiva gọi Ivo: ông nhón nhén đi vào phòng khách, chờ lệnh.

- Ta muốn đi dạo mát một chút.

Milostiva hầu như không có gì buồn bực. Ivo mang áo choàng đen khoác lên vai cho bà. Thường thường khi nào không ngủ được, Milostiva hay đi dạo mát ở vườn hoa.

- Ivo, nhà người có đứng gần khi ta đang nói chuyện với Milan không?

Xuống hết bực thêm, Milostiva bảo:

- Lên trái phòng tắm tất cho ta. Chừng nửa giờ nữa ta sẽ vào.

Ivo để ý thấy bà đang cầm một cây đèn bấm nhỏ, và đi thật chậm trên những lối đi trải sỏi nhỏ.

Ivo đã sửa soạn giường xong xuôi. Có tiếng bước chân nhẹ phía dưới cửa sổ. Ivo nhìn rõ bà Debora đang dừng lại trong đám hoa “Lilas” như đang tìm kiếm một vật gì. Bà cúi xuống đất, rồi ngoảnh mặt về phía cửa sổ và gọi: “Ivo”

Biết ý, Ivo bước xuống thêm, đỡ bà chủ vào phòng:

- Ivo cho ta một cốc nước.

Ivo chế một cốc nước gồm cánh hường trộn lẫn với hoa tilleul và hoa cúc, xong đặt lên mâm cạnh giường. Milostiva nằm yên trên giường cho đến lúc tiếng chân người bồi phòng mất hẳn trên hành lang. Xong bà nhòm dậy mở tủ lấy chiếc cắt móng tay. Dưới ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn chong, bà dùng chiếc cắt móng tay cửa ống thuốc đã lượm dưới cụm hoa bên ngoài, ống thuốc độc mà Milan đã vứt qua cửa sổ. Hòa ống thuốc vào cốc nước mà Ivo vừa chế, rồi cho thêm một tí đường. Cử chỉ của bà thật chậm rãi và bình tĩnh. Nếm thử một ít, Milostiva mỉm cười và tiếp tục uống hết cốc nước, có mùi hương tilleul và cúc. Trông bà thật là thần nhiên: trở lại giường nằm ngay ngắn, bà nhắm mắt lại và mỉm cười. Hương các thứ hoa trong cốc nước tỏa dần khắp cơ thể của bà, trong lúc bà thầm nhủ: «Ngày mai sẽ không còn một người Do Thái nào nữa trong xứ. Tất cả các điểm trong chương trình Zedom đã được hoàn tất. Con ta sẽ là người lãnh đạo chính trị giỏi nhất. Không còn một người Do Thái nào nữa, Milan Paternik sẽ mạnh hơn cả Himmler. Hẳn sẽ hãnh diện và sung sướng, ngực hẳn sẽ đầy cả huy chương. Xin Chúa trừng phạt Anh quốc».

Câu «xin Chúa trừng phạt Anh quốc» vang nhẹ nhàng vào tai bà như tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo ở phòng bên cạnh

X

Từ khi chế cốc nước cho Milostiva, đã một giờ trôi qua. Ivo không thể nào chớp mắt được. Ông ra hành lang và bước nhẹ gần phòng ngủ của bà chủ. Debora Paternik có chứng thối thừa ở mũi nên lúc nào ngủ cũng có tiếng khò khè rất nhẹ. Tại sao bây giờ không có tiếng thở giống như con mèo đang ngủ nữa nhỉ. Sinh nghi Ivo bèn đẩy cửa bước vào. Phòng tối om. Milostiva đang nằm dài trên giường, áo quần tươm tất. Ánh sáng qua tấm màn chiếu vào mặt Debora trắng nhợt như một tờ giấy. Lo sợ, Ivo bật đèn và gọi nhỏ:

- Thưa bà, thưa bà.

Bà vẫn nằm yên lặng. Ivo giật mình và giật dữ:

- Quân sát nhân. Quân sát nhân đã giết mẹ nó.

Ivo muốn kêu cứu, muốn gọi tên gác cổng, nhưng ông không có một quyết định nào cả. Ông vẫn đứng yên cạnh giường. Sau đó, ông quỳ xuống cầm tay người chết đặt một cái hôn và để bàn tay Milostiva lại trên ngực của bà. Xong ông làm dấu cầu nguyện.

Ivo đứng dậy đi ra cửa; đến ngưỡng cửa ông ngừng lại, nhìn một lần nữa thân thể người đàn bà già nua đang yên nghỉ trên giường hai tay khoanh trước ngực trong chiếc áo nhung đen, khăn quàng vút trên nệm như chiếc cánh con chim bị thương. Ivo trở về phòng.

Ivo hấp tấp sửa soạn va li, mang áo choàng, xem lại tấm thông hành đã cũ có dấu hiệu chiếu khán qua Thụy Sĩ xong bỏ vào túi. Ông nhìn quanh một lượt. Trên móc áo còn bộ áo bồi phòng có huy hiệu vàng. Từ nay ông không cần đến nó nữa. Ngoài va li và giấy thông hành ra, thực ông không cần lấy gì trong nhà này nữa. Không cần gì nữa.

Ivo lại vào phòng của Milostiva lần cuối. Va li bên tay trái, mũ bên tay phải, ông cầu nguyện cho người đã chết và nói nho nhỏ:

- Thưa bà, bây giờ bà không cần đến tôi nữa.

Yên lặng một chốc, đầu hơi cúi thấp xuống. Ivo nói tiếp:

- Cũng không còn lý do gì để tôi theo bà về nghĩa trang. Thôi vĩnh biệt Milostiva.

Lau nước mắt, Ivo cầm lấy mũ, bước ra khỏi phòng bằng cửa sau, đèn nhà vẫn để sáng. Vừa đi, Ivo vừa thầm nghĩ:

«Đã 40 năm mình làm bồi cho Milostiva. Bây giờ mình đành trở về Thụy Sĩ, đành trở về quê hương vậy»

Và ông bước về phía trung tâm thành phố.

XI

- Tôi hoàn toàn không cho ai biết về cái chết của Debora Peternik. Người bồi phòng đang đứng trước mặt Ante Petrovici, vị bộ trưởng nội vụ của xứ những người Slaves miền Nam. Ông đang cố tìm chữ để diễn tả. Vali và mũ vẫn cầm trên tay, ông đứng trước bàn giấy mà không muốn ngồi xuống. Ông nói tiếp:

- Trước khi ra ga, tôi đến để báo cho ông hay sự việc đã xảy ra như thế nào về cái chết của bà Debora.

Ante Petrovici vẫn yên lặng. Ivo tiếp tục:

- Tôi nghe hết tất cả buổi nói chuyện giữa hai mẹ con họ. Còn thuốc độc thì chính Milan đã đưa cho bà ấy. Vâng, chính thế. Tôi không động chạm gì vào người đã chết, chỉ khoanh hai tay bà lại trước ngực thôi. Rồi tôi ra đi, vẫn để đèn sáng. Chỉ có thế, thưa ông.

Trước mắt Ante như có bóng đêm đen, ông gác ống nghe vào chỗ cũ, mang áo choàng và bước đi khập khểnh không nói một lời nào. Cũng không thèm quay nhìn Ivo. Không cần nhìn ai nữa, không cần nhìn cái gì nữa. Xa lánh hẳn mọi sự. Ivo hỏi: «Ông có thấy gì trở ngại nếu tôi từ giã xứ này đêm nay không? Tôi sẽ trở về quê hương tôi. Tôi ở lại đây cũng chỉ vì Milostiva»

Ante nhìn thẳng vào mắt Ivo. Ivo nói tiếp:

- Tôi sẽ đáp chuyến tàu 0g30 sáng.

- Chúc ông đi mạnh giỏi, tôi sẽ lo mọi việc cho Milostiva. Ante nói thế, như trong một giấc mơ. Ante là một nhà trí thức với bộ óc thông thái và bộ râu màu nâu như râu của thi sĩ Rainer Maria Rilke. Ông ta bắt tay Ivo và mở cửa.

Ivo bỗng nói như van nài:

- Thưa bác sĩ, tôi cần thú nhận điều này nữa. Xin bác sĩ tha lỗi bởi đáng lý tôi không nên xen vào... Đó là việc của bà Lidia, người vợ cũ của bác sĩ. Milostiva thường hay giúp đỡ bà ấy tiền nong, thực phẩm và thuốc men. Nay Milostiva chết đi, tôi không biết bà ấy sẽ ra sao. Đó là tất cả điều tôi muốn nói thêm với bác sĩ.

Ante ngạc nhiên:

- Lidia đã ra ngoại quốc lâu lắm rồi, đã hai năm rồi.

- Không, thưa ông. Bà Lidia vẫn ở đây, hiện đang trốn ở Dalmatie trong một làng nhỏ, dưới một tên giả. Chỉ Milostiva biết địa chỉ của bà ấy thôi, và thường tìm cách giúp đỡ Lidia. Nay Milostiva không còn nữa, Lidia lại đang đau ...

- Ông chắc chắn như thế chứ?

Ante Petrovici đã ly dị vợ cách đây bốn năm. Lidia là một nghệ sĩ chơi vĩ cầm nổi tiếng. Ông ta yêu Lidia lắm nhưng không thể sống chung được, vì Lidia bị bệnh thần kinh, nên càng ngày càng trở nên gắt gỏng. Họ đành phải ly dị nhau. Lidia nổi tiếng khắp nơi, tại Mỹ cũng như tại Pháp và Anh. Ante chỉ biết mơ hồ là Lidia đã bỏ đi sau khi ly dị. Ông ta hỏi Ivo một lần nữa:

- Ông chắc chắn là Lidia không ra ngoại quốc?

- Thưa bác sĩ, chắc chắn như thế.

- Lidia là một người Do Thái, nên phải trốn tránh vì tất cả Do Thái ở quốc gia những người Slaves miền Nam đều bị giết. Ante ngạc nhiên:

- Tại sao Milostiva không bao giờ nói với tôi điều đó. Cả ông nữa, ông cũng giữ kín nốt.

Ivo nhún vai. Trong khi Ante nghi ngờ:

- Không thể nào Lidia còn sống được. Vâng không thể nào, nhưng nếu nàng còn sống, tôi sẽ lo liệu. Ivo, ông có thể ra đi. Chúc ông đi may mắn. Nếu Lidia còn ở đây tôi sẽ tìm ra.

Trước khi Ivo ra cửa, Ante còn quay lại hỏi:

- Ông không biết địa chỉ của Lidia sao?

- Thưa ông, chỉ có Milostiva biết mà thôi.

Không còn gì để hỏi nữa. Ante để cho Ivo ra ga. Ivo sẽ trở về xứ để có thể xây một căn nhà và sống bình dị, khi không còn là một tên bồi phòng nữa. Mà bây giờ thì dĩ nhiên ông ta không còn là một tên bồi phòng nữa rồi.

Ante trở lại văn phòng một mình. Nhắc ống điện thoại lên, Ante bảo với nhân viên:

- Anh báo cho quốc trưởng biết là Milostiva Debora Paternik đã chết. Vâng, bị giết bằng thuốc độc. Chỉ biết có thể lúc này thôi. Tôi sẽ đích thân đến biệt thự của Milostiva.

Mặc áo choàng, đội mũ xong, Ante nhận chuông, một sĩ quan chạy đến, Ante ra lệnh:

- Tìm xem thử bà Lidia Petrovici, người vợ cũ của tôi đã ra ngoại quốc chưa? Làm cho tôi một biên bản rõ ràng, sau khi hỏi kỹ các ban tình báo và các nơi. Nơi nào cũng phải hỏi cả đấy.

Xong, Ante lau mồ hôi trán và vội vã ra đường

X II

Motok trở lại ga với gói quà của Lidia. Không ai trả lời cho hắn đến nhà Milostiva cả. Eddy Thall đã dặn hắn là không được đưa gói quà đó cho lính gác cổng. Thế mà có ai trả lời hắn đâu ngoài mấy người lính gác cổng. Hắn nhìn đóng giấy thông hành của hành khách trên xe lửa mà không thèm mở ra xem nữa, vì đã mệt mỏi với cảnh tượng xảy ra ở biệt thự Milostiva. Hắn đã nhấn chuông suốt nửa tiếng đồng hồ. Vô ích. Cuối cùng rồi cũng phải bỏ về. Người bồi phòng không hề lên tiếng.

Bỗng có tiếng súng nổ, liên tiếp, sát toa phòng ngủ, Motok mở cửa sổ của toa xe nhìn xuống. Trên sân ga, cách toa xe có vài ba bước, một nạn nhân đã ngã gục, vali còn nằm bên cạnh. Mấy người lính mang tiểu liên chạy lại lấy cái vali và ôm người chết lên.

Một người khác dùng mũi súng cố móc cái mũ của nạn nhân đang nằm giữa đường rầy dưới toa xe.

Không còn ai ở trên lễ đường nữa. Bốn người lính đã kéo nạn nhân ra khỏi ga.

Motok nhìn vũng máu lớn chảy trên đường nhựa thành một vệt dài ra tận lối đi, vũng máu của người chết mà bốn binh sĩ đã kéo xé ra khỏi ga xe lửa. Motok lau nước mắt. Hắn muốn ra khỏi toa nhưng một tốp lính khác đã đứng gác ở hành lang toa xe. Một viên sĩ quan la lên:

- Giấy tờ của hành khách đâu hết?

Motok chưa kịp trả lời thì viên sĩ quan nọ đã vồ lấy giấy tờ đang để trên bàn và xét thật nhanh, từng tờ một. Sau cùng ông ta cầm lấy một giấy thông hành cùng với một vé xe lửa. Motok muốn xem tên trên tấm giấy thông hành đó lắm nhưng không kịp. Viên sĩ quan bảo Motok:

- Phòng số năm trống rồi đấy.

Rồi ông thản nhiên bỏ giấy thông hành của Ivo Doppelhof vào túi. Motok thầm nghĩ: «Đúng là hành khách phòng số 5 vừa bị giết».

Hai người lính khác tiến vào toa xe xem thử Ivo còn để lại vật gì không. Motok muốn xuống tàu một lát xem thử có chuyện gì xảy ra, nhưng toa xe đã bị lính gác chặn hết. Không ai được phép xuống ga cả. Hắn đành phải ở lại trên tàu và tiếp tục xem xét giấy tờ của các hành khách khác. Sau khi tàu đã khởi hành hắn đi khám một lần nữa. Các phòng đều đầy đủ cả. Có nhiều nhà ngoại giao, sĩ quan và kỹ nghệ gia Đức. Khi tàu đã rời quốc gia những người Slaves, một hành khách người Ý vừa gọi một chai bia vừa hỏi Motok:

- Anh có nói chuyện với người Thụy Sĩ đó trước khi ông ấy bị giết không? Motok ngạc nhiên, không hiểu ông khách muốn nói đến người Thụy Sĩ nào.

- Cả thành phố ai cũng biết, anh chứng kiến tận mắt cảnh đó anh lại không biết sao. Mà ông ấy lại là hành khách phòng số 5 của anh nữa.

Motok trả lời:

- Tôi chưa kiểm soát lại giấy tờ, nên chưa biết tên nạn nhân là ai cả. và lại, tôi không được phép xuống tàu nên có thấy mặt nạn nhân đâu. Tôi chỉ biết sơ là ông ấy bị bắn trên sân ga, sát toa xe lửa, sau khi ông ấy bị bắt, thế thôi.

- Đúng là Ivo Doppelhof, người bồi phòng của Milostiva Debora Paternick đấy.

Rồi vừa uống bia, người Ý lại nói tiếp:

- Người ta chưa hề thấy ở xứ này chuyện nào khủng khiếp hơn những chuyện vừa xảy ra đêm nay, một thảm kịch thật vĩ đại. Tướng Paternick đã giết mẹ hắn vì vấn đề chủng tộc. Giết mẹ hắn vì mẹ hắn không phải là người Slaves. Thực chưa bao giờ người ta thấy cảnh đó cả. Hắn đã ám sát mẹ hắn bằng thuốc độc. Sau đó hắn cho lệnh bắn người bồi phòng muốn trốn về xứ, nhưng lính đã bắt được và bắn hạ ngay tại ga xe lửa, như anh vừa chứng kiến đó. Milan Paternik muốn giết nhân chứng duy nhất của tội ác tày trời của hắn. Hắn sợ là lúc về đến Thụy sĩ người bồi bàn sẽ kể hết những chuyện mắt thấy tai nghe, nên hắn phải giết Ivo. Nhưng để làm gì cơ chứ, cả thành phố này đều biết cả rồi, và cả Âu Châu cũng biết câu chuyện này rồi.

Motok nhìn lại gói quà của Lidia ở dưới bàn, lẫn lộn trong mấy chai bia, trong lúc hành khách người Ý tiếp tục nói:

- Người ta đã bố cáo trên đài thanh là Milan Paternik đã bị cách chức và bị bắt. Chính cha hắn đã loại hắn ra khỏi chính trường. Lúc nửa đêm, đài phát thanh nào cũng loan tin đó cả anh không nghe gì hết ư? ... Ủa, mà anh đang sống ở thế giới nào đó? Sao anh lại không biết là tướng Milan đã bị cách chức?

Motok lau mồ hôi trán, hắn cảm thấy chóng mặt quá đi mất.

- Ông có chắc người bị giết là Ivo Doppelhof, người bồi phòng của Milostiva Debora Paternck?

- Điều đó ai cũng biết cả. Chỉ có anh là nghi ngờ thôi, trong khi anh lại đủ điều kiện để biết hơn ai hết. Thế anh không trông thấy gì cả ư? Anh cũng không hề nói chuyện với nạn nhân lần nào cả sao? Thôi, mai báo chí sẽ cho anh biết. Thực là một chuyện đáng tởm.

Motok không còn sức để suy nghĩ gì nữa cả. Hành khách người Ý gọi thêm một chai bia nữa. Trong lúc Motok cúi xuống kiểm một chai bia, người hành khách vỗ vai hắn và nói:

- Điều quan hệ hơn cả là Ivo là dân Thụy sĩ, vâng, dân của một nước trung lập. Thụy sĩ sẽ phản kháng và tai hại lắm.

Con tàu trườn mình trong đêm tối. Họ đang ở trung tâm của Âu châu, trung tâm của những bóng đêm của những che dấu và lừa đảo.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Xiii & Xvi & Xv:

iên đại sứ Đức bảo:

- Đây là một ân huệ hoàn toàn đặc biệt đấy.

Trao cho Ante Petrovici tờ giấy phép vào trại Auschwitz, ông ta nói tiếp:

- Cách đây bốn tuần, Lidia Petrovici bị giam ở Đức. Nhưng bà sẽ được phóng thích và có thể trở về với ông lúc nào ông đến lãnh. Tôi hy vọng là ông sẽ gặp bà khoẻ mạnh. Nhưng tôi yêu cầu ông giữ bí mật hoàn toàn. Những đặc ân này phải giữ kín đấy. Thôi chúc bác sĩ may mắn.

Thế là Ante Petrovici sang Đức ngay ngày hôm đó. Một tuần trôi qua kể từ ngày Milostiva tự tử, Ivo bị ám sát và Milan Paternik bị cách chức – Ante Petrovici cũng không muốn làm bộ trưởng nội vụ nữa, ông đã xin từ chức nhưng không được chấp thuận. Dù thế nào, ông ta cũng theo dõi dấu vết của Lidia, biết được bà đang bị giữ ở trại Auschwitz và đã được chấp thuận trả tự do. Ông tức tốc sang Đức ngay.

Từ hai năm nay, ông ta không hề nghĩ đến Lidia. Nhưng bây giờ thì khác. Lần cuối cùng khi hai người vừa ly dị, nàng đã nói: «Em sẽ ra ngoại quốc.» Rồi chiến tranh bùng nổ, Ante Petrovici giữ chức Bộ trưởng nội vụ và không nghe gì về Lidia nữa.

Ante thắc mắc: «Tại sao Lidia chẳng cần gì đến mình cả?»

«Với chức vụ bộ trưởng, đúng ra mình đã giúp đỡ nàng ít nhiều, nhưng tại nàng giữ hành tung bí mật quá. Dù sao, nàng cũng là vợ mình». Tuy nhiên Ante không hiểu nổi tại sao nàng lại ghét bỏ mình. Có lẽ tại mình

tham gia một chính phủ có chủ trương giết Do Thái chẳng. Nhưng mình có hợp tác trong vụ đó đâu. Mình chỉ chuyên về hành chánh mà thôi.

«Thực ra, Lidia vẫn có quyền hận mình, hay nàng có ghét mình chẳng nữa thì cũng hợp lý. Ngay cả không hợp tác, mình cũng đã nằm trong thành phần những kẻ sáng lập một thứ xã hội mới. Để thực hiện thứ trật tự mới đó cho cả Âu châu, những «chuyên viên chính trị đó», đã loại trừ một vài chủng tộc như Tziganes và Do Thái, mình cũng đã hoạt động cho thứ trật tự mới đó, thứ trật tự đó chống lại chính con người.» Nên Lidia đã ghét mình, mình đã góp phần vào công cuộc giết người để tạo nên thứ trật tự mới của xã hội Âu Châu. Đó là một tội ác lớn lao nhất đời. Nếu còn nói chuyện với nhau, và nàng có tỏ ra khinh bỉ mình thì cũng là một điều dễ hiểu. Cũng như nàng đã từng xin ngoại quốc giúp đỡ mà không hề mở miệng yêu cầu mình một điều gì cả.

Ante đem theo trong xe nhiều thứ, nào thức ăn, nào thuốc men, áo quần, mền mùng. Tất cả để cho Lidia. Ông ta vội vã qua Đức. Chưa bao giờ ông vội vã như thế, nên khi ông đến Auschwitz, ông ta hầu như hoàn toàn kiệt sức. Ante muốn giải thoát Lidia vài phút sớm hơn. Chậm giây nào để Lidia phải chịu khổ trong cảnh tù đầy là lỗi của Ante.

- Thưa ông, bà Lidia Petrovici vừa mới chết.

Nghe thế, Ante đứng lặng người trước viên chỉ huy trại giam đang cầm giấy tờ phóng thích của Lidia.

Thật tai hại, nếu ông đến đây sớm hơn chừng một tuần thì bà ấy còn sống. Tai hại quá, một lệnh phóng thích như thế này thật quá đặc biệt. Tiếc thay lệnh đó đến với một tù nhân đã chết.

- Tôi có thể mang xác về chôn cất ở xứ sở được không?

- Thưa ông, tù nhân chết trong trại giam đều bị đốt, đó là một thông lệ chung.

Ante muốn bỏ đi. Nhưng ông chỉ huy trại giam xếp lệnh phóng thích Lidia vào hồ sơ. Theo đúng luật lệ hành chánh. Ông ta phải giữ giấy tờ đó lại.

- Bà ấy không để lại thư từ hay vật gì sau khi chết?

Viên trại trưởng mỉm cười mỉa mai:

- Thưa ông, rất tiếc tù nhân ở đây không có lệ gửi thư.

Thế là Ante đành bỏ đi. Vừa đi vừa lẩm bẩm: «Đúng là loại trừ hoàn toàn. Lidia đã bị loại trừ, bị đốt thành than, thành tro bụi, không còn một dấu tích gì nữa. Một hạt nút áo cũng không còn».

XIV

Daniel Motok đến nhà Pierre Pillat và muốn kể hết các chuyện đã xảy ra, bởi báo chí không hề đề cập gì rõ ràng cả. Người ta chỉ nói là tướng Milan Peternick, giám đốc cảnh sát quốc gia đã bị thay thế. Chỉ có thể thôi. Và rải rác trên các báo chí, người ta đọc được tin Milostiva Debora Paternick vợ của quốc trưởng và là người cộng tác đặc lực nhất của quốc trưởng vừa mới từ trần. Không có tin gì về cái chết của Ivo Doppelhof.

Cầm gói quà của Eddy gửi cho Lidia trên tay, Motok muốn gặp Pillat ngay để kể cho ông ta biết chuyện hãn đến quốc gia người Slaves như thế nào, đến biệt thự Milostiva chỉ gặp lính gác và người chết ở bên trong ra sao, kể chuyện người bồi phòng đã trốn tránh và bị giết trong trường hợp nào.

Và Motok muốn bảo với Pillat: «Tôi không thể đến nhà Eddy Thall để trả lại gói quà này đâu, bởi vì tôi không còn lòng dạ nào kể cho bà ấy nghe câu chuyện hãi hùng vừa xảy ra. Nhờ ông đi hộ cho». Nhưng Pillat không có nhà. Nhìn đồng hồ thì đã 8 giờ tối. Sức nhớ đến tấm danh thiếp của Eddy, Motok nghĩ bụng:

- Thôi mình cứ đến hý viện vậy. Và không cần xem diễn kịch. Mệt quá rồi, nhưng đấng nào cũng phải đến để trả lại gói quà, thế thôi.

Motok gọi tắc xi đi về hý viện. Đến nơi đã thiếu 15 phút đầy 9 giờ. Thế mà cửa lớn còn đóng. Hý viện tối om. Bước lên tam cấp, hấn cố mở cửa chính của hý viện rộng thênh thang. Cửa vẫn đóng. Đặt gói quà xuống bậc thềm, Motok quẹt một cây diêm và tự nhủ «Nếu có trình diễn như thường lệ vào lúc 9 giờ thì vào giờ này hý viện đã mở cửa rồi chứ!»

Ánh sáng cây diêm cho phép Motok đọc một mảnh giấy dán trước cửa có hàng chữ hoa: «Hý viện Eddy Thall ngưng trình diễn tạm thời.»

Motok muốn hiểu lý do tại sao, nhưng chẳng ai ở đó để hỏi cả. Motok lại tự an ủi: “May mà chỉ mới tạm ngưng thôi.”

Trước khi bỏ đi, Motok muốn chắc có đúng như vậy không, hấn bèn quẹt thêm một cây diêm nữa, dòng chữ hoa hiện ra trên mảnh giấy dán ở cửa «Hý viện Eddy Thall ngưng ...» chỉ đọc được như thế thì cây diêm tắt. Mảnh giấy chìm trong bóng tối, nhưng chắc chắn là Motok đã đọc đúng. Những buổi trình diễn của hý viện Eddy Thall đã ngưng.

XV

Eddy nói với Tinka:

- Tinka, vú phải ráng lên. Chúng ta không có quyền để thay đổi một điều gì cả. Tôi đã thử hết cách rồi, nhưng người ta vẫn không cho phép tôi để vú làm việc ở đây. Vú phải đi, nếu không cả hai chúng ta phải vào tù. Không một người Do Thái nào có quyền nuôi người giúp việc có đạo Thiên chúa.

Tinka đứng trước mặt Eddy Thall, trong căn phòng mà bà không có quyền quét tước, đã mấy ngày nay. Kể từ ngày bà đi vắng, sàn nhà không được đánh bóng, bụi bám đầy sách vở không ai lau chùi. Nhận xét đó đủ

làm cho bà khổ tâm, bởi lẽ không làm những công việc thường nhật đó, bà cảm thấy đời sống của bà không được quân bình nữa.

Eddy nói tiếp:

- Vú cầm lấy gói giấy tờ này đi. Vú có cả một cuốn sổ ngân hàng nữa đó. Vú có thể rút tiền ra tiêu lúc nào cần. Tôi đã trả cho vú một năm lương chứ không phải chỉ 3 tháng như luật lệ bắt buộc đâu. Vú có đủ giấy tờ trong gói này như trích lục khai sinh, bản sao rửa tội. Vâng, đủ cả đấy.

Eddy đưa gói giấy cho Tinka. Bà chưa bào giờ giữ giấy tờ đó trong người cả, lúc nào cũng nhét trong hộc bàn bởi có lúc nào bà cần đến chúng đâu. Cho nên, Eddy đưa cho bà, bà bỗng nức nở khóc:

- Cô muốn tôi làm gì với những thứ này?

- Thì mỗi công dân phải có giấy tờ chứ.

Tinka nghĩ thật thô thiển. Cả khu phố này ai mà không biết đến bà, từ người hàng xóm đến bà bán bánh mì, bán thịt, ai cũng biết bà cả thì bà cần gì đến giấy tờ. Ủ, bà không phải là một người cần đến giấy tờ.

Nhìn gói giấy tờ trên tay, Tinka nức nở khóc. Nước mắt chảy xuống tấm khăn cứng, ướt luôn cả tấm bản sao rửa tội và trích lục khai sinh.

Đối với Tinka, cầm những mảnh giấy đó còn nhục nhã hơn là bị đuổi khỏi nhà. Bà cứ nghĩ: “thật là một điều nhục nhã khi phải trở thành một người đàn bà có giấy tờ. Chỉ có những người đàn bà xấu xa mới cần có giấy tờ mà thôi”.

Và bà vứt gói giấy xuống bàn. Từ giờ cho đến lúc chết đi, bà không thể nào chịu nổi một sự nhục nhã như thế. Bà không phạm tội gì cả để bị bắt buộc cầm giấy tờ lúc bà đã 60 tuổi. Bà cứ nghĩ: “Thực là một sự nhục nhã nếu phải trở thành một người đàn bà có giấy tờ”.

Eddy Thall giải thích:

- Nhưng mà bây giờ ai cũng như thế cả. Vú nhìn tôi mà xem, lúc nào tôi cũng mang theo căn cước trong xách tay.

- Nếu người ta muốn xét giấy tờ tôi, xét giấy tờ một người đàn bà già nua như một kẻ trộm cắp hay vô lại thì thà tôi chết đi còn hơn.

Nói xong Tinka lau nước mắt, rồi chột nhắc Eddy:

- Mai thứ nam rồi đấy cô ạ.

Bởi vì từ 40 năm nay, Tinka lúc nào cũng giặt áo quần vào ngày thứ năm mỗi tuần, đều đặn như thế, không trừ bữa nào cả.

Nhưng Eddy đã vội bảo:

- Vú đâu có quyền tiếp tục làm việc trong nhà tôi nữa, luật lệ bây giờ không cho phép như thế.

- Tôi sẽ làm việc cho vui mà thôi, luật lệ không thể cấm tôi giặt áo quần vào mỗi thứ năm đâu, như tôi đã làm thế suốt đời.

- Tinka, luật lệ cấm điều đó thật đấy. Nếu vú rửa chén bát hôm nay thì ngày mai chúng ta sẽ vào tù như những người phạm tội.

- Nhưng cô tin là cảnh sát sẽ đi soát từng nhà để xem người ta có rửa chén bát hay không sao?

- Vú à, một người có đạo không được giặt áo quần cho một người đàn bà Do Thái. Vú là người có đạo, tôi lại là người Do Thái, đấy tội lỗi do thế mà ra cả.

Giọng Tinka bỗng trở nên chua chát:

- Thưa cô, cảnh sát xứ này đã bắt hết trộm cướp rồi, và bây giờ vì không có việc gì làm nữa, họ bèn vào kiểm soát từng nhà để xem đàn bà có giặt áo quần hay không ...

- Nhưng điều đó còn quan trọng hơn cả người phạm tội trộm cắp nữa. Vì nếu vú giặt áo quần cho tôi, vú phạm tội chính trị, một thứ tội nặng hơn tất cả các tội khác trong xứ này. Qua làn nước mắt, Tinka nhìn chiếc giường còn bừa bãi ở trong phòng ngủ, và bà hỏi Eddy:

- Thế tôi có được phép trải giường không thưa cô.

- Không, vú à. Tôi đã nói là vú không còn được phép làm bất cứ việc gì trong nhà tôi nữa.

- Thế việc tôi trải giường cũng thuộc về chính trị hay sao?

- Vâng, Tonka à, tất cả đều là chính trị cả ...

Tinka nhìn tách trà trên bàn và rụt rè nói với Eddy:

- Cô lúc nào cũng dùng trà vào giờ này. Nếu tôi đi rót trà cho cô thì có gì là chính trị đâu. Thế giới có phải ai cũng điên hết để cho rằng như thế là chính trị!

- tất cả việc gì do vú làm trong nhà này đều được xem như là xâm phạm đạo luật về chủng tộc, nghĩa là vú đã phạm tội thuộc chính trị. Ngay ở trong tách trà cũng có vấn đề chính trị.

- Vậy có lẽ cô muốn đuổi tôi ra khỏi nhà, bởi vì tôi không thể nào hiểu nổi như thế cả. Giặt áo quần, rót trà lau bụi trên sách vở, có gì là chính trị ở trong các công việc đó? Từ khi tôi còn trẻ, tôi đã rửa chén bát, làm bếp, quét nhà, đi chợ và mặc dù thế, tôi không hề dính líu đến chính trị. Trà là trà, không thể là chính trị được. Áo quần là áo quần, không thể là chính trị được, nền nhà là nền nhà ...

Nói đến đây Tinka nước nở khóc.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Xvi & Xvii & Xviii & Xix:

ột tuần sau khi hý viện bị đóng cửa, có một viên sĩ quan bước vào nhà Eddy, nét mặt có vẻ vui sướng và dễ thương, trong bộ đồng phục màu xanh da trời và mang huy hiệu phi công. Hắn nói ngay với Eddy:

- Tôi muốn đến thăm căn nhà này.

Và không chờ Eddy trả lời gì, hắn nhìn ngay vào phòng khách bên cạnh và hít hà ra vẻ thích thú lắm:

- Thật là một căn nhà tráng lệ, có bao nhiêu phòng tất cả, thưa cô?

- Mời ông ngồi xuống đã.

Eddy muốn ngăn cản hắn đi vào phòng khác nên nàng mời hắn ngồi, nhưng viên sĩ quan tiến về phía cửa sổ.

- Chà cô có một khu vườn đẹp quá, thật là tráng lệ.

Vừa nói thế, hắn vừa móc trong túi ra một mảnh giấy và trao cho Eddy:

- Tôi là Trung úy phi công Varlaam. Bộ kiến thiết đã cho tôi căn nhà này của cô.

Eddy cầm mảnh giấy có tiêu đề và đóng dấu hắn hoi; đúng là lệnh tịch thu nhà nàng. Tay nàng run lên. Nàng thừa biết thế nào nhà cửa của người Do thái cũng bị tịch thu, nhưng không ngờ nàng bị tước mất nhà sớm đến thế này.

Nàng nhìn thẳng vào đôi mắt mở lớn của viên phi công và nói:

- Thừa trung úy, làm sao ông có thể đuổi người ta ra khỏi nhà để vào ở cho đành. Đó là một điều mà tôi không thể làm nổi.

Hắn đỏ mặt và nói:

- Tôi mong cô tha lỗi. Như tất cả mọi Sĩ quan chính phủ đã cấp cho tôi một căn nhà. Và tôi được mời đến xem thử tôi có vừa ý căn nhà này hay không. Đó là những sự kiện đã xảy ra. Nhưng tôi không có ý đuổi ai ra khỏi nhà này cả. Xin lỗi cô, tôi cứ tưởng là nhà này không có ai ở.

- Vâng, người ta đã xem nhà này như là vô chủ bởi vì là nhà của một người Do thái. Đúng thế, một gian nhà do người Do thái ở được coi như là một gian nhà trống, dù là một gian nhà do chính cha ông tôi tạo ra.

Varlaam nghiêng đầu chào:

- Đó không phải là lỗi tại tôi. Một lần nữa xin cô tha lỗi. Hoàn toàn không phải do nơi tôi.

Và hắn bỏ đi.

XVII

Ngày ngày Eddy Thall chờ lệnh dọn nhà. Cái chết của Lidia, chuyện đóng cửa hý viện, chuyện xa rời Tinka, tất cả điều đó không làm cho nàng đau khổ bằng lệnh tịch thu nhà nàng, bởi lẽ căn nhà là nơi trú ẩn mà người ta có thể trốn vào đó để đau khổ. Thế mà nay nàng phải bỏ nó mà đi.

Trong lúc đó Max Reingold vẫn bình tĩnh ngồi đó, trên ghế bành với cặp da, áo quần thẳng nếp, kính gọng vàng như thường lệ. Ông bàn chuyện cùng nàng với tất cả thản nhiên như khi ông đang đề cập đến những điều nhỏ mọn chứ không xem như là đang nói đến chuyện quan hệ cho cả cuộc đời của hai người. Ông thản nhiên như đang tính toán một việc gì, bàn cãi

như khi đang làm một phép tính cộng hay tính trừ; thân nhiên, khách quan ông ta bảo Eddy:

- Điều may mắn duy nhất còn lại là chúng ta mở cửa lại hý viện. Vâng, mở cửa hý viện Eddy con ạ, năm lần lớn hơn, cho năm ngàn khán giả. Bác đã chuẩn bị sẵn sàng chương trình.

Nghe thế Edy rướn người lên một chút? Max tiếp tục:

- Chúng ta còn điều may mắn đó, nhưng không phải ở xứ này. Chúng ta sẽ mở lại hý viện ở thủ đô Tel Aviv, tại Palestine. Và như thế chỉ còn một giải pháp độc nhất là chúng ta di cư.

Mắt Eddy Thall sang lên một chút xong lại buồn bã trở lại ngay. Max vẫn nói: Ở xứ Lỗ này chúng ta không còn làm gì được nữa? Tình trạng đã như thế này: hý viện bị đóng cửa, nhà cửa bị tịch thu, người ở bị đuổi ra khỏi nhà. Chẳng bao lâu họ sẽ nhốt mình vào trại tập trung; rồi đốt cháy trong những lò hỏa thiêu như câu chuyện đó xảy ra ở các nước khác. Với lại, đây cũng không phải là quốc gia chúng ta, chúng ta là người Do thái, tổ quốc chúng ta là xứ Palestine. Cho nên giải pháp độc nhất là hungg ta phải di cư”.

Eddy Thall vẫn chưa nói gì. Max nói tiếp:

- Con không bằng lòng ư? Ít người Do thái hiện nay được may mắn di cư lắm. Thế mà chúng ta có thể di cư được.

- Thưa bác, con muốn suy nghĩ thêm chút nữa bởi vì có nhiều việc mà chúng ta khổ sở lắm mới từ bỏ được.

- Thế nhưng, chỉ phải rời khỏi nơi đây, con mới từ bỏ được khủng bố và nhục nhã.

- Con không muốn rời bỏ Lỗ Ma Ni. Con sinh ra ở đây và đã xem xứ này như quê hương. Mà quê hương cũng giống như một người đàn bà bác đã cưới làm vợ. Cho đến ngày nào đó, nàng đang hoàn toàn xa lạ với bác. Nhưng lúc nào nàng đã trở thành vợ bác thì bác sẽ yêu nàng hơn tất cả mọi người, hơn cả mẹ già của bác, hơn cả chị em ruột thịt của bác. Với nàng, bác có thể từ bỏ hết. Đối với quê hương cũng như thế. Dù đó là một xứ lạ. Đó là đất đai bác đang sống và bác khó lòng bỏ mà đi nơi khác được nữa. Lỗ ma Ni là nơi con đã sinh ra. Nó còn thân thuộc hơn cả chính tổ quốc của con là xứ Palestine nữa.

Max Reingold đứng dậy:

- Lý luận của con có vẻ hợp lý. Nhưng con suy nghĩ kỹ đi. Bác vẫn tin di cư là lối thoát duy nhất cho chúng ta. Và chúng ta chỉ còn giải pháp đó mà thôi.

XVIII

Eddy nói có vẻ van nài:

- Tôi cho vú một căn gác nhỏ, tôi van vú đừng vào nhà tôi nữa, nếu cảnh sát biết được vú ở đây, họ sẽ tưởng là vú còn phục dịch cho tôi thì phiền lắm.

Tinka đang đứng ở gần cửa, bà lên tiếng:

- Quan tòa Pillat không thể giúp tôi được gì sao?

- Vú à, không ai có thể giúp đỡ chúng ta để chống lại luật pháp cả. Luật pháp còn hung bạo hơn cả thú dữ nữa.

- Nhưng tôi làm gì cho hết ngày đây.

Tinka nhìn Eddy trừng trừng và hỏi như thế.

- Thì vú cứ lên trên gác đi. Và làm việc. Nếu vú chán thì đi xem hát bóng.

Tinka lại khóc nức nở. Đi xem hát bóng ngay trong giờ làm việc như những người đàn bà hư hỏng thật là nhục nhã.

Tinka có thể làm bất cứ việc gì nhưng mà đi xem hát bóng vào sáng thứ ba chẳng hạn thì thực bà không tài nào làm như thế được. Nên vừa bước ra cửa bà vừa khóc; lên nhà bà, bà uể oải nhúng áo quần bẩn vào chậu nước. Vào lúc đó, có tiếng gõ cửa. Hai người cảnh sát bước vào. Họ quan sát kỹ lưỡng các bức tường. Một trong hai người đến gần chậu áo quần, cầm cái áo cụt bằng vải thô lên xem, trong lúc Tinka nói gần như quát:

- Các ông không biết hổ thẹn khi dí mũi vào chậu áo quần của tôi sao.

Người cảnh sát vẫn tiếp tục nhắc tấm drap, áo quần, khăn tay, cố xem thử trong đống áo quần bằng vải thô của Tinka có lẫn lộn áo lụa hay áo vải của bà chủ hay không. Nhưng chỉ toàn là áo quần của Tinka thôi.

Bực mình, Tinka đuối:

- Các ông đi đi, ra khỏi nhà tôi ngay.

Viên cảnh sát phản đối:

- Chúng tôi chỉ biết làm phận sự. Nhưng nếu bà tiếp tục nói như thế thì buộc lòng chúng tôi phải làm một bản cáo trạng về tội bà lăng nhục nhân viên công lực.

Nhưng Tinka vẫn tiếp tục chửi rủa tàn tệ:

- Ngay cả một con chó cũng không đến đây để chúi mũi vào chậu quần áo của một người đàn bà già đang giặt. Nếu đó là phận sự của ngành cảnh sát các ông thì chắc cảnh sát không phải là người.

Hai người cảnh sát bỏ đi qua các phòng khác trong khi Tinka vẫn tiếp tục nói một mình như muốn trút hết cơn giận dữ:

- Nếu cảnh sát chỉ có từng ấy công việc, nếu bây giờ có những luật lệ gởi cảnh sát đi xét áo quần đầy tớ, lục lạo trong những đồng áo quần dơ của đầy tớ để tìm ra chính trị thì thôi, thế giới này thật đáng tởm.

Và Tinka khạc đờm vào sau lưng họ như là muốn nhổ đờm lên trên ngành cảnh sát, lên luật lệ và lên tất cả những ai đang làm ra luật lệ hiện hành. Sau đó bà nức nở khóc như đang đưa ma. Mái nhà thấp quá bà có khóc cũng không ai nghe, nhưng khóc được bà thấy nhẹ nhõm như có ai đỡ hộ một gánh nặng trong lòng. Bà lấy lại cam đảm và quyết định sẽ đối phó với cảnh sát, để trả thù cho tất cả những nhục nhã và bất công của họ.

Xuống cầu thang, Tinka vào nhà bếp của Eddy Thall. Vào được đó bà cảm thấy dễ thở quá. Đã một tuần rồi, bà không được vào tận bếp của nhà bà chủ mà bà sống ở đây suốt đời. Vũ trụ của bà là ở trong căn phòng này, với nào là vòi nước, lò lửa, soong chảo, nào là những xó xỉnh đầy chén đĩa và ly tách. Không có công việc bếp núc, đời Tinka không còn ý nghĩa gì nữa. Với bà, đời sống có nghĩa là chợ búa, mua bán với ngày ngày những giỏ đầy nhóc ngò tây, khoai đậu; đời sống của bà có nghĩa rửa khoai, rửa chén bát, là mùi hành đã thái thật mỏng. Với bà đời sống là cắt cà rốt thành từng khoanh tròn, là giờ ăn với mùi cháo thơm ngát, với thịt rô ti và những thức ăn trắng miệng. Tất cả điều đó đã chấm dứt với Tinka từ một tuần lễ nay, nên đời Tinka hầu như hoàn toàn trống rỗng.

Ở trong bếp, Tinka lại khóc, ngồi xuống chiếc đôn bằng gỗ, Tinka ôm mặt, nhìn soong chảo trên tường sắp ngã nắp theo thứ tự to nhỏ qua làn nước mắt như qua một cửa kính đọng hơi nước. Bà nhìn lò lửa mà chính tay bà đánh bóng mỗi chiều.

Tinka nhén lửa và có cảm tưởng như được sống lại. Bà lại bắt đầu nấu nước và quét nhà.

Bà tự nghĩ: «Ngay cả nếu mình phải bị tù, hôm nay mình cũng cứ làm việc ở đây như thường».

Eddy Thall không có nhà. Tinka bèn cầm giỏ đi chợ, hãnh diện được cầm giỏ xuống thang lầu, đi ngang qua các cửa hàng. Ngoài chợ, Tinka mua tất cả những gì có thể mua được, bà tiêu tiền như để sửa soạn một bữa tiệc, bà trả bằng tiền riêng của bà, bằng vốn liếng bà dành dụm bao năm trời. Rồi bà trở về nhà, thức ăn mua trong giỏ bà xem như là những chiến lợi phẩm, nên bà lấy làm kiêu hãnh đã ngang nhiên làm những điều mà luật lệ hiện cấm không cho bà được phép làm. Người cảnh sát gác đường nhìn bà khá lâu và mỉm cười, ông ta biết rõ bà Tinka lắm.

Ngày hôm đó không có vi phạm gì để ghi vào biên bản cả, không có khách hàng nào để thùng trống ở trên lề đường, không có người đẩy tó nào rủ bụi thảm trải nhà qua cửa sổ sau chín giờ sáng, không có xe chở hàng nào dừng ở giữa đường. Tuy nhiên, ông ta phải ghi gì trong biên bản chứ. Bỗng ông ta nảy ra ý kiến: “Mình cứ ghi là Tinka Neva tiếp tục phục dịch cho người Do thái” và như thế ông đi nạp biên bản

Tinka trở về bếp, trút thức ăn trong giỏ ra và bắt đầu rửa rau. Chính lúc đó cảnh sát vào.

- Chủ nhà của bà đâu? Họ hỏi:

- Cô ấy đi vắng rồi.

Tim Tinka đập mạnh, nhưng bà không hề sợ hãi; ở trong bếp, bà bình thản tiếp tục thái cà rốt.

Một người cảnh sát bảo:

- Bà không biết là bà không được làm việc cho người Do Thái sao?

Tinka nhỏ nhẹ trả lời:

- Cô ấy không hề biết là tôi sửa soạn bữa ăn. Hôm nay là lần đầu tiên không hiểu ai xui khiến tôi như thế này.

Người cảnh sát ra lệnh:

- Bà đi theo chúng tôi ngay.

Tinka tiếc nuối nhìn những miếng cà rốt đã thái mỏng, những miếng thịt trong chảo, những miếng thịt sắp làm rôti, nhìn son quánh, bếp núc, rồi nhỏ nhẹ nói với hai vị cảnh sát:

- Tôi xin lỗi hai ông.

- Không có gì đâu, bà cứ theo chúng tôi làm tờ khai xong sẽ được thả ngay.

- Tôi đã phạm lỗi, mong hai ông thứ lỗi cho.

Nhưng lúc một trong hai tắt ngọn lửa trên bếp, thì Tinka nổi giận ngay và bà lớn tiếng cãi vả:

- Tại sao hai ông lại dẫn tôi về bót?

Hai người cảnh sát cứ nắm tay bà kéo đi. Tinka cố trì lại và la to. Nhưng hai người đã nhắc bổng bà lên mang ra ngoài.

Tinka la lên một lần nữa nhưng tiếng kêu bị tắc nghẹn. Một bàn tay cứng như sắt bóp miệng bà lại, Tinka muốn cắn vào bàn tay lông lá đó nhưng không thể nào nhếch quai hàm được. Bà chỉ thấy mùi bàn tay sắt đang bóp miệng bà làm bà nghẹt thở. Người ta kéo lê bà ra khỏi hành lang, xuống cầu thang lầu. Thiên hạ hai bên đứng nhìn bà bị kéo đi như một tên ăn trộm. Tinka không còn vùng vẫy được nữa, cánh tay bà đau nhức và bàn tay nhét vào miệng bà làm bà khó chịu vô cùng. Bàn tay sắt đó là bàn tay của cảnh sát.

XIX

Ngày hôm sau, Eddy Thall được người chung quanh cho biết là Tinka Neva đã bị bắt. Người gác cổng tả lại cảnh vừa qua cho Eddy:

- Chúng khóa miệng bà ấy không cho la to, kéo xéch bà ấy và đánh đập tàn nhẫn. Cô phải đi thăm bà ấy mới được.

Eddy mang gói đồ ăn đến bót cảnh sát và xin được gặp mặt, nhưng ông cảnh sát trưởng bảo:

- Không thể gặp mặt được. Trường hợp của bà Tinka quá nặng. Chúng tôi sẽ đưa bà ấy ra tòa án mặt trận, vì trường hợp này thuộc thẩm quyền của quân đội. Chuyện vi phạm đạo luật về chủng tộc vì phục dịch cho người Do thái chỉ là chuyện phụ. Bà ấy đã phạm tội là nhục mạ Hoàng đế. Do đó, bà ấy có thể bị án khổ sai.

Nói xong, ông cò đọc bản cáo trạng cho Eddy nghe:

«Sau khi bị giữ, Tinka Neva đã có lời phỉ báng Hoàng đế trong đó người ta nghe thấy: Hỡi Hoàng đế, nếu mày ra lệnh cho cảnh sát đến kiểm soát áo quần tao đang giặt thì thật là mày còn ngu hơn một con sen nữa. Đó không phải là công việc của một ông Vua. Tao nhổ vào mặt mày bởi vì mày không có gì xứng đáng hơn là được nhổ nước bọt vào mặt. Tao chỉ là một người đàn bà lương thiện.»

Đọc xong, ông cò gấp hồ sơ lại, và nói với Eddy:

- Đó cô xem, có điều gì nặng hơn thế nữa không. tất cả nhân viên kể cả phạm nhân đều nghe bà ấy la to như thế cho đến lúc người ta khóa miệng bà lại. Vâng, cô nghe lại xem: «Hoàng đế, mày còn ngu hơn một con sen nữa và tao nhổ vào mặt mày vì mày không có gì xứng đáng hơn là được nhổ nước bọt vào mặt». Đó, từng chữ một. Bà ấy phải sẽ bị xử trước tòa án mặt trận, cô không thể nào gặp mặt được.

Eddy Thall đành trở về nhà. Nàng gọi điện thoại van Pillat giúp đỡ gì cho Tinka Neva. Pillat bảo:

- Tôi sẽ xem hồ sơ của bà ấy ngay. Đúng ra, tội xúc phạm hoàng đế sẽ bị khổ sai. Tôi sẽ thu xếp ít nhiều cho trường hợp Tinka. Nhưng hiện giờ không thể nào trả tự do cho bà được. Vâng, không thể nào được. Tôi sẽ đến gặp cô chiều thứ sáu, chúng mình sẽ thăm Tinka một lượt. Bây giờ, tôi được bổ nhiệm vào làm ở văn phòng quốc trưởng, nên bận lắm. Nhưng thứ sáu tới khoảng năm giờ chiều, tôi sẽ ráng đến nhà cô.

- Cám ơn ông nhiều lắm.

- À, này, thế dự tính đi Palestine của cô ra sao rồi. Cô đã dứt khoát chưa?

- Thôi để chúng ta sẽ nói chuyện sau. Cám ơn ông, nhớ thứ sáu đến nhà tôi đấy nghe.

Và nàng gác máy điện thoại, ngồi khóc một mình.

Trong lúc đó, nhân viên công lực cũng vừa chuôi một tấm giấy màu xanh qua cửa sổ vào nhà Eddy. Đó là lệnh gọi của sở cảnh sát về tội Eddy vi phạm luật lệ cấm người Do thái dùng người giúp việc có đạo Thiên chúa.

Lần đầu tiên, Eddy thấy rằng lối thoát duy nhất còn lại là di cư. Và chỉ còn di cư đi Palestine nữa mà thôi. Nên nàng gọi ngay Max Reingold:

- Thưa bác, con đã nhất định muốn đi di cư. Đi đâu cũng được, nhưng càng sớm càng hay.

Nàng muốn kể cho max nghe về chuyện Tinka bị bắt, nàng bị Cảnh sát gọi. Nhưng Max có vẻ hấp tấp:

- Bác đang có hẹn với một vài người để lo việc di cư. Bác cũng biết là thế nào con cũng sẽ quyết định đi. Nên ngay từ đầu bác đã để tên con trước tiên trong danh sách. Tất cả đều được chính phủ chấp thuận. Con không thể nào không dứt khoát được, vì đó là lối thoát duy nhất, không có điều nào khác nữa, vâng lối thoát duy nhất đó con ạ.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Xx & Xxi & Xxii & Xxiii

ax Reingold đặt xấp hồ sơ trước mặt Aurel Popesco, giám đốc sở an ninh Lỗ ma ni, tập hồ sơ có tên những người Do Thái sắp xuống 2 tàu Adassa và Euxin để di cư.

Aurel Popesco đang điều khiển tổ chức «Thiên thần của lửa», là một trong những viên sĩ quan trẻ tuổi tài ba. Hắn nhìn kỹ danh sách những người Do Thái sắp đi Palestine, vừa đọc vừa mỉm cười. Sau đó hắn xấp hồ sơ lại và nhìn Max Reingold rất lịch sự:

- Chúng tôi không phải là những kẻ ăn thịt người Do Thái. Chúng tôi để các ông đi. Chúng tôi là một chính phủ quốc gia xã hội, chúng tôi có một chương trình chủng tộc chống Do Thái đang hoàng. Tốt hơn, chúng tôi muốn khai trừ các ông mà không cần bạo động và đổ máu. Vì vậy, mà chúng tôi trưng dụng hai tàu Adassa và Euxin, dĩ nhiên không phải là hai chiếc tàu tốt nhất của hải quân Lỗ ma ni. Những chiếc tốt chúng tôi phải để dành cho chúng tôi chứ, dĩ nhiên là thế. Chúng tôi chỉ để cho các ông hai chiếc đó mà các ông có thể mua dễ dàng và đi nơi nào mà các ông muốn.

Max mời điếu thuốc, Aurel từ chối. Hắn tiếp tục:

- Các ông đi đâu, chúng tôi không cần biết, nhưng các ông đi đi. Các ông ở đây bất tiện cho chúng tôi lắm. Chúng tôi là kẻ thù của người Do Thái, chúng tôi nói thẳng điều đó, và nếu các ông không đi, chúng tôi sẽ dùng các phương thức khác để khai trừ các ông. Người Lỗ ma ni chúng tôi cũng biết đọc tài như các ông. Tất cả báo chí, hý viện, quán ăn, rạp hát bóng, kỹ nghệ, thương mại đều nằm trong tay người Do Thái, trong tay các

ông. Nhưng bây giờ, hết rồi, chúng tôi lên cầm quyền, chúng tôi sẽ tịch thu hết, và chúng tôi mời các ông ra đi. Thế thôi.

Max Reingold đáp lời Aurel Popesco:

- Hai chiếc thuyền đó, Adassa và Euxin hết sức đắt. Chúng tôi đã tìm cách để mua lại, giá cao hơn thường lệ, nhưng chúng tôi không còn giải pháp nào hơn nữa. Tuy nhiên, chúng tôi muốn biết một điều là các ông có bảo đảm cho chúng tôi ra đi nếu chúng tôi bỏ tiền ra mua hai chiếc tàu đó không?

Rồi vừa tránh cái nhìn mỉa mai của Aurel Popesco, Max vừa giải thích:

- Nghĩa là chúng tôi có được bảo đảm một khi mà hai chiếc tàu đã bán cho chúng tôi, các ông không tịch thu chúng lại?

- Tôi có thể lấy danh dự để bảo đảm với các ông điều đó. Đành rằng trong công việc làm ăn, lời hứa danh dự không đóng vai trò quan trọng nào cả, nhưng tôi không phải là một người làm ăn. Tôi là chỉ huy trưởng của tổ chức «Thiên thần của lửa» mà danh dự nằm trên tất cả. Vậy thì ông có thể tin nơi tôi.

Max đứng dậy định về. Aurel giữ lại:

- Tôi đặt hai điều kiện, các ông phải ra đi trong tuần này, và trước khi đi tất cả người Do Thái trên hai tàu Adassa và Euxin phải ký một lời khai là sẵn sàng từ bỏ mãi mãi quốc tịch Lỗ ma ni.

Max trả lời: Chúng tôi đồng ý.

- Chúng tôi làm thế để các ông đừng bao giờ trở lại đây nữa. Quyền lợi của đất nước buộc chúng tôi phải làm thế, mà đối với chúng tôi thì quyền lợi đất nước ở trên tất cả. Chúng tôi, những «Thiên thần của lửa», chúng tôi sẵn sàng - và nhiều lần chúng tôi đã chứng tỏ như thế - hy sinh đời sống cho

tổ quốc. Trong hoàn cảnh hiện tại, thật là phi lý nếu chúng tôi không hy sinh một triệu sinh mạng Do Thái cho tổ quốc chúng tôi, nhất là nếu chúng tôi không làm thế thì chúng tôi không còn giải pháp nào nữa. Vấn đề Do Thái phải được giải quyết gấp rút. Đức quốc và đồng minh Tây âu của chúng tôi đã làm được, bây giờ đến lượt chúng tôi. Tôi chúc các ông ra đi mạnh khoẻ và hy vọng trong tâm hồn nữa, các ông sẽ từ bỏ hãnh lãnh thổ của Lỗ ma ni. Vì tổ quốc của chúng tôi, chúng tôi không cần biết sự trục xuất đó có công bình hay không, thôi, từ giã các ông.

XXI

Eddy Thall thầm nghĩ: Còn một hôm nữa, mình có thể cùng Pillat đến thăm Tinka Neva trong tù. Hôm nay là thứ năm, còn bốn hôm nữa mới xuống tàu. Tất cả thủ tục đã xong rồi. Hành lý cũng đã sẵn sàng. Nàng chỉ có quyền mang theo 100 kí lô hành lý thôi. Hai tàu nhỏ như Adassa và Euxin mà phải chở đến 1500 người Do Thái. Cho nên phải bớt hành lý lại. Max đang ở Constantza để coi sóc công việc. Eddy tự bảo:

- Mình sẽ sung sướng lắm nếu mình cứu được Tinka Neva ra khỏi vòng tù tội trước khi mình đi. Sau đó Pillat sẽ tiếp tục giúp đỡ bà ấy. Mình sẽ để lại cho bà ấy tất cả những gì mình không mang theo được.

Bỗng chuông reo, Esther Reingold, con của Max bước vào. Vừa ngồi xuống ghế, Esther đã bảo ngay:

- Ba từ Constantza về rồi cô ạ. Em có mấy tin động trời và đáng mừng lắm. Mai mình sẽ ra đi lúc 5 g sáng. Ba dặn em báo tin cho cô hay. Cần phải ra ga sáng lúc 5 giờ. Gấp lắm, may mắn lắm mới đi được sớm hơn 3 hôm, ba bảo thế đó.

Rồi Esther tiếp tục nói một cách vắn vè:

- Những đám mây đen đã hiện lên ở chân trời, không phải chỉ trên biển mà còn trên đất liền nữa. Trong chính trường, người ta tiên đoán bão tố sắp

xảy ra. May sao, chúng ta đi được.

Esther Reingold 18 tuổi. Cô muốn trở thành nghệ sĩ như Eddy. Hôn Eddy xong, Esther hấp tấp nói:

- Em đi đây nghe cô. Tối nay, em phải đi từ già mọi người, và báo tin chuyển đi cho bạn bè của em. Xin lỗi đã từ già cô vội vàng như thế này. Nhưng từ nay về sau, chúng mình sẽ luôn luôn có nhau, trên biển cả cũng như trên Palestine. Em sắp đi thăm mấy đứa bạn ở lại đây, chúng nó thèm được như em lắm.

Rồi Esther bỏ đi, cũng nhanh nhẩu như khi mới đến và tràn trề hạnh phúc.

XXII

Chuyến xe lửa đi Constantza sắp khởi hành. Eddy Thall cùng đi chung toa hạng nhì với Rebecca và Esther Reingold. Bây giờ khoảng cuối tháng giêng: trời chưa sáng dù đã năm giờ. Max đứng trên sân ga và dặn dò:

- Lúc đến Constantza phải đi ngủ cả đấy. Cần phải nghỉ ngơi. Tôi đã giữ phòng trước trong một khách sạn đối diện tượng Ovide. Mấy căn phòng rất yên tĩnh. Phải cố mà ngủ đi. Chuyển đi không dễ dàng gì đâu, vì Israel còn xa lắm...

Nhìn đồng hồ ở ga xe lửa, Max nói tiếp:

- Tôi sẽ đi chuyển tàu ngày mai lúc 9 giờ và sẽ đến Constantza lúc nửa đêm (Max cảm động lắm). Tôi còn phải giải quyết một số vấn đề còn lại ngày hôm nay.

Eddy sợ Max quên, nài nỉ dặn:

- Thưa bác, Pillat sẽ đến nhà cháu lúc 5 giờ.

- Vâng, bác biết. 5 giờ, bác sẽ gặp quan tòa Pillat. Cả hai sẽ đi thăm Tinka Neva. Bác sẽ cho bà ấy tất cả những gì cháu để lại. Bác gởi gắm bà ấy cho ông Pillat. Và bác thay mặt cháu xin lỗi Pillat về chuyện cháu đi mà không lại từ giã ông ấy được. Bác còn quên gì nữa không cháu nhỉ?

- Không, bác không bỏ sót gì nữa cả. Bác hôn Tinka hộ cháu nghe bác. Còi báo tin chuyển đi sắp khởi hành. Max còn dặn thêm:

- Phải nghỉ ngơi suốt ngày đấy. Chuyển đi cực nhọc lắm. Israel còn xa, rất xa.

- Bánh tàu đã bắt đầu lăn. Qua khung cửa sổ, Eddy Thall, Rebecca và Esther Reingold cùng vẫy khăn tay. Đứng trên ga, Max nhìn theo họ, tất cả đều vừa vẫy khăn, vừa khóc. Tiếng bánh tàu nghiêng trên đường sắt như lặp lại câu nói cuối cùng của Max: «Israel còn xa».

Không nhìn thấy nhau nữa, họ mới chịu ngưng không vẫy khăn tay nữa, lúc mà bánh tàu bắt đầu lăn càng ngày càng nhanh và càng mạnh: «Israel còn xa, Israel còn xa, Israel còn xa... còn xa... xa».

XXIII

Pillat nhìn đồng hồ tay. Đã 5 giờ rồi. Chàng nghĩ là Eddy Thall đang đợi chàng để cùng đi vào trại giam thăm Tinka Neva, trong lúc chàng phải ở cạnh tướng Roshu, quốc trưởng Lỗ ma ni, đang ngồi ở bàn giấy để đọc lại các bản tường trình. Ông ta ngưng đầu nhìn Pillat:

- Anh muốn xin phép tôi để đi có việc đấy ư? Không, anh không được đi đâu cả. Anh đã biết được phái qua văn phòng tôi với tư cách là một quan tòa quân đội. Anh phải ở bên cạnh tôi, chừng nào anh còn ở đây, anh không còn việc gì khác để làm cả. Tổ quốc trên hết.

Giọng nói của Quốc trưởng có vẻ rần rỏi, ông tiếp:

- Anh hẹn với ai, với một người đàn bà phải không? Pillat đỏ mặt trả lời:

- Thưa vâng với một người đàn bà. Nhưng có nhiều vấn đề quan trọng. Chúng tôi phải cùng đi...

- Nhưng anh không được đi đâu hết. Chỉ có tổ quốc mới có chuyện quan trọng mà thôi. Gọi Aurel Popesco cho tôi.

Aurel Popesco trẻ trung trong bộ đồng phục «Thiên thần của lửa» bước vào văn phòng nghiêm chỉnh chờ lệnh.

Tổ chức «Thiên thần của lửa» là một phong trào quốc gia đã lên nắm chính quyền. Chỉ trừ Quốc trưởng và vài vị tướng lĩnh khác, còn tất cả các bộ trưởng đều có chân trong tổ chức đó.

Tướng Roshu đứng dậy, hai tay thọc vào túi quần, hỏi Popesco:

- Popesco, ông có thuộc mười điều răn không?

Popesco đỏ mặt. Hắn không ngờ bị hỏi như thế, nhưng vị tướng lĩnh đã ra lệnh:

- Nào, ông đọc cho tôi nghe mười điều răn của Chúa đi?

Viên giám đốc sở an ninh đang ngáp ngừng, thì Roshu đã đọc:

- Con không được giết hại. Nào lập lại theo tôi. Con không được giết hại. Đó là điều luật thứ nhất của Chúa dạy. Ông đã quên hết mười điều răn rồi ư? Trả lời tôi đi chứ. Có phải ông đã quên hết rồi không?

Roshu cầm cái roi ngựa để trên bàn và quất vào đôi giày:

- Ông là giám đốc, vậy ông nên ra lệnh cho các đảng viên «Thiên thần của lửa» không được giết bất cứ ai. Bảo với họ đó là lệnh của tôi, của riêng tôi, của tướng Roshu, và lệnh của Chúa là không được giết chóc. Nếu ông

không thi hành thì Chúa sẽ trừng phạt. Nhưng trong lúc chờ đợi sự trừng phạt của Chúa đối với các ông, thì chính tôi sẽ trừng phạt các ông trước, bằng những phát roi vào mông, bắt đầu từ các vị bộ trưởng cho đến một tên lính trơn. Tôi sẽ đánh các ông tóc máu ra đấy.

Nói xong, Roshu quất mạnh chiếc roi xuống bàn, và đồng dục ra lệnh:

- Nào, đánh diện cho các đảng viên của ông đi, đánh như thế này: «Các bạn không được giết ai hết».

Giấy tờ trên bàn rơi xuống đất vì phát roi của vị Quốc trưởng đập xuống. Viên chỉ huy «Thiên thần của lửa» cúi xuống nhặt. Nhưng Roshu đã ngăn lại:

- Chỉ có những người ở mới nhặt giấy, giám đốc sở an ninh ai lại làm thế bao giờ.

Popesco bực mình nói ngay:

- Thưa ngài, từ bốn tháng nay lúc chúng tôi lên cầm quyền và chúng tôi cai trị xứ này, chúng tôi chỉ đòi hỏi ngài phải công bình, thế mà ngài đã từ chối nên chúng tôi phải bước qua giai đoạn hành động. Kể từ hôm nay, chúng tôi không còn cộng tác với ngài nữa. Đảng viên «Thiên thần của lửa» đã bắt đầu hành động.

Roshu hét lên:

- Nghĩa là các ông đã bước sang giai đoạn tội lỗi phải không?

Ông ta giận đỏ mặt và tiến về bàn giấy.

Aurel Popesco bình tĩnh nói tiếp:

- Dân chúng đã trông cậy nhà cầm quyền giải quyết vấn đề Do Thái. Dân chúng đòi hỏi những hành động. Thế mà chúng ta đã không làm gì hết.

- Vấn đề Do Thái rồi sẽ được giải quyết. Nhưng phải giải quyết bằng phương pháp hợp lý, chứ không phải bằng sát nhân và tội lỗi, không phải giải quyết bằng ăn cắp và trộm cướp. Chúng ta là một dân tộc có đạo, mà người có đạo không bao giờ sát nhân. Ông có đồng ý như vậy không? Popesco? Người có đạo không giết bất cứ ai cả.

Nói xong, Roshu lại đập roi ngựa xuống bàn giấy, và tiếp tục:

- Người có đạo không giết đồng loại, cho dù đó là những đồng loại vô thần. Tôi là quốc trưởng của quốc gia này, tôi sẽ phản đối bất cứ ai giết người. Tôi biết các ông đang sửa soạn một cuộc cách mạng để khai trừ Do Thái đêm nay. Tôi đã ra lệnh cho quân đội ngăn cản tội ác của các ông. Các nước láng giềng đang nhìn chúng ta. Ở trên trời, Chúa đang nhìn chúng ta. Ông có biết vậy không, Popesco? Hãy gửi gấp một công lệnh bằng điện tín cho tất cả đảng viên «Thiên thần của lửa» để họ tôn trọng điều răn của Chúa. Chỉ có thể trong lúc này, ông có thể ra về.

Popesco không nhúc nhích. Quay về Pillat, Roshu bảo:

- Anh ở lại đây cho đến lúc nào bọn du côn ở yên. Cần phải ngăn cản tội ác, muốn thế tôi cần một quan tòa ở cạnh tôi. Bảo họ đem giường ngủ cho anh. Anh sẽ ăn ở đây, ngay trong văn phòng tôi và ngủ đây luôn đêm nay.

Popesco bảo:

- Thưa ngài, tôi cần giải thích cho ngài hiểu thêm vấn đề.

- Đánh điện cho các đảng viên của ông đi đã, rồi chúng ta mới thảo luận sau.

- Thưa ngài, nếu tôi đi bây giờ, tôi sẽ không bao giờ trở lại nữa. Tôi đã được bộ tham mưu «Thiên thần của lửa» ủy thác việc thông báo cho ngài một vài điều, để giữa chúng ta cái gì cũng được minh bạch.

- Vậy thì nói đi.

Roshu tiến ra phía cửa sổ, quay lưng lại Popesco và Pillat, trong lúc Popesco giải thích:

- Không thể nào giải quyết vấn đề Do Thái một cách hợp pháp được. Người Do Thái cũng như nước. Đuổi chỗ này họ tràn qua những ngõ ngách khác. Thật là hết như nước. Chúng ta đã đuổi họ ra khỏi các ngành báo chí, thương mại và hý viện. Họ núp dưới tên có đạo để làm việc, không có gì thay đổi cả, chỉ có sự sa đọa là mỗi ngày một tăng lên mà thôi. Chúng ta cấm họ ra đường, họ mua giấy thông hành gấp đôi và tiếp tục đi ngoài đường phố. Cấm họ phát triển hý viện, cấm họ mua vở kịch, cấm họ viết ư? Họ vẫn viết và ký tên bằng những danh hiệu có đạo. Không có gì thay đổi cả nên không có một giải pháp hợp lý cho vấn đề Do Thái. Không một luật lệ nào có thể chống nổi vấn đề Do Thái, cũng như gỗ và rơm không thể nào chống đỡ với lửa.

- Thế tại sao các ông không để cho họ di cư?

- Tôi vừa bán cho họ hai chiếc tàu Adassa và Euxin. Nhưng họ chỉ di cư có 1500 người. Chúng ta phải làm gì với một triệu người Do Thái còn lại?

- Phần còn lại, gần một triệu, các ông cứ để cho họ sống. Nếu người Do Thái không theo luật pháp của chúng ta, các ông cứ cho họ vào tù nhưng phải y luật pháp xét xử đàng hoàng. Chứ không được bạo động. Phải hành động như thế, tôi không cho phép lạm dụng và cướp bóc.

- Thưa ngài, «Thiên thần của lửa» sẽ không cộng tác với ngài nữa.

- Tôi sẽ mang các ông ra tòa về tội giết người, ngay cả lúc ông chỉ giết một mạng người mà thôi, dù mạng người đó là Do Thái hay Thổ Nhĩ Kỳ, hay Trung Hoa cũng thế.

Aurel Popesco cương quyết:

- Nếu vậy, ngài cho phép tôi kiểu lui.

Và hẳn rời văn phòng, sau khi đã đứng nghiêm chào.

Roshu nhìn qua cửa sổ và suy nghĩ lung lăm. Bỗng nhiên ông ta quay về phía Pillat :

- Anh hẹn với ai tối nay? Bà nào đang đợi anh đấy?

- Một người quen. Vâng, một nữ nghệ sĩ. Chúng tôi phải can thiệp ở sở cảnh sát về trường hợp người đầy tớ của cô ấy.

Trước mặt Roshu, khó lòng ai có thể nói láo được. Cho nên khi Roshu hỏi:

- Do Thái ư?

Thì Pillat đành nói thật:

- Dạ thưa ngài, cô ấy là người Do Thái.

Nói xong Pillat tái mặt, Roshu khuyên :

- Thế thì nói với cô ấy trốn đi cho rồi. Đêm nay, đêm nay tụi loạn trí đó sẽ giết hết người Do Thái. Anh nói với cô ấy là anh không đến nơi đã hẹn được, nhưng cô ấy phải trốn đi, bởi vì đêm nay sẽ có một cuộc thanh trừng. Pillat, mỗi lúc anh cứu được người nào thì anh hãy cứu đi, bởi vì thế anh mới đến trước mặt Chúa, đến nơi phán xét sau cùng và nói được rằng: «Con là một con người, thưa ngài, con là một con người đích thực». Nếu không, anh không thể nào nói được như thế. Bây giờ anh bảo tài xế đến báo tin cho cô ấy đi.

Pillat không biết phải làm thế nào, nhưng chàng cũng tuân lệnh. Một giờ sau, người tài xế trở về và cho biết:

Eddy Thall đã rời thủ đô để đi Palestine trên chuyến tàu khởi hành lúc 5 giờ sáng: Cô ấy không để lại tin tức cho ai cả.

Đã có tiếng súng nổ ngoài đường, tiếng chiến xa đi qua. Roshu tự nhủ: «Ngay cả những tên chạy giầy cũng được trang bị vũ khí. Chúng ta phải tránh không cho đổ máu mới được».

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Xxiv & Xxv & Xxvi:

ax Reingold đã hoàn tất chương trình. Ông đã đóng cửa nhà của Eddy Thall và trả lại chìa khóa. Ông chỉ tiếc là Pillat đã không đến để cùng đi thăm Tinka Neva, nhưng dù sao ông cũng có ý đợi Pillat, nghĩa là ông đã làm tròn phận sự. Bây giờ ông đang ở ngoài đường và tìm cách ra ga cho kịp chuyến tàu đi Constantza khởi hành vào lúc 9 giờ. Ông tìm một chiếc taxi, nhưng được người ta cho hay là cách mạng bùng nổ, Taxi không được phép chạy. Cả tàu điện cũng thế. Chúng tôi đang ở trong tình trạng báo động.

Max đành đi bộ ra ga. Ông rất hài lòng vì hành lý ông đã gửi từ ban sáng trên chuyến tàu mà Eddy, Rebecca và Esther đã đi. Chỉ có một cái cặp nhỏ trên tay thôi, nên bây giờ Max có thể thong thả đi ra ga xe lửa.

Chỉ trong 15 phút nữa mình sẽ đến sân ga ở miền Bắc.» Vừa đi vừa nghĩ như thế, Max không cần bước vội, dù ông thừa biết là đảng «Thiên thần của lửa» có ý định khởi xướng cuộc cách mạng đổ máu đêm nay. Cả thành phố đều biết điều đó. Nhưng ở đâu cũng có lính, quân cảnh và cảnh sát. Tướng Roshu đã biết tôn trọng luật lệ, quân đội trung thành với ông ta. Max yên lòng bước đi và hài lòng vì đã ra đi kịp đêm nay.

«Ngày mai có thể là chậm mất. Đêm nay tướng Roshu làm chủ tình thế, điều này rõ ràng quá. Nhưng ngày mai biết đâu được? Ngày mai quân phản loạn có thể thắng thế. Mà ngày mai thì mình đã lênh đênh trên mặt biển rồi. Nghĩ thế mà Max mỉm cười.

Nhưng bỗng có một giọng nói trẻ trung :

- Do Thái?

Rồi một thanh niên khác rọi đèn vào mặt ông làm nổi bật hẳn cái lỗ mũi Do Thái, đầu tóc màu hung và những đốm lấm tấm màu hung trên khuôn mặt ông.

Max muốn đưa tấm vé xe lửa ra. Ông muốn nói với họ là ông sẽ lên xe lửa, sẽ rời xứ này ngày mai. Ông muốn chỉ cho họ xem tấm vé lên tàu thủy, giấy phép rời Lỗ ma ni. Cái gì ông cũng có trong túi cả. Nhưng mà không có thì giờ để nói một câu nào cả.

Một người thanh niên đã bảo với người cầm đèn bấm:

- Nào mang nó đi, Do Thái chắc chắn rời đó.

Nhiều thanh niên mang súng ống hăm hoi vây quanh Max. Bên lề đường một chiếc cam nhông đã đậu sẵn. Rồi Max có cảm tưởng bị đẩy đi. Ông phải leo lên xe. Không còn lý do nào để kháng cự hay năn nỉ. Xe cam nhông đẩy nhóc; lúc đã vào bên trong Max tưởng như mình đang bị đè bẹp ra. Max vẫn thầm nhủ: Không có hoàn cảnh nào mà không có lối thoát nếu người ta bình tĩnh. Giữ được bình tĩnh mình sẽ ra khỏi đây và đi chuyển tàu 9 giờ. Nếu mình biết giữ bình tĩnh, nếu mình nhanh trí một chút, mình đã nói với họ là mình không phải Do Thái. Nhưng đã lỡ rồi phải tự lo liệu đi thì vừa. Muốn thế thì phải bình tĩnh. Nghĩ như thế, Max qui tu hết cả ý chí để tạo cơ hội, bắt đầu bằng cách thở dài hơi, ông dang hai tay ra để thở mạnh hơn nữa. Có tiếng súng nổ gần xe cam nhông, và có tiếng la «đồ sát nhân, sát nhân», tiếp theo là tiếng rơi bịch xuống đất của một xác người gần bánh xe. Max nghĩ đến chuyện khác. Ông phải quên đi tất cả những gì đang xảy ra chung quanh để không nghe tiếng rên xiết, tiếng van xin, vì tất cả thứ đó làm ông ta mất tinh thần. Rồi ông thầm nghĩ:

- Điều chính yếu là mình phải tự xem như là kẻ ngoại cuộc với hoàn cảnh này.

Max cho là điều trước tiên cần yếu để thoát khỏi sự khó khăn đó là phải có một kế hoạch. Vâng một kế hoạch kỹ lưỡng. Ông nhìn chung quanh và tìm cách tiến về phía cửa xe. Nhưng những người khác lại vừa bị vứt lên xe, ông ta lại bị thối lui. Tất cả người chung quanh ông đều lo sợ và nhốn nháo cả lên. Chỉ có Max vẫn chậm rãi tiến tới, từng ly một, về phía cửa bằng cách lách qua những thân thể chen chúc. Ngay lúc đó, xe bắt đầu chạy hết tốc lực. Ở cửa lên xuống đã có hai thanh niên ôm tiểu liên, nhưng Max biết rằng nếu đã đến gần cửa xe thì lúc nào may mắn cũng có thể đến với ông được cả. Đó là giai đoạn đầu tiên của kế hoạch.

Khu vực xe vừa đi ngang qua nằm trong tay bọn phản loạn, súng nổ, nhà cháy. Qua ngã tư, người ta nghe tiếng rên than. Những khẩu tiểu liên khạc từng loạt điếc tai.

«Năm 1916, mình đã đánh giặc trong các giao thông hào. Súng nổ không làm cho mình sợ hãi được. Max tự nhủ như vậy và lợi dụng khi xe chòng chành để tiến về phía cửa xe. Lúc không còn nghe thấy tiếng súng nữa thì xe đã ra khỏi thành phố. Max muốn định vị trí và chỉ một lúc sau ông đã biết «Mình đang bị đưa đi về phía trại quân lao Jilava. Nhưng trước khi đến đó, phải đi ngang qua một khu rừng. Chừng 500 thước rừng rậm. Ở đó mình có thể thoát thân được bằng cách nhảy ra khỏi xe. Sau đó mình sẽ lên tàu đi Constantza bằng ga Jilava và mình sẽ đến đúng giờ».

Max đã len đến cửa. Xe đang ở ngay trong rừng. Bỗng có ánh đèn pha quẹt ngang và có người ra lệnh:

- Dừng lại.

Chiếc xe thẳng gấp. Một đám thanh niên mặt đồng phục vây quanh, một giọng hô to:

- Xuống hết đi.

Rồi nhiều tiếng quát khác:

- Xuống, xuống.

Max xuống trước tiên. Trời tối như mực. Max tránh những ánh đèn chói mắt. Nhìn vào bức tường nhà lao ngay trước mắt. Phía sau chiếc xe là rừng rậm. Max biết rõ khu rừng này lắm. Trời đang mưa lâm râm, dưới chân đất sền sệt ướt. Max nhìn hàng cây, nhìn những thanh niên mang đuốc, và những người Do Thái còng lưng bước xuống xe.

Max cố nhìn tất cả hình ảnh đó thật khách quan như lúc đi xem chiếu bóng. «Cần hành động đúng lúc như hồi ở Bourse – ừ, như hồi ở Bourse, bình tĩnh, kiên nhẫn.» Max cố tạo lấy can đảm cho mình.

Bên phải, bên trái đều có những người đang bước xuống xe. Toàn là người và người. Max cầm chiếc mũ đã bị đè bẹp lúc ở trên xe, thắt lại cà vạt, gài nút áo choàng, cố để đừng làm bẩn đôi giày trong đám cỏ cao ẩm ướt. Không thể làm bẩn chúng được. Max cần giữ một bộ đồ chỉnh tề và đứng đắn bởi vì như thế rất cần cho kế hoạch trốn thoát của ông. Những người Do Thái lúc xuống xe đều lom khom vì sợ hãi. Max đứng thẳng người, ngang nhiên bỏ tay vào túi quần. Ông không muốn giống mấy người kia khom lưng lại vì sợ hãi. Ông thầm nhủ: «Max, nhìn xem, một lát nữa thôi, giờ hành động đã diễn». Chung quanh ông là bóng tối và mưa phùn. Trong bóng tối, điều làm ông phân biệt được tù nhân và các đảng viên là tù nhân thì khom lưng, các đảng viên «Thiên thần của lửa» thì đứng thẳng người.

Max bình tĩnh đứng thẳng người xong bước ra khỏi hàng. «Trước tiên cần đứng thẳng và mình đã làm được rồi, sau đó phải có can đảm bước từ nhóm người còng lưng sang nhóm những người đứng thẳng.»

Nghĩ thế, Max bước một bước. Ông đã xa hẳn những người khom lưng. Nhưng ngay lúc đó một báng súng đập vào ngực ông. Ông thối lui và gập người lại, phải trở lại hàng ngũ những người khom lưng và Max lại càng khom lưng hơn tất cả những người khác nữa. Cơn đau như xé ngực kéo đến,

nhưng ông cũng đứng thẳng người lên. «Nếu mình đứng thẳng được tức là mình sẽ được cứu thoát.» Và ông ta làm được, đứng thẳng được. Nhưng cơn đau lại kéo đến, Max phải dựa vào tường, muốn nghỉ một chốc để lấy lại sức. Bức tường lạnh lạnh làm ông dễ chịu.

- Nhanh lên.

Giọng nói của viên chỉ huy vang lên từ xa. Ông ta đến gần, lũ thanh niên cầm đuốc vây quanh.

Max nghĩ thầm: «Mình phải đứng vào hàng ngũ của họ, phải bước qua nhóm của viên chỉ huy, sau đó mình sẽ thoát thân... Mình sẽ biến vào rừng. Khi đã đứng được vào nhóm của viên chỉ huy thì dễ dàng quá rồi. Nhưng muốn như thế mình phải cố gắng đứng thẳng người như họ. Phía sau họ là khu rừng rậm, qua khu rừng mình sẽ đến đường cái, đi bộ chừng năm phút mình sẽ đến ga Jilava. Đến đó mình sẽ lên xe lửa đi Constantza, rồi từ Constantza, mình xuống tàu thủy đi Israel».

Viên chỉ huy lại ra lệnh:

- Nhanh lên.

Trong hàng ngũ những người đứng thẳng mà Max muốn nhập bọn, đã có tiếng lấp đạn vào súng. Sau đó, có tiếng thử cò súng. Max biết rõ những âm thanh đó. Ông đã từng đánh giặc qua các giao thông hào. Ông vẫn đứng thẳng. Rồi bước một bước ngắn. Chỉ cần có hai thước để bước sang nhóm người đứng thẳng. Trời lại tối như mực. Vấn đề thật giản dị, không nên mất một phút nào cả. Ông ráng bước thêm một bước nữa, nhưng ngay lúc đó, những thanh niên theo lệnh trên lại đứng xa ra vài thước. Giữa những người cầm khí giới và những người khom lưng dựa vào tường còn những hơn mười thước. Trong khoảng cách mười thước đó, không có một bóng người. Họ hoàn toàn cách xa nhau. Max biết rõ là bây giờ không thể qua nhóm bên kia được nữa. Cơ hội đã qua mất rồi, ông phải thay đổi kế hoạch. Rồi như

một con mèo, Max nằm nhẹ nhàng xuống đất ấm. Ông biết là tụi chúng sắp bắn, ông phải đào một hố ẩn nấp, như ông đã từng làm thế nhiều lần hồi đệ nhất thế chiến 1914. Vâng, đào một hố cá nhân, nhanh lên mới được. Max bắt đầu đào thật nhanh với hai tay mang găng, và tự nhủ:

- Cứ bình tĩnh và thản nhiên. Như thế mình sẽ thoát khỏi bất cứ đường cùng nào.

Và ông tiếp tục dùng tay đào đất. Đạn đã bắt đầu nổ, viên này đến viên khác. Max đào đất thật nhanh. Tất cả tùy thuộc vào tốc độ nên ông đào bằng cả hai tay, đất lại rất mềm và dễ đào vô cùng. Lúc đó, Max đã ấn cái đầu xuống hố được rồi, và ông đào càng lúc càng nhanh, đào trong tuyệt vọng. Đạn réo trên đầu, nổ phía bức tường và dội ngược trở lại. Max lại thầm nhủ: *Mình phải làm chủ tình thế, đêm nay mình sẽ đến Constantza, vợ và con gái đang đợi mình, sau đó, ngày mai mình sẽ xuống tàu thủy đi Israel*».

Mấy ngón tay của Max ấn tuyệt vọng vào lòng đất ấm. Lũ quỷ vẫn tiếp tục bắn. Tiếng la, tiếng hét không dứt. Tiếng rên rỉ, tiếng khóc thảm thiết như chó tru. Max nhất định không để mình bị lôi cuốn vào cái gì đang xảy ra chung quanh, ông chỉ theo kế hoạch của mình thôi, thực hiện kế hoạch và làm chủ tình thế.

Max giấu đầu xuống hố. Ông nghĩ đến sân ga, đến Constantza, đến cuộc hành trình đi Israel, chỉ nghĩ đến những điều làm ông phấn khởi, làm ông nắm vững tình thế, giữ ông ở ngoài sự khủng hoảng, sự giết chóc và tiếng kêu than.

Vì thế ông nhớ đến hý viện Eddy, đến thủ đô Tel Aviv, đến mảnh đất hứa hẹn... Nhờ thế mà Max tiếp tục đào đất thật nhanh, với tất cả sức lực, với nỗi tuyệt vọng khôn cùng. Đó là những gì ông đã làm, để khởi đầu hàng hoàn cảnh. Và ngay cả lúc ông bị đạn xuyên qua người, lúc mà đạn xuyên vào bộ óc còn nóng hổi của ông, cũng không hề có trong khối óc đó một sự

sợ hãi, một sự cuồng cuồng nào mà chỉ là một nỗi ao ước duy nhất là không thể đầu hàng hoàn cảnh, niềm ao ước đến Constantza đêm đó, nơi mà những người thân nhất đời đang chờ đợi ông: Rebecca, vợ ông, mập mạp và tốt bụng; Esther, con gái ông, đa cảm và xinh xắn; Eddy Thall, nghệ sĩ tên tuổi của ông, hai chiếc tàu Adassa và Euxin, biển Đen và Mảnh đất hứa hẹn của Palestine.

Và Max chết như thế đó. Chết mà không hề nghĩ đến sự chết. Cũng không chấp nhận nó nữa. Tay, đầu, ngực áp lên đất ẩm và nghĩ đến mảnh đất quê hương.

Mấy tên lính tiếp tục bắn trong vài phút nữa. Sau đó chúng ngưng hẳn. Viên chỉ huy ra lệnh:

- Vứt xác chết lên xe hết đi.

Max bây giờ không còn nghe được tiếng ra lệnh đó nữa. Giọng của viên chỉ huy đã khàn. Trời mưa lạnh đã làm khan giọng viên chỉ huy.

Lũ thanh niên mang súng lên vai, nòng súng còn nóng hổi. Cứ hai đứa mang một xác chết và vứt lên xe như những khúc gỗ được vứt lên những chiếc cam nhông có đèn pha sáng quắt và máy đã nổ sẵn. Có tiếng ra lệnh:

- Chạy đi.

Những chiếc xe tiến lên, dọc theo bờ tường, đèn pha để sáng. Một toán thanh niên cầm đuốc xem kỹ thử có xác chết nào còn sót lại hay không.

Viên tài xế lái chiếc xe đầu tiên, chiếc xe có xác của Max Reingold hỏi :

- Chở đi đâu bây giờ đây?

- Đến nhà tế sinh. Các anh vứt họ vào nhà tế sinh.

Mấy chiếc xe chạy về hướng nhà tế sinh, chậm chậm, vì đất quá trơn, bánh xe có thể trượt dễ dàng.

Từ thành phố, nhiều chiếc xe khác tiến về Jilava, chở đầy những người còn sống, chạy ngược chiều với những chiếc xe chở đầy những xác chết.

Cứ như thế suốt đêm. Những chiếc xe đầy người sống đi vào khu rừng rậm. Và những chiếc xe chở người chết trở về lò sát sinh.

Người ta chất xác chết vào sân xi măng, chồng lên nhau cho đến lúc nào sân đầy xác. Vào khoảng 3 giờ sáng, một viên chỉ huy đi thị sát. Hắn nhìn xác chết của những người Do Thái chồng lên nhau trong sân nhà tế sinh. Hắn mỉm cười sung sướng, và hỏi:

- Ai đã ra lệnh đem họ lại đây?

Có tiếng trả lời ngẩn ngui.

- Lệnh trên.

- Nhưng tại sao lại đem đến đây, hợp lý ra thì phải đem lại nhà xác hay nghĩa địa chứ. «Không ai biết lệnh xuất phát từ đâu? Hắn tự hỏi như thế.» Họ ở đây thì các anh cởi hết áo quần họ đi.

Lại thành lập từng toán. Người chết bị lột trần truồng, trần truồng trên đất lạnh. Cảnh tượng thật khủng khiếp nhưng chẳng ai buồn để ý đến. Lũ thanh niên đang lo cởi áo quần người chết, một người hỏi băng quơ :

- Có cần treo họ lên móc không nhỉ?

Thế là người ta móc xác chết lên và treo vào móc. Những xác chết lại nhiều hơn số móc. Trong nhà tế sinh, người ta chỉ giết chừng hàng trăm súc vật trong một ngày, đủ thịt cho cả thành phố dùng. Mà bây giờ lại giết cả hàng ngàn người Do Thái làm sao số móc cho đủ được. Vì thế chỉ có vài

trăm xác bị treo vào móc mà thôi. Trên bụng, lưng và ngực của mọi xác đều có đóng dấu như người ta có thói quen đóng dấu vào các súc vật bị giết theo tục lệ Do Thái. Và những xác chết cũng được làm như thế để chứng tỏ rằng họ là người Do Thái.

XXV

Sáng thứ bảy. Sau đêm cách mạng, tướng Roshu cho gọi Pillat vào để dặn dò công việc:

- Anh qua ben sứ quán Đức cho Nam tước Killinger biết là chúng ta đã dẹp được cuộc nổi loạn. Có hàng ngàn người bị ám sát. Những tên sát nhân do Aurel Popesco cầm đầu, đã ăn mặc theo đồng phục của sĩ quan Đức, nên bây giờ chỉ có trốn qua Đức mà thôi. Tôi yêu cầu sứ quán Đức giao họ lại cho tôi bắt giam để tôi có thể xét xử, dù chúng nó có mặc hay không mặc đồng phục do tòa đại sứ Đức cung cấp.

Pillat vừa nghe vừa ghi chép. Chàng vừa thức trắng đêm qua nên giờ quá mệt mỏi. Roshu dặn tiếp:

- Ở tòa đại sứ ra, anh nhớ ghé qua nhà tế sinh thành phố. Có hàng ngàn xác Do Thái ở đó. Anh nhớ nhận diện và lập biên bản. Chụp hình quay phim cảnh man rợ đó để mình có bằng chứng kết án tội sát nhân. Sau đó anh đưa người chết về với gia đình họ để chôn cất y theo luật lệ đòi hỏi.

Pillat vâng lời, đến tòa đại sứ Đức, xong trở về nhà tế sinh. Các con đường chung quanh đó đầy người, quân cảnh không có ai đến gần cả. Pillat nhìn những xác chết trần truồng nằm chết chồng chất lên nhau trên sân xi măng, một số xác chết được treo lên móc thành bốn dãy, chàng bảo:

- Hạ xác chết xuống đất hết, và chụp hình nhanh lên.

Chàng bỗng để ý đến xác chết đầu tiên. Đó là xác một người đàn ông trạc 50 tuổi, trần truồng, mang ba khuôn dấu trên ngực, bụng và lưng. Một

viên sĩ quan quân cảnh bảo với Pillat:

- Chúng tôi bắt đầu nhận diện đây.

Rồi chỉ cái xác chết mà Pillat đang khám và bảo:

- Ví dụ người này dễ nhận diện lắm, vì chúng tôi thấy trong bóp của ông có một vé xe lửa hạng nhì đi Constantza, một vé tàu thủy trên chiếc Adassa đi Tel Aviv và giấy phép rời Lỗ ma ni. Tất cả giấy tờ đều hợp lệ cả. Đáng lẽ ông ta ra đi. Thế mà ông ta lại nằm đây. Cuộc đời thật là lạ lùng, ông tên Max Reingold.

Pillat khiếp đảm nhìn xác chết. Trên đời, có nhiều xúc động làm người ta mù, điếc, làm cho người ta trở thành tượng đá. Pillat đang ở trong trạng thái đó, và dăm dăm nhìn xác Max bị treo trên móc thịt nhà tế sinh, trần truồng với những khuôn dấu đóng trên da thịt. Trong lúc đó, viên quân cảnh hỏi:

- Chúng tôi có thể trả ông ấy về cho gia đình không? Vì đã nhận diện được, chúng tôi sẽ lập biên bản và trả về cho gia đình, nếu ông cho phép điều đó.

Pillat chỉ nghe được câu: «Nếu ông cho phép điều đó», rồi vẫn dăm dăm nhìn xác Max, trong khi viên quân cảnh lặp lại câu hỏi:

- Ông có cho phép chúng tôi trả người này về cho gia đình không? Pillat gật đầu đồng ý và bảo:

- Tôi sẽ yêu cầu người ta gửi một quan tòa khác thay tôi. Tôi mệt đuối sức rồi. Đêm qua, tôi không hề chợp mắt được tí nào.

Sau đó, Pillat rời nhà tế sinh, thất thểu.

XXVI

Rebecca, Esther và Eddy Thall đến Constantza giữa trưa trời nắng và mặt biển trong xanh, Eddy bảo:

- Chúng mình phải đến xem tàu trước tiên đã.

Ba người đàn bà cùng đi xuống hải cảng. Chỉ toàn là tàu chiến, trong đó nổi bật hẳn hai chiếc vừa mới sơn màu xám mang tên viết bằng màu đen: Adassa và Euxin.

Eddy hồi hộp, đúng là tàu của nàng sắp đi rồi. Sáng mai tàu sẽ nhổ neo đi Israel. Họ không có quyền vào hẳn trong hải cảng, nhưng ở đằng xa họ có thể trông thấy đoàn thủy thủ chất bao nhiêu thùng hành lý lên Adassa và Euxin. Họ biết là hành lý của họ sẽ được chất lên tàu Adassa. Rebecca dặn dò:

- Đừng quên lời dặn của Max. Chúng ta đi ăn trưa xong phải về nằm nghỉ ngay. Chuyến đi lâu lắm vì Israel còn xa. Chúng ta phải nghỉ dưỡng sức.

Ba người đàn bà muốn nán lại nhìn hai chiếc tàu sắp chở họ đi, nhưng phải đành trở về khách sạn, ăn trưa và ngủ. Qua khung cửa sổ, họ nhìn thấy hải cảng. Adassa và Euxin quá nhỏ. Đó là hai chiếc tàu cũ được sửa lại, để dành chở 1500 người Do Thái sắp xuống tàu ra đi. Thủy thủ đoàn cũng là người Do Thái cả, để số người đi được đông hơn. Thuyền trưởng cũng là Do Thái nốt. Tối đến, Eddy, Rebecca, Eddy, ra hải cảng ngắm mãi hai chiếc tàu mà không biết ngán, cũng như tất cả những người Do Thái khác. Sau đó họ ra ga xe lửa để đón Max, đến sớm trước cả hai tiếng đồng hồ nên đành phải đi bách bộ trong sân ga để chờ chuyển tàu từ Bucarest đến. Nhưng lúc tàu đến nhìn mặt từng hành khách, họ không tìm thấy Max ở đâu cả.

Rebecca lo lắng:

- Max không bao giờ trễ tàu cả. Chúng tôi lấy nhau đã 24 năm nay, bao giờ Max cũng đúng giờ. Hay có thể Max đã đến mà chúng ta không thấy.

Họ lại trở về khách sạn, Max vẫn chưa đến. Rebecca muốn gọi điện thoại về Bucarest, nhưng điện thoại viên cho biết:

- Đường điện thoại liên lạc với thủ đô đã bị cắt đứt, vì đang có cách mạng ở Bucarest. Hỏi về những chuyến tàu sắp đến, thì được trả lời là không có tàu nào được phép rời Bucarest đêm nay. Nhưng ngày mai giao thông lại được tái lập như thường lệ.

Ba người đàn bà cố giữ bình tĩnh. Họ phải trở về khách sạn lúc 3 giờ sáng và kiên nhẫn chờ ngày mai. Vừa tảng sáng, Rebecca lại ra ga. Bảng thông cáo cho biết tàu từ Bucarest sẽ đến lúc 7 giờ. Họ trở ra hải cảng. Những người Do Thái đang đứng từng hàng đợi để lên cầu xuống tàu thủy. Máy tàu đã lên sức ép. Mọi người đang xôn xao về vụ thanh trừng Bucarest. Thế là lúc bắt đầu chuyến đi đã có lộn xộn, vì bốn người khách vắng mặt, trong số đó có Max Reingold, người đã tổ chức cuộc di cư. Vào giữa trưa máy phóng thanh trên tàu cho biết:

- Adassa đã quá cũ phải đi chậm nên phải rời hải cảng đúng ngọ. Euxin đợi chuyến xe lửa 5 giờ sáng để đón những hành khách còn sót. Sau đó Euxin sẽ bắt kịp Adassa ở ngoài khơi. Rebecca mừng rỡ bảo với Eddy :

- Thế thì tốt quá. Hành lý của chúng ta để cả trên chiếc Adassa, Bác và Esther sẽ đi trước. Còn cô ở lại để chờ Max cùng đi luôn thế trên chiếc Euxin. Nhờ cô bảo với Max là không có gì đáng ngại cho bác và Esther cả, Max đừng lo lắng gì. Bác sẽ coi sóc hành lý. Cô đừng để Max đi một mình, khoảng tối hai chiếc tàu sẽ gặp nhau ngoài khơi, chúng mình lại cùng ở chung.

Eddy bước xuống, nàng vẫy khăn từ giã lúc Adassa từ từ rời hải cảng. Tất cả đều khóc và làm dấu tiễn biệt nhau.

Euxin vẫn buông neo chờ chuyến xe lửa từ Bucarest đến. Eddy ra ga đợi. Nhưng Max vẫn không đến. Trong số bốn người vắng mặt, không một

ai đến cả.

Báo chí, đài phát thanh loan báo những tin tức khủng khiếp về cuộc thanh trừng ở Bucarest. Eddy sợ hãi, nàng phải trở về Euxin. Sự lo lắng đang bao trùm trên tàu. Máy tàu Euxin lại hơi yếu, loa phóng thanh lại loan báo «Euxin sẽ không nhổ neo tối nay». Eddy Thall phải ngủ ở một chiếc võng trên cầu tàu, suốt đêm hôm đó và cả ngày hôm sau, người ta cố để sửa chữa máy tàu, thế mà bốn người vắng mặt vẫn không thấy đến.

Sáng đến, thêm một tin tức mới cho biết Adassa đã bị đắm. Euxin không đi được nữa, vì theo lệnh chính quyền, không một chiếc tàu nào chở người Do Thái được phép rời bến.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Xxvii & Xxviii:

ebecca, Esther cùng nhìn ra biển, hy vọng sẽ trông thấy chiếc Euxin. Biển đang động và sóng lớn. Hành khách trốn hết vào phòng. Vợ của Max vẫn đứng trên bong. Esther thì đang say sóng như đa số hành khách khác. 800 người Do Thái đang đi trên chiếc Adassa, chòng chát lên nhau. Người đau cũng không nằm được vì phòng quá chật, mà đứng trên bong cũng không được vì sóng quá to. Adassa kêu rảng rặc và tiến thật chậm. Khoảng 9 giờ tối, một ông già chịu không nổi lăn ra chết lại càng tăng sự hỗn loạn trong tàu. Hành khách kết tội thuyền trưởng thiếu kinh nghiệm và không biết duy trì trật tự trên tàu. Có rất nhiều Y sĩ trên tàu nhưng cũng chẳng làm gì được trước các con bệnh say sóng; khoảng nửa đêm lại thêm một người chết. Xác chết được đặt lên bong tàu. Cho đến viên thuyền trưởng cũng say sóng. Mọi việc đều do viên kỹ sư điện khí lo hết; đó là một người còn trẻ tuổi và đầy cương nghị. Ông ta ra lệnh vứt hai xác chết xuống bể và khuyên mọi người bình tĩnh:

- Ngày mai chúng ta sẽ đến Istamboul. Ai đau sẽ được đưa vào bệnh viện, chúng ta sẽ tổ chức chuyển đi lại theo phương thức khác, vì bây giờ có nhiều hành khách trên tàu quá.

Trật tự có vẻ được vãn hồi, nhưng cơn bão tăng dần lên. Khoảng hai giờ sáng, Adassa có vẻ sắp vỡ, vì sóng đánh mạnh quá. Người ta đành phải nhốt hành khách vào phòng. Vì thế một người đàn bà nổi điên, thế là tống một căn phòng để nhốt riêng bà ấy ra. Nhiều tiếng khóc la, con nít, người lớn, làm hành khách mất tinh thần.

Trước khi trời sáng, trong lúc bão tố không ngớt hoành hành thì máy tàu đứng hẳn. Trong cảnh chen lấn nhau, một số hành khách cầu nguyện, số

khác ngồi than vãn, có kẻ thì nguyện rửa ban tổ chức chuyển đi. Viên thuyền trưởng mới của Adassa kêu cứu SOS và tuyên bố với hành khách:

- Ai cố chịu đựng đến sáng sẽ được cứu sống. Quý vị cần giữ gìn sức lực, giữ vững tinh thần. Chúng ta sẽ được cứu thoát.

Nước đã tràn vào tàu. Nhiều toán đặc biệt cho tát nước, nhưng chẳng thấm vào đâu, chỉ mỗi giờ một nhọc nhằn thêm mà thôi.

Máy phóng thanh lại loan tin:

- Ai gây ra hỗn loạn sẽ bị nhốt, cứ yên trí là chúng ta sẽ được cứu thoát, vì điện đài làm việc không ngừng. Adassa chưa bị hư hỏng gì, nhưng bão lớn quá. Quý vị cố giữ bình tĩnh.

Vào lúc 5 giờ sáng, máy phóng thanh lại yêu cầu hành khách giữ bình tĩnh, bờ biển không còn xa bao nhiêu, Adassa đã tiếp tục chạy được dù một máy thôi. Tàu đang tiến dần vô đất liền.

Hành khách đang đau đớn vì sợ hãi, vì sóng biển và tuyệt vọng đã ngỡ thấy đất liền trước mắt dù mắt họ đang nhắm kín. Tuy không phải là «Mảnh đất hứa hẹn» nhưng vẫn là đất liền, hy vọng sống sót bùng lên như một đám cháy. Họ bắt đầu hát các bài thánh ca, những bài hát tán dương uy quyền của đấng Toàn năng.

Máy phóng thanh lại loan báo:

- Hai ca nô cứu nguy đang đến gần. Quý vị ráng giữ bình tĩnh.

Động cơ thứ hai đã nổ lại nhưng đang còn yếu, cơn bão thì vẫn chưa dịu. Nhưng niềm hy vọng đã thắng được mệt mỏi và bệnh say sóng. Hai chiếc xà lúp chở cảnh sát và nhân viên hải cảng đang tiến dần về chiếc Adassa trước khi trời sáng, và một câu hỏi trước tiên qua loa phóng thanh:

- Tàu các ông thuộc quốc gia nào?

Thuyền trưởng Adassa trả lời:

- Chúng tôi đang đi Palestine. Tàu chúng tôi bị tắt máy, hành khách lại quá đông, nhiều người đã ngã bệnh, hỗn loạn hết sức.

Từ phía chiếc xà lúp trắng, lại có câu hỏi như cũ :

- Chúng tôi hỏi tàu các ông thuộc quốc gia nào?

- Chúng tôi là những người Do Thái đi lánh nạn.

- Thế thì, một tàu trục sẽ đến, quý vị cứ giữ bình tĩnh, giấy tờ của tàu đâu hết?

Thuyền trưởng Adassa nói như hét lên:

- Các ông hãy lấy bớt số hành khách lên ca nô, và chở hộ số bệnh nhân trong lúc chúng tôi chờ tàu trục đến. Nhẹ bớt đi, Adassa chúng tôi cũng có thể chậm chậm tiến vào bờ được.

Một viên chức trên chiếc xà lúp lại hỏi:

- Có bệnh dịch nào xảy ra trên tàu các ông không?

- Tất cả chúng tôi đều đang bệnh và say sóng cả. Ông già, đàn bà và trẻ con cần được mang đi càng sớm càng tốt. Họ không thể chịu đựng thêm nữa.

- Các ông cứ bình tĩnh. Lát nữa thôi, sẽ có tàu cấp cứu đến. Các ông bảo là tàu không tổn hại gì nhiều, vậy cứ bình tĩnh chờ xem.

Thế rồi, hai chiếc xà lúp rẽ sóng biến mất.

Lúc trời sáng, lại có thêm hai chiếc tàu nhỏ xuất hiện mang theo đầy đủ nhân viên y khoa. Họ lên bong tàu, vào tận các phòng, phân phát rượu «Rhum», thuốc lá, nước chanh. Họ mang theo những hộp thiếc sơn trắng với đầy đủ thuốc men, mọi hành khách đều được săn sóc chu đáo suốt cả buổi sáng.

Adassa vẫn từ từ tiến một cách mệt nhọc. Đất liền không gần như người ta loan báo hồi đêm. Tuy nhiên tàu cũng không còn xa bờ bao nhiêu. Giữa trưa lại có một chiếc tàu nhỏ khác mang ký giả và đại diện các cường quốc lên tàu. Như thế là số phận của Adassa đã được biết đến. Người ta bàn tán về sự man rợ của Đức quốc xã đã vớt hơn tám trăm người trên một chiếc tàu quá nhỏ, vừa đủ để chở chừng 100 người thôi, thiếu thủy thủ đoàn, thiếu phương tiện cứu cấp.

Mấy người đàn bà mặc đồng phục màu trắng đưa cho hành khách trên tàu những dây thắt lưng cấp cứu mà họ bắt hành khách phải buộc lại và xem kỹ thử dây đã được buộc chặt chưa. Mọi hành khách nhận thêm một cây đèn gắn trên ngực nhờ một sợi dây. Người ta giải thích:

- Đó là những phương tiện tối tân để cấp cứu. Nếu tàu chìm vào ban đêm, nhờ những dây buộc có đèn này tàu cấp cứu có thể thấy rõ nạn nhân và đến vớt lên dễ dàng.

Viên thuyền trưởng Adassa hỏi:

- Độ mấy giờ thì tàu trục sẽ đến đưa chúng tôi vào bờ? Chúng tôi đang chen lấn nhau quá sá mà sóng thì...

- Đó là một tội khả ố nhất mà tôi chứng kiến trên đời. Một người Anh bảo thế, gần như run lên vì giận. Rồi tiếp tục:

- Để cho 800 người rời hải cảng trên một chiếc tàu nhỏ bé, cũ kỹ không máy móc, không phương tiện cấp cứu... Thế thì giết họ đi cho rồi. Đây là một cuộc sát nhân tập thể. Một chiếc tàu như thế này, thật không tôn trọng

luật lệ quốc tế về hàng hải, không có thủy thủ đoàn giỏi, không có thuyền trưởng... Chính phủ Lỗ ma ni sẽ bị truy tố trước tòa án quốc tế về tội quái quỷ này đối với nhân loại.

Thân hình cao và mảnh khảnh của người Anh run lên vì giận dữ. Một luật sư Do Thái đến gần ông ta và hỏi:

- Từ Thổ Nhĩ Kỳ đến Palestine cần bao nhiêu ngày?
- Nhưng ông có giấy tờ hợp lệ để đi Palestine không?

Một ông già trả lời ngay cho người Anh vừa hỏi câu đó:

- Chúng tôi đều là Do Thái cả. Người Do Thái không cần giấy tờ để vào chính xứ sở của họ, mà Palestine là chính xứ sở của Do Thái cơ mà.

Người Anh nhìn vào mặt của ông già. Việc Do Thái trở về Palestine là ngược với quyền lợi của đế quốc Anh, nên điều ông già vừa nói là một thách thức lớn. Người Anh bèn thay đổi câu chuyện :

- Dân tộc như Lỗ ma ni chưa đủ khả năng để tự trị. Một nước man rợ đến thế này cần được sống dưới chế độ bảo hộ. Sứ mạng của các nước văn minh là kiểm soát những quốc gia man rợ.

Một người tóc vàng của sở báo chí Đức quốc phụ họa thêm:

- Đúng đấy, đó là bổn phận của các nước có văn hóa và văn minh. Một người Do Thái có bộ râu quai hàm lớn vừa nói vừa khóc:

- Tôi không muốn chết trước khi đụng được «Mảnh đất hứa hẹn» dù chỉ là đụng bằng đầu ngón chân của tôi thôi cũng được.

Người Anh đang nhìn vào một người đàn bà đang ãm một đứa bé tóc hung trong tay, người đàn bà năn nỉ:

- Ông có thể mang cháu qua ca nô của ông được không? Tôi thấy là cháu khó có thể sống được để chờ tàu trục đến cứu. Chờ như thế sẽ chậm mất thôi.

- Bà có thể hỏi các viên chức có thẩm quyền hơn, vì chỉ có họ mới có thẩm quyền quyết định mọi việc. Tôi chỉ là một quan sát viên vô tư có sứ mạng nhận xét các sự kiện xảy ra và báo động cho thế giới văn minh biết những hành động man rợ chưa hề có này.

Nhưng người đàn bà vẫn năn nỉ thêm:

- Ít nhất ông cũng có thể mang cháu bé này sang thuyền của ông, chỉ một mình cháu bé này thôi.

Nói xong bà giao đứa bé đang được bọc trong mảnh vải trắng cho người Anh. Nhưng ông ta không đỡ lấy mà lại mở máy ảnh, thản nhiên chụp hình người đàn bà đang trao đứa bé cho ông bằng đôi tay cầu khẩn, vừa chụp vừa nói:

- Thưa bà bức ảnh này chỉ cho thế giới Tây phương biết cái gì đã xảy ra nếu người ta đồng ý trao độc lập cho một vài dân tộc chưa qua khỏi giai đoạn man rợ. Công luận Anh và ký giả Mỹ quốc sẽ xúc động sâu xa, xúc động ghê gớm. Tôi bảo đảm với bà điều đó.

Người đàn ông cao to, tóc hung quay đi nơi khác tiếp tục chụp hình các hành khách trên tàu, luôn cả cái bong tàu. Rồi ông giận dữ bước xuống chiếc thuyền nhỏ của ông trở về bờ biển một mình. Cho đến chiều người ta mang thức ăn, thuốc men xuống tàu Adassa. Những chiếc tàu nhỏ chở các nhà ký giả, ngoại giao và y sĩ. Tất cả đều đồng ý về những hành động dã man chưa hề có này.

Viên công chức quan thuế an ủi: «Quý vị sẽ được cấp cứu ngay». Những chiếc máy bay quan sát theo dõi chiếc Adassa. Bao vẫn còn dữ dội. Bây giờ

trời đã tối, ai cũng ngong ngóng chiếc tàu trực đến mang họ đi. Trên bong tàu đã có đèn sáng.

Trong lúc đó, bỗng có một tiếng nổ long trời như tiếng bom. Hành khách giật nảy người lên. Chỉ một vài phút hỗn độn thôi, sau đó tàu chìm ngay, chìm trong chốc lát. Không ai ngờ như thế cả, và chỉ trong vài giây đồng hồ, Adassa đã biến khỏi mặt biển.

Đa số hành khách không thể nhảy xuống nước được, nhưng họ đều có những dây buộc cấp cứu do các cơ quan quốc tế tặng. Do đó, những hành khách Do Thái không chìm theo chiếc Adassa. Họ vẫn trôi lênh bênh trên mặt nước.

Số phận đã không cho phép họ đứng chân lên «Mảnh đất hứa hẹn» của Palestine hay mảnh đất liền ở bờ biển và đồng thời cũng ngăn cản họ không cho đứng chân thấu đất ở đáy biển. Những kẻ đắm tàu này không được phép gặp đất đai. Bất cứ loại đất nào. Ngay cả thứ đất ở đáy biển dành cho những người chết đuối. Số phận bắt họ phải trôi bồng bênh xa lòng đất.

Những kẻ bị đắm tàu Adassa là những kẻ ở ngoài luật lệ chung. Họ không bị chìm xuống đáy biển vì họ đang mang những dây buộc cấp cứu, quà tặng của những đại cường quốc văn minh.

Đàn bà trẻ con, người lớn chết bồng bênh trên bề với những chiếc đèn sáng treo trước ngực.

Lúc tàu cấp cứu đến thì chỉ còn thấy những xác chết trôi lênh bênh trên sóng của Biển Đen.

Như đã có thói quen của công dân một nước văn minh, thủy thủ đoàn của tàu cấp cứu tìm cách vớt những xác chết và mang họ lên những chiếc thuyền con.

Một thủy thủ đoàn Hung Gia Lợi hỏi một cách chua chát và mỉa mai:

- Tại sao người ta cho họ đèn và dây buộc lưng nhỉ? Vào tháng giêng, ở Biển Đen mọi người đắm tàu đều bị chết ngay khi rớt xuống nước vì sự khác biệt thái quá giữa nhiệt độ thân thể và nhiệt độ nước biển. Vậy cho họ dây buộc lưng là một điều kỳ dị. Hơn thế nữa, người ta lại còn tặng họ đèn, chắc là để người chết trôi trên sóng với những ngọn đèn được thắp sáng.

Trước khi sắp các xác chết vào thuyền, các thủy thủ tắt các ngọn đèn trên ngực của các nạn nhân. Và người ta thấy rằng không có nạn nhân nào quên bật đèn khi tàu đắm.

XXVIII

Những người Do Thái trên tàu Euxin không còn được phép rời Constantza nữa. Một trại lính được thành lập ngay với đầy đủ giường nằm và bếp nấu ăn. Người ta bảo họ cứ việc chờ đợi. Một số muốn trở về Bucarest, nhưng đều bị cấm.

Các cuộc phỏng vấn bắt đầu, Eddy Thall là người được gọi tên đầu tiên. Viên sĩ quan lập biên bản, vừa đưa cho Eddy tờ cam kết cho nàng ký không trở về Lỗ ma ni vừa bảo với nàng :

- Cô không có quyền trở về Lỗ ma ni nữa.

- Tôi vẫn muốn rời xứ này bằng tàu Euxin.

- Euxin là một câu chuyện đã được xếp lại rồi. Người ta không thể nào cho phép ngàn ấy người đi trên một chiếc tàu quá cũ kỹ này, vì như thế thật quá dã man. Cô phải chọn một giải pháp khác vậy. Cùng lắm, cô có thể xin được trở lại quốc tịch Lỗ ma ni. Cũng bi đát thật, nhưng đành vậy. Cô hãy nghĩ đến một lối thoát khác hợp lý hơn đi.

Eddy Thall yên lặng. Nàng thừa biết trong hoàn cảnh này nàng không còn được phép ra đi mà cũng không còn được phép ở lại nữa.

Viên sĩ quan lập biên bản gợi ý cho Eddy :

- Riêng tôi, tôi thấy cô còn hai giải pháp. Hoặc là cô xin giấy nhập nội vào một quốc gia khác, hoặc là cô xin gia nhập quốc tịch nào đó. Hai điều cô chọn một. Cô quyết định thế nào?

Eddy bảo ngay:

- Tôi sang Nga. Một ước lệ mới cho phép công dân Lỗ ma ni của Bessarabie được sang Nga nếu họ muốn.

Viên sĩ quan cười mỉa mai :

- Cô là cộng sản?

Eddy mím môi không trả lời. Ông ta nói tiếp :

- Đoàn xe đi Nga sẽ khởi hành ngày mai. Cô có thể đi được, vì sang Nga thì dễ lắm.

Eddy Thall rời văn phòng. Nàng nhìn ra biển. Ngày mai nàng sẽ sang Nga với chừng vài trăm người Do Thái. Nàng cũng không còn hành lý để sửa soạn nữa, bởi vì bao nhiêu hành lý nàng đều gói cả trên chiếc Adassa.

Nàng ngồi xuống và ôm đầu. Lần đầu tiên nàng nghĩ đến người bạn của Pierre Pillat, người bạn tên Boris Bodnar trốn sang Nga vì đã thi hỏng.

Eddy tự nhủ :

Ngày hôm nay mình cũng làm như anh ấy, ra đi với những lý do tương tự. Hồi còn nhỏ anh ấy đã chọc thủng mắt em và bị mọi người xem như một đứa trẻ thoái hóa cần được loại trừ. Cũng như Boris, mình không biết phải đi đâu. Đành trốn sang Nga vậy. Người Do Thái sẽ như thế nào ở đất Nga nhỉ, ai mà biết được.

Thế là Eddy Thall ngồi khóc. Phần đầu tiên của cuộc đời Do Thái của nàng đã chấm dứt. Cuốn sách đầu tiên của người Do Thái cũng chấm dứt nốt. Nàng khóc cho nàng, cho đời nàng, mắt đăm đăm nhìn mặt đại dương ngoài xa.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Cuốn Sách Của Sa Mạc I & II & III & IV:

húng ta sắp đến sa mạc rồi.

Thanh niên mang áo choàng da, khăn quàng đỏ ngồi cạnh tài xế vừa nói thể vừa đăm đăm nhìn bãi cát vô tận đang trải dài trước mắt. Nhiều chiếc cam nhông theo sau chở toàn là nam và nữ sinh viên, bánh xe ấn sâu vào lòng cát nóng hổi. Tụi trẻ chăm chú nhìn bãi sa mạc mênh mông, trong lúc cát theo chiều gió vẫn tiếp tục tạt vào áo quần của họ và thành xe cam nhông.

- Đã thấy được lều đằng kia rồi.

Thanh niên mang áo choàng da quay đầu nhìn theo hướng tay của người con gái đang chỉ về phía 3 chiếc gò cao màu xám tro; toán xe chạy chậm lại rồi hướng dần về phía những căn lều vừa mới được dựng lên. Lúc xe đã ngừng hẳn, lũ thanh niên lần lượt bước xuống, mở ngay cửa lều vì tất cả đều không có khóa. Lều được dựng toàn là bằng gỗ thông, bên trong hoàn toàn chưa có gì, chỉ nồng một mùi hăng hắc của thứ gỗ đã khô cứng, thứ gỗ đã bị sa mạc tàn nhẫn hút hết nhựa sống. Chung quanh những căn lều chỉ toàn là cát màu xám xịt, cát bị gió thổi tung lên như thử người ta đang nhìn xuyên qua một cái rây. Vì thế mà tài xế phải bọc bánh xe và nắp xe bằng những tấm vải dày.

Hai mươi người cả trai lẫn gái vừa bước xuống xe đứng nhìn quanh trong lúc thanh niên áo choàng da ra lệnh :

- Khoan lấy dụng cụ xuống đã.

Viên chỉ huy đó là Boris Bodnariuk. Hắn vừa nói vừa leo lên thềm của gian lều chính giữa, lũ thanh niên vây quanh hắn, lưng xoay về phía gió thổi.

Boris Bodnariuk nhìn đoàn xe nối đuôi nhau cạnh mấy căn lều, hướng về lũ thanh niên và nói:

- Tôi biết các đồng chí đang vừa đói, vừa khát. Tuy nhiên trước khi khởi công, tôi muốn nhắn nhủ các đồng chí vài điều:

«Chúng ta đang sống trong một thời đại phi thường. Trước mắt chúng ta là 53 triệu mẫu tây sa mạc Kara Koun, xa hơn nữa là 20 triệu mẫu tây sa mạc Kizil Koun. Tổ quốc Sô Viết từ lâu đã nghiên cứu một kế hoạch khai khẩn đất vô dụng, những sa mạc mênh mông. Chương trình đã thảo xong. Chúng ta là toán thanh niên đầu tiên của đại học Sô Viết đang bước vào sa mạc. Chúng ta là những kẻ tiên phong trong cuộc «Đại tấn công» làm sống lại những mảnh đất đã cằn cỗi của sa mạc để thay đổi khí hậu, thay đổi chiều gió, thay đổi mạch nước. Đó là công trình xây dựng vĩ đại nhất của lịch sử. Nhớ ơn Sô Viết mà hai mươi người chúng ta đây vừa bước chân xuống xe đã có thể đặt viên đá đầu tiên trên bãi sa mạc nóng bỏng này. Công trình đó là một công trình mà bất cứ thanh niên nào trên trái đất này cũng mơ ước và ngưỡng vọng. Hãy tri ân tổ quốc Sô Viết đã ban cho chúng ta an huệ này.»

Một tràng pháo tay vang lên. Không ai còn nghĩ đến uống nước dù môi đã khô. Tất cả đều đồng thanh hát «Khúc ca rừng» của Dimitri Chostalovich.

Boris Bodnariuk ra dấu tay. Tất cả ngừng hát:

- Các đồng chí thân mến, còn điều này nữa. Bây giờ đã 5 giờ chiều rồi. Cũng vào giờ này đúng 15 năm về trước, lần đầu tiên tôi đặt chân lên Sô

Viết. Hồi đó tôi mang tên Boris Bodnar. Kỷ niệm ngày tôi đặt chân lên đây thật đáng kể và đáng cho chúng ta một bài học:

Đưa tay chỉ về sa mạc, Boris nói tiếp:

- Các đồng chí biết là bãi sa mạc này cũng như nhiều bãi sa mạc trên thế giới không phải là công trình của thiên nhiên, mà do con người tạo ra. Cái xã hội sơ khai sinh sống trên mặt đất trước kỷ nguyên cộng sản đã phá hại cỏ cây, làm tắt những giòng suối. Họ làm thế vì ngu dốt, vì khao khát chiếm đoạt. Bị tước đoạt hết cỏ cây, đất trở nên cằn cỗi và biến thành sa mạc. Cát lan tràn như một vết thương. Như vậy, sa mạc là kết quả của sự tham ăn man rợ của những kẻ chủ trương các xã hội phản cộng sản từ sự xuất hiện đầu tiên của loài người trên trái đất cho đến cuộc cách mạng vĩ đại tháng 10.

«Cứ nhìn thật xa mà xem, các đồng chí sẽ không thấy gì trên mảnh đất đã bị con người giết chết này. Không một sinh vật, không một cây cỏ, không có đời sống chỉ có sự chết chóc. Toàn là cát và cát. Bầu trời cũng mang màu chết. Tia sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú cũng chết nốt, hay có chiếu sáng cũng không có sinh lực. Giờ lại mang đến hàng triệu tấn cát, gào thét như một con chó sói thềm thường. Các đồng chí thân mến, tiểu sử của bãi sa mạc này là tiểu sử của tôi. Vâng của cuộc đời Boris Bodnariuk, hay là tiểu sử của tất cả những đứa trẻ nào vô phúc sinh trưởng trong một quốc gia tư bản.

«Hồi các đồng chí, tôi không được may mắn như các đồng chí được sinh ra trong quốc gia Xô Viết, tôi sinh ra trong một xã hội trường giả. Từ lúc ấu thời, cha mẹ, hàng xóm, linh mục, tất cả thành phần của xã hội trường giả nơi tôi sinh ra đã bắt đầu giết mất đời sống của tôi, chẳng khác gì những xã hội phản cộng sản tham lam, tàn bạo đã lột trần và chà đạp đất đai này và biến nó thành sa mạc.

Lúc mười lăm tuổi, tôi đã là một đứa trẻ đã chết. Do đó, tôi đã vượt sông Dniestr và đặt chân lên đất Xô Viết. Lúc mới đến đây, tôi không còn một niềm tin nào nữa, không còn một ảo tưởng nào nữa, hết ham sống hết cả ước mơ. Trong tôi, tất cả đều đã chết. Tất cả cái gì tạo thành đời sống một con người đã chết, giống như tất cả cái gì tạo thành đời sống của mảnh đất đã chết trong bãi sa mạc đang bao quanh chúng ta. Xã hội trưởng giả đã cướp hết niềm tin, ảo tưởng, tình đoàn kết nơi tôi. Cho nên, cách đây 15 năm, cũng vào giờ này lúc tôi mới đặt chân đến đây, tôi chỉ biết có sự sợ hãi khủng bố và cô đơn. Dù là tất cả những gì xã hội trưởng giả đã mang lại cho tôi, tất cả những gì tôi mang theo hồi đó.

Đời sống tôi chỉ bắt đầu cách đây 15 năm. Xô Viết đã cho tôi lý tưởng, cho tôi đức tin, cho tôi sự may mắn sống cho một cái gì. Và trên hết, Xô Viết đã cho tôi tình đoàn kết, tình cộng đồng, tình huynh đệ. Trong xã hội trưởng giả, tôi chỉ biết có sự cô đơn nào nê, sự cô đơn còn lớn gấp bội sự phiền muộn của 60 triệu mẫu tây sa mạc này.

Boris Bodnariuk cúi xuống bốc một nắm cát, bóp mạnh cát trong tay, hãnh nghĩ đến người mẹ suốt ngày đánh đập hãnh đến đổ máu, nghĩ đến bạn bè mỗi lần hãnh đi ngang đều che mắt và la lên «Đồ sát nhân». Hãnh nghĩ đến quê hương, nơi mà ai cũng mong hãnh chết đi, nghĩ như thế hãnh ứa nước mắt. Cầm nắm cát trong tay như vậy, hãnh tiếp tục nói :

«Với nắm cát trong tay, với sa mạc mênh mông này trước mắt, tôi xin thề với các đồng chí, và tôi yêu cầu các đồng chí cũng thề với tôi là chúng ta sẽ mang lại sức sống cho mảnh đất cằn cỗi này của tổ quốc Xô Viết. Lòng đam mê của tôi có được, không những chỉ vì tôi là kẻ ở đậu trên mảnh đất này, mà còn bởi vì hơn ai hết tôi đã biết thế nào là sự đốn đau của một kẻ bị chà đạp, bị giết chết bởi sự man rợ của con người, bởi vì tôi đã biết thế nào là sự sung sướng của một kẻ được người khác mang lại sức sống, nghĩa là tôi đã biết thế nào là sự chết và thế nào là sự hồi sinh.»

Bài diễn văn của Boris Bodnariuk chấm dứt bằng những tiếng vỗ tay vang dội, bằng nhịp điệu của những bài hát ca tụng sự vinh quang của công trình thay đổi khí hậu và tái tạo sức sống của sa mạc. Boris thật sung sướng, nên khi nữ đồng chí Natacha Olt bước đến ôm hôn, nét mặt của Boris đã lấm tấm vài giọt nước mắt hân hoan.

II

Ngày hôm sau, nhóm của Boris Bodnariuk đã làm việc hết sức hăng hái. Các sinh viên được chia thành từng toán tùy theo khả năng chuyên môn của họ, còn nhiều toán khác chưa đến kịp. Trong ba căn lều vừa dựng, đã có những máy vô tuyến điện, những dụng cụ đo sức mạnh và hướng gió, đo độ ẩm cùng nhiệt độ và khoảng cách. Các tiểu ban khảo cổ và canh tác đã dựng được những phòng thí nghiệm sơ tầm và quan sát đất đai cây cối. Các tiểu ban thú y và trồng tía cũng đã bắt đầu công tác. Boris Bodnariuk làm việc ở tổ trung ương với nữ thư ký Natacha Olt và một uỷ viên chính trị gốc người Mong Cổ tên là Vladimir Kanayan. Ngoài Kanayan ra chỉ toàn là sinh viên. Boris ra khỏi cửa lều đã rung chuông hội họp:

«Hỡi các đồng chí, các đồng chí đang tượng trưng cho mọi ngành chuyên môn của khoa học và cũng đều qua một cuộc tập sự đặc biệt ở Hàn Lâm Viện canh tác sa mạc. Vậy không lý do gì tôi lại giảng nghĩa thêm về những khía cạnh kỹ thuật, những khía cạnh mà những nhà bác học Sô Viết đã chỉ dạy các đồng chí từ lâu rồi. Tuy nhiên tôi phải nói vài lời để hướng dẫn các đồng chí trong lúc hành động, những sinh vật đầu tiên xuất hiện trên sa mạc sẽ là những tên gián điệp, những tên phản bội và những kẻ phá hoại.»

Giọng của Boris không còn tràn đầy đam mê, xa vắng và mơ mộng như ngày hôm qua nữa, mà đã rần rỗi và đầy uy quyền.

«Hỡi các đồng chí của mọi ngành chuyên môn, hóa học, sinh vật học, nông học cũng như khí tượng học, thiên văn học, kỹ sư các ngành, các đồng

chí đừng bao giờ quên rằng trong công trình vĩ đại của chúng ta nhằm canh tác sa mạc và thay đổi khí hậu, nên sinh vật đầu tiên xuất hiện trên sa mạc sẽ là Kẻ thù của Tổ quốc. Những nơi nào có Sô Viết, nghĩa là có sự sống, ắt có kẻ thù của đời sống, kẻ thù đó là những ký sinh trùng. Cho nên các đồng chí hãy đề phòng cẩn mật. Hãy giết ngay con vật ký sinh đó đi, vì nó là kẻ thù của tổ quốc, nếu các đồng chí không chú ý, các đồng chí sẽ có tội với tổ quốc và tất cả công trình chúng ta sẽ ra mây khói. Châm ngôn của chúng ta là khám phá và loại trừ ngay kẻ thù của tổ quốc. Rất có thể nó đã đến sa mạc trước cả chúng ta nữa.»

Boris nhìn các đồng chí thuộc hạ đang chăm chú nghe và giảng giải tiếp:

«Thứ ký sinh đó xuất hiện khắp nơi. Để tôi kể các đồng chí nghe trường hợp sơ xuất tai hại của một đồng chí trong tiểu ban Trồng tía ở Leningrad...

«Trong tám trăm hạt giống và cành chiết do những cộng tác viên Sô Viết gởi từ những sa mạc Nam Mỹ sang để thí nghiệm ở đây, có một cây con ở Ba Tây. Đồng chí đó đã đem trồng vài cành chiết vào nhà gương của Viện Đại Học để thí nghiệm nhưng y lại sơ hờ rất tai hại. May thay, một đồng chí ở phòng thí nghiệm đã không quên rằng Kẻ thù của tổ quốc ẩn nấp khắp nơi nên đã dùng kính hiển vi nhìn kỹ rễ của cây con đó. Quả nhiên, đồng chí đã phát hiện ra con vật đê hèn đó. Một bọn phản động ở Ba Tây, bon của nhóm Trotsky dĩ nhiên, đã đặt trong rễ cây gởi về cho Nga Sô trứng của loại kiến đỏ. Thứ kiến đỏ không những đã phá hoại cây cỏ ở Ba Tây mà còn phá hoại tất cả thực vật quanh đó. Nhờ sự cẩn thận của đồng chí đó mà loại kiến đỏ đã bị giết, lũ phá hoại và đồng bọn bị bắt, tai họa đã tránh được. Tôi khuyến cáo các đồng chí là đừng nên sơ xuất xem thường. Kẻ thù của tổ quốc, lũ phá hoại, những tên gián điệp, những tên phản động cũng muốn xam nhập và ẩn núp trong rễ cây, trong hạt giống, trong mọi đồ vật.

«Cho nên bốn phận của mỗi đảng viên cộng sản là khám phá ra loại sâu bọ đó và loại trừ tức khắc. Nào bây giờ chúng ta làm việc, nhưng hãy cẩn

thận. Diệt trừ kẻ thù cũng quan trọng như mọi công trình xây dựng vậy, có thể quan trọng hơn nữa là đấng khác. Nào, bây giờ làm việc đi...»

III

Ngày thứ ba có buổi họp của toàn nhóm. Ai nấy đều dấu sự mệt mỏi, bệnh hoạn dù tất cả đều khó chịu vì khí hậu ở sa mạc.

Boris Bodnariuk chủ tọa buổi họp, bên phải là Natasha Olt chuyên thảo biên bản các buổi họp; phía sau là khuôn mặt bầu bĩnh của Vladimir Kanayan. Boris Bodnariuk chưa đầy ba mươi tuổi. Hắn đã theo học tại Hàn Lâm Viện đỏ, ban khủng bố, ban này có mục đích huấn luyện hắn có thể đi hoạt động ở ngoại quốc. Mấy năm cuối cùng của chương trình, hắn có theo học ban «Canh tác sa mạc». Đối với hắn chiến thuật cộng sản thật rõ ràng, và hắn đã được liệt vào hạng kỹ sư đào tạo con người mới chứ không ở vào hạng theo chủ nghĩa thần bí hiểm thấy ở liên bang Sô Viết. Hắn thừa biết là tuổi trẻ luôn luôn ham thích những kế hoạch to tát, tuổi trẻ lúc nào cũng say mê những thần thoại, những niềm tin đáp ứng được nhu cầu phiêu lưu, tính phóng khoáng cùng lòng hy sinh nơi mọi người. Mỗi thanh niên mơ ước sẽ trở thành anh hùng, và phải tạo cơ hội cho mỗi người thấy rằng trong sự lao động hàng ngày đáng có thể giúp thanh niên đó đạt được ước mơ. Việc làm khô khan nhất, và chính nhờ sự khô khan đó, cũng có thể cung ứng sự khát khao của tuổi trẻ, đó là sự khát khao trở thành người hùng, làm những việc phi thường không giống một đồng bạn nào cả. Chính vì thế mà Boris Bodnariuk đã quyết định là mỗi sáng các tổ trưởng phải phúc trình sơ lược những tiến bộ thực hiện được trong khuôn khổ của kế hoạch thay đổi khí hậu nhờ bàn tay cùng sự khéo léo của mọi người hiện diện.

Trong chừng mười câu sáng sủa, gãy gọn, ban phúc trình phải nêu được mục đích và những tiến bộ đã thực hiện được. Cứ tuần tự như thế, phúc trình công tác hết như một điệu nhạc mỗi sáng trong đó Boris cũng hết như một nhạc trưởng. Hắn bắt đầu chỉ định tổ trưởng toán chuyên về dẫn thủy và hàng hải. Người này nói thao thao:

- Toán của tôi là một trong những toán chuyên đắp những con kênh cho tàu bè qua lại. Mục đích tối hậu là nối liền 6 biển: biển Caspienne, biển Azov, biển Đen, biển Trắng, biển Aral và biển Baltique. Nhờ hệ thống kênh đào đó, Mạc Tư Khoa sẽ là một hải cảng trên 6 biển (có tiếng vỗ tay). Kênh Turkmène sẽ là con kênh dài nhất thế giới dài 1100 cây số, và sẽ kết thúc trong chừng 7 năm. Kênh Panama do tụi trưởng giả đào dài chỉ 84 cây số mà mất đến 34 năm. Thứ đến là Kênh Volga Don. Hàng triệu mẫu tây đất sa mạc biến thành vườn tược nhờ hệ thống kênh đào. Để thực hiện điều đó, chúng tôi sẽ dùng chừng 5 triệu thước khối đá. Sông Amour Daria đã bắt đầu dùng được. Không bao lâu nữa, và không xa đây bao nhiêu, nơi mà hiện giờ không có lấy một giọt nước, thuyền bè sẽ tập nập qua lại trên 6 biển, ngang qua sa mạc. Toán chúng tôi lúc đó lại sẽ phải đắp một đường bộ và một đường sắt nối liền ga cuối cùng đến công trường chúng ta. Chúng tôi sẽ đem nước đến đây trong vài tháng nữa cho các đồng chí cũng như cho các đồn điền.

Boris hướng về một thanh niên khác, anh này liền lên tiếng:

- Toán khí tượng và thủy học sẽ có chừng một phi đội để tưới những trận mưa nhân tạo lên vùng đồn điền với một diện tích trên một trăm mẫu tây. Chúng tôi đợi máy bay trong một tuần.

Boris lại ra dấu, một thiếu nữ thuộc toán thực vật đứng dậy đọc tên các hạt giống: «Trong 6 tháng, chúng tôi sẽ trồng được trên 200 mẫu tây chừng 800 loại cây khác nhau. Thật chưa có một cuộc thí nghiệm nào vĩ đại như thế từ khi có loài người trên quả đất. Một thiếu nữ khác đứng dậy phát biểu ý kiến:

- Cùng một lúc với sự biến đổi độ ẩm, gió cũng sẽ được dịu bớt không bao lâu nữa, chiều gió sẽ hoàn toàn thay đổi. Chúng tôi có thể buộc mây từ phía bắc đến đổ mưa xuống vùng sa mạc này. Nhóm chúng tôi sẽ thông báo cho ủy ban trung ương biết về áp lực và các lỗ hổng không khí khi chiều gió đã được thay đổi. Tôi xin nhường lời cho đồng chí trong nhóm thiên văn.

Một thiếu nữ cao, tóc hung, chuyên về thiên văn tiếp tục:

- Ngay từ bây giờ, chúng tôi có thể tuyên bố rằng, chính nhờ chúng tôi mà trong khoảng đất này của liên bang Sô Viết trong khoảng đất rộng bằng cả Anh quốc, màu trời sẽ được thay đổi. Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, nhờ sự thay đổi khí hậu bầu trời sẽ xanh như ở Ukraine. Các ngôi sao sẽ sáng hơn, mặt trời cũng sẽ có màu vàng hơn, đám mây vàng ta thường nhìn thấy quanh mặt trời và mặt trăng sẽ biến mất. Ban đêm sẽ sáng hơn, độ sáng sẽ lớn hơn các vùng lân cận là 25%. Sự thay đổi màu trời, tia sáng của mặt trời, mặt trăng cũng như các ngôi sao có được là nhờ Sô Viết và vị lãnh tụ vĩ đại của chúng ta.

Mọi người vỗ tay, ai nấy mắt sáng ngời nhờ các bản tường trình vừa đọc xong, Boris Bodnariuk biết là đã đến lúc cuộc hòa tấu buổi mai có thể chấm dứt. Với ngàn ấy nhiệt thành, thì khí hậu và oi bức của sa mạc rồi cũng chịu đựng được. Tuy nhiên, hẳn còn nhớ đến Kanayan và bảo:

- Hiện còn vài ngàn dân bản xứ còn sống lang thang trong sa mạc. Họ phải biết đến hoạt động của chúng ta mới được, bởi vì họ là những giống dân Sô Viết chưa được hưởng ưu đãi của chế độ. Xin mời đồng chí Kanayan cho biết làm sao để tìm ra họ và kết hợp họ vào công trình xây dựng của chúng ta.

Đôi mắt nhỏ đen của Kanayan không hề nhấp nháy hẳn trả lời cho Boris thật nhỏ:

- Hiện còn những kẻ sống lang thang trong sa mạc thật nhưng không thể nào tìm gặp và không thể đếm được lớp người đó. Họ hết như cát trong sa mạc, họ đến rồi họ đi và không thể nào phân biệt nổi họ với cát.

- Ủy ban chính trị sẽ để cho đồng chí xử dụng vài phi cơ trinh sát.

Boris nói thế nhưng Kanayan không trả lời thêm. Boris hỏi:

- Vậy theo đồng chí thì cần độ bao lâu ta có thể kiểm tra được số người vô gia cư đó?

- Tôi là đảng viên cộng sản từ thuở bé. Cha tôi cũng vào đảng từ lâu, nhưng thật khó lòng mà đi sâu vào sa mạc. Lénine vĩ đại đã chinh phục Nga Sô toàn diện từ lâu, thế mà với Người cũng cần 7 năm để đi từ Mạc Tư Khoa đến làng tôi cách đây chừng 80 cây số. Dân tộc Sô Viết chỉ đến biên giới sa mạc vào khoảng năm 1925, nhưng nếu phải đi xa hơn, đi vào tận sa mạc thì thú thật tôi không biết phải cần bao nhiêu lâu, khổ lắm, đó là tất cả những gì tôi biết được.

Boris mỉm cười lên tiếng:

- Hỡi các đồng chí, tôi muốn rằng những lời nói vừa rồi của Kanayan là một bài học cho các đồng chí. Các đồng chí thấy rõ là dưới một chế độ phản cộng sản con người thật quá thấp hèn. Những kẻ lang thang đó khổ sở vì đói, vì khát, và kéo lê một cuộc sống trong địa ngục đầy cát này, một cuộc sống mà không một con vật nào ham muốn cả. Thế mà họ là những người, lại là những người Sô Viết, họ đã bị khủng bố, sợ hãi, thua sút đến độ họ không còn can đảm nhìn thẳng vào tương lai. Chúng ta mang lại cho họ nước uống, nhà cửa, một khí hậu dễ chịu hơn, một điều kiện hợp với con người hơn thế mà họ vẫn sợ hãi. Vâng, sợ hãi. Đó là những kết quả của một xã hội phi cộng sản. Xã hội đó đã biến con người thành một con vật sợ hãi đến độ thích bị giết hơn là thích từ bỏ nghiệp khổ để đi đến một cuộc sống tốt đẹp hơn. Nhưng mặc họ, chúng ta cứ sẽ giúp đỡ họ. Các đồng chí thương mến, ai yêu thương loài người thì phải mang lại lợi ích và không có quyền sợ những đổi thay. Nhiệm vụ của chúng ta là mang lại cho các thế hệ mai sau một khí hậu trong lành, một mảnh đất có năng suất cao và một xã hội công bằng. Vì ích lợi của nhân loại chúng ta sẽ bắt buộc hàng ngàn người lang thang đó trở thành những cộng tác viên của chúng ta. Đó là thứ tình cảm cao thượng nhất của nhân loại. Ngoài những người Sô Viết ra, không có một tôn giáo nào lại biết thương yêu con người như thế. Chúng ta

sẽ biến những người vô gia cư đó thành những cộng tác viên của chúng ta, dù họ không muốn, nhưng vì ích lợi cho họ và cho con cháu họ chúng ta phải làm thế. Liên bang Xô Viết được thành lập trên căn bản của đoàn kết nhân loại. Boris Bodnariuk đứng dậy:

- Nào bây giờ chúng ta làm việc, làm việc cho lợi ích của nhân loại. Trong lúc đó Kanayan vẫn đứng đấy, bất động.

IV

Boris Bodnariuk đã tổ chức các công tác tại công trường xong. Sau đó hắn trở về Mạc Tư Khoa bằng máy bay để nhận những chỉ thị mới và bây giờ hắn đang ở lại tại Kichinev vừa mới được sát nhập vào Nga Xô.

Hắn cần tuyển mộ ở đó rồi mang đến sa mạc vài trăm ngàn người tị nạn để làm việc cho công trình thay đổi khí hậu. Boris cho là «Không phải là lần đầu tiên những người Do Thái làm quen với sa mạc vì trong lịch sử họ đã từng ở trên những đồng bằng đầy cát».

Boris muốn thấy lại trường Trung học hoàng gia nơi mà hắn đã bị đuổi trong bộ quần áo nhục nhĩ mười lăm năm về trước. Đằng sau hắn là đại tá Novirok chuyên lo về vấn đề tị nạn, một người mập mạp nhưng thụ động:

- Hàng trăm ngàn người Do Thái đó, những «desperados» đó đến xin tị nạn ở Xô Viết để khỏi phải bị đốt như những con chuột trong những lò hỏa thiêu của bọn phát xít. Họ chống phát xít vì sợ chết và sợ những trại tập trung, nhưng họ cũng chống cộng sản nữa. Sự kiện họ đã đến với Xô Viết không có một ý nghĩa nào cả. Người Do Thái sang Nga bởi vì họ không thể đi đâu được nữa. Các nước dân chủ không chấp nhận họ trừ phi lúc họ có trương mục ở ngân hàng, như Thụy Sĩ đã làm. Một vài nước khác lại xa quá. Dù sao chúng ta cũng phải giam giữ họ bởi họ chống lại chủ nghĩa cộng sản. Điện Cẩm Linh đã chấp nhận giải pháp của tôi. Vị trí của những

người Do Thái là ở tại sa mạc, vì Nga Sô đang có hàng triệu mẫu tây sa mạc.

Đại tá Novirok đã soạn sẵn danh sách và hồ sơ hàng ngàn người tị nạn mà mai sẽ được chở vào những toa tàu bọc kín để đem đến những công trường làm thay đổi khí hậu và canh tác sa mạc. Boris lại bảo:

- Nhờ khoa vật lý, đồng chí thừa biết là một nguyên tử hýt rô vẫn là một nguyên tử hýt rô trong bất cứ phân tử nào. Cũng như thế một cá nhân là sản phẩm của một xã hội nơi mà người đó sinh ra; người đó vẫn là người đó mãi mãi, cũng như một nguyên tử, trong bất cứ xã hội nào mà đồng chí mang người đó đến, đó là một luật lệ đương nhiên. Y theo kế hoạch, tôi có thể thay đổi màu trời ở sa mạc, thay đổi chiều gió, mực nước biển nhưng tôi biết chắc là tôi không thể nào thay đổi bản tính của một cá nhân trừ phi tôi loại trừ nó. Moise biết rõ điều đó lắm, nên ông ta đã ở 40 năm trong sa mạc trước khi cố tái lập một tân đế quốc Israel. Ông ta phải ở như thế trong sa mạc để cho thế hệ mà ông không cần đến phải chết đi, và sau đó, chỉ với lớp người trẻ, ông ta mới bắt đầu xây dựng lại. Thật là làm chính trị lãng mạn mới tin rằng ta có thể thay đổi một cá nhân gốc trưởng giả thành một cá nhân cộng sản. Cũng như là phải lãng mạn chính trị lắm người ta mới tin rằng có thể biến người cộng sản thành trưởng giả. Ngu ngốc lắm mới tin như vậy được, bởi lẽ khoa học xã hội chưa khám phá ra bí quyết của sự «Biến thể» cá nhân. Chúng ta phải đợi một thế hệ nữa. Tôi lập lại là những cá nhân cũng giống như những nguyên tử. Đời sống họ cũng không phải đơn độc và người ta không thể thay đổi bản tính của họ được. Họ là sản phẩm của xã hội. Tất cả những cá nhân sinh ra trong xã hội trưởng giả đều là những kẻ trưởng giả, ngay cả lúc họ là Do Thái và chống phát xít. Cho nên họ sẽ được đem đến sa mạc, ở đó họ sẽ chết dần, nhưng ở đó họ sẽ không truyền nhiễm sang kẻ chung quanh những con vi trùng trí thức và chính trị của họ được. Họ ở sa mạc cũng như họ ở trong một lò sát trùng; chúng ta vẫn có thể giúp đỡ họ được, vì dù họ không muốn, chúng ta cứ ghép họ vào một công trình vĩ đại. Chúng ta đang đem lại lợi ích cho nhân

loại và cho những thế hệ mai sau thế hệ sẽ được hưởng những công trình mà họ bị bắt buộc phải làm. Đối với họ, đó là một dịp may mà họ không mong đợi, nhưng con hơn là để họ chết trong những trại tập trung của quốc xã, chết một cách thật vô ích. Trong lúc với chúng ta, họ cũng có điều may mắn đó, may mắn chết một cách ích lợi cho nhân loại. Thế cho đến bây giờ, đồng chí đã làm gì với những người Do Thái trưởng giả đó?

Đại tá Novirok trả lời:

- Giáo huấn họ lại.

- Ai chủ trương giáo dục lại sẽ mang tội lằng mạn chính trị. Chúng ta đã có kinh nghiệm trong sự giáo dục đó vào hồi đầu của cuộc cách mạng với những nông dân, những sĩ quan Nga hoàng cũng như các giáo sĩ, và chúng ta đã thất bại hoàn toàn. Một cá nhân từ tây phương đến phải cần cô lập, bắt làm việc hay loại trừ, vì cá nhân đó đã hư hỏng rồi. Vâng hư hỏng, đồng chí có biết như thế không.

Boris đưa mắt nhìn thành phố, nhìn những nóc nhà thờ nhọn hoắt như những ngón tay chìa lên trời, rồi hãnh quay lại nói tiếp:

- Lúc tôi đã hoàn thành xong kế hoạch thay đổi khí hậu, ta còn một giấc mơ khác cần thực hiện nữa. Đó là biến Tây phương thành một đồng tro tàn, nhìn những thành quách cùng các giáo đường thời trung cổ của những thủ đô lớn lần lượt bốc lửa, và sau đó máy cày Xô Viết sẽ được đem đến Âu Châu, chúng ta tái tạo các khu rừng, thành lập những thành phố mới, những cơ xưởng mới. Nhưng trước đó, phải để Âu Châu cháy sạch hết đã, để có thể đứng từ Odessa nhìn con lửa đốt hết Luân Đôn, Bá Linh, Ba Lê, những con lửa liếm Tây Phương trọn vẹn giết sạch tất cả vi trùng và dấu vết của một xã hội đã kiềm chế nhân loại với một đời sống tăm tối trong suốt hai nghìn năm dưới dấu hiệu thánh giá, đã kiềm chế nhân loại trong áp bức, sợ hãi và những khủng bố dưới dấu hiệu thánh giá. Đồng chí có muốn chứng kiến cảnh tượng đó không nhỉ?

Novirok dăm dăm nhìn Bodnariuk mà không nói gì. Đại tá Novirok biết rằng nếu ý nghĩ của Bodnariuk được chế độ Sô Viết chấp nhận thì ông ta có thể trả lời «vâng» mà không sợ hãi gì. Nhưng nếu một mai chính phủ Sô Viết xem những ý nghĩ đó là quá sớm hay không hợp thời thì những ai đã trả lời «Vâng» sẽ bị nguy hiểm. Cho nên tốt hơn hết là im lặng, đừng đồng ý hay không đồng ý, và nhất là không nên nói «có lẽ» vì chữ «có lẽ» sẽ bị xem như là đồng ý hay không đồng ý. Điều chính yếu là giữ im lặng và chỉ nhìn mà thôi, nhìn với đôi mắt không trung lập, cũng không lơ mờ, một nét nhìn không nói lên sự đồng ý hay không đồng ý, một nét nhìn giống như lũ trâu bò. Đó là thái độ chắc chắn nhất để giữ sinh mạng, và thái độ mà đại tá Novirok đã chấp nhận.

Và cả dân tộc Sô Viết cũng cố gắng để có thể nhìn như thế.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

V & Vi & Vii & Viii & Ix:

Kichinev, Boris đến viếng thăm trung tâm những người Do Thái tị nạn, và căn cứ theo biên bản hẳn có thể tính được số người đến tị nạn mỗi ngày. Hẳn yêu cầu trung tâm mỗi tuần phải chở những người tị nạn này đến sa mạc.

Lúc hẳn đến trước khu trường trung học Hoàng gia, Novirok chỉ cho hẳn một ngôi giáo đường nhỏ và bảo:

- Ngôi nhà thờ này đã đổi thành hí viện, một số người tị nạn đã trình diễn bằng tiếng Lỗ ma ni.

Boris và Novirok vào bên trong. Một người đàn ông và vài người đàn bà đang làm việc ở đó. Cảnh tượng ở bàn thờ đã thay đổi hẳn, vải bàn thờ đem làm màn che, tượng thánh và thánh giá vắt ngổn ngang trên nền nhà. Boris thọc tay vào túi quần tiến lên, khinh khinh nhìn các bức tượng, trong lúc đó đôi mắt của các bức tượng thánh đăm đăm nhìn đôi ủng màu đỏ của Boris. Thánh Nicholas, thần Michel và Gabriel, thánh tông đồ Pierre vẽ bằng sơn dầu trên tường cũng đăm đăm nhìn chiếc khăn choàng cổ màu đỏ của Boris. Một thiếu nữ đang ngâm thơ bằng tiếng Lỗ ma ni lúc Boris bước lên sân khấu :

Boris chỉ cảnh trần thiết và la lên :

- Không đúng theo nghệ thuật của Sô Viết tí nào cả.

Nghe thế người thiếu nữ thôi ngâm, trong lúc một thanh niên của đoàn hát trả lời:

- Dạ thưa đó là cảnh tượng trưng con sông Prut phân chia tổ quốc Sô Viết với thế giới trưởng giả; bên bờ của trưởng giả là cảnh nô lệ nghèo đói, trong lúc bên bờ Sô Viết toàn là hoa cỏ và thịnh vượng.

- Vậy thì những cây cối mảnh khảnh ở bờ Sô Viết có ý nghĩa gì?

- Những cây đó giúp cho khung cảnh Sô Viết thêm thơ mộng bởi vì đối với bọn nghệ sĩ tị nạn chúng tôi, bờ sông phía Sô Viết là bờ của tự do.

Viên họa sĩ, các nghệ sĩ trên sân khấu và trong căn phòng cũng như Novirok đều sợ hãi nhìn Boris. Họ tưởng Boris là một công chức cao cấp của Sô Viết, số phận của hý viện này phụ thuộc vào hắn. Những thánh thần, Đức Mẹ lại bình thản nhìn Boris, vì họ biết số phận của họ đến đây đã chấm dứt. Các bức tượng sẽ được phủ lên một lớp sơn mới, một lớp vôi mới, với những câu cách ngôn mới, của đảng cộng sản vì thế mà họ chẳng sợ sệt điều gì cả.

Viên họa sĩ nói tiếp:

- Trong vở kịch này, nghệ sĩ của gánh hát Eddy Thall sẽ kể lại vì sao chúng tôi đã trốn sự khủng bố của phát xít để tị nạn sang quốc gia tự do Sô Viết.

- Thế thì lúc đến bên bờ Sô Viết, anh không để ý thấy những cơ xưởng chế tạo nào cả ư? Tại sao anh chỉ vẽ sông Prut băng ngang qua đồng cỏ và đất đai hoang phế?

- Dạ thưa tại tôi muốn diễn tả khung cảnh nên thơ của Sô Viết. Nhưng Boris lại hỏi:

- Nước sông chảy ngang qua cây liễu và đồng cỏ hoang có nên thơ hơn lúc chính con nước đó làm quay những bánh xe của một nhà máy điện chiếu sáng bờ sông? Có gì trong một cây liễu và hai con bò mà lại nên thơ hơn một nhà máy cung cấp ánh sáng cho hàng chục làng mạc, cho hàng ngàn

ngôi nhà của công dân Sô Viết? Một con bò có nên thơ hơn một nhà máy nước không? Một cây liễu có nên thơ hơn một máy cày không?

Viên họa sĩ bắt đầu run rẩy:

- Ý của chúng tôi là muốn bày tỏ sự biết ơn đối với những người Sô Viết đã cho chúng tôi đến tị nạn. Tôi đã lý tưởng hóa tất cả những gì ở bờ sông phía Sô Viết.

- Anh bày tỏ sự biết ơn của anh bằng cách mời khách ngắm tranh quay lưng lại trước tất cả những công trình xã hội vĩ đại để chỉ nhìn một mảnh đất hoang phế với bò, cừu đang gặm cỏ?

- Anh làm cho khách ngắm tranh quên mất những cơ xưởng tân tiến, những cải cách xã hội rồi anh bảo đó là sự biết ơn của anh đối với Sô Viết ư? Tại liên bang Sô Viết, điều đó được gọi là tội phá hoại nghệ thuật và sẽ bị trừng phạt như những tội trạng khác.

Người họa sĩ lo sợ bảo:

- Chúng tôi sẽ vẽ lại tất cả những khung cảnh ở đây. Thế ngài có muốn nghe một nghệ sĩ tài danh của gánh hát chúng tôi diễn lại một vở kịch không?

Eddy Thall trong bộ quốc phục bắt đầu kể chính câu chuyện của nàng. Nàng kể rõ người ta đã đóng cửa hý viện của nàng ra sao, đã tịch thu nhà của nàng như thế nào, kể chuyện Tinka Neva bị buộc ra khỏi nhà nàng, Lidia Petrovici bị đốt trong trại giam, kể rõ trường hợp bị giết của bà Debora Paternik cùng hàng triệu người khác. Nàng cũng nói rõ ý định di cư sang Palestine của nàng cũng như của các bạn đồng hành dù biết rằng sang đó, ở đất Thánh, họ cũng sẽ bị người Anh bắt bố giam cầm. Họ cũng muốn di cư trong tuyệt vọng nhưng tiếc thay chiếc tàu Adassa đã bị chìm tại biển Đen mang theo bao nhiêu là sinh mạng tài sản Do Thái. Những người may

mắn còn sống sót đã quay sang Nga Sô, và nước Nga đã chấp nhận họ cũng như đã bao lần nước Nga tiếp đón những người bị ngược đãi.

Thình lình, Boris Bodnariuk hỏi Eddy:

- Nhưng tại sao cô lại mặc thứ y phục này?

Người họa sĩ lại trả lời thay Eddy:

- Đó là y phục của Cộng hòa Sô Viết Moldavie.

- Người đàn bà Sô Viết không thể mặc y phục đó bao giờ, vì nó thuộc về xã hội thoái hóa. Quốc phục đó là quốc phục của một người đàn bà nô lệ. Vì mặc nó, người đàn bà không thể nào làm việc được, nhất là ở các nhà máy hay ở bộ môn thể thao. Nghệ sĩ Sô Viết xuất hiện trên sân khấu phải ăn mặc thế nào để có thể khuyến khích đàn bà Sô Viết biết cách chọn y phục. Cô gợi ý cho khán giả chọn thứ y phục nô lệ này mà cô lại cho là quốc phục ư?

Người họa sĩ lại lo sợ bảo:

- Thừa ngày chúng tôi sẽ thay đổi cách ăn mặc.

Eddy Thall tiếp tục kể chuyện nhưng đã run lên vì sợ hãi. Boris lại cắt ngang hỏi:

- Cô ấy kể gì đó?

- Cô ấy đang kể lúc những người tị nạn phát xít khám phá ra dân tộc Sô Viết tự do mà trước họ không hề hay biết vì bị che dấu bởi thứ tuyên truyền của xã hội trưởng giả.

- Trong những xã hội trưởng giả, đã có hàng triệu đảng viên cộng sản hy sinh mạng sống để có thể nói lên được những sự thật về Sô Viết. Không nhớ điều đó tức là phản bội cuộc đấu tranh này và làm sai lạc lịch sử. Nghệ sĩ mà làm sai lạc lịch sử cũng phạm tội rất nặng.

Boris bước ra cửa, đôi ủng bước lên trên cả những cây thánh giá, những bức tượng bằng sứ, bằng nhung vớt bừa bãi trên nền nhà, vừa đi vừa lầm bầm với Novirok:

- Không thể nào giáo dục lại bọn trưởng giả. Đồng chí cứ gọi hết họ ra sa mạc. Mấy người khác sắp đến đồng chí cũng cứ gọi nốt họ ra, theo những chuyến công voa hàng tuần. Con người của xã hội trưởng giả không thể nào thay đổi được nữa. Nếu chúng ta tin là có thể giáo dục họ được, chúng ta sẽ phạm đến tội lãng mạn chính trị.

VI

Chuyến công voa đầu tiên chở những người Do Thái tị nạn đã đến Sa mạc. Họ cũng đều ở trong lều và làm việc suốt ngày để hoàn thành con đường sắt nối liền ga cuối cùng đến công trường. Vài ngày sau, vào một phiên họp buổi sáng, Bodnariuk bảo:

- Hiện có hàng ngàn nhân công đang góp công vào việc hoàn thành hệ thống dẫn nước và đường sắt cùng các con đường nối liền công trường chúng ta đến mảnh đất phì nhiêu. Tôi cần các đồng chí liên lạc với họ. Số lượng những người đó mỗi tuần mỗi tăng lên để tạo một số nhân lực bất tận cho công tác của chúng ta.

Sau lời nói đó, buổi hòa tấu ban sáng lại bắt đầu. Boris ra hiệu cho một thiếu nữ thuộc tiểu bản địa chất. Thiếu nữ đó lập tức đứng dậy và tuyên bố:

- Khu đất mà chúng ta đang đứng đây, theo sự khảo sát của chúng tôi có nhiều mỏ dầu hỏa rất quan trọng. Ngoài ra chúng tôi đang kiếm thêm vài khoáng chất khác và than đá. Công tác khai thác kho tàng địa chất Sa mạc, sắp bắt đầu và chúng tôi có thể cam đoan với các đồng chí là không bao lâu nữa để thay thế cho những bãi cát, sẽ mọc lên những thành phố kỹ nghệ với những cơ xưởng, những nhà máy lọc dầu, những nhà máy sản xuất hoá chất vĩ đại. Tất cả điều đó có thể thực hiện được nhờ những cố gắng ăn khớp

nhau của kế hoạch Sô Viết trong công trình khai thác Sa mạc và thay đổi khí hậu.

Tiếng vỗ tay lại vang lên. Boris xoay qua viên tổ trưởng ban hóa học. Người này lại đứng dậy phúc trình:

- Cây cối do các đồng chí ở tổ thực vật đem trồng ở đây đều được nghiên cứu kỹ lưỡng ở phòng thí nghiệm. Chúng tôi có thể đoán chắc ngay từ bây giờ là một vài hoá chất rất hiếm hoi trên thị trường sẽ do đồn điền ở sa mạc cung cấp, vì chúng ta sẽ có nhiều nhà máy sản xuất hoá chất ở đây. Đây là một vài thí dụ: Runex Humeno-bepalus là một thứ cây có nhiều chất tanin, và có thể dùng để chế tạo trụ sinh chữa bệnh lao rất công hiệu, một loại Agave đem lại rượu và một thứ cây rất đắt đỏ trên thị trường, Larrea Divaricata là một cây có lá luôn luôn xanh tươi sẽ cung cấp nguyên liệu bậc nhất cho kỹ nghệ hóa học. Nhờ sự canh tác sa mạc, nền hóa học mới có được một kho tàng nguyên liệu mà không thứ đất nào có thể cung ứng nổi. Chúng tôi đã nhận dạng được trên 500 cây rất quý cho chúng ta. Chúng ta có thể xem sa mạc sẽ là nơi của phòng thí nghiệm và của những nhà máy chế tạo hóa chất trong tương lai.

Boris lại chỉ định tiếp đồng chí trong tổ lo về rau sống:

- Theo kinh nghiệm của chúng tôi, sa mạc này có thể sản xuất 12 ký khoai tây trong mỗi thước vuông đất, mỗi trái xu có thể nặng 5 ký, một củ hành trồng ở đây có thể nặng 280 g. Đất cằn cỗi ở đây không ngờ lại ích lợi vô tận cho công việc làm vườn. Chúng tôi đang chờ đợi những kết quả mỹ mãn trong tương lai?

Một người khác trong tổ vệ sinh đứng dậy:

- Trại tù binh cách công trường chừng 50 cây số có thể là một ổ nhiễm độc cho toàn thể sa mạc. Vì gốc gác trường giả của họ nên có thể các công nhân rất suy yếu. Số lượng người chết sẽ rất cao. Mà sa mạc lại không phải

là nơi có thể lập thành những nghĩa địa, vì gió có thể cuốn những nấm mồ đi rất dễ dàng. Vì trùng được mang đi hàng trăm cây số và sẽ rất nguy hiểm vì chúng sẽ làm không khí nhiễm độc và có thể gây ra những bệnh dịch cách xa hàng ngàn cây số. Tôi yêu cầu phải đốt các xác chết chứ đừng chôn xuống đất, vì các nấm mồ sẽ bị gió quật lên ngay.

Boris Bodnariuk mỉm cười, nhìn về phía cô thư ký Natacha Olt. Nàng cầm mảnh giấy đứng dậy đọc:

- Đồng chí trong tiểu tổ vệ sinh đã cho chúng ta một sự kiện rất hay. Trung ương cục về canh tác sa mạc gồm nhiều nhà bác học Sô Viết đã từ lâu giải quyết vấn đề nghĩa địa trong sa mạc. Đúng là không thể nào chôn người chết ở đây được, vì xác chết bị gió thổi lên sẽ rất nguy hiểm nhưng đem đốt đi cũng là một lầm lẫn lớn lao. Vì thế ủy ban trung ương đã có một quyết định phi thường. Đồng chí trong tiểu tổ «Trồng cây ăn trái» sẽ cho các đồng chí biết quyết định đó ra sao.

Một thiếu nữ khác đứng dậy:

- Vấn đề các xác chết ở trong sa mạc sẽ được giải quyết như sau. Những người chết sẽ được chôn xuống một hầm sâu chừng 60 phân dọc theo thủy lộ, cách nhau chừng năm thước. Trên mỗi xác sẽ được phủ lên một lớp đất mềm chừng 10 phân. Xong với sự kiểm soát của tiểu tổ trồng trọt, ta sẽ trồng lên đó một loại cây ăn trái, rồi mỗi chiều sẽ tưới lên đó chừng 5 lít nước, tưới trong một khoảng thời gian cần thiết để cây đâm rễ và xác chết vữa ra để giữ đất cứng lại. Theo kinh nghiệm của các đồng chí trong các tiểu tổ khác về sa mạc thì theo phương pháp đó, cát sẽ cứng hẳn lại và nấm mồ sẽ không bị gió quật lên nữa. Phương pháp đó có rất nhiều tiện lợi: đường thủy, đường bộ cũng như đường sắt có cây cối hai bên sẽ tránh bớt gió của sa mạc. Ta sẽ trồng thêm một ít cỏ để làm cho đất chung quanh được rắn chắc thêm, như thế đồn điền có thể được nở rộng. Hệ thống dẫn nước nhờ cây cối hai bên sẽ tránh bớt được ánh sáng gay gắt ở sa mạc. Trung ương cục đã tính là một cây trồng ở trong nghĩa địa, bốn bằng xác

người chết kết trái hai lần nhiều hơn các cây khác, như thế trong thời hạn năm năm, nghĩa là thời gian cần thiết cho sự phân hóa xác chết. Trái cây sinh ra cũng ngon và tốt hơn bội phần, ví dụ như trái anh đào sẽ ngọt và lớn hơn nhiều; và lại phương pháp này đã được áp dụng từ lâu, chính vì vậy mà các nghĩa trang thôn quê lúc nào cũng có cây cối. Nhưng nhờ Liên Bang Xô Viết mà phương pháp đó được kế hoạch hóa và sẽ đem dùng tại công trường chúng ta.

Boris lại mỉm cười tuyên bố:

- Xô Viết không quên điều gì cả, nghiên cứu cả đến những xác chết ở sa mạc nữa.

Nói thế xong, hãnh lại mỉm cười và bế mạc buổi họp.

VII

Bất thần Boris dùng cam nhôm đi thanh tra công trường làm thủy lộ và thiết lộ. Hãnh bước xuống xe, theo sau là Natacha, trưởng ban đồn điền, trưởng ban chính trị, y sĩ và ba thanh niên, sau cùng mới đến Vladimir Kanayan.

Người ta vừa lo trồng cây, vừa lo chôn cất những xác chết trong ngày. Trong lúc Boris đang xem công tác đắp đất mà cạnh đó người ta đã đào sẵn 27 hộ hình chữ nhật sâu chừng 60 phân, thì từ một căn lều có lính gác, 27 tù binh ăn mặc rách rưới bước ra mang theo 27 cây keo con.

- Chúng ta trồng cây keo ở đây vì chúng mọc rất dễ trên đất cát, trong 14 tháng nữa chúng sẽ được ghép cành và trở thành cây ăn trái.

Cũng từ căn lều đó, hai hàng nam tù binh cũng vừa bước ra, cứ hai người lại mang một xác chết trong ngày đem đặt cạnh hố vừa đào. Boris không thèm nhìn những người chết nằm úp mặt trần truồng, úp mặt để người ta không biết được xác nào đàn ông, xác nào đàn bà. Theo lệnh của

trưởng ban, cứ hai người lại ẵm một xác chết quăng xuống hố, sau đó người ta đem đất vàng phủ lên. Viên chỉ huy xem kỹ thử tù nhân đã phủ đúng 10 phân đất mềm trên mỗi xác chết chưa. Xong người ta mang cây lại và trồng ngay trên ngực mỗi xác chết. Tất cả việc đó đều do đàn ông phụ trách, mấy người đàn bà chỉ đứng nhìn, mọi việc diễn ra trong yên lặng, bình thản, cho đến lúc xe mang lại 5 thùng nước. Tức thì mắt bọn tù nhân sáng hẳn lên, vì họ đã quá khát nước. Người ta có cảm tưởng là họ phải cố dẫn lòng hết sức mới khỏi nhảy xổ đến các thùng nước. Họ đành liếm môi cho đỡ thèm, và cho dù họ bị chóa mắt trước những dòng nước đổ xuống bãi cát, họ cũng không thể làm gì hơn được trước những toán lính gác các thùng nước, đã được lệnh của tên úy viên chính trị là: «Phải xem chừng nước bị đánh cắp, mỗi thùng nước phải được canh gác ngày đêm bởi một số lính gấp đôi».

Bodnariuk đứng nhìn người ta tưới nước lên cát mà không nói một lời nào. Natacha đã tránh xa công trường vì nàng không thể nào dự kiến quang cảnh tào đốn điền bằng xác chết. Đứng ở xa nàng nghe được một giọng nói quen thuộc, đúng là giọng Vladimir Kanayan đang nói chuyện với một nữ tù nhân. Natacha muốn la lên là «không ai được đến gần công nhân ở công trường» nhưng giọng Kanayan đã vọng đến tai nàng thật rõ rệt :

- Với năm tiền vàng tôi sẽ dẫn bà sang Do Thái. Cho đến bây giờ đã có bốn trường hợp như thế rồi, và việc xảy ra thật hết sức giản dị. Ở đây qua Irak, và tới Israel chẳng bao xa, chỉ cần năm tiền vàng thôi. Có nhiều toán dân bản xứ đưa bà sang Irak dễ dàng đêm nay cũng được nếu bà muốn.

Người đàn bà khá cao, đẹp và hơi gầy, chỉ lắng nghe Kanayan mà chưa nói gì. Trong lúc đó Natacha rón rén tiến đến gần hai người. Nàng nghe rõ người đàn bà nói bằng tiếng Nga hơi khó khăn và khó nghe :

- Nhưng ông có bảo đảm là đưa chúng tôi khỏi biên giới an toàn khi tiền đã trao xong? Làm sao chúng tôi có thể chắc chắn là các ông không giết chúng tôi dọc đường?

Kanayan trả lời:

- Khi nào bà đi khám bệnh thì điều duy nhất bà có thể tự hỏi là bác sĩ đó có giỏi hay không. Thế thôi, sau đó, bà không thể nào kiểm soát xem bác sĩ đó sẽ làm gì cho bà, bởi vì một lúc đã giao tính mệnh cho ông ta, thì chỉ có vấn đề tín nhiệm mà thôi. Với bác sĩ, không có vấn đề bảo đảm. Với những người bản xứ dẫn bà qua Israel cũng thế, điều chính yếu là xem họ có biết đường hay không, thế mà họ biết sa mạc này rõ ràng lắm, vậy thì điều còn lại chỉ là vấn đề tín nhiệm.

Trong lúc người đàn bà còn suy nghĩ, Kanayan đã nói tiếp:

- Ngày mai, chừng quá nửa đêm, một số người sẽ đến đây dẫn những người Do Thái nào có đủ năm tiền vàng. Họ sẽ gặp các người ở nơi những ngôi mộ mới chôn ngày hôm nay. Họ sẽ bò đến, và các người đừng sợ, đêm mai không có ánh trăng. Nhưng các người phải có ít nhất là năm tiền vàng, không thể thiếu được. Dân bản xứ lang thang ở đây là những kẻ đáng tin cậy, không ai là người Sô Viết cả. Eddy Thall nhìn Kanayan. Hắn nhìn nàng và cười đồng lõa. Gần đó người ta nghe rõ giọng của Bodnariuk:

- Người nào chỉ sống cho hiện tại mà thôi kẻ đó là một tên mọi hay là một tên phản bội. Con người phải sống cho tương lai và hòa mình vào một kế hoạch. Kế hoạch là điều may mắn đích thực cho con người. Tương lai sẽ rạng rỡ không phải nhờ cá nhân mà nhờ ở đoàn thể và nhờ ở đoàn thể đã đi đúng vào một kế hoạch. Ngày hôm nay con người sống trong sa mạc này với đói khát. Hiện tại như vậy đó. Nhưng họ phải chịu để các thế hệ tương lai có nước mà uống. Nhờ ở kế hoạch của chúng ta, dân chúng trong tương lai không còn biết đến đói khát nữa. Chúng ta chôn xuống đôn điền này hàng trăm ngàn người để cứu vớt hàng triệu người trong tương lai. Có một thứ tình nhân loại nào lớn hơn thế không?

Xe cam không rõ máy. Natacha cắn chặt môi mà không dám nhìn Kanayan :

- Tối nay mình sẽ nói hết cho Boris Bodnariuk những gì mình đã nghe được. Boris sẽ bắt quả tang cả lũ...

Nàng còn nhớ rõ lời dặn của Boris: « Đó là sinh vật đầu tiên xuất hiện ở sa mạc». Vì thế nàng nhìn Kanayan, khinh bỉ, và nghĩ rằng vì thế Sô Viết đã có lý khi tìm kiếm kẻ thù của dân tộc trong cát, trong các rễ cây và trong những nấm mồ, vì kẻ thù ở khắp mọi nơi.

VIII

Một chiếc cam nhông chở đầy lính đang đứng đợi trước dãy lều. Cạnh đó, một số sĩ quan cảnh sát cao cấp đang bước vào lều, Boris vui vẻ tiếp đón họ và bắt đầu kể cho họ nghe công trình trồng trọt trên xác chết, dọc theo hệ thống dẫn nước.

Trong lúc Boris cùng quan khách bước vào văn phòng, Natacha và Kanayan đã lo sắp xếp ghế ngồi. Natacha hơi xanh, nghiêng người nói nhỏ với Boris:

- Tôi cần báo cáo với đồng chí một điều hết sức quan trọng. Nàng muốn lập lại từng chữ cuộc đối thoại giữa Kanayan và người nữ tù, nhưng một viên sĩ quan đã cản lại :

- Đồng chí cứ để khi khác hãy nói, giờ chúng tôi cần nói chuyện riêng.

Boris ra dấu cho Natacha bước ra ngoài. Viên sĩ quan vừa đuổi Natacha ra ngoài vừa tiết lộ với Boris :

- Chuyện này quan hệ lắm. Cơ quan an ninh biên giới của ta đã bắt được thêm một toán tù binh trong nhóm của đồng chí.

Sáu người sĩ quan đăm đăm nhìn Boris. Bên kia vách, Natacha lắng nghe. Cũng ở bên kia vách nhưng ở đằng sau căn lều, Vladimir Kanayan đang rình nghe.

- Hiện có một tổ chức chuyên dẫn tù binh ra ngoại quốc, một người nói thế, trong khi một sĩ quan khác viết biên bản.

Boris bình thản kể chuyện:

- Những người chết ở công trường đều dùng vào công tác trồng trọt. Chúng tôi khám phá ra rằng số cây trồng, nghĩa là số năm mồ, ít hơn là số tù nhân đã chết. Hiện thiếu mất năm năm mồ, tôi sẽ cho các đồng chí biết giả thuyết của tôi.

- Vâng, đồng chí cứ nói. Chúng tôi cần biết lắm.

Boris mỉm cười thản nhiên nhìn sáu viên sĩ quan trước mặt : hân đang vừa khát vừa mệt, mồ hôi nhễ nhại :

- Chúng tôi chôn xác người chết dọc theo hệ thống dẫn nước và trồng cây lên trên. Không những xác người mà thối, mà những xác súc vật cũng được dùng trong mục đích đó. Và tù nhân đã quật xác ngựa, lừa để ăn... Chúng tôi đã suy ra như thế, nhưng muốn kiểm soát lại chúng tôi phải kiểm soát chừng 400 năm mồ, nghĩa là phải 400 cây, điều này chúng tôi không thực hiện được, vì mỗi cây trồng được cũng mất 5 lít nước mỗi ngày. Nhưng tôi vẫn chắc chắn là những xác mất đi là xác súc vật chứ không phải là xác tù nhân.

Boris nói tiếp:

- Bởi vì tù nhân không đi đâu được cả. Muốn trốn về phía Tây họ phải vượt qua nhiều hàng kẽm gai, như vậy trốn về phía đó chắc chắn là không được rồi. Phía Đông và phía Nam là hàng ngàn cây số sa mạc. Cả đến chim chóc cũng không dám bay qua hướng nữa là người. Sa mạc là một thứ lính gác bảo đảm nhất.

Một viên sĩ quan phản đối :

- Trong phạm vi sở cảnh sát không có gì chắc chắn cả. Đúng ra phải kiểm soát cả ngày lẫn đêm.

- Nghi ngờ như thế là phi lý, vì sa mạc không cho phép bất cứ ai vượt qua cả. Các đồng chí cứ thử đi về phía Đông và Nam mà xem, chỉ đi được chừng hai cây số là nhiều, rồi sẽ bị nắng thiêu cháy như gà rô ti vậy.

- Ấy thế mà tù nhân của đồng chí đã băng qua rồi đấy. Họ đã khai với chúng tôi hết cả rồi, rõ như ban ngày. Cho nên chúng tôi phải đến đây để tìm xem ai là kẻ đã cho phép họ băng qua vùng cấm.

Viên đại tá rút trong túi ra vài tờ thông hành, loại giấy tờ chỉ Boris mới có quyền cấp mà thôi.

- Chúng tôi muốn biết ai ở văn phòng đồng chí đã cấp cho họ giấy tờ này.

Mọi cặp mắt đổ dồn về phía Boris quan sát từng biến chuyển trên mặt hắn. Ngay lúc đó, Natacha Olt ở phòng bên đứng bật dậy. Nàng quyết phải nói thật, vì chỉ có nàng biết điều đó. Kẻ thù của dân tộc, thứ rắn độc đó cần phải bị loại trừ. Người tổ chức cho tù nhân trốn thoát chính là Vladimir Kanayan. Nên nàng tiến đến cửa và sắp sẵn những lời tố cáo.

Qua cửa sổ căn lều, Vladimir Kanayan theo dõi từng cử chỉ của Natacha. Và lúc nàng đặt tay lên nắm cửa, Kanayan rút súng lục bắn ngay ba phát vào cổ trắng nõn nà của cô nữ thư ký, xong hắn vứt ngay khẩu súng xuống chân Natacha trước khi nàng ngã xuống, và bình tĩnh tiếp tục nghe lóm câu chuyện của các viên sĩ quan. Nhưng không ai tiếp tục nói chuyện nữa. Chỉ còn tiếng ghế rút loảng choảng, tiếng cánh cửa rảng rặc, tiếng chân chạy thình thịch. Lưng Kanayan ướt đầm mồ hôi, nhưng nét mặt hắn vẫn lạnh lùng, thân thể vẫn bất động. Mọi người vào phòng Natacha, nàng đã chết cạnh khẩu súng lục, cổ đầy máu. Viên đại tá nói như hét:

- Như thế là quá đủ, không có lời thú tội nào đầy đủ hơn là lời thú tội của chính thủ phạm giết người. Kanayan sững sờ nghe giọng nói của viên đại tá.

- Đồng chí Boris, đồng chí bị bắt để điều tra.

Kanayan đứng dậy. Qua khung cửa hắt thấy rõ vầng trán cao, thông minh của Boris, thấy rõ viên sĩ quan trẻ ôm cứng Boris, một người khác cầm chặt hai tay và người thứ ba còng đôi tay trắng trẻo của Boris.

Hắn đứng thẳng, bất động như một pho tượng đồng.

Một viên sĩ quan lục hết giấy tờ trong ngăn kéo, trong lúc Boris lăm lăm:

- Kẻ phản bội phải chết đã đành, những ai không tìm thấy kẻ phản bội cũng đáng tội chết lắm.

Rồi Boris hình như thầm nói với riêng mình:

«Mình không có hận hạnh giết kẻ nào phản bội nhưng mình muốn làm tròn phận sự với Sô Viết bằng cách sẽ giết chết những ai không truy tìm được sự phản bội; dù nó đang lẩn quẩn quanh mình. Ai không trông thấy kẻ thù của Sô Viết không xứng đáng là một người Sô Viết. Một kẻ mù lòa không thể là một đảng viên cộng sản, không, Boris ơi, không...»

Boris nắm chặt tay lại, hình như chúng trở nên to lớn lạ thường và không còn nằm trong xiềng xích nữa. Và chính trong não tủy hắt, tội ác của hắt – thứ tội ác đã không tìm ra được những kẻ phản bội đang làm việc cạnh hắt – cũng chiếm những thể tích kinh khủng, Boris biết rằng có những thứ tội ác làm cho người ta không thể nào sống sót được nữa. Thế là hắt nắm chặt tay, nghiêng răng dơ tay cao, đôi tay trong xiềng xích, vận dụng tất cả thớ thịt và trí óc, quyết tâm đánh mạnh vào thái dương, mạnh đến độ hắt bất tỉnh nhân sự. Trong giây lát hắt chỉ còn trông thấy muôn ngàn ngôi sao

li ti màu lục, biến dần sang màu đỏ như máu đang chảy trên trán hăn. Hăn cảm thấy hơi nóng phát ra từ miệng rồi hăn ngã xuống nền nhà. Vạn vật thành màu tím thẫm, rồi hết, không còn gì nữa.

Viên đại tá ra lệnh thật hăn học:

- Vất nó lên xe. Một người cộng sản, ngay cả sau khi hoàn thành một tội ác, cũng còn phải phục vụ đảng bằng cách khám phá tội phản bội khác. Boris đã xao lãng nhiệm vụ. Cái chết này gọi là đào ngũ. Cũng không phải là cái chết nữa, nhưng là một tội ác, tội đào ngũ.

IX

Một vết máu trên ngưỡng cửa chiếc lều còn sót lại sau khi chiếc cam nhông đã chở Boris đi. Vết máu đó là tất cả những gì Boris còn để lại đó sau khi hăn đi. Từ hồi ba tuổi đến giờ, hăn đã để lại đặng sau hăn không biết bao nhiêu là vết máu, nhưng là máu của kẻ khác, bây giờ mới là máu của hăn. Bắt đầu từ ngày mai biện pháp canh phòng sẽ gắt gao hơn nhiều. Người ta chôn Natacha xuống dưới một gốc cây như bao nhiêu xác tù nhân trước đây. Mỗi đêm người ta lại tiếp tục chôn người như thế dọc theo hệ thống dẫn nước. Máy bay bắt đầu đến rải hạt giống mỗi tuần hai lần Vladimir Kanayan coi sóc lũ thanh niên trong các công tác sưu tầm. Một hôm, hăn gặp Eddy Thall, người nữ tù trẻ đẹp bảo với nó là nàng có đủ năm tiền vàng. Nhưng Kanayan nhún vai bỏ đi, sa mạc bây giờ được canh phòng cẩn mật, không ai trốn thoát được nữa.

Vài tháng sau, một đoàn xe cam nhông đến chở hết tù nhân đi nơi khác. Kế hoạch thay đổi khí hậu và canh tác sa mạc tạm thời bị đình chỉ.

Chiến tranh đã lan tràn. Nhân lực cần được dùng vào việc khác. Các căn lều được gỡ đi. Gió sa mạc lại thổi tung cát. Và cuốn theo những dấu vết Sô Viết. Mặt trời lại thiêu đốt hết thảo, thiêu luôn cả những xác chết.

Boris đã để lại một vết máu; kế hoạch Sô Viết thì để lại những xác chết. Vladimir Kanayan lại trở về với cô đơn, với khô cằn và nắng cháy của sa mạc. Hãn tự nhủ :

- Mình thừa biết là không thể nào biến sa mạc thành những khu vườn. Ngay cả nếu chiến tranh không xảy ra họ cũng không thể thành công được. Muốn thành công, họ cần trồng cây trên xác chết nhưng không ai có thể giết người nhiều đến thế để chôn trên sa mạc. Cho dù có dùng máy móc chẳng nữa, cũng không ai có thể giết được nhiều người như thế. Họ hoàn toàn là có trời mới làm được thôi.

Trước khi rời sa mạc, Kanayan nổi lửa đốt hết đồn điền. Sa mạc đã có hàng ngàn cây nhưng vẫn cháy rất mau. Kanayan thầm nghĩ:

«Nếu Sô Viết thắng trận, họ sẽ trở lại đây và sẽ lại trồng cây trên xác chết. Người chết được tự do, nghĩa là người chết phải được ở ngoài kế hoạch.»

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Phần Thứ Nhất - I & Ii & Iii & Iv & V

Chiến tranh tiếp diễn; quân Đức tiến dần về đất Nga. Hàng triệu người lại bị lính đưa về miền Oural để chế tạo vũ khí cho Sô Viết. Đó là một miền lạnh lẽo, đâu đâu cũng toàn là những vùng rào kẽm gai, những núi quặng, những đường rầy, những ống khói nhà máy.

Eddy Thall cũng được chở đến đây, nhưng trong đám nữ tù binh, nàng lại được tên gác dan cho làm việc ở văn phòng, chứ không phải ở trong các hầm mỏ như các tù nhân khác.

Eddy Thall bắt đầu quét nhà, quét thứ đất xa lạ đã bám vào giày dép của đám người nô lệ, đám người trốn Đức quốc xã, để lại rơi vào tay Sô Viết. Dấu vết tổ quốc họ chỉ còn tượng trưng bằng một ít đất bụi bám vào giày dép. Đó là loại đất toàn thể Âu Châu, nên Eddy Thall vừa quét vừa nhìn chúng qua làn nước mắt tủi thân.

Giữa trưa tên gác dan trở về văn phòng. Hắn đặt bàn tay nặng nề, dầm mồ hôi và mùi thuốc lá lên vai Eddy Thall; nàng thối lùi nhưng hắn mỉm cười và giao cho nàng chiếc chìa khóa:

- Cô sang quét phòng tôi bên cạnh. May mắn lắm cô mới được làm việc ở văn phòng đó nghe.

Nói xong, hắn bỏ đi, Eddy bước vào phòng hắn một mình, một phòng nhỏ vách ván với những bức ảnh cắt ở các tờ báo, một giường ngủ, một lò sưởi; nàng quét thật nhanh xong đóng cửa trở về văn phòng.

Qua khung cửa sổ, nàng trông thấy rõ những nữ tù đang khiêng các khúc đường rầy trên vai.

Người gác đàn trở lui, hẩn tự giới thiệu:

- Tôi tên là Ivan.

Hẩn lại đặt tay lên vai Eddy nhưng nàng thối lui. Hẩn chán nản ngồi xuống ghế, lúc nào hẩn cũng đội mũ, trong phút chốc hẩn buồn bã lạ lùng; đôi mắt, vàng trán, tối hẩn xuống, nỗi buồn trĩu nặng trên đôi vai, người ta có thể nói không ngoa là niềm thất vọng nào nề đó đã làm mềm xương hẩn đi. Hẩn lại đứng dậy, chậm chạp, mệt mỏi, đưa tay mở cửa phòng bên cạnh và ra lệnh:

- Có bước vào đi.

Nhưng Eddy vẫn đứng yên. Hẩn bèn nắm ngực nàng đẩy mạnh vào phòng và khóa trái cửa lại.

- Tại sao cô không muốn vào phòng tôi?

Eddy bị đẩy vào chính giữa phòng, mở to đôi mắt nhìn đôi tay nắm chặt của Ivan cùng nét mặt, đôi môi thèm khát của hẩn. Nhưng hẩn vẫn bình tĩnh rút thuốc lá hút, dựa lưng vào cửa.

- Tại sao cô thích làm việc mười bốn giờ một ngày trong hầm mỏ với cuộc xèng hơn là ở đây với tôi?

Ivan căn điều thuốc rồi tiếp tục:

- Tất cả người đàn bà ngoại quốc da trắng, tóc uồng, mặc áo như cô ai cũng thích đi xuống hầm mỏ hơn là ở đây với tôi. Tôi muốn hiểu tại sao lại thế. Tôi muốn biết rõ sự thật. Trả lời cho tôi, tôi sẽ không làm gì cô cả.

Eddy Thall không trả lời.

Ivan hỏi tiếp, răng vẫn cắn chặt điều thuốc:

- Nếu cô không nói, tôi cũng bắt cô nói. Nào nếu em nói thật cho tôi biết, tôi sẽ để em đi, tôi hứa sẽ giúp đỡ em. Tôi chỉ muốn biết tại sao những người trưởng giả lại thích sống 14 giờ dưới hầm mỏ hơn là sống với tôi.

Eddy Thall năn nỉ:

- Ông làm ơn để tôi đi.

Ivan dơ tay cao lên. Hăn muốn tỏ ra bình tĩnh nhưng bắp thịt hăn vẫn đưa tay hăn cao lên, những thớ thịt như những cây cung căng lên bởi thù hận. Hăn đánh mạnh vào ngực của Eddy. Năm tay đó có thể vật ngã một con bò hay giết được một con ngựa, nên Eddy ngã xuống, và trước khi bất tỉnh nhân sự, nàng còn nghe Ivan giận dữ hét lên:

- Có phải tôi xấu xí hơn cả hầm mỏ hay không? Có phải tôi còn đáng sợ hơn hầm mỏ hay không?

Sau đó nàng không còn nghe thấy gì nữa cả. Hình như xương nàng gãy kêu răng rắc, hết như tiếng kêu răng rắc của chiếc tàu ở hải cảng Constantza độ nào vào một đêm bão tố.

Nàng tối tăm mặt mày và có cảm tưởng là không phải Ivan đã đánh nàng mà chính là người đàn ông mang áo choàng da, khăn quàng đỏ, người đàn ông đã la hét ở Kichinev và ở sa mạc.

Bây giờ, Eddy không còn ở trên chiếc tàu sắp chìm ở Constantza nữa, mà là đang ở trên bãi sa mạc mênh mông. Bầu trời, cát, da thịt nàng, tất cả đang cháy thành tro bụi. Sa mạc cũng tiêu thành mây khói. Chỉ còn lại một thứ ánh sáng yếu ớt phát ra từ hai lá phổi của nàng chạy dần đến cằm nàng, một thứ ánh sáng âm ỉm chạy trên môi nàng, trên vú nàng, trên thân thể nàng, như một thứ thuốc mỡ đang phủ lên người nàng. Thân thể Eddy im

lìm, bất động, từ lúc máu ở hai buồng phổi chạy dài trên môi, trên má, trên vú, thấm ướt cả áo nàng.

Eddy chỉ còn cảm thấy một sự mơn trớn nóng hổi, dịu dàng trên người nàng, một thứ mơn trớn trùi mền của chính những giọt máu chảy từ thân thể nàng. Chúng chạy dài trên tay nàng, nhẹ nhàng như một con mèo và êm đềm như sự vuốt ve của một bà mẹ. Nàng không còn sợ hãi nữa. Mà chính là một sự yên nghỉ và ngọt ngào đang bắt đầu. Tất cả đều tan rã, dưới sức nóng của máu nàng, và Eddy muốn đưa tay ra để cầm lấy, nhưng những giọt máu đã lách xa nàng.

Ivan vẫn còn nói:

- Tôi không muốn làm em đau khổ. Tôi không phải là một người hung tợn.

II

Eddy Thall mở mắt. Nàng nhận ra căn phòng vách ván với những bức ảnh cắt ra từ các tờ báo. Nàng nhận ra chiếc giường nàng đang nằm và nàng đang bị băng bó trên đầu. Nàng nhớ là nàng đã bị đâm ngã nhưng không hiểu từ bao lâu. Hôm qua chẳng. Qua khung cửa sổ, nàng trông được những khu rào thép gai, những đồng quặng sắt và than đá, qua làn nước mắt, nàng trông rõ bồn tắm, lò sưởi, nền nhà nàng đã từng quét dọn. Bỗng cửa mở Ivan bước vào. Nàng không muốn trông thấy hăn nữa nên giả vờ nhắm mắt, nàng biết rõ hăn đang nhẹ nhàng bước đến và quỳ xuống bên giường.

- Em hãy tha lỗi cho tôi.

Đúng là giọng hăn, nhưng lần này không còn rần rỏi nữa.

- Tất cả những người đàn bà trưởng giả đều thích làm việc ở hầm mỏ hơn là chung sống với tôi. Với tôi chỉ toàn là những đàn bà nông dân. Tại sao như thế, chỉ vì câu hỏi đó mà tôi đã mất bình tĩnh. Tôi chỉ muốn, một

lần thôi, biết được sự thật đó. Tôi chỉ muốn biết tại sao những người đàn bà trưởng giả đẹp để lại cứ lánh xa tôi. Nếu em nói cho tôi điều đó thì tôi đã để cho em đi, và không đánh đập em như thế này.

Eddy Thall vẫn nhắm mắt nghe hẳn nói :

- Tôi xấu lắm chẳng? Tôi làm em sợ hãi ư? Tại sao em cứ muốn bỏ đi?

Nàng vẫn yên lặng, hẳn vẫn quỳ bên giường nàng:

- Nếu em biết là em đẹp, vâng, chưa bao giờ tôi gặp được một người đàn bà đẹp như em.

Tự nhiên Eddy ứa nước mắt. Chúng tự nhiên trào ra, chạy dọc theo cằm nàng, xuống tận cổ nàng, ra đến tai nàng. Ivan đưa tay chùi nước mắt trên cổ nàng. Đúng là bàn tay đó đánh nàng hôm qua, cũng là bàn tay to lớn, nặng nề nhưng không còn hung dữ như hôm qua.

- Hãy tha thứ cho tôi đi em. Từ nay tôi sẽ không bao giờ đánh em nữa đâu. Hôm qua, tôi bồng em trong tay, để em lên giường. Em nhẹ như một sợi lông măng. Em thật như những thiên thần, người ta bảo thiên thần không có trọng lượng, em cũng như thế đó. Tôi đã mời y tá bệnh xá đến. Cả hai chúng tôi cùng săn sóc em, người em đầy cả máu. Chúng tôi phải cởi hết áo quần em, và nhờ đó, tôi mới biết là tôi chưa bao giờ gặp được người nào đẹp như em, đẹp như một bức tranh trong báo. Ngực em, chân em hết như bọt nước trắng xóa. Vai em, tay em hết như của đứa bé sơ sinh, mà người ta không dám động đến, sợ chúng gãy đi mất.

Eddy Thall hé mắt nhìn chiếc đầu dài của Ivan. Hẳn vẫn tiếp tục nói.

- Suốt đêm tối thức trắng bên em.

Sau đó hẳn đứng dậy, pha một tách trà cho Eddy, rồi nói tiếp:

- Cô ý ta bảo là em đang đau phổi. Tôi rất sung sướng đã không bắt em làm việc ở hầm mỏ. Đau phổi mà xuống đó thì chỉ vài tuần là chết. Bây giờ em cho phép tôi nhìn đôi chân xinh xắn của em chứ?

Hắn nhắc chiếc mền lên một chút. Eddy Thall lo sợ thu chân vào trong nhưng Ivan đã nhìn thấy, và hắn sung sướng bỏ đi.

Eddy Thall lại bắt đầu cô đơn. Chưa ai chiêm ngưỡng đôi chân nàng như anh chàng khổng lồ hồi nãy. Nàng cảm thấy hổ thẹn khi nghĩ rằng người đàn ông đã quỳ bên chân nàng như quỳ trước một điều linh thiêng lại là anh chàng gác dan đã đánh đập nàng hôm qua. Tuy nhiên, sự chiêm ngưỡng đó cũng làm cho nàng sung sướng. Dù sao, hắn cũng yêu nàng, và không người đàn bà nào lại có thể lãnh đạm khi được yêu và được tôn thờ, ngay cả đến người yêu là một kẻ thô kệch.

Trong khoảnh khắc, Eddy quên khuấy đi mất là nàng bị giải tới miền Oural, nàng bị đưa vào hầm mỏ, quên khuấy đi là nàng từ một bãi sa mạc đến đây và đã bị đánh đập đến thổ huyết hôm qua. Nàng quên mất hết. Tất cả đều mờ đi, chỉ còn một điều chính yếu là có một người đàn ông đã kính cẩn quỳ dưới chân nàng. «Mảnh đất hứa hẹn» mà người đàn bà tìm kiếm không phải là một mảnh đất nhưng chính là lúc mà một người đàn ông nào đó yêu thương nàng hơn hết bất cứ gì trên đời.

Tuy nhiên lúc Eddy nghĩ đến Ivan, nàng vẫn hổ thẹn, vẫn sợ hãi và ghê tởm.

III

Boris Bodnariuk đã được chở vào bệnh viện. Không những đảng không xem hắn là thủ phạm mà còn khen thưởng hắn về hoạt động canh tác sa mạc và thay đổi khí hậu. Trán hắn dần dần lành hẳn, chỉ còn lại một vết sẹo, như hình một chiếc lá. Ở nhà thương, Boris chờ trung ương chấp thuận cho hắn

được ra tiền tuyến. Đa số thương binh ở đây đều là những sĩ quan không quân trẻ tuổi, những người hùng đầu tiên trong cuộc chiến chống quốc xã.

Gặp một hạ sĩ quan không quân còn trẻ, Antola Barsov, Boris đã nói ngay :

- Cá nhân không thể ở ngoài đoàn thể. Cá nhân ở ngoài đảng sẽ mất thăng bằng hay bị chết bất cứ lúc nào. Với một người cộng sản, không thể có cuộc sống nào ngoài đảng, vì như thế người cộng sản chơi với trong khoảng không.

Antole Barsov chăm chú nghe. Mọi người trong bệnh viện này lúc nào cũng chăm chú nghe Boris Bodnariuk nói, vì đó là người hùng đã thử thay đổi khí hậu sa mạc. Hắn vẫn thao thao:

- Nỗi đau khổ lớn lao nhất của người cộng sản là bị đảng sa thải và bắt buộc sống trong một xã hội trường giả.

Một người y tá gọi Boris vào văn phòng quản đốc, Antole Barsov đứng chờ hắn, nhưng hắn không trở lại nữa. Tại văn phòng quản đốc đã có hai tướng lĩnh từ Moscou đến kiểm Boris, trong đêm nay. Đã có một chiếc xe mang huy hiệu tướng lĩnh của hồng quân đậu sẵn trong sân bệnh viện chờ để chở Boris đi.

IV

Các vị tướng lĩnh lần lượt bắt tay Boris Bodnariuk. Họ chăm chú nhìn vết sẹo chạy dài trên trán hắn, rồi một người lên tiếng, một ông già tên Budienny:

- Tổ quốc Sô Viết đang trải qua những thời kỳ khó khăn. Quân phát xít hiện đang tràn vào Mạc Tư Khoa. Chúng đã chiếm Ukraine. Tổ quốc kêu gọi sự cộng tác của những kẻ có tài. Vì thế nên chúng tôi đã mời đồng chí đến đây để làm tròn sứ mệnh xứng đáng với đồng chí. Đồng chí đã quá

thành công trong công cuộc canh tác các đồng cỏ. Tiếc thay chúng tôi phải ngừng kế hoạch đó để dồn sức lực chúng ta vào kỹ nghệ chiến tranh, sau khi chiến thắng, chúng ta sẽ trở lại kế hoạch biến đổi khí hậu và canh tác sa mạc.

Boris đỏ mặt cảm động. Thế là giấc mộng ra tiền tuyến của hắn có thể thực hiện được.

- Bộ chỉ huy hành quân đã có ý định phong cho đồng chí cấp tướng lúc nào đồng chí bình phục hắn và giao cho đồng chí một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng.

Boris nghe chữ «tướng» trong chốc lát, hắn nhớ lại hết như trong một khúc phim, quãng đời trôi nổi của hắn từ lúc xảy ra tai nạn cho Angelo: Trường võ bị, bộ áo quần nhục nhã, cuộc vượt sông Dniestr, Hàn lâm viện Mạc Tư Khoa, sa mạc đồn điền trên cát, Natacha, bệnh viện, Antole Barsov... Và bây giờ trước mắt hắn, hai vị tướng đang nói với hắn: «Bộ chỉ huy hồng quân muốn phong cho đồng chí cấp Tướng.» Người tướng già tiếp tục:

- Bộ chỉ huy muốn tiến nhanh trong công việc này. Quân Đức đã tiến tới như vũ bão. Chúng ta đã có dự định tổ chức lại tất cả hệ thống Hồng quân. Tôi muốn nói là tổ chức lại hệ thống Hồng quân đằng sau phòng tuyến địch. Nếu đồng chí cảm thấy đã bình phục chúng tôi sẽ giao cho đồng chí chỉ huy tất cả lực lượng Sô Viết ở hậu phương. Đến Mạc Tư Khoa, đồng chí sẽ có thêm nhiều chi tiết khác. Lúc đi đường, đồng chí phải thảo ra một kế hoạch. Cần phải sẵn sàng khi đến Mạc Tư Khoa nghĩa là đồng chí phải đi ngang phòng tuyến địch và tạo lập một đội hồng quân khác. Lúc đầu chỉ là một lực lượng nghĩa quân, sau đó sẽ là chủ lực quân. Điều chính yếu là đi tới chiến thắng càng nhanh càng tốt. Đồng chí có thể nghĩ đến, ngay từ bây giờ, địa điểm của bộ tư lệnh – Bucarest hay Varsovie, nơi nào tùy ý. Chúng tôi để đồng chí toàn quyền định đoạt. Nào mặc áo quần vào đi và nhớ thảo một kế hoạch.

Một tháng sau, Boris Bodnariuk đã đến ga Bucarest. Hắn là một vị tướng, nhưng là một vị tướng không quân phục. Hắn là một vị chỉ huy tối cao của lực lượng Sô Viết đằng sau phòng tuyến Đức quốc, nhưng lực lượng đó không hiện hữu, chính hắn phải lập nên. Các yết thị ở ga xe lửa báo tin là quân Đức đã gần đến Mạc Tư Khoa. Boris mỉm cười :

- Nếu quân Đức tàn sát chủ lực quân Sô Viết, họ vẫn còn phải vất vả lắm với bộ đội bí mật do mình lập nên.

Hắn đi về phía khách sạn. Ngày hôm sau, hắn ra đường với bộ đồng phục mang cấp bậc đại úy Lỗ Ma Ni và bắt đầu thành lập kế hoạch tạo dựng một đội quân bí mật.

Lúc đầu, hắn gặp toàn là trở ngại. Hình như nhiệm vụ của hắn không thể nào thực hiện được. Hắn đi khắp các nước, gặp hầu hết các tổ chức. Thật quá khó, trên hai chục triệu dân Lỗ Ma ni, chỉ có tám trăm đảng viên cộng sản, tám trăm người đó lại bị theo dõi chặt chẽ. Không thể nào cộng tác với họ được. Ở Hung Gia Lợi, ở Bảo Gia Lợi, và Tiệp Khắc tất cả đều như thế cả. Đảng cộng sản khá nhất lại ở tận vùng núi của Cộng Hòa Serbie. Đó là những đảng viên của thống chế những người Slaves miền Nam. Lại càng không thể cộng tác với ông ta được, ông ta là một kẻ quá kiêu ngạo. Như thế trong nhiều tháng, Boris không thể hoạt động gì hơn được ngoài một vài vụ khủng bố không đáng kể.

Boris Bodnariuk trở về phòng như mọi đêm. Đã gần khuya, hắn muốn đánh một mật điện, nhưng lúc hắn vừa mở máy thì đã có tiếng còi báo động. Vội vàng mặc áo, hắn bỏ ra đường, thường là hắn muốn chứng kiến những kết quả của cuộc oanh tạc, vì đa số bom Sô Viết thả đều không nổ. Boris bước vào quán cà phê. Vừa nghe tiếng động cơ rền, Boris vừa đoán những mục tiêu oanh tạc. Khách hàng nhìn bộ quân phục Lỗ Ma Ni trên người Boris và mĩa mai về những trái bom Sô Viết không hề nổ bao giờ.

Boris quay đầu lại và trông thấy một người đàn bà say rượu đang cầm một ngọn đèn bấm. Bà muốn đi ra ngoài, nhưng đã có lệnh không ai được đi trên đường phố lúc có oanh tạc. Nhưng bà không muốn nghe theo, vừa chửi thề vừa bước ra đường phố.

Viên chủ quán muốn phân trần với Boris, vì trong thời chiến vị sĩ quan nào cũng được xem là đủ tư cách để đại diện cho chính quyền.

- Bà đó là một người tội tở, ở cách đây chừng 20 thước. Bà luôn luôn say rượu, có lẽ vì quá buồn phiền. Trước đây bà ở cho một nữ nghệ sĩ Do Thái, lúc nàng bỏ đi, bà không muốn đi làm công cho ai nữa. Bao nhiêu tiền dành dụm được, bà đem đi uống rượu suốt ngày.

Boris lơ đãng nghe người chủ quán kể chuyện không có gì hào hứng cả, vì đó là một chuyện thường tình như trăm ngàn chuyện khác.

Có tiếng bom nổ ở gần đây. Cửa kiến rung lên. Nhiều trái khác rơi gần hơn, một căn nhà bị thiêu hủy, rồi tiếng xe cứu hỏa. Khách hàng đã trốn xuống hầm trú ẩn. Boris sức nhớ đến máy phát thanh của hãn và vợ đã bỏ đi. Nhà hãn ở trước mặt nhưng đã có lính và cảnh sát vây kín.

Họ chưa vào lục soát trong nhà. Ngay lúc đó, một trái bom nổ ngay ở khách sạn của Boris. Những căn lầu trên sập xuống. Nhà cháy, nhiều tiếng kêu la hỗn độn mọi người ồ ạt đổ ra đường. Boris đứng bất động hãn chỉ nghĩ đến bộ máy phát thanh của hãn, bởi nếu không có đám cháy, nếu căn nhà không bị hủy, bộ máy đó sẽ rơi vào tay kẻ thù và hãn sẽ tức tốc bị lộ tung tích ngay, nhưng may mắn thay không ai để ý đến gì được cả trong bóng tối đầy chen lấn và la hét ầm ĩ.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Vi & Vii & Viii & Ix & X

rong đám đông có kẻ la lên:

- Người ta đã bắt được một số gián điệp Sô Viết. Boris sợ toát mồ hôi, hấn đứng như dán lưng vào tường, núp sâu trong bóng tối. Hấn đặt bộ máy phát thanh trong phòng. Nếu hệ thống đó bị phát giác, thì hành tung bí mật của Boris bị bại lộ, công tác của hấn đành chấm dứt. Hấn sẽ bị bắt và bị xử tử.

Boris trà trộn vào đám đông. Lúc còi báo động chấm dứt thì một hàng rào cảnh sát đã có trước cổng ra vào. Đội cứu hỏa mang xuống một người đàn bà già nua trên băng ca. Đám đông thấy Boris mang y phục sĩ quan bèn nhường chỗ cho hấn đi ngay. Thế là Boris đành phải đứng cạnh hàng rào cảnh sát và cạnh băng ca người đàn bà bị cháy. Viên biện lý tòa án quân sự đã lập biên bản xong:

- Ngay sau khi báo động người ta đã cho chúng tôi biết là có một người làm hiệu bằng đèn bấm trên lầu căn nhà này. Chúng tôi đã đến tận nơi ngay, nhưng lúc đó, bom đã trút xuống căn nhà. Người làm hiệu đã chết trong đống gạch vụn, tay vẫn còn cầm cây đèn.

Viên cảnh binh chỉ người đàn bà nằm trên cáng:

- Không còn nghi ngờ gì nữa, chính là bà này đã ra dấu cho máy bay.

Người gác đàn rẽ đám đông đi vào, trả lời ngay :

- Đúng là Tinka Neva, tôi biết bà ta rõ lắm. Bà thuê một căn trong nhà này.

Boris nhìn kỹ người chết. Đúng bà già hăn đã thấy ở quán lúc mới có báo động, trong lúc người gác đàn giải thích tiếp.

- Đó là một người ở của một gia đình Do Thái, gia đình Thall. Sau khi bà chủ đi, Tinka ở lại trong căn nhà và luôn luôn say sưa. Đúng là Tinka Neva rồi đó.

Trong lúc cảnh sát rọi đèn để xem rõ mặt Tinka, người gác đàn quả quyết:

- Tôi biết chắc là bà ta không phải cộng sản. Không ai nghĩ Tinka là cộng sản, ai cũng tin là bà chỉ là một người say rượu không hơn không kém.

Boris nhìn kỹ mặt viên biện lý tòa án. Hăn nhớ đến trường võ bị Hoàng gia, và giật mình, người này chính là bạn cũ của hăn năm xưa, đúng là Pierre Pillat. Hăn bước đi lập tức, và trà trộn ngay trong đám đông. Mọi người đang bàn tán về Tinka Neva như là một nữ gián điệp cộng sản. Boris lắng nghe những câu chuyện đang trao đổi :

- Nếu bà ấy không phải là gián điệp cộng sản thì tiền đâu mà bà ấy uống rượu suốt ngày như thế được?

Một giọng nói quả quyết :

- Cứ mỗi lần có báo động, Tinka Neva lại lên mái nhà. Tôi đã để ý đến cái đèn quá lớn đó của bà ta, đúng là đèn ấy đã làm hiệu cho máy bay Xô Viết.

Boris cố nhớ lấy cái tên Tinka Neva, mà hăn mới nghe lần đầu. Trong hai danh sách đảng viên cộng sản ở Bucarest, không có ai có mang tên Tinka Neva, nhưng đám đông vẫn cứ bàn tán về bà ấy, làm Boris lại nhìn kỹ một lần nữa người đàn bà đó, trong lúc Pierre Pillat nói với cảnh sát:

- Tinka có thể là một điệp viên Sô Viết, nhưng cũng có thể chỉ là trường hợp lầm lẫn của một người đàn bà già nua và say sưa. Tôi có biết Tinka Neva, nên riêng tôi không tin bà ấy là một nhân viên Sô Viết. Chúng ta cứ cố tìm ra ánh sáng xem sao. Chúng tôi sẽ lập biên bản vụ này.

Boris bước lên phòng, mọi vật còn y nguyên, chỉ trừ những căn phòng ở phía Bắc đã bị phá hủy. Nhưng trong nhà hãn, bức tường không hư hại, bộ máy phát tin vẫn còn tại chỗ, tiền bạc giấy tờ cũng không hề mất mát. Trong chốc lát, vừa cởi áo, Boris vừa nghĩ đến người bạn đồng học, Pierre Pillat, nay đã trở thành biện lý tòa án quân đội, nghĩ đến người đàn bà mang tên Tinka Neva cùng những lời bàn tán sự việc vừa xảy ra. Trước mắt hãn, xuất hiện một người đàn bà nhân công với bộ mặt đầy nét nhăn, nhợt nhạt, với đầu tóc bạc phơ mang chiếc khăn tay cột tận cổ, và Boris thầm nghĩ:

- Đúng là bộ mặt muôn đời của một công nhân. Ngay cả nếu bà ta chỉ cầm đèn lên lầu vì vô tình hay vì say sưa, hành động của bà vẫn có một giá trị từ đó mình có thể tạo ra một huyền thoại.

Boris nghĩ đến các hoạt động bí mật của mình, đến sự bất động của quần chúng, cùng sự hừng hờ của giai cấp công nhân. Hãn cho là quần chúng Âu Châu cần có những anh hùng mới thức tỉnh được, mới dẫn thân được, cũng như thuyền cần đến cánh buồm vậy.

Cho nên hãn viết ngay một bản phúc trình bằng một giọng văn rần rỏi. Hãn nói đến những người vô sản đang bị giai cấp trưởng giả phát xít ở Âu Châu đàn áp, nói đến Hồng quân đang chờ dịp để giải phóng công nhân. « Tinka Neva, một nữ công nhân già nua thất nghiệp đã lâu đang ở tại Bucarest, đường Apolodor, số nhà 165, vì quá đau khổ nên ban đêm đã cầm đèn lên mái nhà làm hiệu cho máy bay Sô Viết đến giải phóng tổ quốc. Bà ta đã chết ngay trên nóc nhà cao, nhưng bà đã chứng tỏ sức mạnh phi thường của giai cấp thợ thuyền đã tranh đấu chống lại xã hội trưởng giả và phát xít. Bà đã nêu gương sáng cho công nhân toàn thế giới. Tinka Neva là một nữ anh hùng, là vị thánh tử đạo, là vị đại diện cho giai cấp thợ thuyền.»

Boris Bodnariuk viết rất dài, đó là bản phúc trình dài nhất của hắn từ khi hắn rút lui vào bóng tối để hoạt động. Cho nên, lúc trời sáng, bước xuống đường, bắt chuyện với người gác đàn, với người lối xóm, Boris mừng rỡ thấy mọi người tin chắc Tinka là một nhân viên Sô Viết, nếu không thế thì tại sao bà ấy lại lên mái nhà làm hiệu cho máy bay địch. Boris gửi ngay bản phúc trình đi Ankara và từ đó đến Mạc Tư Khoa, tất cả báo chí thế giới đều dành những cột lớn để kể lại cuộc tranh đấu anh hùng của Tinka Neva, chỉ một mình bà đã dẫn đạo cuộc chiến đấu chống quốc xã, chống phát xít, chống tất cả mọi kẻ thù để giành lấy tự do.

Nhờ thông tấn xã TASS và báo chí Hoa Kỳ, Tinka Neva trong một tuần đã trở thành cái tên quen thuộc của thánh giả bốn phương. Bà đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong các bài nói về tranh đấu và tự do. Tinka Neva trở thành ngọn cờ cho những quốc gia đồng minh.

VII

Trong lúc mà xã hội văn minh Tây phương nói về Tinka Neva như là một tượng trưng cho tự do, trong lúc mà các nhà soạn nhạc, các tác giả báo chí dùng tên bà như là một vị nữ thánh và các tập san đã dùng những số tiền khổng lồ để kiếm cho ra một bức ảnh của vị anh hùng chống phát xít đã chết trên mái nhà trung tâm thành phố, thân thể của Tinka Neva được chở đến nhà xác của thủ đô Bucarest. Ở đó người ta lột hết áo quần bà, khám da, khám tóc, khám đến những móng tay. Ở đó người ta cắt xác Tinka Neva thành từng mảnh nhỏ ở trên bàn khám nghiệm tử thi. Người ta cặm cụi xem từng miếng gan, trái tim, bộ óc, buồng phổi của bà, người ta đem từng bộ phận ra cân, cân xong lại đem nấu, pha máu, bỏ vào ống nghiệm. Chết đã ba ngày, thân thể Tinka vẫn trần truồng, vẫn còn bị cắt thành từng miếng trong phòng khám tử thi. Một người đàn bà sợ các thứ giấy tờ, sợ các cơ quan công quyền, một người đàn bà suốt 60 năm chưa hề bước chân lên cân bao giờ, bây giờ lại bị người ta cắt từng mảnh cơ thể bỏ lên cân, cân gan, não tủy, cân tim đã ngừng đập, bị người ta soi mói tất cả những gì bà đã có

trong bao tử, trong ruột non, trong bọng đại, tất cả những gì bà đã ăn, đã uống. Trong lúc cơ thể bà bị lột trần như thế thì tên bà lại được nhắc nhở trên khắp tất cả đài phát thanh bằng tất cả ngôn ngữ của loài người, tên bà được loan đi trên khắp các làn sóng điện, cho nên nếu bà còn sống biết được cuộc phiêu lưu bản thiêu đó, bà cũng sẽ chết mất vì hổ thẹn.

May thay Tinka Neva đã chết, đã không còn biết những gì đang xảy ra trên trái đất này nữa. Sau khi chết đi, chắc chắn bà bước lên ngưỡng cửa thiên đàng, nơi đó, có thánh Pierre đang cầm chìa khóa nơi tay. Suốt đời, Tinka đặt hết tin tưởng vào trời đất, tin có địa ngục, tin có thánh Pierre. Cho nên sau khi chết đi, bà cũng chỉ biết có thánh Pierre thôi. Và nếu ngài hỏi bà «Tinka Neva, con có ý định gì khi con cầm đèn lên mái nhà lúc đang có còi báo động?», thì bà cũng sẽ thản nhiên trả lời: «Con không lên mái nhà, thưa ngài, con chỉ lên lầu thượng, vì muốn vào phòng con ở bên kia, con phải đi ngang qua lầu thượng. Một người đàn bà già nua như con muốn đi trong đêm tối phải cầm đèn, nhưng con không ngờ là chính lúc đó, máy bay oanh tạc trông thấy con».

- Thế con có uống rượu không?

Nghe câu hỏi đó, Tinka hơi cúi đầu và trả lời:

- Nếu con không uống rượu, con đã không cầm đèn đi như thế.

Và bà sẽ nói thêm:

- Thưa ngài, con uống vì buồn phiền quá. Sau khi chủ con, cô Eddy Thall bỏ đi, con đã khóc bao nhiêu ngày đêm, nên con đã uống rượu để giải sầu, con không uống vì trác táng, thưa ngài con chỉ uống vì buồn phiền thôi...

Cho nên, nếu Tinka gặp được thánh Pierre ở bên kia thế giới như bà hằng ao ước lúc còn sống, ngài sẽ đặt bàn tay thân yêu lên vai bà và sắp bà vào hạng những kẻ khốn khổ nhưng tâm hồn trong sạch, vì thật nếu có một

cõi thiên đàng thì cõi đó phải được dành riêng cho họ. Tinka Neva cũng sẽ được giảm tội, cái tội đã làm cho hai người bị dập nát trong cuộc dội bom thành phố Bucarest.

VIII

Eddy Thall chưa lành bệnh hẳn, Ivan đành ngủ ở phòng làm việc để nhường giường cho nàng, hẳn trở thành y tá riêng cho nàng và săn sóc nàng như săn sóc một người em gái, hẳn đau khổ không ít khi thấy nàng ho ra máu dính cả lên gối. Nhưng hẳn giấu hết mọi việc, bởi nếu hẳn khai rằng Eddy bị bệnh, nàng sẽ bị chuyển sang bệnh xá, và một lúc đã vào đó, không ai có thể sống sót được, cứ mỗi ngày người ta lại khiêng ra ngoài chừng mười xác chết trần truồng và vứt vào hố công cộng. Cho nên Ivan vẫn khai với thượng cấp là Eddy lo việc quét tước cho văn phòng để đợi ngày toàn thắng. Mỗi ngày hẳn mang tin chiến trận cho Eddy. Một hôm, hẳn bảo :

- Quân đội Xô Viết đã chiếm Bucarest.

Thật là một biến cố lớn lao đối với Eddy, nên nàng khóc lên vì sung sướng. Nhưng chiến thắng vẫn chưa đến, vì còn một số các nước khác cần chinh phục. Tuy nhiên tù nhân vẫn còn nuôi hy vọng. Hàng ngàn người Do Thái hùng hục làm việc trên mảnh đất băng giá này, gồng gánh, đẩy những toa xe chở đầy quặng sắt. Mọi người trong hàng ngàn người đó đều có cảm tưởng mình là một người lính đang chiến đấu trong hàng ngũ của 52 quốc gia cho vinh quang và tự do. Cho nên dù cho thân thể đã già nua, đầy mụn nhọt và chí rận còn bị hành hạ bằng lạnh lẽo và đói khát, mọi người đều tự khuyến khích mình bằng niềm hy vọng đó, như là trên một cuộc hành trình tuyệt vọng, người ta vẫn vỗ về con ngựa bằng mấy tiếng : Nào, cố lên chút nữa, chút nữa, xem...».

Một đêm nọ, Eddy Thall nằm mơ thấy Tinka Neva, rồi Lidia Petrovici và bà Debra Paternik. Đất bỗng nứt ra, và các nắp hầm mở rộng. Người Do Thái choàng hết dậy để mừng chiến thắng. Esther và Rebecca mặc lễ phục

bồng bênh trên sóng của biển Đen. Trên bệ cao, Churchill, Roosevelt và Staline đang mỉm cười tuyên dương công trạng những kẻ đã sống dậy từ lòng đất, từ biển cả, từ trong những đồng tro tàn, những kẻ đã liều mình đóng góp cho vinh quang. Churchill hút xì gà và Roosevelt mang cà vạt màu vàng chói. Họ ngồi chễm chệ như những vị thánh có hào quang chói sáng để ngỏ lời cùng người Do Thái rằng: «Các bạn đã chiến đấu trong các hầm mỏ, trong ngục tù, trong sa mạc cho thắng lợi chung».

Thực là một giấc mơ đẹp, Eddy muốn mơ mãi như thế, nhưng Ivan đã la lên đánh thức nàng dậy.

- Chiến thắng đã đến rồi. Chúng tôi được lệnh để cho tất cả người ngoại quốc trở về tổ quốc của họ. Mọi người chỉ làm một tờ đơn và sau đó có thể tự do về nhà.

Eddy Thall nức nở khóc :

- Trời, chiến thắng... Tôi biết thế nào ngày đó cũng đến, tôi đã mong ước bấy lâu nay. Hàng triệu người đã mong ước bấy lâu nay, và bây giờ, ngày đó đã đến...

Nàng muốn trở dậy. Nhưng Ivan đã yêu cầu nàng nằm yên, để hẳn đi nạp đơn dùm cho nàng. Eddy Thall vừa khóc vừa bảo hẳn :

- Tôi muốn chính tay tôi viết đơn xin trở về cố hương. Ông để tôi tự mặc áo lấy một mình.

Thế là Ivan đành bỏ ra ngoài.

Eddy bước đến tấm kính treo trên tường, đau khổ thấy từng sợi tóc của mình đã bạc. Nàng nghĩ: «Đối với người đàn bà đau khổ, có lẽ những sợi tóc chịu ảnh hưởng nhiều nhất. Đầu tóc óng ánh nơi một người đàn bà sung sướng sẽ mất vẻ tinh anh đó ngay, lúc nào đau khổ bắt nàng phải gánh chịu». Eddy nhìn đầu tóc mình và nghĩ:

- Biết là thế nào tóc cũng bạc nhưng mình không ngờ tóc mình bạc nhanh và nhiều đến thế.

Rồi vừa chải đầu, nàng vừa an ủi: «Mình cứ chải đi, rồi chúng sẽ xanh lại cho mà xem».

Nàng lại ngẫm đôi mắt. Cũng như xưa nhưng bây giờ mắt nàng đã mất vẻ tinh anh. Nàng đúng là một Eddy Thall thường hay diễn kịch thời xa xưa, nhưng bây giờ ánh mắt không còn là của nàng nữa. Ánh mắt của một người đàn bà đau khổ không còn tinh anh mà chỉ rõ ràng là tính toán và khô cằn như đất cát, mắt của một người đàn bà đau khổ thật chẳng khác gì một mảnh đất hoang vu mà hoa đã tàn, cỏ đã héo, sông rạch cũng đã khô khan. Như đôi mắt của Eddy Thall bây giờ, sau bao năm đau khổ. Nàng nghĩ đến một loạt bài đăng ở tờ báo La Pravda với 6 triệu người Do Thái đã bị quốc xã đốt cháy. Nàng vẫn còn là một kẻ được ưu đãi, bởi lẽ nàng còn sống để nhìn ngày chiến thắng. Mắt nàng không còn tinh anh nhưng ít nhất cũng còn nhựa sống. Mười hai triệu con mắt đã bị đốt cháy để vĩnh viễn không thấy ngày chiến thắng. Ngoài mười hai triệu đó ra còn biết bao nhiêu cặp mắt khác nữa, cặp mắt đen Hy Lạp, cặp mắt người Pháp trong sáng, mắt xanh của người Na Uy, Đan Mạch, Hòa Lan, Ý Đại Lợi, bao nhiêu cặp mắt bị tàn phá, đốt cháy để không bao giờ trông thấy ngày chiến thắng. Eddy Thall bỗng thầm cảm ơn số mệnh, bởi vì cho dù nét nhìn đã tàn úa, đôi mắt nàng vẫn còn để nhìn ngày giải phóng.

Nhìn quanh thâm quanh mắt, Eddy Thall bỗng so sánh vòng mắt như hai nắm mồ chôn sâu đôi mắt. Trán nàng cũng đã nhăn nheo, những nếp nhăn sâu như vết dao đâm không hy vọng bóng láng trở lại, những nếp nhăn tràn xuống quanh môi, quanh cằm, quanh cổ nàng.

Eddy Thall ngừng đầu lên. Ngay lúc đó, một tràng ho dài làm khăn tay nàng lấm chấm máu đỏ. Nhưng nàng không còn sợ hãi nữa, bởi bệnh lao còn có thể chữa trị. Điều chính yếu là ngày chiến thắng đã đến. Nàng nghĩ đến những ngọn đồi đầy thông ở Lỗ Ma Ni. Nhưng sự thực bây giờ vẫn qua

khung cửa kính, cũng chỉ là hàng rào thép gai với từng đống quặng sắt, người nữ tù vẫn kêu khóc vì bị tên cai ngục đánh đập. Eddy Thall muốn cởi áo nhìn kỹ thân thể mình. Vú nàng đã mềm xèo, xệ xuống như những trái cây đã quá chín trên cành. Xương đòn gánh lòi ra, thân thể nàng móc vào đấy như một chiếc áo treo vào một cái móc quá rộng lớn.

Eddy mặc chiếc áo lính rộng thùng thình, bất giác buồn rầu nhớ lại những áo lụa mềm ngày xưa. Thật nàng không biết nàng bây giờ đang ở đâu.

Ivan đã đem giấy bút vào, Eddy nằm dài lên giường. Ivan đã viết sẵn và đọc cho nàng viết. Eddy chú ý đến câu cuối: «Tôi xin ông chấp thuận cho tôi trở về Lỗ Ma Ni». Nàng đưa tay ký bên dưới : Eddy Thall. Cũng là chữ ký ngày xưa. Chữ ký làm nàng nhớ đến cây bút đã mất ở Kichinev, nhớ đến những đồ vật vĩnh của nàng ngày trước, mỗi thứ hiện ra trong trí nhớ như những thớ thịt của chính nàng. Vào những lúc nguy hiểm, nàng đã để lại hoặc đánh mất hết những đồ vật kỷ niệm, như những con nai bị săn đuổi vừa chạy trốn, vừa để lại những mảnh thịt rải rác đó đây nhưng hết như những con nai, vì quá sợ hãi và quá lo thoát thân, nàng không hề cảm thấy khổ đau. Nên bây giờ, lúc rảnh rồi nàng mới có dịp nhớ lại tất cả cùng với những giọt máu từ hai buồng phổi bệnh hoạn của nàng, nhớ đến cả cái kéo cắt móng tay, đến làn lược mạ bạc. Bây giờ cả đến bàn chải đánh răng nàng cũng không còn. Bao nhiêu gian khổ đã qua, nàng đã quên khuấy đi là nàng đã mất mát quá nhiều nhưng bây giờ, lần đầu tiên, nàng mới thấy rõ là nàng không còn gì trong tay nữa cả.

Nàng phải đứng dậy, dựa vào cánh tay của Ivan lần đến bàn giấy để đưa đơn xin hồi hương càng sớm càng tốt.

Ở ngoài lều, hàng trăm người đang sung sướng chờ đợi nạp giấy hồi hương. Phần đông là những người còn trẻ, bởi vì hàm mỏ đã nuốt hết những người già cả và bệnh tật. Eddy Thall vừa húng hắng ho vừa nghĩ thầm: «Mình cũng thế, mình còn khỏe và trẻ nên mới sống sót đến bây giờ. Nàng

nắm chặt mảnh giấy trong đó có câu chính nàng viết: «Tôi xin ông chấp thuận cho tôi trở về Lỗ Ma Ni...».

IX

Sau bao nhiêu là chờ đợi, bỗng một hôm người ta nhận được lệnh chỉ cho hồi hương những ai gốc Ba Lan, còn tất cả những đơn xin khác đều bị hủy bỏ, những tù nhân khác phải ở lại Sô Viết.

Lúc đầu, Eddy không muốn tin, dần dần nàng muốn chống đối. Sau cùng, nàng ngã lên giường vừa ho vừa khóc. Hỏi ai bây giờ, hỏi bức tường, hỏi chính nàng, hỏi Ivan?

- Người ta còn giữ tôi lại đây bao lâu nữa?

Ivan căn nhắc từng chữ lúc trả lời cho Eddy :

- Thật may mắn cho cô nếu cô được ở lại đây. Vâng, không có gì nguy hiểm nếu cô được ở lại đây. Ngày mai tôi phải đi xa, đi đến một doanh trại ở Sibérie. Chúng tôi cũng như lính tráng, phải đi bất cứ nơi nào mà người ta thuyền chuyển.

Eddy la to:

- Ông đi đâu thì đi, tôi chỉ muốn biết một điều duy nhất là người ta sẽ giữ tôi lại đây bao lâu nữa.

- Cô nên nhớ là cô đang được ở trong phòng của một người gác đàn. Ngày mai sẽ có người khác đến thay tôi. Cô hiểu chưa?

Eddy sợ hãi nhìn hẳn. Hẳn vẫn nói:

- Có nhiều vấn đề còn quan hệ hơn cả chuyện hồi hương nữa. Người thế tôi sẽ dọn nhà đến đây ngày mai. Rồi cô làm gì nữa đây?

Cầm mũ đứng dậy, Ivan giải thích thêm:

- Nếu cô phải vào làm việc ở hầm mỏ, cô sẽ chết trong vài tuần. Chết, hoàn cảnh cô như thế đó, cô hiểu chưa? Cho nên cô có cần tôi nói với người thế tôi giữ cô ở lại đây hay không?

Những điều hăn vừa nói làm hăn khổ tâm nhưng hăn phải nói:

- Tôi có thể nói với anh ta điều đó, nhưng cô phải thông cảm cho tôi. Anh ấy sẽ ngủ trong phòng, chứ không ngủ ở bàn giấy để nhường chỗ cho cô như tôi đâu. Nào nói đi, cô muốn làm gì đây?

Eddy Thall đứng dậy. Nàng hết cả chóng mặt, hết cả mệt mỏi, hết cả nóng sốt. Nàng vội vã mặc áo quần. Ivan hỏi tiếp:

- Sao, cô quyết định thế nào?

Nhưng Eddy không trả lời, nàng tiếp tục mặc áo quần vội vã như là nhà sắp cháy.

- Cô muốn ở với anh ta hay vào hầm mỏ, chọn lựa đi chứ!

Eddy đến trước mặt Ivan, mím môi, mặt đanh lại và thản nhiên trả lời:

- Tôi muốn chết.

Sau đó, nàng chạy trốn khỏi căn phòng, bỏ đằng sau lưng Ivan, bỏ đằng sau lưng nàng những bức tường có treo những tấm hình cắt trên báo, chiếc giường nằm, bỏ luôn câu nói sau cùng của nàng: «Tôi muốn chết».

X

Eddy Thall cầm đầu chạy giữa những cột dăng dây thép gai, trong gió lạnh như cắt. Tay ôm ngực, nàng chạy mãi miết không còn suy nghĩ gì nữa cả, để cuối cùng ngã lăn trên đồng than giá lạnh trong cơn họ không dứt.

Có người đến gọi tên nàng và mang nàng đi:

- Tại sao cô khóc.

Eddy tỉnh dậy, thấy mình nằm trên giường trong một căn lều xa lạ, bên cạnh là hai tù nhân, một Bác sĩ và một sĩ quan tiếp liệu.

- Tại sao cô khóc?

- Tại vì tôi là người Do Thái.

- Thì chúng tôi cũng Do Thái vậy.

- Nhưng tại sao người ta lại gọi tôi vào hầm mỏ sau ngày chiến thắng? Hàng triệu người chết để làm gì nếu kẻ nô lệ không được giải phóng sau ngày chiến thắng. Tại sao Churchill uống rượu tươi cười trước các nhà nhiếp ảnh?

Viên y sĩ an ủi:

- Cô hãy bình tĩnh, chúng ta sẽ được giải thoát.

Eddy Thall vẫn hần học:

- Người ta không thể trả tự do cho những xác chết.

- Tôi sẽ chích cho cô một liều thuốc, cô sẽ bình tĩnh lại ngay.

Nghe viên y sĩ nói thế, đề nghị của Ivan để nàng sẽ trở thành người tình của tên gác đàn bên hiện về trong trí óc nàng. Trong một thoáng nàng ôm đầu chạy ra cửa, vừa hần học vừa trả lời viên y sĩ:

- Tôi không muốn chích vì tôi không muốn bị chà đạp, bị đánh đập, bị nhục nhã. Tại sao lại chích thuốc cho tôi mới được chứ. Tôi không muốn bị ô ố. Mà chích làm gì?

Nhưng nàng chưa chạy đến cửa thì đã ngã xuống với một cơn ho dài, miệng đầy máu. Sự ấm áp độc nhất nàng cảm thấy lúc đó là sự ấm áp của chính những giọt máu trong cơ thể nàng.

Viên y sĩ chích thuốc xong, nàng mở mắt đứng dậy. Lúc đó nàng mới nhận chân được rằng ngoài chính máu huyết của nàng còn có một sự ấm áp khác trong cuộc đời nô lệ của nàng, đó là máu của đồng bào nàng. Viên y sĩ lên tiếng:

- Chúng tôi có một tổ chức chuyên lo cứu giúp đồng bào Do Thái ở các xứ khác. Chỉ có những người Do Thái gốc Ba Lan là có thể trở về cố hương bằng chuyến công voa sắp đến. Chúng tôi có thể mang các bà vợ chúng tôi đi theo. Vậy cô có muốn giả vờ kết hôn với người Do Thái Ba Lan để có thể chính thức từ giã nơi đây không?

Eddy tròn xoe mắt ngạc nhiên, trong lúc viên y sĩ giải thích tiếp:

- Hàng trăm người đàn bà Do Thái gốc Lỗ Ma Ni, Hung Gia Lợi, Bỉ, của mọi quốc tịch khác nhau có thể rời bỏ nơi đây bằng cách đó. Bạn tôi là Isaac Salomon đang còn độc thân. Cô có thể giả kết hôn với anh ấy để ra đi. Nào, cô có bằng lòng không?

Eddy Thall ngạc nhiên:

- Xin ông làm ơn lặp lại câu hỏi?

- Chỉ là một thủ tục giản dị để từ bỏ nơi đây. Mỗi người Do Thái Ba Lan có thể mang theo một người vợ đang ở trong hầm mỏ.

Eddy lại khóc.

- Tại sao cô còn khóc?

- Từ lâu không ai hỏi tôi rằng tôi có bằng lòng không. Đây là lần đầu tiên, từ bao năm nay, tôi nghe được câu hỏi đó. Mọi người buộc tôi làm mà không hề hỏi ý kiến tôi bao giờ. Không bao giờ người ta hỏi xem một tên nô lệ thử nó có bằng lòng hay không. Cho nên nếu còn ai đặt cho tôi câu hỏi đó, nghĩa là tôi không còn là kẻ nô lệ nữa. Vâng, tôi bằng lòng, bằng lòng, bằng lòng.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Xi & Xii:

ddy Thall kết hôn với Isaac Salomon và trở thành công dân Ba Lan để chờ ngày hồi hương.

Lúc mới bị bắt sang Nga, Isaac Salomon là một sinh viên còn trẻ nhiều tình cảm, Salomon cũng như Eddy và hàng ngàn người Ba Lan khác đã được chở đi từ trại tập trung này sang trại tập trung khác, nhưng ngày hồi hương vẫn chưa thấy đến. Đám cưới được cử hành trong trại tập trung trong những ngày tháng chờ đợi hồi hương. Thế mà ngày hồi hương không thấy đến, mà điều cặp vợ chồng đó thấy trước tiên lại là một đứa con. Eddy Thall trở nên mẹ một đứa bé tên là Orly, tiếng Do Thái có nghĩa là «Ánh sáng của tôi». Mà thật vậy, trong những ngày tháng chờ đợi, Orly đúng là một thứ ánh sáng cho họ. Vì lúc Orly được bốn tháng, họ cũng vừa được trở về Ba Lan, sau sáu năm trời sống chui rúc trong các hầm mỏ. Cũng như mọi người công dân Ba Lan, Eddy ôm con vào lòng cùng với những giọt nước mắt sung sướng khi đặt chân lên mảnh đất quê hương.

Tất cả tù nhân lúc trở về xứ đều quên hết những nhọc nhằn đã qua, Eddy cũng thế, nàng tự nhủ là diễm phúc lắm nàng mới được trở thành người dân Ba Lan, bởi lẽ trong lúc những người khác còn ở trong hầm mỏ, nàng lại đặt chân đến Varsovie để sống với cha mẹ chồng con.

Từ bao nhiêu năm nay, đây là đêm đầu tiên mà đôi vợ chồng Salomon được sống trong một căn phòng tuy nhỏ và nghèo nhưng không có kềm gai bao quanh và lính canh trước cửa. Tuy nhiên, cô của Salomon vẫn còn khuyên nhủ:

- Hai con đừng nói với ai các con là người Do Thái. Cần phải cẩn thận lắm đấy. Bởi vì mỗi sáng, người ta vẫn còn chứng kiến cảnh người Do Thái bị ám sát chết ở ngoài đường, ở trong sân nhà, khắp nơi ở Ba Lan.

Trong căn phòng ấm cúng xinh xắn đó, Orly đang ngủ; trên bàn có cây đèn cầy để pha trà, chiếc giường ngủ tuy nhỏ nhưng không phải là chiếc giường của tù nhân, cho nên mặc dù người cô của Salomon vừa pha trà vừa lập đi lập lại: «Các con cần phải cẩn thận lắm mới được», đôi vợ chồng Salomon vẫn cảm thấy thoải mái hơn bao giờ hết.

Salomon thắc mắc:

- Thế thì người ta chưa loại bỏ hết phát xít sao? Chính phủ ta đang làm gì nhỉ?

- Ba Lan là một quốc gia khốn khổ. Quốc xã ra đi chỉ để lại đây toàn là những đống nát. Vài bước lại có một năm mờ. Đúng là một nghĩa địa mênh mê, mà người Nga lại còn đặt chân đến, và lấy hết những gì còn sót lại, lấy từ những đường xe lửa, những bếp lửa cho đến cả tuổi trẻ đầy nhựa sống của dân Ba Lan.

- Nhưng tại sao chính phủ vẫn dung túng chuyện giết chóc người Do Thái?

- Ấy, các con phải cẩn thận lời ăn tiếng nói chứ, nguy hiểm lắm đó.

Isaac Salomon đứng dậy, không buồn cầm tách trà. Anh biết rằng Ba Lan nghèo nàn, rằng người Nga bóc lột tất cả những gì quốc xã còn để lại, nhưng anh không hiểu nổi tại sao người ta còn giết người Do Thái, bởi ở đây có những bộ trưởng Do Thái, những sĩ quan gốc Do Thái, những uỷ viên chính trị cao cấp cũng gốc Do Thái. Và anh được người cô giải thích ngay:

- Người Ba Lan đói kém đã từng bị lưu đày sang Nga, đã từng trốn tránh. Bây giờ họ biết là chính quyền Ba Lan do người Nga lập nên đều là người Do Thái, họ ngỡ là dân Do Thái lạm quyền và tàn ác, nhưng đáng lý phải trả thù người Nga, thì họ lại đổ hết tội lên đầu người Do Thái, bởi vì như thế dễ dàng hơn. Cho nên các con phải cẩn thận là tại vì thế, nguy hiểm lắm.

Isaac Salomon vẫn không tin những điều bà cô giải thích:

- Cô đã quá sợ lũ phát xít, sợ luôn cả cái bóng chính mình nữa, cho nên cô đã nói quá đáng, ngày mai sẽ biết đâu là sự thật. Con thì tin là lũ phát xít hay lũ mật vụ quốc xã chưa bị thanh toán hết.

Chúng ta hiện đang có một chính quyền bù nhìn thân Sô Viết, nhưng ít nhất đó cũng không phải là một chính quyền phát xít.

Orly khóc đêm. Cả hai vợ chồng nhìn kỹ con, nhìn kỹ đôi má hồng hào, nghe tim đứa bé đập nhanh hơn thường lệ. Salomon bảo vợ:

- Orly mới có bốn tháng, dĩ nhiên là nó phải mệt và sốt sau một chuyến đi xa. Nhưng chắc là nó không bị ốm đau. Để anh đi kiểm cái cặp thủy xem sao.

Eddy ôm con vào lòng, nựng con bằng mấy tiếng Lỗ Ma Ni, gọi nó là «Luminitza» nguồn ánh sáng của mẹ. Nhưng Orly vẫn khóc. Isaac kiểm không có nhiệt kế, nhưng vẫn hớn hở:

- Có bác sĩ ở trong căn nhà này rồi, ở tầng thứ sáu. Chúng mình đem con lên khám thử xem. Rồi em sẽ thấy là con không sao đâu, nó chỉ bị mệt chút đỉnh thôi.

Hai vợ chồng ẵm con lên tầng lầu thứ sáu, một người trẻ tuổi mở cửa, mời họ vào nhà.

- Tôi là bác sĩ đây, mời hai ông bà vào, và xin hai ông bà bỏ qua cho sự nghèo nàn của tôi.

Căn phòng không có đến cả một chiếc giường. Mền chiếu, sách vở, thuốc men để lên sàn nhà. Viên y sĩ vẫn ái ngại:

- Xin lỗi đã không có ghế ngồi cho hai ông bà.

Nói xong hẩn nhìn cả ba người từ Salomon, Eddy đến đứa bé để đoán xem ai là bệnh nhân. Xong hẩn lại xin lỗi một lần nữa.

- Rất tiếc là trong nhà không có ghế ngồi. Nhưng ông bà hiểu cho không phải lỗi tại tôi, chính phủ đã lấy hết nhà cửa, đồ đạc, phòng mạch, sách vở của tôi ngay từ lúc tôi ở tù về. Tôi bị tống ra đường hai giờ sau đó.

Noi xong, hẩn bắt đầu khám bệnh cho đứa bé, bắt mạch, đo nhiệt độ rất kỹ lưỡng.

- Tôi không có thuốc cho em bé nhưng không sao, ngày mai cháu sẽ khỏi, không có gì nặng lắm đâu:

Sau khi giao đứa bé lại cho Eddy, viên y sĩ giải thích tiếp hoàn cảnh của hẩn:

- Sau khi quân Đức trả tự do cho tôi, người ta bảo tôi: người Đức đã giết hết tất cả những ai chống lại Phát xít, chỉ có những cộng tác viên với họ mới còn sống sót.

Tay hẩn run lấy bầy:

- Nghĩa là còn sống cũng là một tội trạng, và vì tôi đã trở về sau bốn năm tù tội, người ta đã lấy hết nhà cửa, phòng mạch, sách vở của tôi, lấy sạch. Chính phủ Ba Lan do người Do Thái thân Sô Viết cầm quyền cho rằng tất cả người Ba Lan không bị quốc xã giết đều là những người phát xít

cần phải loại trừ. Tôi ở trong trường hợp đó. Lý luận của người Do Thái giản dị như thế. Nhưng chúng tôi sau khi đã thanh toán lũ phát xít, bây giờ chúng tôi cần đoàn kết lại để thanh toán nốt tụi Do Thái và Bôn Sô Vít.

Viên y sĩ lau mồ hôi trán, có thể hẳn đang bị bệnh tật và hận thù dày vò:

- Tôi bị lao phổi vào thời kỳ chót, nhưng tôi không thể nào chết đi nếu chính tay tôi chưa giết được ít nhất là một trong những tên Do Thái sát nhân thân Sô Viết ở trên phần đất Ba Lan này. Tôi muốn chính tay tôi giết chúng...

Orly khóc ré lên. Viên y sĩ lại muốn ẵm lấy nó:

- Tôi cũng muốn có một đứa con, vì nó chính là nguồn sống cho bất cứ người đàn ông nào. À cháu tên là gì ông bà nhỉ?

- Orly. Eddy trả lời.

Trong lúc đó, viên y sĩ vừa nhìn Eddy vừa nhìn Isaac Salomon vừa khen ngợi:

- Orly, trời cái tên đẹp quá.

Nói xong, tay hẳn không còn run rẩy nữa. Hẳn đã chắc chắn rồi. Giọng nói lai Nga của Eddy, dáng điệu của Isaac Salomon, cái tên Orly, đủ để chứng minh cho hẳn rằng họ là người Do Thái. Biết chắc thế, hẳn ung dung rút thuốc vào ống tiêm và từ từ chích thuốc cho đứa bé. Xong, hẳn bảo:

- Từ đây cho đến mai, mọi sự yên ổn. Ông bà có thể trở lại đây ngày mai, nhưng tôi nghĩ là vô ích.

Eddy yên lòng là Orly sẽ lành bệnh, bà không cần phải trở lại tìm bác sĩ ngày mai nữa.

Viên y sĩ vừa nhận điều thuốc của Salomon mời, vừa nhìn kỹ một lần nữa nét mặt của Salomon. Đúng rồi, hẳn không thể nào lầm lẫn được, chắc hẳn họ là người Do Thái nên hẳn bảo:

- Ngày mai ông bà trả tiền tôi cũng được, vì thế nào ngày mai ông bà cũng sẽ đến kiểm tôi lần nữa.

Nói xong, hẳn mở cửa cho họ ra về.

XII

Ban đêm tỉnh thoảng Eddy Thall trở dậy xem Orly ngủ. Hơi thở đứa con vẫn êm đềm và đều đặn.

- Thì anh đã bảo với em là con không có gì nặng lắm đâu. Isaac Salomon ôm vợ vào lòng, sung sướng. Đây là lần đầu tiên từ năm 1939 mà anh được trở về quê hương và được ngủ trong chính nhà mình, trong chính thành phố mình, với cha mẹ mình.

Ngày vinh quang đã thực sự trở về với họ. Giấc ngủ yên lành, không sợ hãi đã đến với họ.

Nhưng lúc thức giấc, Eddy bỗng thấy Isaac đang ôm con vào lòng khóc lóc:

- Orly đã chết rồi.

Eddy đã ngất xỉu. Người ta phải chở nàng vào nhà thương. Trong nhà có đủ mọi người, cô của Isaac, người gác đàn, hàng xóm, cảnh binh. Isaac cố lập lại lời nói của viên y sĩ và đoán chắc là con chàng đã bị giết chết.

Viên cảnh sát trưởng gay gắt:

- Kết án như thế thật là hồ đồ, bởi không thể nào còn có sự dã man đó ở Varsovie này nữa. Giả thuyết rằng tên bác sĩ nọ đã chích thuốc cho con ông

chết đi không thể nào đặt ra nữa. Với lại còn phải khám nghiệm tử thi xem sao đã.

Mấy người cảnh binh kia bảo:

- Thôi chúng ta xuống đó thử xem thì biết.

Họ bắt đầu ghi tên họ Eddy, Isaac và lập biên bản về cái chết của Orly, họ cũng không quên lấy lời khai của tên gác dan và hàng xóm. Họ dìu Isaac bước lên sáu tầng lầu như đêm qua, Isaac đã cùng vợ con lên khám bác sĩ. Cửa phòng không khóa và căn phòng tên bác sĩ đã trống rỗng. Hẳn không còn trong nhà nữa. Qua làn nước mắt, Isaac chỉ còn trông thấy bốn bức tường và nền nhà trống trơn.

- Đúng là căn nhà này hôm qua chúng tôi đã đến.

Cảnh binh hỏi lại:

- Cũng trống trải như hôm nay sao?

- Không. Có vài vật dụng như sách vở, thuốc men, mền chiếu, đèn...

Cảnh binh quay qua hỏi tên gác dan:

- Tại sao hắn trốn đi mà anh không nghe thấy gì cả?

- Có thể lắm chứ, có thể là ông ấy đi qua mà tôi không nghe gì cả.

- Dù sao, chúng tôi cũng cho đăng hình hắn lên báo chí. Có thể đó là quân khủng bố hay là nhân viên của tình báo quốc xã. Hắn bỏ trốn tức là hắn không yên lòng. Đó cũng là một bằng chứng đầu tiên...

Isaac Salomon hỏi:

- Eddy đâu rồi. Tôi muốn biết Eddy. Ít nhất Eddy...

- Ông nên yên tâm là chúng tôi đã lo lắng cho bà đủ cả rồi.
- Chạm mất rồi. Orly đã chết, nó là nguồn hy vọng độc nhất của chúng tôi.
- Nhưng bốn phận của công lý là tìm ra kẻ sát nhân và chúng tôi sẽ làm thế.
- Eddy đâu rồi hở các ông?

Và lần đầu tiên trong đời chàng khóc. Từ năm 1939, Isaac đã chịu đựng tất cả nhọc nhằn và nhục nhã. Nhưng giờ đây, chàng không còn sức lực nào nữa, chàng nản nỉ:

- Tôi muốn gặp vợ tôi ngay.

Ba ngày sau, Isaac và Eddy lại dẫn nhau đi về phương Đông, với hai bàn tay trắng và tâm hồn rách nát hơn bao giờ hết.

Họ phải bỏ Ba Lan mà đi. Tây phương không thể nào trả Orly cho họ cùng những giọt máu mà Eddy đã mất. Tây phương không hàn gắn được vết thương của họ nhưng vẫn cứ để cho họ sống với sự hành hạ do vết thương đó gây ra, sống trong đau khổ nhọc nhằn. Không thể ở lại Ba Lan, họ đành bỏ đi. Tuy nhiên họ không hề đòi hỏi gì hơn nữa.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

(Phần Thứ Hai - I & II & III)

ối với Pierre Pillat, ngày chiến thắng đồng nghĩa với ngày quân đội Xô Viết chiếm đóng Bucarest, lính Nga lục soát từng nhà một. Dân chúng trốn xuống hầm núp trong vựa thóc hay trốn hết đi chỗ khác. Đàn bà bị hiếp dâm, cửa hiệu bị cướp bóc, dân chúng bị đánh đập ngay ngoài đường phố.

Pillat cũng cùng hôn thê lẫn trốn. Đó là một người con gái con một bác nông phu và có theo học trung học mấy năm. Nàng chạy trốn theo Pillat và họ cùng chờ những ngày sôi động của chiến thắng qua đi để có thể lộ mặt ra ngoài đường. Một tuần sau, Marie và Pillat ra đường thật. Họ đói quá mà vẫn không mua bánh mì được. Trước các tiệm bánh mì, dân chúng sợ hãi nối đuôi nhau chờ mua bánh, nhưng chỉ những kẻ có thể kiểm tra hợp lệ mới được mua bánh mì.

Nhiều người sắp hàng trước ủy ban an ninh. Trên tường đã có danh sách dài lòng thòng những người phải trình diện sở cảnh sát. Người ta không chịu đóng dấu trên thẻ của Pillat với lý do «Thẩm phán đoàn trưởng giả không còn hữu hiệu nữa, bây giờ công lý sẽ do các tòa án nhân dân đảm nhiệm».

Pillat chỉ tiếc có một điều là không mua được bánh mì mà thôi. Marie hỏi :

- Anh không làm gì nên tội, tại sao họ không chịu hợp thức hóa thẻ căn cước của anh?

Pillat xiết chặt tay nàng và muốn rời khỏi sở cảnh sát, nhưng cửa đã đóng chặt. Người ta đẩy chàng vào một phòng bên cạnh, văn phòng chuyên

kiểm nhận giấy tờ những ai không được mua thức ăn.

Không khí nặng nề khó thở. Người ta kiểm tên Pillat trong danh sách những chánh trị phạm. Không có. Viên công chức gạch một chéo đỏ trên thẻ của Pillat và trả lại cho chàng. Pillat thì thầm bên tai Marie:

- Ra khỏi đây mình sẽ mua được bánh. Anh sẽ bán đồng hồ. Vừa định bước ra thì người công chức hồi nãy cản lại:

- Những ai không có nghề nghiệp không có quyền có một căn nhà trong thủ đô. Ông phải dọn nhà ngay, từ đây cho đến 6 giờ chiều và trả chìa khóa cho ủy ban trưng dụng nhà cửa.

- Vâng, tôi hiểu.

Chàng nói thế bởi vì chàng đang nghĩ rằng từ ngày chiến thắng ai cũng ở dưới hầm. Không ai dám ở trong nhà vì mỗi đêm quân Nga đến lục xét từng nhà.

Chàng đã định đi ra, nhưng người ban nãy còn dặn thêm :

- Ông không được mang đi bất cứ vật dụng gì trong nhà. Nếu không ông phạm tội xâm phạm của công.

- Vâng, tôi hiểu.

Chàng nói thế bởi vì chàng biết là nhà chàng đã nhiều lần bị quân Nga cướp bóc, cái gì chưa bị cướp mất thì cũng bị phá hủy. Không còn gì đáng lấy nữa. Chàng nói thế và ngỡ là xong chuyện, không ngờ lại được nghe dặn thêm :

- Còn một điều này nữa. Những ai không có công việc gì, không có quyền trú ngụ trong một khoảng chừng 60 km chung quanh thủ đô.

- Vâng, tôi sẽ rời khỏi thủ đô.

Nói xong, chàng xiết tay Marie và nghĩ rằng chàng phải về quê vợ ở Piatra.

Nhưng anh chàng nọ vẫn chưa tha:

- Nhờ quân đội Sô Viết, Lỗ Ma Ni đã trở thành một nước xã hội, mọi công dân bị bắt buộc phải làm việc.

- Vâng, tôi sẽ kiếm việc làm. Tôi biết rõ là trong một nước xã hội chủ nghĩa ai cũng phải làm việc.

- Chính phủ giúp đỡ mọi công dân tránh nạn thất nghiệp. Đường chéo đỏ trên căn cước của ông rất lợi hại, bởi nhờ có nó mà mỗi cơ quan công quyền sẽ giúp đỡ ông tránh nạn thất nghiệp, gọi ông vào trong những trung tâm khuếch trương, trong trường hợp ông không kiếm được việc làm. Hiểu được như thế rồi, bây giờ ông có thể rời nơi đây.

Pillat và Marie bước ra. Sợ bị bắt Pillat bảo:

- Đi Piatra ngay. Cần phải rời thủ đô càng sớm càng hay.

Vào lúc đó, một bàn tay đặt lên vai Pillat. Chàng tái mặt.

- Xin ông đừng sợ. Tôi là Motok đây. Tôi cần nói với ông vài câu thôi.

Thì ra đó là anh chàng làm ở sở hỏa xa độ nọ. Hắn kéo Marie và Pillat ra khỏi đám đông đang sắp hàng trước ủy ban với đói khát và sợ hãi. Daniel Motok mặc một bộ áo quần giản dị, không có cà vạt. Mặt hắn biến đổi hẳn đi, mắt bên phải bị thương.

- Ngày chiến thắng, tôi bị lũ nhân viên hỏa xa cộng sản bắt giữ và hành hạ cho đến nay. Gặp ông đây để từ giả thật là may mắn. Thôi, tôi đi.

Pillat muốn cầm tay giữ Motok lại, nhưng hắn đã rút tay lui và quay về phía Marie :

- Nếu tôi ở lại, họ sẽ giết tôi. Với lại, tôi nói được bốn thứ tiếng thế nào tôi cũng kiếm được việc làm ở Đông Âu. Cầu trời phù hộ cho cô.

Nói xong, Motok khóc và biến vào đám đông, áo đang còn dính máu và chân không còn mang tất. Khó mà nhận ra hăn nữa, tù tội đã làm hăn thay đổi rất nhiều.

- Tội nghiệp cho Motok, khó mà có thể nói là chỉ mới 7 ngày sau ngày chiến thắng...

Trong lúc đó, máy phóng thanh đang loan truyền một bài diễn văn. Pillat cố tìm lại Motok, nhưng hăn đã biến mất. Từng tiếng trên máy phóng thanh dội vào tai Pillat, khó chịu : «Tinka Neva tượng trưng cho nữ anh hùng vô sản. Cho đến năm 60 tuổi, bà vẫn còn bị chủ nhân giam trong bếp không lớn hơn xà lim bao nhiêu thiếu không khí thiếu ánh sáng. Nhưng đến năm 60 tuổi, con người vô sản trong bà sống dậy và sẵn sàng tranh đấu. Bà đã leo lên mái nhà cầm đèn ra hiệu cho máy bay Xô Viết đem lại chiến thắng ngày hôm nay. Bà đã chết ở một nơi cao nhất...»

Pillat bực mình bảo Marie:

- Đi em. Người Xô Viết muốn giết hết người để thế giới chỉ còn toàn là huyền thoại. Tinka Neva đúng là một người đàn bà can đảm, nhưng không phải là một bà phù thủy dạo chơi ban đêm trên các mái nhà. Đúng là chuyện bịa đặt để người Nga thay thế vào những người đã bị họ giết chết. Marie, thôi đi em.

Vài giờ sau, Marie và Pillat đến ga xe lửa. Họ lo sợ bước lên tàu lửa đi đến vùng núi xứ Moldavie. Hình ảnh Motok theo dõi họ suốt chuyến đi. Trên bến tàu, máy phóng thanh còn tiếp tục kể câu chuyện về Tinka Neva.

Pillat bảo Marie :

- Tội nghiệp cho Motok thật. May là tụi mình còn một chỗ để ẩn thân. Núp kín trong một góc toa tàu, hai người cầm tay nhau và cùng nghĩ đến Piatra. Đó là một làng nhỏ với chừng một trăm nóc nhà, trong vùng núi Néamtz, quê hương của Marie.

II

Sau ngày chiến thắng, Boris Bodnariuk xin được trở lại thực hiện các công tác thay đổi khí hậu và canh tân sa mạc, nhưng hẳn không được chấp thuận. Sô Viết đang cần hẳn ở Lỗ ma ni để biến quốc gia này thành một nước cộng hòa nhân dân. Đó là một chuyện thật khó khăn, vì chưa có cán bộ, chưa có ai để thi hành mệnh lệnh.

Boris quyết định đến tận chỗ, đi từ nơi này sang nơi khác để lập một nền hành chính cộng sản. Trước khi rời văn phòng, người nữ thư ký đưa cho hẳn một bức thư và bảo hẳn :

- Hình như đây là bức thư của một tu sĩ tên là Angelo, ông ta tự cho là em ruột của đồng chí. Kèm theo thư có cả bức ảnh.

Boris nói như hét :

- Chúng ta, những người cộng sản, không có anh em ruột. Anh em chúng ta toàn là những công nhân trên khắp thế giới.

Hẳn không thèm nhìn ảnh đứa em mà hẳn đã làm mất một mắt hồi ba tuổi. Trong thư Angelo báo tin đã đi tu, ngày đêm vẫn cầu nguyện cho Boris và cảm ơn thượng đế đã để cho Boris sống sót trên trần gian.

Boris bỏ tấm bản đồ Lỗ ma ni vào túi áo, quấn chặt tấm khăn quàng quanh cổ.

Vài ngày sau đó, do một người địa phương hướng dẫn, Boris đã bước chân lên khu đất ẩm ướt của một làng ở về phía bắc xứ Moldavie.

- Serghei Severin, làng này tên gì nhỉ?

Boris hỏi Severin. Người này gốc Nga sinh ở Lỗ ma ni, to lớn khác thường. Trong lúc Boris cố tránh những vũng bùn trên đường thì Severin bước đại lên cả các vũng nước, vũng bùn mà không cần né tránh, như súc vật.

- Đây là làng Piatra. Severin trả lời thế và để Bodnariuk đi một mình vào trong sân nhà ông lý trưởng. Dân làng đã đợi sẵn ở hai bên đường, người nào người nấy mũ cầm tay, khúm núm lúc Boris đi qua. Hẳn khinh khinh đi vào ngồi liền trên ghế ở văn phòng viên lý trưởng. Qua khung cửa sổ, hẳn nhìn lũ dân làng sắp hàng dưới mưa với cặp mắt căm hờn, bởi theo hẳn, giai cấp nông dân là một trở ngại lớn lao cho công cuộc hoàn thành một quốc gia cộng sản. Nhìn lên bức vách, ngổn ngang những tấm hình cắt trên báo. Boris bực dọc nhìn bức hình của thống chế những người Slaves miền Nam, bởi vì hình như vị thống chế thương yêu con chó của ông ta hết mực, mà theo Boris, người cộng sản còn một đam mê nào đó tức là còn hèn yếu.

Đám dân làng đã đến ngồi ở các băng ghế trước mặt Boris, e dè nhìn Boris như lũ trẻ chờ đợi trong ngày khai giảng niên học mỗi năm.

Boris hách dịch ra lệnh:

- Đưa tôi danh sách dân làng ở đây.

Hẳn mở cuốn sách, ở trang đầu viết: «Piatra, làng của Néamtz, 150 dân. Máy trang sau ghi tên họ tuổi tác của từng dân làng. Boris hỏi tiếp:

- Danh sách đã phân loại đâu?

Viên lý trưởng, tóc ướn sững vì đã đợi Boris dưới mưa, từ từ đứng dậy:

- Chúng tôi ở đây không có ai ở giai cấp thứ nhất vì không có ai là điền chủ, tư bản cũng như tư sản. Giai cấp này thật ra không có trong làng Piatra

này.

Boris có vẻ không bằng lòng. Thông thường đi công tác hẳn có thói quen hạ nhục một điền chủ hạng bự trước mặt quần chúng. Sau đó, hẳn ra lệnh tịch thu tài sản và chia đều cho nông dân. Cứ theo phương pháp đó, đám dân làng lỏng lẻo tự nhiên bị kích động và cuộc đấu tranh bắt đầu.

- Vậy thì cho tôi danh sách các người thuộc giai cấp thứ hai vậy.

Nhưng viên lý trưởng bình tĩnh trả lời:

- Cũng không có ai ở giai cấp đó cả, vì muốn liệt vào hạng đó ít nhất phải có hơn năm sào ruộng. Ở Piatra, không ai có nhiều ruộng đến thế.

Đám dân làng sung sướng, nghĩ rằng không có ai giàu có, điền chủ. Họ ngờ là Boris sẽ khen ngợi làng Piatra lắm, nhưng Boris đã cố tình moi móc thêm :

- Những chủ máy xay, chủ quán, những quân cảnh cũ, nghĩa là tất cả những ai đã bóc lột nhân dân dưới chế độ tư bản đều thuộc về hạng thứ hai cả.

- Viên quân cảnh không còn ở trong làng nữa. Ông ta trốn đi sau ngày chiến thắng. Không có chủ máy xay ở đây vì một lẽ giản dị là làng này không có máy xay, làng chúng tôi nghèo lắm. Chúng tôi phải đi xay bắp và lúa ở làng khác. Cà phê cũng phải mua ở làng bên cạnh.

Giọng Boris trở nên rần rỏi, hẳn muốn tìm cho ra những kẻ thù của nhân dân :

- Cho tôi danh sách tay sai của tụi tư bản cũ và các viên lý trưởng hồi trước.

- Chúng tôi chỉ có một lý tưởng từ hai mươi năm nay, ông ta đã chết và vừa mới chôn cất ba tuần lễ nay.

Ở sa mạc, Boris đã phải chiến đấu không ngừng để làm sống dậy những tấc đất đã hết màu mỡ. Những công việc của một cán bộ cộng sản trong xứ Lỗ ma ni này thật khó hơn nhiều. Cũng như tất cả các làng ở Lỗ ma ni, Piatra là một làng bất động. Sự bất động lại là kẻ thù số một của tiến bộ. Đã từ 3000 năm nay, dân Lỗ ma ni đều như thế. Muốn kích động họ, cán bộ cộng sản phải đâm dao sâu vào tận xương tủy, bởi vì họ cũng cần côi như đất ở sa mạc, người ta không thể trồng trọt gì lên trên đó được nữa. Cho nên Boris căm thù nhìn đám dân làng ngồi trước mắt hắn. Hắn lại lật từng trang cuốn sổ phúc trình. Hạng thứ nhất: điền chủ, không có. Hạng thứ hai: nông dân giàu, không có. Tay sai của chế độ trưởng giả, không có. Những kẻ bóc lột nhân dân như chủ đồn điền café, chủ máy xay, quân cảnh, không có. Giáo học, không có. Nạn nhân của cấp trưởng giả, không có. Người đã từng du học sang ngoại quốc, không có. Người có gia đình ở nước ngoài, không có.

Piatra không có một tên nào có thể kích động căm thù và nổi loạn, có thể lôi dân làng ra khỏi sự lờ phờ muôn thuở. Chỉ có một tờ giấy rời ghi: linh mục Thoma Skobai với giữa hai ngoặc đơn ghi chú: mù, 68 tuổi và những người mới đến trú ngụ trong làng, Pierre Pillat, thẩm phán, có vợ, đảng viên đảng cộng sản địa phương.

Boris nhú mày, thế là hắn bằng lòng. Vì hắn thừa biết chỉ cần một cây diêm là đủ để đốt cháy một căn nhà. Chỉ cần một thủ phạm là đủ đốt cháy cả một làng. Boris lúc đó thật giống như một nhà trinh thám, sau những tuần lễ tìm tòi và những đêm mất ngủ, tìm ra được một dấu tay trên tấm kiếng, trên cái ly hay trên nắm cửa, dấu tay đủ để mang ánh sáng lại cho một vụ án và bắt được kẻ sát nhân.

Hắn nghĩ đến những phương thức hắn đã chị thị cho các vị quận trưởng phải thi hành: lập biên bản tên tuổi và nghề nghiệp mỗi công dân, phân ra

từng loại khác nhau, theo dõi và kết tội những giai cấp giàu có, lập phiếu lý lịch và phiếu kết án những ai thuộc vào hai giai cấp đầu.

Bodnariuk đã ra lệnh cho nhân viên phải tìm tòi trong quá khứ mỗi người thuộc thành phần lên án, vì ai cũng có thể phạm một vài lỗi lầm. Điền chủ nào mà cả đời không hề đánh đập một người đầy tớ, gia chủ nào lại không có lần xô ngã một tên đầu bếp, nhà giàu nào mà không có lần lái xe cán phải một con chó của một người nghèo? Tất cả sự kiện đó cần phải được tố cáo để biến chúng thành những căm thù giai cấp. Bất cứ một viên lý trưởng nào cũng có điều bất công lúc xét xử, vị điền chủ nào cũng có thể là một kẻ bóc lột công của các tá điền. Đó là những bất công xã hội. Cũng như mọi linh mục đều là kẻ lợi dụng giai cấp lao động vì họ không có những hoạt động chính trị, sống bám vào sức lực kẻ khác. Tất cả điều đó cần phải được ghi vào biên bản để kết tội những kẻ đã đàn áp bóc lột nhân dân để có thể bỏ tù hay loại trừ họ. Biên bản đó rất cần thiết để khởi động óc tranh đấu giai cấp.

Boris vẫn còn trông thấy qua khung cửa một hàng dài nông dân im lặng chờ hăn như những bức tượng đứng dưới mưa. Bốn tháng trôi qua sau ngày chiến thắng mà hăn vẫn chưa làm được gì cả. Mỗi làng đều như mỗi gia đình. Những cái khối đông đặc đó cần phải cho nổ tung ra, bẻ gãy đi, phân loại đảng hoàng. Boris nghĩ như thế và bảo nhỏ với Serghei Severin:

- Đồng chí cần phải học cách thức phá hoại một làng. Hãy dùng cùng một phương pháp trong các khu phố khác trong quận của đồng chí. Không khó lắm đâu.

*

Boris Bodnariuk chăm chú nhìn Pillat. Chàng đã cố tiến đến gần lúc hăn vừa bước xuống xe. Chàng chào hăn, nhưng hăn tảng lờ như không biết chàng là ai.

Ngay cả lúc Pillat ngồi ở hàng đầu trong đám dân làng hẳn cũng không thèm để ý đến. Nhưng bỗng hẳn nhìn đăm đăm vào Pillat và bảo:

- Chúng ta hỏi nhỏ cùng học ở trường Hoàng gia Kichinev. Pillat đứng dậy. Bên cạnh chàng là Marie, cha nàng, bác Ion Kostaky. Ông này cảm động và coi bộ hân hạnh ra mặt khi biết thẳng rể mình lại là bạn thân của một nhân vật quan trọng.

Pillat muốn nói với Boris rằng cuộc gặp gỡ này làm cho chàng sung sướng lắm, rằng những kỷ niệm tuổi thơ vẫn còn rõ mồn một trong ký ức chàng, nhất là lúc hai đứa vừa mới chia tay ở sân trường với những điều thuốc chia nhau vào giờ ra chơi, với bức ảnh của người nữ sinh Eddy Thall ở trường quốc gia âm nhạc. Nhưng Pillat chỉ nói được:

- Tôi vẫn có ý kiếm cậu từ bấy lâu nay.

Trong lúc đó Boris thản nhiên cởi áo choàng, đặt khẩu súng lúc xuống bàn. Pillat đợi cho hẳn xong xuôi mới giới thiệu:

- Tôi đã cưới vợ ở Piatra (Marie đứng dậy cúi đầu chào) và đây là ông nhạc của tôi (chàng giới thiệu Ion Kostaky) ông nhạc tôi còn có một căn nhà cho chúng tôi ở. Chúng tôi cũng làm việc đồng áng với nhau...

Tất cả các nông dân có mặt đều vui cười như trong ngày lễ phục sinh vì đúng là một vinh dự khi được nhìn thấy Pillat thân mật nói chuyện với anh chàng Boris lúc nào mặt cũng lạnh như tiền và không ai dám đến gần. Lúc này thì họ không còn sợ hãi gì cả, bằng chứng là Pillat nói chuyện với anh chàng đó rất đàng hoàng. Họ nghĩ là nhờ ở tình bạn thân mật đó mà làng Piatra sẽ nhận được một số tiền cứu trợ cùng cây gỗ sửa lại những cây cầu đã bị hư. Nhưng họ không vui mừng lâu, Boris lên tiếng với Pillat:

- Ông cũng không thoát khỏi luật lệ chung được vì ông đã hành động giống như tất cả lũ trưởng giả phản động. Vào ngày chiến thắng ông đã đến ẩn núp trong làng này. Tôi có bốn phạm cảnh cáo ông rằng không có nơi nào

dung túng kẻ phản động, trong các làng mạc lại càng không được nữa. Nghĩa là không có nơi nào dung túng kẻ thù của nhân dân nữa cả.

Dân làng nghễnh dài cổ ra nghe, vẫn có cảm tưởng là họ đã nghe lầm.

Boris nhìn về phía họ và nói tiếp:

- Tôi chiến đấu cho công lý của dân tộc. Tôi không muốn phản bội giai cấp công nhân, và đây là một bằng chứng. Trước kia tôi là bạn thân của người này, ông ta trở thành một người trí thức trưởng giả và đã phục vụ trong giai cấp tư sản, cho nên bây giờ ông ta phải bị trừng phạt. Điều mà trước kia tôi đã là bạn thân của ông không có một chút gì quan trọng cả, bởi vì tôi không thể nào phản bội cả giai cấp nông dân Lỗ ma ni chỉ vì một người bạn cũ có thời đã từng là một tên bồi bếp cho lũ tư bản. Tôi hứa với các đồng chí là tôi sẽ trục xuất ông ta ra khỏi làng.

Dân làng không ai vỗ tay cả. Họ không muốn có một thứ công lý như vậy. Họ không muốn có gì oan ức xảy đến cho Pillat. Ion Kostaky nắm chặt tay, lên tiếng trước tiên:

- Rẽ tôi không phải là người phản động. Nếu ông kết án nó như vậy thì ông lầm to. Tôi biết rõ nó hơn ông.

Đến lượt viên lý trưởng lên tiếng:

- Tôi xin báo cáo với đồng chí, Pillat là người đầu tiên ghi tên vào đảng cộng sản, và còn khuyên bảo chúng tôi gia nhập đảng cộng sản nữa. Dĩ nhiên ông ta không phải là người phản động vì ông ta giữ giấy tờ của đảng ở Piatra. Mỗi tối chúng tôi đến họp ở đây và đồng chí Pillat là nguồn hy vọng của toàn thể chúng tôi.

Boris yên lặng, cái yên lặng nặng nề và đe dọa, đến độ người ta có thể nghe tiếng mưa rơi và tiếng gió thổi cùng với nhịp tim đập trong lồng ngực mọi người. Boris vẫn yên lặng, vì hẳn biết rằng sự yên lặng của hắn dày vò

đám đông ngay ngô đó và hẳn muốn kéo dài sự dày vò đó. Sau cùng hẳn sang sáng nói:

- Hỡi các đồng chí, bốn phận của các lãnh tụ đảng là phải tranh đấu để đem lại công lý cho các đồng chí. Chúng tôi biết nhiều hơn các đồng chí. Các đồng chí chỉ là những nông dân khổ khổ vừa mới thoát ách thống trị, chưa biết bảo vệ quyền lợi của mình. Bốn phận đầu tiên của chánh phủ nhân dân là bảo vệ cho các đồng chí. Lũ phản động, mật vụ bị chánh phủ theo dõi thường về ẩn núp các làng mạc như những con chó sói khoác bộ áo lông cừu. Chánh phủ không cho phép lũ vô lại đó đánh lừa nhân dân. Chúng là những con chó sói chứ không phải là những con lừa như đồng chí lầm tưởng. Chúng tôi sẽ lột da chúng ra. Tụi trường giả là những con chó sói sinh sống bằng xương máu của nhân dân. Pillat cũng là con chó sói và chánh phủ sẽ giúp các đồng chí chống lại chúng.

Boris đứng dậy. Dân làng yên lặng trong lúc Marie âm thầm khóc. Boris dặn nhỏ Severin: «Hãy qui tụ đám thanh niên lại và thành lập những đội dân quân. Cung cấp vũ khí cho họ. Gieo cấy hờn trong lòng họ. Rồi họ sẽ gieo cấy hờn trong làng mạc. Không có cấy hờn thì không thể nào kích động quần chúng được. Chừng nào đám nông dân chưa biết cấy hờn thì ta chưa thể trông cậy họ trong vai trò xây dựng một xã hội cộng sản được. Làng mạc sẽ nằm ngay trong trạng thái cách đây 3000 năm và chiến thắng của Hồng quân không đem lại được gì; cho nên phải gieo cấy hờn, đồng chí biết chứ, cấy hờn, có phải thế không? Hử Serghei Severin?»

III

Sau cuộc thăm viếng và đe dọa của Boris, dân làng ở Piatra tưởng là sẽ có gì ghê gớm xảy ra sau đó. Nhưng không có gì xảy ra cả. Chỉ có Severin chạy lui tới quanh làng, rồi triệu tập chừng 12 người thanh niên trong làng, cung cấp áo quần và vũ khí, dạy họ bắn súng, diễn thuyết cho họ nghe và chỉ có thể, đời sống vẫn êm đềm trôi qua. 12 người thanh niên đó được cho ở trong một căn nhà cạnh trụ sở phường và nhờ họ mà Severin biết được ai

là người thường hay gây gổ với vợ con, ai thường hay đi nhà thờ, ai thường hay ra phố... Nhưng mà đối với dân làng họ cũng chả cần giữ bí mật, Severin có thể biết được hết, với điều kiện là để cho họ yên thân. Mà thật sự là họ được yên thân. Ngay cả Pillat cũng không còn sợ hãi nữa. Chàng nói với cha vợ:

- Ba à, nếu lũ Sô Viết để cho chúng ta yên thân chúng ta không việc gì phải chống lại họ cả. Ngay như thánh Mathieu cũng có nói «con hãy đồng ý với kẻ thù lúc mà họ đang đi cùng đường với con...».

«Chúng ta đang bị bắt buộc phải sống với người Sô Viết vì quân Sô Viết đã chiếm Lỗ ma ni với súng ống của Hoa kỳ có khắc chữ «made in USA», với những viên đạn của Anh quốc và với sự chấp thuận của Giáo Hội La Mã. 52 quốc gia văn minh nhất hoàn cầu đã dẫn quân Nga đến tận làng Piatra, lúc mà quân Nga đã xâm lăng Lỗ ma ni thì tất cả những thánh đường đều rung chuông để ăn mừng biến cố, từ Luân Đôn cho đến Ba Lê, từ Nữu ước cho đến Lisbonne, bởi người ta cho rằng cuộc thánh chiến cho tự do đã hoàn toàn thành công».

Kostaky khạc xuống đất, mĩa mai:

- Tự do là thế à?

Xong, cả gia đình cùng đến phường dự ngày giỗ của nữ anh hùng Tinka Neva. Cả làng đều phải có mặt. Trước khi an tọa, Kostaky và cả nhà không quên kính cẩn hôn tay đức cha Thomas Skobai. Đức cha tuy mù nhưng vẫn biết tên từng người một. Mặt ngài hướng về phía có treo cờ, nhưng không thấy gì cả. 40 năm về trước, vào đêm phục sinh, có người quên cây đèn cầy cháy dở trong nhà thờ, nên nhà thờ bốc cháy. Cùng với dân làng chữa cháy lúc 3 giờ sáng, cha Thomas Skobai đã bị mù mắt từ đó. Từ đêm phục sinh đó, hình ảnh duy nhất còn lại trong đôi mắt cha là hình ảnh ngôi nhà thờ bốc cháy trên đỉnh đồi. Ngày hôm sau, cha làm lễ trên đồng tro tàn còn nóng. Dân làng ra công sửa sang ngôi nhà thờ. Đức Tổng Giám Mục nghe

cha Thomas bị mù định tìm người thay thế, nhưng khi biết chuyện, Ngài ôm cha mà hôn và không bao giờ nghĩ đến việc thay thế nữa.

Cha Thomas Skobai nhìn Severin lên sân khấu, nhưng cha chỉ thấy hình ảnh ngôi nhà thờ bị bốc cháy. Severin bắt đầu nói về Tinka Neva bằng giọng Lỗ ma ni mà không đúng lắm. Trong lúc đó thì dân làng vẫn nghĩ đến đồng ruộng của họ, và cha Thomas thì chỉ thấy ngôi nhà thờ đang bốc cháy mà thôi. Severin trở lại vấn đề.

- Lũ chính trị phạm vẫn đang còn ẩn náu ở Piatra. Chúng ta cần phải tổng cổ họ đi ngay.

Nông dân hoảng hốt không còn nghĩ đến ruộng vườn nhà cửa nữa mà bắt đầu sợ sệt nhìn về phía Pillat. Severin tiếp tục:

- Chúng ta không cần đề cập đến lũ chính trị phạm đã lộ mặt, lũ đó chúng ta bắt lúc nào cũng được. Bây giờ, cuộc tranh đấu của giai cấp thợ thuyền đã thắng, chúng ta cần vạch mặt nạ bọn phản bội đang ẩn náu. Tôi yêu cầu những ai còn là kẻ thù của nhân dân xin đứng dậy ngay.

Mọi người tái mặt. Không ai nhúc nhích cả. Severin ra lệnh:

- Marie Kostaky, cô đứng dậy ngay cho nhân dân thấy mặt cô. Marie đứng phắt dậy, trong lúc Pillat xiết chặt tay nàng:

- Tôi không phải là chính trị phạm.

- Cô đã phạm những tội lớn lao đối với nhân dân nhưng hãy để đấy đã, bây giờ để tôi lột mặt nạ một kẻ thù khác của nhân dân: Ion Kostaky.

Ion Kostaky đứng dậy, nhưng người ta cũng có thể nói là cả sự căm hờn và khinh bỉ của nhân dân cũng đứng dậy theo với ông ta. Kostaky cắn răng, nắm chặt tay. Ông ta muốn những lời ông sắp nói sẽ như những viên đá

giáng vào đầu tên Nga sô đó, đã dám cho ông ta là kẻ thù của nhân dân, trong lúc đó, Severin kết tội:

- Ion Kostaky, trước tòa án nhân dân, tôi tố cáo ông là một tên Phát xít. Trước khi bị treo cổ ông hãy quay đầu lại để mọi người xem thử mặt tên kẻ thù nhân dân giống cái gì.

Kostaky mất hết cả phản ứng thường lệ. Ông ta chỉ nghiêng rặng tức giận, dân làng thì nắm chặt tay phần uất. Severin cầm một trang giấy và đọc:

Ngày 14-8-1943 lúc 14 giờ hai sĩ quan Quốc xã đã vào nhà Ion Kostaky để cùng âm mưu hại dân làng. Hai tên Quốc xã đó đã bị tòa án Sô Viết kết tội và treo cổ tại Kiev.»

Severin chìa bức hình cho dân làng xem, bức hình có hai người Đức bị treo cổ. Dân làng kinh hoàng chuyển tay nhau xem bức hình đó. Cha Thomas Skobai cũng cầm bức hình nhưng cha không thấy gì ngoài ngọn lửa đang thiêu rụi nhà thờ. Severin tiếp tục nói:

«Hai tên sát nhân này đã khai trước tòa án Sô Viết là đã giết không biết bao nhiêu người, cho đến nỗi chúng không nhớ nổi con số nạn nhân của chúng nữa. Và chúng lại là bạn thân và là chủ nhân ông của Ion Kostaky. Chúng đã nói chuyện với Ion Kostaky tại nhà. Để khỏi bị ai dòm ngó, chúng đã kéo tấm màn cửa xuống, nhưng nhân dân đã thấy hết và nghe hết.»

Bộ mặt của Kostaky và của dân làng bắt đầu tái mét. Chưa bao giờ ở làng này lại có một chuyện kinh hoàng như thế.

Nào, nhìn lại bức hình đi, ông Kostaky, và trả lời cho nhân dân là ông có quen với hai tên Quốc xã này và có âm mưu gì với chúng không?

Kostaky nhìn bức hình và thản nhiên trả lời:

- Tôi không biết họ, tôi chưa nhìn thấy họ bao giờ, làm sao ông bảo tôi biết họ cho được. Nhưng tôi biết chắc tôi không phải là phát xít và tôi chưa hề nói chuyện với một ai cả... Cả đời tôi chưa hề nói chuyện với người Đức.

Đúng lúc đó một sự kiện không quan hệ gì cả xuất hiện trong trí nhớ và Kostaky giải thích tiếp:

- Có một lần tôi cho họ một thùng nước để rửa mặt và một bình sữa cho hai người Đức dừng xe trước cổng và muốn mua thức ăn.

- Ông không biết hai người trong bức hình này? Thế mà họ là bạn của ông đấy, những người đã đốt cháy làng mạc Nga, đã hãm hiếp đàn bà Nga ở Ukraine, đã đâm chết không biết bao là nông dân vô tội. Nào, nói cho nhân dân nghe thử tại sao ông kéo bức màn khi hai tên Đức này vào nhà, và ông âm mưu điều gì trong thời gian ông cho chúng ăn?

- Tôi không còn nhớ là bức màn có kéo xuống hay không. Nhưng vào tháng 8 trời nóng và nhà nào cũng đều kéo màn như nhau cả.

- Đồ nói láo, tòa án nhân dân sẽ buộc ông nói thật. Trong lúc ông âm mưu với hai tên Quốc xã đó, dù màn vẫn kéo xuống, mắt nhân dân vẫn nhìn thấy và tai nhân dân vẫn nghe được, vì thế mà ông có tên trong sổ đen. Ngày xét xử đã đến và đúng là ngày hôm nay đây.

Kostaky ngồi xuống, Severin nói:

- Hỡi các đồng chí, Ion Kostaky, nhân viên phát xít, đã bị trừng phạt. Pierre Pillat, tên bồi bếp trưởng giả cũng bị như thế. Marie Kostaky chuyên khủng bố các cô gái nghèo khổ cũng không tránh khỏi tội trạng. Các đồng chí cứ tin chắc là nhà nước cộng sản không để một ai thoát khỏi công lý.

Marie đã nghe người ta tố khổ cha và chồng mình nhưng không thể nào chịu được hai chữ «khủng bố» người ta dành cho nàng, nên nàng tức khắc đứng dậy phản đối:

- Tôi không phải là quân khủng bố. Mà tôi đã khủng bố ai?

- Nào đồng chí Sanda Apostol hãy đứng dậy và kể cho các đồng chí khác nghe Marie Kostaky đã bạc đãi đồng chí như thế nào? Severin ra lệnh như thế.

Lúc Sanda Apostol đứng dậy, Severin khuyến khích:

- Đồng chí Sanda, đừng sợ ai hết. Đồng chí là con gái của một nông dân nghèo khổ. Mà người nghèo đang cầm quyền. Nhà nước đang bảo vệ người nghèo, vậy đồng chí hãy kể lại tại sao đồng chí bị đánh đập và bị người con của tên phát xít Kostaky hành hạ đến có sẹo ở trên mặt?

Sanda trả lời :

- Tôi không nhớ gì cả. Hồi đó cả hai còn trẻ. Chúng tôi vui đùa rồi lỡ vô ý...

- Và bây giờ đồng chí mang sẹo trên mặt. Đồng chí hãy cao giọng tố cáo cho mọi người hiểu, vì ngày của công lý nhân dân đã đến. Đừng sợ gì cả, bây giờ đã đến lúc nhân dân cầm quyền và các đồng chí phải mạnh dạn để tố cáo tất cả những sỉ nhục mà các đồng chí đã gánh chịu từ bao lâu nay. Hay kể lại người ta bạc đãi đồng chí như thế nào. Để kỷ niệm cái chết anh hùng của nữ đồng chí Tinka Neva, ở tất cả làng mạc của xứ Lỗ ma ni dân chúng đều mở chiến dịch tố cáo những kẻ phản bội, những kẻ thuộc đảng phát xít và những kẻ bóc lột nhân dân. Chúng ta tiếp tục tố cáo họ mỗi ngày và chúng ta sẽ treo cổ họ dọc theo lề đường.

- Nhưng tôi đã bảo là chỉ vì thuở nhỏ vô ý lúc chơi thôi, Sanda Apostol trả lời.

- Không, đồng chí sẽ kể lại vào một dịp khác vụ đồng chí bị hành hạ như thế nào, bây giờ tôi thấy rõ đồng chí đang sợ.

Thế là ngày kỷ niệm cái chết của Tinka Neva chấm dứt nơi đây. Dân làng vẫn đứng yên. Sau khi Severin đi rồi, họ đồng nhìn phía cha Thomas Skobai, chờ đợi phản ứng của cha, nhưng đức cha vẫn chỉ thấy một hình ảnh duy nhất, đó là hình ảnh ngôi nhà thờ bốc cháy trên đồi. Ai nấy về nhà, sớm hơn thường lệ. Sự hãi đã hoàn toàn xâm chiếm tâm hồn một mực của họ. Bởi đây là lần đầu tiên mà dân làng Piatra bị một mẻ như thế. Họ tự bảo nếu người cộng sản biết cả chuyện trẻ con chơi với nhau 15 năm về trước và Sanda Apostol bị té và có sẹo lúc chơi với Marie Kostaky, thì thực là người cộng sản không có điều gì không biết nữa cả. Lo lắng như thế nên đêm đêm tắt đèn đi ngủ, họ vẫn còn cảm tưởng là có kẻ đang rình nghe ở cửa, dòm ngó giấc ngủ của họ qua cửa sổ, rình mò họ, nhìn họ qua cả tường nhà, trần nhà... Họ có cảm tưởng một con mắt nào đó đang theo dõi họ trong bóng tối. Trong tấm chăn đắp, người nông dân cầu nguyện trong kinh hoàng, bởi vì đã bắt đầu có cuộc khủng bố.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Iv & V & Vi & Vii:

áng hôm sau, dân làng Piatra dậy thật sớm, nhưng không ai ra khỏi nhà mà chỉ làm việc quanh quẩn trong sân để nghe ngóng tình hình.

Họ chờ tiếng xe nổ của Severin.

Severin xuất hiện như thường lệ và đến thẳng phường. Dân làng không hiểu họ phải có thái độ nào nhưng họ khôn ngoan chờ đợi, họ không muốn bị ngỡ ngàng, bởi họ biết chờ đợi lính đến bắt Ion Kostaky, Pillat và không biết còn ai nữa; lo sợ cứ tăng dần lên nhưng cho đến trưa, Severin vẫn thản nhiên tập dượt cho lính, dạy dỗ cho lũ thanh niên.

Giữa trưa, Pillat hết cả kiên nhẫn, bàn với Ion Kostaky:

- Boris Bodnariuk hiện đang ở trên phố, ở Molda. Con sẽ đến gặp hắn và nói thật với hắn.

Không muốn để Pillat đi một mình, Kostaky nói:

- Ba cũng cần mua một ít đinh và ván để sửa lại hàng rào, vậy để cho ba cùng đi luôn.

Hai người lính gác chặn họ ở cổng làng, hỏi họ đi đâu, như thường lệ, rồi để họ đi. Pillat nói:

- Con không muốn hạ mình xin xỏ, nhưng con chỉ mong hắn để cho mình yên ổn. Hắn với con cùng học một trường thưở nhỏ, có lẽ hắn sẽ nghe lời con. Có được không ba nhỉ?

Kostaky gật đầu và quất ngựa đi nhanh.

Đến phố, Kostaky lo mua đình, trong lúc Pillat đến thẳng nhà Boris, đề nghị:

- Boris, tao muốn xin mày một chuyện không dính gì đến quyền hạn trong đảng của mày cả, là tao muốn trở thành một đảng viên nhiệt thành. Tao thực lòng muốn gia nhập đảng. Mày chờ một thời gian để tao chứng tỏ bằng hành động. Tao muốn trở thành một thành phần hữu ích cho cộng đồng xã hội và cho đảng. Mày hãy nhìn thẳng vào mắt tao và mày sẽ thấy tao rất thành thật lúc nói thế.

Boris trả lời:

- Tao biết mày thành thật, nhưng mày yêu cầu một điều không thể được.
- Nếu tao thành thật muốn thế, và nếu tao hướng tất cả cố gắng về mục đích đó, mày có tin là tao sẽ trở thành một người cộng sản tốt?

Boris mỉm cười:

- Không, mày không thể trở thành như thế được. Mày có nhớ bài học giáo lý ở trường Hoàng gia «con lạc đà bước qua lỗ kim còn dễ hơn một người giàu có bước vào nước Chúa». Không ai nghĩ đến việc kết tội Thiên chúa giáo vì tôn giáo này khai trừ người giàu có. Một tên trí thức trưởng giả không thể nào trở thành một người cộng sản.

- Người giàu có thể trở thành nghèo, nếu họ từ chối của cải. Cho nên không thể mãi mãi loại họ ra ngoài, với điều kiện là họ phải từ bỏ hết. Boris, tao đã từ bỏ hết. Vậy hãy để tao cùng làm việc với các đồng chí. Mày hãy giúp tao trở thành người cộng sản.

- Làm sao mày có thể chối bỏ nguồn gốc trưởng giả của mày được? Vô ích, mày đã là một trí thức trưởng giả. Bây giờ nhân dân cầm quyền, và

nhiệm vụ đầu tiên của chính quyền đó lúc cầm quyền là tìm mọi cách để loại bỏ giai cấp trưởng giả. Đảng nào mà cũng bị tổ khổ.

- Để phạt tao mà phải có bằng cứ, vậy mà kết án tao điều gì?

- Trong cuộc cách mạng vô sản, chúng tao không cần biết đến cá nhân. Xã hội không được cấu thành bởi cá nhân và bởi giai cấp. Cá nhân mà không có gì để lo lắng, nhưng giai cấp tư sản có tội và chúng tao trừng phạt giai cấp đó. Mà là một thành phần đã hưởng lợi cho nên mà phải bị trừng trị với giai cấp đó. Giản dị có thể thôi.

Boris khoác áo da và khăn quàng đỏ, trong lúc Pillat cố nói những lời sau cùng:

- Nhưng đặc biệt tao xin mà một ân huệ. Tức là hãy để cho tao gia nhập vào giai cấp vô sản, mà sẽ không thất vọng về điều này đâu.

- Không, mà không nên xin tao một điều không thể được. Nếu tao cho phép, tao phản bội nhân dân và đảng. Tao có phận sự loại trừ các thành phần giai cấp trưởng giả ở các thành phố và làng mạc, như lũ nha sĩ phải nhổ những chiếc răng hư. Người trưởng giả nào cũng là một ung nhọt nguy hiểm cho đảng. Xã hội cũng có những định luật về vệ sinh chính trị và nhân danh các định luật đó mà mà phải bị khai trừ. Các anh trí thức trưởng giả, lúc nào các anh cũng tự hào là biết hết những tế nhị của cuộc sống, làm sao các anh lại không biết đến những nguyên tắc giản dị đến thế?

Cuộc hội kiến thế là chấm dứt. Boris để cho Pillat ra về mà không cần chìa tay bắt xã giao. Trước quận, Ion Kostaky đợi Pillat về. Pillat ra ngồi lên xe ngựa không nói một lời nào. Kostaky hiểu là chuyến đi thật vô ích.

V

Buổi chiều, Ion Kostaky bắt đầu sửa hàng rào. Ông ta cảm thấy cần một hàng rào thật kín và thật chắc. Tất cả dân làng Piatra đều sửa lại ổ khóa nhà

cửa. Pillat cuốc đất ở ngoài vườn, cùng với Marie. Chính giữa vườn, Pillat lấy cỏ mịn đắp quanh thành hình trái tim. Bỗng có tiếng hỏi :

- Pillat, bao giờ thì anh hết khiêu khích nhỉ?

Pillat ngừng đầu lên đã thấy Severin và lính gác đứng trước cổng. Pillat có cảm tưởng là họ đến bắt chàng. Severin vào trong sân:

- Tôi tưởng anh đứng về phía chúng tôi chứ? Severin nói thế và ra hiệu cho lũ lính gác. Chúng vút khí giới xuống và cùng nhau dẫm nát bãi cỏ hình trái tim. Pillat không hiểu ất giáp gì cả lặng yên nhìn lũ lính gác phá tan mảnh đất có hình trái tim dưới gót giày đinh.

-Tụi trưởng giả các anh tưởng là người cộng sản ngốc hết hay sao, nhưng chúng tôi biết cái gì chúng tôi muốn biết, và biết cái gì kẻ thù chúng tôi muốn làm. Với mục đích gì mà các anh làm một mô đất có hình trái tim lớn như một bích chương mà bên ngoài đường cũng có thể trông thấy được?

Marie ngạc nhiên hỏi:

- Mà có ai nói cho chúng tôi biết là chúng tôi không được phép trồng hoa theo hình trái tim đâu?

- Trái tim tượng trưng cho quyền tư lợi. Đúng là ngày chúng tôi bắt đầu tập sản hóa đất đai, các anh đã tức khặc vẽ hình trái tim trong vườn để phản đối công việc tập hóa đất đai ở Piatra.

- Tôi thề với đồng chí là không bao giờ tôi có ý tưởng đó cả.

- Chúng tôi đã ngăn cản lũ phản động tìm cách phản đối công việc tập sản hóa đất đai bằng cách cho làm mô hình trái tim ngay giữa vườn như là một dấu hiệu phản kháng. Chúng tôi theo dõi mọi phong trào, các anh đừng có đánh lạc hướng vô ích. Lũ phản cách mạng không thể thắng nổi.

Tụi lính đã phá xong bãi cỏ, đứng nhìn Severin. Tên này lại ra hiệu, và sáu đứa nhào vô cướp cái rìu trên tay Ion Kostaky và trong chốc lát phá hết bức rào, ván gậy, cột nghiêng. Nhà Kostaky và Pillat thế là không còn hàng rào che chở nữa. Ván bị vứt hết ra đường và bị dẫm nát.

Lũ thanh niên phá hoại xong, phúi tay, vứt cuốc, cầm lại khí giới như thường, trong lúc Severin điều tra:

- Ai đã ra lệnh cho các anh làm thêm hàng rào này?

Kostaky hăn học trả lời:

- Nó hư đi thì chúng tôi phải sửa lại. Các ông bây giờ lại cấm việc làm hàng rào nữa sao?

Chúng tôi đã bắt được mật lệnh truyền cho lũ phản động là phải lập hàng rào thật cao và chắc chắn để núp trong đó mà chống đối âm thầm kế hoạch tập sản hóa đất đai.

Severin bắt đầu đọc một đoạn trong báo do Boris gửi:

«Hàng rào là hình ảnh của một xã hội phong kiến và là sáng kiến của cá nhân chủ nghĩa. Lũ đại tư bản đã dùng tường cao hào sâu để tự cô lập mình. Chủ nghĩa cộng sản lại muốn kiến tạo một cuộc sống cộng đồng, kết hợp mọi người lại chứ không chia rẽ.

Cho nên các rào dậu không thể tồn tại giữa các cá nhân trong một cộng đồng. Vì thế phản ứng cấp thời của lũ tư bản là ra lệnh cho cán bộ của họ ở Lỗ ma ni ra công sửa sang gấp rút rào dậu quanh nhà.»

Phong trào sửa hàng rào, đắp mô hình trái tim giữa vườn bắt đầu đúng lúc chúng tôi nêu kế hoạch tập sản hóa đất đai.»

Pillat bảo:

- Thực chúng tôi không có ẩn ý gì cả. Thật mà.

- Tôi sẽ đưa cả ba người ra hội đồng xã để khai hết cả, để nói cho chúng tôi biết mật lệnh ấy ở đâu ra. Phải khai hết những cán bộ, chủ tịch, nghĩa là tất cả những kẻ âm mưu.

VI

Đã ba ngày trôi qua từ lúc bị phá phách, Pillat thầm cảm ơn trời đất đã không bị hỏi han điều tra lời thối về hoạt động «phản cách mạng» của chàng, chàng nghĩ là họ đã để cho chàng được yên ổn. Ngày ngày quanh quẩn trong sân, tối vào gian nhà tranh nhỏ bên cạnh Marie đối với chàng đã là một niềm vui lớn. Có ông bà nhạc gia ở cạnh là một niềm vui khác.

Chàng tìm sự yên nghỉ trong công việc trồng trọt hằng ngày và tìm nguồn vui trong những sự kiện nhỏ nhất nhất, từ ánh nắng mặt trời, sự trong mát của hồ nước cho đến màu xanh bầu trời và tất cả mọi sự việc khác.

Mỗi lần nghe tiếng xe gắn máy của Severin ngoài đường, chàng trốn vào nhà cho yên thân. Nhưng khác mọi lần, Severin ngừng xe ngay trước nhà.

- Pillat, tại sao anh trốn tôi? Không ai có thể trốn tránh người Sô Viết cả.

Ba người lính theo Severin bước vào:

- Tôi thấy anh có nuôi con chó trong nhà?

- Chó hoang đấy mà, đến sân nhà tôi chừng ba tuần.

- Đó, thấy không, chó cũng đánh hơi được nhà của bọn phản động. Chó đến nhà có chứng minh được thức ăn của nhà anh thừa thải không nhỉ?

- Chó thì ăn cơm thừa canh cặn, cho nên người nghèo kiệt xác cũng còn nuôi nổi chó nữa, huống hồ.

- Theo bản thống kê của đồng chí Boris thì ở Lỗ ma ni hiện nay có chừng 30 triệu mèo, chó. Mỗi chủ nhà phải chia thức ăn của mình và con cái cho một chó và một mèo. Như thế là một số lượng khổng lồ thức ăn đút vào mồm những thứ vô tích sự đó. Chỉ có một chế độ bóc lột lao động mới có thể đem cơm nước của lao động cho chó mèo. Chừng đó thôi cũng chứng minh sự man rợ của giai cấp tư sản; đó là chưa kể những bệnh hoạn do loại đó mang lại. Nhà nước đã quyết định loại bỏ chúng bằng cách khoá miệng 30 triệu mèo chó đó lại để phân phát thức ăn cho kẻ nghèo khổ. Vào lúc nhà nước quyết định thế thì anh lại nuôi chó, làm sao giải thích thái độ đó của anh nhỉ, chắc anh không thể cho là tình cờ chứ?

Marie, Iléna và Kostaky và vài người hàng xóm lại phải lắng tai nghe một lời kết tội mới. Severin nói tiếp :

- Một trong những thứ vui bi ối nhất của lũ bóc lột lao động là thân nhiên nhìn lũ trẻ con nhân công chết đói, trong lúc thức ăn họ đem quăng cho mèo chó. Nên đã từ lâu Nga xô quyết định loại bỏ súc vật vô ích. Xã hội nào còn nuôi thú vật ăn bám là một xã hội thoái hoá. Chúng ta bắt chước gương sáng của Nga xô để rửa nhục cho dân tộc. Da của loài thú đó sẽ đem dùng vào kỹ nghệ. Mỡ sẽ được chế thành xà phòng cho nhân dân xài. Nga xô đã viện trợ máy móc cho chúng ta phát triển thứ kỹ nghệ đó.

Nói xong, Severin ra hiệu, bốn thanh niên cùng nhắm bắn con chó. Tiếng nổ hòa lẫn với tiếng rên la quằn quại của con chó. Máu văng vào tường nhà và vườn tược của Pillat. Lính gác vẫn tiếp tục bắn. Marie, Iléna, Kostaky bịt tai bưng mặt chạy vào nhà để khỏi nghe tiếng rên siết.

Pillat bỗng nhiên mặc nhận một tội lỗi sâu xa. Chàng kinh hoàng chứng kiến cảnh đó mà không phát ra một cử chỉ nào cả. Đành rằng chàng không thể nào cứu mạng sống con chó nhưng ít ra chàng phải có cử chỉ phản đối. Chàng đã không làm gì cả, và điều đó xem như là một sự phản bội.

Chó không bao giờ phản chủ, thế mà con người lại đang tâm phản bội mèo chó.

Severin gọi Kostaky và Pillat lại gần:

- Nào, mang chó ra trụ sở phường, còn nhiều con nữa. Ra ngoài đó rồi người ta sẽ dạy cách lột da chó.

Lũ thanh niên lại cầm khí giới đi hạ sát chó trong làng Piatra. Đàn bà trốn biệt trong nhà cầu nguyện Đức mẹ đồng trinh. Lúc Ion Kostaky đến gần con chó, Severin đá sau lưng hách dịch:

- Nhanh lên, tởm hả? Chó là bạn thân của tá điền. Nó sống trong nhà ông, bây giờ ông lại tởm à?

Kostaky muốn quay lại, nhưng một cú đá khác bắt ông cúi xuống con vật:

- Nào, mang lên vai ngay.

Máu chó chảy xuống cả vai Kostaky, thân thể nó còn nóng như lúc còn sống.

Chưa tha, Severin còn gọi Marie, Iléna:

- Hai người kia, ra đây cầm lấy cái đuôi chó. Marie và Iléna vừa khóc vừa bước ra.

Cả ba cùng theo lệnh Severin tiến ra trụ sở phường, trong lúc dân làng nhìn cạnh đó nghiêng răng kèn kẹt. Severin nói tiếp với Pillat:

- Bước theo ba người kia, bắt đầu từ hôm nay tất cả bọn phản động phải lột da chó và mèo. Việc làm này mới xứng với chúng nó...

VII

Mỗi tối, lính gác tiếp tục giết mèo chó trong làng Piatra. Dân làng cứ phải mang đến trụ sở phường để lột da.

Chiều hôm đó trở về nhà, Kostaky còn ngửi thấy mùi máu đọng trên áo quần, da thịt và hình như đọng lên cả ký ức của ông ta nữa. Cũng như Pillat, cả nhà không ai thiết đến chuyện ăn uống. Họ cùng quay quần trong bóng đêm để tìm một lối thoát.

Cửa ngõ mở toang cả ra để thoáng hơi, nhưng mùi thịt chó mèo nóng hôi hình như đã thấm sâu vào tường. Bỗng một chiếc bóng xuất hiện trong sân. Nicolas Vornik bước vào nhà trong dáng dấp sợ hãi, áo quần rách rưới, mình mẩy đầy máu:

- Họ sẽ bắt tội mình đêm nay. Đừng thắp đèn lên, cứ nói chuyện trong bóng tối thế này tốt hơn. Chúng gọi tôi lại phường, giam vào hầm và đánh đập tôi không ngớt cho tới bây giờ. Bác nhìn xem, chúng đập tôi đến nát xương.

Vornik run rẩy kể tiếp :

- Tôi có nghe lỏm thằng Nga nó đọc lệnh mới vừa nhận được. Bảy người ở làng này sẽ bị bắt đêm nay và bị đưa đi đày. Cả bác lẫn cô Marie và cậu Pillat đều nằm trong số đen. Có tôi và một vài người họ hàng của bác nữa vị chi là bảy người tất cả.

Ion Kostaky cẩn thận bảo vợ ra ngoài, chỉ còn Vornik và Pillat ông ta mới bảo:

- Bác kể lại cho nghe một lần nữa đi.

- Chính tai tôi nghe là đêm nay khoảng 3 giờ lính sẽ đến bắt chúng mình, bởi vì lúc đó tôi đang bị giam phòng bên cạnh và tôi chỉ biết có thể thôi, nhưng phải đến đây để cùng bàn xem sao.

Vornik ôm đầu suy nghĩ trong lúc Kostaky ra ngoài bảo Iléna làm cơm, và bảo với vợ con:

- Đêm nay mình sẽ không ngủ ở nhà. Marie, con cùng đi với ba luôn.
Kostaky đề nghị với Vornik :

- Chúng mình trốn vào rừng, cuộc biến động rồi sẽ qua đi, sau đó vài ngày chúng mình lại về nhà chứ gì.

Thế là, Marie và Pillat sửa soạn đồ dùng, Vornik về nhà, báo tin cho họ hàng Kostaky. Iléna lo sửa soạn thức ăn.

Thấy quyết định của mình sắp thực hiện sẽ rất trầm trọng, Kostaky bước ra sân, ngắt cây cối, vườn tược, nhà cửa, vào chuồng vuốt ve mấy con ngựa, và tự nhủ:

- Mình không đi đâu hết. Thà chết trong sân nhà còn hơn. Không, mình không đi đâu cả.

Nhưng ông ta lại đổi ý kiến:

- Đi chứ, mình đi một đêm thôi để tránh chúng nó, rồi sau đó mình trở về ngay.

Ông ta hỏi con rể :

- Con có tin là họ sẽ bắt chúng mình không?

- Dù sao cũng đừng nên ngủ ở nhà đêm nay.

- Ừ nhỉ.

Buồn đến phát khóc, Kostaky đứng trước nhà như muốn hít hết không khí cả làng mình đang ở, như muốn đem theo hết với mình nếu có thể,

không những chỉ không khí mà thôi, mà còn muốn mang hết vào trong hai buồng phổi cả nhà cửa lẫn súc vật trong chuồng.

Kostaky vào nhà bảo vợ đi tìm cha Thomas Skobai, còn ông ta thì ở nhà để xem chừng lũ lính gác, rồi thăm nghĩ :

- Mình chỉ ăn qua loa thôi, vì mình sẽ trở về nhà. Mà họ bắt mình làm gì mới được chứ?

Nghĩ thế, nhưng ông ta vẫn ra chuồng, vuốt ve lại một lần nữa mấy con ngựa thân yêu. Họ hàng, đức cha, Vornik mới đến, tất cả đều âm thầm sửa soạn trong bóng tối.

Kostaky an ủi vợ:

- Bà đừng khóc, vì nếu đêm nay không có gì xảy ra ngày mai mình lại trở về nhà, lo gì.

Kostaky lại hỏi:

- Bác có chắc là chúng sắp bắt tội mình không? Hay bác nằm mơ?

Vornik lập lại một cách chắc chắn:

- Đúng 3 giờ đêm nay.

Vợ Vornik đã băng đầu lại cho ông ta và thay áo. Duy chỉ còn cái quần còn dính máu chưa kịp thay.

- Thừa cha, cha cầu nguyện cho chúng con đi, một thứ kinh cầu khẩn ngúi cho những con chiên đang gặp nguy hiểm, cho một giai đoạn khó khăn của thời cuộc.

Đức cha cầu kinh trong bóng tối, mọi người đều quì xuống. Nửa đêm, mưa bắt đầu đổ xuống. Thình thoảng một lần chớp lóe sáng đủ để cho mọi

người nhìn rõ dáng dấp dong dong, vầng trán cao, bộ râu tóc bạc phơ của đức cha. Và sáu người đang quỳ gối, Marie gục đầu lên vai mẹ. Tất cả bức tranh đó xuất hiện trong chốc lát, rồi mọi sự lại chìm trong bóng tối. Và người ta chỉ còn nghe tiếng mưa rơi cùng tiếng cầu kính trầm trầm của đức cha như tiếng đại hồ cầm.

Sau cùng, Kostaky lên tiếng:

- Thôi, chúng ta đi.

Cần phải ra đi đột ngột, để khỏi nghe tiếng khóc của Iléna, Kostaky dặn vợ lần nữa:

- Hết mưa thì mình phải dẫn cha Skobai về, và mình chờ tôi, chừng ngày mai tôi sẽ trở về. Mình xem chừng nhà cửa. Nếu chúng có hỏi thì mình cứ bảo là tôi đi kiếm củi trong rừng.

Mọi người mang xách lên vai, hôn tay đức cha, chào Iléna và bước đi.

Lúc người cuối cùng ra khỏi cửa, Iléna mới bắt đầu khóc. Bà khóc thảm thiết như là trong nhà có người chết.

Cha Thomas dù tin rằng điều tốt cũng như điều xấu đều do Chúa ban bố nhưng trước khung cảnh trốn tránh của đám nông dân cha cũng không khỏi ngậm ngùi, nỗi buồn này đối với cha còn nặng nề hơn cả lúc chứng kiến cảnh một người chết. Cha thầm nghĩ, ý nghĩ giống như một lời kinh hay một bài thơ:

«Lúc bác nông dân bỏ hoang ruộng vườn, lúa cỏ cũng buồn theo, bởi ai cắt cỏ ai gieo mạ?

«Lúc bác nông dân bỏ đi, trâu bò cũng buồn theo bởi nước đâu mà uống, rồi cũng đói cả.

«Lúc người nông dân bỏ đi, chim chóc cũng buồn theo, bởi luống cày không có, mồi dâu mà kiếm?

Giọt mưa cũng buồn theo

Cả vũ trụ cũng buồn theo

Lúc người nông dân bỏ hoang ruộng vườn...»

Và nỗi buồn như thế lan tràn khắp làng Piatra từ lúc bảy người đó trốn đi.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Viii & Ix & X:

rong lúc Kostaky và sáu người khác trốn vào rừng thì Severin và lính gác đang thử lại cách thức bắt bớ tội nhân. Severin bảo:

- Công việc lưu đày lũ phản động bắt đầu ở Piatra. Các đồng chí phải hãnh diện về điều đó. Ngày mai đồng chí Boris sẽ đến đây để chứng kiến diễn tiến của cuộc lùng bắt này.

Lính gác mang theo đầy đủ áo, mũ, súng ống, Severin đọc to một lần nữa huấn thị của thượng cấp:

«Việc bắt bớ các người có tên trong danh sách lưu đày sẽ xảy ra từ 2 giờ đến 4 giờ sáng, và phải thực hiện rất nhanh chóng. Nhân viên vào nhà không được gây tiếng động để khởi làm hàng xóm chú ý. Tù nhân phải được mang đi thật kín đáo. Không được dùng đến súng. Phải lừa cho phạm nhân ra khỏi nhà mà không biết mình bị bắt.»

Xong, Severin cho lệnh khởi hành. Đèn ở phường vẫn để sáng, Họ đi trong đêm mưa, Severin đi trước, 12 người lính đi theo sau.

Đến trước nhà Pillat họ ngừng lại. Severin ra lệnh:

- Các đồng chí tiến lại gần nhà, mỗi người cách nhau một bước, phải bao vây căn nhà vì chúng ta phải bắt họ thành lình.

Lính gác tuân lệnh, mọi người đều đứng trước các cửa sổ canh phòng sợ Marie và Pillat trốn đi. Severin lắng tai nghe ở cửa chính. Chỉ có tiếng đàn bà khóc ở bên trong. Hắn bước vào, soi đèn bấm khắp nhà.

Iléna đang quỳ khóc trước bàn thờ. Cha Thomas Skobai đang ngồi chống tay lên đầu gối. Cha không nhìn thấy ánh sáng của chiếc đèn bấm trên tay Severin, vì ngọn lửa đốt cháy nhà thờ của cha độ nào còn mạnh hơn ánh sáng đèn đó gấp bội.

Quan sát khắp nhà, Severin hỏi:

- Máy người khác đi đâu hết rồi?

- Đi hết.

Iléna trả lời cộc lốc. Severin bực tức :

- Không có âm mưu nào mà không có mấy ông cha cố. Lũ phát xít đâu rồi? Họ trốn hồi nào và về phía nào?

Đức cha không có tên trong danh sách lưu đày, nhưng cũng thuộc vào hạng đáng ngờ. Severin phải xiềng đôi tay ốm nhách của cha lại, rồi hỏi:

- Họ trốn đi lúc nào và ở đâu?

- Họ bỏ đi cách đây một giờ. Ở đâu tôi không biết. Chỉ có một người biết mà thôi.

- Ai?

- Trời, vâng, chỉ có trời biết mà thôi. Cha Skobai trả lời.

Severin không thể nào tra hỏi nhân chứng này. Hắn không thể bắt hoặc bỏ tù Trời.

Hắn phải hành hạ cha:

- Tôi sẽ đánh cha cho tới lúc cha nói cho tôi biết họ trốn đi đâu, bởi vì cha biết rõ điều đó.

Vừa nói vừa đánh cha đến chảy máu. Lũ lính gác lục soát khắp nhà, xịch tay Iléna, nhưng không tìm thấy ai.

Severin nhớ lại là Boris sẽ đến đây ngày mai để xem công việc diễn tiến ra sao, cho nên việc trốn đi này làm hắn giận sôi lên. Hắn lại tiếp tục đánh đập cha Thomas, cha vẫn không nói gì, chỉ nhận những cú đấm đá mà mắt vẫn hướng về Chúa và ngôi nhà thờ bốc cháy. Tức giận, Severin bảo hai lính gác dẫn hai tù nhân về trụ sở phường, xong tiếp tục lục soát. Nhưng vô ý hắn làm đổ cây đèn dầu hỏa trên bàn. Lửa bốc cháy rất nhanh, lũ lính gác muốn tìm nước dập tắt lửa, nhưng Severin đã ra lệnh:

- Dẫn ông cha và mẹ này ra phường. Đừng có dập tắt lửa, cho cháy hết đi.

Trong lúc họ đưa đức cha và Iléna về phường, thì lửa đã liếm rất nhanh ngôi nhà gỗ của Pillat. Severin ra lệnh tiếp:

- Đi bắt bọn khác. Chốc nữa sẽ kiểm tội này sau. Severin định ra khỏi sân nhà Pillat. Nhưng trước mặt hắn ngoài đường dân làng đã tề tựu đông đủ. Họ đã thấy đám cháy và định vào chữa lửa, nhưng Severin la to:

- Không ai được đến gần.

Mọi người dừng lại, hắn học nhìn Severin và lũ lính gác, lửa cháy sáng như ban ngày. Severin giải thích:

- Trong nhà này hiện có một âm mưu của bọn Phát xít, tôi yêu cầu đồng bào hãy giúp sức chúng tôi bắt hết bọn đó.

Nhưng hắn thừa biết là dân làng đang ghét hắn, một bà phản đối:

- Còn chán thì giờ để bắt họ, bây giờ phải dập tắt lửa đã.

- Phải để cho cháy rụi, vì đó là một ổ phát xít.

Người đàn bà la to:

- Cái nhà không có âm mưu gì cả, tại sao lại để cháy rụi?

Dân làng muốn tiến lên, nhưng Severin và lũ lính gác đã dùng súng ngăn lại, họ đành thối lùi. Một người chửi to vào mặt chúng:

- Đồ lũ cộng sản chó má, chúng mày muốn bắn lên cả đầu cha mẹ chúng mày nữa phải không?

Một tiếng đàn bà la to:

- Nếu các ông tự cho là làm việc cho nhân dân, tại sao lại đốt cháy nhà này mà không đem phát cho dân làng?

Severin trả lời :

- Căn nhà này và tất cả vật dụng trong nhà đều đã bị phát xít làm cho thối tha đi rồi, nên ai đến đập tắt lửa sẽ bị bắn ngay. Nhà nước sẽ cấp nhà cửa cho nhân dân nhưng tất cả những gì nhiễm độc đều phải đốt đi. Chúng ta thừa hiểu là nhân dân đang cần nhà cửa, bàn ghế nhưng ở đây tất cả đều bị nhiễm độc rồi, cần phải đốt đi mới được.

Lửa đã liếm đến mái nhà, dân làng rút lui ra xa. Severin biết lợi dụng lửa để làm đồng minh, nhờ đó mà dân làng không dám lại gần. Đợi căn nhà thành tro, Severin tuyên truyền :

- Đồng bào thân mến, lửa đốt cháy căn nhà nhưng đồng thời cũng đốt cháy luôn loại vi trùng của cuộc âm mưu, kỷ niệm tủi hổ của tội sát nhân cũng cháy theo, loại vi trùng chính trị tội lỗi cũng cần phải đốt đi. Nơi đó lũ phát xít đã sinh sống, nghĩa là đã có những vết máu của nhân dân, yêu cầu đồng bào không nên lại gần.

Nhưng không ai nghe Severin, mọi người đang mãi nhìn đám cháy và những họng súng đang chĩa vào họ. Severin tức giận ra lệnh:

- Không ai được về nhà, mọi người phải theo tôi đi bắt lũ giặc này mới được.

Và họ bắt đầu lục lạo khắp vườn, thấy một bóng cây đáng nghi là họ nổ súng, sau cùng họ tiến về phía đồi, dân làng theo sau không phải đi bắt bọn Pillat mà chỉ vì tò mò. Vừa đi, họ vừa đổ các thùng nước cứu hỏa ban nãy xuống đường, và tiếp tục theo gót Severin và lũ lính gác.

IX

Bảy người đã trốn lên đến đỉnh đồi. Họ dừng chân lại để ngắm cảnh làng thân yêu, không ngờ đúng lúc đó một ngôi nhà bốc cháy. Ai cũng tưởng là ngôi nhà mình đang cháy, và cố để đoán xem thực sự nhà ai đang cháy, nhưng Kostaky quả quyết :

- Đúng là nhà tôi.

Và ông toát mồ hôi lo sợ. Trao bị rết cho Marie, ông cầm đầu cầm cổ chạy về nhà. Mấy người kia muốn cản lại nhưng vô ích. Kostaky vẫn chạy về hướng đám cháy. Marie chạy theo bị vấp ngã. Pillat phải dừng lại để đỡ nàng dậy, và Kostaky đã mất hút vào bóng đêm, băng qua vườn tược, trông thấy rõ căn nhà Pillat đang cháy. Lúc đến gần, ông ta thấy rõ lửa đã đến mái nhà và mọi người đang đứng nhìn, không ai nghĩ đến chuyện chữa cháy.

Kostaky hét to:

- Vô lý, không thể như thế được. Cả làng nhìn nhà ta cháy mà không ai lại gần dập tắt cả.

Kostaky dụi mắt, cố để không tin những điều nhìn thấy:

- Ngay cả nhà kẻ thù bốc cháy người ta còn đến cứu thay hưởng hồ mình không là kẻ thù của ai hết.

Kostaky nhảy qua hàng rào để chạy đến nhà cho nhanh, nhưng lúc đó ông nghe đạn nổ khắp nơi. Ông ta nghe rõ tiếng la của những thanh niên quanh đó:

- Tên sát nhân trước mặt chúng ta đó, bắt nó ngay đi. Và mọi người nhắm hướng Kostaky chạy đến.

Kostaky lạ lùng tự hỏi:

- Tên sát nhân là mình ư? Dân làng Piatra bảo mình là sát nhân? Một viên đạn reo lên trong lùm cây. Kostaky đau nhói ở ngực, rồi ngã chúi xuống đám cỏ ẩm ướt. Hai tai trước đó còn nghe rõ «đúng nó, tên sát nhân đó», bây giờ không còn nghe gì nữa cả, chỉ còn tiếng vù vù như tiếng chong chóng phát ra từ đầu rồi loãng dần khắp châu thân.

Kostaky thầm hỏi:

- Mình là sát nhân ư? cả làng lùng bắt mình hay sao? và họ muốn bắn mình ư?

Thân thể dẫy dựa trong đồng bùn, Ion Kostaky vẫn muốn biết có phải là chính ông mà dân làng xem như sát nhân và muốn lùng bắt hay không? Kostaky vẫn muốn biết tại sao dân làng Piatra lại đứng khoanh tay nhìn nhà ông cháy, tại sao cả làng cùng tìm bắt ông ta. Đó là ý nghĩ độc nhất lúc thân thể đã buông xuôi, sức lực theo với máu chảy ra bên ngoài, lúc thân thể ông đang nằm dài trong đồng bùn, mà phải áp xuống đất ẩm ướt. Mặt đất mát dượi như tấm băng êm trên má, trên vai, trên ngực. Thân thể ông cố chống cự như để lún sâu vào lòng đất, đúng là đất làng Piatra có mùi thơm mát. Mảnh đất in dấu mặt và má Kostaky như không bao giờ muốn quên ông, giữ mãi nét mặt bờ vai của ông. Dấu vết đó còn lặn chút máu, mảnh đất đó không bao giờ quên ông ta cả. Thế là Kostaky bất tỉnh, trong lúc giòng tư

tưởng còn nghĩ về căn nhà đang cháy và không ai màng đến chuyện cứu chữa, nghĩ về cảnh dân làng chạy về phía ông ta, mồm la to: «tên sát nhân đó». Và chỉ có thể thôi.

X

Lúc tỉnh dậy, Kostaky nhớ lại lời cầu nguyện của cha Thomas Skobai, nhớ lại cuộc trốn đi của bảy người bạn, lúc dừng chân trên đồi, tưởng đến căn nhà bị cháy rụi lúc ông vội vã trở về. Tất cả đều là sự thật. Ông lại nhớ đến lúc lính gác nhắm bắn vào người ông, đến dân làng Piatra vừa đuổi theo ông vừa la to : «tên sát nhân kia», và ông thầm nghĩ :

Không thể như thế được, chắc mình nằm mộng đó thôi.

Ông kéo lê thân thể trên bãi cỏ, trong bóng tối, Kostaky trông rõ rằng nhà ông còn đó, nhưng nhà Marie chỉ còn một đống tro tàn. Kostaky buồn rầu lý luận: «Vết thương mình có thật, đám cháy có thật. Tất cả đều là sự thật, vậy thì chuyện dân làng cho mình là kẻ sát nhân cũng là chuyện có thật».

Suy nghĩ một lát, Kostaky buồn rầu quay mặt bò về phía khu rừng. Bởi lẽ dân làng Piatra đã đốt nhà Marie, đã cho ông ta là kẻ sát nhân và cố tình muốn giết, thì còn lý do gì cho ông ở lại nữa. Tất cả vết thương đều bỏ hở và đang chảy máu, nhưng có lẽ vết thương lòng của ông ta là đang chảy máu nhiều hơn hết.

Một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu óc :

- Marie, Pierre, Vornik bây giờ đang ở đâu? Và họ hàng bà con mình nữa? Iléna rồi sẽ ra sao?...

Trời hừng sáng, Kostaky vẫn cố lết về phía khu rừng, bởi ông không còn muốn trở lại làng nơi mà mọi người đã đốt nhà ông và cố tình tìm giết ông.

*

Ở Piatra, lúc về sáng dân làng đã thấy xe hơi của Boris Bodnariuk. Với bộ y phục muôn đời của hắn, hắn lạnh lùng bước vào trụ sở phường, không cần nhìn dân làng, không cần chào trả mọi người.

Hắn bình tĩnh lắng nghe bản báo cáo của Severin và không tỏ vẻ gì bất bình về vụ phạm nhân bỏ trốn. Hắn nói:

- Tụi đó sẽ trở về và chúng ta sẽ bắt họ lại. Dân quê lúc nào cũng trở về làng mạc của họ, họ là thứ súc vật ngu nhất vũ trụ, luôn luôn làm nô lệ cho mảnh đất của họ, và không bao giờ muốn rời bỏ nó cả.

- Đồng chí có cần điều tra cha Thomas? Severin hỏi.

- Không.

- Thế Iléna Kostaky?

- Giải về Molda. Chúng sẽ bị kết án là giúp đỡ cho kẻ thù, và sẽ chết trong tù.

Thế là lính gác giải cha Thomas và Iléna về phố. Đức cha đi thẳng người, vì cha không còn thấy gì nữa. Cạnh đó, Iléna luôn miệng khóc, bởi vì nếu cha Thomas lúc nào cũng mang hình ảnh ngôi nhà thờ thì Iléna lúc nào cũng trông bóng chồng bà, con gái và Pillat. Cũng như bao nhiêu người đàn bà khác trên thế giới, Iléna Kostaky chỉ biết có nhà cửa và chồng con, vị linh mục đi bên cạnh chỉ biết có nước Chúa thì bà ta cũng chỉ biết có nhà cửa của mình. Vị linh mục mù lòa đó có thể mang vào tù ngôi nhà của Đấng tối cao và không ai có thể giành giật được. Nhưng với Iléna lại khác, cứ mỗi bước đi, bà ta lại xa nhà thêm một chút. Cho nên, bị áp giải đi xa thật chẳng khác nào có những lát dao đâm vào thân thể bà.

Qua các khung cửa, dân làng sợ hãi nhìn cảnh tượng đó. Chỉ qua một đêm, 3 người dân làng đã biến mất, mấy người khác trốn vào rừng, chẳng ai hay.

Thế là hết, Ion Kostaky. Thế là hết, Iléna và đức cha Thomas, và Marie, Pierre Pillat bây giờ ở đâu? Boris bảo Severin :

- Đồng chí bỏ chiếc xe gắn máy lại cho người đến sau, vì đồng chí không còn cần nó nữa. Người ta sẽ nhờ đồng chí vài việc ít rắc rối hơn, vì đồng chí không làm nổi việc bắt người đi đày.

Và người ta thấy Severin cũng ra đi.

Đêm đó, con nít trong làng cũng khóc trong giấc ngủ. Và một con mèo không hiểu từ đâu chạy đến đốt tro tàn của căn nhà Marie và Pillat, dừng lại trong chốc lát. Nhưng tro còn nóng quá, con mèo lại biến nhanh vào bóng đêm.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Phần Thứ Ba - I & II & III

illat và Marie tìm Kostaky suốt đêm không thấy, đến đêm sau cả hai người phải bò rừng lặn mò về làng Piatra. Marie đến một căn nhà đầu làng dò hỏi một người em họ, trong lúc Pillat chờ ở trong một vườn cây. Lúc trở ra, Marie khóc nức nở báo hung tin :

- Họ bắt mẹ em đi rồi. Nhà thì bị đốt. Và cha em ra sao thì không ai được biết cả.

Nỗi lo sợ tràn ngập khắp làng, và ai cũng muốn trốn đi. Marie và Pillat đành quay lui vào rừng, tạm ở vào khu vực gần làng để tìm cách trở về một lần nữa. Nhưng đâu đâu cũng có lính Nga gác. Kostaky vẫn bật tin. Mỗi ngày số người trốn đi càng tăng thêm. Lính Nga bắt đầu lục soát khu rừng buộc lòng Marie và Pillat phải trốn sâu hơn vào rừng. Và trong vài tuần, họ bắt đầu gặp một số người Hung gia lợi, Ba lan và Đức, cùng nhiều người thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, nhưng tất cả trốn đi vì một lý do duy nhất là họ sợ người Nga. Đêm đêm, họ về làng kiếm thức ăn, xong lại phải trốn sâu vào rừng. Một đêm nọ, họ gặp một số người Mỹ lái xe Jeeps rồi họ được người Mỹ dẫn về một ngôi trường.

Marie muốn kể lại cho họ nghe mẹ nàng bị bắt ra sao, cha nàng trốn mất như thế nào, vì sao nhà nàng bị cháy, hàng rào bị phá mất... Những người Mỹ đã quá hiểu những điều đó. Mỗi ngày, hàng trăm người từ các khu rừng trở về đều kể lại tại sao cha mẹ họ bị giết, nhà bị cháy, hàng xóm bị bắn. Ai cũng kể từng ấy chuyện cho đến nỗi chúng trở thành chuyện tầm thường của mỗi ngày...

Marie nằm dài trên ghế trong khi Pillat bắt chuyện với một người Nam Tư. Ông này cho biết:

- Chúng ta sẽ ở đây một đêm thôi. Ngày mai người Mỹ sẽ phân loại chúng ta.

Anh chàng Năm Tư ăn mặc cũng giống các người khác, bộ đồng phục quân đội hầu như biến thành đồ dân sự vì dính đầy bùn, nhưng ông ta có dáng dấp của kẻ trí thức. Đôi mắt mệt mỏi vì đọc nhiều sách, vì lo âu giống như những chiếc ống điều đã bị cháy mòn. Ông cho biết tên ông là Ante Petrovici, vừa là tiến sĩ luật khoa vừa là thạc sĩ toán. Pillat cũng kể cho ông ta nghe về lộ trình trốn tránh của hai vợ chồng từ Hung gia lợi qua Tiệp khắc đến Áo quốc. Pillat bảo:

- Chúng tôi không ngờ là đang ở trong vùng kiểm soát của người Mỹ. Chúng tôi đi kiếm thức ăn, tình cờ gặp xe Jeeps của người Mỹ mới biết, và đây là đêm đầu tiên chúng tôi ngủ mà không sợ người Nga bắt giữ. Thật sung sướng.

Bác sĩ Ante Petrovici bước đến cửa sổ nhìn những dãy nhà gạch năm tầng có kềm gai bao quanh, có đèn pha chiếu sáng như những lâu đài thời cổ vào các dịp quốc lễ.

Ante Petrovici cho biết:

- Đó là trại tập trung của phạm nhân chiến tranh.

Marie nghe câu đó buồn rầu nghĩ đến cha nàng ở Piatra; người Nga cũng gọi cha nàng là phạm nhân chiến tranh. Pillat cũng là một thứ phạm nhân chiến tranh. Tất cả những người nàng thương yêu đều là phạm nhân chiến tranh cả sao? Cho nên đối với Marie danh từ đó đồng nghĩa với lương thiện, với nạn nhân, với những danh từ «cha mẹ chồng con»... Bởi vì nàng cũng bị Severin coi như là phạm nhân chiến tranh.

Pillat nhìn dáng đi nghiêng nghiêng của Petrovici có ý ngạc nhiên. Ông ta trả lời ngay :

- Tôi có phải đánh giặc mà bị què chân đâu. Tôi bị tật từ hồi mới sinh. Mọi người đều có một khoảng trống ở lòng bàn chân, nơi tôi không có như thế, mỗi lần đi tôi chạm bàn chân sát mặt đất nên hình như một chân ngắn hơn chân kia, vì thế tôi phải đi cà nhắc. Tôi vẫn thường tự hỏi là tôi có phải là một kẻ tàn phế hay không.

Qua cửa kính, mọi người trông rõ nào xe tăng nào xe Jeeps có đầy đủ lính tráng mang súng ống sẵn sàng, bên trong Petrovici vẫn nói với Pillat:

- Vài mi li mét đó thì hẳn là lúc nào cũng thiếu rồi, nhưng tôi không phải khi nào cũng đi cà nhắc đâu. Khi nào tôi có gì phiền nào tôi mới đi cà nhắc, lúc nào tâm hồn thanh thản tôi lại đi như người thường. Như vậy thì tình trạng tâm linh tạo ra nhiều hậu quả hơn là thiếu thốn một vài mi li mét ở lòng bàn chân.

Bên ngoài lại có tiếng súng bắn, tiếng máy phóng thanh truyền lệnh. Ante Petrovici tiến về phía cửa sổ, lúc đó ông đi cà nhắc có vẻ nặng hơn lên và nói :

- Lều chính giữa tập trung tù binh Sô Viết. Người Mỹ muốn trả họ về Nga sô nhưng họ từ chối và đòi tự tử. Người Mỹ đành phải dùng vũ lực để gởi họ trở lại Nga sô.

Marie đứng dậy nhìn căn lều tù nhân Nga, nghe Petrovici kể chuyện về lối 200 người Nga vừa mới bị tập trung cách đây chừng vài giờ.

Một toán lính Mỹ đến gần cửa sổ có vẻ dọa nạt. Cả ba người biết là họ không được phép dòm ngó như thế nên đành nằm dài xuống ghế. Nằm để nghe tiếng xe tăng gầm thét bên ngoài và nghĩ đến những tù nhân thà tự tử chết còn hơn là bị đưa về Nga sô. Ante Petrovici lại nói :

- Chết bằng cách lưu đày thì dễ, nếu họ có tự tử hay bị lính Mỹ giết đi thì họ cũng không khổ sở bằng cái chết đầu tiên của họ. Anh còn nhớ câu thơ của Ovide không?

Cum patriam amisi tum me periisse putato

et prior, et gravior mors fuit, illa mihi.

nghĩa là cái chết đầu tiên và cũng là cái chết đau đớn nhất là lúc phải rời bỏ tổ quốc.

Căn lều chính giữa đã bắt đầu bốc cháy, khói lên nghi ngút. Marie che mắt. Ngay cả đêm nay, đêm đầu tiên thoát khỏi tay người Nga, nàng cũng không hề ngủ được. Có một số người bị đốt cháy ở ngoài kia.

II

- Chúng tôi thà chết còn hơn là trở về Sô Viết. Bởi vì Sô Viết sẽ treo cổ chúng tôi lên cây ở bên vệ đường. Tôi, tướng Grisha Costak và tất cả anh em ở đây chúng tôi đã chiến đấu trong bốn năm cho Vinh quang và cho tổ quốc Sô Viết. Nếu chúng tôi có điều gì lầm lỗi, người Mỹ các anh hãy treo cổ chúng tôi đi.

Lính Nga đã chiến đấu bên cạnh các anh trong suốt thời kỳ chiến tranh. Trong bốn năm, báo chí các anh đã nói đến sự can trường của tướng Grisha Costak, tại sao bây giờ các anh muốn tôi bị treo cổ vào ngày chiến thắng.

- Nếu ông là anh hùng tại sao lại sợ phải trở về Sô Viết?

Viên chỉ huy trưởng trại giam vừa hỏi vừa nhìn đồng hồ tay. Ông ta được giao phó phận sự chở những công dân Sô Viết về nước, và họ nhất quyết không chịu, y theo lời tướng Costak. Ông ta nói khích Costak:

- Một người Mỹ bị bắt không bao giờ sợ phải trở về nước. Nếu hấn sợ thì có nghĩa là hấn đã phản bội hay là trong thâm tâm đã có điều gì mờ ám rồi.

- Người Mỹ các anh không hiểu cái khi khô gì về Nga sô cả. Tôi đã nói với các anh bao nhiêu lần rằng Mỹ quốc không phải là Nga sô và Nga sô không thể nào giống Mỹ quốc. Luật lệ các anh không có điều gì giống luật lệ Sô Viết cả. Một viên đại úy như anh thì đầu óc để đâu cả mà không hiểu nổi một điều giản dị như thế. Tôi phải kể lại từ đầu cho anh nghe một lần nữa : Tôi, tướng Grisha Costak và toàn thể anh em nơi đây, chúng tôi đã chiến đấu anh dũng cho đến lúc bị tụi Đức bắt cầm tù. Chúng tôi bị thương gần như đã chết trong một loạt trọng pháo địch, vì vậy tụi chúng mới bắt sống chúng tôi.

Costak chỉ vết sẹo trên đầu, trên cổ, trên ngực ông ta, xong nói tiếp:

- Lúc lính Đức tiến đến, chúng tôi đều bất tỉnh hết cả. Mà anh biết là lính Nga không được bị bắt làm tù binh. Chỉ có thắng hoặc chết chứ không được làm tù binh. Nhưng lúc đó chúng tôi bất tỉnh nên không thể tự vận được. Chương 193 của bộ hình luật Sô Viết và điều 270 của năm 1942 quy định rành rành là quân nhân nào bị bắt sống trong tay địch là một kẻ phản bội. Mà ai phản bội đều bị treo cổ. Đó là điều được ghi vào chương 14 của bộ luật nói về các tội phạm quân sự, ghi trong bách khoa từ điển Sô Viết số 289. Theo luật lệ và phong tục Sô Viết chúng tôi phải bị treo cổ. Nhưng chúng tôi đã chiến đấu trong bốn năm để quét sạch lũ phát xít Đức không phải là để bị treo cổ vào ngày chiến thắng quân Đức. Không phải chúng tôi giải phóng tổ quốc xong để bị treo cổ.

Viện đại úy Hoa Kỳ đã bắt đầu nản chí. Ông ta lại nhìn đồng hồ, châm một điếu thuốc Lucky Strike :

- Không phải tôi đến đây vì điều đó. Tôi có bốn phạt trả các anh về cho Sô Viết. Và chỉ có thể thôi.

- Anh không thể làm như thế. Anh có thể trả xác chết chúng tôi về cho Sô Viết thì được, nhưng phải giết chúng tôi trước đã. Tôi không nghĩ là người Mỹ muốn giết lính Nga đã chiến đấu bên cạnh trong suốt thời chiến?

- Tôi không làm chính trị. Tôi phải dẫn các ông đến biên giới để giao cho Sô Viết như tôi đã nhận được lệnh như thế. Phần còn lại không liên quan gì đến tôi cả. Nếu các ông chống cự, buộc lòng chúng tôi phải dùng đến vũ lực.

Một người lính Mỹ, mang nón M.P., găng tay trắng, giầy lừng trắng, ùi cui trắng, đẩy nhẹ Costak và ra lệnh:

- Đi thôi.

- Hoa Kỳ không thể giết bạn đồng minh, hay là trời sẽ hại họ...

- Đi thôi.

Và Costak bị đẩy ra ngoài về phía căn lều của tù binh Nga sô.

III

Tướng Grisha Costak bị lính dẫn trở về lều. Lần điều đình sau cùng với vị chỉ huy người Mỹ thế là thất bại. Ông ta phanh ngực cởi áo. Ngực to như vị hộ pháp, hít đầy hơi vào như để thách thức với lưỡi lê. Bây giờ không còn là chuyện lưỡi lê nữa, mà là hàng trăm con mắt đang nhìn Costak hiên ngang giữa những quân cảnh Mỹ.

Costak cười nói :

- Hoa kỳ đã quyết định trả chúng ta về tay Sô Viết, tôi có ý bảo với họ rằng nếu tôi còn sống họ không thể làm điều đó được. Tôi sẽ kháng cự, và ai có muốn ở lại với tôi thì cứ việc. Chúng ta sẽ đóng chặt cửa lại. Và chúng ta sẽ kháng cự ở đây cũng như lúc chúng ta tranh đấu trong rừng của tổ

quốc Nga sô chúng ta. Lần kháng cự này sẽ không mang lại ngày chiến thắng cho chúng ta mà là cái chết, nhưng trong chúng ta nào có ai sợ chết?

Sân trại giam đã đầy lính Mỹ mặc quần dài bò sát người, áo mao súng ống đầy đủ. Costak chỉ vào họ:

- Nếu ra trận, không bao giờ lũ con nít đó thắng ta nổi. Costak thở dài, ông ta hỏi thử có ai muốn đi không, nhưng không ai thèm trở về Sô Viết. Và đồng thanh quyết định chống cự đến cùng. Costak lấy làm hãnh diện và ra lệnh đóng chặt cửa.

Xe tăng đã tiến vào sân. Máy phóng thanh gọi:

- Xin các tù binh hãy ra sân điểm danh và bắt đầu đi.

Costak giận dữ :

- Tụi Mỹ vẫn còn chưa hiểu là chúng ta không chịu để họ mang đi. Tôi mới nói với họ cách đây vài phút là chúng ta không muốn rơi vào tay Sô Viết, nhưng tụi nó chẳng chịu hiểu gì ráo.

Máy phóng thanh tiếp tục truyền lệnh. Một đại đội quân cảnh đã bao vây căn lều. Chưa bao giờ lính Mỹ tiến vào trại tù mà có mang khí giới, nhưng bây giờ họ muốn mang đầy đủ khí giới trước khi vào.

Costak lên tận tầng lầu thứ năm, đứng ở cửa sổ. Viên sĩ quan phụ tá báo cáo tình hình ở trong sân như là ông ta vẫn có thói quen ở chiến trường:

- Lính Mỹ gồm chừng hai đại đội. Vũ khí nhẹ, tự động, lựu đạn cầm tay, có súng sáu đàn hoàng.

Hai trăm tù binh lắng nghe lính Mỹ phá cửa chính.

Viên sĩ quan phụ tá tiếp tục báo cáo :

- Lựu đạn cay ở tầng dưới nhất. Không còn ai ở đó nữa.

Rồi ông ta thò đầu ra cửa, có cảm tưởng như đang ở chiến trường nhìn lính Mỹ thận trọng tiến lên, Costak ra lệnh:

- Tất cả lên hết tầng chót. Nằm xuống nền nhà và đừng đến cửa sổ.

Súng ống xe tăng của Mỹ hướng về căn lều, chờ lệnh phát hoả. Máy phát thanh vẫn yêu cầu tù binh bước xuống, nếu không lính Mỹ sẽ nổ súng.

Costak hỏi lại một lần nữa ai muốn ra hàng, lệnh truyền miệng, nhưng chẳng ai nhúc nhích.

Lính Mỹ tiến lên tầng thứ nhất. Costak được thông báo chi tiết đầy đủ. Ông ta muốn châm một điếu thuốc, nhưng không ai còn lấy một điếu. Lính Mỹ đã bắt đầu dùng chất nổ phá tầng dưới. Costak áp má xuống sàn nhà. Trên chiến trường Nga mỗi khi mất liên lạc với bộ chỉ huy Hồng quân, và mỗi khi phải tự mình quyết định một điều gì quan trọng, Costak thường áp tai xuống đất và nghe lòng đất ra lệnh.

- Tôi rất sung sướng là không ai trong chúng ta muốn trở về, thà chết còn hơn. Nhưng tai hại là chúng ta không bị quân Đức giết mà lại bị bạn đồng minh giết chết sau ngày chiến thắng...

Costak lại áp tai xuống sàn nhà, lính dưới quyền đã quen thuộc với thái độ của ông tướng vào những lúc chiến trường gặp hiểm nghèo, vì Costak vẫn thường nói:

- Chúng ta tranh đấu dưới sự chỉ huy tối cao của đất mẹ, chúng ta phải biết nghe mệnh lệnh truyền đi từ lòng đất quê hương và phải thi hành đúng đắn mệnh lệnh đó.

Văng trán Costak nhận lại buồn rầu:

- Tai tôi không còn nghe gì nữa. Tiếng nói từ lòng đất Nga, từ vị chỉ huy tối cao của tổ quốc không thể truyền mệnh lệnh được nữa.

Thay vào đó, người ta nghe tiếng súng nổ ở các tầng dưới, tiếng nói ở máy phóng thanh và tiếng gầm thét của các chiếc xe tăng ở sân trại giam.
Costak bảo:

- Đất Nga xa quá, chúng ta không nhận được mệnh lệnh nữa rồi.

Chỉ còn lại một mảnh đất xa lạ không bao giờ nhắc nhở đến những nông dân Nga xô cùng cuộc đấu tranh bảo vệ ruộng vườn của họ. Chỉ còn lại một mảnh đất không nói cùng một thứ tiếng với họ mà thôi.

Và khi một người lính báo cáo là quân Mỹ đã lên tầng thứ tư thì Costak bắt đầu đứng dậy, hỗn loạn cũng bắt đầu. Cửa hành lang tầng thứ năm bị phá vỡ, vài người đã bị bắt. Viên sĩ quan phụ tá Costak báo cáo:

- Chừng hai mươi bạn đã bị trùm mền dẫn xuống sân.

Costak ra lệnh:

- Tất cả đứng dậy.

Họ chứng kiến bạn đồng hành bị trùm mền đi giữa hàng lưới lê và chất lên cam nhông, mặc dù bọn họ đã vùng vẫy để cố thoát ra.

Costak bảo:

- Việc đó không thể xảy ra cho chúng ta được.

Nói thế xong, ông ta đứng thẳng trên bờ thành cửa sổ, nhìn lính Mỹ ở bên dưới và la to:

- Bắn đi.

Ông ta xé áo phanh ngực, chỉ chỗ cho lính Mỹ bắn vào. Thân hình to lớn chật cả khung cửa sổ đang làm bia cho khẩu súng ở bên dưới.

- Nào, bắn đi, bắn vào tướng Costak đây. Tôi đã cùng quân nhân Nga sơ giải phóng cho đất Nga khỏi tay quân thù, để cho nông dân kiếm ăn trên mảnh đất quê hương. Chứ chúng tôi không đánh giặc để thấy nông dân bị treo cổ vào ngày chiến thắng. Hỡi các bạn đồng minh Hoa Kỳ, hãy bắn chết tôi đi.

Costak đâm vào ngực thành thịch. Quả đâm, có thể làm thủng một bức tường, không đủ sức để đâm thủng bộ ngực hộ pháp đó. Nhìn khí giới đang nhắm về phía mình, Costak hỏi:

- Các anh muốn bắt sống tôi chẳng? Tại sao không bắn đi? Không thể nào các anh bắt sống tôi được đâu.

Costak nhìn xuống đất đầy cả dấu chân tù binh. Ông ta muốn nhảy qua cửa sổ xuống đất, nhưng chết như thế dễ quá, bao nhiêu cặp mắt thuộc hạ đang lo lắng nhìn ông.

- Xé bỏ hết áo quần đi.

Vừa ra lệnh Costak vừa xé bỏ áo quần, dùng răng cắn ra từng mảnh. Lính tráng cũng làm theo, giận dữ như muốn cắn nát kẻ thù.

Trong khoảnh khắc, lính của tướng Costak đều trần truồng, để lộ những thân hình lông lá, như những chiếc xe tăng có đầy đủ khí giới, họ nằm tay, nghiêng răng kèn kẹt. Costak giải thích:

- Để cho họ giao trả chúng ta về Sô Viết hoàn toàn trần trụi. Để cho sự ô nhục của người Hoa Kỳ được trọn vẹn.

Đã đến gần sát, lính Mỹ chỉ việc ném lựu đạn cay mà không bắn vào người nào. Họ muốn bắt sống tốt hơn. Nhưng nhóm người trần truồng đó

vấn cổ tạo những chướng ngại vật. Và theo lệnh của Costak, họ leo hết lên mái nhà. Đèn pha chiếu sáng lên đó, trông họ như những tượng đồng ngày đại lễ.

- Đốt. Costak ra lệnh.

Mảnh áo, mảnh vải thi nhau cháy. Ngọn lửa lan nhanh từ mái nhà. Lính Mỹ nghệt thở vì khói phải rút lui. Nhưng sau khi mang mặt nạ vào họ lại leo lên.

- Ai không bị cháy phải cắt mạch máu để đừng bị bắt sống, trong tay bạn đồng minh. Hỡi các bạn anh hùng, tướng Costak, vị chỉ huy của những khu rừng Nga sô đang cắt mạch máu để vĩnh biệt các bạn.

Costak cầm chặt lưỡi dao cạo có để chữ «Made in USA» và cắt mạnh vào mạch máu ở tay trái. Máu chảy như suối, chảy giữa lửa và khói. Nhiều người khác làm theo, máu hòa lẫn trong đám cháy, thân thể bắt đầu bị thiêu sống, tường sập, thịt bị nướng chín, máu, lửa, thịt chan hòa.

Niềm luyến tiếc lớn lao của tướng Costak là phải chết trước khi nhìn thấy bạn đồng đội cùng mảnh đất Ukraine. Dù đã ở cạnh nhau nhưng trong cơn hấp hối họ không thể nhìn ra nhau giữa đám khói mịt mù. Ánh mắt họ giao nhau qua máu lửa, qua bóng đêm, như những lưỡi gươm chéo nhau vì một lời thề.

Thân thể bị thiêu sống, trần truồng, họ không còn nhận ra nhau. Chỉ có Chúa mới thấy họ nổi.

Viên sĩ quan chỉ huy trại giam đứng nhìn căn lều bốc cháy vừa suýt soa :

- Những người lính du kích đó thật kỳ dị. Họ không thể nào hiểu là có một hiệp ước về điều này. Và tôi chỉ thi hành phận sự. Tôi đã giải thích cho họ nghe là chính phủ Hoa Kỳ đã ký hiệp ước với Sô Viết sau ngày chiến

thắng. Vậy thì phản kháng lại chỉ là điều ngu xuẩn khi đã có sự ký kết giữa hai chính phủ.

IV

Marie thức dậy muộn ngày hôm sau, vì đêm trước nàng chỉ ngủ đôi chút sau khi đám cháy đã được dập tắt và xe tăng có gắn máy phóng thanh bỏ đi nơi khác.

Lính Mỹ làm việc suốt đêm, nên hôm sau mọi việc đều yên ổn, dù mùi thối chấy vẫn còn phảng phất trong không khí và dính vào tóc, vào áo những kẻ tị nạn. Ante Petrovici hỏi :

- Có phải đây là đêm đầu tiên bà ngủ ở phương Tây không?

Nếu vậy bà đã thấy một cảnh thật ngoạn mục.

- Thế người ta có cứu các tù nhân đó không?

- Có thể có một vài người được cứu sống. Lúc nửa khuya, lính Mỹ đem các máy cứu hỏa khổng lồ. Mỹ thì lúc nào cũng có máy móc vĩ đại. Tù nhân nào chưa bị chết cháy sẽ bị làm... tù nhân lần thứ hai. Họ sẽ được gửi đến bệnh viện để săn sóc các vết bỏng. Sau khi đã lành lặn họ lại bị trả về Sô Viết để bị treo cổ. Người Hoa Kỳ vẫn minh lắm, họ không để cho Sô Viết treo cổ những người bị thương. Trước đó, họ phải trị các vết thương bằng Pénicilline, cái gì người Mỹ cũng trị bằng Pénicilline hết cả. Sau đó họ trả tù nhân cho Sô Viết để người Nga treo cổ. Đó là cảnh tượng xảy ra hằng ngày. Hàng ngàn công nhân Nga bị giao cho Sô Viết như thế để bị treo cổ. Một vài người trốn thoát, chạy qua Tây phương. Người Mỹ bắt họ lại lần thứ hai, lần thứ ba, cho đến lúc nào họ không còn trở lại được nữa.

Marie nghĩ đến những người bị thiêu sống, nàng bật khóc. Ante Petrovici kể thêm :

- Thiêu người sống không phải là chuyện mới mẻ gì cả. Trước khi bị suy tàn, xã hội nào cũng bắt đầu bằng cách đốt người, vào thời kỳ Trung cổ, Đại học đường ở Coimbre cũng thỉnh thoảng thiêu sống một người để tránh nạn động đất. Sau khi chấp nhận thủ tục đó, xã hội Trung cổ sụp đổ. Đức quốc xã cũng thiêu sống Do Thái trong các lò sát sinh để tạo lập một trật tự mới trên thế giới. Vợ tôi cũng bị thiêu sống trong các lò đó. Tức khắc chế độ quốc xã sụp đổ. Lúc mà một xã hội đốt cháy người sống để duy trì trật tự, thì sự suy tàn bắt đầu, bởi đó là dấu hiệu sau cùng, tiếng hát báo hiệu. Đêm nay, những kẻ dân chủ quá khích đã đốt tù binh ở căn lều trước mặt để duy trì liên hệ ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Sô Viết.

Một công chức bước vào phòng đưa cà phê và bánh mì cho những kẻ tị nạn, sau đó bắt đầu ghi tên từng người. Họ được chia làm hai loại, loại được Hoa Kỳ che chở và loại không, tùy theo quốc tịch của họ. Loại thứ nhất được cho lên xe cam nhông. Marie, Pillat thuộc loại thứ hai phải đi bộ.

Marie sững chân vì đi nhiều quá. Ante Petrovici bước lên xe còn quay lại nói :

- Tôi sẽ ở Stuttgart, trong trại những kẻ tị nạn. Nhớ đến thăm tôi nghe.

Ông ta muốn nhường chỗ cho Marie, nhưng không được, vì nàng thuộc về loại người phải đi bộ.

Họ từ giã nhau lúc xe chạy xa, bàn tay của họ như là đang hướng về căn lều mà tù nhân bị đốt cháy ngày hôm qua để bảo đảm cho sự liên hệ bền chặt giữa Sô Viết và Hoa Kỳ.

Pillat lên tiếng :

- Đây là ngày tự do thứ nhất của chúng ta. Đối với hàng triệu người sống dưới chế độ Sô Viết, Tây phương tưởng trưng cho cơ hội thoát ly thứ hai, vì đó là mảnh đất tị nạn. Hãy cảm ơn trời đất đã cho chúng ta vận hội này, vận hội ở đất Tây phương này.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Phần Thứ Nhất - I & II & III & IV

hiếc xe chở Ante Petrovici và những kẻ tị nạn của các quốc gia đồng minh đi xa dần. Pillat và Marie mới thực sự cô đơn giữa một quốc gia xa lạ chưa bao giờ đặt chân đến và chưa hề quen biết ai cả. Không nhà cửa, không một đồng dính túi. Pillat nói :

- Chúng ta có thể đi đâu và làm gì đây? Chúng mình đã lầm lẫn khi bỏ khu rừng để về đây.

Nhưng tình cờ bỏ tay vào túi quần, Pillat tìm thấy 200 đồng Marks. Chắc là bác sĩ Petrovici trước khi đi đã kín đáo bỏ tiền vào túi chàng. Chàng thấy bạo dạn hơn lên khi cầm tiền trong tay, họ tiến về nhà ga và nhìn bản đồ. Thành phố gần nhất là Heidelberg; Pillat bảo:

- Heidelberg là một trung tâm sinh hoạt trí thức, anh sẽ kiếm việc làm ở Đại học đường, có thể là trong một thư viện nào đó cũng được.

Bước chân xuống Heidelberg; họ dừng chân trên bờ sông Neckar với một lô dự định tương lai. Người ta đang xây cầu trên sông. Pillat vội vã nói:

- Anh sẽ kiếm việc ở đây, làm thợ vậ. Ngay hôm nay, vì chúng ta không thể để mất giây phút nào. Điều còn lại, chúng ta sẽ xét sau.

Chiều hôm đó, để mặc Marie ngồi chờ, Pillat xuống công trường xin việc. Viên đốc công sốt sắng :

- Chúng tôi cần thợ làm và trả tiền công rất hậu. Ngoài số lương, thợ còn được ăn và hút thuốc; ông có thể trở lại đây ngay sáng hôm sau. Chỉ cần mang cho chúng tôi một giấy phép trú ngụ ở Heidelberg, thế là đủ.

Pillat cho là mình gặp hên, cảm ơn rồi rít và chạy nhanh về báo tin mừng cho Marie:

- Nào chúng mình đi xin giấy cư ngụ. Sở cấp giấy gần đây lắm. Marie lại khệ nệ vác xác lên vai. Trong lúc chờ đợi, viên trưởng phòng nhân viên mời Pillat và Marie rất lễ phép. Họ cho biết :

- Ông bà sẽ có giấy phép cư ngụ ngay, nhưng phải có bằng chứng là ông bà đã có công ăn việc làm rồi mới được.

- Tôi đã nói với viên đốc công làm cầu rồi, ông ta bảo rằng sẽ mượn tôi nếu tôi có giấy phép cư ngụ.

- Nhưng trước tiên, ông phải có bằng chứng là ông đã làm việc.

- Thì tôi đã kiểm ra công việc rồi đó, người ta sẽ cấp chứng chỉ cho tôi, mười phút nữa tôi sẽ mang lại cho ông ngay mà.

- Nhưng tôi không thể cấp giấy phép cư ngụ nếu không có chứng chỉ làm việc.

Viên trưởng phòng là một người tị nạn từ vùng Đức bị Nga xô chiếm đóng, ông ta hiểu nỗi thất vọng của Pillat và Marie :

- Ông không thể nào kiểm việc nếu không có giấy phép cư trú nhưng không có giấy chứng nhận đã có công ăn việc làm người ta lại không cấp giấy cư ngụ cho ông, không cấp phiếu thực phẩm, không được phép thuê phòng.

- Như vậy thì rõ là họ không cho phép chúng tôi ở Heidelberg chứ gì.

- Trên nguyên tắc thì người ta không cấm. Nhưng trên thực tế thì như vậy đó. Tại sao ông bà không cố sang tỉnh khác xem. Heidelberg bị nhân mãn rồi. Người ta chỉ thuê những người thực sự cư ngụ ở đây mà thôi.

Nhưng dù sao, nếu ông đem lại đây bằng chứng là ông đã kiếm được việc, tôi cấp giấy cư ngụ ngay.

- Vậy thì tôi cố trở lại công trường một lần nữa xem sao. Và họ lại trở ra bờ sông Neckar. Viên đốc công không còn ở đây nữa, Pillat đành vào lều ngồi chờ. Marie mệt lả ngồi chờ ở một cái ghế dài. Nàng dựa đầu lên ghế, tay nắm chặt gói hành lý sợ bị đánh cắp. Bỗng nàng thấy như có ai đặt tay lên vai. Nàng định đứng dậy, nhưng bàn tay đã nắm chặt, bàn tay mang găng của một người cảnh sát Đức. Một người khác cầm xắc hành lý vút lên xe cam nhông, và cả hai đẩy Marie lên xe luôn thể. Marie muốn gọi Pillat nhưng xe đã nổ máy. Nàng định la lên thì một bàn tay đã bóp miệng nàng lại, bàn tay cũng như sắt, nàng có muốn cắn cũng không ăn thua gì. Có một số người đàn bà khác trên xe, toàn là trẻ đẹp cả. Họ tò mò nhìn Marie, nàng có cảm tưởng bàn tay không phải chỉ ở miệng nàng mà còn đè nặng lên cả cơ thể nàng, nhất là trên vú nàng.

Xe cam nhông đã dừng hẳn. Marie được dẫn vào một căn nhà trống, nàng khóc nức nở. Một người đàn bà ái ngại:

- Lần đầu tiên em đến nhà thương sao?

Marie chùi nước mắt ngạc nhiên:

- Đúng là nhà thương sao? Tại sao họ lại đưa tôi vào nhà thương?

- Thì nếu em không có gì họ sẽ thả ra lo gì.

Marie đứng dựa vào hai xắc hành lý, hai cái xắc chứa hết cả gia tài của nàng và Pillat, chứa luôn cả hương vị cơ thể hai vợ chồng, vì họ vẫn thường dùng làm gối trong hàng tháng. Nghĩ đến chồng, Marie òa lên khóc. Chàng sẽ ra sao nếu lúc trở lại không thấy nàng trên ghế. Nàng muốn van xin người ta để cho nàng đi, nhưng đã hết giờ làm việc, không còn ai ở đó nữa. Suốt đêm hôm đó, nàng khóc liên miên.

Sáng hôm sau, tất cả đều được đi tắm và sắp hàng hai. Một người đàn bà bên cạnh la to :

- Đừng có khóc nữa, tao có hai đứa con ở nhà không ai chăm nom tao còn không khóc đây.

- Nhưng sao họ bắt chúng ta chứ?

- Họ không bắt chúng ta đâu. Chỉ là một cuộc bố ráp thôi. Mà chưa hề bị bố ráp sao?

- Không. Nhưng tại sao lại bị bố ráp?

- Người đàn bà nào cũng bị bố ráp cả. Để họ đừng truyền bệnh cho lính Mỹ. Người đàn bà nào ở ngoài đường cũng có thể truyền bệnh cho lính. Tao đã bị bốn lần, còn mày chưa hả, sao thế?

Marie trả lời:

- Tôi không sống ở thành phố này.

Họ được đưa lên lầu một. Người đàn bà cạnh Marie giải thích:

- Nếu mày ở lại phố thì mày sẽ đến đây mãi. Lần sau mày sẽ quen đi, không khóc nữa.

Sau khi tắm xong, tất cả được dẫn vào một hành lang, và được đưa từng người một vào thăm bệnh. Nghe gọi tên, Marie bước vào. Đã có hai người mặc áo blouse trắng đang khám một người đàn bà trần truồng trên bàn, tay họ đều mang găng. Một người giận dữ la :

- Sao chưa cởi áo quần ra? Cô cởi mau đi.

Marie muốn bị đánh đập hơn là nghe mệnh lệnh đó. Nhưng hai người nữ y tá đã la mắng và cởi áo quần nàng ngay. Marie cố chống cự, nhưng họ đã

nhắc bổng nàng lên bàn. Nàng bắt đầu la hét, vùng vẫy, kẹp chân chặt lại. Nhiều người chạy đến giữ kỹ nàng. Sau cùng nàng thấy một đám mây lạnh trên mặt và không biết gì nữa cả. Thân thể nàng đành phải tuân theo ý muốn của những bàn tay xa lạ. Lúc nàng tỉnh dậy, nàng hoảng hốt cố che kín thân thể để đừng trần truồng trước mặt những người lạ. Và trong khi cố che đậy sự trần truồng đó, bàn tay nàng đã bị những mũi nhọn chích nhẹ nhẹ, thì ra đám lông mềm mại không còn nữa, người ta đã cạo sạch mất rồi. Thất vọng, Marie mặc vội quần áo lại.

Người nữ y tá bảo:

- Cô có thể ra về.

Và Marie cúi đầu mang xách ra về. Mỗi bước chân nàng cảm thấy những mũi kim châm nho nhỏ. Nàng nghẹn ngào khóc, nàng có cảm tưởng người ta sẽ nhìn qua lớp áo là nàng đã bị cạo lông rồi và cho mình là người đàn bà nhục nhã nhất trần gian.

Muốn kêu cứu cũng chả biết kêu cứu ai, Marie không còn can đảm nghĩ đến Pillat. Như một kẻ không hồn, nàng bước về phía sông Neckar, muốn trẫm mình xuống sông tự vận.

Một giọng nói êm dịu vang lên:

- Em đi đâu suốt đêm, để anh kiếm mãi thế.

- Anh Pillat, em không thể nào nói cho anh nghe được, thà chết còn hơn nói rõ điều này cho anh nghe. (Nàng lại khóc nức nở và cảm thấy những đầu mũi kim đang châm chích.)

Lúc Pillat cầm tay, Marie uất ức bảo:

- Em trở về Piatra, em không muốn ở lại đây nữa.

II

Pillat và Marie đành rời bỏ Heidelberg, vì họ không có quyền ở đó nữa. Đến Stuttgart, họ được Petrovici ân cần tiếp đón như bạn bè chí thân. Họ đã chung sống có một đêm thôi, nhưng có những cuộc gặp gỡ đáng giá hơn cả một đời bên nhau.

Petrovici cung cấp thức ăn uống đầy đủ. Tổ chức quốc tế tị nạn đã giúp đỡ họ nơi ăn chốn ở đàng hoàng. Tuy vậy bác sĩ Petrovici vẫn đi cà nhắc nhiều hơn lên, điều đó chứng tỏ ông ta đang khổ tâm.

- Trên bất cứ thành phố nào ở Đức, anh không thể nào trú ngụ mà không có chứng chỉ làm việc, và anh không thể có chứng chỉ làm việc nếu không có giấy phép cư ngụ, đúng là một vòng lẩn quẩn. Trên thực tế, ông bà bị cấm cư ngụ nơi đây nhưng xin phép ra đi cũng không được. Một thước đất biên thùy Đức quốc đều có xe tăng canh gác. Biên giới đã được đóng kín bằng dây kẽm gai. Chỉ còn cách là sống chơi vơi trong không khí. Thật tai hại là con người không thể sống bằng và ở trong không khí.

Marie cắn mẩu bánh mì Ante vừa cho, ông này nói tiếp :

- Để dành quyền sống, Tây phương đã bán cho Sô Viết một nửa Âu Châu. Dân cư ở các quốc gia bị bán đứng cho Sô Viết phải trốn qua Tây phương để tránh nạn khủng bố và chết chóc.

Tây phương là cơ hội thứ hai cho công dân các nước bị Nga Sô chiếm đóng. Những kẻ đào tẩu đó phải băng ngang qua Đức quốc và ở đây họ bị bắt vào các trại tập trung, không thể nào thoát khỏi được nữa.

Marie hỏi:

- Ông nghĩ là không còn lối thoát nào nữa ư? Chúng tôi không đòi hỏi gì nhiều ngoài công ăn việc làm. Tôi thừa biết là chúng tôi không thể có nhà cửa như lúc trước, nhưng tôi chỉ xin họ để chúng tôi sống ra sao thì sống.

- Tôi không phải là nhà tiên tri, nhưng tôi nghĩ là không còn lối thoát nào nữa cả. Âu châu không còn nữa. Chỉ còn lại có Hoa Kỳ và Nga Sô đang chia nhau Âu châu. Cả hai đều gán lối sống của họ cho toàn thế giới. Muốn thế, họ hủy diệt cá nhân. Nga Sô đã loại bỏ hàng triệu người, hủy bỏ nhiều giai cấp trong xã hội. Hoa Kỳ không thế. Nhưng Hoa Kỳ bán đứng con người cho Sô Viết để Sô Viết loại bỏ họ. Giống như những giáo sư ở Đại học Coimbra, Hoa Kỳ tưởng là có thể tránh thiên tai bằng cách nướng người vào lửa, dần dần, Hoa Kỳ đã thiêu sống những tù binh Nga trước mắt chúng ta để tránh mọi trở ngại trong việc bang giao với Sô Viết. Hoa Kỳ đã dâng cho Sô Viết xứ Lithuanie, Lettonie, Esthonie để tránh một bất động chính trị với chính phủ Sô Viết. Hoa Kỳ đã hy sinh Ba Lan để tránh sự rạn nứt ngoại giao với Nga Sô. Sau đó, họ đã hy sinh luôn Lỗ ma ni, Tiệp khắc, Hung gia lợi, dần dần.

Nghe đến đây, Marie òa khóc. Petrovici giải thích tiếp:

- Sự nguy hiểm to tát cho mỗi cá nhân, mỗi giai cấp, mỗi dân tộc đến độ phải đau đớn tự đánh lừa mình, nhưng thời gian vẫn trôi không ngừng, không còn khúc quanh nào của lịch sử có thể có được nữa. Chỉ có những kẻ mơ mộng mới tin vào các khúc quanh đó.

Chủ nghĩa tin tưởng lạc quan đó là một sự hèn nhát. Chúng ta sinh vào thời đại này và chúng ta có bốn phận can đảm đi trên đường đã vạch sẵn, vì không còn con đường nào khác nữa.

Bốn phận đó đòi hỏi phải tồn tại ngay cả trong một hoàn cảnh bi đát và tuyệt vọng. Phải biết kiên nhẫn như người lính La Mã ngày xưa đã phơi xương trước cửa thành Pompei và bị chôn vùi bởi ngọn núi lửa Vésuve.

Pillat cãi :

- Những cơ quan chính của thân xác con người, như tim phổi đều sinh hoạt tự động, lòng tham sống và hy vọng con người cũng thế. Chấp nhận

cái chết chỉ là một sự láo khoét của văn chương. Câu chuyện người lính La Mã của Spengler chờ dung nham núi lửa đến cuốn đi chỉ là một điều tưởng tượng, không đúng sự thật. Khi quân Nga bắt đầu xâm chiếm đất nước chúng tôi như những luồng dung nham, và khi chúng tôi hiểu là họ muốn loại bỏ chúng tôi thì chúng tôi phải trốn đi. Chúng tôi được may mắn thoát khỏi họng núi lửa, thoát khỏi bàn tay Sô Viết và bây giờ chúng tôi sẽ tìm cách để thoát khỏi cái nôi súp de Đức quốc này. Trên bình diện con người, bác sĩ hãy nói thật cho chúng tôi biết là bác sĩ có tìm cách để cứu lấy mạng sống của mình và thoát khỏi nơi này không?

- Có chứ.

Petrovici trả lời thế và chỉ những lọ mực, cục tẩy, khuôn dấu để la liệt trên bàn, rồi nói tiếp :

- Tôi cố để thoát hiểm bằng một lối duy nhất, đó là di cư. Các quốc gia bên kia Đại tây dương thường gửi đến nước Đức những phái đoàn thương mại để tìm nhân công giữa hàng ngàn người tị nạn. Họ chọn người như chọn súc vật và chỉ giữ lại những món hàng hảo hạng. Nghĩa là họ thích những thanh niên trẻ trung, tôi thì vượt quá giới hạn của tuổi trẻ rồi, vì thế cho nên tôi phải sửa lại giấy khai sinh. Và đó là điều tôi đang làm. Tôi lại tàn tật nữa, thiếu mất vài mi li mét dưới bàn chân phải, tôi thấp hơn người hảo hạng mà họ muốn, vài mi li mét nữa mới đủ 1m60. Tôi lại theo đạo Hồi giáo. Người hảo hạng mà họ muốn phải có đạo Thiên Chúa mới được. Tôi sắp cạo sửa tất cả điều đó, phải làm giấy tờ giả mạo mới mong thoát khỏi mạo hiểm được. Nhưng sự khó khăn thực sự là ở điểm khác, là làm sao để tách rời được khỏi năm mồ Âu châu. Âu châu đã chết rồi. Và cũng như tất cả giai cấp trí thức trưởng giả tôi cũng biết phụng thờ các ngôi mộ. Thú thật khi phải rời bỏ Âu châu là một điều khổ tâm cho tôi. Âu châu đã bắt đầu chết lúc mà các trại tập trung quốc xã được dựng lên.

«Âu châu đã chết với mỗi tù nhân bị quốc xã thiêu sống, Âu châu chết một phần cùng với cái chết cháy của vợ tôi, nhưng sự thật Âu châu đã thờ

hơi thở cuối cùng ở Torgau, ở đó có ngôi mộ chôn Âu châu, ở đó có một thành phố nhỏ trên bờ sông Elbe đánh dấu nơi quân đội Nga Mỹ gặp nhau vào năm 1945. Ở đó, trước thi hài Âu châu, lính Nga và lính Mỹ đã ôm nhau hôn và uống Whisky cùng Vodka. Tang lễ của Âu châu đã được tưới bằng rượu ngoại quốc, Vodka, Whisky. Cũng như anh và vợ anh không cho nơi nào êm ái hơn là ở Piatra của xứ Lỗ ma ni, tôi cũng chỉ mến Âu châu thôi. Chính vì thế, mà tôi xem cơ hội này, cơ hội mà tôi đã tranh đấu và tìm cách sửa đổi giấy khai sinh là cơ hội thứ hai. Sự lưu đày ra khỏi quê hương chỉ là một khúc giáo đầu cho sự lưu đày ra khỏi Âu châu...»

Vừa lúc đó, một người lịch sự bước vào, bắt tay Petrovici, lạnh lùng chào Marie và Pillat.

- Tôi vừa mới được cử giữ chức cố vấn chính trị và các vấn đề eo biển Balkan bên cạnh Bộ chỉ huy Hoa Kỳ ở Âu châu.

- Thành thật mừng ông.

Trả lời thế và Petrovici quay qua giới thiệu Marie và Pillat :

- Đây là một trong những đồng bào của ông bà, ông Aurel Popesco.

- Hân hạnh được biết ông bà.

Và ông ta vội vã bước đi, đến ngưỡng cửa ông ta còn quay lại :

- Phái bộ Gia nã đại đến đây ngày mai để tuyển lựa những người được di cư lúc 8 giờ sáng, vậy bác sĩ muốn trình diện thì phải dậy sớm nghe.

Petrovici nói cho Pillat biết :

- Aurel Popesco thuộc thành phần được ưu đãi vì hắn có một giấy chứng nhận là «nạn nhân của phát xít» và chính nhờ đó mà hắn được làm việc cạnh bộ chỉ huy Hoa Kỳ. Trước đây hắn là một trong những tên chỉ huy của

phong trào phát xít ở Lỗ ma ni, chắc là anh biết rồi chứ. Hẳn ta đã gây nhiều tội ác man rợ. Hẳn đã trốn qua Đức. Người Đức nhốt hẳn ở Buchenwald với những tên phát xít khác từ Lỗ ma ni trốn sang. Rồi người Mỹ giải thoát tất cả tù binh ở trại Buchenwald cấp cho họ chứng chỉ «nạn nhân của phát xít» và trong thành phần đó có lũ phát xít quá khích đó là trường hợp của Aurel Popesco.

Ngừng ở đó, Petrovici quay qua Pillat :

- Anh cứ trình diện với phái bộ Gia nã đại ngày mai, tôi không thể đến đó vì giấy tờ cạo sửa chưa xong. Tôi rất tiếc vì không hiểu bao giờ mới có phái bộ thứ hai tiếp theo. Nhưng anh thì cứ trình diện. Anh ngủ đây đi và mai tôi dẫn đi.

III

Sáng hôm sau khoảng 7 giờ Marie và Pillat sắp hàng trong đám người chờ phái bộ Gia nã đại, đám người khốn nạn thuộc nhiều hạng tuổi và nhiều quốc tịch khác nhau. Nhưng họ cùng chung một ước mơ là được trở thành người tiều phu ở Gia nã đại.

Toàn là những người trước đó có nhà cửa, gia đình, nghề nghiệp đàng hoàng, nhưng vào ngày chiến thắng, tổ quốc của họ đã rơi vào tay Sô Viết, họ buộc lòng phải trốn đi, từ bỏ nhà cửa, gia súc, gia đình tất cả. Giờ đây họ trở thành những kẻ vô sản chính hiệu. Trên thế giới có đến hơn trăm triệu người như thế rải rác trên các đường phố.

Mặt luôn luôn cúi gầm xuống đất, họ chờ đợi cơ hội được đi Gia nã đại, nhưng khó khăn lắm. Trong hàng triệu người vô sản đó, Gia nã đại chỉ chọn một số giỏi dang mà thôi.

Chín giờ xe của phái bộ Gia nã đại mới đến, còi vang inh ỏi. Họ gọi tên thí sinh ngay tức khắc. Cứ gọi đến hàng chục người một lần. Lúc đến trước bàn giấy, Pillat ngửi thấy mùi nước hoa Cologne, mùi thuốc lá và xà phòng,

dấu hiệu của tình trạng toàn hảo của các thương gia. Ba người Gia nã đại nhìn chăm chăm từng thí sinh, từ đầu đến chân như là lúc đi mua ngựa, vì họ phải trả tiền di chuyển cho ai được di cư.

- Anh ở quốc gia nào?

- Lỗ ma ni. Pillat trả lời.

Phái bộ Gia nã đại chỉ thích người Bắc âu vì họ cao lớn và cần cù hơn, với lại họ ít ngoan cố và sống lâu.

- Anh làm nghề gì?

- Cựu thăm phán.

Trả lời như thế Pillat thấy hình như họ không bằng lòng, vì ai cũng nhìn chàng một cách khó chịu. Một người hô ngay:

- Gọi người tiếp theo.

Rồi bảo Pillat ra ngoài. Chàng hỏi lại:

- Các ông không nhận tôi sao?

- Trường hợp anh thế là xong rồi.

- Tôi muốn biết là tôi được nhận hay không?

- Không. Chúng tôi không nhận anh.

- Các ông thấy tôi có gì không vừa ý?

- Chúng tôi không dùng những người trí thức. Anh có thể ra ngoài. Hai chữ trí thức được phát ngôn một cách hăn học và dữ dằn. Pillat hỏi ráng:

- Các ông nghĩ là một người trí thức không đốn ngã một cây ở Gia nã đại sao?

Và giọng nói của chàng có vẻ van nài :

- Xin các ông rộng lòng nhận tôi đi.

- Không.

- Các ông chê giới trí thức ở chỗ nào? Chúng tôi có thể làm công việc như những người khác vậy chứ.

- Không, anh không làm được như họ. Người trí thức không làm được việc lao động, vì không có bắp thịt. Anh có thể ra ngoài đi, anh bị từ chối rồi.

Pillat bỏ đi, không còn gì để hỏi nữa, lý do đã quá rõ ràng cho chàng hiểu rồi. Chàng bỏ đi, rời khỏi văn phòng mà không hiểu phải đi đến nơi nào. Marie đợi chàng ở ngoài đường. Nàng nháy chồm đến Pillat, hót lấy cổ chàng và khóc.

- Em được họ chấp nhận rồi. Có 100 người mà chỉ một mình em được nhận mà thôi.

Marie ôm cứng lấy Pillat, nàng chưa bao giờ sung sướng như thế từ ngày bỏ Piatra mà trốn đi. Nhưng trong cơn hạnh phúc đó nàng có cảm tưởng là vai, mặt, cổ của chồng lạnh ngắt như người chết. Nàng hoảng hốt.

- Họ không nhận anh sao?

- Không, họ không thích người trí thức. Người trí thức không có bắp thịt.

IV

Lúc Pillat và Marie bỏ đi, thì trong một toán mười người khác bước vào văn phòng phái đoàn Gia nã đại, có một người đàn ông vạm vỡ đứng tuổi bước vào trước ba người Gia nã đại. Ông ta hơi cảm động nhưng bước đi vững chắc, đến trước bàn giấy ông nghiêng mình chào như đã có thói quen nghiêng mình trước vị linh mục trong làng.

- Ông thuộc quốc gia nào?

Người nông dân rụt rè một chút rồi trả lời:

- Tôi tên là Ion Kostaky, người Lỗ ma ni, 40 tuổi, tôi là dân cày ruộng và ngoài ra tôi không biết một tiếng Đức nào nữa cả.

Kostaky đọc thuộc lòng câu trên bằng tiếng Đức, không sai tí nào như ông đọc một câu thơ. Đọc xong, ông nhìn kỹ ba người lạ để xem họ quyết định tối hậu như thế nào.

Cả ba người rũ ra cười. Người ngồi giữa hỏi:

- Ông học câu đó ở đâu thế?

Ion Kostaky muốn đoán câu hỏi đó có nghĩa gì, nhưng không thể được. Tuy nhiên, ông thấy ba người đó nhìn mình kỹ càng và không tỏ ý chê bai. Buộc lòng ông ta lập lại:

- Tôi tên là Ion Kostaky, người Lỗ ma ni, 40 tuổi. Tôi là dân cày ruộng, và ngoài ra tôi không biết một tiếng Đức nào nữa cả.

- Hoan hô, tuyệt hảo (họ cười ngất), đúng là một công dân tương lai tài ba của Gia nã đại, ông được nhận.

Ion Kostaky nhìn họ, trông thấy họ cười đùa nhưng không hiểu họ nói gì. Ông trưởng phái đoàn nói:

- Du Kanadian, verstanden? (ông là người Gia nã đại, hiểu chưa?)
Kostaky thấy ngón tay ông ta chỉ về phía mình và nghe tiếng «Gia nã đại» ông Kostaky biết là mình được chấp nhận; ông thầm cảm ơn trời, rồi nghiêng mình trước phái đoàn như đã nghiêng mình trước cha Thomas Skobay ở Piatra.

Viên thư ký cầm tay ông và giải thích:

- Ông dễ thương lắm. Ông cứ ăn và ngủ ở đây. Sau đó ông sẽ đi Gia nã đại với máy ông này. Trong lúc chờ đợi, ông được chấp nhận vào phái đoàn rồi đó.

Sau đó, Kostaky được đưa xuống ăn uống và hút thuốc, bao nhiêu khó khăn trở ngại đều không còn nữa. Nhưng đang lý biểu lộ niềm hạnh phúc đó, Kostaky lại bật khóc. Iliéna, nhà cửa ở Piatra, Marie và Pillat, tất cả chỉ còn là hình bóng trong ký ức ông mà thôi. Không nhà cửa, làng mạc, gia đình, ông không thể nào vui được, và không ăn uống gì được nữa. Qua cửa sổ, qua làn nước mắt, ông muốn thấy lại làng mạc, nhà cửa, gia súc, tất cả những người thân yêu; nhưng sự thực chỉ là những người xa lạ đang qua lại trước cửa sổ.

Dù xuất phát từ đâu, tất cả những người tị nạn đều gặp nhau ở Đức Quốc. Pillat gặp lại Motok, ăn mặc rất lịch sự, tay đeo đồng hồ vàng, xách cặp da và hút thuốc Mỹ. Cùng với Aurel Popesco, Salomon, Motok buôn chợ đen rồi giàu to. Nhưng hẳn vẫn muốn bỏ đi.

Ở Đức, người ta có thể chết đói hay là buôn lậu rồi bị bắt giam vì thế mà Motok đến trình diện cùng một lượt với Marie, Varlaam, Pillat và Petrovici trước phái đoàn Úc Châu vừa mới đến Stuttgart.

Bác sĩ Petrovici, như thường lệ, lên tiếng tố cáo hiện đại.

- Âu Châu là lục địa biến đổi nhiều nhất. Âu Châu bán công dân theo kích thước và sức nặng cho các lục địa khác. Tất cả phái đoàn đó đến đây

chỉ nhìn chúng ta theo kích thước và sức nặng. Không có gì nữa trong con người liên quan với họ trừ trọng lượng và bề cao.

Mọi người được yêu cầu điền vào tờ giấy kể lại cuộc đời mình từ trước đến nay, xong họ được đưa vào một căn phòng rộng đầy đủ dụng cụ y khoa để căn đo, khám nghiệm. Đàn ông đàn bà ở hai phòng khác nhau. Phần thí nghiệm kỹ càng như ở trong một bệnh viện. Cô ý ta người Anh lễ phép nói :

- Các ông đừng để giấy tờ xuống đất, vi trùng nhiều lắm đó.

Ante Petrovici cắn giấy vào miệng và cởi áo quần. Tất cả thí sinh đều trần truồng trước ba người nữ y tá tóc vàng cùng với những dụng cụ y khoa trắng tinh. Ở đằng trên những dụng cụ đó, những người tị nạn có thể trông thấy xứ Úc đại lợi như là một mảnh đất hứa hẹn.

- Nằm hết sức đi.

Người nữ y tá bảo Petrovici nắm chặt một dụng cụ như nắm gương.

- Trời, ông chưa bao giờ đo sức mạnh bắp thịt sao?

Sau đó, cô ta đưa dụng cụ đó cho Pillat. Con đường đi Úc đại lợi phải đi qua quả năm đó.

Sau khi đo sức mạnh bắp thịt, mười người trần truồng đó được trích máu đầu ngón tay nhỏ lên từng tấm kiếng nhỏ. Không thể qua Úc châu nếu không cho một giọt máu.

Petrovici run sợ. Pillat bình thản nhìn những mảnh kiếng đựng máu chàng và đồng bạn.

Rồi sau đó lại bị lấy máu ở mạch máu bỏ vào các ống nghiệm. Chưa hết, mỗi thí sinh phải thổi mạnh vào một ống cao su để đo dung tích buồng phổi.

Và đến phần quyết định cho Petrovici. Mặt ông ta tái nhợt khi bước chân đến cái thước đo bề cao. Pillat thấy ông ta thóp bụng nhón chân cao lên một chút. Người y tá ra lệnh:

- Ông đứng thẳng như thường đi.

Petrovici đành phải đứng yên, nhưng vẫn cố nhón lên chừng 2cm. Nên khi người nữ y tá hô to độ cao của mình, Petrovici sung sướng thấy mình đã thẳng cuộc, ông ta nói nhỏ với Pillat:

- Tôi chỉ cần 2cm thôi, và thế là được rồi đó.

Sau khi cân đo, tất cả lại được đưa vào rọi kiếng. Pillat, Motok, Petrovici sắp hàng chờ. Bàn tay mang găng của bác sĩ sờ soạng từng người trong bóng tối. Mọi người chừng 10 phút. Đến lượt trung úy Varlaam, người trắng kiện nhất trong bọn. Bác sĩ hỏi:

- Ông nằm nhà thương bao lâu?

- Tôi chưa bao giờ nằm nhà thương cả. Varlaam quả quyết trả lời như thế.

Vị bác sĩ chỉ vết sẹo trên ngực Varlaam rồi bảo:

- Ông đã bị thương ở đây, vì sao ông nói là không bao giờ nằm nhà thương cả?

- Tôi chưa bao giờ nằm nhà thương, chỗ bác sĩ chỉ đó là một vết trầy da. Tôi là phi công, một hôm tôi bị một mảnh đạn nhưng không hề bị thương nặng. Áo tôi bị cháy và da tôi bị trầy đôi chút. Hồi đó họ băng sơ cho tôi và ngày hôm sau tôi lại nhận công tác như thường. Tại sao bác sĩ cứ đinh ninh là tôi bị thương?

- Ông có một vật lạ trong phổi ngay nơi chỗ có vết sẹo, rất có thể là một mảnh đạn.

Varlaam mỉa mai trả lời:

- Nếu tôi có mảnh đạn trong ngực thì tôi đã có cảm tưởng là nó ghim vào phổi chứ?

- Tôi sẽ chụp hình và ông sẽ thấy nó tận mắt.

Varlaam lại được đưa vào phòng tối. Mấy người khác lo mặc áo quần.

Bác sĩ bảo Varlaam mặc áo quần lại, trong lúc đợi rửa phim, Varlaam lại biện minh cho lý lẽ của mình :

- Nếu tôi có mảnh trong phổi, tôi đã không hoàn thành hàng ngàn phi vụ trên đất địch, ở Nga Xô và tôi đã không nhận hàng nửa tá huy chương.

- Thì ông nhìn đây.

Vị bác sĩ cầm phim đưa ra trước cửa sổ, Varlaam nhìn mà không quan tâm đến những bóng mờ trên phim. Bác sĩ giải thích:

- Ông thấy rõ chấm đen này chứ, đúng là một vật lạ trong phổi ông rồi đó.

- Nếu thật sự có mảnh đạn, điều đó đối với tôi không quan hệ gì. Nó không có gì làm tôi khó chịu cả. Vật lạ đó không cản trở tôi trong hai năm trời, ngày cũng như đêm, bay trên nền trời của xứ địch. Vật lạ đó không cấm tôi ăn, ngủ, nhảy đầm, tôi hoàn toàn khỏe khoắn, cho nên nó không phiền hà gì tôi và tôi đã từng bay cao hàng ngàn thước qua các giàn trọng pháo mà tôi cũng không thấy khó chịu gì cả. Với mẩu kim khi đó trong ngực, tôi đã trở thành anh hùng của không quân, thi cùng với nó tôi sẽ trở

thành người chần chừ, người làm ruộng hay phu quét đường phố ở Úc châu, vì tôi cho là các ông không có công việc gì khác cho các người tị nạn.

- Chúng tôi chỉ nhận những người di cư có những bằng phối tốt, lành lặn.

- Tôi cũng mong là tất cả những dân Úc châu đều có bộ phối như tôi là cùng.

Nói xong, Varlaam hăn học gài nút áo và rời phòng khám không cần ngoái cổ lại chào ai cả.

Vị bác sĩ còn tiếc rẻ :

- Chúng tôi có thể cho hăn cái may mắn là sẽ mổ cho hăn mảnh đạn này. Nếu hăn muốn nghe lời tôi khuyên nhủ, hăn sẽ trình diện lần khác nhưng với thái độ đó...

Mấy người tị nạn lại được vào phòng tối khác để nha sĩ khám răng bằng quang tuyến. Vị nha sĩ nói với Petrovici :

- Ông cần chụp phim hàm răng. Có lẽ điều này không làm ông ngạc nhiên. Ở Úc châu, chúng tôi có mức sống mà các ông không thể tưởng tượng nổi ở Âu châu. Có thể là Âu châu có trình độ văn hóa cao hơn nhưng về mức sinh sống thì chúng tôi cao hơn nhiều. Cũng thường tình vì chúng tôi ở trên một lục địa còn mới mẻ.

Rồi vừa chụp hình hàm răng Petrovici, vị nha sĩ nói thêm:

- Khoa xã hội học chúng tôi không giống các ông ở Âu châu. Ví dụ Khoa vệ sinh xã hội chúng tôi tân tiến hơn. Chúng tôi đã giải quyết vấn đề chủng tộc rất khoa học, vì ở Úc châu ai cũng có tinh thần khoa học cả. Nhờ tinh thần đó mà trong vài năm nay ở Úc châu chúng tôi có một dân tộc rất khá; sở dĩ thế là nhờ chúng tôi biết săn sóc kỹ lưỡng các cuộc hôn nhân, các

cuộc pha giống, các vấn đề di cư, nghĩa là bằng các phương pháp rất ôn hòa và khoa học. Chúng tôi không giải quyết vấn đề chủng tộc như các ông ở Âu châu, bằng cách thức man rợ như Hitler như việc đốt cháy người Do Thái và các nòi giống thấp kém khác. Chúng tôi cư xử với các nòi giống thấp kém đó bằng các phương pháp khoa học chứ không đốt họ đi. Vấn đề chủng tộc cũng có dưới nhãn quang khoa học, nhưng chúng tôi không giải quyết trong các trại tập trung. Chúng tôi nghiên cứu vấn đề đó trong các phòng thí nghiệm và các văn phòng để đưa đến một giải pháp nhân đạo.

Petrovici muốn bịt tai lại. Từ khi bà vợ Lidia của ông bị đốt cháy, Petrovici không chịu nổi những bàn cãi về chủng tộc cao sang và thấp hèn. Từ lúc mà Milan Paternik đã nhân danh các nguyên lý của hãn để giết chết chính mẹ hãn cũng như 800 người Serbes và Do Thái, ông không muốn nghe ai nói đến vấn đề chủng tộc nữa, ngay cả một giải pháp ôn hòa.

Petrovici thấy ngã bệnh chỉ vì nghe nói đến chữ chủng tộc, bởi vì nhân danh chữ đó, Lidia đã bị đốt. Thân thể Lidia đã từng ngủ bên cạnh ông, những ngón tay Lidia đã từng uyển chuyển trên phím đàn vĩ cầm cũng đã bị đốt nhân danh chủng tộc. Petrovici thấy tim mình khắc khoải vì chữ chủng tộc đồng nghĩa với lò sát sinh, sát nhân. Ở cửa miệng ông nha sĩ người Úc đó, sự pha giống y hệt như ở súc vật, Petrovici muốn trốn khỏi căn phòng. Vị nha sĩ đã đưa phim về phía cửa sổ và mĩa mai :

- Nào, ông nhìn xem, bộ răng của ông đấy.

Petrovici lại gần nhìn hình bộ xương đầu của mình. Một cái gì đang đặng đây miệng ông ta. Không ai muốn người ta chỉ cho mình xem một bộ xương và bảo rằng đó là cái đầu của chính mình. Chỉ còn cái xương đầu y hệt như bộ xương của người chết.

- Ông có thấy bộ răng của ông chưa?

Petrovici tái mặt, trong lúc vị nha sĩ nói tiếp :

- Ông thấy rồi phải không? Vậy thì ông không thể nào đến Úc châu với bộ răng như thế được.

Petrovici định không trả lời nhưng ông ta nhần nại:

- Tôi sẽ chữa răng, ông xem bao nhiêu là biến cố vừa mới đổ lên đầu dân Âu châu.

- Nhưng trong lúc này, ông không thể di cư sang Úc châu. Không thể nào được cả. Trên nguyên tắc, chúng tôi không chấp nhận những người mang hàm răng giả, nhưng ông cứ ráng xem sao. Chúng tôi không chấp nhận hàm răng giả, Úc châu như thế đó. Mà ông nhìn xem, ông thì chắc chắn phải cần một hàm răng giả rồi đó.

- Nhưng các phần khám nghiệm khác tôi đã qua được cả rồi.

Nói thế và Petrovici xiết chặt cái cà vạt như muốn tự xiết cổ cho chết vì cái ô nhục này to tát quá.

- Phần hàm răng là chính yếu, hoàn toàn chính yếu. Tôi không hiểu là điều này đối với Âu châu thế nào, chứ với Úc châu, bộ răng có phận sự đặc biệt, ưu tiên, trong nghĩa chính xác của nó.

Petrovici điếng người vì những tư tưởng đó. Ông ráng cãi :

- Nếu giả thử tôi là một người tài ba, như Michel Ange hay Goethe chẳng hạn, liệu ông có từ chối quốc tịch Úc đại lợi chỉ vì tôi thiếu vài cái răng không? Tôi đặt câu hỏi này hoàn toàn vì tò mò mà thôi. Bởi vì nếu như thế thì chúng tôi cho là kỳ dị quá. Tôi muốn nói là những giá trị nơi con người như luân lý, trí thức, nghề nghiệp, có những thiên tài về tình thần có giá trị hơn vài cái răng chứ.

- Không có gì bằng và thay thế được một bộ răng tốt cả. Những khám phá khoa học mới đây rất chính xác, và khi chúng tôi được giao trọng trách

về vấn đề di cư, chúng tôi cứ y theo những nguyên tắc khoa học. Ông nói đến những giá trị luân lý ư? Tất cả đều phải đi qua cửa miệng. Tất cả nền luân lý đều phải thế, ông chấp nhận như thế không nhỉ? Và từ của miệng hôi thối, chỉ phát xuất những điều xấu xa. Rằng xấu thì vấn đề tiêu hoá cũng xấu. Tiêu hoá xấu thì năng lực làm việc kém đi và hay bị cái kính, điều này gây ra bất mãn và từ bất mãn sẽ đi đến xung đột, đi đến việc không tôn trọng hợp đồng làm việc chẳng hạn. Hợp đồng đó mà không tôn trọng thì sẽ gây ra nạn thất nghiệp; có nghĩa là nạn nghèo đói và phản động, con đường dẫn đến tội ác hỗn loạn và những âm mưu chính trị và nếu ông hỏi tại sao thì câu trả lời đã sẵn sàng. Chỉ vì ông thiếu mấy cái răng. Một quốc gia mà công dân toàn mang bộ răng yếu ớt là một quốc gia suy yếu về tất cả khía cạnh tinh thần và kinh tế. Tôi nói với ông giản dị có thể thôi, chứ vấn đề thật ra đã được nghiên cứu kỹ càng hơn nhiều.

Tất cả yên lặng. Vị nha sĩ vẫn cầm cái phim đầu của Petrovici nơi tay. Motok, Pillat, Petrovici không nói nửa lời.

- Tạm thời ông không thể nào di cư được, Chúng tôi buộc lòng từ chối ông. Pillat cầm tay Petrovici kéo ra đường. Marie chờ trước cửa có vẻ hài lòng, nàng chỉ sợ Pillat bị từ chối nên hỏi ngay.

- Anh được nhận không?

Pillat gật đầu. Nàng phóng lại ôm chầm lấy chồng nhưng Pillat không hôn trả, chàng đứng yên như bức tượng. Petrovici nói:

- Hy vọng là việc tôi bị từ chối không làm phiền lòng ông bà. Đương nhiên là ông bà đang vui sướng rồi đó nghe.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

V & Vi & Vii & Viii:

rước khi đi Úc đại lợi, Pillat đến hội Hồng Thập Tự ở Francfort :

- Chúng tôi sẽ di cư sang Úc châu, và sẽ khởi hành trong vài tuần nữa. Nhưng trước khi đi, chúng tôi muốn biết là ở Đức hiện có một người Lỗ tên là Ion Kostaky xin tị nạn đến không? Ông ta là cha vợ tôi. Tôi tin là Hồng Thập Tự có đầy đủ danh sách những người tị nạn. Nếu ông ta không đến Đức thì chắc là chết hay bị người Nga bắt rồi.

Viên thư ký trả lời :

- Ông bà không còn hy vọng gì gặp lại Ion Kostaky nữa, tại sao ông bà lại không đến tìm sớm hơn, ông ta đã di cư qua Gia nã đại cách đây 15 hôm rồi. Chưa chắc chắn, viên thư ký còn đọc rõ tên họ, sinh quán, nghề nghiệp của Kostaky cho Pillat nghe. Marie khóc rờn:

- Đúng là ba rồi chứ còn ai nữa.

Và họ buồn rầu đi bộ đến ga xe lửa. Tàu đi Stuttgart vừa mới chạy, chuyển sau cũng phải đến ngày mai mới có, họ đành ở lại phòng đợi nhà ga cho qua đêm, cả hai đều ân hận là không kiếm Kostaky sớm hơn. Trên đầu họ một bản thông cáo dán sẵn : «Nhà ga đóng cửa lúc 10 giờ. Không được ở lại trong phòng đợi hay trên sân ga». Bên cạnh đó một bản thông cáo khác: «Ai đi ngoài đường sau mười một giờ sẽ bị bắn».

Họ đành lại phải đứng dậy đi. Khách sạn không còn nữa, nhà cửa bị dội bom nát hết cả rồi. Một người qua đường cho biết là có một nhà trú ẩn ở trước nhà ga. Họ bước vào trong một căn hầm đồ nát có giường cho thuê.

Mệt mỏi, cả hai nằm xuống giường, lấy xách kê đầu. Marie vẫn khóc tí tê vì không còn hy vọng gặp lại cha, rồi lại nghĩ đến đứa con còn trong bụng.

Pillat bảo :

- Em biết không, anh đã tìm ra tên đặt cho con rồi. Nếu là con gái, chúng ta cứ gọi là Doina Australia. Doina có nghĩa là tên một bài hát Lỗ ma ni nói về sự lưu đày nào nề. Còn Australia thì để kỷ niệm tổ quốc mới của chúng ta.

Marie sung sướng nghĩ rằng họ sẽ đến Úc châu và con nàng sẽ sinh ra trong một quốc gia chứ không ở trên bước đường lưu lạc như bây giờ. Như thế họ thiếp đi trong giấc ngủ có tên Doina Australia ám ảnh.

Lúc họ tỉnh dậy, ánh sáng đã chiếu vào căn hầm. Cái áo Marie để trên đầu và đôi giày biến đâu mất. Không còn ai trong hầm nữa, nên họ chẳng biết phàn nàn cùng ai cả. Pillat xoắn xách tay ra chỉ còn kiếm được một đôi giày lính. Marie mang vào, rộng thênh thang, nàng nức nở khóc. Xoắn xách tay Marie ra, Pillat tìm thấy một gói mềm. Thì ra đó là một cái áo trắng bằng Voile.

- Áo cưới của mẹ đó. Em mang theo lúc đi. Em nghĩ là...

Trong nước hồi đó không còn tục đám cưới theo nghi lễ tôn giáo nữa. Marie mang theo với hy vọng một ngày nào họ sẽ lại làm đám cưới ở nhà thờ. Pillat bảo :

- Thôi em cứ mặc đỡ áo này đi. Thắt chặt dây lưng một tí sẽ ngăn bớt lại ngay.

Marie đành phải mặc áo cưới vì không còn cách nào khác. Giày rộng thênh, áo cưới, và xách mang trên vai, Marie vừa đi vừa khóc, nhưng không ai nhìn nàng cả. Không còn ai ở đây ngạc nhiên về điều gì nữa cả.

Họ đến sở cảnh sát. Viên cảnh sát trưởng lắng nghe rồi bảo:

- Tôi có thể cấp cho ông bà một giấy chứng nhận là ông bà đã khiếu nại bị mất cắp. Với giấy chứng nhận đó, ông bà đến trình ở sở cấp phát quần áo và xin phiếu mua áo. May là ông bà chỉ mất quần áo thôi đó, lần sau đừng có vào trong nhà trú ẩn đó nữa. Mỗi đêm người ta thường thấy người bị ám sát chết trong hầm đó là thường.

Sở cấp quần áo ở ngay bên cạnh. Người ta mời ngồi và cùng lắng nghe câu chuyện sau đó, viên công chức hỏi giấy cư ngụ. Pillat trả lời:

- Chúng tôi có giấy tờ, chứng nhận di cư và, một giấy khác chứng nhận bị mất cắp.

- Chúng tôi không thể cấp phiếu mua áo quần nếu không có giấy cư ngụ.

- Nhưng đây là trường hợp đặc biệt. Ông nhìn xem, vợ tôi không thể lên đường bằng bộ áo cưới và giày lính thế này được. Ông nghĩ lại xem. Tôi van ông cấp cho, trong trường hợp đặc biệt này, vì ngoài cái áo cưới này, vợ tôi không còn cái nào khác.

- Đối với luật lệ, vợ ông trần truồng. Áo cưới không được xem như là áo quần mặc thường ngày. Trước mặt tôi và trước mặt pháp luật, bà đang ở trần, hoàn toàn trần truồng, nhưng dù thế nào đi nữa, chúng tôi không thể cấp phiếu mua áo được, cần phải có chứng chỉ cư ngụ.

Pillat nhớ lại là muốn có giấy cư ngụ phải có giấy làm việc và muốn có giấy làm việc phải có chứng chỉ cư ngụ và bây giờ...

Biết van nài vô ích, họ lên tàu đi Stuttgart, Marie mang áo cưới và giày lính với đôi mắt đỏ hoe. Niềm an ủi duy nhất cho nàng là chẳng ai trên tàu thèm để ý đến nàng cả. Không ai chú tâm đến cái áo cưới kỳ dị đó, bởi con người không còn để ý đến nhau nữa.

Không còn gì phi thường, lạ lùng đối với họ nữa. Và đó chính là điều phi thường nhất: phi thường ở chỗ không còn gì đáng cho là phi thường

nữa.

VI

Lúc Pillat đi rồi, một phái đoàn Argentine đến Stuttgart. Tất cả ai bị các phái đoàn trước từ chối đều đến trình diện.

Có cả Motok, Varlaam và bác sĩ Petrovici lúc nào cũng mang theo giấy tờ giả mạo.

Lúc họ được đưa vào phòng, ai cũng ngạc nhiên. Phái đoàn Argentine không có dụng cụ máy móc gì cả, không máy đo bắp thịt, máy quang tuyến. Chỉ có hai người đàn ông và một người đàn bà mặc đồ đen có mang thánh giá bằng vàng trước cổ – người đàn bà là trưởng phái đoàn và hình như gốc Tây Ban Nha, và có vẻ cương quyết lắm. Bà hỏi Motok:

- Ông làm nghề gì?

- Công chức hỏa xa.

- Công chức gì?

- Kiểm soát viên. Tôi biết bốn thứ tiếng, có mười hai năm thực hành.

- Trong lúc này, chúng tôi chỉ chọn những người có nghề tay chân thôi, thợ may, thợ mộc, thợ luyện kim, sau này, chúng tôi sẽ chọn người có nghề khác. Nhưng ông đừng thất vọng. Hãy tin ở Chúa. Chúa phán xét con người và giúp người thành công và chỉ có Chúa mới mang lại vinh quang.

Motok nhìn đôi mắt lạnh lùng của người đàn bà. Hấn ngừng đầu nhìn và bắt gặp đôi mắt Chúa từ trên thánh giá. Chúa Giê su muốn giữ Motok lại, muốn để cho hấn nói, nhưng người đàn bà đã đồng dục ra lệnh:

- Người tiếp theo.

Đến lượt Varlaam.

- Tôi là phi công.

- Chúng tôi có đủ phi công rồi. Tất cả phi công của các nước thất trận đều tị nạn ở Argentine. Trong lúc này chúng tôi chỉ cần thợ máy bay thôi. Tiếc thay ông không phải là thợ máy.

Rồi đến lượt Petrovici.

- Tôi là giáo sư trường sửa đồng hồ Iéna.

Vừa nói Petrovici vừa để lên bàn chứng chỉ có chữ ký của vị chủ tịch hiệp hội các nhà sửa đồng hồ ở Thuringe và mười hai người giáo sư khác. Có ghi bằng chữ vàng là hiệp hội thợ sửa đồng hồ chấp nhận bác sĩ luật khoa và toán học Ante Petrovici là giáo sư sửa đồng hồ của hội.

Thế là người đàn bà mỉm cười, thiện cảm, Petrovici tự giới thiệu thêm :

- Lúc tôi còn là sinh viên, tôi đã học sửa đồng hồ ba năm tại một tiệm ở Iéna. Hồi đó, sinh viên vẫn thường tự học thêm thủ công nghiệp. Năm tôi đỗ tiến sĩ luật và toán, tôi lấy luôn chứng chỉ sửa đồng hồ. Tôi có thể tháo ráp một đồng hồ tay trong ba mươi phút. Lấy được chứng chỉ đó khó lắm.

- Và đó mới là điều quan trọng. Argentine hiện đang cần giáo sư sửa đồng hồ. Bây giờ ông hãy qua khám nghiệm y khoa đi. Tôi tin chắc là ông hoàn toàn có sức khỏe; người nào có nghề thủ công cũng là người khỏe mạnh cả.

Ante Petrovici thầm nghĩ : Không ngờ vận hội của mình lại là cái mảnh bằng học một cách tài tử hồi còn trẻ. Argentine không muốn mảnh bằng tiến sĩ luật hay thạc sĩ toán, cũng không thích khả năng hành chánh dồi dào của một cuộc đời công chức dài đằng đẳng của mình. Argentine chỉ thích mình ở chức vụ giáo sư sửa đồng hồ, thế mà từ lâu mình bỏ quên hình dạng

đó nơi con người mình, người thợ sửa đồng hồ trong ông thạc sĩ toán và tiến sĩ luật Ante Petrovici. Mảnh bằng duy nhất còn giá trị : sửa đồng hồ.

Trong lúc người đàn bà đang viết phiếu khám nghiệm y khoa, Petrovici tiếp tục nghĩ về mình.

- Đó là điều còn lại sau cùng của mình, một người sắp làm nghề sửa đồng hồ ở Tân thế giới, một thợ thay lò xo đồng hồ, thay mặt kính vỡ, sửa con lắc và chuông báo trong các đồng hồ đánh thức của xứ Argentine, cho những người ở Tân thế giới. Và đó là điều mà Tân thế giới tìm được nơi mình. Hoan hô bác sĩ Petrovici. Tân thế giới chỉ đòi hỏi một điều thôi : nghề sửa đồng hồ. May mà mày còn có cái nghề sửa đồng hồ nếu không thì mày chết rồi. Vì chính Tân thế giới điều khiển vũ trụ và Tân thế giới không cần người trí thức mà chỉ cần thợ sửa đồng hồ. Điều duy nhất mà Âu châu mang lại cho con cháu là đem bán chúng ta theo thước tấc và sức nặng, bán từng lá phổi, từng phân mét cho Tân thế giới. Và Tân thế giới chỉ chọn những gì họ thích, nơi mình, họ chỉ chọn có nghề sửa đồng hồ.

Người đàn bà hỏi:

- Ông có đạo Thiên chúa?

- Vâng, đương nhiên là có đạo Thiên chúa rồi.

Petrovici nuốt nước bọt, choáng váng rồi cố rướn cổ lên để tìm một ít không khí để thở. Ở hàng sau phái đoàn, tượng Chúa trên Thánh giá hình như xoắn lại, không vì đau đớn mà vì thương hại cho Petrovici bị bắt buộc phải nói dối. Petrovici sinh ở Bosnie dưới thời lệ thuộc Thổ nhĩ kỳ, dân Bosnie bị bắt buộc theo đạo Hồi giáo. Ông nội Petrovici tuyên thệ bỏ đạo Thiên Chúa vì sợ bị chặt đầu và đành theo Hồi giáo. Đó là lý do tại sao Petrovici theo Hồi giáo như đa số dân Bosnie.

Bà trưởng phái đoàn hài lòng nhìn chứng chỉ rửa tội mà Petrovici tự tạo ra để được phép sửa đồng hồ tại Argentine :

- Chúng tôi chỉ nhận người có đạo Thiên chúa thôi. Ông đi khám nghiệm y khoa xong trở lại đây. Tuổi giới hạn là 40, ông hình như chưa quá 40. Với là chắc ông không bị tàn tật?

Người đàn bà nhìn giấy tờ. Toàn là đồ giả mạo hết, nhưng bà không hề biết. Petrovici nghĩ đến vài phân mét còn thiếu, nhưng ông ta thừa biết phải thóp bụng, nhón chân làm sao rồi. Ông ta nghĩ đến cái răng sâu, đến bàn chân phải không có lòng bàn chân và lo sợ hết sức. Nhưng người đàn bà nói:

- Những người thợ giỏi. Những người sùng đạo và khỏe mạnh. Đó là tiêu chuẩn của xứ Argentine. Ông hội đủ tất cả các điều kiện.

Petrovici lại khó thở, cố tìm không khí nào cho dễ thở. Ở trên cao có lẽ không khí trong sạch hơn. Ông ta ngẩng đầu lên. Trên thánh giá, Chúa Jésus đang nhìn vào đôi mắt Petrovici và hình như bảo : Chúa sẽ giúp đỡ cho những ai không có lòng bàn chân ở chân phải. Và giúp đỡ những ai cao không đầy 1m60. Ante Petrovici, con đừng sợ gì cả, bởi vì dù con theo Hồi giáo, Chúa cũng giúp đỡ người Hồi giáo như thường. Chúa ở bên cạnh con, ngay cả khi giáo hội của ta không thừa nhận con.

Petrovici bước ra ngoài mà không hề đi cà nhắc, đi như là ông ta không có một chân thấp hơn chân kia. Chúa đã nâng Petrovici lên một chút để cho người đàn bà đó không thấy Petrovici đi cà nhắc.

VII

Về đến nhà, Petrovici đã thấy Pillat trong phòng, Marie mặc áo cưới từ Francfort trở về một cách ô nhục. Họ kể cho Petrovici nghe về Kostaky và vụ mất cặp áo quần. Cầm một miếng biscuit nhai, Petrovici hứa hẹn :

- Chờ đây, tôi sẽ đi kiếm cho bà một cái áo và một đôi giày. Petrovici đi cà nhắc đến ngọn đồi trên cao của Stuttgart. Khu phố trên đồi là khu phố duy nhất không bị dội bom. Những biệt thự ở đó đã bị người Mỹ tịch thu và

nhường lại cho người Do Thái còn sống sót ở trại tập trung. Đó là một xóm Do Thái bị quản thúc theo lối mới. Ở đó, hằng ngày tiêu thụ hàng triệu tiền marks. Mỗi đồ hộp vừa mới ở nhà hàng bán ra đều đã tung vào khu Do Thái đó, trước khi qua hàng chợ đen. Tất cả những tác phẩm nghệ thuật, vàng bạc, tất cả vật dụng có giá của Đức quốc phải đi qua khu phố đó trước khi đến Hoa Kỳ. Mỗi điều thuốc của lính Mỹ phải qua khu phố đó trước khi đến tay người dân. Ở đây không thiếu gì cả. Một số người trở thành triệu phú trong vài ngày. Ở đây có cả áo lông, tranh ảnh nghệ thuật, thức ăn, trái cây ngoại quốc, thuốc lá. Điều duy nhất mà người Do Thái ở đây không được phép giữ đó là tiền đô la. Quân cảnh lòng bắt rất thường để tịch thu đô la. Nhiều triệu phú trong vài phút trở lại nghèo nàn như lúc vừa mới bước chân từ trại tập trung ra.

Petrovici bước vào nhà bà Salomon. Ông không biết bà Salomon nguyên là cô Eddy Thall, bạn thân của Lidia, vừa ở miền núi Oural đến, đã làm trong chương trình thay đổi khí hậu ở Sô Viết. Ông cũng không biết là đứa con của Salomon vừa mới bị giết ở Varsovie.

Không ai biết gì về hành tung của ông bà Isaac Salomon cả trừ chuyện họ là nạn nhân của chủ nghĩa phát xít và bà Salomon là một trong những người đàn bà giàu nhất khu Do Thái ở Stuttgart. Petrovici ngỏ ý :

- Tôi đến xin bà một cái áo cho vợ một người bạn vừa bị mất cặp và không còn gì để mặc nữa.

Bà Salomon mở va ly và trao cho Petrovici hai cái áo đã cũ. Trong phòng, chỉ có một giường nằm, hai ghế, một bàn gỗ với nhiều va ly chồng chất lên nhau.

- Tôi đã được di cư sang Argentine.

Bà Salomon chỉ bức ảnh một trang trại đặt trên đầu giường bảo :

- Tôi cũng sắp di cư. Đó là một trang trại tôi mua được ở Gia nã đại. Chúng tôi hy vọng sẽ khởi hành trong vài tuần nữa.

Trang trại có ngôi nhà hai tầng và nhiều phòng rộng.

- Isaac đang lo chạy áp phe. Chiều mai anh ấy mới về với số tiền cần đủ cho chúng tôi đi Gia nã đại. Chắc là lần áp phe chót của anh ấy đó. Sau đó chúng tôi sẽ đi xa và yên ổn sinh sống.

Petrovici biết là Motok cùng đi với Isaac Salomon để lén lút bán mấy chiếc cam nhông hàng hoá trong vùng Sô Viết, nếu họ không bị bắt họ sẽ giàu to. Petrovici muốn về, nhưng bà Salomon cản lại :

- Aurel Popesco sẽ đến đây. Ở lại đây chơi chút đã.

Salomon bắt đầu nói về trang trại của bà ở Gia nã đại qua bức ảnh. Nàng ăn mặc thật sang với toàn đồ trang sức đắt tiền, giày dép đều đắt giá và theo kiểu Mỹ.

- Tôi nóng lòng rời bỏ người Mỹ cũng như hồi xưa tôi muốn trốn thoát trại tập trung. Thật ra người Mỹ đã chiến đấu để giải phóng người Do Thái ra khỏi các trại tập trung và hủy bỏ chủ nghĩa chống Do Thái. Ngày chiến thắng đã đến rồi. Và chúng tôi lại được quản thúc trong khu phố này, được ăn ở miễn phí, được tự do làm gì thì làm. Chúng tôi có thể trở nên triệu phú nhưng vừa lúc chúng tôi kiếm được tiền là người Mỹ đến đây để tịch thu ngay. Isaac đã nhiều lần giàu có. Nhưng đều bị quân cảnh lấy không còn một xu dính túi. Chưa đủ, lúc mà một đô la đến tay người Do Thái thì nó không còn giá trị gì nữa cả. Người Do Thái chúng tôi không trả tiền để du lịch được, không thể mua nhà được vì họ cấm chúng tôi trả tiền bằng đô la; chỉ còn một cách là mỗi khi kiếm được tiền chúng tôi đem chôn đi.

Nhưng chúng tôi cũng kiếm cách để giải quyết nỗi lo ngại đó, bằng cách là chúng tôi chia đôi tiền có được với một người Mỹ nào đó để họ chuyển

cho chúng tôi sang Gia nã đạ. Vài tuần nữa chúng tôi sẽ bỏ khu phố này mà đi.

Vừa lúc đó thì Aurel Popesco và Varlaam đi vào. Bà Salomon dấu vội tấm hình trang trại, nhìn hai người vừa đi vào và nhận ra Varlaam ngay. Đúng là viên sĩ quan đã đến Bucarest đòi cư ngụ trong ngôi nhà của bà bị chánh phủ tịch thu, nhân danh những luật lệ về chủng tộc. Nhưng Varlaam không nhận ra bà Eddy. Bà cố nhắc :

- Hình như chúng ta đã gặp nhau rồi thì phải.

Varlaam nhìn thật kỹ và không thể nhận ra nổi. Bà Salomon chắc chắn:

- Tôi chắc là chúng ta đã gặp nhau một lần.

Nhưng sau đó, bà không nhắc câu nói đó nữa mà chỉ nghĩ «Mình già đến độ người ta không nhận ra nữa ư?» cũng với ý tưởng đó, nỗi buồn to tát xâm chiếm tâm hồn bà. Varlaam quả quyết:

- Tôi không nghĩ là chúng ta đã gặp nhau. Với lại trí nhớ tôi khá lảm.

- Thôi chả quan hệ gì. Nói về công việc thì hơn. Ông bạn Aurel Popesco có nói với tôi là ông muốn di cư, nhưng ông bị tất cả các phái đoàn từ chối. Tôi có thể cho ông một cơ hội để trở về làm phi công như cũ. Muốn thế ông phải ký hợp đồng với Israel. Ông sẽ gia nhập không quân Do Thái với cấp bậc cũ mà ông đã có, nghĩa là trung úy phi công. Với tiền lương đầy đủ cộng với phụ cấp công vụ. Hợp đồng có giá trị trong suốt thời gian có chiến tranh giữa Do Thái và Ai Cập.

Bà Salomon giải thích thêm:

- Thay vì phải ở lại Đức lén lút bán bơ và thuốc lá với viễn tượng mỗi ngày là sẽ vào tù với những tên du đảng, ông nên làm chiến sĩ thì hơn. Về

phương diện tinh thần thì thật là một vinh dự khi chiến đấu để bảo vệ cho Thánh địa Palestine.

Nghĩ đến các nước bên kia Đại dương không thèm chấp nhận mình làm thợ đốn củi, hay là quét nhà, Varlaam đáp ngay:

- Tôi nhận lời.
- Nhận lời thôi chưa đủ. Ông phải ra đi ngày mai tức khắc.
- Chẳng có gì giữ tôi lại nơi đây cả.

Bà Salomon chỉ thêm vài thủ tục cần làm, phải đi đến văn phòng quân sự trước mặt để ký hợp đồng, hay chụp hình và may quân phục.

- Ông sẽ ra đi trong bộ đồng phục sĩ quan của Do Thái, nhưng đừng mang tên cũ nữa.

- Nhưng có cần đổi tên lắm không?
- Ông cần có một tên Do Thái, lúc mà ông mang quân phục Do Thái.

Để tôi kiểm cho. Ông thích tên David không, tên có vẻ chiến sĩ lắm đó. Tiếp theo là Ozias, tên hay đó, phi công David Ozias của không lực Do Thái.

Bà Salomon đưa cho Varlaam 500 đô la, như là tiền đặt trước. Trước khi đi, Varlaam sẽ nhận lương một tháng bằng đô la. Bà Salomon hỏi:

- Ông biết giá tiền trên thị trường chứ nhỉ? Nói vậy chứ về tiền tệ đổi chác chắc với ông là một việc lạ lùng. Hiện nay giá trị con người ở ngân hàng Mạc tư khoa là một con số không. Ở Nữ Ớc cũng không hơn không kém. Các phái đoàn bên Đại Tây Dương đến Đức mua người với một giá rẻ mạt, rẻ hơn cả một vé tàu hạng ba trên tàu thủy. Vì thế mà họ mua theo kích thước và sức nặng rồi chở lên tàu như súc vật. Trước khi đi ông sẽ nhận hơn

hai ngàn đô la. Như vậy là tại ngân hàng Tel Aviv nhân vị cao hơn hết. Tôi nghĩ là hiện tượng đó có được là vì Israel là một quốc gia có tín ngưỡng. Trong một quốc gia như thế thì con người còn một chút giá trị. Tiếc thay Israel là quốc gia sùng đạo duy nhất trên thế giới.

Varlaam đã muốn đi. Nhưng bà Salomon gạn hỏi:

- Nhìn kỹ tôi một lần nữa xem có nhận ra tôi không?

Varlaam nhìn mái tóc đã bạc, đôi mắt đã nhăn chung quanh và trả lời :

- Thưa bà, tôi chưa bao giờ gặp bà.

Bà Salomon ứa lệ, nhưng ráng vui :

- Đừng quên tên ông đó nghe, David Ozias.

Cùng lúc, nàng nghĩ «Mình đã già lắm rồi».

*

Aurel Popesco bắt đầu nói chính trị như thói quen của ông ta.

- Trong vài ngày nữa sẽ có hội nghị của những quốc gia Âu châu bị Nga Xô chiếm đóng. Tôi đã cho người Hoa Kỳ biết rằng hội nghị đó là một biến cố chính trị hết sức quan trọng của thời đại này. Những lãnh tụ đảng Cộng sản Đông Âu muốn tách rời Nga Xô để thành lập một liên minh các nước Cộng sản quanh sông Danube. Chủ tịch liên bang sẽ là vị thống chế những người Slaves miền Nam. Mạc tư khoa đã biết rõ kế hoạch đó, và đã dùng Boris Bodnariuk trong công tác ám sát vị thống chế đó, trong lúc đó Hồng quân sẽ đổ bộ lên bờ Địa Trung Hải, có thể Hồng quân sẽ tiến đến Ý Đại Lợi. Tôi đã báo động cho Hoa Kỳ, và như thế không những tôi đã cứu Ý Đại Lợi và Vatican mà cứu cả nền văn hóa Tây phương; nhờ tôi mà quân

đội Mỹ biết được đà tiến của Nga Xô. Chính tôi và ông bạn Milan Paternik đã có công cứu vớt Tây phương khỏi sự xâm lăng của Nga Xô.

Ante Petrovici chua chát:

- Ông bỏ thì giờ để cứu vớt một nền văn hóa và để giết người luôn thể. Ông giết người đã cứu nền văn minh, cứu văn hóa, cứu giáo hội ư? Hãy cứu người đi đã, và điều đó đáng hơn là cứu nhân loại. Bởi vì không có nhân loại, chỉ có người và con người mà thôi, ông bạn Aurel Popesco!

Nói xong, Petrovici cảm ơn Salomon về hai cái áo, và ra về, ông ta đi cà nhắc hơn bao giờ hết.

VIII

Aurel Popesco thì cố giải thích cho bà Salomon vì sao các vị lãnh tụ cộng sản các quốc gia bị Nga chiếm đóng muốn chống đối Mạc Tư Khoa, vì sao Xô Viết sẽ giết thống chế những người Slaves miền Nam và lợi dụng cơ hội đó để tiến vào Đông Âu.

Trong lúc đó bà Salomon chỉ nghĩ đến trang trại của bà ở Gia nã đại. Bà lơ đãng nhìn ra cửa sổ thấy Varlaam ở văn phòng quân sự đi ra.

- Chính trị không liên quan gì đến tôi cả.

Nói xong, bà mời Aurel Popesco xuống lầu. Trời xẩm tối. Tất cả người Do Thái đều ra đường trước nhà. Trong tất cả khu phố của người Do Thái, đâu đâu cũng có hiện tượng đó. Lúc hoàng hôn xuống, người Do Thái nào cũng bỏ nhà, xuống phố để nghe ngóng tình hình. Sợ hãi đã thấm tận xương tủy. Cho nên trước khi vô nhà, gài cửa đi ngủ, họ phải ra đường để lấy tin tức về giá cả tiền tệ, về chính trị, về các phong trào chống Do Thái. Họ hỏi hết tất cả vấn đề để xem thử nên ngủ hay cần phải thức trắng đêm, để tính toán xem thử có gì đến với họ trong đêm, và họ có thể ngủ yên hay không. Aurel Popesco nhìn những người Do Thái đang tùm năm tùm ba trên đường

phố. Bỗng nhiên xe cam nhông và xe quân cảnh Mỹ xuất hiện, bao vây khu phố. Bà Salomon giải thích:

- Họ lại đi kiểm đô la đó. Cứ mỗi tuần hai, ba lần, quân cảnh Mỹ xuất hiện nơi đây khi người ta báo cáo là có một vụ làm ăn mang lại khá nhiều đô la. Họ đến tịch thu hết đô la xong rồi lẹ làng chuồn đi. Ngoài đô la ra, họ không thèm để ý đến điều gì khác nữa.

Lính Mỹ đã bao vây một vài căn nhà. Bà Salomon nói tiếp:

- May mà Isaac không có nhà. Các vụ vợ vét đó đã làm chúng tôi điên đầu.

Cho nên ông thấy là tôi khoái bỏ đi lắm, chỉ khi nào đi khỏi đây chúng tôi mới sống tự do được. Isaac cũng thế, anh ấy không thể chịu đựng nổi. Đã nhiều lần họ lấy hết tiền của chúng tôi, lấy sạch sành sanh chẳng còn đô la nào cả. Bây giờ, họ có lên phòng tôi thì cũng chỉ tìm thấy áo quần dơ thôi.

Bà Salomon và Popesco đành đứng lại nhìn, không bước lên được, đường xá bị ngăn chặn hết.

- Chúng tôi sẽ được yên ổn ở Gia nã đại, ở đó chúng tôi có thể sống như bao nhiêu người khác.

Vào lúc đó có tiếng một vật gì lớn rơi xuống, đám đông la hét om sòm. Lính Mỹ tăng cường hàng rào ngăn chặn. Aurel Popesco nhón chân lên nhìn và bảo:

- Hình như có ai nhảy qua cửa sổ tự tử.

Đám đông vây quanh căn nhà có người tự tử, nhưng không ai đến gần được. Bà Salomon tái mặt, phải vịn vai Aurel Popesco.

- Tôi không còn chịu đựng nổi cảnh tượng này nữa. Giá mà tôi được rời khỏi nơi này càng sớm càng hay.

Xe hồng thập tự chạy đến, vài y tá đem xác chết lên xe. Mọi việc chỉ xảy ra trong vài phút.

Eddy Thall nhờ Aurel Popesco dẫn về phòng:

- Tôi kiệt sức rồi, không lên lâu một mình được nữa.

Họ rẽ đám đông đang bàn tán về vụ tự tử để trở về phòng.

Bà Salomon cảm thấy cái gì trơn ướt dưới chân. Thì ra bà đang đi trên vũng máu, đúng chỗ mà người chết vừa lao xuống. Eddy Thall muốn hỏi thử ai vừa mới tự tử, nhưng cặp mắt bà cứ lơ đãng nhìn vũng máu trên đường nhựa, vũng máu mà bà vừa bước chân lên, đôi giày hoa mỹ kiểu Hoa Kỳ đã dính máu. Vừa bước lên lầu, bà vừa thấy trước mặt hình ảnh vũng máu, chiếc xe hồng thập tự và đám đông đang vây quanh bà.

Một người Do Thái vừa nhảy qua cửa sổ tự tử, và điều đó xảy ra sau ngày chiến thắng. Vào lúc mà người Do Thái đã là sở hữu chủ những trái bom nguyên tử và viên giám đốc kỹ nghệ nguyên tử, Lilienthal, lại là một người Do Thái cùng quê hương với Lidia. Bà Salomon vẫn nói :

- May mắn là chúng tôi sẽ đi Gia nã đại.

Bà ta đã chóng mặt phải tựa lên tay Aurel Popesco mà đi. Bà muốn rửa đôi giày trước khi vào nhà để máu đỡ dính nền nhà.

- Ai tự tử đấy nhỉ?

- Tôi không biết. Người Mỹ chở ông ta vào nhà thương nhưng hẳn chết rồi.

Vào phòng, bà Salomon nằm dài xuống giường.

- Làm ơn cho tôi thức gì uống, lạnh càng tốt. May là chúng tôi rời bỏ nơi này, từ giã cái xứ bạc bẽo này. Sung sướng mà đi được. Nếu Isaac có thể về sớm hơn được nhỉ? Nhưng mà Isaac chỉ trở về vào ngày mai khoảng 6 giờ và từ đây cho đến 6 giờ chiều mai, tôi phải ở đây một mình, cô đơn quá.

Bà khóc nho nhỏ. Qua làn nước mắt, bỗng bà thấy cái mũ của Isaac trên ghế. Bà mở to mắt ngạc nhiên. Rồi trên giường có cả áo choàng của Isaac đó nữa. Bà vùng dậy tưởng mình mê ngủ:

- Isaac về rồi hả? Anh ấy đâu rồi?

Cửa phòng xịch mở, và hai cảnh sát Do Thái bước vào. Bà Salomon hỏi:

- Isaac về rồi sao?

Hai người cảnh sát vẫn yên lặng. Bà Salomon nhảy chồm về phía họ với bộ áo vết trên tay, liên hồi hỏi Isaac ở đâu, nhưng hai người cảnh sát vẫn không trả lời. Họ bất động cho đến lúc bà Salomon ngã dài trên sân nhà với bộ áo của chồng bà còn trên tay. Hai người cảnh sát âm bà lên giường và giải thích:

- Tụi Mỹ ở lâu một, Isaac vội vã bước lên lầu. Rồi tụi Mỹ thấy ông ta bước vào phòng. Vài giây sau, ông ta lao mình qua cửa sổ.

Aurel Popesco hỏi:

- Nhưng mà đúng là Isaac hả?

Hai người cảnh sát cẩn thận nhìn lại bà Salomon đang bất tỉnh.

- Vâng, đúng là Isaac tự tử. Ông ấy là bạn ông? Hình như ông ấy có nhiều đô la và sợ bị tịch thu.

Hai người y tá vào phòng và bắt đầu đánh gió cho bà Salomon đang nằm sấp trên giường.

- Hình như Isaac Salomon bị mệt mỏi quá sức. Điều đó ông là bạn chắc ông hiểu rõ. Vâng, ông ta bị giao động quá mức, nên không thể trách ai về vụ này được. Đúng ra tụi Mỹ không có ý định khám xét nhà ông ấy. Họ rất ngạc nhiên về vụ tự tử này, và đã ngừng ngay cuộc bố ráp.

Trên giường, dưới người bà Salomon có cái cặp của Isaac Salomon đầy ắp cả đô la.

Hai người y tá lật bà nằm ngửa ra cho dễ chịu. Trước khi rời phòng, hai người cảnh sát nói với Aurel Popesco :

- Chào ông. Không phải lỗi của ai cả. Lỗi của người Mỹ lại càng không đúng mấy. Chúng tôi có chứng kiến vụ này. Ngay lúc mà Isaac nhảy qua cửa sổ, người Mỹ đã ngừng cuộc bố ráp.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Xi & X & Xi:

guồn tin của Aurel Popesco đứng ngắt. Vào buổi chiều Isaac tự tử, Boris Bodnariuk đã nhận được lệnh ám sát vị thống chế những người Slaves miền Nam.

Sau khi đã loại bỏ hẳn giai cấp trưởng giả, Boris Bodnariuk được thăng chức bộ trưởng bộ chiến tranh.

Hắn đến Niamtz vài ngày bằng phi cơ riêng do ông bạn phi công Anatole Barsov mà hắn đã làm quen trong bệnh viện lái. Phi cơ hạ cánh ở phi trường Piatra được thành lập trên khu đất của nhà Pillat và vườn rau của Ion Kostaky. Nhà Kostaky dùng làm văn phòng. Làng Piatra đã thay đổi rất nhiều. Bodnariuk lên xe hơi. Trước khi tạm biệt, hắn bắt tay Anatole Barsov và viên phi công phụ Igor Poltarev, cầu chúc cả hai vui vẻ.

Đường sá Piatra nay đã rộng rãi và lát gạch. Trong làng đã có một xưởng kỹ nghệ. Giữa thành phố Molda và làng Piatra có một nhà gạch lớn dùng làm nhà tù. Người ta cũng đã quốc hữu hóa đất đai. Đa số nông dân làm việc trong xưởng kỹ nghệ, ăn ở quán, chỉ về nhà ngủ thôi. Nhà của Piatra gần như bỏ hoang. Không còn khói thổi cơm mỗi chiều, vì nông dân từ xưởng về muộn vội vã đi ngủ rồi lại ra đi vào tảng sáng. Không còn ống khói trên nhà, không còn rào dậu quanh nhà. Chó mèo cũng vắng bóng, hoa cỏ hiếm hoi. Người cũng ít khi xuất hiện trong làng, trừ ngày chủ nhật. Ngay cả vào ngày nghỉ, họ cũng phải đến phường hội họp, nên nhà nào cũng vắng vẻ cả.

Xe Boris đã lên đến khu rừng thông. Boris hài lòng:

- Lần đầu tiên, nhờ Sô Viết mà con người không phấn đấu riêng rẽ cho đời sống. Cá nhân không còn lo âu cho ngày mai nữa. Bởi tất cả đều chung lưng làm việc. Thật là một công trình vĩ đại hữu ích cho con người. Thế mà họ lại chống đối. Cho nên lũ đó phải bị loại bỏ để cho cuộc cách mạng đầu tiên vĩ đại trong lịch sử có thể hoàn thành được.

Trong một biệt thự ở khu rừng thông, Boris phải soạn một bài diễn văn cho hội nghị các quốc gia Đông Âu. Và hẳn được nghỉ ngơi ba ngày, trong cái yên tĩnh của khu rừng. Boris quấn chặt khăn cổ, gài nút áo, chui vào mền đắp kín chắn. Chưa bao giờ hẳn được nghỉ ngơi. Đây là lần đầu tiên dưỡng sức trong đời. Trong ba ngày, hẳn được ở một mình trong núi rừng yên tĩnh.

Trong lúc đó thì Anatole Barsov và Igor Poltarev nghỉ ở trong làng Piatra, thong thả uống rượu Vodka.

Barsov được xa vợ ít hôm là một điều hạnh phúc, bởi vợ hẳn cãi vả suốt ngày làm hẳn đâm ra chán nản. Hẳn không trách gì Olga, chỉ nghiệt là bà ta cứ kiểm chuyện rầy la hẳn mãi. Vợ hẳn như là chong chóng, quay mãi không bao giờ ngừng. Igor mở chuyện:

- Tối nay mày sẽ không cãi cọ với Olga nữa đâu. Không tối nay và không tối nào nữa cả. Bà ta chỉ còn cãi vả với mấy bức tường, vì chúng mình sẽ đi tối nay.

- Đi đâu mày?

- Như là tụi mình đã định. Đã có đủ xăng. Bay từ sân bay Piatra này thì cũng dễ như ở Bucarest. Xăng có đó, tao sẽ chỉ cho mày xem.

Barsov nhớ rõ từng câu nói của họ mấy tháng trước. Một hôm, cả hai cùng đi công tác chung. Poltarev đã từng đi công tác ngoại quốc. Hẳn biết rõ Luân Đôn, Ba Lê, Nice, Bá Linh... kể chuyện xong, Poltarev hỏi thẳng Barsov:

- Mày muốn trốn với tao sang Mỹ không?

Barsov giận dữ:

- Tao không muốn làm một kẻ phản bội.

- Tao cũng thế, tao không phải là kẻ phản bội. Tao đặt vấn đề cho mày xem trước đã. Mày không đồng ý với vợ mày và với cấp chỉ huy mày ở không đoàn. Mày là bạn của ông bộ trưởng Bodnariuk, đúng đấy, nhưng hẳn ta bận việc hoài không bao giờ nói chuyện với mày cả. Tao hỏi mày thử mày có muốn lấy máy bay trốn đi, xa Olga, xa không đoàn, xa nợ nần, xa luôn cả chương trình hằng ngày không? Xa tất cả. Bay sang một xứ xa lạ nào đó, tự do làm giàu, không còn ràng buộc vợ con, cấp chỉ huy.

Barsov nhớ rõ mồn một câu chuyện đó: «Tao thì nghĩ mãi vấn đề này, Poltarev nói tiếp, tưởng tượng là tao lên máy bay với người bạn thân đi đến một nơi nào xa lạ. Nghĩ thế và tao thấy được một viễn ảnh đẹp nhất đời tao như là lúc uống rượu, tắm nắng».

- Mày không hiểu đó là những giấc mơ phản động sao? Tao sẽ tố cáo mày lên cấp chỉ huy.

- Mày là bạn thân của tao, mày không tố cáo tao đâu.

- Nhưng trước tiên tao là một người lính và một công dân Xô Viết, bạn mày chỉ là điều thứ yếu.

- Mày sẽ không tố cáo tao, không có gì xấu xa trong câu chuyện tao nói với mày cả. Tao biết mày cũng ước mơ được ra đi trên một chuyến bay đến tận cùng thế giới. Phi công nào cũng mơ ước như thế.

- Tao có mơ ước chứ, cũng mơ ước bay thật xa, nhưng cùng lúc đó, tao cũng mơ ước trở về, đáp trên mảnh đất Xô Viết mà tao yêu mến và nguyện trung thành.

Poltarev bình thản nói thêm:

- Tao cũng thế, tao thích trở về trên mảnh đất Sô Viết, bởi vì tao cũng trung thành và yêu mến tổ quốc nhưng mây phải công nhận là sau những giờ bay trên nền trời xanh thẳm, lúc mà tất cả đều ở dưới chân mây, thì thật là khổ tâm nếu phải trở lại trái đất, chịu đựng những cặp mắt xoi mói của tên chỉ huy trưởng vì mây không gài nút áo đảng hoàng.

Poltarev khéo nói lắm:

- Mây thấy chưa, trở lại trái đất là một điều khổ tâm cho một người phi công. Trái đất xấu xa, chật hẹp và dơ bẩn. Trái đất không giống bầu trời tí nào cả. Sau mỗi lần bay, tâm hồn mây sẽ bức bối với ý nghĩ là sẽ trở về trái đất trong một căn hầm, trả nợ, làm tiền, thi hành những mệnh lệnh ngu xuẩn, cãi vả với chỉ huy trưởng, với bà mẹ vợ và vợ mây, chịu đựng những mĩa mai của bạn bè. Trở lại với tất cả những điều đó thì chán lắm, nhất là sau khi đang bay bổng trên trời mà mây làm chủ hết mọi việc, mà các ngôi sao nở trên vai mây như là huy hiệu thống chế. Thành ra mây không thể không có cùng những ý nghĩ như vậy. Tất cả phi công nào cũng mơ ước như thế cả.

Bây giờ ngồi trước Poltarev, Anatole Barsov nhớ rõ mồn một buổi nói chuyện hôm đó, sờ dĩ thế là vì từ sáu tháng nay hẳn cũng nghĩ nhiều về điều đó, nghĩ về từng câu nói trao đổi giữa hai bên. Hẳn đã trả lời Poltarev như thế này: «Trên quan điểm của mây thì mây có lý lắm, nhưng chúng mình trước tiên là những công dân Sô Viết, thứ đến mới là phi công chứ».

Cuội nói chuyện chấm dứt ngang đó, sau này lại chính Barsov đã khơi mào trở lại câu chuyện :

- Mây biết là tao cũng muốn lái máy bay trốn đi, với một người bạn và không bao giờ trở lại không đoàn nữa.

Poltarev hỏi lại cho chắc ăn :

- Mày nghĩ là nên làm thế hả?

- Vâng, tao nghĩ đến điều đó mỗi tối, và tao phải công nhân đó là những giờ phút đẹp nhất trong ngày.

- Đúng là mày đã tìm thấy một thứ hạnh phúc trên đời. Dạo này mày ít uống rượu và mập ra, ít cáu kỉnh. Người ta bảo một giấc mơ cũng làm cho cuộc đời êm đềm hơn.

- Nếu ai nghe chúng mình nói thế, cả hai đều bị bắt mất. Chúng mình sẽ bị khổ sai chung thân, vì điều này quan hệ lắm.

- Mơ mộng mà cũng bị tội nặng sao?

- Tất cả tội ác và phản bội đều bắt nguồn từ giấc mơ. Vì thế mà đồng chí Boris Bodnariuk đã bảo là giấc mơ cũng bị trừng phạt nặng như hành động. Từ giấc mơ qua sự thật chỉ có một bước ngăn ngùi, nên công lý phải trừng phạt giấc mơ cũng như hành động, phải trừng phạt tội ác trong giấc mơ và tội ác đã phạm ngang nhau. Và lại, tao nhận thấy là công lý Sô Viết đã bắt đầu làm như thế rồi. Cho nên, trong lúc mơ mộng tao có cảm tưởng là đã phạm trọng tội.

Poltarev thúc giục:

- Nếu vậy thì mày có đủ can đảm thực hiện điều đã mơ ước không nghĩa là leo lên máy bay và lái đi xa?

- Không, không bao giờ tao phản bội.

- Nhưng nếu mày đã mơ ước thì có ngày mày sẽ hành động, đã phản bội trong giấc mơ thì có ngày sẽ phản bội trong hành động.

Cuộc cãi cọ đã đến hồi gay gắt. Barsov dọa sẽ trình lại với Boris. Poltarev khéo léo nói :

- Nhưng, mây cũng phải khai trước tòa án là mây đã mơ ước trốn đi mỗi tối, phải khai là mây mơ ước làm sao đánh cắp một chiếc máy bay để đào ngũ. Và khai như thế có nghĩa là thế nào mây biết không? Đào ngũ bằng tưởng tượng nhưng chưa thực hiện vì thiếu phương tiện. Quan tòa thừa biết là nếu mây đã đủ xăng nhớt, mây sẽ thực hiện giấc mơ ngay. Và họ sẽ kết án mây như tao.

- Không, tao không phải là kẻ phản bội. Mây là một thành phần nguy hiểm. Tao không tố cáo mây, nhưng tao tránh không nói chuyện với mây nữa kể từ chiều nay. Tao không muốn phản bội.

Poltarev lại bào chữa:

- Không phải là một điều phản bội. Đó là chuyện thường tình của một phi công. Phi công thường mơ ước bay thật xa. Cho nên không thể cho điều đó là phản bội đất nước Xô Viết. Ông bạn Barsov ơi, đó là lòng trung thành của phi công với trời cao. Phi công chúng ta gần với trời cao hơn. Nếu bảo chúng ta phản bội thì tất cả phi công đều phản bội cả vì phi công nào cũng mơ ước như thế. Vài phi công mơ ước bay xa, họ phản bội không riêng gì quê hương mà phản bội tất cả trái đất. Và dĩ nhiên, trời xanh thì đẹp đẽ, còn đất thì dơ bẩn và xấu xí. Vì vậy nên tại sao mây là một phi công thực thụ, mây sẽ bay xa với tao. Hơn nữa, mây cũng thích xa hoa, tiền bạc, âm nhạc, đàn bà, tất cả những gì đẹp đẽ, mây sẽ bay với tao để thực hiện giấc mơ mỗi tối của mây.

Barsov giận dữ:

- Để thực hiện giấc mơ phản quốc?

- Tao cũng yêu tổ quốc chứ, đi đâu thì tao cũng yêu nhớ về tổ quốc. Nhưng tao sẽ đi với mây như tao đã từng mơ ước. Tao sẽ tổ chức đời sống của tao tùy theo sở thích. Tao muốn biết các nước khác như thế nào, tao

muốn có tiền, muốn nhảy đầm, nghe nhạc, có người yêu trẻ đẹp, lịch sự. Và chuyện đó có phải là chuyện phản bội đâu.

- Mày không phải là công dân Xô Viết, mày là một tên phản quốc.

- Tao đã trừ 100 lít xăng. Lúc nào tao có đủ, tao sẽ cho mày biết. Tao sẽ gọi mày, mày nhớ đến ngay.

Tối đó, Barsov không tố cáo Poltarev, ngày sau cũng thế. Nếu gặp lại Boris thì hẳn đã kể hết, nhưng Boris đã đi xa. Barsov không thể thổ lộ với ai cả. Vài ngày sau, Poltarev bảo:

- Chúng ta sắp đi rồi. Tao rất mừng là mày đã nhận lời. Bay với người bạn thân thì thích lắm. Với lại tao cũng không thể bay một mình được.

- Ô hay, tao đã nhận lời gì đâu.

- Mày không tố cáo tao dù mày đã thấy tao trừ nhiều xăng có nghĩa là mày nhận lời trốn đi với tao. Bây giờ, tố cáo tao thì cũng trễ rồi. Nếu mày tố cáo tao, mày cũng sẽ bị bắn.

Poltarev cười to, và khuyên Barsov lấy xăng thêm nữa. Barsov vẫn từ chối. Hắn vẫn vừa suy nghĩ vừa nhìn những ngôi nhà vắng vẻ ở Piatra, rồi uống thêm một ly rượu. Poltarev vội thu chai rượu đi.

- Đừng uống nữa. Vài giờ nữa phải đi rồi. Tất cả đều sẵn sàng. Tao đã có đủ xăng.

- Nhưng tao không muốn đi, tao muốn chết hơn là phản bội.

Poltarev chỉ máy bay đậu trên sân và nói:

- Từ chối bây giờ thì quá chậm. Ở bên kia, hạnh phúc đang chờ chúng mình. Mày biết là phi công lương tháng bao nhiêu ở Mỹ không? Hơn cả

tiền mình kiếm được ở đây một năm. Và nếu mày biết là cuộc đời ở đó đẹp lắm, chắc mày sẽ cảm ơn tao nhiều.

- Nhưng tao không nhận lời phản bội.

Barsov vừa nói vừa nhìn chiếc phi cơ và lập lại:

- Tao không thể phản bội được.

- Tao đã giấu xăng trong mấy hộp thức ăn ở hầm máy bay. Có đủ để bay xa rồi.

- Nhưng nếu tụi Mỹ bắt hai đứa mình và trả lại cho Sô Viết?

- Thôi đừng sợ nữa. Tao bảo đảm với mày là tám ngày nữa tụi mình đã ở trung tâm Nữ Ước với thuốc lá trên môi và túi đầy ắp tiền.

- Mày bảo đảm thế à? Làm sao mày chắc chuyện đó được?

- Bởi vì tao đã ở ngoại quốc và tao biết chuyện rõ lắm rồi.

Cả hai cùng yên lặng ngắm chiếc máy bay. Barsov nghĩ đến Olga và nói:

- Tao đi với mày.

- Nếu có chuyện gì xảy ra tao tự tử. Và thế là đúng lắm. Một kẻ phản quốc phải chết. Tao đã là một kẻ phản quốc, phản quốc từ ngày đầu tiên tao bằng lòng nói chuyện với mày cách đây sáu tháng.

Và hai giờ sau họ bước lên máy bay thì Barsov mới cảm thấy sung sướng. Hắn ta nói với Poltarev:

- Tao sung sướng đã trốn đi thế này, như chưa bao giờ sung sướng thế.

- Hạnh phúc sẽ có trong tương lai. Cuộc đời chỉ mới bắt đầu thôi. Mày không hiểu là đời đẹp lắm đấy. Mọi người mơ ước được bỏ đi. Mày có may

mắn lớn lao đã được đi như mây đã từng mơ ước.

Thế là chiếc máy bay của ông bộ trưởng chiến tranh Boris Bodnariuk của Lỗ ma ni hướng về phương Tây, phía Áo quốc. Barsov bảo: «Đây là giờ trọng đại nhất của đời tao». Bởi vì lần đầu tiên trong đời phi công, hắn mới cảm thấy hắn bay thật sự bay trong tự do, như những con chim bay theo ý muốn - Một chuyến bay thực sự.

X

Bốn giờ sau cuộc đào ngũ của hai phi công đó, Boris vẫn không hay biết gì cả, bởi vì Boris vẫn còn nằm trong biệt thự trên đồi thông. Cho dù có giường nệm êm ái, hắn vẫn không thể ngủ được. Hắn còn phải thảo bài diễn văn phải đọc trước hội nghị Bucarest nhân lễ kỷ niệm nữ anh hùng Tinka Neva và sự thành lập liên ban các nước cộng hòa nhân dân Sô Viết quanh sông Danube. Không chịu nổi tiếng tích tắc của đồng hồ, hắn đứng lên cho đồng hồ dừng lại. Nửa đêm, bỗng có xe đậu lại trước biệt thự, hai vị đại tá Sô Viết đi vào, Boris đoán là có việc hệ trọng xảy ra. Một người bảo ngay:

- Sô Viết lại bị phản bội một lần nữa. Thống chế những người Slaves miền Nam từ chối không đến Bucarest để dự hội nghị các nước cộng hòa nhân dân quanh sông Danube, hắn vẫn ở yên trong dinh có hai trung đoàn canh gác. Trong vài ngày hắn sẽ hủy bỏ hòa ước với Sô Viết.

Boris giận run lên. Hắn đã thông báo cho Mạc tư khoa bao nhiêu lần về việc thống chế những người Slaves có liên lạc với Tây phương, về việc ông ta bỏ hội nghị liên bang để xa rời hắn Sô Viết và liên hiệp với các nước tư bản. Boris thừa biết là việc phản bội này không phải vì tiền cũng như vì dị biệt ý thức hệ, mà chỉ vì vị thống chế đó là một kẻ kiêu ngạo, hắn muốn trở thành quan thầy, một kẻ độc tài. Trong khuôn khổ các nước cộng hòa của liên bang Sô Viết, điều đó không thể nào có được, nên ông ta phải đánh ván bài Hoa Kỳ vậy.

Người Mỹ đã hứa với ông ta (với điều kiện là ông ta đoạn giao với Sô Viết) là sẽ để cho ông ta làm chủ tịch liên bang các nước Lỗ, Bảo Gia Lợi, Hung Gia Lợi, Nam Tư, Albanie, Áo Quốc. Và lúc ông ta đã được bảo đảm trở thành quan thầy nhờ người Mỹ, ông ta đã phản bội. Boris vừa mời nước vừa cúi kính nói:

- Tôi đã chắc là tên thống chế đó sẽ phản bội. Hẳn với tôi là bạn thân, nhưng ngày mà tôi thấy hẳn nuôi con chó trong nhà một cách đam mê, tôi biết chắc hẳn sẽ phản bội trong tương lai. Người nào có đam mê một điều gì đương nhiên sẽ là một kẻ phản bội. Người nào đam mê một con chó không thể là một người cộng sản. Với lại, hẳn ta còn có một đời sống quá xa hoa. Hẳn mặc y phục còn sang hơn cả Goering. Khăn choàng viền vàng, áo quần bánh chọe, biệt thự huy hoàng. Cho nên đương nhiên là có ngày hẳn sẽ phản bội. Hẳn đã phản bội giai cấp công nhân. Chỉ cần nhìn bộ áo và con chó là biết ngay hẳn sẽ phản bội. Mỗi lần tôi trông thấy con chó của viên thống chế đó, tôi muốn rút súng ra bắn chết con vật trước mắt hẳn. Tên đảng viên cộng sản gan dạ đó chỉ vì con chó mà phản bội, bởi vì các đam mê khác sẽ tiếp theo cái đam mê đầu tiên là lòng yêu thích con chó.

- Mạc tư khoa muốn đồng chí đến xứ Slaves miền Nam. Tên thống chế đó phải bị bắt hay bị giết trước khi hẳn công bố kế hoạch phản bội.

Ông đại tá kia nói tiếp:

- Chúng ta hiện có năm sư đoàn trong nước, ngày mai nhiều sư đoàn khác từ Lỗ ma ni, Áo Quốc và Hung Gia Lợi sẽ vượt sông Danube. Đồng chí có quyền sử dụng một phi đội đã sẵn sàng. Tùy theo nhu cầu, chúng tôi có thể điều động số máy bay mà đồng chí yêu cầu. Mạc tư khoa muốn đồng chí có mặt ở biệt thự tên thống chế đó. Ngay trong biệt thự đồng chí có sẵn một tiểu đội cảnh sát, một tiểu đoàn nhảy dù và một phân đội nghĩa quân Albanie mà đồng chí có thể tin cậy được. Tất cả đều đã được huấn luyện kỹ càng và sẽ đột nhập vào biệt thự. Tôi sẽ cung cấp đầy đủ chi tiết của kế hoạch lúc đi trên máy bay. Mạc tư khoa rất tin tưởng khi trao nhiệm vụ này

cho đồng chí. Tên thống chế đó là bạn thân của đồng chí, hẳn chưa hề nghi ngờ gì đồng chí cả. Dù sao hẳn ta phải bị bắt hay bị ám sát trong 48 giờ tới đây, nghĩa là trước khi âm mưu phản bội của hẳn được công khai hóa.

- Tên thống chế đó biết là đồng chí sẽ đến thăm hẳn ngày mai, và hẳn đã xác nhận trên đài phát thanh là hẳn đang chờ đồng chí. Đồng chí là con người duy nhất có thể vào được cái ổ đó để giết con rắn độc. Bây giờ phải hành động gấp.

Boris vội vã mặc áo, vừa nghĩ thầm: «Một người cộng sản thực sự không được có một đam mê nào cả, phải vươn lên khỏi đời sống nô lệ, nhất là không còn bản năng bảo thủ. Phải hy sinh đời sống của chính mình cũng dễ dàng như hy sinh một chiếc áo, một ống điếu, vì tất cả đều thuộc về Sô Viết, kể cả mạng sống.

Boris suy tính về chương trình loại bỏ tên thống chế. Trong gian nhà bên cạnh, hai đại tá đang đùa giỡn với con ở, Boris bực mình. Hẳn ghét đàn bà, vì đàn bà có thể là một đối tượng đam mê của người cộng sản, đàn bà vốn là kẻ thù của hẳn, của đảng và của Sô Viết. Bỗng một người dừng trước cửa, đưa cho Boris một điện tín:

«Phi cơ của đồng chí đã vượt biên giới và đáp xuống khu vực người Mỹ ở Đức. Đào ngũ có tính toán trước của hai viên phi công Igor Poltarev và Anatole Barsov. Xem lại các tài liệu có bị mất hay không.»

Boris xé bức điện tín và đốt đi. Hẳn muốn bình tĩnh nhưng không thể được. Vốn đã căm thù kẻ phản bội nhưng chưa bao giờ hẳn ghét kẻ phản bội bằng đêm nay. Hẳn mơ ước có một điều là bóp cổ viên thống chế có con chó nuôi trong nhà để trả thù cho tất cả những vụ phản bội từ trước và sắp xảy ra, từ Natacha đến Barsov, Poltarev và mọi người.

Và chính với bầu máu nóng đó mà hẳn bước lên máy bay cùng hai tên đại tá Nga Sô. Họ cùng bay về biệt thự tên thống chế phản bội, bay đến ổ

rắn độc. Lúc máy bay cất cánh từ phi trường Piatra, Boris nói:

- Tôi muốn là chỉ một viên đạn sẽ giết một lúc tên thống chế và con chó của hắn.

XI

Vài ngày sau hôm Isaac Salomon tự tử, bác sĩ Ante Petrovici đến nhà Daniel Motok. Ông này bảo :

- Tôi mới bác sĩ đến đây để nhờ một việc. Tôi buôn lậu với Isaac Salomon, bây giờ cảnh sát đang truy tìm, thế nào tôi cũng phải đi. Nếu Gia nã đại, Úc, Argentine nhận tôi thì tôi đã không đi buôn lậu. Bây giờ nếu tôi bị bắt, tôi bị năm năm tù. Hôm nay tôi phải trốn qua Hoa Kỳ trong hai giờ đồng hồ nữa và mong bác sĩ giúp cho tôi.

Phòng Motok đã sắp đặt có thứ tự. Một va ly để trên giường và chiếc tủ gỗ lớn ở đằng sau cửa. Motok nhìn đồng hồ và bảo :

- Họ đã mời tôi trình diện nhiều lần rồi, nên họ có thể đến đây bất cứ lúc nào. Tôi có biết là lính Mỹ có quyền gọi về nhà những chiến lợi phẩm lấy được ở Âu châu. Họ có toàn quyền gọi bất cứ thứ gì để ghi lại chiến công của họ trong cuộc thánh chiến giải phóng Âu châu, để trang hoàng nhà cửa. Và tôi đã tạo được một kiện hàng này.

Motok chỉ một cái két mới nguyên có đề tên : Bà Blanche Schmith New York City N.Y.

- Tôi sẽ chui vào két này. Người lính Mỹ John Schmith khoảng sáu giờ sẽ đến đây nhận kiện hàng và gọi ra phi trường. Tôi nằm ở trong, nhưng bên ngoài sẽ có chữ chiến lợi phẩm. Nếu tôi không bị chết ngột lúc đi đường thì tôi sẽ đến Hoa Kỳ an toàn. Lúc tôi đã chui vào trong, xin nhờ ông đập nắp kỹ càng và giao gói hàng này cho John Schmith. Khi hắn đã mang

lên xe Jeep xong, ông giao cho hắn ta năm trăm đô la. Tôi chỉ nhờ ông từng ấy việc.

Búa, đinh và đô la đã để sẵn trên bàn. Motok chờ bác sĩ Petrovici trả lời. Ông này hỏi lại :

- Người lính Mỹ có biết là ông nằm trong két không?

- Không, hắn ta nhận các điều kiện sau đây: Tôi cho hắn năm trăm đô la để trả tiền cước chuyên chở, kiện hàng không được nặng quá 500 kg và không được chứa đồ quốc cấm, một người nào đó phải mang kiện hàng từ nhà ra đến xe Jeep. Tôi đã hứa với hắn là tôn trọng tất cả điều kiện trên. Sáu giờ hắn sẽ đến đây. Bà Blanche Schmith là mẹ hắn, nhưng kiện hàng này sẽ đến phi trường Nữ Ước và có người đến nhận ngay.

- Như vậy anh tự xem như là chiến lợi phẩm mà lính Mỹ có quyền gửi về nhà trong trận thánh chiến ở Âu châu?

- Những két chiến lợi phẩm không bị mở ra kiểm soát ở phi trường. Sự kiểm soát hoàn toàn bằng quang tuyến X, tụi Mỹ biết ngay thứ gì ở trong.

- Nếu vậy thì vô lý và nguy hiểm cho anh lắm. Anh quên rằng thân thể con người có chất kim khí và chất mà quang tuyến X có thể thấy được sao? Thân người có bộ xương. Cảnh sát sẽ trông thấy bộ xương anh, dù họ không nhìn được tim, máu cùng nỗi tuyệt vọng của anh, mà họ chỉ cần nhìn bộ xương thôi, tất cả những gì còn lại nghĩa là thịt, máu, bộ óc, da con người không quan trọng gì đối với họ cả. Cảnh sát không đánh giá con người ở các thứ đó. Chỉ có bộ xương là quý thôi. Họ sẽ khám phá ra bộ xương sống, xương hàm, xương đầu của anh. Chính quyền sẽ không nhìn thấy trái tim anh, tôi đồng ý, nhưng cảnh sát nhờ dụng cụ tối tân để nhìn được bộ xương anh trong kiện hàng, và không bao giờ họ cho anh lên máy bay. Một bộ xương người không thể nào vượt qua biên giới được.

Motok mở nắp két ra, ở bên trong được lót một lớp giấy thiết lấy từ các gói thuốc lá và chocolat:

- Bộ xương của tôi sẽ được thứ giấy này che chở ông khỏi lo. Ante Petrovici đành yên lặng. Motok nói tiếp :

- Két này do tôi làm lấy. Tôi có trữ đủ cà phê, sinh tố và rượu Cognac, nghĩa là có đủ cho một cuộc hành trình. Kiên nhẫn thì tôi có thừa, chỉ cần một ít may mắn nữa mà thôi. Tôi nghiên cứu kỹ kế hoạch này từ nhiều tuần nay rồi. Ý nghĩ này xuất hiện khi tôi đọc báo thấy một thiếu nữ đi Hoa Kỳ bằng cách trốn trong một kiện hàng. Nhưng trước khi máy bay cất cánh, cô ta ngột thở và phải kêu cứu.

Petrovici chán nản:

- Tôi không nhận giúp anh. Tôi không thể làm điều anh yêu cầu được. Giả sử anh đến Hoa Kỳ mà anh còn sống và không bị phát giác dù là điều này khó xảy ra được, thì anh sẽ làm gì ở Nữ Ớc? Chỉ vài giờ sau anh sẽ bị bắt và cho hồi hương ngay. Hoa Kỳ đã cho hồi hương hàng triệu người di cư một cách bí mật. Ngày nào cũng có tàu chở loài người đó rời bến tàu Mỹ đi về phía Âu châu. Sau bao nhiêu cố gắng, anh sẽ bị đưa xuống tàu có kềm gai bao quanh và trở về nhà lại. Bao nhiêu tàu như thế đang đi trên đại dương, đang chở tù nhân bồng bềnh trên nước để đi về phía Âu châu. Từ ngày chiến thắng, tù nhân không những ở trên đất mà còn ở trên mặt biển, trên đại dương nữa. Anh có muốn trốn một nhà tù trên đất liền để bị nhốt trong hầm giam nổi trên nước?

- Ông từ chối thì thật tôi khó xử quá. Ngoài ông ra tôi không còn nhờ ai đóng đinh trên nắp két này được nữa. Bạn bè tôi biến mất hết rồi. Isaac Salomon thì đã tự tử. Varlaam đã đi Palestine rồi. Aurel Popesco đã trở thành một công chức cao cấp không thể nào gặp được. Pillat thì quá đa cảm, không nhờ việc này được. Tại sao bác sĩ nữ lòng từ chối?

- Bởi vì, đối với tôi việc này đồng nghĩa với tự tử. Tôi không thể hoàn thành việc làm như thế được. Motok, anh tha thứ cho tôi. Tôi cảm thấy thương hại cho con người, không những chỉ riêng anh, riêng tôi, mà xót thương cho tất cả con người đã bị đẩy đến những giải pháp tuyệt vọng như thế. Không những riêng chúng ta, trên hoàn cầu, có hàng trăm triệu người phải nghĩ đến lối thoát tuyệt vọng cuối cùng như anh. Anh nghĩ lại xem, hàng trăm triệu người như thế. Nghĩa là một nửa dân số Hoa Kỳ, hai lần dân số nước Pháp, toàn là những người lang thang, tuyệt vọng, mất hết quyền sống. Chưa bao giờ có một giai cấp vô sản như thế hiện hữu trên thế giới. Chúng mình là những kẻ vô sản đau đớn nhất trên trái đất. Chỉ vì những hiệp ước, hội nghị giữa Tây phương với Quốc xã, với Sô Viết sau đó, mà hiện giờ có hàng trăm triệu người cù bơ cù bất trên khắp nẻo đường đang đi kiếm một lối thoát cuối cùng trong tuyệt vọng. Cho nên tôi không có can đảm để giúp anh một việc như thế.

Trước khi bỏ ra về Ante Petrovici nói tiếp:

- Cũng có thể chính quyền sẽ cho phép gửi kiện hàng này đi cho dù họ khám phá ra bộ xương ở trong đó. Bởi vì những người lính can đảm có thể gửi về nhà những chiến lợi phẩm như là một chiếc gươm, một bộ áo, những hạt nút của địch quân bị ngã gục để trang hoàng nhà cửa thì tại sao họ không có thể gửi về một chiếc sọ hay một bộ xương người như là một chiến lợi phẩm? Gửi như thế lại càng chứng tỏ lòng can đảm tột độ của họ đối với cha mẹ hay người yêu của họ chứ sao. Chiến lợi phẩm thường hay được gửi về tổ quốc nhất là những sợi dây người lính dùng để treo cổ các tướng lãnh của quân thù. Đã thế tại sao họ lại không gửi những bộ xương cho tiện việc. Vì thế anh có thể không bị ho phiền hà gì trong chiếc hòm bay đó vì họ xem anh như một chiến lợi phẩm. Rất có thể tôi đã bị lòng căm hờn chi phối nhiều quá. Motok, anh tha lỗi cho, tâm hồn tôi đã quá nhiều lần nổi loạn.

Motok nhìn đồng hồ bảo :

- Nếu ông không giúp tôi, tôi đành kiếm người khác vậy. Tôi phải vào trong hòm này trước 6 giờ. John Schmith sẽ đến đây đúng 6 giờ.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Xii & Xiii & Xiv & Xv:

nte Petrovici từ chối không đóng đinh vào chiếc thùng đựng Motok. Nhưng anh chàng này đã nhờ được một người bạn khác làm công việc đó. Đúng 7 giờ sáng chiếc thùng có Motok ở trong đến phi trường, được đặt cạnh chiếc máy bay đi Nữ Ước, cùng với các kiện hàng chiến lợi phẩm khác. Không ai khám phá được Motok đang ở trong, hăn lẳng tai nghe được tiếng chong chóng quay, tiếng hành khách nói chuyện với nhau.

Hai người đàn ông đến gần thùng đựng Motok, họ nói với nhau bằng tiếng Nga. Motok đoán họ cũng là những hành khách bắt buộc như mình, nên hăn lẳng nghe xem họ nói những gì. Một người tên là Igor và một người tên là Anatole Barsov. Hai người này đang cãi cọ với nhau. Theo dõi câu chuyện, Motok mới biết họ là hai phi công Sô Viết đã đào ngũ và những người Mỹ đang chở họ về Hoa Kỳ. Igor bảo:

- Mày thật ngu độn. Nếu mày cứ tiếp tục nói với tụi Mỹ là mày trốn đi không vì những lý do chính trị thì tụi hăn sẽ trả mày về nhà mày ngay.

- Nhưng tao không thể nói dối được.

- Nhưng ít nhất mày cũng phải nói những gì mà tụi Mỹ thích chứ. Bởi vì người Mỹ không cần những sĩ quan Sô Viết trốn qua xứ họ vì đã cãi nhau với vợ hay vì không thể trả hết nợ được. Người Mỹ nhận chúng mình và hậu đãi như những ông hoàng bởi họ cho là chúng mình trốn đi vì thù ghét chế độ. Cho nên thay vì nói với báo chí về những tàn bạo của Staline, của Boris, của cả chế độ cộng sản, mày cứ lập lại như một thằng ngu là suốt ngày mày cãi với vợ con, với cấp chỉ huy không đoàn và mày đã bị thương

ở chiến trường như thế nào. Mấy chuyện đó không liên hệ gì với tụi Mỹ cả, họ muốn mầy nói về Staline hơn.

- Tao không biết gì về Staline cả. Tao cũng chưa bao giờ thấy ông ta nữa, làm sao mầy bảo tao kể chuyện ông ta được.

- Thì mầy cứ bảo với họ là mầy có thấy Staline trong một cuộc duyệt binh, thấy ở đằng xa, rằng không ai có thể lại gần ông ta vì chung quanh toàn là lính gác người Caucase cao đến hai thước và trang bị vũ khí đầy đủ. Như là tao đã bảo với họ như thế. Mầy không để ý là tụi Mỹ thích những câu chuyện như thế lắm sao.

- Tao không thể làm như thế được.

- Thì cứ nói với họ là mầy trốn đi vì những lý do chính trị, rằng sự khủng bố đang ngự trị trên đất Sô Viết, rằng không ai muốn sống ở Nga Sô cả. Ít nhất là mầy cũng nói với họ là sĩ quan Sô Viết hút toàn thuốc lá dở ẹt, và chúng mình ăn uống không đầy đủ.

- Ừ, tao có thể nói với họ là ăn uống, thuốc men không đầy đủ, vì điều đó có thật.

- Bảo với tụi Mỹ là mầy đã chóa mắt vì xe cộ của họ, vì áo quần, sự ăn uống của họ, mầy thích thú đến cả với miếng sô cô la thơm ngon của họ, nói với họ là những thứ đó không có ở Nga Sô. Tụi Mỹ là những kẻ buôn bán, nên họ thích ai ca tụng họ là những quân nhân và nhà ngoại giao giỏi. Nếu mầy nói với họ như thế thì kể như sự nghiệp mầy đã tạo dựng xong xuôi rồi đó.

Barsov trả lời:

- Tao có lương tâm, tao không phải là một thằng nói dối. Mầy thì có thể như thế được.

- Mày ngu lắm. Nếu mày không nghe tao, tai họa sẽ đến với mày, rồi mày xem.

Nhân viên máy bay đã mang kiện hàng có Motok ở trong nhẹ nhàng đặt lên phi cơ. Họ đã trông thấy trên kiện hàng chữ «chiến lợi phẩm» và họ thừa biết là họ phải cẩn thận đối với các kiện hàng đó.

XIII

Boris Bodnariuk bay đến nước những người Slaves miền Nam. Hai vị đại tá Sô Viết yên lặng không nói, cả Boris cũng thế. Gần như cả ba đang buồn ngủ, nhưng thật sự cả ba đang nghĩ đến kế hoạch ám sát viên thống chế xứ đó.

Viên đại tá to lớn đang ngậm kẹo ho. Đến gần Boris, ông ta mời một viên kẹo và bảo nhỏ:

- Trưa nay sẽ có một bữa ăn khoản đãi đồng chí ở biệt thự tên thống chế đó. Chúng ta phải để súng lục tại phòng thay áo. Nhưng người của chúng ta sẽ trao lại súng khác vào túi chúng ta. Như thế là khi ngồi vào bàn ăn, chúng ta sẽ gồm có năm người được trang bị vũ khí rồi đó.

Yên lặng. Máy bay đang bay vào mây mù. Boris nhốt viên kẹo ho vào khăn tay. Viên đại tá bảo:

- Giờ này quân ta đang tiến vào xứ tụi Slaves miền Nam. Đến tối viên thống chế đó sẽ bị giết. Quân ta sẽ chiếm trọn xứ đó, chỉ cách Vatican vài trăm cây số. Công cuộc loại bỏ viên thống chế đó mở đường cho Hồng quân tiến vào Ý Đại Lợi, Ba Lê, Luân Đôn. Cho nên hành động chúng ta hôm nay là một hành động rất quan trọng cho diễn biến của lịch sử. Tất cả tùy thuộc vào sự khéo léo của chúng ta.

Nhìn đồng hồ, viên đại tá cười nói tiếp :

- Từ đây cho đến một giờ trưa, con chó của viên thống chế sẽ bị mờ côi. Một con chó không có thống chế nữa.

Viên đại tá lại ngậm thêm một viên kẹo ho. Máy bay đang bay thật cao, hình như đang nghiêng về bên phải. Boris quá mệt mỏi. Một người trong phi hành đoàn quay lại, la to:

- Cháy.

Boris soát lại dù nhảy, và nhìn qua cửa sổ. Máy bay vẫn tiếp tục bay, nhưng đã hơi nghiêng. Hắn nắm chặt tay định đập vỡ cửa kính. Đáng lý phải hỏi phi hành đoàn xem thử phải làm những gì, hắn ta lại nắm chặt tay như hồi 15 tuổi hắn quyết định bơi qua sông Dniestr, hết như thế.

Bên ngoài chỉ toàn là mây trắng. Boris không thấy sợ hãi gì cả. Hắn nhét cặp da vào trong áo và quàng áo choàng lên ngực. Hắn đoán là hắn đang ở trên không phận nước Đức. Nếu phi cơ không đáp được, hắn phải nhảy bằng dù. Chỉ có một điều làm hắn khó chịu là vì kẹo ho trong cổ. Hắn ho đến muốn ói thứ đó ra. Phi cơ đã đầy khói rồi.

Boris đập vỡ cửa kính, nhưng không khí tràn vào lại càng ngọt thở hơn nữa. Khói tràn cả phi cơ, hắn đứng dậy tìm cánh cửa lớn, vì cửa sổ nhỏ quá, không nhảy ra ngoài được. Gài chặt áo lại, Boris tức là đã không kiếm cửa lớn được trước khi khói tràn vào ngập phi cơ. Giờ này không thể kiếm được nữa, cái bụng lại bắt đầu khó chịu. Mùi kẹo ho làm hắn buồn nôn. Hắn nghiêng cả người, tưởng như sắp ngạt đến nơi. Có ai la to bên tai, nhưng hắn không trả lời được. Hắn gập người lại, và tưởng như đang ở trong đêm tối mù mịt và trong một cơn buồn nôn vô tận vì chất kẹo ho. Hắn rủa thầm: «Đồ thứ kẹo khốn nạn!».

Cơn buồn nôn đã thu nhỏ cơ thể hắn vào hư vô. Cơ thể hắn đã phản bội hắn. Đâu đâu cũng toàn là chuyện phản bội. Anatole Barsov phản bội. Viên

thống chế nuôi con chó đẹp cũng phản bội. Và bây giờ chính cơ thể hắn cũng không tuân lệnh hắn nữa.

Chán nản, hắn nhắm mắt lại. Chỉ còn có mùi kẹo ho trong cổ. Hắn ghét cay cái mùi kẹo này cũng như hắn ghét cay lũ phản bội. Ghét hết các thứ phản bội, nhưng nhất là sự phản bội của cơ thể hắn.

Bây giờ chỉ còn lại một cơn buồn nôn, một sự rơi xuống vực thẳm và hư vô.

Lúc hắn mở mắt ra, chung quanh toàn màu trắng. Ánh sáng đó làm hắn chảy nước mắt. Nhắm mắt lại, thì hắn lại có cảm tưởng rơi vào một màn tối dày đặc. Hắn thầm nghĩ «Lại là một thứ phản bội khác nữa đây». Hắn cố nhấc chân lên, nhưng không được. Muốn đưa tay lên, cũng không được nữa. Tay chân hắn đã chết hết cả rồi. Boris nghĩ «Kẻ thù Sô Viết đã biết nhiệm vụ của mình và chúng nó đã gây ra tai nạn».

Boris lại mở mắt ra. Thì ra hắn rơi trên núi tuyết. Hắn muốn nhúc nhích, nhưng thân thể không vâng theo ý muốn hắn nữa. Chỉ còn lý trí và một mắt còn nghe theo hắn, nhưng mắt hắn chỉ còn trông thấy màu trắng, nhắm mắt lại thì toàn màu đen bao phủ.

Chỉ còn một mắt mở được, con kia rất có thể đã rơi mất. Hắn nhắm mắt lại. Đen tối. Lại mở mắt ra, toàn màu trắng. Nhưng không phải toàn là màu trắng của tuyết mà là những người đàn bà mặc quần áo trắng, những người đàn ông trắng, bức tường trắng, nệm trắng... Hắn thầm nghĩ:

- Mình chỉ còn một mắt. Y hệt như Angelo. Với một mắt thì chỉ thấy hoặc đen hoặc trắng. Chỉ thấy có hai màu mà thôi; mà đen, trắng có phải là màu sắc đâu.

Boris cố tìm trong trí nhớ một màu khác, nhưng ngay cả trong trí nhớ cũng chỉ có hai màu đen và trắng. Tất cả di vãng của hắn chỉ là đen hoặc trắng mà thôi.

Vào lúc đó, Boris không biết là hắn đã đạt đến lý tưởng của Đảng và các đồng chí hắn. Tức là chia vũ trụ làm hai màu : đen và trắng. Cũng như hắn nhắm mắt thì thấy đen và mở mắt thấy trắng, nhân loại cũng thấy sự vật trắng hay đen tùy theo nhu cầu của lịch sử. Điều đó đã là lý tưởng rồi. Một vũ trụ trong sáng, chính xác không màu sắc. Màu sắc vừa vô ích vừa rắc rối. Trắng và đen là đủ rồi. Hoặc có hoặc không là đủ rồi. Vũ trụ không cần giải đáp nào khác ngoài hai chữ có hay không. Những câu trả lời khác đều là phản động, hay chỉ là những dị biệt nhỏ.

Boris cảm thấy một vật lạ bên tai, sau đó hắn nghe được. Hắn quên là hắn đang có thính giác. Độ sau này, hắn không còn nghe gì nữa cả. Hắn đã sống trong câm điếc. Hắn không còn cảm nhận đau đớn, thế mà bây giờ đây mi mắt của hắn cho hắn biết lại thế nào là đau đớn. Bỗng một giọng nói răn rỏi, bằng tiếng Anh:

- Chúng tôi muốn nói chuyện riêng với bệnh nhân.

Cái máy nghe để bên tai Boris thật lạnh, hình như lần đầu tiên cảm giác lạnh lẽo đó xâm chiếm con người hắn, hắn có nhớ ra rằng đôi lúc cũng có ấm áp, nhưng lúc này hắn chỉ thấy toàn là lạnh lẽo.

Mở mắt, Boris trông thấy hai sĩ quan Sô Viết. Những người áo trắng đi hết rồi, hai sĩ quan nọ hình như đang bận áo toàn đen. Một viên sĩ quan nói bằng tiếng Nga:

- Nhờ mũi thuốc, đồng chí sẽ tỉnh táo chừng một giờ. Hãy cho chúng tôi biết là đồng chí có nghe hiểu chúng tôi nói gì không, nếu không, chúng tôi sẽ chích thêm một mũi thuốc nữa. Chúng tôi cần hỏi đồng chí vài điều. Chúng tôi được bộ chỉ huy Sô Viết ở Vienne gửi đến đây.

Họ đưa cho Boris tấm căn cước để xem thử Boris có đọc và hiểu được không. Boris thấy rõ khuôn dấu sở mật vụ Sô Viết và cảm thấy yên tâm hơn. Một người lại bảo:

- Đồng chí đang nằm trong một bệnh viện của người Mỹ. Đồng chí có nhớ những gì đã xảy ra không?

Người kia giải thích tiếp:

- Đồng chí đi từ Piatra bằng phi cơ và rơi trên núi, đồng chí là người sống sót duy nhất sau tai nạn đó, mấy người kia đều chết hết. Người Mỹ mang đồng chí lại đây, và báo tin cho chúng tôi. Suốt hai tuần nay chúng tôi có nói chuyện với đồng chí nhưng vô ích. Người ta bảo là trong cơn mê sảng, đồng chí đã khai đồng chí tên là Boris Neva, và chính người ta đã ghi tên đó vào sổ bệnh viện. Tốt lắm, đồng chí cần giữ nguyên lời khai đó. Cần nhất là đừng để cho tụi Mỹ biết lý lịch của đồng chí. Thế nhưng, đồng chí có nhớ rõ tên của đồng chí không nhỉ?

- Boris Bodnariuk.

- Chúng tôi sẽ cho đồng chí hồi hương trong chừng 10 hôm nữa. Trong lúc chờ đợi, nhớ giữ cái tên Boris Neva. Bây giờ, đồng chí cố lập lại những gì chúng tôi vừa nói.

- Tôi bị tai nạn phi cơ, được chở đến bệnh viện Mỹ với cái tên là Boris Neva. Tôi sẽ được hồi hương trong 10 ngày. Tôi không được để lộ lý lịch của tôi.

Vị đại tá thân mật vỗ vai Boris. Lần đầu tiên, Boris mới nhận biết được vai của mình. Vị đại tá bảo :

- Tôi rất tiếc là không thể mang đồng chí đi ngay được. Người Mỹ bảo là chưa thể di chuyển được, chúng tôi sẽ lại thăm đồng chí đều đều.

Boris hỏi thêm:

- Đây là một vụ phá hoại hay phản bội?

- Thủ phạm sẽ bị trừng phạt và thủ tiêu.

- Nếu chúng bị thủ tiêu thì tốt lắm.

Boris nói thế và nhắm mắt lại. Hắn lại rơi vào một màn đêm đen tối.

XIV

Vài ngày sau, hai viên sĩ quan Sô Viết lại đến thăm Boris. Cả ba nói chuyện rất lâu. Viên đại tá bảo :

- Tai nạn phi cơ vừa rồi thật là một tai họa. Viên thống chế xử người Slaves miền Nam không bị thủ tiêu thì sự phản bội của hắn ta đã công khai hoá. Sô Viết đã bị mất Địa Trung Hải, cánh cửa mở để đi về phương Tây và vịnh Adriatique. Tai hại quá nhưng chúng ta phải cố hàn gắn những gì có thể hàn gắn được. Bây giờ tên thống chế đó trở thành tên bồi phòng cho lũ Tây Phương. Những rủi ro đó thật cũng tại vì đồng chí không thể giết hắn đúng lúc được. Đồng chí đã làm chủ tình thế nhưng chỉ vì phi cơ bị rớt. Nói cho hợp lý thì việc thay đổi tình thế tùy thuộc vào đồng chí. Bây giờ đồng chí đã bị què quặt, nhưng khối óc, trái tim vẫn còn thì đồng chí vẫn có thể tiếp tục phục vụ.

Họ cũng kể cho Boris nghe là Sô Viết không từ bỏ kế hoạch ám sát viên thống chế đó, nhưng bây giờ khó khăn hơn nhiều:

- Công việc thủ tiêu đòi hỏi thời gian. Chúng ta đã thành lập một hệ thống toàn hảo, vì chúng ta sẽ thanh toán tên thống chế đó, chắc chắn như thế, nhưng còn lâu lắm. Lúc này, chúng ta chỉ nuôi ý tưởng thủ tiêu hắn ta mà thôi.

Boris bổ túc thêm:

- Trotsky cũng bị ám sát về phương diện chính trị trước khi hắn bị giết. Trong các trường hợp phản bội, khi kẻ bị ám sát đào tẩu được thì việc kết

án tinh thần và chính trị cũng làm cho thủ phạm khổ sở lo âu...

- Muốn kết án Trotsky, chúng ta cần bản cáo trạng năm 1938.

- Thì điều đó cũng có thể tái diễn vậy, rất cần thiết nữa là đảng khác. Các nước tân cộng hòa, như Lỗ ma ni, Hung gia lợi, Bảo gia lợi hoặc kín đáo hoặc lộ liễu đều muốn tạo phản. Bản cáo trạng về viên thống chế mang tinh thần trưởng giả nọ sẽ quét sạch tất cả ám muội chính trị ở các quốc gia đó. Lúc rời khỏi bệnh viện này, tôi sẽ đề nghị một bản cáo trạng kết án lũ âm mưu kia ngay.

Viên đại tá trả lời:

- Bản cáo trạng đó đã xong xuôi. Tháng tới chúng ta sẽ mở ở Bucarest một tòa án kết tội tên thống chế đó. Chúng ta sẽ chứng minh rằng hắn ta đã bị lũ tư bản Tây Phương mua chuộc, rằng hắn đã tìm cách nô lệ hoá những dân tộc đã được Sô Viết giải phóng khỏi ách thống trị của lũ tư bản Anh – Mỹ. Hàng ngàn tội trạng đã được phơi bày. Chúng nó đã thu nhận tất cả. Chỉ còn thiếu một nhân vật chính, một người cộng sản ưu tú đóng vai tội nhân để trình bày những giai đoạn và mặt trái của sự phản bội. Thiếu một người như đồng chí, nguyên phó chủ tịch liên bang Danubienne. Chúng ta còn thiếu một người đóng vai y hệt tên thống chế, để tự thú tội, một người nào đó để bị kết án như là đại diện cho tên thống chế đó. Chúng ta thiếu có bấy nhiêu, còn ngoài ra sẵn sàng hết cả rồi.

Boris bảo :

- Tôi đã không chết trong tai nạn máy bay, bây giờ tôi xin để tùy quyền đồng chí định đoạt.

- Đồng chí muốn đến Bucarest để đóng vai tên thống chế có tư cách trưởng giả đó ư?

- Hẳn ta phải bị đào thải về phương diện chính trị. Chúng ta sẽ mang tội nếu để chậm trễ bản án đó. Còn ai hơn tôi trong công việc đâm một nhát dao chí tử vào tên phản bội đó?

Boris nghĩ đến cái may mắn tột cùng của một người công sản so với các người khác. Hẳn chỉ là một tên tàn phế, thế mà vẫn còn phục vụ đảng thật phi thường.

Viên đại tá có vẻ nhắc nhở :

- Nạn nhân chính sẽ bị kết án tử hình đấy.
- Dĩ nhiên đó là hình phạt xứng đáng nhất cho sự phản bội.

Nói xong, Boris nhắm mắt lại, và lại rơi vào bóng tối. Hẳn nghĩ là một đời người sống toàn với tiểu tiết chỉ là một đời người thấp kém.

Đời sống cao thượng chỉ cấu tạo bằng «có» hoặc «không», bằng «đen» hoặc «trắng», thì mới là một đời hoàn hảo.

- Như thế chúng tôi có thể thông báo là đồng chí tình nguyện đến Bucarest để tự thú tội trên cương vị tên thống chế?

- Nhu cầu của lịch sử đòi hỏi điều đó.

Boris thản nhiên trả lời như thế. Viên đại tá dặn thêm :

- Trong lúc này phải cẩn thận đấy, đừng để lộ tông tích.

Ông ta để xuống gõ Boris một khẩu súng lục, vỗ vai Boris và từ giã. Lúc cánh cửa đã đóng lại, Boris trầm nghĩ :

Sợ hãi cái chết là một thành kiến của tụi trưởng giả. Bây giờ mình đã quyết định chết, mình không còn sợ hãi gì cả, trái lại, mình còn cảm thấy khoan khoái, tinh táo, vì mình đang sống trong lịch sử, lần đầu tiên, mình

gắn liền với lịch sử, mạnh dạn sống với lịch sử. Sợ chết chỉ là một thành kiến mà thôi.»

XV

Buổi chiều, Boris đứng tựa ở cửa sổ. Tuy chưa bình phục hẳn, hẳn cũng đã có thể đi lại được. Hẳn sẽ được hồi hương vào trưa mai. Mấy vị sĩ quan trong bộ chỉ huy Sô Viết ở Vienne đã hứa với hẳn như thế.

Boris suy nghĩ nhiều về thứ kinh nghiệm sắp đến trong đời hẳn lúc hẳn trở về thú tội, một thứ tội phản bội mà hẳn không hề phạm. Nhờ hành động đó, một số lớn thành phần vô ích, nguy hiểm sẽ bị thủ tiêu và địa vị của đảng sẽ được củng cố hơn bao giờ hết. Đó là mặt phải của sự thử thách, trong khi mặt trái của nó là sự hủy thể của cá nhân. Boris tự phân tích rất chu đáo và thành thật, bởi hẳn muốn tìm hiểu xem mình có sợ chết hay không. Hẳn đã từng nói về sự khinh thị của một người công sản đối với cái chết của một cá nhân để cho đảng sống mãi.

Trên nguyên tắc thì Boris đang chấp nhận lý thuyết đó và không ngần ngại xin được xử tử hình. Về phương diện lý trí, cái chết vô nghĩa hơn những gì lịch sử, tôn giáo và văn chương đã đề cập đến. Cho nên lúc hẳn muốn tự tử, hẳn không sợ hãi gì cả. Động tác vô nghĩa đó không có gì khó khăn đối với hẳn cả.

Bây giờ bỗng nhiên hẳn khám phá ra một điều gì không ưng ý với hẳn, hình như một giọng nói âm thầm đang trỗi dậy. «Sau khi giả vờ tự thú, mầy sẽ bị kết án, nhưng mầy sẽ không bị xử tử». Boris lấy làm xấu hổ về ý nghĩ đó, nhưng hẳn không thể không nghĩ được, bởi hẳn vẫn hy vọng là nếu hẳn tự thú, đảng sẽ không xử tử hẳn nhưng con đề cao hẳn nữa. Hẳn tự hỏi: «Hay là vì sợ chết mà mình có cái ảo tưởng đó». Hẳn muốn xóa bỏ ý nghĩ đó đi, nên lại bảo thầm: «Mình sẽ được xử tử, mình sẽ bị xử tử, xử tử». Nhưng giọng nói âm thầm lại vang lên : «Đảng sẽ tán dương công lao của

mây và không bao giờ để mây chết. Hành động tự kết án đó sẽ được khao thưởng, kỷ niệm và tôn thờ».

Boris không muốn có ảo tưởng đó, hẳn muốn chắc là hẳn sẽ chết, chết thực sự theo chính lời yêu cầu của hẳn. Lý trí nói với hẳn rằng: «sự việc sẽ xảy ra như thế, nhưng hẳn không thể nào làm câm ngay cái giọng nói âm thầm bên trong rằng hẳn sẽ sống mãi.

Một chiếc xe ngừng trước cửa bệnh viện. Một người thanh niên vận âu phục, dáng điệu bờ ngõ bước xuống xe. Vị y sĩ trưởng đang đứng giữa sân với một bác sĩ khác ngay dưới cửa sổ của Boris. Thanh niên nọ lại gần, Boris lắng nghe câu chuyện. Thanh niên tự giới thiệu :

- Tôi là Milan Paternik, cố vấn chính trị cho bộ chỉ huy các lực lượng Âu châu (hẳn đưa căn cước và thư giới thiệu). Tôi mang theo một người đàn bà đã đến kỳ sinh nở.

- Không thể được, ở đây, chúng tôi không có trại sản phụ khoa. Vị y sĩ trưởng trả lời. Nhưng Milan nài nỉ :

- Đây là một trường hợp ngoại lệ. Vị chỉ huy trưởng yêu cầu ông nhận bà ta và săn sóc kỹ lưỡng.

Bác sĩ đọc bức thư. Marie sắp đẻ, đang nằm trong xe. Aurel Popesco đã tìm cách để nàng được nhận vào quân y viện vì không còn bệnh viện nào ở đây nữa. Milan Paternik đích thân đem nàng đến.

- Bác sĩ chúng tôi ở đây không chuyên về sản khoa, đáng lý chúng tôi không nhận, nhưng vì có lệnh trên, chúng tôi sẽ làm theo.

Milan lập lại:

- Xin bác sĩ vui lòng, đây là trường hợp bất khả kháng.

Boris chú ý đến chữ «trường hợp bất khả kháng, ngoại lệ» mà Milan cứ lặp đi lặp lại mãi. Bác sĩ cúi kính :

- Tôi không hiểu nổi, thật là quá đáng, ai đòi lại gọi vào quân y viện người đàn bà sắp sinh, đúng là họ muốn đùa với chúng tôi rồi.

Boris giật mình lấm bắm : «Mình hiểu, vâng, mình hiểu tại sao người ta gọi người đàn bà này đến đây».

Hắn trông rõ Pillat và Milan Paternik đỡ Marie xuống xe. Trong óc Boris, giả thuyết người Mỹ đã biết lai lịch hắn càng ngày càng rõ rệt. Nép sau tường, hắn nhìn kỹ Marie, nhưng không nhận ra nàng. Boris thầm nghĩ:

« Họ đưa Pillat và người đàn bà này đến đây để có thể nhận diện mình. Muốn biết chắc mình có phải là Boris không, tụi Mỹ đã đưa đến đây một người bạn học cũ của mình, cách tốt nhất để nhận diện mình là Boris Bodnariuk, bộ trưởng bộ chiến tranh Lỗ ma ni chứ không phải là công dân Số Việt Boris Neva». Boris nhớ lại lời khuyên của các sĩ quan Số Viết «Đừng để lộ tông tích». Rồi nhớ lại câu nói của viên bác sĩ «Thật là quá đáng, ai đòi lại gọi đến đây một người đàn bà sắp sinh. Tại sao lại đúng vào quân y viện chúng tôi», và câu nói của Milan Paternik «Đây là một trường hợp bất khả kháng, ngoại lệ...».

Thế là Boris chắc rằng Pillat đã được gọi đến đây để nhận diện hắn. Nhăm tính, còn 16 giờ nữa thì đến lúc hồi hương, nhưng nếu người Mỹ nhờ Pillat nhận diện được hắn thì hắn khó trở về nước được nữa. Bản cáo trạng ở Bucarest kết tội tên thống chế trưởng giả đó sẽ bị hủy bỏ. Boris thầm bảo: «Mình đừng để họ biết tông tích chứ».

Phòng bên có tiếng nói chuyện, lúc đầu bằng tiếng Anh, sau đó bằng tiếng Lỗ ma ni. Milan Paternik đang nói chuyện với y tá, Pillat nói với người đàn bà có thai. Milan nói :

- Chồng bà sẽ ở đây, ông ta ngủ ở ghế này.

Boris lắng nghe: «Sao lại ngủ đúng phòng bên cạnh phòng mình? Không còn nghi ngờ gì nữa. Họ gọi Pillat đến đây để nhận diện mình. Chốc nữa hẳn sẽ đến phòng mình với một lý do nào đó để nhìn mặt mình đúng theo chỉ thị đã nhận được». Boris bỗng để ý là cửa phòng hẳn không khoá: «Lại thêm một lý do nữa, sao họ lại lấy mất chìa khóa phòng mình?».

Boris lại cửa sổ và thấy Milan Paternik lên xe về một mình. Ở phòng bên, Pillat và Marie đang chuyện trò với nhau bằng tiếng Lỗ. Marie đang than phiền. Boris lại thầm nhận xét : «Nghe rõ như họ đang đứng nói chuyện trong phòng mình». Mọi sự xảy ra thật đáng ngạc nhiên nhưng hẳn vẫn bình tĩnh, hẳn vẫn cố không để bị nhận diện – Pillat thì đang ở phòng bên và hẳn còn đến 16 giờ nữa mới hồi hương được. Boris vừa nhìn cửa lớn vừa thầm nghĩ: «Hẳn có thể ám sát mình, và bảo rằng đó chỉ là một cuộc trả thù riêng. Đối với công chúng giải thích âm mưu đó như thế thì tạm ổn. Người Mỹ muốn ám sát mình để không cho mình trở về nước thi hành bản án tên thống chế phản bội đó. Chắc thế rồi».

Boris nhìn qua cửa sổ, không có gì đáng ngại, vườn bệnh viện chỉ có tuyết phủ, đường phố cách xa chừng hai trăm thước. Boris quyết định. Tay hẳn xiết chặt khẩu súng trong túi áo ngủ. Hẳn mở tủ và thấy áo quần hẳn họ vẫn để nguyên, áo choàng, quần dài bị cháy. Hẳn không tiền, không giấy tờ và không thuộc đường vùng này, nhưng không sao, điều chính là hẳn phải bỏ đi đêm nay, sau đó sẽ tự liệu lấy, chân lạnh cóng chưa đi được, nhưng hẳn vẫn cố nghĩ là hẳn sẽ bí mật lên tàu lửa trong đêm.

Nhìn vào tấm kiếng, Boris thấy mình hơi tái. Mặc vội áo quần, giấu khẩu súng dưới gối, Boris lên giường nằm. Lúc bác sĩ và y tá đến khám bệnh, Boris than nhức đầu, và thích ngủ hơn ăn. Boris nghĩ đến kế hoạch trốn khỏi bệnh viện.

Hẳn có thể nhảy qua cửa sổ là ra khỏi bệnh viện dễ dàng, nhưng nếu hẳn có tiền để mua vé xe lửa thì mọi sự sẽ giản dị, đặng này hẳn không có lấy

một xu, đó là một điều thiếu khôn ngoan, đáng lẽ là hẳn phải xin hai viên sĩ quan Sô Viết kia trước mới phải.

Lúc này, nữ y tá trực đi ngang, hẳn giả vờ ngủ, phòng bên cạnh vẫn còn tiếng nói của Pillat và tiếng rên siết của Marie.

Boris mặc áo trong bóng tối, phải gỡ băng chân ra mới đi được, dù chân còn đau. Xong xuôi hẳn nhảy qua cửa sổ xuống vườn bệnh viện còn đầy cả tuyết.

Thế là lúc y tá trực đêm đi kiểm soát bệnh viện lúc hai giờ sáng thấy giường Boris Neva trống rỗng, mặt khác lại có dấu chân trên tuyết dưới cửa sổ, họ bèn báo động tức khắc với cảnh sát và quân cảnh. Điện thoại reo suốt đêm. Người ta lục soát các chuyến xe lửa. Tám giờ sáng, hai viên sĩ quan đến bệnh viện, thì viên y sĩ trưởng giải thích :

- Boris Neva biết là ông ta sẽ hồi hương lúc 12 giờ nên ông ta đã chọn tự do. Ông ta không muốn trở về Nga Sô. Hàng ngàn người đã làm như thế, có gì đáng ngạc nhiên đâu. Ông ta sợ không dám trở về với Sô Viết nữa.

Nhưng hai viên sĩ quan Sô Viết không chấp nhận lời giải thích đó.

- Boris Neva là công dân đã được tẩy não, giả thuyết đào ngũ không thể chấp nhận được. Chúng tôi yêu cầu lập biên bản đảng hoàng.

- Các ông có thể lập biên bản ngay.

Y tá, gác dan được mời đến. Tất cả đều khai là không hề hay biết gì cả. Bệnh nhân người Nga Sô đó có vẻ cau có vào buổi tối. Ông ta từ chối không chịu ăn uống và không chịu để bác sĩ khám bệnh, rồi đòi đi ngủ sớm. Hai giờ sáng thì người ta đoán là ông ta nhảy qua cửa sổ xuống vườn, trèo tường đi ra đường.

Đành phải đợi cảnh sát bắt giữ bệnh nhân mới hỏi được. Nhưng hai viên sĩ quan Sô Viết giận dữ hứa sẽ phản kháng chính thức vụ này và đòi một biên bản đặc biệt. Trong lúc đó, máy phóng thanh bệnh viện thông báo: «Trân trọng thông báo với chính quyền và đồng bào là có một công dân Sô Viết đã trốn khỏi bệnh viện quân đội đồng minh sau khi đã được săn sóc các thương tích chu đáo do tai nạn máy bay. Ai biết bệnh nhân trốn ở đâu phải thông báo ngay cho chính quyền. Các điểm đặc biệt của bệnh nhân như sau: một vết sẹo lớn trên trán, vết thương ngực và tai chưa lành. Chân cong chưa đi được nhiều. Áo choàng da màu nâu, ủng đen, khăn choàng đỏ».

Nhưng hai viên sĩ quan Sô Viết bỏ đi không thèm nghe thông cáo. Lúc đó đã 9 giờ sáng. Cửa phòng mở ra đúng lúc họ bước ngang. Người nữ y tá nói với Pillat đang đứng ở hành lang:

- Con gái. Mẹ tròn con vuông rồi đó. Ông có thể đến thăm trong chốc lát.

Pillat đặt tên ngay:

- Doina Australie.

Chỉ có mình chàng là không biết gì về vụ bệnh nhân Sô Viết trốn khỏi bệnh viện. Vì từ lúc đến đây, chàng chỉ có một điều phải lo lắng, đó là Marie, và bây giờ thì phải lo đến hai người. Marie và đứa con đầu lòng Doina Australie. Chàng vui đến rớt nước mắt, muốn ôm choàng cả hai người. Trong lúc chàng lăm bẫm, «Doina Australie, con và mẹ đều mạnh khỏe cả» thì máy phóng thanh vẫn lập đi lập lại: «Chúng tôi lập lại các điểm đặc biệt: áo choàng da màu nâu, ủng đen, khăn choàng đỏ».

Pillat thì vẫn cứ lăm bẫm: «Doina Australie. Con và mẹ đều mạnh khỏe cả».

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Phần Thứ Hai- I & II & III

hế là Boris Bodnariuk trốn biệt tăm. Cả người Nga lẫn người Mỹ đều không tìm ra hắn ở đâu cả. Trong lúc đó Pillat và Marie vẫn còn ở lại quân y viện Mỹ. Hai tuần sau họ nhận được giấy mời của phái đoàn Úc Đại Lợi, vì những ai được di cư đều phải trình diện gấp để đi Hambourg.

Marie, Pillat và đứa con rời ngay nhà thương trong ngày hôm đó với không biết bao nhiêu là quà bánh do các bác sĩ và y tá ở bệnh viện gửi tặng. Doina Australie là đứa bé duy nhất sinh ra trong nhà thương đó, dưới lá cờ nhiều ngôi sao của nền dân chủ Hoa Kỳ. Lúc mới đến nhà thương trên chiếc xe của Milan Paternik, hai vợ chồng Pillat chỉ có một cái xách nhỏ, thế mà bây giờ hành trang họ đã khá bộn, lại còn được xe đưa ra ga, được cung cấp thực phẩm tiền bạc đầy đủ. Họ đến Hambourg như là những kẻ được số phận ưu đãi nhất.

Báo chí vẫn tiếp tục bàn về việc Boris Neva bị mất tích, nhưng không ai biết thêm điều gì về hắn cả. Pillat và Marie lại càng không cần quan tâm đến vấn đề đó, vì đang bận con, bận di chuyển, bận lo nghĩ về tổ quốc mới của họ. Pillat an ủi vợ:

- Đừng bao giờ cho là muộn màng cả. Cách đây vài tháng, lúc mọi phái bộ di cư đều từ khước chúng ta thì hầu như chỉ còn có nước tự tử mà thôi, thế mà hôm nay mộng ước chúng ta sắp thành. Một ngày nào đó, chúng ta sẽ tìm thấy ba cho mà xem.

Đến Hambourg, tâm hồn thơ thối, họ thầm cảm ơn trời đất đã cứu sống họ. Đã sẵn tiền nên đến ga họ thuê ngay taxi đến trình diện phái đoàn Úc. Một nhân viên phái đoàn bảo:

- Tàu sẽ nhổ neo trong ba hôm nữa. Ông bà đến trình diện gấp ủy ban kiểm soát để xuống tàu mà đi.

Sau khi trình thẻ được phép di cư cho ủy ban họ ngồi ở ghế và cứ ngỡ là cả ba sẽ được xuống tàu trong vòng chừng một giờ. Một viên chức mời họ vào văn phòng. Marie bế con với một con búp bê trên tay. Ủy ban kiểm soát gồm ba người. Có tiếng hô tên:

- Pillat Marie.

Marie cười kiêu hãnh trả lời:

- Có tôi đây.

Gọi tên Pillat xong, cả ba yên lặng nhìn về phía con búp bê trên tay Marie. Con búp bê to gần bằng đứa bé. Marie giải thích:

- Dạ con búp bê này do vị Y sĩ trưởng bệnh viện tặng đấy.

- Không, chúng tôi muốn nói đến đứa bé cơ chứ.

Ba người nhìn kỹ Doina. Pillat lên tiếng:

- Con bé tên là Doina Australie. Chúng tôi gọi là Doina vì đó là tên một khúc hát có ý nghĩa một sự lưu đày của xứ sở chúng tôi, còn Australie là để kỷ niệm tổ quốc mới mà chúng tôi sắp có.

Người ngồi giữa bảo :

- Trong danh sách chính thức những người được di cư sang Úc chỉ có tên Pierre Pillat là ông đây, và Marie Pillat là bà. Ngoài ra không còn ai khác nữa.

- Nhưng mà Doina Australie là con đẻ của chúng tôi mà!

- Rất tiếc là cô bé không có tên trong danh sách.

- Nhưng mà con tôi vừa mới sinh ra chừng hai tuần, trong lúc chúng tôi chờ có tàu cơ mà.

- Dù sao thì tên đứa bé cũng không có trong danh sách này.

Sau một chốc yên lặng đến nghệt thở, một người hỏi:

- Bây giờ ông bà định thế nào?

Pillat nhìn sững anh chàng vừa hỏi, rồi lại nhìn vợ con. Chàng không có gì để trả lời câu hỏi đó cả, nên đành phải hỏi lại:

- Ông hỏi như thế nghĩa là chúng tôi phải quyết định ra sao? Và chàng được trả lời :

- Nghĩa là ông bà chỉ có thể di cư hai người có tên trong danh sách này thôi.

Marie hỏi lại:

- Thế thì chúng tôi không thể ghi tên thêm đứa con sao?

- Không thể nào được cả. Trẻ con dưới mười tuổi không thể di cư. Giọng nói anh chàng đó thật lạnh lùng răn rỏi. Marie chỉ còn nước nhìn Ủy ban kiểm soát và òa khóc, khóc mà không thể chùi nước mắt được vì tay nàng đang bận con và búp bê, nước mắt nàng chảy cả xuống đôi má hồng hào của con búp bê. Pillat gạn hỏi:

- Thế chúng tôi phải làm sao bây giờ?

- Thì ông tự quyết định đi chứ còn sao nữa?

- Có thể nào có một quyết định trong trường hợp tương tự?

- Hoặc là ông bỏ đứa con hoặc ông từ chối không di cư nữa.

Pillat có nghe câu trả lời nhưng chàng không thể ngờ như thế, nên chàng vẫn hỏi lại:

- Chúng tôi phải làm sao bây giờ?

- Ông cứ để đứa con ở lại đây tức khắc ông được di cư. Lúc nào đứa bé lên mười, ông có thể đưa nó sang Úc. Giản dị có thể thôi.

Pillat nắm chặt tay tức tối:

- Hừ, giản dị? Ông cho thế là giản dị ư?

Marie thì chỉ biết đứng khóc. Người nọ bực bội :

- Không có lời thôi gì hết. Chúng tôi không rảnh để mà nghe than thở. Chúng tôi còn gọi tên người khác nữa. Nào, ông bà quyết định đi cho.

Pillat nổi nóng:

- Có thể nào ông đòi hỏi một điều như thế đối với bậc làm cha mẹ? Ông có phải là người không? Ông có phải là người có đạo Thiên Chúa không? Ông có phải là người văn minh không?

- Chính vì chúng tôi là những người văn minh mà chúng tôi mới yêu cầu điều đó. Chính vì những lý do của những người có nền văn hóa cao mà chúng tôi không thể nào hành hạ những đứa bé dưới mười tuổi bằng một cuộc hành trình từ đây đến Úc châu. Và lại, luật lệ của hội Hồng thập tự Liên hiệp quốc, và lương tri của một con người văn minh, nếu có, buộc chúng tôi phải làm thế. Chúng tôi sẽ trở nên dã man nếu chúng tôi làm khác hơn.

- Nghĩa là các ông buộc một người mẹ phải bỏ rơi một đứa con?

Pillat là một người rất điềm tĩnh, nhưng trước trường hợp này chàng muốn đập phá hết thảy. Nhưng người nọ vẫn thản nhiên :

- Hãy gác tình cảm sang một bên rồi quyết định đi. Không phải là chuyện phi thường gì đâu, ông gửi con lại cho một viện mồ côi nào đó, rồi chừng mười năm sau lấy lại. Chỉ tạm thời xa nhau thôi.

Pillat vỗ vai vợ:

- Chúng ta đi thôi.

Người nọ còn ráng hỏi:

- Ông bà định sao?

Pillat quay lại nhìn bộ mặt của anh chàng vừa hỏi, nhìn cách ăn mặc sạch sẽ của hắn mà phát tởm đến buồn nôn. Lúc chàng nghe lại câu hỏi: «Ông bà quyết định sao», chàng muốn khắc vào nền văn minh, vào cách thức giữ vệ sinh, vào nền văn hóa, vâng, chàng muốn dùng hết sức bình sinh để khắc vào nền văn minh này, và nền văn hóa này, vào cách thức giữ gìn vệ sinh này.

Thế là chàng bỏ ra đường, ôm con trong tay. Đứa bé khóc liên hồi từ khi chàng và Marie bỏ Ủy ban kiểm soát để ra phố. Marie đặt con xuống đất, cởi áo cho con nhưng vẫn không làm đứa bé thôi khóc được. Người qua đường ái ngại, một người đàn bà khuyên:

- Đi kiểm bác sĩ đi chứ. Khóc như thế ắt là có bệnh gì rồi đó, tại sao không đem nó đi bác sĩ.

Cả hai nghe lời đem con đến bệnh viện. Người ta khám bệnh cho đứa bé ở phòng ngoại chẩn. Bác sĩ chích một mũi thuốc, đứa bé vẫn không nín. Tiếng khóc mỗi lúc một khàn và yếu dần đi. Pillat thương con nên cũng khóc theo, chàng lo ngại hỏi bác sĩ :

- Con tôi đau gì đấy thưa bác sĩ?

Sau một hồi yên lặng, bác sĩ bảo :

- Nó chết rồi.

Thật sự là tiếng khóc không còn nữa, Doina đã tự làm vỡ hai lá phổi của mình vì những tiếng khóc thất thanh đó, hai lá phổi nhỏ nhoi của một kiếp sống lưu đày.

Pillat và Marie nghẹn ngào trước cái xác nhỏ nhắn xanh xao, trần truồng của bé Doina Australie. Họ biết là ủy ban Úc còn ở lại ba hôm nữa. Doina chết rồi, họ có thể ra đi được, nhưng họ không còn can đảm nghĩ đến những người Úc Đại Lợi nữa. Úc châu là nơi mà trẻ con không được thu nhận, là nơi mà người ta bắt người mẹ phải bỏ rơi đứa con vì những lý do của một nền văn minh tiến bộ.

II

Trong lúc các lực lượng đồng minh đang kiếm tìm Boris khắp nơi thì hẳn đã đến Ba Lê, tìm ra sứ quán Sô Viết và xin hội kiến với viên đại sứ. Nhân viên tòa đại sứ trả lời :

- Đồng chí đại sứ không cho ai yết kiến cả.

Vừa trả lời, ông ta vừa quan sát bộ mặt chưa cạo râu của Boris.

Vết sẹo trên trán, áo choàng đỏ đã bị cháy xém, cũng rách nát, khăn choàng loang lổ. Trong trạm gác, người cảnh sát Pháp theo dõi mọi cử chỉ của Boris nhưng vẫn giả bộ đang nhìn nơi khác. Boris nóng nảy:

- Tôi muốn thông báo một tin hết sức quan trọng, tôi cần gặp một người nhân viên nào cũng được trong văn phòng ông đại sứ.

- Ông là công dân Sô Viết?

Nhân viên nọ hỏi Boris một cách lạnh nhạt, tay vẫn sắp lại một chồng báo. Boris vội vã trả lời, ngỡ rằng câu trả lời của mình sẽ mở được mọi cánh cửa :

- Vâng, tôi là công dân Sô Viết, và tôi cần được hồi hương ngay tức khắc, chính vì vậy mà tôi đến đây.

Cùng với những động tác lạnh nhạt, máy móc, nhân viên nọ đưa cho Boris một tờ giấy và bảo:

- Điền vào tấm giấy này các thủ tục hồi hương, ông sẽ nhận tin trả lời tại nhà.

Boris biết là hẳn sẽ phải chờ hàng tháng nếu hẳn dùng đến lối hồi hương này. Tuy vậy, hẳn vẫn cố làm đúng theo thủ tục, kèm theo một bức thư. Viết xong, hẳn cẩn thận đọc lại:

«Thưa đồng chí đại sứ,

Tôi tên là Boris Neva, công dân Sô Viết, bị tai nạn phi cơ trong dãy núi Alpes, đã trốn khỏi một bệnh viện Hoa Kỳ tại Đức với ý định là sẽ trình diện với bộ chỉ huy Sô Viết. Nhưng vì cuộc lùng bắt của cảnh sát tôi phải nhảy qua một chuyến tàu khác đang đi về hướng nước Pháp, tôi bắt buộc phải làm như thế để khỏi bị giữ. Đến Pháp, tôi đến trình diện tức khắc tại sứ quán để xin hồi hương. Đồng chí Đại sứ có thể tìm biết lai lịch của tôi nơi bộ chỉ huy Sô Viết tại Vienne.»

Boris biết là viết thư như vậy chưa đủ, nhưng dù sao cũng đã gọi được óc tò mò của tòa đại sứ. Nhân viên nọ vẫn thản nhiên:

- Chúng tôi không nhận thư.

Ông ta chỉ nhận tấm phiếu khai hồi hương của Boris, còn trả thư lại cho Boris mà không cần xem trong thư nói gì. Boris van nài:

- Tôi là công dân Sô Viết, tôi đến đây sau một tai nạn, và bây giờ cần thông báo một tin hết sức quan trọng.

Nhân viên tòa đại sứ thầm nghĩ: «Sau khi đã phản bội, mọi con rắn độc đều có những tin tức quan trọng cần thông báo. Và nhìn Boris ra chiều khinh bỉ, nếu có thể thì hẳn ta đã giết tên này, bởi như mọi công dân Sô Viết, hẳn ta ghét cay ghét đắng lũ gián điệp và phản bội, đâu đâu hẳn ta hình như cũng có gặp tụi do thám và phản bội cả.

- Ông không ghi chỗ ở.

- Tôi không có chỗ ở tại Pháp, vì tôi chỉ mới đến đây có mấy tiếng đồng hồ.

Thế là nhân viên nọ trả lại tờ khai:

- Ông không thể xin hồi hương nếu chưa có chỗ trú ngụ cố định. Chúng tôi không được phép nhận tờ khai thiếu sót.

- Thế tôi không thể nào nói chuyện với một ai ở tòa đại sứ này?

- Tôi là nhân viên của tòa đại sứ đây. Tôi đã cho ông mọi chi tiết đầy đủ. Bây giờ ông có thể đi, không được đứng ở đây lâu.

Nói xong, nhân viên nọ mở cửa, đến gần Boris, nắm lấy tay hắn đuổi:

- Đi, đi.

Vừa đuổi vừa yêu cầu người cảnh binh Pháp đến can thiệp. Lúc đó Boris muốn nói rõ với nhân viên nọ rằng hẳn ta là Boris Bodnariuk, tướng lãnh Sô Viết đang giữ chức bộ trưởng chiến tranh Lỗ ma ni, nhưng hẳn đã tự chủ được, vì nhớ ra là không được để lộ tông tích.

Lúc đó người cảnh sát đã ra lệnh:

- Cút đi ngay.

Boris đành nhục nhã bỏ đi. Viên cảnh sát mỉm cười nhìn hăn, còn nhân viên nọ lại càng không thèm nhìn Boris nữa. Dưới mắt hăn Boris chỉ là một trong vô số tên phản bội đang vây quanh các tòa đại sứ trên thế giới để làm mật thám cho đế quốc, hay là hối hận muốn hồi hương. Cả hai loại đó đều nguy hiểm. Nên lệnh ban ra rất nghiêm ngặt, không được lắng nghe hay cho phép lũ đó vào tòa đại sứ, hoặc là chúng giăng bẫy để báo chí tư bản có dịp làm rùm beng mọi chuyện, hoặc chúng là những thành phần cần cõn rải rắc khắp nơi mà Sô Viết không biết nữa. Vì thế mà nhân viên nọ đã không nhìn đến Boris. Và lại hăn không được phép nói chuyện với Boris, vì mọi công dân Sô Viết sống trong một nước tư bản đều được báo động rằng người lạ mặt nào muốn khơi chuyện đều có thể là kẻ thù của Sô Viết, một tên mật thám đáng sợ.

Lang thang ngoài đường, Boris tự vấn lương tâm của một đảng viên xem thử mình đã hành động đúng cách và sáng suốt hay không. Theo lệnh trên, hăn không được tiết lộ hành tung của mình. Lúc mà hăn tưởng Pillat đến nhận diện hăn, hăn đã trốn khỏi nhà thương. Hành động đó chắc chắn là không sai lầm rồi. Hăn lên tàu trốn qua Vienne, và lúc cảnh sát khám tàu, hăn lại nhảy qua tàu bên cạnh để chờ cho hết cuộc bố ráp. Hại thay tàu lại chạy qua Pháp, hăn phải đến trình diện với sứ quán. Sứ quán Sô Viết ở Pháp lại từ chối không cho hăn gặp được vị đại diện. Nên hăn phải lang thang trên đường phố Ba Lê vừa đói vừa rét. Hăn không còn lê nổi đôi chân nữa. Cái tiện nghi duy nhất của hăn bây giờ là không ai thèm dòm ngó đếm xỉa đến hăn nữa. Ở Sô Viết, bất cứ một người nào lê gót lang thang trên hè phố như hăn bây giờ tức thời bị bắt và tra hỏi giấy tờ đủ loại ngay, nào là giấy phép, nào là chứng chỉ việc làm. Hăn ở đây được tự do hoàn toàn nhưng vẫn thầm nghĩ: «Tòa đại sứ Sô Viết đã hành động thật khôn khéo. Bởi vì một tòa đại sứ Sô Viết ở trên đất một quốc gia tư bản luôn luôn sẵn sàng bị mọi cạm bẫy, mọi khiêu khích. Tuy nhiên, nếu không có tòa đại sứ giúp đỡ, mình không thể đi đâu được cả. Giấy tờ, tiền nong không có, sức lực cũng

hao mòn cả rồi. Mà mình lại phải đến Bucarest gấp. Vụ án khởi tố tên thống chế trường giá đó phải bắt đầu càng sớm càng hay».

Boris đi giữa những cửa hàng bóng nhoáng, những người đàn bà lộng lẫy mà không thấy gì cả. Mắt hắn bây giờ chỉ muốn tìm được một lối thoát tức khắc; vì hắn tự cho là: Nếu mình không có cách gì thông tin tên tuổi cho tòa đại sứ, điều đó có nghĩa rằng mình đã đào ngũ và phản bội, dù mọi sự xảy ra ngoài ý muốn của mình. Một nỗi đau xót đâm vào lòng ngực Boris cơ hồ như hắn không thể nào đứng vững được nữa. Rồi mọi sự quay cuồng chung quanh hắn, hắn lả đi bên lề đường. Mọi người đi qua vẫn không thèm nhìn hắn. Hắn bỗng sống lại cảnh cô đơn sâu xa như hồi còn ở sân trường hoàng gia Kichinev lúc hắn phải mặt bộ đồ nhục nhĩ và bạn bè chung quanh thân nhiên không thèm nhìn hắn nữa. Hai người lính đi qua nhìn hắn một lát rồi lạnh lùng bỏ đi, làm cho nỗi cô đơn buồn tủi của hắn càng thêm sâu đậm. Ngược mắt nhìn cửa hàng trước mặt, hắn đoán là một cửa hàng bán áo quần. Hắn cố đứng dậy bước vào bên trong, muốn giải thích cho họ biết là hắn muốn bán chiếc áo nhưng không nói được tiếng Pháp. Người bán hàng gốc Bắc Phi hiểu ngay. Hắn cởi bộ áo cho Boris và hỏi:

- Người Nga?

Boris gật đầu. Điều đó không quan hệ gì với người bán hàng này cả, cũng như những vết sẹo đầy trên ngực Boris. Hắn thân nhiên cầm lấy chiếc áo kaki, áo sơ mi và hai áo ni mỏng mà Boris giao cho. Hắn nhìn luôn chiếc áo choàng da nhưng Boris đã mặc vội vào người cùng với chiếc khăn quàng đỏ muôn thuở của Boris. Người bán hàng nhìn ngần ấy thứ trên tay và trao cho Boris 150 quan. Boris cầm tiền mà không biết là mình bán đắt hay rẻ, vì hắn không biết giá tiền đồng quan Pháp. Ra đường, hắn lại chóng mặt, và cảm thấy chất da nham nhám của tấm áo choàng cọ vào lưng, vào ngực, vào vai rất khó chịu. Hắn muốn uống ly rượu, ăn chút bánh, hút điếu thuốc cho ấm lòng, nhưng hắn đã tự chủ được ngay, và tìm một quán điện thoại. Hắn ra hiệu muốn gọi điện thoại. Hắn định không cho ai biết gọi điện thoại cho

ai, nhưng khốn nỗi hấn không biết xử dụng cuốn niên giám, nên đành phải hỏi ông chủ quán. Lúc đã gọi được sứ quán Sô Viết, hấn nói bằng tiếng Nga. Một giọng đàn bà trả lời:

- Ông tổng lãnh sự hiện không có đây.

- Tôi là phi công Sô Viết Boris Neva đang ở đầu giây. Tôi muốn hỏi hương ngay.

Boris muốn giải thích thêm, nhưng đã có tiếng trả lời.

- Vấn đề hỏi hương, ông cần hỏi ở văn phòng sứ quán, ở đó người ta sẽ cho ông giấy tờ để điền vào, sau đó ông cứ chờ ở nhà người ta sẽ trả lời.

Boris nghe tiếng gác máy ở đầu giây, như tiếng xé lòng.

Hấn ngẩn ngơ giữ ống nghe một chốc rồi cũng đành gác máy xuống.

Viên chủ quán hỏi:

- Ông cần gọi lại số đó nữa không?

Ông ta cầm số tiền gọi điện thoại trong tay Boris, số tiền bằng nửa số tiền bán áo trong người hấn, rồi quay lại một lần nữa số điện thoại của tòa đại sứ Sô Viết. Boris van nài:

- Tôi xin bà nghe tôi, vì đây là một trường hợp khẩn cấp. Tôi là phi công Boris Neva đang gọi điện thoại đây.

- Ông mới gọi cách đây ít phút thôi. Ông đã được chỉ dẫn đầy đủ rồi, tại sao ông gọi lại làm gì?

Nói xong điện thoại viên lai gác máy ngay. Boris như treo lửng chùng giữa khoảng không. Sô Viết và đảng còn xa quá, hấn chưa thể đến gần được. Đành phải ra đường, giữ kỹ số tiền còn lại trong tay.

Hắn chỉ nghĩ đến một điều duy nhất: hắn đã đến trễ về việc bản án ở Bucarest, mỗi giờ mất đi là xem như một giờ phản bội, nhưng trí óc hắn không thể tìm ra một giải pháp nào nữa.

Boris phải nghĩ đến những đồng chí cộng sản mà hắn đã từng gặp ở Nga, hy vọng đến gặp họ để bắt liên lạc với tòa đại sứ Sô Viết, có lẽ thế là giải pháp đẹp nhất. Hắn có nhiều bạn Pháp ở Mạc Tư Khoa nhưng bây giờ không còn nhớ đến ai nữa. Hắn ráng nhớ lại xem thử còn đảng viên cộng sản nào quen đang ngụ tại Ba Lê hay không, thử quen thân mà hắn có thể thổ lộ tông tích rằng hắn là Bodnariuk và đang cần trở lại Nga gấp.

Cộng sản là một đại gia đình có đảng viên trên tất cả thành phố. Đảng viên cộng sản đi đâu cũng không thể cô đơn được, thế mà hắn không nhớ nổi một đảng viên cộng sản Pháp nào cả. Hắn bóp trán suy nghĩ, vụt chốc một cái tên hiện ra trong trí: giáo sư Voivod, một nhà điêu khắc gốc Lỗ ma ni hiện đang ở Ba Lê.

Đó là một người cộng sản mà báo chí nhắc nhở đến luôn. Boris thầm tính là: mình sẽ đến ông ta để bắt liên lạc với sứ quán Sô Viết».

Hắn chưa bao giờ thấy mặt giáo sư Voivod, nhưng chỉ cần ông ta là đảng viên cộng sản mà hắn lại là người cùng làng nữa. Tìm địa chỉ ông ta trong niên giám điện thoại Boris đi bộ đến nhà. Giáo sư Voivod ngụ trong một xưởng lớn ở Montparnasse. Ông ta có bộ râu thật đẹp như trong tranh:

- Tôi không muốn tiếp ai cả.

Nói thế xong ông ta muốn đóng cửa, không thèm nhìn Boris nữa, ông ta hẳn học nói lại:

- Tôi không có gì để phải nói chuyện với ai cả. Tại sao các anh cứ muốn gặp tôi?

Boris tự giới thiệu:

- Tôi là người Lỗ ma ni, người đồng hương với giáo sư.

- Tôi không có liên lạc gì với người Lỗ ma ni cả, cũng không liên hệ gì với xứ Lỗ ma ni và toàn thể dân Âu châu. Tôi không quen ai ở xứ nào trên vũ trụ này nữa. Đi đi và để tôi yên.

- Tôi vừa đến Ba Lê sáng nay sau khi rời khỏi bệnh viện.

- Thế ra anh là người tị nạn? Tại sao lại tị nạn? Anh sợ cộng sản phải không? Các anh ai cũng sợ cộng sản cả, sợ họ bắt làm việc. Và các anh tưởng tại Tây Phương các anh không bị bó buộc làm việc ư? Lầm, Tây Phương đang đầy người tị nạn, đầy, đầy nhóc.

Voivod giận đến tím mặt không nói nữa. Boris khoái trá. Giáo sư này hình như là một người cộng sản quá khích, thế là hăn gặp may rồi đấy. Giáo sư nhìn thẳng vào người Boris, vào những giọt mồ hôi đang chảy dài trên trán, trên vết sẹo, trên đôi má tái nhợt lờm chớm toàn râu chưa cạo. Voivod bảo:

- Xin lỗi anh tôi biết anh muốn ở lại Lỗ ma ni. Ai cũng muốn ở lại trong làng mạc của mình. Tôi biết là lũ cộng sản tàn bạo đó không cho người ta vui thú gia đình nữa. Họ đuổi các anh ra khỏi nhà, tôi biết. Các anh năn nỉ muốn làm việc, nhưng người Nga không cho phép. Tôi biết, hạng người như anh tôi đã gặp hàng ngàn. Nhưng tại sao các anh đều qui tụ nơi nhà tôi, tôi chỉ là một tên điêu khắc già. Thôi cầm lấy chùng này và đi đi.

Giáo sư Voivod đưa cho Boris 1000 francs, và muốn đóng cửa, nhưng Boris vẫn còn đứng đây. Qua cánh cửa người ta trông rõ những bức tượng trong xưởng, vô số. Chưa bao giờ Boris thấy cảnh tượng này. Không có bóng dáng con người, súc vật, cây cỏ, hoa lá, chỉ là hàng trăm bức tượng, cái cao cái thấp ngổn ngang. Boris thầm nghĩ: «Thì ra ông này chống Cộng. Ông ta đã phản bội tất cả». Boris đăm đăm nhìn các bức tượng, chỉ toàn là

những nét linh hoạt, như là những hình lửa khói đang bốc thẳng lên trời.
Giáo sư Voivod hỏi thêm:

- Bức tượng tôi có còn ở làng không nhỉ?

Lần đầu tiên giọng nói của Voivod có vẻ thân mật, nhờ lúc nghĩ đến số phận của các tác phẩm quá khứ của ông ta. Voivod nghi ngờ:

- Tôi chắc là lũ cộng sản lang sói đã đập vỡ bức tượng đó rồi.

- Không, họ chưa đập vỡ đâu.

Nghe trả lời thế, mặt ông ta sáng lên, bảo Boris:

- Nào, vào đây ăn uống gì đã. Nhưng ăn xong, anh đi ngay nghe chưa. Tôi không muốn mất thì giờ.

Boris cầm bánh mì và miếng dăm bông ông ta đưa cho. Ông ta hỏi lại Boris :

- Lần chót anh thấy bức tượng đó ở Roman từ bao giờ?

Boris nhớ lại là lúc 14 tuổi mình có thấy một lần ở trong nghĩa địa Roman. Rồi từ đó hẳn không trở về làng nữa. Tuy thế, hẳn nhớ rõ ràng lắm, vì dân làng Roman ai cũng biết bức tượng của Voivod trong nghĩa địa, bằng cẩm thạch trắng, bức tượng chiếu sáng như một tấm gương soi, Boris trả lời bừa là hẳn ta vừa thấy lại lần sau cùng chừng sáu tháng. Voivod sung sướng ra mặt hỏi:

- Cách đây sáu tháng, bức tượng còn ở đó ư? Bức tượng trinh nữ đó là tác phẩm đầu tay của tôi. Sau đó, tôi có cả hàng ngàn bức tượng khác, để ở khắp viện bảo tàng trên thế giới. Năm mươi năm nay, lúc nào tôi cũng đeo gọt các bức tượng nhưng chưa có bức tượng nào tôi thích hơn bức trinh nữ ở nghĩa địa làng Roman. Lúc mà các phê bình gia hỏi tôi tại sao có thể đạt

đến thứ nghệ thuật gầy gọn hoàn toàn trừu tượng thì tôi đều nói về bức tượng trinh nữ ở Roman. Người bạn hàng trong làng mình có một người con gái chết lúc 16 tuổi. Ông ta có nhờ tôi làm một bức tượng để trên mộ. Qua bức ảnh và trí nhớ của riêng tôi, tôi cố hoàn thành bức tượng người con gái đó. Nhưng tôi không thể khắc một trinh nữ bằng cách để cả vú, đùi và háng được. Những thứ đó đều bằng chất thịt, thế mà một trinh nữ đã chết không còn chất thịt tục lụy đó được, mà chỉ còn cái gì tinh khiết, thanh cao. Thịt không thể nào thanh cao, và chỉ là chất liệu có tính cách giai đoạn nơi một trinh nữ đã chết, anh có nhận thấy thế không? Cho nên lúc nắn tượng, tôi bắt đầu lột hết da thịt của nàng để chỉ tạo đúng nàng như tôi đã thấy và đúng với thực chất của nàng là tinh khiết, thanh cao. Cho nên tôi chỉ giữ lại nơi nàng những đường nét lóng lánh cao ngất như một ngọn lửa, đúng là một ngọn lửa được điêu khắc. Đó là bức tượng trinh nữ ở làng Roman và cũng là tất cả hệ thống nghệ thuật của cả đời tôi, nghĩa là dừng lại nơi thực chất và loại trừ hết những gì tục lụy và vô ích. Ví như nơi con chim đang bay, tôi chỉ chọn khả năng bay được, vì đó là cái gì quan trọng nhất của con chim. Phần còn lại tôi gạt bỏ hết : đầu, cánh, chân, vì những thứ này không chính yếu, chỉ có khả năng bay được là đáng ghi lại mà thôi. Tất cả những bộ phận chim dùng để làm việc khác ngoài việc bay như ăn uống, sinh đẻ, chống đỡ với thời tiết đều phụ thuộc. Với tôi, chim không đẻ, chim chỉ bay mà thôi, anh hiểu chưa?

Boris đã thấy giáo sư này là kẻ thù của đảng cộng sản. Đáng ra thì hẳn chả hiểu gì về các bức tượng của ông này cả, nhưng hình như hẳn cảm nhận rằng Voivod là một đồng chí của hẳn trên lý thuyết, vì nhà điêu khắc Voivod làm việc theo một chiều hướng với đảng cộng sản, nghĩa là với hẳn. Hẳn hy sinh mọi điều cho thực chất. Ai cũng nhìn thấy ở con chim các bộ phận như cánh, lông, mỏ, trứng. Bay là một điều trừu tượng. Chỉ có cộng sản mới có thể thực hiện trên bình diện xã hội điều mà Voivod đã thực hiện trên bình diện nghệ thuật. Cộng sản chủ nghĩa giáo dục con người để dành cho kế hoạch và nếu cần hy sinh người cho kế hoạch, như Voivod đã hy sinh chim cho khả năng bay lượn.

Voivod hỏi thêm:

- Anh bị gì đấy? Sao lại không có đến chiếc sơ mi? Chắc lại trốn khỏi một nhà tù cộng sản rồi phải không? Họ có hành hạ anh? Boris muốn trả lời như thế này : «Không, thưa ông. Trái lại là đằng khác bởi vì tôi là người cộng sản. Tôi đang thực hiện cho lịch sử trên bình diện xã hội những gì mà ông thực hiện trên bình diện nghệ thuật. Tôi gạt bỏ hết vú, đùi, háng, tất cả những gì không trong sạch để đào tạo một xã hội hoàn toàn trong sạch. Ông nắn tượng thì tôi nắn người. Tôi phá bỏ thành kiến, cổ hủ, bản năng, để giáo dục con người theo một cuộc sống tập thể cao hơn y theo kế hoạch. Sự độc ác của ông lúc ông cắt thân thể người trinh nữ để lóc thịt hay lúc ông nhổ lông, cắt thân còn chim để chỉ nắn đương bay mà thôi nghĩa là chỉ thực hiện những gì toàn chân và toàn mỹ cũng giống như chúng tôi, bởi vì chúng tôi là những nhà kỹ sư tân kỳ đi kiến tạo một thứ người mới, loại bỏ những giai cấp phản động, lười biếng, chống đối, để mở đường đi đến một đời sống cao đẹp hơn. Cuộc đời cộng sản không giống đời người từ trước đến nay, như trinh nữ của ông không giống những trinh nữ khác mà chúng tôi đã thấy. Chúng tôi là kẻ sát nhân hay là những người thuộc thành phần ưu đẳng? Thưa ông, ông là đàn anh của tôi trên lý thuyết, bởi vì chúng tôi cũng lóc thịt người để đem lại một đời sống cao đẹp hơn. Xã hội cộng sản ngày mai sẽ trong sạch và đẹp đẽ như trinh nữ ở nghĩa địa Roman hay như con chim đang bay của ông. Người Sô Viết chúng tôi kiến tạo một xã hội trong đó con người không đơn độc tranh đấu cho miếng cơm manh áo như súc vật. Đây là lần đầu tiên con người vượt khỏi thân phận loài vật để cùng nhau tranh đấu chung cho đời sống, y theo kế hoạch».

Duong nhu doan duoc y nghi cua Boris, nen Voivod duoi han:

«Đi đi, lũ Á Châu súc sinh đã phạm những tội ác tày trời. Sô Viết là những kẻ sát nhân hung bạo nhất chưa bao giờ thấy trên đời. Thành Cát Tư Hãn là một thiên thần bên cạnh chúng. Những người cộng sản đã áp dụng vào đời sống con người những nguyên tắc mà tôi đã áp dụng trong nghệ

thuật. Chúng tưởng là chúng được phép ứng dụng vào thit sống của con người công việc mà tôi đang thực hiện trên đá. Con người nào có dễ dàng uốn nắn như đất đá, gỗ cây. Con người tự nó đã hoàn toàn rồi. Nếu anh lấy bót bất cứ một cái gì trên con người tức là anh đã hủy hoại, đã làm hỏng nó đi mất. Người cộng sản muốn tước bỏ nơi con người những tình cảm, ích kỷ, bản năng, thành kiến, ảo tưởng. Kết quả là nơi nào họ đi qua, Sô Viết chỉ để lại đằng sau họ những xác chết. Không bao giờ một xã hội cộng sản có thể tạo dựng được. Đời sống cần có những lầm lỗi, những bí ẩn. Khi loại bỏ lầm lỗi, anh loại bỏ luôn cả con người. Như một thi sĩ Đức đã viết : «Đời sống chỉ có trong lầm lỗi. Khôn ngoan đồng nghĩa với sự chết». Chiều hướng đẹp nhất của con người là chiều hướng mà người Sô Viết và chủ nghĩa cộng sản không biết đến : đó là chiều hướng của bí ẩn, đẹp nhất của đời sống. Thôi anh đi đi, đi mua áo mà mặc và đừng bao giờ trở lại nhà tôi. Tôi van anh để cho tôi yên, tôi chỉ còn là một ông già cô đơn...»

Boris cầm những tấm giấy bạc mới của Voivod trao cho. Ông ta còn nói thêm:

- Hãy đi theo con đường định mệnh của anh.

Rồi ông bước vào xưởng điêu khắc rộng như một nhà kho. Boris đi xa dần, vừa đi vừa đếm tiền, sau cùng hướng về nhà ga.

Boris lên tàu đi Strasbourg theo như kế hoạch vừa mới nghĩ ra, hẳn sẽ bí mật qua Đức và từ đó sang vùng Sô Viết. Hẳn đã có tiền, thế nào hẳn cũng đến được Bucarest đúng lúc.

Trước khi từ giã Ba Lê, hẳn ngạc nhiên nhìn người ta qua lại trên bến tàu. Ba Lê cho hẳn cái cảm giác rã rời cùng cực, mỗi người là một con thú phải đơn độc lo cho thân mình. Mỗi cá nhân chiến đấu đơn độc cho miếng cơm, manh áo, cho cuộc đời riêng rẽ của mình. Đúng như loài vật.

Xã hội trưởng giả không có trật tự, không che chở cho ai cả. Đó là một xã hội chỉ có danh từ mà không có ý nghĩa nào cả. Mỗi người là một thế giới cô đơn. Vì thế mà Tây phương không thể nào hiểu nổi tại sao một người cộng sản có thể chết đi để cho xã hội này được sống, vì đối với cộng sản hai chữ xã hội có nghĩa là che chở, cơm áo, giải trí, an ninh. Xã hội là tất cả, và cá nhân không là gì cả. Ở đây, xã hội vô nghĩa, chỉ có cá nhân là tất cả. Trong xã hội Tây phương, cá nhân hoàn toàn tự do và không được bao bọc che chở như con thú trong rừng, ý nghĩ đó thật đã làm cho Boris rã rời nhọc mệt.

Tàu đã ra khỏi ga, hãn phải suy tính đoạn đường hãn sẽ đi qua. Hãn phải vượt hai biên giới, và rồi hãn sẽ được trở về với vũ trụ cộng đồng của những người Sô Viết.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Iii & Iv:

au khi Doina Australie chết, Pillat và Marie bí mật trốn qua Pháp. Người Pháp không bắt bớ những người tị nạn, nên cảnh sát Pháp đã cho họ giấy phép tạm cư một tháng. Họ nghĩ là từ Pháp họ sẽ dễ dàng di cư sang đất khác; hơn nữa tất cả sứ quán và đại diện các quốc gia bên kia bờ Đại Tây Dương đều có ở Pháp. Ở đây không có ủy ban buôn bán người như ở Đức. Marie hy vọng là sẽ di cư sang Gia Nã Đại để tìm gặp Kostaky.

Hai vợ chồng thuê một căn buồng gần đại học Sorbonne, trong khách sạn của ông Dupont, khách sạn này dành cho sinh viên, vợ ông chủ cũng giúp đỡ trong việc quét dọn phòng ngủ; ông bà có hai đứa con gái.

Pillat và Marie trả tiền phòng và tiền ăn nhờ các cơ quan từ thiện tương trợ. Ở Ba Lê có đến hàng ngàn người tị nạn, các cơ quan từ thiện thường giúp đỡ họ bằng cách biểu phiếu thực phẩm, vài trăm francs hay là cho quần áo. Lúc nào không đi đến các cơ quan từ thiện thì Pillat lại đến các sứ quán để lo về chuyện di cư, vì hai vợ chồng đã xin tất cả các quốc gia nào còn nhận người di cư chấp nhận họ, và đang chờ trả lời. Trong lúc chờ đợi, họ viết thư cho các bạn bè đã di cư được ra xứ ngoài để hỏi han về cuộc sống ở đó. Varlaam trả lời là anh đã được bốn huy chương ở Israel. Ante Petrovici đã trở thành nhà đại sản xuất đồng hồ ở Argentine. Daniel Motok viết một bức thư thật dài:

«Tôi biết là ông bà đang muốn di cư sang Venezuela, ở đây tôi đang ở trong một thiên đàng của rắn độc. Nếu ông bà chính thức sang đây thì có lẽ sẽ được may mắn hơn. Tôi thì phải trốn qua đây thôi. Như ông bà biết chuyển đi của tôi ở Đức bằng cách t ự nằm nhốt trong một kiện hàng. Mới đầu, tôi đã bị nghẹt thở vì chính hơi nóng của thân thể mình. Chóng mặt

đến muốn chết được. Thật là phải cầu trời xin đừng bao giờ cho con người đau khổ đến như thế. Tôi đã đau khổ quá nhiều. Trên cùng chuyến phi cơ có hai người khách danh dự, chắc ông bà có nghe báo chí nói đến: đó là hai phi công Nga Anatole Barsov và Igor Poltarev. Người Mỹ cho họ ăn uống đầy đủ trong suốt cuộc hành trình, phỏng vấn, chụp hình. Người Mỹ muốn biến họ thành những người khổ nhục vì Sô Viết, nhưng những người chịu khổ nhục thực sự thì người Mỹ lại không hề biết đến. Ở trong kiện hàng tôi tưởng mình sẽ ngủ luôn một đời. Nhưng lúc tôi tỉnh dậy và đẩy nắp kiện hàng lên thì thấy mình đang ở trong một nhà kho hàng của một phi cảng Hoa Kỳ còn xa thành phố.

Vừa choáng váng, vừa đói, vừa khát, tôi như kiệt lực đi nhưng cũng cố lê chân về phía nam. Đang đêm, tôi biết là tôi, Motok, đang ở trên đất Hoa Kỳ một cách bất hợp pháp nhưng tôi không hề sợ hãi.

Tôi chỉ biết có một điều: tôi là một con người và lúc tôi là một con người thì không có gì là bất hợp pháp khi tôi đặt chân lên một con đường, ngắm sao trên trời và thở không khí của trời đất.

Tôi, Daniel Motok, đêm đó, đã tự thấy mình vẫn hợp pháp. Tôi đi kiếm việc làm nuôi thân như là một điều đương nhiên. Đêm đó nếu ai có bảo là tôi đang đi một cách bất hợp pháp trên mảnh đất này chắc là tôi chết được. Tôi cảm thấy là ai cũng có quyền tranh đấu cho sự sống còn của đời mình. Điều đó hợp pháp. Chỉ cấm không cho con người sống nữa, điều đó mới là bất hợp pháp.

Cứ như thế, tôi đi về phía Nam. Ban ngày ngủ giữa đồng. Ban đêm tôi đi bằng cách quá giang, đi bộ, đi tàu lửa, lúc nào cũng trốn tránh bí mật. Tôi vượt qua hai biên giới mà không bị bắt giữ. Khi bị bắt thì đã biết mình đang ở trên đất Venezuela. Người ta chỉ hỏi là tôi có cần làm việc không, chứ không hỏi giấy tờ.

Venezuela đang kiến thiết một con đường cắt ngang dãy núi của một khu rừng đầy răn của vùng nhiệt đới. Thợ thuyền đều là người da đen vượt ngục. Tôi là người da trắng duy nhất. Họ tưởng tôi cũng là một tên tội phạm. Nên họ không cần hỏi giấy tờ tôi, cũng không cần hỏi tôi ở đâu đến. Thế là tôi được ra làm ở công trường.

Thật chưa sách vở nào viết về một vùng như thế lại có được trên quả đất. Mặt trời làm thân thể chảy nước ra được và cứ mỗi bước lại gặp một con răn. Tôi sống sót, nên được làm trưởng toán. Tôi thay thế một kỹ sư, rồi hai, rồi dần dần tôi thay luôn nhiều kỹ sư vì họ không muốn ngày ngày bước chân đến vùng đó. Tôi lãnh một nửa lương của họ để thay họ sống với cái địa ngục nhiệt đới toàn là răn và răn. Tôi làm giàu nhanh chóng, có cả một va li toàn ngân phiếu, nhưng tôi cũng bị nhiều khổ tâm vì nóng và răn. Sợ hãi đến tột cùng. Nhưng còn bị dày vò vì một nỗi khổ khác nữa đó là sự khao khát đàn bà. Từ lúc đến đây, tôi chưa hề thấy người đàn bà nào cả, dù là thấy ảnh mà thôi. Sau là tôi sợ người da đen. Người da đen căm thù người da trắng đến độ có thể giết chết được. Họ không dám bắn người da trắng trừ trường hợp người này say rượu. Mỗi đêm, hàng trăm người mọi da đen dưới quyền điều khiển của tôi lảng vảng quanh lều tôi để xem thử tôi có uống whisky hay không. Chỉ cần tôi nhấp một chén rượu là tôi sẽ bị giết ngay, lũ mọi sẽ vồ lên thân xác tôi xé tôi ra thành từng mảnh. Cho nên tôi không hề đụng đến rượu, nhưng càng kiêng cử tôi càng thêm khát. Trong một năm, hợp đồng sẽ mãn hạn. Nếu trong năm nay tôi không chết khát, chết nắng, chết vì răn rết, vì mọi da đen thì tôi sẽ trở về thế giới loài người. Tôi sẽ trở thành giàu có trên đời, và sẽ kiếm ông bà nếu ông bà còn sống sót trên lục địa này. Nhưng một năm dài quá, gần như là bất tận đối với tôi nhất là tôi sống với toàn là kẻ thù với ánh nắng mặt trời luôn thiêu đốt tôi, với lũ răn độc và lũ mọi hung dữ. Nên ông bà hãy nghĩ đến tôi vào giờ cầu nguyện vì không có sự giúp đỡ của trời không ai có thể chống cự để sống sót ở một nơi đầy hiểm nghèo như thế này. Hoàn cảnh tôi như thế đó. Tuy nhiên, tôi có thể nói là cho đến bây giờ, tôi hoàn toàn may mắn đã đến đây. Như tất cả sự may mắn dành cho một kẻ bị lưu đày, sự may mắn của tôi chỉ là một vận

hội thứ hai, thứ vận hội giống như chiếc áo mưa rẻ gặp dịp, thứ vận hội vay mượn tạm bợ.»

Pillat đọc thư Motok hết sức cảm động. Chàng bảo vợ:

- Chắc vợ chồng mình không đến nổi nào, chúng mình sẽ di cư đàng hoàng, chính thức. Di cư như thế đỡ hơn nhiều chứ.

Thế là Pillat được phép di cư sang Venezuela, chỉ còn đợi tàu nữa thôi. Việc kiếm ăn hàng ngày thật khó khăn và chật vật, nhưng hy vọng sẽ được có việc làm nay mai làm cho hai vợ chồng thêm can đảm. Họ chờ đợi ở khách sạn Dupont.

Một buổi sáng, có tiếng gõ cửa thật gấp trước phòng họ. Có cảnh sát đến. Hai vợ chồng có phép cư ngụ đến một tháng và họ chỉ ở Ba Lê mới có ba tuần và chưa làm điều gì bậy bạ. Tuy thế Pillat vẫn run sợ. Hai người cảnh sát bện đồng phục bước vào hỏi giấy tờ vợ chồng Pillat. Pillat tìm giấy tờ cư ngụ, một tờ giấy mỏng tanh như giấy hút thuốc, đưa cho cảnh sát.

- Ông bà không còn giấy tờ gì khác sao?

- Không, chúng tôi chỉ có giấy tờ bằng tiếng Lỗ thôi.

Marie còn đang bận mặc áo lại dưới tấm mền. Cửa mở toang hoang, bốn người cảnh sát quan sát mọi cử chỉ của hai vợ chồng.

- Ông bà có giấy tờ gì khác bằng tiếng Pháp?

- Thưa không.

Pillat trả lời thế và mặc vội chiếc áo, Marie ôm đầu thăm cầu nguyện «Lạy trời đừng để họ bắt chúng con, hãy tha cho chúng con chuyện bắt bớ».

Cảnh sát ra lệnh:

- Mặc áo quần và đi xuống.

Pillat thất cà vạt, hỏi:

- Chúng tôi bị bắt giữ sao?

- Vâng, ông bà mặc áo quần nhanh lên.

- Các ông có giữ chúng tôi lâu chẳng? Chúng tôi có cần mang gì theo chẳng? Mà tại sao lại bắt chúng tôi?

Viên cảnh sát thản nhiên châm điếu thuốc lá, dựa lưng vào tường. Pillat hỏi lại :

- Chúng tôi đã làm điều gì đến nỗi bị bắt? Giấy phép cư ngụ chúng tôi không hợp lệ chẳng?

- Xuống đi.

Ra lệnh xong, viên cảnh sát khóa cửa phòng trả chìa khóa cho ông Dupont.

Con gái bà Dupont đã thức giấc, nhìn Marie và Pillat bị còng tay đi giữa hai người cảnh sát. Ông Dupont không nói gì, chỉ cầm chiếc chìa khóa và nhìn Marie, Pillat ra chiều khinh bỉ. Đó là sự khinh bỉ của người đang có tự do đối với người bị bắt. Ông ta cho rằng mình không bao giờ bị bắt, và con cái ông ta cũng thế. Điều đó chỉ xảy ra cho những người ngoại quốc mà thôi. Pillat hỏi lại một lần nữa :

- Chúng tôi đã làm gì? Tại sao bắt giữ chúng tôi?

Cảnh sát vẫn không trả lời. Họ dẫn Marie và Pillat đến tòa thị chính leo lên tầng thứ năm. Lúc đó đã sáu giờ sáng. Họ nhốt hai người trong một căn phòng. Pillat vẫn tự vẫn xem mình đã phạm tội gì. Giấy cư ngụ thế là đã bị

thu hồi. Lúc 11 giờ, họ được mời vào văn phòng một viên thanh tra khá dễ thương. Ông này cho biết :

- Nếu ông bà tái phạm, sẽ bị đuổi ra khỏi xứ này ngay.

Marie khóc. Pillat thanh minh :

- Chúng tôi đã được chấp thuận di cư sang Venezuela. Chúng tôi sẽ đi trong vòng vài ngày nữa bao giờ có tàu đến. Chúng tôi không có tội gì, tại sao các ông bắt giữ chúng tôi?

Marie chăm chú nhìn các ngón tay dính đầy mực đen sau khi được sở cảnh sát lấy dấu tay. Đúng là những vết đen ô nhục. Nàng chùi các ngón tay và bật khóc. Những dấu mực đã thấm vào da, đã bám vào thịt, nàng có chùi cũng vô ích, đen vẫn hoàn đen.

Viên thanh tra nói:

- Đáng lý tôi đưa ông bà xuống trại tạm giam.

Marie trở mắt nhìn.

- Bà không biết trại giam là gì à? Đó là một nhà tù, vâng đáng lý tôi đưa ông bà vào tù, nhưng vì đây là lần đầu, tôi tha cho. Ông bà chỉ bị phạt vạ mà thôi.

Marie hỏi :

- Nhưng chúng tôi phạm tội gì mới được chứ?

Trong lúc Pillat cứ nghĩ là nếu mình không có tiền để đóng phạt thì tội phạt vạ sẽ biến thành tội tù ở.

- Ông bà không khai báo chỗ ở cho sở cảnh sát.

Chúng tôi chỉ ở có một ngày hồi mới đến Ba Lê ở khách sạn «Con mèo cá», sau đó chúng tôi dời đến khách sạn của ông Dupont trên cùng con đường, chỉ cách đó hai nhà mà thôi, vì rẻ hơn. Và ở đây cho đến bây giờ.

- Như thế ông đã vi phạm nghị định 31-12-1947 về chuyện khai báo chỗ ở của ngoại kiều. Ông là người ngoại quốc trên đất Pháp, mọi sự thay đổi chỗ ở dù chỉ là từ nhà này sang nhà bên cạnh đều phải khai báo cho sở cảnh sát. Cảnh sát Pháp để cho các ông tự do và không hề kiểm chuyện như cảnh sát các nước khác, nhưng họ vẫn phải theo dõi các ông chứ. Dĩ nhiên như thế. Ông thuộc thành phần mà cảnh sát theo dõi ngày đêm. Mọi người ngoại quốc ở Paris đều phải bị như thế cả. Làm sao mà theo dõi ông được, nếu ông đổi nhà mà không khai báo.

Marie vẫn cố chùi sạch các ngón tay. Pillat vẫn nhìn viên thanh tra. Ông này ra lệnh:

- Ông bà có thể ra về. Nhưng đừng quên là mỗi lần thay đổi địa chỉ phải khai báo đấy.

Pillat cảm ơn ông ta đã không tống giam hai vợ chồng, rồi vội vã dẫn vợ về khách sạn tắm rửa. Mùi của hành lang quận cảnh sát đã dính vào áo quần họ. Ông Dupont hỏi:

- Thế là ông bà may mắn đấy. Chỉ có ở Pháp, cảnh sát mới tử tế với người ngoại quốc như thế thôi.

Marie dấu các ngón tay đi nhưng hình như con ông Dupont đang tò mò nhìn. Con gái ông ta thì không bao giờ bị bắt nên dĩ nhiên ngón tay lúc nào cũng trắng trẻo và sạch sẽ vì không bao giờ ngón tay họ bị nhúng vào mực tàu. Trong tận đáy lòng, Marie tủi hổ về các ngón tay dơ bẩn của mình. Nàng thèm khát các ngón tay sạch sẽ của các con gái con của ông Dupont mà từ nay nàng không bao giờ có được nữa, nàng vừa từ sở cảnh sát về, nàng vừa bị bắt, nghĩ thế mà nàng bật khóc.

Bỗng ông Dupont căn nhắc:

- Tôi đã cấm bà bao nhiêu lần là không được nấu ăn trong phòng, bà làm dơ hết tường và nền nhà.

Và Pillat không còn thấy chìa khóa phòng ở chỗ hộc cũ nữa.

Đồ đạc đổ la liệt ở văn phòng khách sạn, cái trên bàn, cái trên đất kể cả quần áo dơ bẩn, nồi nấu bằng cồng, và vài củ khoai tây. Ông Dupont đã dọn hết đồ đạc trong phòng họ ra ngoài, và để các đồ vật tang chứng lên trên cùng: khoai tây, bánh mì, lạng mỡ, rồi bảo:

- Tôi thấy cả khoai tây, cả nồi cồng, cả sơn chảo, nghĩa là bà đã làm bếp trong phòng mặc dầu tôi đã triệt để ngăn cấm. Tôi không thể chấp chứa ông bà trong khách sạn tôi nữa. Tìm chỗ khác mà ở.

- Ông Dupont, Pillat năn nỉ, ông Dupont...

- Lần cảnh cáo chót, ông bà lên tầng sáu mà ở và hứa với tôi là không được nấu ăn trong phòng nữa.

Pillat, Marie thu dọn đồ đạc và bước lên từng tầng thứ sáu. Để chứng tỏ là họ không làm bếp nữa, Pillat để lại mấy củ khoai dưới đất. Ông Dupont lượm vứt vào thùng rác ra vẻ khinh bỉ.

Con gái ông Dupont nhìn Pillat bước lên các bậc cầu thang như thể là chàng đang bước lên đoạn đầu đài. Marie vẫn còn khóc.

Vào phòng nàng rửa tay ngay, cố chùi các ngón tay thật mạnh nhưng những vết mực đen vẫn còn, không thể nào nàng chùi sạch được.

Một tuần nữa đã đến lễ Phục sinh. Pillat bảo :

- Hôm nay là ngày đầu của tuần Thánh lễ.

Hai vợ chồng đều nghĩ về xứ Lỗ ma ni thân yêu của mình.

IV

Một tuần lễ trước ngày lễ Phục sinh, các hội từ thiện làm việc gặt gao hơn thường lệ. Pillat nhận được tiền giúp đỡ của hội Tin Lành Hoa Kỳ. Chàng trả tiền phòng cho ông Dupont. Hai vợ chồng muốn thực hiện giấc mơ của mình. Sửa soạn một bữa tiệc cho ngày lễ Phục sinh. Suốt thời gian lang thang lưu đày, họ chưa bao giờ nghĩ rằng có ngày họ sẽ ăn được một bữa thịt ngỗng rô ti. Bây giờ, trả tiền phòng xong, họ vẫn còn thừa tiền để thực hiện cái mơ ước của những ngày đói khổ, của những đêm dài nằm mơ mảy củ khoai tây, một khúc bánh mì bơ mà thực tế họ chỉ uống nước để cho dịu cơn đói mà thôi.

Ngày thứ sáu thánh họ mua nửa con ngỗng và khoai tây, như thế là họ có cảm tưởng tiêu phí hết cả gia tài, nhưng biết là sắp đi Venezuela nên họ tự cho phép một lần tiêu sang. Vào ngày lễ đó, Pillat nhìn đói hoàn toàn, không ăn bánh, không uống nước. Chàng thành tâm cầu nguyện Chúa Trời giúp đỡ cho vợ chồng mình được di cư sang Venezuela để có thể tái tạo một cuộc đời mới. Họ cầu nguyện cho linh hồn đứa con Doina Australie được yên ổn mà năm mồ đang ở trên mảnh đất buồn tẻ của Đức Quốc. Họ cầu nguyện cho Ion Kostaky đang ở bên kia bờ Thái Bình Dương, cho Ileana có lẽ bây giờ đang ở trong ngục tối, và sau cùng cho hàng triệu người bạc phước đang lang thang sau ngày chiến thắng không nhà không cửa trên trái đất hãy còn khốn đốn trong cảnh tù đày. Họ còn nghĩ đến Eddy Thall, đến Motok đang sống trong địa ngục của rắn rết, họ cầu nguyện cho Ante Petrovici mà dù giàu có trên xứ Argentine vẫn chưa biết có thể bị bắt giữ lúc nào vì còn thiếu vài ly mét ở chân phải, họ cũng không quên Varlaam đang chiến đấu cho xứ Do Thái.

Đêm về thật yên tĩnh. Hình như thời gian trôi qua không đúng như chiếc đồng hồ treo trên tháp trước khách sạn, hay như những chiếc đồng hồ các cô gái con ông Dupont đang đeo trên tay, cũng không đúng như đồng hồ

của Cảnh Sát và Quân Đội. Đó là một thứ thời gian của vũ trụ vĩnh cửu, chiếc đồng hồ không hề đo thời gian bằng giây, bằng phút.

Ở đâu đây, lùi xa vào dĩ vãng, thi hài đấng Jésus Christ đang được đặt vào trong mộ. Người ta cảm thấy được nổi rã rời của hàng trăm triệu người đang bị đóng mình vào thập tự giá trên khắp hoàn cầu, lìa đời vì những quyết định trên các hiệp ước nghị hòa như là chiếc đinh đóng sâu vào da thịt họ và đang chờ ngày bước xuống khỏi thập tự giá của cảnh lưu đầy để được chôn vùi trên mảnh đất quê hương.

Đêm về Pillat nhen bếp cồn và bắt đầu nấu ăn. Món thịt ngỗng đang ở trên soong, họ lại đang đói nhưng họ vẫn muốn nhịn ăn cho đến ngày lễ Phục sinh. Marie nằm gối đầu lên vai Pillat. Cả hai không nói năng gì. Trong nhà không còn thứ ánh sáng nào ngoài ngọn lửa xanh leo lét của cây đèn cồn.

Cửa sổ mở. Hai vợ chồng mơ ước trong yên lặng. Marie ngủ yên, Pillat tắt đèn, nằm xuống ôm vợ trong tay. Họ ngủ bên nhau như thế trong ý hướng về xứ Venezuela, về Jésus và về sự phục sinh của Ngài. Đó là một đêm tinh khiết nhất của đời họ, nên Pillat tuy ngủ mà nụ cười vẫn có trên môi. Nhưng khi thức giấc, đầu chưa rời khỏi gối, họ đã nghe thấy tiếng đập cửa lúc trời hừng sáng. Đã có tiếng gọi :

- Mở cửa mau, có cảnh sát đến.

Lệnh gọi được lập đi lập lại nhiều lần. Pillat nghĩ bụng:

Giấy cư ngụ của mình còn hợp lệ, sao cảnh sát còn trở lại. Mình làm điều gì phi pháp đến nỗi họ trở lui chẳng?

Marie nháy xuống giường, muốn mặc lại áo trong bóng tối nhưng không tìm thấy áo ở đâu cả.

- Mở cửa mau, có cảnh sát đến.

Nhiều bước chân dồn dập trên hành lang. Marie muốn dấu cái soong và bếp cồng. Pillat thắp đèn. Marie bảo:

- Khoan mở cửa, chờ em một chút đã.

Nàng tìm áo, nhưng không thấy. Chưa bao giờ nàng tuyệt vọng và kinh hoàng đến thế, ngay cả lúc người Nga đến, ngay cả lúc trốn vào rừng hay băng qua biên giới, chưa bao giờ nàng sợ hãi đến thế.

- Cảnh sát đây mở cửa mau.

Marie lo sợ:

- Họ đến bắt chúng mình đây. Em không muốn bị bắt, không.

Nàng bám vào cánh tay Pillat. Chàng nói:

- Anh phải mở cửa. Em cứ mặc áo đi, bình tĩnh, thế nào anh cũng mở cửa cho họ vào.

- Mở cửa mau. Cảnh sát An ninh đến xét đây.

Marie tiến đến cửa sổ, hai tay che mắt. Thân nàng run lên như cánh cửa lớn bị cảnh sát gõ mạnh. Nàng có cảm tưởng cái nắm tay đập cửa đó đang đập lên chính thân thể mình, lên trán, lên ngực, lên đầu. Tất cả xảy ra nhanh đến chóng mặt. Marie không còn chịu đựng được nữa. Rồi thân thể nàng vắt qua cửa sổ, như là một cây bạch lạp cong lại trong ngày lễ Phục sinh lúc trời quá nóng trong nhà thờ.

Nàng phóng người ra thật giản dị, run lên, tan vào khoảng không. Marie chưa bao giờ làm việc gì rắc rối trong đời.

Nàng không còn chống cự được nữa. Nàng để cho thân thể nàng mềm ra như là một cây bạch lạp đang tan dần, thân nàng rơi xuống mềm nhũn từ cửa sổ từng thứ sáu xuống đường. Mọi sự xảy ra giản dị, chỉ có thể thôi.

Lúc Pillat quay đầu lại, thì Marie không còn trong phòng nữa. Chàng chạy đến cửa sổ. Chàng chỉ quay lưng lại Marie có một chốc, một chốc thật ngắn để mở cửa cho cảnh sát vào, rồi chàng nghe một tiếng động, mơ hồ, xa xôi ở dưới đường, rồi chàng nhìn xuống. Trước khách sạn, đã có ngọn đèn hơi cháy sáng, chàng thấy vệ đường và thân thể Marie nát nhàu, bất động như một vết mực trên nhựa đường. Người qua đường bu quanh.

Hai người cảnh sát và một người mặc thường phục bước vào phòng. Pillat vẫn còn nhòai mình ra cửa sổ. Một người lên tiếng nghi ngờ:

- Có gì xảy ra ở đây?

Cảnh sát tiến đến cửa sổ, nhìn xuống đường và cùng hỏi: «Có gì đang xảy ra?».

Trước thân thể sồng soãi của Marie dưới đường và đám đông đang bu quanh, một người cảnh sát nắm lấy Pillat lôi ra ngoài phòng, chàng nghiến răng và không còn suy nghĩ gì nữa cả. Chàng chỉ muốn nghiến răng đến nát mà thôi. Cảnh sát hỏi:

- Ai đó? Có phải từ đây bà ta nhảy xuống lầu phải không? Trả lời mau.

Cửa phòng vẫn mở. Người trong khách sạn đã đứng đầy hành lang, bước chân người dồn dập. Pillat muốn ra khỏi phòng xuống lầu.

- Đứng yên. Đi đâu đấy?

Pillat muốn vùng vẫy nhưng bị giữ lại. Chàng biết mọi cố gắng bây giờ đều vô ích. Không còn gì phụ thuộc vào ý chí của chàng nữa, như là từ ngày chàng bị lưu đày, không có gì tùy thuộc vào ý chí của chàng cả. Chàng đã bị cầm tù một lần nữa.

- Tên ông là gì?

- Pillat.

Trước mặt chàng là thân thể nát nhàu của Marie đang nằm sóng soải trên vệ đường. Ngoài ra chàng không còn thấy gì nữa cả.

- Căn cước đâu?

Như trong mơ, chàng lục túi tìm giấy tờ. Cảnh sát vẫn theo dõi từng cử chỉ chàng. Người kia đóng cửa sổ và cầm giấy tờ, giấy mỏng như một tấm giấy hút thuốc. Đó là giấy phép cư ngụ ở Pháp nhưng không phải của Pillat mà là của Marie. Giấy của chàng ở phía sau. Ngạc nhiên cảnh sát hỏi:

- Bà ở dưới kia là Marie Pillat?

- Đúng là vợ tôi đấy.

Chàng cắn môi đến chảy máu. Cố nhịn khóc nhưng sự đau đớn cực độ đã làm chàng bật khóc.

Mấy người cảnh sát đọc giấy phép cư ngụ và cùng nhìn nhau thất vọng; người mặc thường phục quay về phía Pillat:

- Không phải hãn. Anh ở phòng số mấy?

- 604.

Dưới đường, vẫn có tiếng la hét, tiếng máy xe nổ. Hành lang trước phòng vẫn đầy người và cánh cửa lớn vẫn để mở. Cảnh sát nói:

- Tên Hy lạp mà chúng mình kiếm ở phòng 504. Chúng mình bị nhầm từng lâu.

- Vâng bị nhầm lâu.

Pillat muốn ra ngoài, nhưng bị giữ lại. Chắc lại bị cầm tù rồi đấy. Cảnh sát hỏi:

- Vợ ông?

- Vâng, vợ tôi.

- Tại sao bà tự tử?

Pillat không trả lời. «Tại sao bà làm thế?» Cảnh sát hỏi có vẻ với giọng nghiêm khắc, kết tội. Hẳn muốn xử tội và lập lại câu hỏi:

- Tại sao bà tự tử? Ông bà cãi cọ nhau?

- Không, chúng tôi không hề cãi nhau.

- Thế tại sao bà nhảy xuống lầu tự tử? Trả lời ngay.

Pillat nắm tay, nghiêng răng. Thịt trên thân chàng co rút lại. Tim chàng co rút lại.

- Có gì đã xảy ra?

- Chỉ vì sự nhầm lẫn của các ông đó.

Pillat trả lời như thế và cắn môi đến chảy máu. Chàng lẩm bẩm, nhầm lẫn, nhầm lẫn.

Chàng đá chiếc soong. Mở văng trên nền nhà thành một vũng và không bao giờ chùi sạch được, không bao giờ cả.

- Chúng tôi phải giữ ông để lập biên bản.

Chàng bị đẩy ra khỏi phòng. Trước khách sạn đã có xe hồng thập tự. Thân thể Marie nằm trên vệ đường. Pillat nhảy bổ đến bên vợ.

Nhưng chung quanh Marie đã có hàng rào cảnh sát với những áo quàng đen như những cánh quạ. Cảnh sát đến thật đông, bên xác Marie, người nào cũng mang áo choàng đen, như những cánh quạ mở rộng, như những loài chim báo hiệu tử thần.

Xác Marie được mang lên xe, xa dần. Sau xe là hàng xe cảnh sát nối đuôi, với áo choàng đen như một bầy quạ vừa người thấy máu người. Họ đi theo xe và biến mất lúc đến góc đường. Ai cũng buồn vì chuyện vừa xảy ra, ai cũng cảm động. Người Pháp thường cảm động như thế khi một việc bất hạnh xảy ra cho một người đàn bà con trẻ.

Trước cửa khách sạn Dupont, còn một vết máu lớn. Hai con mèo đến lảng vảng bên vũng máu muốn liếm. Các cô con gái ông Dupont hoảng sợ gọi mèo vào nhà, và đổ sữa cho mèo khỏi phải đi liếm máu người đàn bà đã chết. Bà Dupont mang một thau nước đến lau sạch vết máu để cho mèo đừng người thấy mùi nữa. Ông Dupont bảo:

- Bà lau sách là phải lắm.

Và ông ta nghĩ : «Người ngoại quốc chỉ làm mình thêm rắc rối. Vâng, nếu mình bị bực bội cũng chỉ tại họ, chỉ tại lầm lỗi của họ mà thôi».

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

1 & Ii & Iii

au khi Marie chết, Pillat không còn lui tới các sứ quán để lo về vấn đề di cư nữa, cũng không lui tới các cơ quan từ thiện; chàng không còn dự định gì cho tương lai nữa cả. Suốt ngày ngồi trong phòng khách sạn Dupont, cửa luôn luôn đóng kín. Thịnh thoảng, xuống phố mua bánh, nhưng không cần nhìn ai và nói chuyện với ai cả.

Một hôm Aurel Popesco đến khách sạn, trên xe Cadillac đen lộng lẫy bước xuống, Popesco đã được ông Dupont kính cẩn tiếp đón, Popesco hỏi ông ta về Pillat, Dupont trả lời:

- Ông đến đúng lúc lắm. Sau biến cố đó, Pillat chỉ nghĩ đến nỗi tuyệt vọng của mình, ông đến đây là phải lắm. Cả ngày ông ta chỉ ở trong phòng một mình, không nói với ai, không ăn uống gì cả, ông muốn lên gặp ông ấy không?

Aurel Popesco biết rõ chuyện tự tử của Marie. Ông ta bảo :

- Tôi sẽ đem ông Pillat theo tôi. Pillat đã được mời vào một chức vụ cao bên cạnh bộ chỉ huy lực lượng Đại Tây Dương. Ông ta là người tài giỏi. Tôi được phái đến đây để tìm ông ấy đây.

Aurel Popesco trả tiền phòng cho Pillat, xong bước lên lầu. Các cô gái con ông Dupont nhìn chiếc Cadillac đen có vẻ thèm thuồng. Aurel Popesco vào phòng la lớn:

- Dậy đi anh. Tôi đem tin mừng đến cho anh đây. Anh sắp trở thành một nhân vật tên tuổi rồi đây, tin do bộ chỉ huy lực lượng Đại Tây Dương cho

biết đó. And đi với tôi. Chúng ta phải đến Đức đêm nay. Anh có biết anh sẽ là người quan trọng như thế nào không?

- Nói với tôi điều gì cũng được nhưng anh đừng nói tôi là nhân vật quan trọng. Tôi biết giá trị của tôi. Từ ngày bị lưu đày, thiên hạ đánh giá tôi bằng phân mét và kí lô, bằng sức mạnh của bắp thịt, bằng dẫu tay...

Aurel Popesco bảo :

- Nhưng bây giờ tình thế đã thay đổi rồi. Đời có lúc này lúc nọ chứ. Nào dậy đi, và sửa soạn lên đường.

Popesco giải thích cho Pillat rằng các quốc gia Tây phương đã chuẩn bị một cuộc chiến với Sô Viết:

«Người ta đã gọi tất cả những người tài ba ở bên này bức màn sắt cộng tác trong công việc đó. Anh là một trong những người đó. Anh vừa được nhận làm cố vấn cho bộ chỉ huy các lực lượng Đại Tây Dương. Người ta sắp trông cậy vào anh một công tác đầu tiên hết sức quan trọng. Anh có lương rất hậu. Anh không cần phải di cư đi đâu hết, bây giờ anh đã là nhân vật quan trọng rồi!»

Aurel Popesco bắt Pillat ngồi dậy, sửa soạn hành lý để ra đi. Ông Dupont đưa họ đến tận xe, bắt tay vồn vã và chào từ biệt rất là nhã nhặn. Lúc xe rồ máy, Popesco hỏi :

- Anh có vẻ không hài lòng? Đây là một biến cố phi thường chứ?

Pillat nhìn xuống đường. Chàng không nghĩ gì hết, chàng để Popesco đưa đi đâu thì đi, chàng không hành động gì nữa và hoàn toàn thụ động với tất cả những gì xảy ra cho chàng, thụ động như một tên tù nhân. Popesco lại giải thích:

- Đêm nay, chúng ta sẽ gặp các vị chỉ huy. Ba ông tướng đang chờ anh ở Heidelberg, anh biết không? Anh phải giải quyết một vấn đề hệ trọng. Anh có một bạn đồng học tên Boris Bodnariuk, bây giờ gặp hãn, anh có nhận ra không?

Pillat gật đầu, Popesco nói tiếp:

- Boris là nhân vật quan trọng nhất của Lỗ ma ni. Hãn ta đang cùng tên thống chế những người Slaves miền Nam tổ chức Liên minh các quốc gia quanh sông Danube và đang là bộ trưởng Bộ chiến tranh. Gần đây, người ta không biết gì về hãn nữa. Bỗng cách đây vài hôm, người Mỹ bắt được ở Đức một người giống như Boris. Nhận diện thật đúng rồi nhưng người Mỹ muốn có chứng cứ chắc chắn rằng đó là Boris. Nếu đúng hãn là Boris, thì thật có một tầm quan trọng về chính trị kinh khủng. Nhưng giả thuyết quá đáng có thể dùng. Hoặc là Boris bị bắt buộc trốn đi vì đã có sự bất động quan điểm trong các quốc gia Sô Viết. Trong trường hợp đó, Hoa Kỳ có thể lợi dụng sự bất động chính kiến đó. Hay là Boris đi công tác. Nếu thế thì công tác cực kỳ quan trọng, vì một bộ trưởng Bộ chiến tranh lại được đưa qua Tây Phương như là một nhân viên tầm thường. Người Hoa Kỳ đang xôn xao về vụ này. Nếu đúng là Boris, thì cục diện chính trị thế giới sẽ thay đổi. Anh là người có thể biết chắc người bị tình nghi là Boris hay không. Tất cả phụ thuộc vào anh. Anh chỉ cần nhìn kỹ hãn, nói chuyện với hãn và nói rằng: «đúng hãn» hay «không phải hãn», và thái độ của Hoa Kỳ đối với Sô Viết tùy vào sự nhận diện đó, sự nhận diện mà không có anh sẽ không ai làm được. Vì thế mà tại sao tôi phải đi kiếm anh ở Ba Lê. Anh sẽ ở lại Đức Quốc. Anh sẽ làm Cố vấn vĩnh viễn về các vấn đề chính trị bên cạnh bộ chỉ huy. Đó là một nhiệm sở phi thường, giống như của tôi đó. Lần chót anh trông thấy Boris hồi nào?

- Vài ngày trước khi tôi rời khỏi Lỗ ma ni.

Popesco cầm lấy vai chàng bảo :

- Anh là người cần cho chúng tôi, người của thời cuộc.

Popesco nói huyền thuyên. Pillat thỉnh thoảng mới nghe vài câu, nhưng chàng không hề chú ý.

- Nếu người Mỹ có dấu tay Boris, họ sẽ nhận ra ngay lập tức, nhưng nghiệt là họ không có và người bị bắt lại không chịu khai. Nếu chúng ta nhận diện được, hã sẽ được đem về Hoa Kỳ và ở đó sẽ phải khai. Bởi có loại Sérum bắt con người phải nói thật. Anh tưởng tượng xem những điều kinh khủng mà Boris sẽ khai như thế nào? Sự hiện diện của hã ở vùng đất Đồng minh là một điều hết sức quan trọng mà bây giờ người ta hy vọng hết cả vào anh. Chỉ có anh mới có thể nói chắc rằng đúng nó hay không.

Đền Đức, Pillat nghĩ đến Marie. Đức quốc là quốc gia mà hai vợ chồng chàng đã lê chân cùng khắp, xách trên vai, đói khát, tuyệt vọng.

Thành phố, làng mạc bị phá hủy. Pillat nhìn phong cảnh như trong giấc mơ. Khi chàng trông thấy lại sông Neckar và cây cầu Heidelberg, Pillat bảo Popesco:

- Dừng lại một chút đi.

- Anh sao vậy, mệt hả?

Họ dừng xe trên cầu, đứng xem. Pillat bước xuống xe, đến gần bao lơn cầu, nhìn xuống dòng nước, nhìn con đường dọc theo sông Neckar và chiếc ghế ngồi ở cuối đường. Chàng bảo:

- Chính ở đây trước kia tôi đến xin việc làm. Bây giờ cầu xong rồi. Nếu hồi đó, họ cho tôi làm việc thì bây giờ mọi sự có lẽ đã đổi khác. Doina, con gái tôi, có lẽ đã không chết. Có lẽ mọi sự sẽ đổi khác nếu họ để tôi làm việc trong công trường này, nhưng tôi không được phép cư ngụ và họ không muốn nhận tôi làm việc.

Pillat nhìn chiếc ghế chàng đã để vợ ngồi chờ và cảnh sát đã đến bắt nàng đi. Chàng thầm nghĩ chính ở đây lần đầu tiên Marie bị nhục nhã.
Popesco dục :

- Ba ông tướng đang đợi chúng ta. Anh nhanh lên chứ. Pillat leo lên xe còn nhắc lại:

- Hồi mới đến Đức, tôi đã xin làm việc ở cây cầu này.

- Cầu vừa mới làm xong đấy, đẹp chứ!

Popesco nhìn đồng hồ : «Chúng mình phải nhanh lên mới được».

Pillat buồn bã: Cầu đẹp, thật đẹp.

Cả hai đến một biệt thự mới tinh, căn cứ của bộ tư lệnh Lực Lượng Đại Tây Dương phân bộ tình báo. Các sĩ quan Hoa Kỳ đang chờ họ. Pillat là người họ đang cần và được triệu đến từ cách xa hàng ngàn cây số.

Họ nhìn Pillat với vẻ khâm phục.

II

Aurel Popesco hãnh diện nói:

- Đây là biệt thự của riêng tôi. Vì tầm quan trọng của nhiệm sở tôi, văn phòng tôi phải đặt ngay trong nhà, như thế kín hơn.

Vài sĩ quan đang đợi trong phòng khách, họ mời Pillat uống whisky. Ghế bàn đều sang trọng, đắt giá. Mọi người chăm chú nhìn Pillat. Người ta đã truyền lệnh đem Boris đến và đang ngồi chờ. Popesco đã thay áo khác và đến ngồi cạnh Pillat, nói :

- Anh rồi cũng có một lối sống như tôi, một cố vấn chính trị bên cạnh bộ tư lệnh Hoa Kỳ đáng được có chỗ ở xứng đáng nghĩa là một biệt thự sang

trọng với tất cả các tiện nghi của nó: xe hơi, lương trả bằng dollars mà không phải đóng thuế đơan. Vì là một nhiệm sở hết sức quan trọng. Tôi rất hài lòng thấy anh được cử giữ chức vụ đó. Nếu anh muốn, có thể sang ở bên Hoa Kỳ bất kỳ lúc nào. Không có trở ngại gì khi một viên chức bộ tư lệnh sang bên đó cả. Anh sẽ trở thành công dân Hoa Kỳ ngày nào mà anh muốn.

Aurel Popesco được gọi sang phòng bên cạnh. Và ông ta trở lui có vẻ sợ hãi, nói vài câu với các sĩ quan đang chờ. Tất cả có vẻ thất vọng, cầm mũ ra đi để Pillat ở lại một mình. Popesco cho chàng biết :

- Boris vừa mới trốn thoát cách đây nửa giờ. Popesco run lấy bấy nét mặt thay đổi, hăn như một kẻ nào xa lạ không phải là Popesco ngày thường.

- Nhưng dù sao anh cứ ở lại nhà tôi. Trong lúc chờ đợi họ cấp nhà cửa, anh là thượng khách của tôi. Tôi không tin là tên đó lại có thể tẩu thoát. Không có tù binh nào thoát khỏi tay người Mỹ, thế mà tên này làm được như vậy, chứng tỏ chính hăn là Boris, chỉ có Boris mới có khả năng làm điều táo bạo đó mà thôi. Chắc chắn là hăn đang âm mưu gì đây, nhưng không chóng thi chầy hăn sẽ bị bắt lại. Trong mới nửa giờ, hăn chưa thể đi xa đâu được, người Mỹ có thể bắt hăn lại, và mang lại đây cho anh nhận diện.

Aurel Popesco mặc chiếc áo choàng màu xám xong, bảo Pillat:

- Anh nằm nghỉ đi. Tôi phải đến Trung ương. Nếu chúng tôi bắt lại hăn được, chúng tôi sẽ phiến anh sau! Cần phải nhận diện hăn ngay tức khắc.

Đêm đó, Pillat không hề bị làm phiến, vì người Mỹ không bắt lại Boris được nữa. Mấy ngày sau, Pillat vẫn ở trong biệt thự Popesco và chờ. Boris đã trốn hăn.

Suốt một tuần, Aurel Popesco ít khi về nhà. Gặp lại Pillat, ông ta chán nản:

- Boris thế là trốn hẵn rồi.

Từ ngày Boris trốn đi, Popesco ngủ một đêm có vài giờ :

- Người ta báo cáo là hẵn vừa vượt sang vùng Sô Viết ở Đức. Chúng ta không còn hy vọng gì bắt lại hẵn được nữa, bây giờ chúng ta chỉ còn nhận diện hẵn bằng các bức ảnh thôi. Người Mỹ muốn là anh viết một bản tường trình đầy đủ chi tiết với các dấu hiệu đặc biệt về Boris.

Pillat viết bản tường trình về bề ngoài cũng như tính tình của người bạn học cũ. Popesco hỏi thêm:

- Anh không biết Boris nặng bao nhiêu ký sao? Người Mỹ cần điều này lắm vì họ cho rằng không thể nhận diện được nếu không có trọng lượng người đó, dù chỉ là đại khái.

- Nhưng tôi không bao giờ hỏi người quen là họ nặng bao nhiêu ký cả?

- Tôi thì trái lại, từ ngày làm việc với người Mỹ, hễ cứ gặp ai là tôi ước lượng sức nặng của họ ngay. Quan trọng lắm, hơn cả màu mắt nữa. Anh có biết Boris cao bao nhiêu không? Anh ráng nhớ lại xem từ lúc còn đi học hẵn nặng và cao bao nhiêu? Ta có thể suy ra chiều cao và sức nặng bây giờ của hẵn. Ví dụ như theo ảnh của hẵn, chúng ta có thể biết độ nhọn của cổ áo và cổ giày của hẵn ra sao, điều này rất quan trọng lúc nhận diện một người nào.

Sự mô tả của Pillat về Boris làm cho người Mỹ thất vọng vì thiếu các sự kiện cụ thể, những thiếu sót không thể chấp nhận được trong sự nhận xét của một người đã từng quen biết Boris. Pillat không cung cấp điều gì xác thực về Boris cả, kể cả sức nặng, chiều cao, vòng đầu, vòng cổ, gót giày, vòng thân. Sự mô tả có vẻ văn chương suông, không khoa học tí nào cả. Người Mỹ bắt đầu nghi ngờ rằng Pillat chẳng hề biết Boris, và trách Aurel Popesco điều đó. Thái độ Aurel Popesco đối với Boris thay đổi hẵn, ông ta trở nên lạnh nhạt với Pillat.

Một ngày kia, lúc Pillat từ ngôi mộ Doina Australie ở Heidelberg trở về, chàng vẫn thường đến đó mang theo hoa cắm lên mộ đứa con gái mỗi ngày. Aurel Popesco bảo chàng:

- Tôi phải đi ngay. Bộ chỉ huy bắt tôi đi săn tin ở Israel, tôi phải gặp những người Do thái Lỗ ma ni, rất có thể tôi sẽ thành lập ở đó một trung tâm chống Sô Viết. Hơn nữa tôi phải viết một biên bản đầy đủ chi tiết về tân quốc gia đó. Người Mỹ chọn tôi làm việc đó vì họ muốn có một biên bản khách quan. Tôi không thân người Do Thái, cho nên tôi quan sát và tường trình mọi việc theo sự thật của nó, và người Mỹ chỉ muốn có thế. Họ đã tốn bao nhiêu tiền của cho công cuộc tạo dựng quốc gia Do Thái, thì họ có quyền biết những gì đang xảy ra ở đó chứ. Cho nên đây là công tác hết sức quan trọng. Tôi sẽ gặp bà Salomon và trung úy Varlaam. Cả hai người muốn rời Palestine, vì ở đó họ không thích. Nếu có thể, tôi sẽ giúp đỡ họ, nhất là Varlaam. Lúc tôi đi vắng, anh cứ ở đây, tôi đã lo giấy tờ cho anh, người ta sẽ bổ nhiệm anh, giấy tờ đang ở Hoa Thịnh Đốn. Zaig Burian sẽ thế tôi ở đây.

Pillat biết rõ Zaig Burian, hẳn là một đại thương gia ở Lỗ trốn sang Đức. Popesco giải thích thêm:

- Burian sẽ làm trung gian giữa anh và Bộ chỉ huy, anh cần liên lạc với ông ta nếu anh cần gì. Khi nào lệnh bổ nhiệm của anh đến đây, ông ấy sẽ thông báo cho anh biết. Trong lúc chờ đợi, anh cứ làm việc với ông ta. Tôi đi chừng hai hay ba tháng, sẽ viết thư cho anh. Anh cứ tĩnh dưỡng và vui vẻ lên. Anh cần giải trí nữa, sau bao nhiêu đau khổ, anh cần được nghỉ dưỡng sức thật sự, tôi hy vọng là anh sẽ bình phục.

III

Sau khi Popesco đi rồi, Pillat lại trở về tình trạng khủng hoảng tinh thần như hồi còn ở Paris, chỉ khác một điều là bây giờ chàng ở yên trong biệt thự sang trọng trên bờ sông Neckar thay vì ở trong căn phòng khách sạn chật

hẹp của ông Dupont. Người duy nhất chàng gặp mỗi ngày là Zaig Burian, hẳn ta mang báo chí Lỗ ma ni yêu cầu chàng dịch các tin quan trọng cho hẳn. Một vài lần khác, hẳn hỏi chàng lai lịch một vài chính khách mà người Mỹ lưu ý đến. Burian là một ông già dễ mến và lịch sự. Mỗi lần đến thăm, ông ta đều gọi điện thoại trước báo tin cho Pillat. Nên hôm nay nghe tiếng điện thoại, chàng biết ngay là Burian gọi:

- Chúng tôi vừa bắt được một người hết sức nguy hiểm, gốc Lỗ ma ni. Hẳn ta có một quá trình rất đáng ngại. Tôi sẽ dẫn đến cho anh xem để anh nói chuyện với hẳn thử xem, rồi cho chúng tôi biết cảm tưởng, nửa giờ nữa tôi sẽ đến nhà anh.

Pillat ngồi chờ ở phòng khách sang trọng nơi mà trước đây chàng đã từng gặp các tướng lãnh Hoa Kỳ. Nửa giờ sau, Burian đến bảo chàng:

- Người Nga gởi vào phần đất bên kia Đại Tây Dương đủ loại gián điệp. Gần đây họ dùng cả thợ thuyền và nông dân giả ngơ giả điếc làm như là không hiểu được gì, không biết nói một thứ tiếng nào, nghĩa là giả như những kẻ đần độn. Nhưng thật ra đó là những thành phần nguy hiểm. Người Mỹ lưu ý chúng ta và chúng ta phải kiểm soát mỗi cá nhân thuộc vào hạng gián điệp này. Người mà tôi sắp đem đến đây cho anh đúng là thuộc hạng này, hẳn bảo là chỉ biết có tiếng Lỗ và không hề biết việc chính trị vì hẳn chỉ là một nông dân tầm thường. Toàn là mách lới cổ điển, anh sẽ thấy cho mà xem.

Burian mở cửa mời tù nhân vào, lính gác ở ngoài cửa. Tù nhân là một kẻ ăn mặc theo kiểu Gia Nã Đại, nhưng áo quần rách rưới, giày theo lối Đức, áo của Mỹ, một chiếc khăn vắt ngang vai, hình dáng nhỏ thó, ốm yếu và già nua. Đúng là một người đang hồi sa sút, chỉ cặp mắt là còn mang vẻ tinh anh. Đó là ông Ion Kostaky, nên khi ông ta đang còn sợ sệt bước vào phòng, Pillat đã nhảy xổ đến định ôm ông, vừa la lên:

- Cha!

Chàng muốn nói thêm ít câu nữa nhưng chàng không biết nói gì ngoài tiếng gọi: «Cha! Cha!». Pillat muốn xiết chặt Kostaky trong tay vì nỗi vui mừng lớn lao này, muốn kể cho người bố vợ nghe ngay tức khắc cuộc trốn khỏi làng Piatra, đám cháy ngôi nhà của họ, việc đuổi bắt nông dân do Severin cầm đầu, tất cả nỗi nhục nhã của họ. Chàng muốn kể những lần viễn du ở phương Tây. Nhưng đôi mắt của Kostaky không cho phép chàng lại gần, đôi mắt đó nóng bỏng, tinh anh, nhưng không mời mọc chàng đến gần, đôi mắt đó giữ lấy một khoảng cách, như hai dấu hiệu báo động, giống như đôi mắt của loài chim rừng, của loài nai tơ nhìn mình để sẵn sàng trốn chạy, đôi mắt đó giống như đôi mắt của một con chó đã bị đánh đập lâu ngày nên thấy người là sẵn sàng đào tẩu. Cho nên Pillat chỉ nắm lấy tay Kostaky mà không ôm lấy ông ta được...

Kostaky vẫn đứng sững gần cửa, ông ta nhìn Pillat như trong một giấc mơ mờ ảo. Nhưng quanh ông đúng là bàn ghế, thảm trải nhà. Ông ta gọi nhỏ:

- Pierre.

- Cha.

Hai bàn tay họ trao cho nhau, Kostaky hỏi thêm:

- Marie? Marie đâu rồi?

Đôi mắt đó nhìn quanh có vẻ tìm kiếm nhưng không dấu nổi vẻ sợ sệt của một con thú bị săn đuổi. Rồi bàn tay ông ta rời khỏi bàn tay Pillat, đôi mắt không còn tìm kiếm Marie nữa. Ông ta đã hiểu, chỉ còn có Pillat thôi. Và mắt họ tuyệt vọng nhìn nhau. Bàn tay đẩy cả chai sạn lại nắm chặt bàn tay Pillat. Có một cái gì tuyệt vọng nào nề trong lúc gần nhau mà họ không thể thấy lại Marie. Và càng biết là tìm kiếm Marie vô ích, Kostaky càng tiến lại gần Pillat. Burian rút lui : «Thôi tôi đi đây. Mừng cho cuộc gặp gỡ của hai người. Tôi để cho hai người được tự do, tôi sẽ gọi điện thoại sau».

Burian bỏ đi, để lại sau lưng một khoảng trống. Kostaky hỏi:

- Chuyện xảy ra đã lâu chưa?

Ông ta chậm rãi đưa tay lên dụi mắt. Nước mắt đã khô cạn lâu rồi chỉ còn có một nỗi niềm đau khổ còn bao la hơn cả những giòng nước mắt. Ông ta hỏi Pillat mà hầu như không cần câu trả lời. Ông ta nói thêm :

- Có lẽ Iléana còn sống. Ít nhất bà ta... Rồi ông ta làm dấu thánh giá và nói tiếp: Chúa đã muốn thế, đó là ý muốn của Chúa biết làm sao được.

Kostaky không nhắc đến Marie, dù Marie đang hiện diện trong tâm tư của cả hai người nhưng ai cũng chỉ giữ yên lặng. Kostaky kể chuyện của mình trước :

- Cha từ Gia Nã Đại sang đây. Cha làm việc ở đó gần hai năm.

Nét mặt Kostaky đã trở nên lạnh lùng. Đôi giày đã rách nát, đôi giày mà ông ta có từ lúc ở Đức, mang nó sang tận Gia Nã Đại rồi mang trở về lại đây. Chiếc quần vải kaki cũng đã rách tươm. Trông ông ta thật thiếu nảo, quần lính theo kiểu Anh, áo ngoài theo kiểu Gia Nã Đại và sơ mi theo lối Mỹ – Chỉ còn đôi mắt vẫn như cũ, đượm chút hải hùng và lo âu.

- Không thể nào ở lại Gia Nã Đại. Nên cha đã trở về đây. Không phải vì cha sợ phải chết ở đó, chết trong tuyết hay trong bãi sa mạc xa lạ đó, thật ra không có một nguyên nhân nào cả, nhưng cha phải trở về.

- Cha ngồi xuống đây đã.

Kostaky ngồi xuống ghế. Đúng là một người đàn ông hết thời mà người ta đã tước mất sự sống như chanh đã vắt hết nước. Chỉ còn lại một nắm xương, xanh xao, với triệu chứng lao phổi hay đau dạ dày. Mấy cái răng phía trước rụng hết. Pillat rót rượu mời, nhưng Kostaky từ chối:

- Cho cha một ly nước lạnh thì hơn.

Sau đó, cả hai yên lặng nhìn nhau rồi yên lặng nhìn qua cửa sổ.

Phía trước là cây cầu trên sông Neckar và chiếc ghế dài mà có lúc Marie đã ngồi trên đó. Pillat cẩn rắng để khỏi phải kể những gì đã xảy ra cho hai người. Chàng không muốn cho Kostaky biết những khổ sở mà chàng và Marie đã chịu đựng bao năm. Kostaky bảo :

- Thôi để khi khác hãy nói chuyện; nên nói chuyện vào lúc khác hơn là bây giờ.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Iv & V:

on Kostaky không còn bị tình nghi nữa nên được phép ở chung với Pillat trong biệt thự của Aurel Popesco. Một hôm Pillat bảo:

- Con sẽ nhận chức ở bộ chỉ huy lực lượng Đại Tây Dương, chúng ta sẽ có một căn nhà để tạm trú và để cha bồi dưỡng sức khỏe, rồi chúng ta sẽ tính sau. Điều chính yếu là chúng ta sẽ có được một chỗ ở tiện nghi và có thể tạm nghỉ chân.

Kostaky nghe mà không nói gì, Pillat biết là ông ta đang nghĩ đến Marie.

Lúc Burian bước vào phòng thì hai người đang đối diện với nhau ở phòng khách, Kostaky liền bỏ vào phòng. Burian tỏ vẻ bất bình:

- Hoa Thịnh Đốn đã trả giấy tờ của anh cho chúng tôi, và là lần thứ hai rồi đó. Anh không được bỏ nhiệm trong bộ chỉ huy này dù Aurel Popesco đã cố nài nỉ cho anh.

- Người ta đã từ chối tôi hay sao?

- Tại vì anh không có một quá trình chính trị rõ ràng.

Người Mỹ đã dò hỏi tin tức về anh nhiều lần. Và tôi đã gửi cho rồi. Bây giờ thì họ đã trả lời rõ ràng, họ từ chối không bổ nhiệm anh vì quá khứ chính trị của anh đáng nghi ngờ.

- Nhưng tôi chưa hề làm chính trị.

- Cho đến ngày người Nga chiếm đóng Lỗ ma ni, nghĩa là cho đến ngày chiến thắng, như người Anh vẫn thường nói thế, anh vẫn là thẩm phán?

- Đúng vậy. Và khi người Nga đến, họ đã loại tôi ra khỏi thẩm phán đoàn.

- Và anh bỏ về làng vợ anh ở Piatra?

- Đúng như thế. Ở Piatra, tôi làm ruộng với bố vợ tôi để sinh sống, vì tôi không còn phương tiện nào khác hơn để sinh sống.

- Ở Piatra, anh cố để được gia nhập đảng cộng sản?

- Đúng vậy, tôi cố để được nhận vào đảng để tìm kế sinh nhai, nhưng tôi đã không được toại ý.

- Trong các ý định của anh, như anh đã khai trong biên bản người ta chú ý đến lời yêu cầu của anh xin gia nhập đảng cộng sản Lỗ ma ni.

- Đúng vậy, tôi có yêu cầu như thế.

- Và chính vì lý do đó mà người Mỹ từ chối không bổ nhiệm anh vào chức vụ ở bộ chỉ huy. Luật lệ Hoa Kỳ trong phạm vi này thật rõ ràng. Bất cứ ai đã vào đảng cộng sản dù chỉ là một giờ cũng không được bổ nhiệm vào một chức vụ trong chính phủ, mà nếu là người ngoại quốc thì họ cấm không cho nhập nội xứ Hoa Kỳ.

Pillat ngẫm nghĩ một lát. Nếu đó là luật lệ của Hoa Kỳ thì dĩ nhiên họ phải từ chối bổ nhiệm chàng. Chàng không còn gì để đòi hỏi hay thắc mắc. Chàng đành phải một mình lo liệu lấy, chàng chỉ tiếc là đã nhận lời rời bỏ nước Pháp, Burian nói thêm:

- Điều hệ trọng hơn là trường hợp của ông bố vợ anh. Kostaky vừa bị liệt vào hạng tình nghi, y theo luật định.

- Cha tôi lại bị tình nghi? Vô lý và khôi hài quá!

- Kostaky đã rời bỏ Gia Nã Đại, mà Gia Nã Đại là một nước dân chủ. Tại sao ông bố vợ anh lại không thể sinh sống, hòa mình trong một thể chế dân chủ. Đó là câu hỏi mà người Mỹ đã chú trọng. Tôi đã đọc biên bản của Kostaky... Công việc ở Gia Nã Đại thật là vô nhân đạo : người ta kiến thiết những đường rầy xe lửa ở các vùng băng giá, lương cao nhưng đời sống quá đắt đỏ, rút cục rồi chẳng có gì cả. Nếu công nhân muốn có ăn hàng ngày thì thể nào cũng mắc nợ... Cứ công nhận là công nhân bị bóc lột đi. Nhưng người Mỹ lại không hiểu cho rằng một người làm công từ bỏ một thể chế dân chủ chỉ vì người đó vấp phải một chủ nhân bóc lột; họ đặt ra nhiều giả thuyết nữa cơ. Với họ, ai rời bỏ một quốc gia dân chủ là một người đáng nghi ngờ, đó là một cá nhân không chịu đựng nổi thể chế dân chủ.

- Chúng tôi sẽ cố di cư lần nữa, rất có thể là sang Venezuela.

- Anh di cư càng sớm càng tốt cho xong. Mâu thuẫn đã trầm trọng ở Viễn Đông, bây giờ đang có chiến tranh Triều Tiên. Rồi sẽ đến chiến tranh ở Trung Hoa. Một tuần sau cuộc chiến tranh ở Trung Hoa, mâu thuẫn sẽ xảy ra trong các quốc gia Âu Châu. Pillat bảo:

- Từ khi có Hòa bình đến giờ, nghĩa là từ năm 1945, chiến tranh thật chưa hề ngưng, anh nhỉ?

Burian giải thích thêm:

- Nếu chiến tranh xảy ra ở Âu châu, anh sẽ bị cầm tù ngay tức khắc. Anh thì vì là đảng viên đảng cộng sản Lỗ ma ni, còn ông bố vợ anh thì đã từ bỏ một quốc gia dân chủ không có lý do. Đó tôi nói thật với anh như thế và tôi cũng đã viết thư cho Aurel Popesco bảo rằng anh đang bị nguy hiểm. Danh sách của những người phải bắt giam lúc có biến cố đã có và tôi không thể

nào chừa anh ra được. Cả anh lẫn ông bố vợ đều có tên trong danh sách những người sẽ phải bắt giữ.

Sau một chốc yên lặng, Burian lại khuyên Pillat:

- Với tư cách là bạn thân, tôi sẽ giúp anh di cư. Tôi quen biết nhiều, bây giờ người trí thức cũng có thể di cư. Anh thì không bao giờ sang Hoa Kỳ được, nhưng còn các xứ khác trên trái đất nữa chứ, tôi còn có thể giúp anh được. Nhưng với Kostaky, thì đành chịu không ai giúp đỡ cho ông ta được. Các cánh cửa di cư đều đóng kín nên ông ta phải ở đây để chờ các biến cố xảy ra. Ông ta đã bị liệt vào hạng phế thải.

- Hạng nào?

- Hạng phế thải, nghĩa là hạng của cặn bã vô dụng. Anh không thấy là ông ta không còn lấy một cái răng nào cả hay sao?

- Và chính vì đó mà cha tôi là một thành phần cặn bã sao? Ông ta đã đau khổ nhiều rồi mà.

- Nhưng không phải tôi nói như thế. Đó là cách chỉ định chính thức của người Mỹ. Chúng ta hiện có chừng một triệu người mang bệnh bất trị, những người tàn tật và già nua. Đó là những kẻ xơ xác hèn mạt. Họ không thể ghi tên vào bất cứ danh sách di cư nào, ở bất cứ một quốc gia nào. Họ là những thành phần lắng xuống đáy một cốc rượu, là những phần cặn bã, phế thải, « hardcore ». Và đó là chữ người ta đã dùng chính thức. Anh đã xem căn cước của Kostaky?

Đúng là tấm căn cước của những người bị phế thải, và được viết lên rõ ràng như thế. Tôi biết là để lên trán hai chữ phế thải thì cũng đáng buồn lắm, nhưng người Mỹ không phải là những linh mục, người ta không thể đòi hỏi họ cư xử như những vị linh mục. Những cá nhân đó là những phần cặn bã của xã hội loài người, người ta không thể rút tĩa những gì ích lợi ở

nơi họ cả. Anh thấy Kostaky rồi chứ, cha vợ anh đó, tôi biết, nhưng anh phải thành thật công nhận rằng ông ta không thể xài được nữa!

Pillat nheyn ngào :

- Cám ơn anh. Tôi chỉ tiếc là phải đi mất bao nhiêu đoạn đường để đến nơi đó, để nhận được cái khuôn dấu phế thải lên trên trán, như những con vật mà thịt thối không thể ăn được nữa. Cám ơn anh.

- Anh cẩn thận đó. Mỗi đêm đều có thể có chuyện xảy ra và anh sẽ bị bắt giữ. Tôi không nói đùa đâu. Ai mà quá khờ chính trị không trắng 100% sẽ bị bắt giữ. Anh và ông bố vợ đều có tên. Vậy phải quyết định ra đi gấp lúc đang còn thì giờ. Nếu ở đây thì chỉ có một đường là bị bắt. Nhanh lên cho rồi.

Pillat uể oải:

- Vâng, tôi sẽ đi gấp.

V

Ion Kostaky cầm bó hoa đứng đợi Pillat ở trước cửa. Họ phải đi thăm ngôi mộ của Doina Australie, nên Kostaky đã mua sẵn hoa và đèn bạch lạp. Dạo này, Kostaky đã ăn mặc tươm tất, nên lúc nhìn ông ta, Pillat muốn khóc khi nghĩ rằng: «Làm sao người ta có thể nói rằng con người này lại là một thứ cặn bã được. Không ai có thể là một thứ cặn bã được đâu».

Lên tàu điện với Kostaky, Pillat lại nghĩ: «Kostaky là một thứ cặn bã thừa thãi mà không xã hội nào chấp nhận, không một quốc gia văn minh nào thu nhận. Phải ở đó và tàn lụn đi tại chỗ», nên chàng gợi ý:

- Ba, đêm nay chúng ta sẽ trở về Lỗ ma ni, ba hiểu ý con chứ?

- Lần đầu tiên, ba thấy trong người khỏe khoắn và có cảm tưởng là mọi việc sẽ êm đẹp và con sẽ tìm ra chỗ làm.

Trong lúc Kostaky mân mê bó hoa dành cho ngôi mộ của Doina Australie, Pillat giải nghĩa :

- Họ không muốn dành cho con chức vụ đó nữa. Và cả ba lẫn con, chúng mình lại còn sắp bị bắt.

- Họ bắt chúng ta? Nhưng nào chúng ta có làm gì đâu?

- Vâng, không làm gì cả. Nhưng đêm nay chúng ta phải trốn đi. Rất có thể chúng ta sẽ bị lính gác bắn gục. Nhưng nếu thoát, chúng ta sẽ trở về sinh sống trong núi rừng xứ Piatra thân yêu, trên dãy núi ở Néamțz.

Pillat đặt tay lên vai Kostaky. Tàu điện dừng ngay trước nghĩa trang, Kostaky càng nắm chặt bó hoa hơn lên, còn Pillat thì giải thích dần dần lý do tại sao họ phải trốn đi:

- Ba, ba là người thuộc thành phần cận bã của xã hội. Ba không thể đến ở trên bất cứ quốc gia nào trên thế giới này. Ba phải ở lại đây và đi ăn mày chờ bị bắt vì họ đã lập xong danh sách những người tình nghi. Cái tên Kostaky của ba nằm ở trang đầu.

- Họ bắt ba à? Ba có bao giờ bị bắt đâu.

- Rồi ba sẽ bị bắt bây giờ. Ba ở trong danh sách người Hoa Kỳ sẽ bắt vì ba đã từ bỏ một quốc gia dân chủ như là Gia Nã Đại. Làm như thế là đáng nghi ngờ và đáng bị bắt giữ.

- Nhưng ba đã giải thích cho con cả rồi mà, ba không thể nào sinh sống ở đó được.

- Và như thế là phản lại dân chủ. Ai không sinh sống được trong một quốc gia dân chủ là một người bị tình nghi.

Kostaky không thể nào hiểu nổi điều đó. Phải nói rõ hơn nữa mới được.

- Phải ở lại Gia Nã Đại ư? Ba sẽ chết ở đó mất thôi.

Họ tiến dần về phía nghĩa trang. Vẫn cầm bó hoa trên tay, Kostaky hỏi:

- Và con, tại sao họ cũng muốn bắt giữ con?

- Tại con cũng là một người đáng nghi ngờ, bởi vì con đã cố để được ở lại Lỗ ma ni, vì con đã không trốn ngay mà còn sống chung với người cộng sản, như thế là mờ ám, đáng để bắt giữ.

Họ ngồi lại ở trước ngôi mộ có chữ thập bằng gỗ, trên chữ thập, có đề tên «Doina Australie Pillat».

Cả hai cùng quỳ xuống. Kostaky đặt hai bó hoa xuống đất, một bó cho Marie và một bó dành cho Doina. Kostaky thả hai cây nến, cắm từng cây xuống mồ. Ông ta lâm râm: «Cây nến này dành cho Marie, xin Chúa rước linh hồn con tôi». Rồi với cây nến thứ hai: «Cây nến này dành cho Doina, xin Chúa rước linh hồn cháu tôi». Pillat và Kostaky đắm chiêu nhìn hai bó hoa và hai cây nến cắm giữa đất ẩm ướt. Kostaky hỏi:

- Con tin là Iléana còn sống không?

Pillat không trả lời. Cả hai cùng nghĩ đến Piatra, Iléana, Marie và Doina. Kostaky lại hỏi:

- Tại sao họ nói ba là một con người phế thải?

- Vì ba không còn răng nữa, bà đã già, lại bệnh hoạn và khốn khổ.

- Xin Chúa tha tội cho họ.

Quay sang Pillat, Kostaky bảo:

- Chúng ta sẽ đi đêm nay. Vào rừng, không ai còn bảo chúng ta là đồ phế thải, cặn bã nữa.

- Thưa ba, ba không phải là cặn bã. Không con người nào là cặn bã của xã hội cả.

Lần đầu tiên, Kostaky khóc như một người đàn bà. Họ nhìn mặt trời để xem thử bao lâu nữa mới tối. Mặt trời còn ở trên ngôi mộ. Bóng họ đổ dài trên mộ, dọc theo lối đi, trùng với bóng của thập tự giá.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Phần Thứ Ba - I & Ii & Iii & Vi

rước khi đi du lịch, Aurel Popesco ghé lại bộ chỉ huy các lực lượng Đại Tây Dương ký vài bản tường trình cuối cùng, nói vài câu chuyện với Zaig Burian sắp thay thế hẳn. Milan Paternik đang chờ hẳn ở ngoài xe. Tuy cùng đi chung, họ không hề nói chuyện với nhau trong suốt đoạn đường xuyên qua thành thị, làng mạc bị tàn phá ở Wurtemberg. Sau cái chết của bà mẹ, Milan Paternik bị ông bố đày đi xa, rồi bị người Đức bắt giữ, ở tù với Aurel Popesco, cho đến cuối cuộc chiến thì được trả tự do vào ngày Chiến thắng. Hẳn ta lại là người đứng đầu trong số những nạn nhân của chế độ phát xít, cũng như trường hợp của Aurel Popesco. Rồi cũng như Popesco, hẳn được bổ làm cố vấn chính trị cho bộ chỉ huy Hoa Kỳ.

Bây giờ, Milan được nghỉ hè một tháng và muốn đi cùng với Popesco đến Ý Đại Lợi để tình dưỡng. Popesco hỏi:

- Tại sao anh lại nhất định đi ngang qua Trieste? Trieste là thành phố buồn nhất của Âu Châu, buồn hơn cả Bá Linh, hay Vienne. Vienne và Bá Linh là hai nơi được bốn cường quốc trấn giữ. Trong lúc Trieste, chưa kể lực lượng chiếm đóng, còn có thêm cả quyền hành của chính phủ Ý Đại Lợi và những người Slaves. Đúng là một thành phố nghẹt thở vì có đến sáu lực lượng cảnh sát kiểm soát, chúng mình nên tránh Trieste là hơn. Đến La Mã có phải là anh vui vẻ hơn không?

- Không, nhất định tôi phải ở vài ngày tại Trieste. Anh cho tôi xuống đó, rồi anh tiếp tục đi.

Popesco làm quen với Paternik ở Buchenwald. Hẳn thừa biết là Paternik đã loại trừ tám trăm ngàn người Do Thái ở xứ người Slaves miền Nam,

đúng là con người không biết đến tình cảm là gì. Nhưng Paternik đã lên tiếng:

- Tổ quốc là một cái gì người ta không thể nguôi thương nhớ được. Tôi muốn đến Trieste để đặt chân lên đất của quê hương, dù chỉ là chấm bằng đầu ngón chân, để thưởng thức không khí, gió mát, mùi hương của quê cha. Không có thứ văn hóa nào có thể làm anh quên được tổ quốc, cũng như người ta không thể nào tách rời khỏi cơ thể của chính mình. Tổ quốc như là một phần nối dài của cơ thể mỗi người. Tiếng gọi của quê hương tha thiết đối với kẻ bị lưu đày như là sự khao khát tình yêu của những ẩn sĩ mỗi đêm hè. Đó là thứ tình cảm ở trong tận cùng máu huyết và thỉnh thoảng lại xuất đầu lộ diện. Lòng yêu quê hương cũng thế. Tất cả lục địa của thế giới không thể nào làm tôi quên được tiếng hát của Loreley ở mảnh đất quê hương, tiếng mời gọi vào một lúc nào đó anh không ngờ được. Anh có bao giờ cảm thấy như thế không nhỉ?

Nhưng anh muốn làm gì ở Trieste? Nhìn qua các hàng rào kẽm gai tốp lính gác của xứ anh thôi sao?

- Thế thôi. Tôi sẽ sung sướng nhìn lại đất nhà, thế là đủ. Tôi đang nhớ nhà, nhớ quê hương. Có ngày anh cũng như thế. Điều đó sẽ đến với tất cả mọi người không trừ một ai cả.

Suốt đoạn đường còn lại, họ chỉ bàn đến hai chữ tổ quốc. Đến Trieste, trong lúc Popesco ở nhà hàng, Paternik một mình thơ thẩn đến khu phía Đông thành phố, về phía biên giới của quốc gia hãn. Hãn phải trình giấy chứng nhận công chức Lực lượng Đại Tây Dương cho các toán tuần tiễu Anh, Mỹ, Ý và Slaves.

Hãn dừng lại ở hàng rào kẽm gai chia đôi mảnh đất quốc tế Trieste và quê hương của hãn, xứ Slaves miền Nam, rồi buồn rầu nhìn qua bên kia. Paternik sinh ra trong cảnh lưu đày, chỉ ở trong nước mình có vài năm thôi. Nhưng mảnh đất quê hương thu hút hãn như một thỏi nam châm vĩ đại. Hãn

không hiểu nổi những tình cảm trong hăn lúc bấy giờ, cũng như không ai giải nghĩa được tình yêu. Chỉ hình như là Milan đang thích nghe nói bằng tiếng mẹ đẻ, nhìn những ngôi nhà trắng ở bên kia hàng rào kẽm gai. Chỉ nhìn thế thôi, mà máu đã ran lên trong người, mắt đã mở rộng, tim đã đập nhanh như khi người ta tiến đến gần người yêu.

Hăn cởi găng tay cho vào túi. Và hăn đã bị lộ. Lính gác người Anh cũng như lính gác người Slaves đã dùng ống nhòm theo dõi hăn dù Paternik chưa vượt quá mức đất cấm, hăn chỉ là một du khách như bao người khác.

Có tiếng chuông reo ở phía trạm gác bên kia. Tiếng chuông đi ngang qua thân thể Paternik như một luồng điện. Rồi người ta nghe tiếng lính gác trả lời ở máy điện thoại. Không hiểu họ nói với nhau những gì nhưng đúng là cách phát âm của tiếng mẹ đẻ. Chỉ có một tiếng nghe được : «Uredu», có nghĩa là xong rồi.

Trong tâm hồn của Paternik, tất cả đang là Uredu, xong rồi. Hăn nhìn khung cảnh quê nhà bằng đôi mắt mở lớn, đôi môi, lỗ mũi mở rộng để đón nhận mùi thơm của khu đất vùng biên giới không người qua lại, tai để yên cho tiếng mẹ đẻ vang lên bên trong. Và hăn muốn đứng đấy mãi mãi.

Người lính Slaves ở trước mặt nhìn hăn chăm chăm, súng tiểu liên cầm tay. Người lính đó thừa biết là khách lạ chưa dẫm chân lên mảnh đất mà hăn đang canh gác bằng súng tự động. Trong lúc Paternik thì đang muốn nuốt chửng mảnh đất bên kia hàng rào kẽm gai. Người lính đoán được điều đó, nhìn lại vào ống nhòm, người lính không hiểu tại sao khách lạ lại khoái nhìn mảnh đất này thế. Chỉ có hai người đang đối diện. Bên này là người lính với ống nhòm, súng trên tay chăm chú, nghi ngờ, bên kia là Paternik đang chiêm ngưỡng vùng đất cấm bằng tất cả thớ thịt của thân thể mình nhưng trò chơi đó nào có kéo dài được lâu. Người lính gác có cảm tưởng là người lạ đang bị thu hút bởi một cái gì đó trên đất mình đang canh gác. Bổn phận hăn là bảo vệ tổ quốc. Nên hăn nhắm súng vào người Milan Paternik để anh chàng này đừng có chăm chú nhìn vào đất của người Slaves.

Paternik nở nụ cười thân thiện. Người lính lại xem nụ cười đó là một sự thách thức. Nên không ngần ngại hấn bấm cò. Một tràng mưa đạn xuyên qua thân thể Milan. Hấn ngã người xuống, thân thể vẫn còn đang ở bên này lẫn ranh giới.

Đáng lý cơ thể Milan ngã gục ra phía trước, và thân thể hấn đã có thể gục xuống bên kia lẫn ranh, đầu và ngực đã có thể chạm vào mảnh đất quê hương và hấn đã có thể chết trên quê cha. Nhưng Milan đã ngã bằng lưng và tưới máu lên khoảng đất xa lạ của vùng do quốc tế kiểm soát trên thành phố Trieste. Và thế là hơi thở nóng bỏng, thứ hơi thở nóng bỏng nhất của cái nấc nơi một người sắp chết, đã bị đất lạ hút mất. Đôi môi khô cằn còn cố tìm đất thân yêu, nhưng chỉ gặp được một thứ đất xa lạ không phải là đất quê hương.

Lệnh báo động ban hành. Ở Trieste, ngày nào cũng có đôi ba vụ va chạm biên giới như thế. Lần này, cảnh sát đồng minh phản đối quyết liệt, vì Paternik bị người lính Slaves bắn chết không có lý do xác đáng.

- Tại hấn muốn qua bên này.

- Ai lại đại gì trốn qua biên giới vào 11 giờ trưa. Người ta muốn lập biên bản, nhưng không rõ ràng được. Hôm qua, lính Anh đã giết một người Slaves. Lần này người Slaves lại giết một công dân ở vùng quốc tế kiểm soát. Nên người lính bên kia tuyên bố :

- Thế là huề đấy nhé. Mạng đổi mạng, Uredu?

- All right, xong rồi, nội vụ xếp lại. OK?

*

Một chiếc xe jeep chở Milan Paternik về nhà xác ở thành phố.

Xem xét giấy tờ xong, người ta báo tin cho Popesco hay. Bộ chỉ huy Hoa Kỳ làm lễ mai táng cho Paternik vì hẳn vẫn là công chức trong bộ chỉ huy. Aurel Popesco thì phải đi ngay, hẳn tiếc là không thể ở lại dự lễ mai táng được, công việc hẳn lúc nào cũng tính từng giờ một. Vé máy bay và các nơi hẹn đã định trước mất rồi, không thể vì một đám táng mà trễ nải được. Nhưng hẳn cũng đứng tưởng niệm một lúc bên thi hài của Paternik. Đằng sau hẳn, hình như đang có ai đứng đấy. Người lạ mặt chặn Popesco lại lúc hẳn sắp bỏ đi và tự giới thiệu là người đại diện cho cộng đồng Do Thái ở Trieste. Người lạ mặt nói với Popesco :

- Chúng tôi đã tiếp xúc với bộ chỉ huy Hoa Kỳ. Người quá cố sẽ được ăn táng theo nghi lễ trọng đại của người Do Thái chúng tôi.

Hai người Do Thái nữa bước đến. Thế là có ba người đại diện muốn đưa xác chết về nghĩa trang của những người Do Thái. Aurel Popesco tái mặt lúc nghĩ đến tám trăm ngàn người Do Thái bị Paternik giết chết lúc hẳn còn là giám đốc cảnh sát. Popesco muốn tránh chuyện trái cựa này.

- Mẹ của ông bạn Paternik tôi là một người Do Thái, nhưng chính Paternik không có đạo Do Thái, tôi nghĩ thật là quá đáng nếu...

- Nếu mẹ của ông ta là người Do Thái y theo giấy tờ chứng minh của ông ta, thì ông ta cũng là người Do Thái rồi. Chuyện ông ta không theo đạo Do Thái không có gì quan trọng. Biết bao nhiêu người Do Thái đã quên hết gốc Do Thái của chính mình. Bốn phận đồng đạo của chúng tôi là đưa linh hồn người chết về với danh dự đó dù họ không làm gì xứng đáng để được hưởng điều đó. Bốn phận của cộng đồng chúng tôi là thế, chúng tôi sẽ lo mọi việc cho Paternik.

Aurel Popesco biết là có nài nỉ cũng vô ích. Hẳn không thể nào ngăn cản người Do Thái ở Trieste chôn Milan Paternik trong nghĩa trang của họ. Vì họ đã đọc trong giấy tờ của Paternik rằng mẹ của hẳn ta là người Do Thái mất rồi, Aurel Popesco đành chấp nhận:

- Vâng, các ông cứ mai táng bạn tôi theo nghi lễ Do Thái, trong nghĩa trang của các ông.

Nói xong, Popesco bỏ đi mà không dám quay đầu nhìn lại. Sự kiện một kẻ giết Do Thái như Paternik bây giờ lại được người Do Thái theo sau hò khóc lóc cho đến nghĩa trang làm cho Popesco kinh hãi. Hắn muốn trở lui và nói hết sự thật cho họ nghe. Bởi vì đa số người Do Thái ở Trieste là những người tị nạn từ xứ những người Slaves sang, là bà con của những người Do Thái bị Paternik giết chết. Bây giờ Paternik sẽ được chôn bên cạnh các nạn nhân hay bà con của nạn nhân của hắn, hắn sẽ vĩnh viễn là bạn đồng hành của chính những người hắn đã giết chết. Aurel Popesco nhớ lại trường hợp một văn sĩ người Pháp chống Do Thái sống ở nước Áo bằng một tên giả Do Thái để tránh tử hình, cũng được chôn ở nghĩa trang Do Thái như Milan Paternik. Vài tuần sau, biết được đích danh người chết không phải là Do Thái, người ta quăng quan tài văn sĩ đó ra khỏi nghĩa trang. Có thể một đêm nào đó, quan tài Milan Paternik cũng bị quăng ra khỏi nghĩa trang xứ Trieste.

II

Đến Palestine rồi mà Popesco vẫn còn bị ám ảnh bởi cái chết của Paternik. Hắn không thể nào tưởng tượng nổi là hiệp hội Do Thái ở Trieste lại mai táng cho Paternik đàng hoàng và người Do Thái lại theo sau quan tài mà khóc lóc.

Popesco quan sát kỹ những kiến trúc theo kiểu Mỹ ở Palestine. Hắn muốn nhìn và ghi lại thật kỹ tất cả những gì có ở Palestine vì cuộc hành trình này là cuộc hành trình thu lượm tin tức. Hơn nữa, hắn phải tiếp xúc với người Do Thái gốc Lỗ ma ni để còn bắt mạch thời đại xem sao. Lúc máy bay sắp hạ cánh xuống «Mảnh đất hứa hẹn», hắn thầm nghĩ: «Dân tộc Israel vẫn thường bị rui ro». Từ ngàn xưa, dân Do Thái đã mơ ước làm bá chủ hoàn cầu. Họ đã hết sức cố gắng để thực hiện giấc mơ đó. Nhưng cứ đến lúc sắp thực hiện được đúng như lời tiên tri thì họ lại bị thất bại vì rui

ro, thế thôi. Họ đã bày ra chủ thuyết cộng sản để cùng chế ngự hoàn cầu. Họ đã làm cách mạng ở Nga và đã thành công, chỉ còn việc lan tràn để thực hiện mộng bá chủ mà thôi, nhưng đúng vào lúc họ thành lập được quốc gia cộng sản đầu tiên, họ liền bị đuổi khỏi xứ đó, mà trước hết là Trotsky. Rồi họ lại cố gắng diu thế giới đến chỗ liên hiệp các quốc gia ở Genève, do Do Thái cầm đầu. Họ lại thất bại lần nữa. Cho đến thế chiến thứ hai, có đến sáu triệu người Do Thái bị thủ tiêu, nhưng họ vẫn thắng trận. Vì sau thế chiến, họ tạo được khu kỹ nghệ lớn nhất hoàn cầu để có thể chế ngự hoàn cầu, đó là kỹ nghệ nguyên tử ở Hiệp Chúng Quốc.

Giám đốc khu kỹ nghệ đó là một người Do Thái gốc Trung Âu: David Lilienthal. Khi đã giết được nửa triệu người Nhật với một quả bom nguyên tử duy nhất, người Anh bèn nhốt họ vào những trại có kềm gai bao quanh bên bờ Địa Trung Hải và Hồng Hải. Không thể nào giải thích nổi các vụ đó được nếu không nói là vì rủi ro. Sau cùng, người Do Thái lập quốc, nhưng muốn thế họ phải trở về quốc gia họ bằng các phương tiện bí mật, và người Anh đã biết được và tìm hết mọi cách để ngăn cản. Lúc người Anh rời Palestine để trả lại độc lập cho Do Thái, việc đầu tiên mà người Do Thái thực hiện trong quốc gia của họ là lập thành các trại tập trung, nghĩa là hễ có một người Do Thái nào đến Israel, lập tức người đó được đưa vào trong trại tập trung «Shaar Aiyyah» ngay. Tất cả biên thùy của họ đều có kềm gai bao quanh. Bây giờ thì không còn người Thiên Chúa Giáo ở đó để mà hành hạ họ vì những lý do tôn giáo nữa, lại đến lúc họ hành hạ lẫn nhau vì một lý do tôn giáo».

Vừa rời khỏi phi trường, Aurel Popesco gặp ngay Varlaam. Varlaam mừng rỡ:

- Trời đưa anh đến đây để đưa tôi ra khỏi nơi này rồi đó.
- Đạo này anh mập quá nhỉ? Kiểm taxi ở đâu đây anh?

- Hôm nay thứ bảy, không có taxi. Thế nào tôi cũng ra khỏi đây. Nếu anh không đưa tôi rời khỏi Palestine, tôi sẽ không cho anh đi đâu hết. Vì nếu anh không làm được điều đó, không ai có thể giúp tôi được cả.

Ngày hôm sau, Popesco dẫn Varlaam đến bộ nghi lễ, đó là một bộ có quyền hành nhất ở Do Thái; tất cả vấn đề trọng đại của quốc gia đều tùy thuộc quyết định của bộ này; nhờ tiếp xúc với bộ này, Popesco có dịp tìm hiểu phong tục và đời sống của tân quốc gia này. Tại đó, Popesco được tùy viên của bộ trưởng đón tiếp trong một căn phòng khá rộng. Varlaam tự giới thiệu:

- Tôi là trung úy phi công David Ozias.

Xong chàng đưa giấy tờ lên bàn, từ các nhật lệnh, huy chương đến các báo chí tuyên dương các chiến công oanh liệt của chàng trong trận đánh chống Ả Rập.

Vị tùy viên lên tiếng:

- Tôi rất hân hạnh được biết đến một vị anh hùng. Người anh hùng nào đã bảo vệ tổ quốc cũng được quyền hưởng mọi danh dự dành riêng cho họ. Tôi có thể giúp gì anh được?

- Tôi xin Ông cấp cho một giấy xuất ngoại.

- Ra khỏi đất Do Thái? Tại sao thế?

- Tôi không hợp với Israel, ở đây có nhiều khác biệt quá. Ở quốc gia này, mọi sự đều được tổ chức trên căn bản tôn giáo. Tôi lại theo đạo khác, nên tôi cảm thấy mình đang sống bên lề xã hội.

- Nhưng ai đã di cư sang Palestine phải ở lại đây trọn đời.

- Mà tôi có di cư đâu. Tôi cũng không phải là người Do Thái nữa.

- Anh là công dân của quốc gia Israel, lại là một công dân có tài nữa, giấy tờ chứng minh như thế rất đầy đủ.

- Nhưng giấy tờ thực sự của tôi đã bị hủy. Vì điều kiện đầu tiên mà tôi tình nguyện nhập ngũ vào quân đội Do Thái là hủy các giấy tờ và khai một tên khác để đánh giặc.

- Tôi rất tiếc, nhưng mà hình như tên của anh không chỉ có ý nghĩa một tên giả để đánh giặc mà thôi.

- Chính vậy. Nào, nhìn kỹ tôi đi rồi hãy tin là tôi nói thật. Chúng mình đang ngồi ở bộ Nghi lễ, ngoài những luật lệ và nghi lễ của quốc gia, viên chức của bộ còn phải biết đến một thứ luật lệ to tát hơn, đó là luật lệ của Chúa, luật muôn đời. Tôi xin ông y theo luật đó mà cư xử công bình với tôi. Tôi chỉ là một người khốn khổ cần được ông giúp đỡ. Tôi không thể nào sống ở đất này được, thế nào tôi cũng phải đi. Tôi là một người và là một người khốn khổ. Trong kinh thánh của các ông, kinh Thora có nói: «Con người được tạo ra như một cá thể riêng biệt độc nhất, để người ta biết rằng ai đang tâm giết hại một đời sống thì sẽ bị trời phạt như là đã giết hại toàn thể thế giới loài người và ai cứu sống một đời sống, trời cũng sẽ xem như là đã cứu sống cả nhân loại».

- Nhưng anh có phải là người Do Thái hay không?

- Tôi không phải là người Do Thái, cha ông tôi không ai là người Do Thái cả.

- Như vậy thì anh không thể nào xin xử y theo một thứ luật lệ mà anh đã trắng trợn xâm phạm. Điều thứ nhất của luật Thora bảo rằng: «Giết chết một linh hồn Do Thái, trời sẽ phạt... ai cứu rỗi một linh hồn Do Thái, trời sẽ thưởng». Anh đã thay thế chữ linh hồn Do Thái bằng «một đời sống». Đúng là anh đã vi phạm trắng trợn.

III

Aurel Popesco gặp Eddy Thall đang ở trong một căn nhà nghèo nàn bằng gạch chưa tô vôi, không điện, không nước. Trong phòng chỉ có một cái giường chất đầy Valises, cái nọ chồng lên cái kia, nghĩa là người ta thừa biết nàng không bao giờ dùng đến áo quần ở bên trong nữa. Ở mảnh đất hứa hẹn này, nàng không cần đến những thứ xa hoa đó nữa, chỉ một bộ quần áo là đủ. Eddy Thall nói:

- Tôi đang làm việc trong trang trại tập thể này, bởi vì xứ tôi không cần đến những nghệ sĩ già. Hiện có biết bao nhiêu là nghệ sĩ trẻ đẹp tài ba. Israel cần gì đến những người già cả chứ! Lúc đầu, tôi cũng muốn làm giáo sư trình diễn. Nhưng người ta đã bắt tôi làm việc trong trại này, tôi chỉ muốn tự tử. Tuy nhiên hiện nay, tôi hoàn toàn sung sướng hơn cả lúc tôi hoạt động cho kịch nghệ nữa.

Aurel Popesco biết là có thời Eddy Thall đã xin trở về Lỗ ma ni. Hắn muốn hỏi xem lại sự thật thế nào thì được Eddy Thall trả lời là: «Chỉ mấy tuần đầu lúc mới đặt chân lên Israel tôi hoàn toàn thất vọng nên mới có ý nghĩa như thế. Lúc đó, mọi sự hoàn toàn xa lạ, nghèo nàn và kham khổ đối với tôi quá, đến độ thần kinh tôi căng thẳng nên tôi đã xin tòa lãnh sự Lỗ ma ni ở Tel Aviv cấp cho giấy tờ trở về Lỗ ma ni. Người ta trả lời là tôi không thể trở về đó được nữa vì tôi đã bạc đãi vị nữ anh hùng Tinka Neva khi bà ta còn là kẻ giúp việc trong nhà tôi. Và lại, họ có lý do để từ chối bởi vì tôi không bao giờ theo họ cả. Chuyện xin trở về đó chỉ là vào một lúc tuyệt vọng nhất thời mà thôi».

Eddy Thall cười to. Nàng mập ra, chân hơi phù, nàng nói thêm trong lúc Popesco tò mò nhìn đôi chân sưng húp của nàng:

- Hiện giờ tôi không còn ý nghĩ trở về Lỗ ma ni nữa. Mà tại sao lại phải từ giả xứ Do Thái này. À, chân tôi vì khí hậu này mà sưng lên đó. Khí hậu hơi khó chịu đối với tôi nhất là từ khi tôi bị đau ở Oural, nhưng tôi đã quen dần rồi. Nếu không có chuyện phù chân này thì tôi hoàn toàn hài lòng ở trên mảnh đất này.

Eddy Thall ngồi ở trên Valises và đang nói đó là một Eddy Thall xa lạ, hoàn toàn không phải Eddy Thall của sa mạc, của miền núi Oural, của Varsovie hay của Stuttgart.

Aurel Popesco gợi ý:

- Tôi có cảm tưởng là các luật lệ tôn giáo làm cho đời sống ở đây nghẹt thở. Một quốc gia văn minh không thể nào bị các giáo sĩ điều khiển được. Một quốc gia đang có một hệ thống thủy lộ, một trung tâm điện lực, vô số thiết lộ và tàu bè không thể nào cho phép mọi công dân chấp tay trước ngực đọc kinh mỗi ngày thứ bảy như là luật lệ tôn giáo đòi hỏi được. Chỉ được như thế nếu dân tộc Do Thái hoàn toàn là một dân tộc giáo sĩ. Lúc mà họ đã trở thành công dân của một quốc gia văn minh, họ phải từ bỏ những tục lệ tôn giáo cũ kỹ không thể nào thích hợp với đời sống hiện đại được nữa.

Eddy Thall phản đối ngay:

- Không, hành đạo theo đúng từng câu kinh vô lý thật đó, nhưng mà đáng kính; lúc đầu, tôi cũng nghĩ là vô lý nếu người ta bảo rằng không được vắt sữa bò vào ngày thứ bảy vì tôn giáo cấm điều đó. Nhưng bây giờ tôi đã thấy điều đó hợp lý. Tai hại là tôn giáo không đủ sức để buộc người ta theo đúng mọi điểm khác.

Vì tôn giáo đã cứu rỗi dân tộc Do Thái từ ngàn năm nay. Luật lệ của tôn giáo đó khó khăn thật, đó là luật lệ đầy đọa, nhưng lại rất ích lợi.

- Nhưng bây giờ đã hết cảnh đầy đọa đó rồi, tại sao lại áp dụng luật lệ lưu đày cho những kẻ đã có một tổ quốc.

- Dân tộc Do Thái luôn luôn bị lưu đày dù đã có một tổ quốc. Chỉ chừng hai triệu người Do Thái trở về Palestine, nhưng còn chừng mười triệu người còn lang thang. Làm sao ông có thể bảo là đã hết cảnh lưu đày? Chúng tôi sẽ thay đổi luật lệ quốc gia này lúc mà mười triệu người Do Thái đó không còn bị lưu đày đây đó nữa. Nhưng chưa phải là bây giờ, ông là kẻ ở ngoài,

ông dễ dàng chỉ trích quá. Nhưng tôi là công dân ở đây tôi bảo là đời sống ở tổ quốc của tôi rất đẹp. Hoàn toàn đẹp và tôi đang sung sướng.

Aurel Popesco muốn biết thử Eddy Thall có nói dối hay không, nhưng không có cách nào được cả. Eddy nói tiếp:

- Như tất cả các nghệ sĩ khác, tôi phải ngâm thơ cho ông nghe, nhưng lần này không là thơ mà là một đoạn văn: «Không phải là một quốc gia phì nhiêu ngọt bùi mà Ngài đã mang chúng tôi đến, không phải là những cánh đồng bát ngát nho tươi mà Ngài ban cho chúng tôi...» Vâng, tôi biết rằng mảnh đất hứa hẹn này không phải là đất mà là đá sỏi. Người ta đã hứa với chúng tôi là sẽ có đất đai phì nhiêu, nhưng người ta chỉ đem lại cho tôi toàn là đá, tuy nhiên ở đây tôi đã sung sướng.

- Như vậy cô đã hài lòng trong tổ quốc của cô?

Eddy Thall chua chát:

- Ông có biết tổ quốc của người đàn bà ở đâu không, thưa ông? Tổ quốc của người đàn bà là thời son trẻ, bởi vì chỉ vào thời đó người đàn bà mới thực sung sướng. Tôi đã mất tổ quốc nghĩa là mất thời vàng son từ lâu rồi và tôi sẽ không bao giờ tìm thấy lại được nữa. Người đàn ông hay cả một dân tộc có thể quay về với tổ quốc bởi vì đó là một cái gì cụ thể. Trong khi tổ quốc của người đàn bà là một lứa tuổi. Tôi vĩnh viễn mất thời son trẻ rồi, tôi đã là một người vô tổ quốc, một « heimatlos » rồi. Ích gì đi kiếm lại một vật không bao giờ thấy lại. Tôi sẽ ở lại đây và chết trong sự lưu đày, bởi vì tuổi già là một sự lưu đày đối với người đàn bà. Ông hiểu chứ? Mọi người đàn bà đều phải bị đày đọa lúc tuổi già đến. Lúc mà tuổi trẻ đã qua đi, thì chỉ còn vui với tuổi già đày đọa, dù cho tôi ở đâu cũng được, Lỗ ma ni, Hoa Kỳ hay Sô Viết, nào có quan hệ gì bởi vì bây giờ quốc gia không có tên nữa mà chỉ là những cộng đồng nên dù ở đâu chẳng nữa tôi cũng là một kẻ lưu đày, chỉ còn lại một ít niềm vui đày đọa, thứ niềm vui lúc đang lúc chua, chưa bao giờ dịu ngọt nhưng dù sao cũng là niềm vui. Tôi bắt đầu thích súc

vật, công việc đồng áng làm tôi dễ chịu. Tôi tự an ủi với lũ súc vật chung quanh. Ông biết bài thơ của Walt Wittman chứ:

«Tôi nghĩ là tôi có thể thay đổi cuộc sống để trở về sống với súc vật.

Chúng vừa hòa nhã vừa cương quyết

Tôi đứng đó và nhìn chúng thật lâu

Thân phận chúng không làm chúng than thở

Chúng không trở dậy trong đêm khuya để ân hận về tội ác

Hay chúng không mất công cãi vả về bốn phận với Chúa trời

Không con nào bất mãn, không con nào điên rồ tìm quyền tư hữu

Không con nào phản đối con nào, hay phản đối đồng loại sống trước chúng hàng ngàn năm

Không con nào đáng kính mà cũng không con nào đau khổ trên thế gian này.»

Aurel Popesco từ già:

- Tôi hy vọng là cô sẽ viết thư cho tôi. Nếu một ngày nào đó, cô nghĩ là tôi có thể giúp đỡ gì cô được thì cô hãy biên thư cho tôi.

- Không, Eddy Thall trả lời, tại sao phải viết thư cho ông nhỉ? Tôi không viết thư cho ai nữa cả. Không bao giờ nữa cả.

IV

Cũng giống như Sô Viết đã tạo ra huyền thoại người hùng Tinka Neva, người Mỹ cũng muốn biến Anatole Barsov thành một người hùng vì không chịu sự hành hạ của chế độ Sô Viết nên đã lái máy bay sang tị nạn ở Hoa

Kỳ. Chỉ khác là Anatole Barsov không muốn thành anh hùng, hay là có muốn chẳng nữa anh ta cũng không thể làm được.

Barsov ở Mỹ được một năm, và mỗi ngày một thấy khó chịu. Hắn đến tìm Igor Poltarev. Tuy là bạn, cả hai không ở chung và ít khi đi chơi chung. Công việc của Poltarev phát đạt nên Poltarev đã giàu có, nhờ hắn viết lách cho báo chí nhiều. Barsov làm công cho một hãng đồ hộp nhưng sau đó bị đuổi. Lại thất nghiệp, lại ốm o thiếu não. Gặp Poltarev, Barsov bảo:

- Tao muốn trở về nước, tao gặp mầy để tỏ ý định đó.

Poltarev phải dẫn lòng lắm mới không nỡ vai Barsov tống ra ngoài đường. Barsov năn nỉ:

- Tao xin mầy cho mượn thêm một ít tiền nữa, tao không có nhà ở đã hai ngày rồi bây giờ nhọc quá sức.

- Mày bảo là mầy muốn về Nga Sô. Staline sẽ cho mầy tiền, tại sao mầy lại kiếm tao làm gì?

Poltarev nỡ vai Barsov đuổi ra ngoài:

- Nếu mầy không về với Staline của mầy thì tao báo trước là tao sẽ nhờ người Mỹ tống mầy về, đồ thứ phản bội hai mặt.

Barsov đành trở ra đường, đến lại hãng làm việc cũ, vì ở đó hắn có quen một người Mỹ cộng sản đã nhiều lần khuyên hắn nên trở về với Nga Sô. Người Mỹ tên là Ballin, Barsov hỏi:

- Tôi muốn trở về nước, làm sao đây?

- Anh yên tâm, lát nữa hết giờ làm việc tôi sẽ dẫn anh đến tòa lãnh sự Sô Viết. Họ sẽ cấp giấy tờ cho anh đi là xong chứ gì.

Chiều lại Barsov theo Ballin đến tòa lãnh sự nộp đơn xin hồi hương, xong xuôi, Ballin bảo:

- Mai anh đợi tôi trước hăng, chúng ta đến tòa lại một lần nữa sẽ có giấy tờ ngay.

Barsov than hết tiền và không có chỗ ngủ, Ballin cho tiền ngay dù không nhiều lắm. Barsov lại vào quán nước. Hắn hơi mệt và muốn uống một ít bia. Hai người còn trẻ đến ngồi bên cạnh hắn. Hắn có cảm tưởng là đang bị theo dõi, nên uống thật nhanh và ra ngoài.

Hắn không có tiền để thuê khách sạn nhưng hắn biết một chỗ người ta cho thuê ghế ngủ từng giờ một. Barsov thuê hai giờ liền. Theo thói quen, hắn trả tiền trước và đưa bé con sửa soạn ghế ngủ cho hắn. Nhiều người thuê ghế ngủ như thế nhưng hơi đắt. Barsov ngủ ngay và ngủ rất mê đến nỗi không biết giờ đã hết nên bị thằng bé cho thuê ghế đá một đá nên thân.

Barsov lại đi vào một quán rượu vì hắn nghĩ là chỉ cần qua đêm nay thôi, ngày mai hắn đến tòa lãnh sự và có thể chấm dứt cuộc sống lang thang này.

Trong quán rượu, Barsov lại gặp hai thanh niên hồi nãy. Chẳng nói chẳng rằng một trong hai người đâm một cú vào sườn Barsov làm Barsov thối lui và hắn tiếp tục đâm Barsov cho đến khi Barsov ngã quy. Hỗn loạn trong quán rượu, ly tách bể loảng xoảng. Barsov không muốn lòi thôi, hắn định đứng dậy chạy đi nơi khác nhưng lại bị đánh thêm. Barsov ngạc nhiên:

- Các ông muốn gì tôi? Nào tôi có làm gì đâu?

Nhưng hắn vẫn tiếp tục bị đá cho đến lúc cảnh sát đến. Mọi người trong quán rượu đều bị bắt. Barsov không hiểu tại sao lại xảy ra chuyện như thế, mình mảy hắn đầy máu, áo quần rách tơi tả. Người ta giam hắn trong một xà lim riêng biệt. Mệt quá, hắn ngủ thiếp đi. Trong thâm tâm, hắn không sợ bị bắt, nhưng sợ lỗi hẹn với Ballin ngày mai.

Ngày hôm sau, Barsov được gọi lên thẩm vấn. Bốn cảnh sát hỏi han đủ thứ và hẳn trả lời rất thành thật.

- Anh làm gì suốt ngày hôm qua?

- Tôi đến nhà người bạn đã cùng tôi trốn khỏi Nga Sô, người bạn tên là Poltarev.

Cảnh binh nhìn nhau cười đắc thắng, biết là Anatole Barsov đã không nói dối tí nào.

- Anh đã nói gì với người bạn anh?

- Tôi nói với hẳn là tôi muốn trở về Nga Sô (Barsov nói ngô nghê như con nít). Igor đã đánh và đuổi tôi ra đường.

- Và sau đó anh làm gì?

- Giận quá tôi trở về hãng làm việc. Tôi xin việc làm nhưng bị từ chối. Tôi cầu cứu người bạn cùng phòng với tôi hồi trước tên là Ballin, nói thật với anh ta là tôi muốn trở về nước, bởi vì anh ta đã nhiều lần khuyên tôi nên làm thế. Ngoài ra tôi không nói thêm gì khác nữa. Chúng tôi cùng đến tòa lãnh sự Sô Viết, tôi đã đệ đơn xin hồi hương; mượn tiền Ballin, ngủ hai giờ trong quán cà phê, vì không đủ tiền để thuê phòng ngủ, nên tôi chỉ thuê một ghế hai tiếng đồng hồ thôi.

Một cảnh sát viên hỏi:

- Anh thuê một chỗ ngủ hả?

Đồng bạn anh ta giải thích cho anh ta biết là ở Nữ Ước có những chỗ mà người nghèo không đủ tiền thuê phòng, chỉ thuê ghế ngủ từng giờ trong quán cà phê.

Barsov khai tiếp:

- Sau hai giờ ngủ, tôi lại lang thang ngoài đường phố và sau đó vào một quán rượu. Hai người lạ lẫm tôi và đánh tôi cho đến lúc cảnh sát đến. Người ta mang tôi lại đây, câu chuyện chỉ có thế thôi.

Cảnh sát bực quá. Tất cả những gì Barsov kể lại đều thật cả, đều phù hợp với bản tường trình của nhân viên đã theo dõi Barsov ở sứ quán Nga ra về, phù hợp với lời khai cả Poltarev và của nhân viên có phận sự ngụy tạo sự hỗn loạn ở quán rượu để bắt Barsov. Nghĩa là Barsov không hề dấu giếm một điều gì cả.

Một cảnh binh hỏi:

- Ông muốn trở về Nga thật không?

- Vâng, tôi muốn trở về Nga lắm.

Một viên chức mang đến một tờ giấy và một cuốn sổ tay. Anatole Barsov nhận ra cuốn sổ tay của hắn ghi các công việc hàng ngày, cuốn sổ tay đó cũng như tất cả đồ đạc của hắn đã phải để lại khách sạn vì không đủ tiền trả tiền phòng. Trên mảnh giấy đã có một bản dịch ra tiếng Anh tất cả những gì Barsov viết trong cuốn sách đó.

Cảnh sát đọc và có vẻ bất bình:

- Từ hồi nào anh có ý định trở về nước?

- Lâu lắm rồi, ngay từ những ngày đầu tiên tôi bước chân lên đất Hoa Kỳ. Nhưng tôi không có can đảm để thực hiện đó thôi. Bây giờ tôi không chịu được nữa, tôi phải về.

- Anh có biết là nếu anh trở về nước, Staline sẽ giết anh ngay không?

- Vâng, tôi biết, giết vì phản bội. Tại nước tôi, phản bội sẽ bị án tử hình.

- Và anh muốn trở về để bị xử tử?

- Tôi hy vọng là tội của tôi chỉ bị kết án khổ sai mà thôi, mười hay hai mươi năm. Điều tôi đã làm có tội nặng lắm, nhưng khi đã đền tội như thế rồi, tôi sẽ trở về hàng ngũ của những người công dân lương thiện.

- Tại sao anh trốn khỏi Nga Sô trong khi anh chấp nhận chế độ đó?

Barsov ngần ngừ, kỷ niệm ra đi làm hấn bức bội:

- Trả lời đi chứ. Tại sao anh bỏ Nga Sô ra đi?

- Đó là câu hỏi mà tôi tự đặt ra cho mình từ lúc tôi đặt chân đến đây. Tôi đã điên đầu vì tôi không hiểu rõ tại sao như thế.

Cảnh sát đọc lại nhật ký của Barsov. «Mỗi đêm mình điên đầu lên để tìm hiểu những nguyên nhân chính đáng của cuộc trốn thoát. Càng nghĩ mình càng thấy những lý do ra đi như sau: 1) Không hài lòng bà vợ. 2) Bất bình với cấp chỉ huy không đoàn. 3) Nhiều nợ nần quá không trả được. 4) Ảnh hưởng của Igor Poltarev. Và mình tưởng là mình có óc phiêu lưu. Hình như đó là những lý do đã làm cho mình phản bội tổ quốc.»

- Về phương diện chính trị, anh có đồng ý với chế độ Sô Viết không?

- Tôi chưa bao giờ tự hỏi là chế độ Sô Viết tốt hay xấu. Thế mà lúc tôi đến đây mọi người đều hỏi tôi câu đó. Tôi nghĩ là chế độ Sô Viết cũng như bao nhiêu chế độ khác vừa tốt vừa xấu.

Thế anh không bao giờ bị khủng bố hay là cảm thấy khó chịu vì ách độc tài?

- Tôi không thấy khó chịu về sự độc tài nào cả trong xứ sở của tôi.

Barsov nhìn đôi mắt viên thông ngôn, hấn cố hiểu và không bỏ qua một chữ nào, vì hấn muốn trả lời thành thật và thẳng thắn. Hấn không cần dấu điều gì cả.

- Chế độ dân chủ của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ không làm anh hài lòng?

Barsov ngần ngừ:

- Trả lời đi chứ. Anh không thấy dễ thở dưới một chế độ tự do dân chủ hay sao?

Hoa Kỳ là một quốc gia dân chủ nhất thế giới, thứ dân chủ hoàn thiện nhất. Thế mà anh không thấy dễ chịu với chế độ hay sao?

Barsov nắm chặt tay, cảnh sát dục:

- Trả lời đi. Anh có hài lòng hay không đối với chế độ tự do?

- Không. Tôi không cảm thấy dễ chịu dưới chế độ dân chủ.

- Thế anh thích chế độ Sô Viết hơn.

- Vâng. Tôi thích hơn.

Bốn người cảnh sát nhìn nhau, cùng có chung một ý nghĩ: Anatole Barsov đang bị thất vọng và cần phải vào bệnh viện thần kinh để điều trị trong trường hợp Barsov nói thật. Vì nếu đã bị khủng bố dưới chế độ Sô Viết, thế nào Barsov cũng bị khủng hoảng thần kinh.

Họ hỏi tiếp:

- Anh đã nghĩ kỹ trước khi trả lời chưa hay đó chỉ là một quyết định chốc lát vì khổ sở, đói khát và mệt mỏi?

- Không, tôi suy nghĩ kỹ lắm rồi. Ngay từ đầu, tôi biết là tôi phạm một lỗi lầm. Đúng là tôi đã bị mệt mỏi, đói khát, tuyệt vọng nhưng những gì tôi đã nói đều đã được suy nghĩ chín chắn. Tôi thích chế độ của tổ quốc tôi, và tôi không thể sống ở Hoa Kỳ.

Cảnh sát cười. Barsov tưởng là họ chế nhạo hắn vì cho là hắn nói dối.

- Anh không thích Hoa Kỳ là vì ở đây không có trại tập trung? Vì thế mà anh chán chúng tôi ư? Vì ở Sô Viết có trại tập trung mà anh thích trở về?

- Không, không phải vì thế. Ngay cả nếu tôi có hàng triệu bạc, tôi cũng không thể nào sống ở Hoa Kỳ được.

- Anh là người độc nhất trên vũ trụ này nói thế.

- Không, tất cả bạn bè tôi đều nghĩ và hành động như tôi nếu họ ở vào hoàn cảnh của tôi.

- Anh muốn tuyên truyền cho cộng sản.

- Không, tôi mong các ông tha cho.

- Chúng tôi sẽ tha cho anh nếu anh thú nhận tại sao anh không thích sống ở Hoa Kỳ và tại sao anh thích Sô Viết hơn Hoa Kỳ, vì thế nào anh cũng có một lý thuyết hay ho chứ.

- Tôi không có lý thuyết gì cả. Tôi không biết làm chính trị hay làm lý thuyết gia. Tôi biết và thấy rõ là ở Hoa Kỳ con người ăn sung mặc sướng, lương tiền cao hơn, xe cộ đẹp hơn, nhưng tôi không thích, tôi khoái Sô Viết hơn.

- Nhưng anh vẫn chưa nói tại sao anh thích Sô Viết, trong lúc mà ở bên đó người ta sống chật vật hơn, làm việc nhiều mà kiếm tiền ít.

- Ở nước chúng tôi, con người không cô đơn. Ở đây, tôi cô đơn như ở giữa một bầy chó sói. Ở Nga, mọi người đều có việc làm. Ở đây, không ai giúp đỡ ai cả. Ở Nga Sô, có trật tự xã hội và tình đồng đội. Tôi sẽ đem ví dụ cha tôi cho các ông nghe. Cha tôi làm nghề đánh cá. Một hôm sau một trận bão ở biển Đen, ghe cha tôi chìm và dụng cụ mất hết. Ba ngày sau cha tôi

được chính phủ cấp cho một chiếc ghe khác với đầy đủ dụng cụ cần thiết. Thế là cha tôi tiếp tục làm ăn. Ở Hoa Kỳ, nếu ghe cha tôi bị chìm, cha tôi sẽ chết đói. Ví như tôi đây, nếu ở Nga Sô, tôi đã có việc làm từ lâu. Chính Phủ sẽ cấp cho tôi việc làm ngay. Ở đây, tôi lang thang như một con chó và chẳng ai thèm đếm xỉa đến tôi cả.

- Nhưng mà anh được tự do đi lang thang.

- Không, tôi không muốn tự do lang thang. Các ông muốn tôi làm gì với thứ tự do đó cơ chứ?

- Chế độ dân chủ đem lại tự do cho mỗi người. Thứ tự do lợi hay hại là tùy ở chính cá nhân mỗi người xử dụng nó. Bởi vì với tự do đó, người này trở thành tổng thống, người kia trở thành kẻ sát nhân. Với thứ tự do đó ông bạn Poltarev của anh đã viết sách viết báo, cũng với thứ tự do đó anh muốn trở về Nga Sô để bị đày đi Sibérie hay trong một hầm mỏ trọn đời. Nhờ tự do, mỗi người làm những gì mình thích. Đó là thứ công bình xã hội to tát nhất trên trái đất: Nghĩa là mỗi người được tự do để chọn điều gì hợp ý, điều gì mà họ cho là đáng yêu nhất. Và chính vì lý do đó mà chúng tôi tôn trọng quan điểm của anh: Bỏ đi để bị tù chung thân hay bị tử hình. Anh có thể dùng tự do đó để làm việc gì khác hơn là tự ý vào tù. Anh có thể trở thành phi công hay kỹ sư, giám đốc ngân hàng hay là quân nhân. Anh đã được tự do và anh đã chọn lựa sự tù tội. Chúng tôi để cho anh đi. Nhưng bốn phận của chúng tôi trước hết là gửi anh đến một nhà phân tâm học để xem anh có bình thường không. Nếu anh bị bệnh, chúng tôi sẽ săn sóc anh. Chúng tôi sẽ để anh quyết định sau khi đã điều trị bệnh tình cho anh xong.

Barsov hơi xiêu lòng. Điều mà người ta vừa nói có vẻ hợp lý đối với hẳn. Người cảnh sát hỏi thêm :

- Bây giờ anh có cần thêm gì vào lời khai ban đầu không?

- Tôi không thêm gì nữa cả. Tôi lập lại là tôi trốn khỏi Nga Sô không phải vì những lý do chính trị, mà toàn là vì những lý do cá nhân. Nhất là vì tôi không đồng ý với vợ tôi. Cho nên nếu tôi trở về Nga Sô lại thì cũng chỉ vì những lý do cá nhân chứ không phải vì những lý do chính trị. Tôi phải về vì tôi nhớ quê hương. Tha thiết muốn thấy lại tổ quốc của tôi. Đó là lý do thật sự. Với lại, tôi không thể sống chung với những người xa lạ, tôi muốn ở tù nhưng ở tù chung với đồng bào tôi, các ông hiểu chưa?

- Dù sao lúc này anh cũng phải ở lại đây đã, để chúng tôi bổ túc biên bản.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Cuốn Sách Của Sự Lùi Vào Bóng Đêm:

ác sĩ Ante Petrovici là người sung sướng nhất trong số những kẻ phải di cư khỏi Âu Châu. Trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, ông ta đã trở thành một nhân vật nổi danh của xứ Á Căn Đình nhờ làm giám đốc hãng chế tạo đồng hồ khổng lồ ở Châu Mỹ La Tinh.

Trong mọi nhà ở Á Căn Đình đều có đồng hồ báo thức, đồng hồ treo, đồng hồ đeo tay do hãng ông ta chế tạo, nên Ante Petrovici rất giàu và đương nhiên trở thành một công dân Á Căn Đình từ lâu. Bạn bè ông ta thúc đẩy ông ta vào chính trị.

Một hôm, như thường lệ ông ta đến thăm khu kỹ nghệ đồng hồ khổng lồ và tối tân chỉ vừa mới hoàn thành trong mấy tháng nay. Ông ta đi khắp các văn phòng, các cơ xưởng, các cơ sở báo chí. Petrovici ăn mặc rất chỉnh tề, thợ thuyền vui vẻ thăm hỏi ông ta. Sự thành công trong đời ông ta thật là hiếm hoi, ông ta bắt đầu làm việc với hai bàn tay trắng và chỉ trong vài năm ông ta đã trở thành chủ nhân của một xí nghiệp vĩ đại. Vào phòng, ông ta đọc cho thư ký viết những bức thư cấp tốc, xong bước ra đường. Tài xế lái xe đến khu biệt thự của thành phố Buenos Aires và đứng trước cổng nhà có đề giòng chữ: Bệnh viện tư chuyên trị các bệnh thần kinh của bác sĩ Brünn. Tài xế lái xe trở về hãng, Bác sĩ Petrovici cảm động bước vào bệnh viện một mình.

Bác sĩ Rudolf Brünn giám đốc bệnh viện là một người Thụy Sĩ và là bạn thân của Ante Petrovici, Brünn cùng trạc tuổi với Petrovici nhưng dáng dấp to lớn, thuộc dòng Thụy Sĩ ham công việc, theo đạo Tin Lành biết tiết kiệm, thích thơ văn và rất ngoan đạo. Petrovici ngồi một mình trong phòng khách với bác sĩ Brünn. Petrovici lo ngại:

- Tôi đã tìm cách để hành lý của tôi đi được vào chuyến sáng nay. Sự việc đã hết sức rõ ràng, hôm qua tôi đã nói chuyện với ông giám đốc sở cảnh sát và được biết là kể từ hôm nay, không biết lúc nào sẽ có trát đòi tôi. Những lý do buộc tội là : Khai man trước ủy ban di cư và nhập tịch, khai man trước bộ thương mại và kỹ nghệ, khai man trước bộ nội vụ. Biên bản đã lập xong, người ta đang chờ để bắt tôi, bỏ tù và tống khứ tôi ra khỏi xứ này.

- Đừng nói quá ra chứ, người ta không thể kết tội anh vì các lời khai man đó được, dù anh thật sự có giả mạo các ngày tháng để có thể di cư. Đó chỉ là một sự giả mạo trong lúc quá tuyệt vọng chứ không có ý xấu nào cả. Từ khi mới đến đây, anh đã có thể hòa mình vào xã hội này và đã trở thành một nhân vật tầm tiếng. Quốc gia nào cũng cần người như anh. Trường hợp anh sẽ được đưa ra trước Nghị viện. Hôm qua, tổng thống cũng đã có bảo đảm là việc này thế nào cũng được xếp lại, giấy tờ của anh sẽ được điều chỉnh và anh lại giữ vững địa vị của mình trong xã hội này, lo gì.

- Nhưng trong lúc chờ đợi, tôi sẽ bị bắt, tôi không thể chịu đựng nổi cảnh tù tội nữa, điên lên mất thôi.

- Không, anh không bị bắt đâu. Trong lúc này anh cứ ở lại đây trong nhà thương của tôi cho đến lúc chính phủ tha cho anh. Không ai được bắt anh trong nhà thương. Trong kinh Cựu ước có ghi rằng Moise đã đòi hỏi con người phải lập nên những thành phố tị nạn trong quốc gia họ để cho những người bị theo dõi một cách bất công đến trú ẩn. Trái với thời đại kinh thánh, xã hội hiện đại không còn nghĩ gì đến con người nữa. Ngày nay những người vô tội bị luật lệ hành hạ như là lũ chó sói chuyên ăn thịt người. Những nơi con người có thể được che chở chống lại luật lệ là những cơ sở như bệnh viện của tôi đây. Anh sẽ được tiếp đãi tử tế ở đây, yên chí đi nghe ông bạn...

Ante Petrovici nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường, đúng là đồng hồ do ông ta chế tạo. Nhìn vào gương, trông thấy mình đã già, đôi mắt đã mờ.

Ông ta buồn bã nói:

- Nào tôi có ngờ là một ngày nào đó tôi phải ẩn thân trong một nhà thương điên. Công việc anh làm đối với tôi thật là quái gở, anh là chủ nhân một nhà đầy nhóc lũ điên. Bệnh viện anh là một ngôi mộ của những bóng ma trên dương thế. Thế mà tôi không đến ở đây thì người ta sẽ bắt tôi. Người ta bắt tôi ở bất cứ nơi nào, ở nhà, ở xưởng, ở ngoài đường phố, và tôi phải đến đây. Sung sướng thay, trong vũ trụ còn có những nơi như thế này mà cảnh sát không xâm nhập được. Tôi đồng ý với anh là chỉ có một nơi có thể chống lại luật pháp ngày nay, là nhà thương điên. Ở đây luật lệ bất lực, người điên là người tự do, là một người không bị luật lệ đày nghiến hành hạ. Đó là lối thoát sau cùng cho con người muốn thoát khỏi luật pháp.

Rudolf Brunn thấy bạn có vẻ bị sốt và yêu cầu Petrovici đi năm nghỉ. Nhưng Ante Petrovici không chịu:

- Anh nghĩ với bao nhiêu là thử thách phiêu lưu trong đời, đương nhiên là tôi phải run sợ chứ, cần gì phải đau ốm mới run. Cũng không cần bị cao nhiệt mắt mới đỏ ngầu. Để trốn thoát khỏi Âu châu mà tôi đã bị chết dần chết mòn ở đó, tôi phải làm giả mạo giấy tờ, phải giấu kỹ là chân phải tôi ngắn hơn vài ly mét, là tôi nhiều tuổi hơn lời khai, là tôi cao 1m57 thay vì 1m60, là tôi không có đạo Thiên Chúa, và các điều đó có làm hại ai đâu, nhất là không làm hại cho tổ quốc mới của tôi.

Những thiếu sót mà vì đó tôi không được di cư chẳng nữa nào có cấm tôi tạo nên xưởng kỹ nghệ đồng hồ này, đem lại việc làm cho hàng ngàn người ở đây, tạo nên một thứ kỹ nghệ mới, kiếm được tiền và vinh quang.

Những sự kiện trên đã chứng tỏ là tôi có thể là một thành phần có ích cho xã hội ngay cả với lòng bàn chân bất thường của tôi. Nhưng luật lệ lại muốn đi ngược lại với sự thật đó, xua đuổi tôi cho dù luật lệ đó đã hoàn toàn trái với thực tế. Tại sao lại không cho phép tôi di cư chỉ vì tôi thiếu cái lõm nơi lòng bàn chân? Bằng cớ là một người thiếu lòng bàn chân như tôi

vấn tạo dựng nên một cái gì cho xã hội rồi đó. Một người hư răng cũng có thể có ích cho xã hội chứ, và tôi đã làm việc có ích, tại sao luật lệ lại theo đuổi tôi như thế. Chỉ vì nó là luật lệ ư? Không thể được. Lý do đó chưa đủ.

Hai người bước ra vườn. Petrovici lại nói thêm:

- Nếu anh hiểu được là tôi đã khổ sở đến mức nào từ lúc tôi đặt chân đến Á Căn Đình. Nếu gặp cảnh sát ngoài phố, tôi phải dừng lại để hãnh ta đừng thấy tôi đi cà nhắc. Nếu tôi vào văn phòng hay đến nơi công cộng tôi phải ngồi xuống ngay, vì sợ đứng lâu người ta sẽ thấy tôi thấp hơn là chiều cao trong giấy tờ đến ba phân mét. Với những người đàn bà tôi yêu thích, tôi đều nghi ngờ là họ có thể tố cáo tôi là một người có đạo Hồi giáo, cho nên tôi phải xa lánh tất cả đàn bà. Tôi muốn đến trước Tổng thống và thú nhận tất cả để xin ông ta tha cho tất cả những tội giả mạo của tôi trước khi di cư. Tôi đã không đủ can đảm, bây giờ thì muộn quá mất rồi. Tôi đành phải ẩn thân chung với người điên hay là bị tù và bị xua đuổi. Hoặc thế này hoặc thế kia, tôi mệt quá rồi, tôi không còn phấn đấu được nữa.

Bác sĩ Rudolf cầm cánh tay Petrovici:

- Thế nào chúng ta cũng có lối thoát. Á Căn Đình là một quốc gia trong đó con người còn có lòng nhân đạo. Anh lại quen biết nhiều và được trọng vọng, mọi việc rồi sẽ ổn thỏa, chỉ là vấn đề thời gian, vài ngày hay vài tuần là cùng chứ gì.

Một người đàn bà lịch sự với dáng điệu e dè đến gần hai người :

- Thưa bác sĩ tôi cần báo tin gấp cho bác sĩ biết (móng tay bà ta ấn mạnh vào lòng bàn tay). Bác sĩ có chịu khó nghe tôi nói một lát không, gấp lắm, vâng, rất gấp.

Rudolf muốn lánh xa, ông ta giải thích cho Petrovici:

- Đó là một thân chủ của tôi, tên là O'hara, vợ của một đại kỹ nghệ gia người Anh.

Bà ta nói với Petrovici :

- Tôi xin lỗi được nói chuyện với ông dù chưa được hân hạnh quen ông. Nhưng có nhiều việc vô lý và trầm trọng đến độ tôi phải nói.

Ông có biết họ muốn làm gì không?Ồ, không tưởng được. Chiều nay họ muốn đốt tôi. Đêm nay họ sẽ thiêu sống tôi.

Các móng tay nhọn đỏ của bà O'hara lại như đang ấn sâu vào lòng bàn tay:

- Tôi không biết làm gì hơn nữa trước cái ý định thiêu sống một người đàn bà trong thế kỷ này, giữa thời đại văn minh Thiên Chúa giáo. Không tưởng được, kết án để thiêu sống một người đàn bà. Và tôi không hiểu được tại sao, vì lý do nào họ lại kết án tôi, tôi cũng không biết ai đã kết án tôi. Tôi không biết nhân danh luật lệ gì và do đâu mà người ta kết án tôi. Đêm nay họ sẽ đốt tôi.

Rudolf bực dọc :

- Thưa bà có thật thế đâu.

- Không, bác sĩ nói thế để an ủi tôi thôi. Tôi biết là chuyện rất vô lý, nhưng là chuyện có thật, người ta sắp thiêu sống tôi.

Rudolf giới thiệu :

- Đây là bác sĩ Petrovici, bạn thân của tôi và đang bị bệnh. Tôi sẽ để ông ta nằm cạnh phòng bà.

O'Hara nói ngay :

- Ông nằm cạnh phòng tôi hả? Nếu thế ông sẽ là một chứng nhân. Ông sẽ thấy là chiều nay họ đến đây đốt tôi. Đó là một hành vi dễ sợ quái và không tưởng được trong thế kỷ văn minh của chúng ta. Họ sẽ đốt tôi dù tôi không làm gì nên tội cả, hoàn toàn tôi không có tội gì cả. Và ước nhất là tôi không biết ai đã kết án tôi. Nếu ông ở cạnh tôi, càng hay, ông sẽ là chứng nhân.

Nói xong O'Hara bỏ đi. Rudolf giải thích :

- Bà ta bị bom ở Luân Đôn. Trong thời chiến, bà ta đã chịu đựng giỏi lắm. Nhưng khi đến Á Căn Đình bà ta ngã bệnh trong lúc chồng bà đang làm chủ một hãng xe hơi lớn. Người ta mang bà lại đây và bà cứ đinh ninh là sắp bị thiêu sống. Ngày ngày bà ta thức dậy lúc năm giờ sáng vì bị dày vò bởi ý nghĩ rùng rợn đó.

Cuộc gặp gỡ này làm cho Petrovici xúc động sâu xa. Ông ta quên là mình đến đây để trốn chính phủ, quên mất chuyện riêng để nghĩ đến câu nói của bà O'Hara : «Tại sao họ lại bắt tôi để thiêu sống?».

Lidia vợ của Petrovici cũng bị kết án và thiêu sống. Nhưng Lidia thì thực sự bị thiêu sống rồi: «Tại sao họ lại kết án Lidia như thế. Ai kết án và nhân danh ai? Ai thiêu sống Lidia? Dù sao thì Lidia cũng đã bị đốt cháy giữa thế kỷ được gọi là văn minh này. Sáu triệu người Do Thái cũng bị đốt cháy. Vài triệu người Đức cũng bị cháy thành than trong các đô thị bị Hoa Kỳ dội bom, cũng như vài triệu người Ba Lan, Nhật Bản. Nhưng tại sao họ lại bị chết cháy?

Ai đã kết án họ, với mục đích gì? Hiện giờ, cũng đang có vài trăm triệu người đang bị nạn trên khắp thế giới, đang bị đốt chết dần dần như Pierre Pillat, Marie, Eddy Thall, Varlaam, Kostaky... »

Ante Petrovici tiếp tục nói:

- Bác sĩ có nhớ đến chuyện Candide không? Xã hội Coïmbre thời xưa đã quyết định thỉnh thoảng thiêu sống một người để tránh nạn động đất. Ngày nay hàng triệu người bị đốt cháy để cho các chính phủ giữ được liên hệ tốt đẹp với nhau. Vài trăm thân binh Nga bị Mỹ đốt cháy để giữ hòa khí giữa Tổng thống Hiệp Chúng Quốc và Staline, điều này tôi đã tận mắt chứng kiến. Một nửa Âu Châu với thị thành, làng mạc, nhân mạng, súc vật đã bị bán đứng cho Nga Sô thiêu hủy để người Anh có được mức sống cao hơn và người Mỹ có thể bán Côca Côla ở Nga Sô. Nhưng một nửa Âu Châu đã bị hy sinh vô ích. Người Mỹ đã không thể bán Côca Côla cho Nga Sô và người Anh cũng chẳng được ăn ngon hơn dù họ đã bán cho Nga Sô người Ba Lan, Hung Gia Lợi, Lỗ Ma Ni, Bulgarie, Esthonie, Lettonie, Lithuanie, Phổ, Đức, Albanie. Và với quyền gì Tây phương đã bán hàng triệu người của các quốc gia đó cho Sô Viết? Với quyền gì người Anh đã bán người Lithuanie cho Nga Sô? Tất cả chỉ vì những lý do chính trị. Chính trị là tiếng hát của con thiên nga biểu tượng một nền văn minh.

- Anh bình tĩnh một chút chứ. Những lời nói của bà O'Hara đã làm anh quá xúc động. Trường hợp đó cũng đáng chú ý thật đấy, nhưng anh phải dung hòa một tí chứ. Đừng xem mọi việc quá đen tối, vô ích.

- Bà O'Hara có lý khi bà ta biết là mỗi nguy hiểm lớn lao đang đe dọa nhân loại hiện nay là việc con người bị thiêu sống. Bà O'Hara sẽ không bị thiêu sống nhưng bà ta biết mỗi nguy hiểm đang lơ lửng trong không khí của các quốc gia trên toàn cầu. Tướng Grisha Costak không biết trước ông ta sắp bị người Mỹ thiêu sống, thế mà ông vẫn bị đốt. Cho nên cái sợ của bà O'Hara hợp lý lắm chứ.

Bác sĩ Rudolf, kéo tay Petrovici: «Chúng ta đi thôi».

Cả hai bước lên thượng tầng căn nhà. Petrovici vẫn nói:

- Đã từ lâu tôi biết tôi sẽ bị đốt cháy, dần dần, vì chân phải tôi ngắn hơn vài phân mét. Bây giờ đám cháy đã xảy ra rồi đấy, người ta đòi bắt tôi vì tôi

thiếu vài ly mét ở chân phải, và để trốn thoát, tôi phải ẩn trong nhà chứa người điên. Tất cả điều đó chỉ vì chân phải tôi không có lòng bàn chân.

Petrovici ngồi một mình. Cầm tờ báo, ông ta đọc bài nói về chiến tranh người Mỹ ở Triều Tiên. Tướng Arthur đã thắng cộng sản nhiều trận mới. Trong cột bên cạnh, có tên chủ tịch Hội Đồng An Ninh Liên Hiệp Quốc, nghĩa là người chủ mưu trong cuộc chiến tranh chống Cộng, lại là người cộng sản tên là Malik.

Vậy thì, Liên Hiệp Quốc, dưới sự bảo trợ của Staline, mà đại diện là Malik, chống lại Staline. Malik chống lại Malik. Mac Arthur nhận lệnh của Malik để chống lại Malik...

Ante Petrovici dụi mắt, thấy O'Hara, ông ta đề nghị :

- Bà có muốn chúng ta đàm đạo một chốc không?

- Không, tôi muốn ông hiểu tôi mà thôi. Ngày xưa, tôi đọc nhiều sách báo lắm. Tôi yêu nghệ thuật, sắc đẹp, nhưng ngày nay tôi không muốn nói đến nữa. Trường hợp tôi thật là phi thường, tôi biết là tôi sắp bị thiêu đêm nay, làm sao ông bảo tôi nói chuyện với ông được, và điều kinh khủng là tôi không biết tại sao tôi bị kết tội, ai kết tội tôi? Tại sao một điều như thế lại có thể xảy ra giữa một thế kỷ được gọi là văn minh này nhỉ? Không ai giúp đỡ gì tôi được cả sao, bi đát quá. Không ai, vâng, không ai có thể giúp đỡ gì tôi. Không chính phủ nào, nhân vật nào cứu lấy tôi, dù tôi quen biết nhiều, nhưng cũng chẳng ai có thể giúp gì tôi được.

Ante trở về phòng suy nghĩ lung lăm. Ông ta cũng quen biết nhiều ở Á Căn Đình, quen hầu hết nhân viên trong chính quyền. Và không ai có thể ngăn cản chuyện người ta sắp bắt giữ ông. Khi người ta đốt Lidia thì ông ta đang làm bộ trưởng bộ nội vụ và ông ta không giúp đỡ gì Lidia được. Chồng bà Milostiva Debora Paternik là quốc trưởng mà cũng không giúp gì

bà ta được. Không ai có thể giúp đỡ người khác được nữa. Niềm đau đã quá to tát mất rồi.

Con người đã bị thiêu đốt dần dần. Tướng Costak là bạn của các nước đồng minh, và các nước đồng minh đã không ngăn cản việc đốt cháy ông ta. Nghĩ đến đây, Ante Petrovici thấy mắt mình hơi mờ đi, hơi chóng mặt, ông ta nằm dài trên đi văng và nhắm mắt lại. Vừa nhắm mắt thì trí khôn của ông cũng không còn nữa. Một thứ bóng đêm bao trùm quanh ông và ông cảm thấy một sự thoải mái vô biên. Lý trí đã tàn. Và sự tàn lụn đó của lý trí đối với Ante Petrovici là một thứ bước xuống cây thập tự giá, một bước lùi dần vào bóng đêm. Nhưng trong bóng đêm có thanh bình và yên nghỉ. Công cuộc đóng đinh lên trên thập tự giá đã xong. Trong bóng đêm ông ta thấy thoải mái, ông ta không bị đóng đinh. Lý trí đã lùi chân nhường bước cho đêm đến. Ông ta đoán thấy một cánh tay trên người ông. Ông ta thoáng nghe một giọng nói xa lạ: «Tất cả sẽ được chính quyền dàn xếp ổn thỏa. Anh sẽ không bị giữ, Phu nhân Tổng Thống đã đích thân can thiệp cho anh. Anh được tha rồi đó. Anh muốn ra đi lúc nào tùy ý».

Bác sĩ Rudolf sung sướng cầm tay Petrovici:

- Chúng ta sẽ uống sam banh để ăn mừng chuyện này mới được vì đây là một cuộc chiến thắng vẻ vang. Á Căn Đình là một quốc gia không ở đâu giống cả, vì vậy mà tôi tin tưởng ở tương lai của xứ này. Anh là một nhân vật quý báu. Anh không thể bị kết tội được. Bắt đầu hôm nay anh sẽ hoàn toàn sung sướng, ông bạn có biết thế không nhỉ?

Nét mặt Petrovici có vẻ rất bình thản. Rudolf nói tiếp:

- Trông anh có vẻ tươi lắm, nằm nghỉ đi. Tôi hài lòng vì anh là một nhân vật lỗi lạc trong tất cả phạm vi, anh là nhà toán học, luật học, bách khoa, và kỹ nghệ gia.

Petrovici hỏi:

- Có thật là tôi đang ở Nam Mỹ không?

- Thật chứ, anh quên rồi sao?

Mắt Petrovici mở thật lớn, nhìn ra xa. Hình như ông ta đang mỉm cười. Trước khi nghe câu trả lời, ông ta đã không còn nghe được nữa. Rudolf cầm tay ông ta nói : «Du bist doch in America». Mắt Petrovici vẫn mở lớn. Nhưng ông ta không nghe gì nữa. Ông ta bình thản nằm trong bóng đêm, người ta đã mang ông ta xuống từ thập tự giá. Cuộc đóng đinh Petrovici đã chấm dứt. Lý trí đã lùi vào đêm, trong năm mờ, trong bóng đêm.

Rudolf vẫn nói: «Tu es en Amérique du Sud». Anh nghe chứ? «You are now in America».

Nhưng Ante Petrovici không hiểu một thứ ngôn ngữ nào nữa cả. Cuộc vật lộn với đời của ông ta đã kết thúc. Ông ta nhìn trong đêm, lý trí của ông ta đã lùi vào bóng tối.

Rudolf gọi «Ante, mein Freund... my Friend, mon ami... amigo mio».

Nhưng Ante Petrovici không nghe nữa. Không bao giờ ông ta còn nghe thấy gì nữa cả.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Cuốn Sách Kết Thúc I & II & III:

Boris Bodnariuk trốn khỏi Ba Lê nhờ số tiền của giáo sư Voivod. Hắn định báo tin cho Bucarest biết nhưng sau hăn đổi ý, nên bí mật trở về không cho ai hay để còn đóng bản án viên thống chế đã cứng con chó như một nhà đại tư bản.

Hăn băng qua nước Pháp, nước Đức. Trước khi đến vùng Sô Viết, hăn bị lính Mỹ bắt, bị đem đến cho Aurel Popesco nhận diện, tra hỏi, đánh đập và trước khi kiệt sức hăn ta thu hết tận lực vượt ngục như thế đồng nghĩa với tự tử, nhưng hăn đã thành công.

Bám dưới một toa xe lửa chở hàng, hăn đã đến được đất Lỗ ma ni, băng qua Hung gia lợi, Ba lan. Hăn chỉ muốn đến Bucarest nhưng tàu lửa lại đứng ở phía Bắc đất Lỗ. Hăn đến trình diện viên cảnh sát trưởng Molda, đó là mảnh đất Lỗ đầu tiên do hăn cộng sản hóa. Nông dân đang cầm quyền ở mỗi làng. Đất hoang đã biến thành những nông trường tập thể. Đã có những con đường mới, khu kỹ nghệ. Nông dân đã biến thành thợ thuyền.

Boris Bodnariuk trông thấy tất cả quang cảnh đó lúc đi ngang qua làng Molda, hăn rất hài lòng. Ở Molda, đã có một xưởng đóng đồ hộp, nhiều máy cày, một nhà tù bằng gạch và một phi trường. Boris hỏi:

- Nói với chỉ huy trưởng của các anh là Boris Bodnariuk đã đến đây và cần được đưa đi Bucarest gấp. Tôi giao lại biên bản này cho các anh và tôi ngồi chờ ở đây. Tôi không thể đi một mình đến Bucarest được nữa.

Boris ăn mặc rách rưới. Áo choàng đã rách nát. Không có áo sơ mi. Nhưng hăn rất sung sướng được thấy lại các đồng chí cộng sản của hăn.

Nghĩa là được về nhà. Chung quanh không còn kẻ thù nữa. Nhưng thiếu ăn lâu quá, hăn gần kiệt lực.

Viên cảnh sát trưởng thông báo cho cấp trên, nhường phòng mình cho Boris ở, cung phụng đầy đủ thức ăn thức mặc cho Boris, gọi bác sĩ săn sóc sức khỏe. Nhưng Boris chỉ cần ăn uống và ngủ mà thôi. Hăn hơi sốt và cảm thấy kiệt lực.

Cảnh sát trưởng ở Molda là một người Nga còn trẻ. Anh ta rất sung sướng là Boris đến đây, vì khó mà làm thân với một người quan trọng như Boris. Anh ta thừa biết là nhờ Boris, địa vị anh ta có thể thay đổi, nên anh ta lại càng săn sóc cho Boris hơn. Ngày hôm sau, lúc Boris chưa ngủ dậy, anh ta đã lên tỉnh nhận lệnh cấp trên. Viên giám đốc cảnh sát địa phương đã cho Bucarest biết tin về Boris. Kết quả vài giờ sau là Bucarest không cho máy bay hay xe hồng thập tự để mang Boris đi. Và có lệnh: «Bộ chỉ huy đã ra lệnh lập thủ tục thường lệ để nhận diện người tự cho là Boris Bodnariuk. Anh cứ dùng biện pháp thông thường, lệnh cấp trên đấy».

Viên cảnh sát ở Molda hỏi lại:

- Đồng chí cho là hăn không phải Boris Bodnariuk?

- Anh được lệnh là phải truy ra tên thật của hăn và làm bản tường trình hăng thẳng. Thế thôi. Tôi không muốn bình luận gì thêm nữa, nhưng nếu đã là lệnh trên thì có nghĩa là thằng đó không có liên quan gì đến cái tên Boris Bodnariuk cả, hăn là một tên lừa bịp.

Viên cảnh sát trưởng trở về sở, mặt hăm hăm giận dữ. Dù Boris còn ngủ, anh ta cũng gọi lên hỏi cung.

Boris bây giờ đã mặc áo mới, cạo râu, tắm rửa sạch sẽ, mặt mày tươi tỉnh sau một giấc ngủ ngon lành. Từ khi trốn khỏi bệnh viện người Mỹ, chưa bao giờ Boris ngủ một đêm yên ổn như thế, nên hăn lấy lại sức khỏe rất nhanh. Hăn mỉm cười định ngồi xuống ghế. Nhưng đã bị quát :

- Ai cho phép anh ngồi xuống ghế?

Boris mới được đối xử rất tử tế ngày hôm qua nên nghe thế lại tưởng là một câu nói đùa, hần mỉm cười. Tức thì bị viên cảnh sát bạt tai. Boris tức giận cắn môi. Một giòng máu chảy xuống cằm. Hần cảm thấy trong miệng cái hương vị kẹo ho như lúc hần đang rơi từ trên máy bay xuống. Viên cảnh sát trưởng nói:

- Đừng có trêu tôi, tôi chỉ muốn anh khai thật.

Anh ta bấm chuông, một người lính bước vào chào Boris trước tiên, nhưng khi thấy hần đứng yên mặt đầy máu, người lính biết là mình làm nên hồ thẹn rút tay về và quay nhìn cảnh sát trưởng. Anh này ra lệnh:

- Cởi hết áo quần cà vạt của hần ra. Cởi hết. Và cho hần mặc lại áo quần rách rưới của hần. Rồi dẫn hần về nhà giam. Với mục đích gì mà tự khai mà này là nguyên bộ trưởng tên là Bodnariuk?

- Tôi không nói láo. Tôi chính là Boris Bodnariuk.

Viên cảnh sát trưởng đứng bật dậy và muốn đánh hần thêm nữa. Người lính đã lấy áo quần rách cho Boris và trở vô ra lệnh:

- Cởi hết áo quần và giày dép ra đây.

Boris tuân lệnh, xong hần mang đôi ủng rách nát cố hữu của hần, quàng chiếc áo choàng da vào, quấn cái khăn đỏ quanh cổ, mặc chiếc quần đen đã thủng nhiều chỗ.

- Nào khai đi chứ.

Máu chảy xuống cằm hần cũng đỏ như chiếc khăn choàng cổ xưa kia của hần, bây giờ chiếc khăn đó không còn có màu gì nữa vì đã quá bẩn.

Trong bộ áo quần rách rưới, lần đầu tiên trong đời, Boris cảm thấy nhục nhã hết chỗ nói. Cố bình tĩnh hẳn nói :

- Tôi chỉ là nạn nhân của sự hiểu lầm. Tôi chính là Boris Bodnariuk và tôi chỉ nói sự thật mà thôi.

Viên cảnh sát trưởng nhìn vào bức ảnh Boris trên một tờ báo cũ và so sánh với nét mặt kẻ đối diện. Có nhiều nét giống nhau, nhưng chưa đủ để chứng tỏ người này là Boris.

- Tao muốn mày nói thật, tao không muốn các ông chỉ huy của tao chê cười. Hôm qua nói chuyện tao thấy mày không đến nỗi chó má lắm. Mày lại thông minh hơn nhiều đứa khác nữa. Mày hãy nói thật là tại sao mày tự nhận là nguyên bộ trưởng bộ chiến tranh Boris Bodnariuk. Với mục đích gì mày bày đặt ra chuyện giả danh này?

- Tôi khai thật mà.

- Nếu mày là Boris, Bucarest đã gửi máy bay đến đây kiểm mày, nhưng Bucarest đã không gửi máy bay, xe hơi đến đây mà lại còn yêu cầu nhận diện mày, mày hiểu chưa? Mày là ai? Một ông bộ trưởng dù là có tội cũng vẫn được dẫn đến Bucarest hay Mạc tư khoa để lập biên bản. Nếu có tội thật người ta sẽ treo cổ. Còn mày, người ta ra lệnh giữ mày lại đây để nhận diện mày. Lệnh này không áp dụng cho một ông nguyên bộ trưởng được. Tao chỉ muốn mày nói thật thôi.

Viên cảnh sát trưởng tiến đến gần Boris:

- Người ta cũng không cho tao áp dụng biện pháp gì đặc biệt với mày cả, chỉ cho áp dụng biện pháp thông thường thôi.

- Nhưng các ông đã lầm, lầm to mà.

- Không có lầm lẫn gì cả, sự lầm lẫn duy nhất là do tao, tao đã lầm mà tin mày nói thật ngày hôm qua. Một sự lầm lẫn lớn lao trong nghề của tao.

Boris lại lão đảo vì hai cái tát tai nảy lửa. Xong viên cảnh sát trưởng tiếp tục dấm vào đầu Boris, hấn ngã xuống và tiếp tục nhận thêm những cái đá vào đầu, vào ngực. Hấn cảm thấy đầu nhọn đôi ủng đá hấn như có hơi nóng của bàn chân ở bên trong.

- Tao muốn mày nói thật.

Nhưng Boris chỉ còn cảm thấy lờ mờ là người ta đang nâng hấn lên để mang hấn ra ngoài, đặt một tấm ván lên ngực hấn cho xương sườn khỏi gãy và một người lính bước lên trên tấm ván như muốn nghiền nát hấn ra.

Boris không hiểu hình phạt đó kéo dài bao lâu. Lúc tỉnh dậy thì thấy mình ngồi trên ghế và tiếp tục bị đánh đá. Những cú đá làm hấn đau đớn như là những thỏi sắt nung đỏ dí vào người hấn, đau đến tận não tủy. Chỉ lúc hấn ngã xuống đất thì sức nóng đó mới dần dần biến mất.

Viên cảnh sát trưởng lập lại:

- Tao muốn mày khai thật.

Câu nói đó hành hạ Boris cũng như những cú đá trên thân thể hấn.

- Nếu mày không nói thật tao sẽ giết mày, giết ngay tại đây. Và không ai biết tao đã giết mày cả, muốn sống nói ngay đi.

Boris muốn nói lại rằng đây là một sự lầm lẫn, nhưng hấn kiệt lực rồi. Và lại, hấn cũng không hiểu có phải là một sự lầm lẫn hay không. Hấn chỉ còn biết một điều là hấn không thể chịu đựng được nữa và chỉ muốn chết mà thôi.

Lúc mở mắt, hắn đã thấy mình đang nằm trong xà lim, trên nền xi măng. Xà lim không có giường hay cái gì khác nữa. Chỉ là bốn bức tường và nền xi măng lạnh lẽo, mà hắn đang nằm trên đó. Hắn đưa mắt nhìn quanh. Đã từ lâu, hắn không hề nhìn gì cả, không nhìn lại hai tay hay nét mặt của chính hắn. Hắn đưa tay lên sờ mặt, sờ môi hắn. Hắn thấy đúng là mặt hắn, môi hắn nhưng sao chúng xa lạ đến thế. Trán, mắt, môi, má, ngực đều sưng vù lên và nhức nhối không tưởng được. Sờ mắt trái, Boris thấy đã mù rồi. Thì ra hắn thấy ánh sáng bên ngoài chỉ với một mắt phải thôi.

Trên tường xà lim, ai đã vẽ vào đấy mấy dấu thập tự và cái tên Iléana Kostaky. Boris không thèm nhìn nữa. Hắn biết là nông dân vùng này bị tù thường vẽ dấu thập tự lên tường.

Cửa xà lim mở, Boris cảm thấy bị nâng cao và đưa vào văn phòng cảnh sát trưởng. Ông này đã lấy lại bình tĩnh, nhìn cách ăn mặc cũ kỹ của Boris. Khăn choàng bẩn thỉu, ngón chân thò ra khỏi mũi giày đã há mồm. Râu tóc không cạo, mình mẩy đầy máu, mắt trái đã hư, vết sẹo trên trán hình như lớn và đỏ hơn.

- Nào nói lại đi, đồng chí... Boris Bodnariuk. Đúng là cái tên mà mày đã chọn cho mày phải không?

- Vâng, đúng là tên tôi.

- Hừ, một cái tên lừng lẫy trong lịch sử đảng cộng sản. Đó là cái tên của một vị nguyên bộ trưởng bộ chiến tranh, cái tên của một anh hùng đấu tranh giai cấp, của một vị tướng lãnh Hồng quân. Một cái tên có trên khắp báo chí. Có khó gì mà không tìm ra được một cái tên như thế. Chúng ta nên trở về lại với sự việc thực tế hơn và giải quyết dần từng việc một thì hơn.

Boris thu hết tàn lực của mình. Hắn không nghĩ đến cá nhân hắn, hắn chỉ cần làm sáng tỏ vụ này. Nên hắn chăm chú nghe.

- Lúc vừa mới đến đây, mày đã có khai nhiều điều, lập lại đi coi thử.

- Sau khi trốn khỏi trại tù người Mỹ ở Heidelberg, tôi đã bám vào xe lửa bí mật trở về đây. Trong biên bản mà tôi đưa cho ông để ông gửi về trung ương, tôi đã kể hết các công việc tôi làm suốt thời gian từ khi tôi bị tai nạn máy bay cho đến bây giờ. Và lại, câu chuyện cũng dễ, anh có thể nhận diện tôi qua các cộng sự viên của tôi, so sánh tôi với các tấm hình từ trước của tôi, mọi người đều biết mặt tôi mà. Người ta cũng còn có thể nhận ra tôi bằng giọng nói qua điện thoại. Mặt tôi hơi đổi khác từ khi tôi bị tai nạn nhưng đó không phải là một trở ngại lớn lao trong việc nhận diện. Tôi yêu cầu điều tra và gửi tôi về Bucarest để tôi hoàn thành sứ mạng của tôi.

- Tao đọc trong tờ khai của mày như thế này: «Sứ mạng của tôi (loại trừ viên thống chế những người Slaves miền Nam) đã bị thất bại vì tai nạn máy bay bất ngờ. Tôi là người sống sót duy nhất. Ở quân y viện mà người ta mang tôi lại đó, tôi bỗng thấy một bạn học cũ của tôi tên Pierre Pillat cũng đến đó. Tôi ngờ là người ta đem hẳn đến nhận diện tôi nên tôi đã trốn khỏi nhà thương vì các sĩ quan Sô Viết ở Vienne có đến thăm tối hôm trước và ra lệnh không được để cho họ nhận diện. Tôi trốn qua Pháp. Lúc đó tôi đổi tên là Boris Neva như là các sĩ quan Sô Viết yêu cầu. Tôi tuân lệnh và chỉ tiết lộ tên thật của tôi một khi đã đến được vùng Sô Viết ở Molda. Tôi phải tức tốc từ Paris trở về đây để hoàn tất nhiệm vụ tôi trong bản cáo trạng giả của tên thống chế trưởng giả».

Viên cảnh sát hỏi:

- Nhiệm vụ đó như thế nào?

- Đó là nhiệm vụ của đảng giao phó và tôi đã được các sĩ quan Sô Viết đến thăm tôi cho hay ở nhà thương. Tôi đóng vai bị cáo trong bản án đó. Tôi phải tự thú để đưa ra ánh sáng tất cả sự phản bội của viên thống chế trưởng giả đó. Tôi đã cố hy sinh mọi sự để đừng đến trễ. Tôi biết là vì ích lợi cho đảng nên phải tổ chức gấp bản án đó. Và tôi hy vọng là sẽ đến Bucarest đúng lúc. Tôi hy sinh tất cả cho đảng.

Viên cảnh sát trưởng mỉa mai:

- Chúng tao biết hết câu chuyện đó. Mà phải đóng vai chính trong vở kịch tội ác của viên thống chế đó ư? Mà tin là Sô Viết cần ngụy tạo những tên phản bội và những bản án giả mạo? Làm sao mà có thể khai như thế được nhỉ? Mà tin là Sô Viết dùng những kẻ vô tội để đóng vai bị cáo trong những tấm hài kịch đó sao? Như thế là mà đã lập lại những lời tuyên truyền chống cộng sản, đó là một cử chỉ thách đố và phỉ báng.

- Một vài tên phản bội đã trốn thoát được như Trotsky và tên thống chế đó chẳng hạn. Dù vậy, chúng phải được phán xét và kết án, nhu cầu chính trị đòi hỏi như thế. Và vì chúng không thể hiện diện trước tòa án Sô Viết, người ta phải kêu gọi những kẻ tình nguyện tự kết án dù cho có bị xử tử chẳng nữa để nhân dân có thể theo dõi tiến trình của việc phản bội như thế nào. Đó là một hệ thống rất có hiệu quả. Đó không phải là một sự hèn hạ mà là một bằng chứng của sức mạnh Sô Viết. Người ta luôn luôn kiếm được những thành phần ưu tú dám hy sinh đời mình để tự kết án, hầu làm sáng tỏ cho dư luận quần chúng những đoạn chính của tội phản bội.

- Đúng là giọng điệu tuyên truyền phản động. Sô Viết không bao giờ ngụy tạo những bản án như vậy. Sô Viết luôn luôn bắt giữ và phán xét những thủ phạm thật sự. Ai nói ngược lại là một kẻ thù phản động. Từ lâu Sô Viết đã bắt hết lũ phản bội theo phe viên thống chế trưởng giả. Đã bắt được kẻ phản động thật sự thì còn ngụy tạo bản án để kết tội kẻ khác làm gì?

- Những kẻ tòng phạm với viên thống chế đó đã trốn qua biên giới mất rồi.

- Từ năm 1942, cảnh sát Sô Viết đã theo dõi tất cả những tòng phạm cũ của viên thống chế đó. Chúng bị kiểm soát rất gắt gao, cho đến các cuộc điện đàm cũng bị thu băng. Cho nên không đứa nào trốn thoát, tất cả đều bị

bắt. Và thủ phạm chính là tên Rajk người Hung gia lợi. Báo chí nào cũng có đăng lời khai của nó cả. Đọc đi.

Boris đọc những tí lớn trên báo chí để trên bàn viên cảnh sát. Ông này đàn áp tiếp:

- Rajk đã hoàn toàn thú tội. Tại sao mà bảo là Sô Viết muốn ngụy tạo một bản án sau khi Rajk đã bị bắt và đã thú nhận tất cả tội lỗi, làm sao mà biện hộ cho lời khai của mà?

Ở trang đầu, Boris thấy ảnh của Rajk đứng trước các quan toà. Thì ra chẳng ai khác hơn là một bạn đồng học của hắn ở Budapest. Rajk khai :

«Tôi là thủ phạm đã âm mưu với tên thống chế những người Slaves miền Nam để thành lập một Liên minh Đông nam Âu châu đặt dưới sự cai trị của Anh Mỹ.»

- Mà thấy là sự phản bội của tên thống chế đó đã xảy ra ngay tại trung tâm Budapest chưa? Sô Viết đã biết hắn từ bao năm nay rồi. Sô Viết khôn ngoan lắm, đúng lúc đã chín mùi, Sô Viết bắt hết lũ âm mưu. Rajk thú nhận tất cả rồi.

Boris là bạn thân của Rajk. Cả hai cùng theo học ở Hàn lâm viện đồ Mạc tư khoa. Sau đó cả hai vẫn thường gặp nhau ở các hội nghị. Rajk là một người công sản chính tông, Boris không bao giờ nghi ngờ hắn điều gì, Rajk cũng trung thành với chủ nghĩa cộng sản như hắn. Boris thầm nghĩ: «Trong lúc mình trốn khỏi bệnh viện mà không ai biết đến nữa, Sô Viết đã tưởng là mình chết rồi. Thế mà phải thực hiện cho bằng được bản cáo trạng đó, Điện Cẩm Linh đã chỉ định một người anh hùng khác. Rajk đã nhận sứ mạng đóng tuồng thay mình, tự nhận bị cáo đồng lõa với viên thống chế trưởng giả. Bản cáo trạng được gửi từ Bucarest sang Budapest, chỉ vì mình không còn ở đó được nữa. Rajk chỉ là một kẻ nhị trùng với mình. Và người ta tổ chức ở Budapest thay vì làm ở Bucarest như lúc đầu».

Boris không suy nghĩ lâu thêm nữa, hẳn sung sướng là vai trò của hắn đã có người thay thế cũng không kém khéo léo, vì Rajk là một thành phần tài ba. Rajk không phải là một kẻ phản bội, anh ta là một người hùng. Viên cảnh sát nhắc lại :

- Tên Rajk đã từ lâu là một điệp viên của tụi tư bản, bây giờ hắn đã thú nhận rồi.

Boris vẫn suy nghĩ: «Đáng lý là người ta nói về mình như thế đó. Ai cũng tưởng mình là thủ phạm chính. Quần chúng tin như thế. Bản cáo trạng thật là hiệu quả. Quần chúng tin như thế, chỉ có Rajk và mình mới biết đâu là sự thật.

- Nào, bây giờ mày có nhận là mày nói dối chưa, rằng câu chuyện bản cáo trạng là do mày bịa ra chưa?

- Tôi công nhận là tôi nói dối.

Boris biết là mục đích của hắn đã đạt được.

- Sau một lần nói dối như thế, người ta còn tin gì được ở các lời khai của mày nhỉ?

- Người ta không thể nào tin ở các lời khai của tôi nữa.

- Vâng, thế thì mày ký vào một tờ khai khác là mày công nhân đã bịa câu chuyện bản án. Tao cần hỏi mày một câu nữa: Tên thật của mày là gì?

Đây là lúc khổ sở nhất trong đời của Boris. Hy sinh đời hắn còn dễ dàng hơn là nói rằng mình là một người khác, nên hắn miễn cưỡng trả lời:

- Tôi tên là Boris Neva.

Hắn nói không suy nghĩ. Ở Phương Tây, hắn được gọi là Boris Neva, nên hắn lập lại: «Tên thật của tôi là Boris Neva».

- ĐỒ ngu, Neva là tên của vị nữ anh hùng. Đó là tên bà tổ trong cuộc cách mạng của chúng ta. Neva không thể là tên của một kẻ du thủ du thực như mày được.

Boris cần môi suy nghĩ, cho đến bây giờ hẳn không...

THIEU TRANG 496

... người Slaves miền Nam mà cũng từ đó Anatole Barsov đã đào ngũ. Boris nhìn tất cả thứ đó bằng một mắt, mắt trái đã bị hư hẳn. Hẳn nghĩ đến Ba Lê, đến Tòa đại sứ Sô Viết mà hẳn không thể nào vào tận nơi để tìm cách trở về Bucarest đúng lúc cho bản cáo trạng. Nên hẳn đã bị Rajk thay thế. Bản án diễn ra ở Budapest thay vì ở Bucarest. Nhưng có điều hẳn không hiểu nổi là tại sao Bucarest nỡ bỏ hẳn lại nơi này, trong một làng nhỏ, cho một quân cảnh canh giữ.

Boris thầm nghĩ: «Chắc là có sự lầm lẫn. Nếu bị nghi ngờ, mình sẽ được dẫn về Bucarest để điều tra rồi sẽ bị xét xử và kết án. Đúng là một sự lầm lẫn không còn nghi ngờ gì nữa».

Boris nhìn ra phi trường Piatra. Hẳn muốn tìm ra lỗi của hẳn vì hẳn có mặc cảm phạm tội nhưng hẳn không có cách nào chứng minh là mình có lỗi. Hẳn nghĩ là bây giờ mình đã ghi tên thật vào danh sách của trại tù là Boris Bodnar, có nghĩa là người ta đã tước hết chức vị và công trạng của hẳn rồi. Cấp bậc cũng không còn nữa. Người ta đã lấy luôn cái tên Bodnariuk. Hẳn có tên là Boris Bodnar như lúc mới lọt lòng mẹ, cái tên hẳn mang lúc mới trốn qua Nga Sô. Bây giờ cũng như hồi đó, hẳn cũng rách rưới như khi vừa mới bị đuổi khỏi trường hoàng gia Kichinev. Y hệt như cũ.

Tất cả những công trình thay đổi khí hậu, thành lập binh chủng nghĩa quân, cộng sản hóa xứ Lô ma ni, tổ chức lại hệ thống quân đội đều do Bodnariuk hoàn thành. Hình như Bodnariuk là một ai xa lạ với hẳn. Hẳn bây giờ là Boris Bodnar, như lúc mới sinh ra, cũng nghèo nàn rách rưới,

cũng cô đơn như khi chưa trở thành Bodnariuk. Hẳn lấy lại tên cũ như khi chưa có một huyền thoại nào. Thật ra, Boris Bodnariuk là một tên bịa đặt. Chính hẳn là Boris Bodnar. Trong xà lim, cô đơn và rách rưới, đau ốm và bị đánh đập, hẳn không còn là một con người nữa. Trước đó, hẳn là một người, bây giờ hẳn đã già nua; thân thể, tâm hồn hẳn đang làm cho hẳn khổ sở. Hẳn tự an ủi: «Chỉ có Boris Bodnar mới là thực sự, và khi mình chết đi, chính Boris Bodnar mới được chôn cất vì Boris Bodnariuk không bao giờ chết cả, vì Boris Bodnariuk chỉ là một huyền thoại không sinh ra nên cũng không chết đi».

Hẳn đã phấn đấu vì vinh quang của Boris Bodnariuk, mà đã không làm gì cho Boris Bodnar cả.

Bỗng có tiếng la trong xà lim bên cạnh. Hai người đàn bà cãi nhau, một trẻ, một già. Người trẻ có vẻ cương quyết. Họ đang đập lộn nhau. Boris lắng nghe lính gác mở cửa. Người trẻ nói:

- Bà ta muốn mở cửa sổ xà lim, từ khi tôi đến đây, bà ta không chịu đóng cửa bao giờ.

Người già nói :

- Nếu các ông đóng cửa tôi sẽ tự tử. Từ bao nhiêu năm bị giam cầm ở đây, tôi chưa bao giờ đóng cửa sổ cả, ngay cả vào mùa đông giá buốt nhất. Thế mà tôi có bị chết cồng đầu. Cô ta còn trẻ, và chỉ mới đến đây vài giờ thì lại càng không thể bị chết cồng cho dù cửa có mở chẳng nữa.

Nói xong bà già khóc.

Boris nghe thấy người lính gác muốn đóng cửa sổ. Người đàn bà già nhảy xổ lại lính gác và đánh họ. Bà ta bị ngã xuống nhưng lại đứng dậy muốn mở cửa sổ. Lính gác đánh bà ta liên tiếp, đấm đá, tát tai. Sau đó họ lôi bà ta ra khỏi xà lim.

Người đàn bà già đó là Iléana Kostaky. Trước đó, bà ta ở trong xà lim có một mình, và không bao giờ cãi vả với lính gác. Bà hay cầu nguyện, chờ đợi một cách nhẫn nhục. Đêm trước, người ta lại đi bắt người, và đem một người đàn bà khác đến giam chung xà lim với Iléana Kostaky vì thiếu chỗ.

Boris lắng nghe người đàn bà trẻ nói với lính gác:

- Bà này bảo là chồng bà trốn vào rừng. Bà không hy vọng gì thấy lại chồng bà vì bà bị kết án đến 15 năm, bà biết là thế nào bà cũng chết ở trong tù. Nhưng từ ngày đầu, bà ta đã để cửa sổ mở luôn với hy vọng là nếu chồng bà có chết rồi, linh hồn ông ta sẽ đến đây từ già bà. Bà ta để cửa sổ là cốt để cho linh hồn chồng bà có thể vào bên trong xà lim được.

Người ta đã đem bà già trở về sau khi đánh đập tàn nhẫn, họ xịch tay chân bà lại để bà khỏi bước đến mở cửa sổ. Nhưng bà ta vẫn la lên:

- Thế nào tôi cũng mở cửa sổ. Nếu chồng tôi chết, linh hồn ông ta không thể đến từ già tôi được. Tôi sẽ không biết là ông ta chết nếu linh hồn ông ta phải ở bên ngoài.

Iléana lại van cô gái mở cửa, cô ta từ chối.

Lính gác cột bà ta vào giường nằm, bà ta vẫn laỉ nhải:

- Tôi để cửa sổ bao năm nay mà có chết chóc gì đâu, ngay cả lúc lạnh buốt xương. Tôi không muốn người ta đóng cửa, tôi không muốn bị xa lìa chồng tôi. Ít nhất, vào lúc ông ta chết, tôi muốn linh hồn ông ta về đây bên tôi. Tôi cứ chờ ông ta, nếu đóng cửa, làm thế nào ông ta vào đây được. Có việc gì xảy đến cho ông ta, tôi phải biết chứ. Các ông không có quyền ngăn cách vợ chồng tôi như thế này.

Lũ lính gác và cô gái cười ngật. Người đàn bà vẫn nói :

- Tôi phải để cửa sổ chờ chồng tôi. Nếu các ông đóng lại, chồng tôi không đến đây được.

Boris nằm dài lên giường. Hắn không muốn nghe tiếng rên la của bà già nữa, nhưng hắn nghe tiếng đấm cửa thành thịch bên cạnh. Đã hai giờ trôi qua từ khi bà già bị trói tay vào giường và cửa sổ bị đóng kín. Tiếng cô gái gọi lính gác :

- Bà già chết rồi; tôi không muốn ở chung với người chết trong xà lim, tôi sợ lắm.

Iléana đã chết khi lính gác nhất quyết đóng cửa sổ. Bà ta là một bà vợ có bốn phận chờ chồng về. Và vì bà ta không hy vọng thấy ông ta sống sót trở về, nên bà ta chỉ mở cửa để chờ linh hồn người chết. Và khi cửa sổ bị đóng kín, Iléana Kostaky phải chết vì bà ta không còn gì để làm trên trái đất này nữa, đời sống bà đã trở thành vô ích, vì không thể chờ chồng đến giờ phút chót. Phận sự làm vợ đã chấm dứt.

Lính gác đem xác Iléana ra chôn ở khoảng đất băng giá bên cạnh nhà tù. Linh hồn bà, nếu sự thật giống như mơ ước của bà, đã từ giã trái tim bà để đi tìm Ion Kostaky qua bao nhiêu là núi rừng, biển cả, để vĩnh biệt người chồng trên dương thế, nhưng không ai biết được sự thật của những điều đó cả, không người nào, không tu sĩ nào biết được điều đó.

Tất cả nhân chứng và lính gác biết rất ít về cái chết của Iléana Kostaky. Họ chỉ biết rằng tấm thân xác già nua đó được cởi hết xiềng xích và chôn xuống đất lạnh, và trên thân xác không có hòm chôn đó, người ta quăng từng mẩu đất lẫn với những cục tuyết cứng ngắt, rằng mấy sợi xích đã cột tay chân bà bây giờ được chùi rửa sạch sẽ treo kỹ trong nhà gác để dùng cho tù nhân khác. Tất cả chỉ có thế, nhưng rất là ít ỏi, quá ít ỏi để được gọi là tất cả.

Boris đã đạt đến yên tĩnh tâm hồn và sự thanh thản của những kẻ đã từ bỏ đời sống trần gian cho một lý tưởng. Boris đã biết là tất cả vật sở hữu của người cộng sản đều thuộc về đảng. Của cải, vốn liếng văn hóa, áo quần, đời sống và cho đến cái tên của hãn cũng thuộc về đảng. Điều họ bắt làm hãn hay cố ý bắt hãn cũng chẳng quan hệ gì: đảng có quyền trưng dụng tất cả và hãn không có quyền phản nài. Người ta đã rút bớt nơi hãn những điều gì không thuộc về hãn.

Lúc đầu, hãn đã tiếc không còn được gọi là Boris Bodnariuk nữa. Nhưng bây giờ hãn đã hãnh diện về điều đó. Đã có bao nhiêu cuộc trưng dụng tên tuổi mà hãn chứng kiến? Thật ra chỉ có cái tên của các anh hùng mới có cái danh dự đó. Khi những anh hùng cộng sản các nước Tây Ban Nha, Đức, Pháp, đến Nga Xô, người ta bắt đầu bằng cách trưng dụng tên của họ. Họ sẽ nhận những tên khác. Những tên do những chiến trận và những chiến công không thuộc về cá nhân mà thuộc về lịch sử và cộng đồng xã hội.

Những người mới đến là những người bằng xương bằng thịt có thể điên rồ, làm bậy như bao nhiêu người khác. Thật là bất công nếu để họ giữ những tên anh hùng mà phạm lỗi lầm với những tên đó. Cho nên phải lột cái tên đi đem vào lịch sử. Người mang cái tên anh hùng đó có thể già nua có thể làm bất cứ điều gì nhưng phải có một cái tên khác chứ không được giữ cái tên đã làm vẻ vang cho lịch sử.

Boris sung sướng với ý nghĩ là tên của hãn sẽ tồn tại trong lịch sử và hãn sẽ tiếp tục sống với một cái tên khác tầm thường không có một huyền thoại nào cả.

* * *

Có ai thì thăm trước cửa hãn:

- Người ta mới bắt giữ cha Angelo.

Bước chân xa dần và giọng nói tiếp tục thì thăm ở các cửa xà lim khác.

- Cha Angelo đã bị bắt.

Tiếng thì thầm xa dần và mất hẳn ở cuối hành lang. Boris biết là tất cả những người bị giam ở ngục thất Molda đều là kẻ thù của Sô Viết. Hẳn không muốn tham dự vào đời sống của họ. Vì họ cũng là kẻ thù của hẳn nên hẳn lánh xa. Hẳn thầm nghĩ: Đó là một mật lệnh của những tên phản động trong tù. Giọng nói tiếp tục thì thầm ở trước cửa đi ngang qua lỗ khóa là cha Angelo đã bị bắt.

Boris áp tai vào tường lắng nghe: Có nhiều tù nhân ở xà lim bên trái nhưng hẳn chỉ nghe có một giọng nói:

- Thừa cha, cha có tin là linh hồn Ion Kostaky sau khi chết sẽ hiện thành bóng ma để từ giã vợ hẳn trong tù? Giáo hội có dạy bà ta như vậy không?

Cha Thomas Skobai trả lời:

- Chính bà tin thế.

- Nhưng lòng tin đó có đúng hay chỉ là một sự lầm lẫn? Boris muốn biết vị tu sĩ đó sẽ trả lời như sao.

- Lòng tin sắt đá của Iléana cho rằng linh hồn người chồng sẽ đến kiểm bà trước khi rời bỏ trần gian, ý chí quyết chờ chồng bên cửa sổ mỗi ngày, đông cũng như hè, đã bắt đầu trong tình yêu thương người chồng, trong sự chung thủy và bốn phận làm vợ của Iléana. Bốn phận đó là chờ đợi, là khổ đau nhưng không bao giờ nản chí trong quên lãng. Đó là những đức tính đẹp nhất của người đàn bà. Nếu những lòng tin tưởng phát xuất từ những đức tính đó mà sai lầm, thì Chúa, đấng toàn năng cũng sẽ tha thứ cho bà, vì bà đã đặt đức tin vào một cái gì sai lầm chỉ vì quá yêu chồng, quá thủy chung và quá kiên nhẫn với chồng.

Vị tu sĩ nói tiếp: «Lạy Chúa, ban ơn cho Iléana Kostaky và rước linh hồn bà về với thiên đàng nước Chúa, ở đó sẽ không có nước mắt, bóng đêm

mà là một cuộc sống vĩnh cửu. Amen».

Trong xà lim, Boris quyết định nhẫn nhục chịu đựng và chấp nhận cái tên mới của mình mà không hề phản kháng. Trong trường hợp người ta khám phá rằng những gì xảy đến cho hắn từ lúc hắn trở về Lỗ ma ni là kết quả của một sự lầm lẫn thì Sô Viết sẽ gọi hắn lại và sửa sai lầm lẫn. Trong trường hợp mà đó là ý muốn của đảng, là nhu cầu ích lợi cho lịch sử thì hắn sẽ tiếp tục phục vụ dưới một tên mới trong một quốc gia mới cũng với từng đó trung thành và rồi cũng sẽ chiến thắng như trong quá khứ.

Nhưng giọng nói truyền miệng là cha Angelo đã bị bắt không còn là những tiếng thì thầm nữa mà người ta đã la lớn. Đám đông vây quanh. Người ta la ở trong hành lang.

- Nông dân đến giải thoát cho cha Angelo.

Và cả trăm ngàn tiếng nói của những nông dân nổi giận, của những người đàn bà chạy lui tới, của người và người đang chen lấn. Cửa nhà giam mở rộng, tường sập, quần chúng đã đến giải thoát cho thánh Angelo. Boris không hề biết đến ông thánh đó. Hắn chỉ nghe tiếng mở khóa cho phòng giam hắn rồi nhiều người vào phòng bảo là hắn đã được tự do.

Hắn phải chật vật lắm mới ra ngoài được. Vì hành lang nhà tù đã tràn ngập nông dân. Không có bóng một tên lính gác hay một tên cảnh sát nào cả. Chỉ là đám đông tiến lên như sóng, bẻ cửa, dùng rìu phá tường. Đám đông đã chiếm nhà tù và đang phá nát các bức tường. Mọi người trở ra với một viên gạch trên tay và bỏ lên xe.

Boris theo một lỗ hổng bức tường thoát ra ngoài và cố kiếm đường thoát thân. Đã quen với đám đông trong các cuộc hội họp, hắn ước lượng 10 ngàn người nông dân đã đến phá nhà tù ở Molda. Tất cả đều cầm gạch đá và các tấm ván của nhà giam mang đi. Có một giọng la to:

- Thánh Angelo đã được giải thoát.

Xong, tất cả đám đông quỳ xuống, người nào đứng đầu quỳ xuống đó, tay cầm gạch đá lấy được ở nhà tù.

Đám đông đã giải thoát cho một tu sĩ còn trẻ. Nông dân khiêng đức cha lên vai về phía xe hơi. Đám đông đã nổi dậy phá ngục giải thoát cho cha Angelo. Boris muốn trông thấy ông ta nhưng vì ông ta ngồi xây lưng về phía Boris nên hẳn không nhận ra mặt. Một người đàn bà cạnh Boris lên tiếng:

- Chúng ta không còn ai để săn sóc những người đau yếu nữa. Thánh Angelo đã an ủi tâm hồn chúng ta, trị bệnh cho chúng ta và cầu nguyện cho chúng ta. Từ bao nhiêu năm nay thánh Angelo là niềm an ủi cho nông dân, thế mà người Sô Viết vào rừng bắt ông ta, thật là quá quắt, Chúa không thể nào cho phép điều đó được, nên bây giờ thánh Angelo lại được tự do.

Sau khi thánh Angelo đi qua, đám đông lại đứng dậy đi theo sau xe ông ta, xe có đôi ngựa trắng kéo đi chậm chậm trên một con đường rừng hẹp.

Boris bị chèn lấn khắp nơi. Chỉ có hẳn là hai tay không cầm gì. Tất cả người khác đều cầm gạch đá lấy được ở nhà tù. Một người đàn bà bảo hẳn:

- Cầm lấy một viên chứ.

Bà ta đưa một viên gạch cho Boris và giải thích:

- Những viên gạch trên tường nhà giam Thánh Angelo đã bị giữ trong đó sẽ đem lại vận may. Ông giữ lấy và để trước nhà hay trên tường.

Boris cầm lấy viên gạch. Chiều cao bức tường thấp xuống thấy rõ. Và nếu mọi nông dân lấy một viên gạch thì trong vài giờ nhà tù ở Molda chỉ còn là một khoảng đất trống.

Boris đi theo đám đông, đi theo bên người ở sau xe Angelo, để yên cho đám đông vừa xô đẩy vừa ca hát.

Đoàn xe đi về phía khu rừng. Không có người lính gác nào cả dọc đường. Không có ai ngăn cản sự nổi dậy của nông dân. Đoàn người vẫn tiếp tục vào rừng.

Boris được mời lên xe đi sâu vào rừng. Trên đường đi, hẳn được biết là các giáo đường trong làng lần lượt bị đóng cửa. Những nơi nào còn mở cửa được đều là do các linh mục cộng sản đảm nhiệm. Nông dân đi vào rừng vì có một vị tu sĩ trẻ tên Angelo có thể làm phép lạ, đó là một hình thức tôn giáo mới, mà quần chúng muốn tin như thế. Cho nên khi Sô Viết bắt giữ Thánh Angelo, nông dân các làng đã nổi dậy phá nhà tù để giải thoát cho ông ta.

Người đàn bà dẫn con ngựa bảo:

- Phép lạ là người ta đã không thấy lính Nga trên đường đi. Đúng là phép lạ của Chúa. Không có lính gác ở nhà tù. Ở Molda, chúng ta không gặp lính hay cảnh sát. Chúa đã làm họ tránh xa để chúng ta giải thoát cho cha Angelo.

Đoàn xe dừng lại trước một cổng rừng. Boris không biết chuyện gì xảy ra nhưng chỉ nghe mọi người đang hát những bài ca tán tụng Đức Chúa.

- Ông quỳ xuống đi. Thánh Angelo đang cầu nguyện để cảm tạ Chúa đã cứu ngài khỏi nhà giam cộng sản.

Boris vâng lời, bước xuống xe và quỳ chung với hàng ngàn người nông dân trong khung cảnh bụi bặm của con đường rừng eo hẹp. Boris thầm nghĩ:

«Không thể nào một cuộc nổi dậy như thế mà Sô Viết không có biện pháp an ninh. Đúng là một cuộc cách mạng chứ còn gì nữa.»

Có người nói bên tai hẳn:

- Ông giữ viên gạch này đi, nếu ông làm mất, ông không bao giờ tìm thấy lại nữa. Người ta đã lấy đến tận nền nhà tù. Không còn lại gì hết. Giữ lấy viên gạch đó nghe. Mất đi uổng lắm đó.

Boris cầm viên gạch. Chưa bao giờ hẳn chứng kiến một cuộc nổi dậy của quần chúng như thế. Muôn người như một.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Iv & V:

on Kostaky và Pierre Pillat trốn từ Đức sang Lỗ ma ni bằng cách đi ban đêm trong rừng để khỏi bị Nga Sô bắt giữ. Cuối cùng họ cũng đến được cánh rừng trong làng Piatra, vào lúc trời sắp sáng. Kostaky muốn tiếp tục theo đường mòn xuống làng nhưng Pillat cản lại. Kostaky năn nỉ:

- Con không hiểu ba tí nào nếu con yêu cầu ba ở đây mà đừng về làng. Con tin là ba có thể đứng nơi đây nhìn làng mạc ở phía bên dưới sau khi đã vượt Thái Bình Dương để trở về Piatra sao? Con tin là ba chỉ cần nhìn làng mình ở đằng xa sao?

Nhưng ba ráng đợi đến tối đã, lúc này đi nguy hiểm lắm. Ba biết chứ, từ Heidelberg đến đây chúng ta chỉ có đi vào ban đêm thôi. Ba kiên nhẫn một chút, còn chừng hai giờ là trời sáng hẳn rồi.

Ion Kostaky nhìn sao trên trời, biết là ngày sắp đến rồi. Trời đang mùa xuân. Trong ánh sáng xanh dịu của ban đêm, xuyên qua từng hàng thông cao, người ta thấy trong thung lũng cảnh làng Piatra mà sương mờ bao phủ trắng và trong như tấm khăn choàng của cô dâu. Kostaky lại nói :

- Con nghĩ là ba có thể ở lại đây suốt ngày nhìn làng mạc đằng xa? Con muốn là ba chỉ nhìn nhà cửa và đồng ruộng thân yêu của mình ở xa xa thôi sao? Con tin là chỉ vì từng đó mà ba đã vượt qua bao nhiêu quốc gia, bao nhiêu rừng núi như một con chó hay một kẻ ăn trộm? Chỉ để nhìn ngôi nhà ở đằng xa?

Đất làng trải dài ở dưới chân họ, nhưng ở Piatra lúc nào cũng có người Nga, lính gác, quân cảnh cho nên họ đành đợi ban đêm mới dám mò xuống

làng, nhưng bây giờ đứng trên cao trông rõ phong cảnh trong làng, Kostaky không thể nào kiên nhẫn được, ông ta xiết chặt cây gậy trong tay. Pillat lại can:

- Không nên xuống làng lúc ban ngày. Con biết khó nén lòng mà đợi đến tối lắm, nhưng nếu chúng ta xuống bây giờ, chúng ta sẽ bị bắt ngay, ba biết thế không? Con hiểu cái ước ao gập lại làng mạc của ba lắm vì con cũng mong như thế. Đất đai nơi sinh trưởng, nhà cửa như là những người thân yêu mà sự dè dặt trở thành vô nghĩa và không cần thiết. Con hiểu như thế. Chúng ta có thể khôn ngoan không bước vào làng xa lạ vào ban ngày. Nhưng đằng này lại là làng mạc, nhà cửa của mình, khó lòng mà ở đây nhìn xa xa lắm. Nên nếu ba muốn con sẽ đi theo ba, nhưng con nói trước, như thế không thật trọng tí nào cả.

- Ba sẽ đi một mình. Ba để xách lại đây, ba chống gậy xuống đó một mình, chỉ để nhìn sơ qua nhà cửa, làng mạc và ba trở lại ngay khi trời sáng. Con đợi ở đây.

- Cả mấy tháng nay, cha con mình có bao giờ rời nhau nửa bước đâu. Cho nên con sẽ cùng đi với ba.

- Không, để ba đi một mình. Ba chỉ nhìn sơ thôi rồi trở lui. Đêm sau Ba con mình sẽ cùng đi. Con có lý, nên đi về ban đêm thì hơn. Bây giờ con chờ ba ở đây. Ba muốn xuống đồng ruộng một lát thôi để đạp chân lên đất nhà, nhìn khung cảnh quen thuộc thuở xa xưa, thở khí trời của vùng đất thân yêu. Ba muốn thế, con hiểu chứ. Ba không hy vọng được đi một ngày trên các con đường của làng mình. Chúa sẽ vĩ đại lắm nếu Ngài ban cho ba một niềm vui cuối cùng của đời ba là được dẫm chân lên những con đường nhỏ ở làng Piatra.

Lúc đi đường Kostaky mau mệt lắm và hay cần nghỉ chân. Nhưng lúc này như là ông ta vừa uống rượu xong, ông ta không muốn dừng lại nữa. Không muốn ngồi lại một giây lát nào nữa.

- Ba biết đường, nếu gặp lính tuần Ba sẽ không vào làng. Ba sẽ trở lui tìm con ở đây. Chừng một giờ thôi, Ba sẽ trở lui.

Ion Kostaky bỏ đi. «Ba sẽ mang theo một ít thức ăn. Biết đâu... Nhưng thôi Ba sẽ không nói chuyện với ai cả. Chào con nghe, Ba xuống nhìn một tí thôi.»

Ion Kostaky đi nhanh về phía làng, đi nhanh gần như chạy, tay cầm gậy, người thẳng như một cây thông. Bước đi lúc đó như là bước đi của một người còn trẻ. Đất đai xứ Lỗ ma ni đem lại sức sống tráng kiện cho ông ta. Pillat đứng nhìn theo.

Bóng Kostaky mất dần trên con đường mòn giữa hai hàng cây, thỉnh thoảng lại hiện ra, hấp tấp, trẻ trung, khát khao. Đó không còn là Kostaky ở Đức hay ở Gia Nã Đại, Hung Gia Lợi, không phải là một Kostaky bị người Mỹ liệt vào danh sách những người phế thải, cặn bã của xã hội. Đó là Kostaky chững chạc như một vị vua chúa trên đời. Bước chân chạm đất quen thuộc như một người chơi vĩ cầm đang sờ những dây đàn.

Kostaky mất dạng sau lùm cây. Đường làng Piatra ngăn lảm. Pillat nằm dài xuống bãi cỏ. Chàng tiếc là đã không cùng đi với Kostaky, mà cũng tại Kostaky nhất quyết đi một mình, lúc này thì chắc ông ta đã đến làng rồi.

Pillat vuốt ve bãi cỏ thấm ướt sương mai. Chàng bứt một nắm cỏ và úp mặt vào đó. Chàng mệt quá mà không chớp mắt được, chỉ nghĩ ngợi bằng cách ngửi mùi đất. Tai áp sát đất để nghe thử có ai bắn trong thung lũng hay không, bởi vì tụi cộng sản đi tuần luôn luôn trong làng và gác đường rất kỹ. Đâu đâu cũng có cảnh sát. Pillat lắng nghe xem bước chân của Ion Kostaky có vang trên đường làng Piatra hay không.

«Đáng lý mình phải đi theo, đáng lý không nên để cha đi một mình như thế.»

Kostaky tiến vào các con đường làng Piatra, chân dính đầy bụi. Ông ta muốn biết thử người ta có thay đổi gì chưa, nhưng đúng là vẫn các con đường và khu đất cũ, ông ta tiếp tục đi, sung sướng nhìn lại cảnh cũ như là ông ta không phải đi trên con đường bằng đôi chân mà bằng chính trái tim của ông ta. Ông muốn cởi giày đi chân không: nhưng không cần thiết lắm, ngay cả xuyên qua một lớp giày kiểu Đức có đóng đinh, ông ta vẫn cảm thấy dưới lòng bàn chân con đường đất quen thuộc của làng Piatra, thứ đất đai quen thuộc của ông ta ngày xưa. Kostaky tiến thêm, nhìn thấy ngôi nhà đầu làng. Cũng như xưa không có gì thay đổi, cũng cái sân cũ, dù chung quanh không có rào dậu. Cũng cái giếng ở giữa làng. Kostaky bỗng thấy khát nước dữ dội và muốn nếm lại thứ nước ngon ngọt của cái giếng này. Ông ta đưa tay mân mê thành giếng say sưa như lúc vuốt ve da thịt của một người đàn bà. Kostaky sức nhớ có một cây liễu cạnh giếng bây giờ không còn nữa. Ông ta nổi cáu: «Tại sao lại đốn cây liễu đi? Hay là tại nó đã chết khô?»

Ông ta tiếp tục đi, mặt rầu rầu và lẫn thẫn: «Nếu họ đốn cây này đi thì phải trồng cây khác chứ? Ở Piatra, giếng nào cũng có cây liễu bên cạnh cả».

Kostaky cầm chặt chiếc gậy trên tay, nhìn một lượt các ngôi nhà đang chìm trong bóng tối. Ông ngửi thấy mùi cỏ thơm. Trong một thoáng, ông định gõ cửa nhưng nghĩ lại ông thấy không nên để bị lộ diện, «Mình đã hứa với Pillat là chỉ nhìn thôi. Để đêm sau cùng đi và xem kỹ hơn vậy».

Bước chân ông đi càng lúc càng nhanh. Bỗng ông dừng lại, ông vừa thoáng thấy bức tường trắng nhà ông mà ông ao ước thấy lại bao lâu nay. Ông dáo dác nhìn quanh. Đằng sau nhà ông là một khoảng đất trống. Ngày xưa ở đó là nhà Pillat và Marie, căn nhà đã bị đốt cháy mất rồi. Kostaky thầm nghĩ: «Chúng ta sẽ xây lại căn nhà khác, nhưng ông ta sức nhớ là Marie không còn nữa».

Giữa hàng cây hạt dẻ, Kostaky phân biệt được bức tường trắng, mái nhà xám và các cửa sổ nhỏ của căn nhà ông hồi xưa, căn nhà ở đó như một

người thân yêu đang còn sống. Tim Kostaky đập mạnh, ông ta quên mất căn nhà cháy, quên người Nga đã ngụ trị ở đó, Kostaky tiến vào nhà thầm nghĩ: «Có lẽ Iléana còn ngủ». Rồi, ông ta nghĩ là Iléana chắc không còn ở nhà, bà có lẽ còn bị tù, hay chỉ có trời biết bà đang ở đâu. Chắc là người ta lấy mất nhà rồi còn gì.

Kostaky buồn rầu bước vào sân. Ngày xưa, bên cạnh nhà, ông ta có làm một căn nhà nhỏ để chứa đựng dụng cụ cày bừa, nay không còn thấy đâu nữa. Kostaky ức trong lòng: «Ai đã phá căn nhà kho của mình? Không ai có quyền thay đổi bất cứ điều gì trong nhà này». Bởi vì ông ta mới là chủ nhà. Ông ta nghĩ có lẽ là chính phủ đã trưng dụng nhà của ông ta và thay đổi tùy theo ý muốn của họ. Kostaky tức giận nghiêng rặng. Các bức tường cũng vừa được quét vôi trắng. Ngày xưa, ông ta cũng hay cùng vợ quét vôi nhà cửa mỗi mùa xuân trước lễ Phục sinh, vào một tuần trước đó để ăn mừng ngày đại lễ. Kostaky vừa đưa tay sờ bức tường vừa thầm nghĩ : «Có lẽ Iléana đang ở trong nhà, và chính bà đã quét vôi cũng nên. Ông ta đến gần cửa sổ. Chúa vẫn hay ban phép lạ, có thể Iléana còn ở nhà và chưa bị đuổi, có lẽ bà ta đang ngủ...».

Tay Kostaky vẫn tiếp tục vuốt ve bức tường như đang vuốt ve chính thân thể người thân, một con bò hay một con ngựa nuôi trong nhà. Đồng thời ông cố tìm cái chuồng trâu bò, nhưng cũng không còn nữa. Mình không còn con gia súc nào nữa cả nhĩ! Nghĩ thế mà Kostaky tự nhủ là bây giờ có giận dữ cũng vô ích, lúc nào về đây mình sẽ gầy dựng lại tất cả, lo gì.

Nhưng càng nghĩ đến con bò cái gốc Thụy sĩ, hai con ngựa tốt ngày xưa, ông lại giận «Họ phải trả lại cho mình, không ai có quyền cướp của mình những thứ gia súc chính tự tay mình nuôi lấy, bằng mồ hôi nước mắt của mình. Ích gì mà tức giận nhĩ? Tại sao đến bây giờ mình mới tức giận, từ trước đến giờ sao chưa hề nghĩ đến điều này? Mình cứ tưởng là họ đã lấy nhà cửa của mình rồi mà sao mình không hề đau khổ. Nhưng có thể họ không lấy nhà mình thì sao...?».

Kostaky nhón chân nhìn vào bên trong qua cửa kính. Tay vẫn mân mê vuốt ve bức tường và mắt ướt đẫm. Gần cửa sổ ngày xưa có một cây dẻ, bây giờ không còn nữa. Bên trong nhà tối om. Ông ta muốn gọi Iléana, nhưng ông ta biết là làm như vậy không khôn ngoan tí nào. Iléana có thể không còn ở đây nữa. «Tụi cộng sản trung dựng nhà cửa của tất cả kẻ vắng mặt.»

Ông ta men theo đường đi quanh nhà. Ba sào đất quanh nhà không ai trồng tía gì cả. Mà chỉ dùng những căn lều cao ngất ngẫu nhiên như nhà thờ. Chung quanh có kẽm gai bao bọc. Thôi đúng là phi trường rồi. Họ đã để hoang đất của mình. Đất của mình không thể dùng cho máy bay Nga hạ cánh được. Vì đó là một thứ đất đen tốt nhất Piatra. Bắp trồng lên đó mọc cao đến hai thước.»

Kostaky không nhìn phi trường nữa, quay mặt vào cửa sổ như không muốn rời xa nữa. Một mảnh vôi trên thành rơi xuống. Kostaky lại giận thầm: «Họ không thể săn sóc nhà cửa. Vôi nhà mình ngày xưa có bao giờ sứt mẻ như thế này đâu».

Ông ta nghiền mảnh vôi trong tay, rồi cố đưa tay mở cửa. Cũng là tay nắm đó, nhưng cánh cửa đã bị khóa, ông ta đành nhìn qua cửa sổ, vuốt ve những tấm cửa kính. «Nếu mình ở lại chừng nửa giờ, trời sáng mình có thể nhìn vào bên trong nhà được.» Nhưng nghĩ lại ông ta lại sợ trời sáng bị lính bắt gặp, nên đành thầm nhủ: «Thôi để ngày mai mình trở lại».

Nhìn khắp làng tất cả đều yên lặng, không một con chó, con mèo, gà vịt, không một bóng người. Kostaky trở lại ý nghĩ: «Có lẽ căn nhà đang trống, mình cố vào thử xem». Hơi cảm động vì ý nghĩ đó, ông ta mạnh dạn gõ cửa. Có tiếng đàn bà nói:

- Có ai ở ngoài cửa sổ.

Giọng nói xa lạ quá. Kostaky dựa sát vào tường. Rồi có tiếng người đàn ông trả lời. Có nhiều người lạ trong nhà quá, Kostaky cảm thấy đau lòng và

bắt buộc đứng trước cửa mà không vào trong được.

Người đàn ông hỏi:

- Ai đó?

Qua cửa sổ, Kostaky thấy người đàn bà trở dậy thắp đèn. Bàn ghế bên trong đều đổi khác hẳn. Người đàn bà đó cũng xa lạ đối với Kostaky, dù trông không rõ mặt. Người đàn ông nằm trên giường sắt trông cũng lạ quá; cả đến giường, cây đèn cũng không có một dáng dấp gì quen thuộc đối với Kostaky cả.

- Ai đó?

Hỏi xong người đàn ông đứng dậy cầm một cái rìu tiến đến cửa sổ. Người vợ nói: «Cẩn thận đấy!»

Người chồng cầm chặt rìu, nhìn qua cửa sổ. Trong một chốc Kostaky có ý nghĩ muốn đánh mấy người bên trong, đuổi họ ra khỏi nhà ông ta. Nhưng vô lý quá, nếu mình có đuổi họ ra, mình cũng không ở đó được vì lính gác sẽ bắt mình ngay, Kostaky đành nhịn nhục và tránh xa. Nhưng ông ta trở lại vì ánh đèn bên trong vẫn còn sáng. Ông ta lên tiếng:

- Xin ông nghe đây.

Người đàn ông cầm rìu có vẻ sẵn sàng đối phó. Kostaky trấn an ông ta:

- Xin ông đừng sợ. Không ai muốn giết ông hay đến cướp nhà ông đâu, tại sao ông lại sợ?

- Nhưng ông là ai?

- Tôi là Ion Kostaky, người đã có công tạo dựng căn nhà này. Tôi là chủ nhân căn nhà này, ông hiểu chưa, người sở hữu chủ tên Ion Kostaky.

Người vợ lên tiếng :

- Tôi không biết, căn nhà này là của chúng tôi.

- Ông bà ở đây thật đó, tôi biết thế, nhưng đây chính là nhà tôi xưa kia.
Tôi là Ion Kostaky.

- Ông điên à, người vợ hét to.

- Bà im đi chứ!

Người chồng ra lệnh xong hỏi Ión:

- Ông nói rằng ông là...

- Vâng, tôi là Ion Kostaky. Ông không bao giờ nghe nói đến tên tôi sao?

- Chưa bao giờ, ông muốn gì bây giờ?

- Nhưng ông ở đâu đến mà lại không biết tôi nhỉ? Tôi là chủ nhân căn nhà này cơ mà.

Người chồng nói với người vợ :

- Có lẽ là một nông dân ở đây trước tụi mình.

Người vợ nói :

- Nói với ông ta đi đi. Mình đừng có rước họa vào thân. Nếu ông ta là một nông dân thì đúng là ông ta đã trốn thoát từ trước. Ngày mai quân cảnh sẽ đến đây và nếu họ biết là có ông này ở đây, họ sẽ bắt hai vợ chồng mình ngay. Thôi mình nói với ông ta đi ngay đi.

Người đàn ông nghe lời vợ bảo:

- Ông muốn gì, nói đi, xong cút ngay.

- Ông có thể cho tôi biết vợ tôi hiện giờ ở đâu? Ông có biết Iléana Kostaky hiện giờ ở đâu không?

- Đó, em đã nói với mình đúng là một tên vượt ngục. Thôi mình tắt đèn đi và đi ngủ. Nếu ai thấy chúng ta nói chuyện với hắn, mình sẽ bị rắc rối lắm chứ chẳng chơi.

Người chồng nói với Kostaky :

- Ông đến sở quân cảnh mà hỏi. Tôi không biết ai tên Iléana Kostaky cả. Cả ông nữa, tôi có biết ông là ai đâu? Ông đi đi.

- Xin ông nghe tôi, tôi xin nói một lời thôi.

- Tôi không có gì để nghe ông nữa và cũng không biết gì để nói với ông. Ông đến hỏi quân cảnh đi, ông hiểu chưa? Tôi không biết gì về bà ấy cả, cũng như tôi không hề quen biết ông.

Người vợ dọa:

- Nếu ông không đi, tôi sẽ gọi lính cho xem. Tôi sẽ gọi lính bây giờ đây.

- Thưa hai ông bà, nào tôi có làm thiệt hại gì hai ông bà đâu?

- Thế thì ông từ đâu đến?

- Từ thế giới bên kia, từ bên kia đại dương và núi rừng. Nhưng ở đây chính là nhà của tôi.

Người đàn bà lại hét:

- Đây là nhà chúng tôi. Nếu ông muốn gì, hãy đến ban ngày chứ không thể đến trong đêm tối như thế này. Tại sao ông lại đến đây vào ban đêm?

- Ông bà không biết gì về vợ tôi sao? Tôi chỉ muốn biết tin bà ấy thôi?

- Không, tôi không biết ai là Iléana Kostaky cả. Chưa bao giờ tôi nghe nói đến cái tên đó. Tôi không phải là người làng Piatra.

- Thế ông bà không nghe nói bà ta còn sống à?

- Không có ai tên Iléana Kostaky ở đây cả.

Người đàn bà tắt đèn. Bóng tối bao trùm căn phòng. Ion Kostaky lại vuốt ve bờ cửa sổ. Vôi trên tường lại nứt ra rơi xuống, Kostaky thấy thế mà đau lòng. Ông ta cầm lấy một nắm vôi trong tay trái, trong lúc tay mặt ông ta vẫn vuốt ve cửa sổ.

Trong nhà người vợ vẫn còn cãi vã với người chồng. Người đàn ông nói:

- Đúng là Ion Kostaky, người đã bị kết án khổ sai và trước đây ông ta ở căn nhà này.

- Nhưng nhà này là nhà của chúng mình. Em không nghe nói đến ai là chủ cũ cả, mà em cũng không muốn nghe thêm nữa.

- Nhưng tại sao em bảo là em chưa bao giờ nghe nói đến tên Kostaky. Em thường nghe là Ion Kostaky đã ở đây từ trước và đã bị bắt chứ!

- Nông dân bị loại trừ hết rồi. Nhà cửa bị sung công và chính phủ đã cấp cho vợ chồng mình căn nhà này rồi.

- Nhưng trước khi bị sung công, căn nhà này là của Ion Kostaky.

Người vợ hần học:

- Điều đó không liên quan gì đến vợ chồng mình cả.

- Nhưng ít ra mình cũng nên nói là vợ ông ta đã chết. Ông Kostaky khổ đó sẽ bỏ đi ngay. Em là một người đàn bà, tại sao em sắt đá như thế. Tất cả điều ông ta hỏi chỉ vồn vện có một câu là vợ ông ta còn sống hay

không. Ông ta không còn ai thân yêu trên đời nữa. Nếu chúng mình nói thật, ông ta sẽ bỏ đi ngay. Người đàn ông đó có đòi hỏi điều gì khác hơn đâu. Ông ta có thể từ Sibérie trở về đây. Có thể là ông ta đã đi hàng ngàn cây số để về đây xem thử vợ ông ta còn sống hay chết. Tại sao lòng dạ em lại như sắt như đá? Anh sẽ đi kiểm ông ta và bảo rằng vợ ông ta đã chết trong tù. Anh sẽ nói với ông ta bất cứ điều gì anh biết. Anh đem cho ông ta thức ăn nữa là đằng khác... Một ngày nào đó, sự khỗ sở đó cũng có thể xảy đến cho mình. Giả tí anh ở vào trường hợp ông ấy và anh lo ngại cho em thì em nghĩ sao?

- Nhưng nếu anh đi, anh sẽ bị bắt chung với ông ta.

Người đàn ông vẫn mặc áo:

- Anh sẽ ra kiểm ông ấy. Tại sao lại không nói thật cho một người chỉ muốn biết là vợ còn sống hay đã chết.

Người vợ hét:

- Anh đừng đi.

Kostaky nghe tiếng người đàn bà giựt chiếc áo ông chồng đang cầm.

Kostaky đành bỏ đi. Mồ hôi chảy nhễ nhại trên trán. Tai ông ta vẫn còn nghe tiếng người vợ cãi vã với chồng trong nhà. Người vợ nói:

- Em sẽ tố cáo anh với quân cảnh nếu anh đi bây giờ.

Kostaky để ý thấy hai cây táo trồng trước nhà đã bị đốn mất. Ông ta buồn rầu không hiểu sao người cộng sản lại hay đốn cây như thế.

Người đàn bà vẫn to tiếng:

- Nếu anh đi em sẽ tố cáo anh.

Kostaky bỏ đi xa. Ông ta bắt đầu khóc. Cố quay đầu lại nhìn một lần nữa. Nhà ông còn nằm yên trong bóng tối. Kostaky thầm nói: Lạy Chúa, rước linh hồn Iléana về nước Thiên đàng, ông ta cất mũ làm dấu. «Lạy Chúa tha tội cho bà.» Kostaky đội mũ lại và đi về phía rừng. Làng mạc hoang vắng. Đường sá vắng bóng người. Không có Iléana, trái đất đối với ông chỉ là một bãi sa mạc hoang vắng.

* * *

Kostaky thấy ba bóng người đuổi theo ông trên đường làng. Ông ta muốn vào trong một khu vườn, nhưng lính gác đã trông thấy và cố đến gần ông ta. Kostaky bỏ đi thật nhanh. Ông ta cảm thấy mùi đất thấm vào thân thể và hai buồng phổi. Đằng sau, lính gác đã nổ súng. Đã có lệnh báo động trên sân bay. Lính gác tràn đầy đường. Các lối ra khỏi làng bị gác hết. Kostaky chửi:

- Đồ lũ chó cộng sản.

Ông ta không trốn về nơi Pillat đang chờ, vì lính gác từ đó đến, ông ta đành bò về phía ngược lại. Đó là con đường dẫn đến nghĩa địa, ông ta núp vào trong các bụi rậm và nghĩ đến Iléana mà không hề nghĩ đến lũ lính gác đang đuổi bắt mình và làm náo động cả làng.

«Lạy Chúa đem Iléana về đất thánh. Bà đã đau khổ nhiều lắm rồi. Càng khổ nhiều hơn nữa nếu bà bị chết trong tù.

Iléana khốn khổ ơi!»

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu
www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Chỉ Còn Một Thế Giới - I & II:

hiều tháng trôi qua từ ngày Ion Kostaky bỏ đi, bỏ đi để có thể thăm lại đất nhà, làng mạc và tìm lại tin tức người vợ thân yêu; nhưng bỏ đi để không trở về được nữa. Pillat đợi ngày một, ngày hai, tháng này qua tháng nọ mà vẫn chẳng thấy tăm hơi. Thế mà đã gần một năm trời từ ngày Pierre Pillat bị bắt buộc phải trốn vào rừng. Quân đội và cảnh sát càng ngày càng lùng soát gặt gao những người bỏ trốn vào rừng. Mà rừng núi thì đầy ắp cả người bỏ trốn; con người từ ngàn năm đã cùng những súc vật, cây đất tạo dựng, mang trên hai vai, trên hai tay, sỏi đá và tất cả thứ cần thiết để kiến thiết làng mạc phố phường, bây giờ bị bắt buộc phải từ bỏ hết mà đi; từ bỏ ruộng vườn, đường sá, cây cối đã mất bao năm gầy dựng, để trốn vào rừng sống như súc vật không nơi nương tựa, sống trong lùm cây hốc đá.

Như là cuộc di cư trong lời sấm Jérémie : «Hãy rời xa thành phố đến sống trong các hốc đá, như chim bồ câu làm tổ trên hố sâu vực thẳm». Pillat nhớ đến lần di cư của Ante Petrovici, cuộc trốn tránh của Daniel Motok; chàng nhớ đến Eddy Thall, đến Varlaam, Marie; chàng quay đầu nhìn lại, ngỡ rằng nước mắt chảy vì ánh nắng mặt trời, nhưng nào có phải tại mặt trời chút nào đâu.

* * *

Một tiếng súng vang trong thung lũng. Máy bay gầm trên trời. Pillat nép người dưới bóng cây; và nghĩ đến Ion Kostaky trốn vào rừng với cây gậy cụt ngùn, cây gậy có vẻ huyền thoại như của Tannhauser hay của Aaron trong kinh Cựu Ước.

Cầm dao găm, Pillat bắt đầu khắc lên thân cây tên Marie vợ chàng rồi lần lượt đến tên chàng, tên Ion Kostaky, Ante Petrovici, Eddy Thall, Daniel Motok, Varlaam, Isaac Salomon, Milan Paternik... nghĩa là tên tất cả những người chàng đã gặp trong cuộc di cư khổng lồ này; khắc tên như thế chỉ vì chàng đang quá cô đơn và chàng muốn có bất cứ ai bên cạnh; vâng, chàng đang cô đơn trong khu rừng này; cô đơn trong vũ trụ, cô đơn trong trời đất.

Mà con người thì không thể nào sống cô đơn. Rồi vừa nhìn cả lô tên khắc trên thân cây, Pillat vừa thầm gọi:

«Lạy Chúa, tim Ngài sẽ nát tan vì đau đớn khi loài người đến trước Ngài để được phán xét. Con tin là Ngài sẽ không phán xét người mà chỉ rủ lòng thương hại; vâng, chỉ rủ lòng thương hại đối với con người khốn khổ của thời đại này. Ngay cả lý trí nơi con người được phát triển nhiều nhất cũng không thể thấu hiểu những gì ngoài tầm tay, ngoài tầm mắt, hay ngoài điều tai con người có thể nghe thấy được. Lý trí của loài người thật là hèn mọn.»

Có giọng nói đàn bà bên tai:

- Ông là tu sĩ.

Đó là giọng một cô gái chừng 17 tuổi, đầu tóc bím quê mùa, nét nhìn e lệ. Pillat hỏi:

- Sao cô hỏi thế? Tại đầu tôi giống tu sĩ lắm sao?

- Không, tôi tưởng thế vì ông đang viết gì trên thân cây và lại không mang súng. Ai biết viết đều không phải là kẻ cướp. Khu rừng này đầy cả kẻ cướp, nhưng họ không biết viết. Mà chỉ có tu sĩ mới không mang vũ khí.

Pillat bỏ dao vào túi. Thiếu nữ sau một hồi yên lặng, nói tiếp:

- Tôi không biết đọc, nhưng tôi thích ai viết chữ được. Tôi tên là Magdalena.

Pillat đứng dậy chìa tay bắt. Nàng lại hỏi:

- Tại sao ông không mặc áo nhà dòng. Ông sợ hả? Tu sĩ trong rừng này ai cũng sợ mặc áo dòng cả.

Magdalena bỗng im tiếng, nàng thấy mình nói nhiều quá và bỗng sợ những gì mình vừa nói. Pillat hỏi:

- Cô ở đâu đến?

- Chúng tôi sống ở đây từ ngày Sô Viết xâm nhập. Người ta lừa chúng tôi từ bờ Hắc Hải; rồi cho nhà cửa đất đai ở nông trường, trong thung lũng, nhưng cha tôi đã đem súc vật đi trốn vào rừng. Chúng tôi đến sống trong khu rừng này còn sướng hơn ở nông trường tập thể.

- Thế cô có biết làng Piatra không?

Chàng muốn trở về đó để dọn tông tích Ion Kostaky; chàng đã xuống đó bao nhiêu lần nhưng không biết gì hơn về số phận của ông nhạc cả. Người thiếu nữ trả lời không biết, rồi hái một cánh hoa màu đỏ đưa lên môi, rồi vừa cắn cánh hoa bằng những chiếc răng trắng của nàng, vừa hỏi:

- Tại sao ông ở đây mà không lên trên hốc đá? Trên đó có nhiều tu sĩ lắm. Và đứng trên đó mới thấy quân đội và cảnh sát đến được chứ. Nếu là ban đêm ba tôi sẽ đốt lửa trên mỏm đá báo động, ban ngày ba tôi thổi tù và, nghe thấy thế là các vị tu sĩ đi ẩn núp ngay. Ông có biết là trên đó dễ kiếm ăn lắm? Ba và dân làng bỏ trốn đều có mang theo bầy ong và súc vật vào rừng để sinh sống. Các vị tu sĩ cũng làm lụng để kiếm ăn, các vị đó lúc trốn đi không đem theo gì cả nhưng được cái là họ rất lương thiện. Tôi không thể nói chuyện gì với họ được vì không biết lấy một tiếng Lỗ nào. Nhưng tại sao ông lại biết tiếng Lỗ nhỉ, ông không phải là tu sĩ ngoại quốc sao?

Pillat trả lời :

- Tôi ở làng Piatra, cô không quen ai ở làng Piatra thật sao?

Nàng vẫn tiếp tục căn cánh hoa hồng :

- Đây là lần tấn công lớn nhất và kéo dài vài ngày nay rồi. Quân cảnh bắn vào chúng tôi, máy bay thì dội bom trên rừng.

Tiếng nổ trên thung lũng vang lên đình tai nhức óc. Trong rừng tiếng gì cũng nghe như là đang nổ bên cạnh, nhưng thật ra còn xa lắm.

Magdalena hỏi tiếp:

- Ông mặc áo dòng loại nào đó? Có vài tu sĩ mặc áo dòng màu trắng thật đẹp, tôi thích các vị đó nhất. Các vị khác lại mang dây lưng bằng thừng và kết bạn với chim chóc. Họ tốt đến độ chim đến bên họ mà cũng không sợ. Các vị khác lại mặc áo dòng thật chặt như là loại áo các sĩ quan, mặt lúc nào cũng nghiêm nghị, họ không bao giờ ăn thịt và sống cộng đồng với nhau, họ không hề nói chuyện với dân làng và cây cối riêng rẽ.

Magdalena không biết họ thuộc dòng Tên. Pillat hỏi nàng:

- Cô có chắc mấy người đó là tu sĩ không chứ?

- Họ đều là tu sĩ cả, bởi vì họ biết đọc, biết viết, thường hay cầu nguyện và không mang vũ khí. Đúng là tu sĩ chứ còn ai vào đó nữa.

Súng nổ càng ngày càng nhiều, máy bay tiếp tục dội bom.

Magdalena vẫn nói:

- Nếu ông lên trên đó, ông sẽ có sữa uống. Tôi sẽ nói với ba tôi. Ông mặc áo dòng loại nào thế? Và tại sao ông lại có râu, mấy ông kia không để râu.

Nói xong nàng bỏ đi không cần chờ trả lời. Pillat gọi theo nhưng nàng đã đi xuống đồi thật nhanh.

Pillat đã nhìn thấy những toán lính tràn lên thung lũng sắp theo đội hình tấn công và chàng không thấy Magdalena đâu nữa.

Vài ngày sau, lính tràn cả khu rừng. Pillat phải lang thang như một con chó đói. Chàng muốn gặp lại Magdalena, muốn lên nơi các vị tu sĩ ở, nhưng quân đội đã chiếm cứ dãy núi mất rồi.

Pillat trông thấy một xác chết, thấy có thuốc lá, tiền Nga và hộp quẹt. Trong bì rết còn cả đồ hộp và nhiều gói thuốc lá khác. Pillat lấy bì rết và cởi áo quần nạn nhân. Đó là một anh chàng dân quân tự vệ. Không phải dân sự mà cũng không phải là lính nhà nghề. Anh ta mang theo súng tự động và một hộp đạn. Pillat dùng lưỡi lê của cây súng đào một hố nhỏ chôn xác chết rồi đắp một nấm mồ nhỏ. Cắt một nhánh cây làm chữ thập trên mộ, chàng cầu nguyện nho nhỏ:

«Lạy Cha chúng tôi...»

Bỗng có giọng nói:

- Tôi đã nói ông là tu sĩ, đúng quá mà.

Thì ra Magdalena đã đến sau lưng chàng, nàng nói:

- Rõ ràng tôi thấy ông là tu sĩ, chỉ có tu sĩ mới chôn người chết.

Magdalena suy nghĩ một chốc, không hiểu có nên nói tiếp hay không, sau cùng nàng quyết định nói:

- Hôm qua, lính lên trên đó bắt tu sĩ. Ba tôi trốn được, nhưng nhiều vị tu sĩ đã bị bắt.

- Sao lại có nhiều tu sĩ thế? Quanh đây có tu viện nào không? Họ ở đâu đến đây?

- Họ là tu sĩ ở Vatican, ông đã đến Vatican lần nào chưa?

Từ trên đỉnh núi, có tiếng tù và vọng xuống, Magdalena nói :

- Ba tôi báo động đó.

Và nàng mất dạng trong rừng cây.

Pillat lại cô đơn. Chàng lắng nghe đạn trung liên réo liên hồi cùng với nhiều tiếng nổ. Chàng châm một điếu thuốc vừa lấy được trong túi xác chết. Trên đầu chàng trực thăng bay lượn; lần đầu chàng trông thấy cảnh này, chưa bao giờ rừng núi lại có nhiều âm vang như thế. Pillat sợ hãi, sợ hãi hơn bao giờ hết. Cái chết đã gần kề.

II

Boris theo đám đông đã phá tù để vào rừng. Phá sập tường để cứu cha Angelo, nông dân cứu thoát luôn cả Boris. Họ còn cho hắn ẩn náu ở các chỗ núp trong khu rừng. Boris đang đau nhưng mỗi ngày hắn vẫn muốn trở về với một cuộc sống hợp pháp. Đối với hắn, tất cả những ai vào rừng đều là kẻ thù của Sô Viết, đều là tội phản động, kẻ thù của nhân dân? Hắn thầm nghĩ: «Địa vị của mình không phải trong đám dân đen này. Hắn đợi cho sức lực bình phục hắn để tìm cách xuống thung lũng. Ở gần hắn ít nói chuyện với dân làng, dù họ đã tìm cách cứu hắn khỏi cảnh tù đày. Bệnh hoạn đã bắt buộc hắn phải sống nhiều tuần trong rừng. Trong cảnh cô đơn, Boris suy nghĩ về cuộc nổi dậy của đám nông dân đó. Đó là một cuộc nổi dậy thực sự, một cuộc nổi dậy mà hắn chưa bao giờ thành công ở Lỗ ma ni lúc hắn được phái đến để tổ chức một cuộc phá hoại và một đội quân bí mật.

Đó là một cuộc vùng dậy của dân chúng, những kẻ đã phá từng viên gạch của nhà tù ở Molda, điều hắn thích làm mà chưa bao giờ thành công.

Hắn chỉ thành công trong các cuộc phá hoại không đáng kể. Số người hắn gặp thường bất động trong tay hắn và trong tay các đồng chí hắn. Hắn chống lại lũ dân làng đã cứu thoát hắn chỉ vì cuộc nổi loạn của họ nhằm phản đối Sô Viết. Hắn hiểu rõ sức mạnh của kẻ thù Sô Viết, nhưng hắn không hiểu sức mạnh đó do đâu mà có.

Trí óc hắn đã tạo ra thần tượng Tinka Neva, nhưng sự tạo dựng đó cũng như những lâu đài bằng giấy, đẹp thật đấy nhưng toàn là tiền chế cả. Nông dân thì đúng là cả một lực lượng rồi đó. Hắn đã trông thấy họ nhắc từng viên gạch để phá bỏ nhà tù. Hắn hiểu rõ bây giờ kẻ thù của hắn là ai rồi. Lực lượng đã phá bỏ nhà tù ở Molda thật là bất tận. Hắn muốn dùng lực lượng đó để phục vụ cho Sô Viết. Nhưng lực lượng phản động đó do đâu mà có được?

Boris nghĩ về tất cả những gì có thể làm thành lực lượng, một đảng phái, một tổ chức, nghĩ đến một tổ chức hành chính hoàn hảo, một cơ quan cảnh sát đảng hoàng, nghĩ đến sự trung thành của các đảng viên, đến những tòa án, những biện pháp trừng trị kẻ lừng khừng. Sô Viết có tất cả những đặc tính đó, hơn nữa Sô Viết lại có đủ cán bộ, cả cán bộ siêu việt nữa. Hắn muốn ở lại với các cán bộ cộng sản ở trên hắn cả thân phận làm người, trên hắn loại cán bộ Thiên Chúa giáo cao cấp, vì người cộng sản có thể chế ngự được cái chết. Chỉ có một kẻ trong Thiên Chúa giáo có thể chế ngự được cái chết, kẻ đó là Chúa Jêsus. Nhưng trong chế độ cộng sản, có cả hàng trăm triệu người không còn ý thức về mạng sống riêng rẽ của mình nữa mà có thể chết cho đảng không cần do dự, như chính hắn, như Rajk, như những kẻ muốn sẵn sàng hy sinh thân mạng cho ích lợi chung? Trái với người Thiên Chúa giáo, người Sô Viết hy sinh mà không cần đền bù.

Thế thì tại sao với cán bộ như thế mà Boris không thể xúi dục dân làng ở Lỗ ma ni nổi loạn như trong cuộc phá vỡ nhà tù ở Molda? Với sự trợ giúp nào, với lực lượng nào mà lũ dân đói khát đó, không súng ống, không tổ chức, không có một tí gì cả mà vẫn vùng dậy được?

Boris bỗng giật mình. Đâu đây trong rừng có tiếng tiêu réo rắc một khúc nhạc lưu đày Doina. Doina là một khúc nhạc như một kiếp người, buồn tẻ. Boris cài lại khuy áo. Hắn không còn mang áo choàng bằng da nữa. Lần đầu tiên trong cuộc đời cộng sản của hắn, hắn không mặc áo choàng da, quàng khăn đỏ, đi ủng đen. Bây giờ hắn đi chân trần. Hắn phải ấn núp để người thổi tiêu không trông thấy hắn. Hắn nhìn những viên gạch vỡ mà dân làng đã mang từ nhà tù Molda đến chất quanh lều này. Một mối thù khủng khiếp dâng lên trong lòng hắn đối với lũ nông dân phản động. Hắn muốn phá bỏ căn lều này. Hắn nghe một cuộc đối thoại đằng xa. Tiếng người đàn bà:

- Tôi chưa bao giờ thấy người thổi sáo, nhưng biết ông ta là đảng trưởng đảng cướp.

Thiếu nữ có vẻ sợ hãi. Magdalena kể cho Pillat nghe những gì nàng biết về đảng cướp ở cạnh đây. Boris lắng nghe câu chuyện. Giọng Magdalena:

- Đừng có lại gần. Đó là một tên sát nhân chưa bao giờ có. Hắn khủng bố tất cả vùng này và lại điên nữa. Hắn vừa sát nhân vừa điên, ông hiểu chưa?

Pillat nghe tiếng nói của Magdalena hòa lẫn với điệu buồn của khúc hát Doina. Chàng biết lời của khúc nhạc đó. Con chàng cũng mang tên Doina. Tâm hồn chàng cũng chẳng khác gì một khúc nhạc lưu đày Doina. Marie cũng có thể được gọi tên là Doina. Đó là bài hát của người đứng nhìn trời cao mà nghĩ về cái chết, về tình yêu, về Chúa và về cuộc đời. Đó là chủ đề của Doina: con người nghĩ về những điều thiết yếu. Và tướng cướp làm cho Magdalena sợ hãi lại đang thổi khúc nhạc Doina. Magdalena nói :

- Chờ cho hắn đi đã, tôi sợ lắm. Nếu hắn thấy chúng ta, hắn sẽ giết chúng ta mất thôi.

Pillat vẫn trầm nghĩ tiếp: «Ion Kostaky cũng có một cuộc đời, một tâm hồn, một đôi mắt nhìn buồn như Doina. Tâm hồn Kostaky mở rộng để đón nhận tất cả những sự kiện lớn lao của nhân loại: sự vĩnh cửu, cái chết, tình yêu, trời đất và tất cả những gì chung quanh đời sống».

Magdalena lập lại:

- Nếu chúng ta đến gần, hắn sẽ giết chúng ta ngay. Nhiều đội quân cảnh vẫn truy tìm hắn trong rừng. Người ta gọi hắn là «Thằng Nông Dân». Không bao giờ người ta thấy hắn cầm vũ khí mà chỉ dấu súng ống ở các gốc cây vì thế hắn còn có tên là «tướng cướp tay không». Tuy vậy hắn dấu vũ khí ở khắp nơi, ông hiểu không, dưới mọi gốc cây đều có vũ khí hắn cất đấy.

Pillat hỏi:

- Thế nhưng có bao giờ cô thấy hắn chưa?

- Có một lần tôi trông thấy hắn lúc tôi đi lấy nước uống. Nhưng tôi không dám nhìn, tôi run lên rồi bỏ trốn, hay nói cho đúng tôi nhìn trộm hắn một chút thôi và thấy hắn đang nằm dài trên bãi cỏ để thổi tiêu và ngắm trời xanh. Quân cảnh thường nghe tiếng tiêu để kiếm hắn, nhưng hắn thính lắm, có thể nghe tiếng chân người cách xa hàng cây số và bỏ trốn ngay.

Cứ thế Magdalena thao thao kể về giai thoại của tướng cướp tay không cùng những kinh hoàng hắn gieo rắc khắp vùng. Pillat chặn hỏi:

- Hắn có nhiều đồng minh không nhỉ?

Magdalena chỉ nhún vai không trả lời.

Boris vẫn lắng nghe. Hắn muốn biết đồng minh của tướng cướp tay không đó là ai. Hắn đoán chắc là những kẻ nổi loạn đã phá ngục ở Molda,

vì không còn ai khác hơn nữa; lúc nào trở về hẳn sẽ khai báo cho Sô Viết hay lũ đó. Tiếng Pillat hỏi:

- Cô có bao giờ trông thấy đồng bọn của hẳn chưa?

- Chưa bao giờ, nếu tôi thấy, chắc tôi sợ đến chết mất.

Boris lắng nghe, bây giờ chỉ có khúc nhạc Doina vang lên giữa cảnh yên tĩnh của núi rừng, khúc nhạc như reo lên tình yêu vĩnh cửu và nỗi lòng quạnh hiu của con người trên trái đất, khúc nhạc muôn thuở của tướng cướp tay không. Magdalena lại lên tiếng:

- Chưa ai thấy đồng minh của tướng cướp đó, nhưng ở đâu cũng có họ cả.

Boris tưởng tượng trong khu rừng, trong các ấp ở thung lũng, đâu đâu cũng có đồng minh của tướng cướp, mà dù thế, vẫn không ai biết họ ở đâu. Họ đã xúi dục dân làng, đã phá ngục, trả tự do lại cho Đức Cha và cho những kẻ khác. Boris thích có loại đồng minh như thế để tổ chức các cuộc phá hoại, loại đồng minh ở đâu cũng có cả mà cảnh sát không thể dùng trực thăng xe tăng để bắt họ được. Thứ cộng sự viên mà không ai thấy đó, Boris không thể bắt giao cho cảnh sát để thủ tiêu, không thể giam trong xà lim, không thể chụp hình hay lấy dấu tay, không thể hành hạ. Đúng là một loại cộng sự viên đặc lực nhất cho một cuộc đấu tranh bí mật, cho những giai đoạn khó khăn.

«Đó là một loại đồng minh Sô Viết cần có ở Tây phương để có thể chinh phục thế giới. Có như thế mới có thể thay đổi khí hậu, thiết lập một chính quyền cộng sản khắp nơi, kiến tạo một nền hòa bình theo kiểu cộng sản đồng nhất. Với loại đồng minh như thế, ta có thể nâng cao đời sống con người và giải phóng con người khỏi những thành kiến.» Boris thầm nghĩ như thế, nhưng không bao giờ hẳn có được những cộng sự viên như vậy cả. Hẳn chỉ thấy và gặp toàn là lũ phản bội mà hẳn phải mất công dò xét ngày

đêm. Boris không tin là có loại đồng minh như thế trên quả đất này, và nếu chỉ có một thôi, hẳn cũng hoàn thành được những kỳ công trên đời.

«Tụi đó phải mang tên mật, phải đặt tên là gì nhỉ?» Boris suy nghĩ mãi và không tìm ra nổi một cái tên để đặt cho thứ đồng minh đó đang sống ở trong rừng, ngoài vòng pháp luật, dù tên đó ở trên cửa miệng người đời. Bởi vì Boris sẽ không ngờ tên đó là Trời, cái tên gần như xa lạ với một kẻ biết quá nhiều điều như hẳn, đó là một đồng minh hoàn hảo, nhưng xa lạ với Boris, hoàn toàn xa lạ với người Sô Viết, cái tên chống Sô Viết hữu hiệu đó lại không có trong danh sách mật vụ Nga Sô.

Không có người chỉ huy như thế, không thể nào phá nhà tù trong vài giờ. Chỉ có ông ta mới có tài làm thế. Không có những cộng sự viên như thế, người ta chỉ thực hiện được vài cuộc phá hoại nho nhỏ, kiểu huyền thoại Tinka Neva là cùng. Thế mà Boris vẫn thầm nghĩ: «Tai hại là mình chưa biết đến cộng sự viên đó. Với hẳn, mình đã có thể thay đổi hoàn toàn khí hậu của Nga Sô, thay đổi tất cả các giòng nước trên đất. Với tất cả kẻ khác thì mình chỉ có cảm tưởng là đang làm việc trong hư vô mà thôi».

Buồn bã, Boris bước xuống thung lũng. Lại một cuộc tấn công khác đang bắt đầu. Trực thăng, lính nhảy dù, xe tăng, liên thanh đang được huy động để đổ bộ lên khu rừng. Nhưng Boris không còn sợ súng đạn nữa, không còn sợ chết nữa. Với hẳn người ta chỉ chết khi người ta tưởng là phản đảng có lý. Boris đang sống và biết rõ cần phải làm gì, lúc nào hẳn cũng trung thành với đảng. Dù đảng cũng rất có thể đang dùng hẳn như một kẻ phục vụ vô danh. Boris nhớ lại một tướng Tây Ban Nha mà tên tuổi được đăng trên khắp báo chí, ngay cả trên các hộp quẹt Sô Viết. Trên đỉnh danh vọng, đảng đã quyết định rút tên đó lui để mình đừng làm phương hại đến chính tên tuổi mình hay đừng phạm vào những lỗi lầm lúc ông mang tên tuổi lừng danh đó... Người ta đã đặt cho ông ta một tên khác. Với Boris rất có thể đảng cũng sẽ hành động như thế. Trong một nước xã hội chủ nghĩa nếu biết tôn trọng khoa học thì thật là một điều dĩ nhiên khi không để tên

giá trị cho một kẻ hèn mạt. Có thể là Boris không còn giá trị nào nữa chẳng? «Nhưng cần gì, Boris thầm nghĩ, bốn phận mình là trình diện với Sô Viết và nói với họ rằng mình chấp nhận mọi sứ mệnh họ giao phó và tin cậy. Nếu họ muốn đưa mình đến nông trường, mình sẽ làm tròn bốn phận tại nông trường đó. Mình là cộng sản, thế là đủ, mình phải làm việc đến tận cùng của một đời người, và phải chết hoàn toàn theo cách của một đảng viên cộng sản.»

Thế là hấn bước về phía làng mạc trong lúc lính đổ bộ lên rừng. Boris muốn bước đến gần đội quân đầu tiên hấn gặp trên đường. Khu rừng đã bị phong tỏa kỹ càng, một con chim nhỏ cũng không thể thoát ra được, Boris nhìn mà bỗng sung sướng: «Muốn có một tổ chức quân đội hoàn hảo như thế, dù phải hy sinh hàng triệu người cũng được; mình kiêu hãnh về việc này của Sô Viết. Chưa bao giờ mình thấy một đội quân nào hoàn hảo như đội quân đang bủa vây để quét sạch khu rừng này».

Boris say sưa ngấm và khâm phục đội quân đang hùng hổ tiến lên mà quên cả đôi chân không giày đau đến rướm máu. Sung sướng hơn bao giờ hết, hấn bèn hát lại bản «Khúc nhạc rừng» mà hấn đã hát lúc làm việc để thay đổi khí hậu Nga Sô dạo nào. Cứ thế hấn bước dần đến phân đội cảnh sát đang tiến lên, sung sướng ngỡ rằng đó là quân đội Sô Viết.

Hấn cũng hiểu rằng cá nhân hấn chẳng còn gì nữa cả, nhưng đối với Sô Viết, cuộc đời mới chỉ vừa hé mở. Sô Viết sẽ hùng cường, dần dần hùng cường thêm lên nhờ những đóng góp, hy sinh của từng cá nhân trong đó có cả hấn nữa. Boris hát ngày càng to, hát khúc nhạc «Canh tác sa mạc và thay đổi khí hậu». Nhìn xe tăng và trực thăng, hấn biết mình đã dính liền dù chỉ là vô danh, dù không có một ấn thưởng nào với cuộc cách mạng vĩ đại Sô Viết. Và đó là điều chính yếu đối với hấn: Được dính liền với biến cố lịch sử duy nhất do Sô Viết lãnh đạo. Nghĩ như thế, hấn bước nhanh ra khỏi rừng.

* * *

Một người lính mắt chếch da vàng thò đầu ra khỏi xe tăng nhìn Boris, để yên cho hẳn lại gần. Boris thì chân trần, áo rách tương, trong lúc người lính mang nón sắt, áo da. Áo giáp sắt làm hẳn to hết như một tượng sắt. Đúng là phong độ một người lính, hàm luôn luôn siết chặt nghiêm nghị. Đúng là một quân đội hùng mạnh với những chiếc xe tăng cao ngất ngểu, cao hơn cả nóc nhà thờ trong làng. Boris sung sướng với ý tưởng đó là quân đội Sô Viết, sung sướng thấy mình đang ra khỏi khu rừng để hòa mình vào guồng máy vĩ đại của lực lượng đang mang sứ mệnh chinh phục thế giới, và sự hòa mình đó là công việc quan trọng nhất trong đời Boris.

Nhìn bộ mặt da vàng của người lính trên xe tăng, Boris nghĩ rằng người da vàng như Nhật Bản, Trung Hoa cũng góp phần vào lực lượng Sô Viết chứ không phải chỉ có người da trắng mà thôi, bởi đằng sau gốc xe tăng còn có cả người lính da đen nữa, thế có nghĩa là người da đen cũng được sung vào lực lượng Sô Viết như người Bắc Âu. Boris có cảm tưởng là tất cả giống người đều chiến đấu trong tình huynh đệ dưới ngọn cờ Sô Viết. Ở trên cùng một chiến xa, dưới cùng một ngọn cờ, đều có cả lính da vàng, da trắng lẫn da đen. Thế là Boris dong tay lên cao và đi về phía các họng súng trên chiến xa, đi về phía các người lính đủ màu da như là đi về với các đồng chí.

Bỗng có lệnh : «Đứng lại» do một người lính da trắng hô to, bằng tiếng Đức. Hẳn dừng lại và nghĩ rằng hàng triệu lính đủ màu da đủ ngôn ngữ đang chiến đấu trong quân đội Sô Viết. Người da vàng, dáng nhỏ con, bước xuống xe và đi về phía Boris. Boris hô to :

- Hoan hô Sô Viết.

Hô to như thế không phải là để làm hài lòng mấy người lính mà là hẳn muốn tự làm mình vui lòng, vì đã ngưỡng mộ và trung thành với Sô Viết. Hẳn muốn tìm ngôi sao đỏ trên nón sắt của người lính đang khám xét thử hẳn có mang vũ khí trong người không, trong lúc các người lính khác cầm

vũ khí sẵn sàng nhả đạn về phía hắn nếu cần. Ở cuối khu rừng vẫn vang rền tiếng nổ. Boris nói với người lính bằng tiếng Nga :

- Tôi rất sung sướng được trở về với quân đội Sô Viết.

Đôi mắt Boris sáng ngời khâm phục khi nhìn bộ quân phục đã chiến cùng vũ khí mà các người lính đang mang trên người. Người lính da vàng dùng lưỡi lê ra hiệu cho Boris dang xa ra, nhưng Boris vẫn la to:

- Hoan hô quân đội Sô Viết.

Dù những người lính trên xe không hiểu tí gì, nhưng hắn vẫn cảm thấy cần nói với họ đôi lời, và hắn khổ tâm khi thấy họ nhìn đi nơi khác mà không thèm nghe hắn.

- Hỡi các đồng chí, nếu các đồng chí biết là tôi đã chờ giây phút này từ bao lâu rồi, giây phút được trở về trong hàng ngũ Sô Viết...

Một người lính chăm chú nhìn Boris rồi bật cười và nói với hắn bằng tiếng Anh:

- Anh chờ cái gì mới được chứ?

- Đồng chí không nói tiếng Nga ư?

Boris hỏi thế vì cứ tưởng rằng Sô Viết cũng có nhiều quân đội Lê dương ở ngoại quốc.

Người lính vẫn cười to và ra hiệu cho Boris dang ra xa. Boris cứ nói :

- Tôi rất hạnh diện khi nhìn thấy quân đội Sô Viết như thế này. Người lính trên xe chỉ hiểu được có một tiếng Sô Viết thôi, và ông ta trả lời cho Boris bằng tiếng Đức:

- Không còn Sô Viết nào nữa, hết rồi, hết rồi. Không còn Sô Viết ở đây nữa.

Một người lính da ngăm đen hình như là góc Ý chỉ cho Boris cái huy hiệu trên ngực y có đề: «Liên minh thứ 9 của Lực lượng Đông Âu». Boris ngạc nhiên hỏi:

- Thế ra ông không phải là lính của quân đội Sô Viết?

Một người lính lại trả lời bằng tiếng Anh:

- Không còn Sô Viết nữa, không còn Nga Sô ở đây nữa. Bây giờ chỉ còn một thế giới thôi hiểu chưa?

Boris ngơ ngác nhìn các chiến xa, các bộ quân phục; nhìn các bộ mặt đang đối diện với hắn, bỗng mắt hắn nhìn đúng vào bức hình tên thống chế trường giả mà hắn định tâm ám sát độ nọ khắc trên bảng súng lục của một người lính. Dưới bức hình có đề «Chỉ huy trưởng».

Boris không muốn tin vào điều đã trông thấy. Vậy thì đây không phải là quân đội của Sô Viết? Vị chỉ huy trưởng lại là viên thống chế có nuôi con chó dạo nào ư? Boris đang ngơ ngác thì bị một mũi súng đẩy mạnh. Các người lính cả da vàng lẫn đen trắng đều nhìn hắn cười to và bảo hắn đi xa đi. Họ mang cùng một thứ huy hiệu nhưng không phải là huy hiệu Sô Viết, không phải là ngôi sao đỏ. Boris òa khóc và qua làn nước mắt, hắn trông thấy trên các chiến xa đều có giòng chữ «Made in U.S.A.» viết thật to.

Mũi súng vẫn đẩy hắn ra đằng sau và bây giờ qua làn nước mắt, Boris thấy mình đang đứng trong một trại giam bao quanh bằng một hàng rào kẽm gai.

LỐI THOÁT CUỐI CÙNG

Virgil Gheorghiu

www.dtv-ebook.com

Dịch Giả: Hằng Hà Sa Và Bích Ty

Kết:

rong khu rừng, những người bỏ trốn đang kinh hoàng vì cuộc tấn công kéo dài gần một tuần lễ. Chưa bao giờ người ta giết nhiều người như thế. Chưa bao giờ người ta dội bom nhiều như thế. Chưa bao giờ người ta tấn công khu rừng này bằng ngàn ấy lính tráng, vũ khí, thiết giáp và phi cơ.

Có tin đồn từ lâu là Sô Viết đã lùi chân và mọi người có thể bình yên trở về thị thành, làng mạc. Hồng quân đã lùi binh và người ta không còn trông thấy bóng dáng người Nga nữa. Nông dân đã dám phá ngục ở Molda vì người Nga đã rút quân. Nhưng đúng vào lúc mọi người tràn trề hy vọng là nếu không còn người Nga nữa, họ có thể trở về sinh sống trong căn nhà mà người Nga đã đuổi họ ra từ lâu, đúng vào lúc đó thì cuộc tấn công tàn nhẫn bắt đầu. Những kẻ tị nạn lại cứ tiếp tục chui rúc trong các rừng rậm, số phận của họ cũng chẳng cải thiện được chút nào.

Magdalena là người đẹp duy nhất trong rừng này, khu rừng mà từ một tuần nay con người bị cảnh sát săn đuổi như những con thú. Pillat say sưa nhìn đôi chân Magdalena. Người đàn bà bao giờ cũng là của đẹp trời cho, như bầu trời, như mặt trời. Người đàn bà soi sáng đời sống người đàn ông cho dù là trong bóng tối thâm cung nhất. Người đàn bà cũng giống như ánh trăng, đi đến đâu, bóng tối biến mất đến đó, người đàn bà làm cho mặt đất rạng rỡ thêm lên. Đôi chân Magdalena đang cử động nhanh, nàng đi mà như đang khiêu vũ, cả thân hình nàng như đang khiêu vũ với cây trong rừng. Nàng biến đi một hồi, rồi trở về òa khóc bên cạnh Pillat:

- Họ giết tướng cướp tay không rồi, rõ ràng tôi thấy tận mắt hấn chết, chết hấn rồi.

Và nàng nước nở khóc, vì sợ hãi.

- Ai chết?

- Người nông dân có tên là tướng cướp tay không đó. Tôi dẫm phải xác hắn. Đi với tôi đi, tôi sợ phải đến gần hắn một mình. Rất có thể hắn giả vờ chết cũng nên. Đi đi. Hắn dễ sợ ngay cả khi đã chết, đúng là đồ quý.

Magdalena làm dấu thánh giá. Pillat cầm tay nàng đi đến nơi tướng cướp đã chết. Trong thung lũng, trên mỏm đá, người nông dân nằm ngửa mặt lên trời, ống tiêu vẫn để trên ngực, chết trong đám cỏ hoa. Magdalena che mặt để đừng trông thấy cảnh tên cướp nằm sóng sượt trên mỏm đá. Cảnh sát Xô Viết đã không thể nào hạ nổi hắn ta dù họ đã từng gọi nhiều đội quân cảnh để đuổi bắt hắn, thế mà bây giờ hắn phải chết bởi cuộc săn đuổi của cảnh sát của khối Liên Quốc Gia. Magdalena che mắt chỉ:

- Đúng hắn đó.

Pillat bỗng đau đớn:

- Trời ơi hắn đây ư?

Và chàng quỳ xuống bên cạnh xác chết:

- Đúng là Ion Kostaky, cha của Marie đây rồi.

Ion Kostaky vẫn mặc bộ áo Gia Nã Đại. Pillat cầm lấy bàn tay lạnh lẽo đang nắm chặt ống tiêu để trên ngực. Chàng sững sờ nhìn chiếc nón theo lối Mỹ, quần dài theo kiểu Anh và đôi ủng nặng nề của Đức. Chàng sững sờ nhìn ống tiêu muôn đời gốc Lỗ ma ni. Chàng sững sờ nhìn miệng Ion dính đầy máu, lấy tay chùi hết máu nơi miệng. Chàng không quên vuốt đôi mắt đang mở rộng nhìn về phía đại đồng minh của người Nông dân: Trời. Kostaky vẫn hình như đang mỉm cười thỏa mãn vì đã chết bên cạnh Trời. Chàng sững sờ nhìn dây lưng gốc Xô Viết, nhìn bộ quần áo đủ mọi quốc

gia, ở khắp nơi mà Kostaky đã từng đổ máu lên đó, đã từng chết dần chết mòn, mọi quốc gia đều có giết Ion một phần, và Ion tượng trưng cho xứ Lỗ ma ni bất hạnh này. Chàng bảo:

- Thôi chôn cất ông ta đi.

Cả hai đào đất và đặt Kostaky nằm dài xuống hố. Ở trên đầu, họ cắm ống tiêu mà ông ta vẫn dùng để dạo khúc nhạc Doina.

Và cả hai đồng quỳ xuống bên mộ đục kinh: «Lạy Cha chúng tôi ở trên trời...»

Và họ bỏ đi. Magdalena thúc dục:

- Chúng ta lên trên cao kia đi. Trên đó không ai có thể đến được. Pillat bây giờ mới nói cho Magdalena hiểu:

- Ông ta không phải là một tướng cướp, dù luôn luôn bị các chính quyền săn đuổi, kể cả chính phủ Liên Minh.

Một chiếc trực thăng vừa khám phá ra Pillat và Magdalena. Họ trốn vào trong bụi rậm. Pillat bảo:

- Nên để tôi chết ở đây. Tại sao các tổ chức đó vẫn cố giết người. Cô nói cho tôi biết đi, Ion Kostaky cũng chỉ là một con Người. Tại sao họ lại bắn chết con Người?

Lính nhảy dù đang từ đỉnh núi tràn xuống. Pillat và Magdalena lại phải trốn vào một hố sâu. Bất ngờ họ vấp phải một xác chết đang chôn dở. Chắc là đồng bọn chưa kịp lấp đất. Xác chết mang áo dòng màu trắng. Magdalena cầu nguyện, trong lúc Pillat hỏi:

- Tại sao tu sĩ mà cũng bị giết?

- Vì tu sĩ trốn khỏi tu viện. Tu sĩ không có quyền ra khỏi tu viện nếu không sẽ bị xem như là đồ phản loạn. Mấy người mặc áo dòng trắng lưng đeo dây đai làm ruộng ở trên kia đều trốn khỏi Vatican.

Magdalena rút trong áo một mảnh giấy: đó là lệnh của Liên minh Đông Âu thứ 9, gọi cho các tu sĩ Thiên Chúa giáo bỏ trốn, yêu cầu họ trở về tu viện. Lệnh do một tướng Mỹ, chỉ huy trưởng tối cao của Lực lượng An ninh thế giới và viên thống chế các người Slaves miền Nam, lãnh tụ khối Liên minh Đông Âu thứ chín đồng ký tên. Pillat hỏi :

- Các tu sĩ đó bị tội gì đối với chính phủ Liên hiệp thế giới? Tại sao bắt họ, họ chỉ là những người rao truyền tình huynh đệ, tại sao lại giết họ? Họ có tội gì đối với Lực lượng «Một Thế giới»?

- Các tu sĩ này bị kết án là đã không nhìn nhận vị lãnh đạo của họ. Họ có kể cho tôi nghe là tại các quốc gia họ đã có kỹ luật tôn giáo sẵn. Khi hòa bình đã tái lập, Đức Thánh Cha được phong làm Bộ trưởng trong chính phủ Liên hiệp thế giới, nhưng ngài không chịu nhận và chết vì buồn phiền lo âu. Nên người ta đã đem đến từ bên kia đại dương một Đức Thánh Cha khác không biết tiếng La tinh để thay thế. Các tu sĩ ở Vatican thì chỉ biết tiếng La tinh thôi nên họ không hiểu nhau. Các vị đó không chống đối gì, nhưng họ bỏ đi vào khu rừng này, và cảnh sát cứ theo đuổi mãi, dù họ chỉ biết cầu kinh suốt ngày.

Một đợt máy bay xuất hiện trên trời, lính nhảy dù lại được thả xuống trên đỉnh núi. Magdalena lo sợ :

- Đúng là sắp tận thế rồi!

Nhìn đôi mắt đầy kinh hoàng của người thiếu nữ, bất giác Pillat nhớ đến một câu văn của Martin Luther nói về tận thế nhưng vẫn thanh thản như lời nói của Magdalena. Pillat nói bằng tiếng Đức «Und wenn morgen

Weltuntergang ware, ich werde am heutigen Tage doch Apfelbaume pflanzen».

Magdalena lo lắng:

- Họ bắt đó, làm sao bây giờ?

- Cứ làm như con người vẫn thường làm... «und wenn morgen Weltuntergang ware...».

Đạn réo trong các bụi cây trên đầu họ, Magdalena áp má xuống đất, thầm hỏi:

- Ông nói gì thế?

Pillat dịch ra:

- Ngày tận thế có đến trong ngày mai chẳng nữa, hôm nay tôi vẫn trông táo như thường...

Một tràng súng làm Pillat im tiếng và Magdalena cũng hết nghe. Trong lúc máy phóng thanh trên một chiếc phi cơ vẫn loan tin khí tượng cho binh lính của chính phủ Liên hiệp thế giới, âm thanh vang lên trong thung lũng:

«Trời vẫn đẹp, trời vẫn đẹp»

HẾT